

ISUZU

Trucks for life

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM



695 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, Tp. HCM



(84-28)3 895 9203



/IsuzuVietnamCompany



www.isuzu-vietnam.com

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO DƯỠNG

ISUZU

GREENPOWER



E4ST.NSERIES-042022

Tìm hiểu thêm xe tải N-series



Truy cập vào website Isuzu

NQR NPR

Những Biểu Tượng Sử Dụng Trong Tài Liệu



NGUY HIỂM

Không thực hiện theo những chỉ dẫn có biểu tượng này sẽ dẫn đến chết người hoặc gây thương tích cho bạn và hành khách.



CẢNH BÁO

Không thực hiện theo những chỉ dẫn này sẽ gây ra hoả hoạn hoặc thương tích cho bạn và hành khách.



CHÚ Ý

Không thực hiện theo những chỉ dẫn có biểu tượng này sẽ dẫn đến thương tích hoặc gây tai nạn.



KHUYẾN CÁO

Không thực hiện theo những chỉ dẫn có biểu tượng này sẽ gây ra lỗi hoặc hư hỏng cho xe của bạn.



LƯU Ý

Chỉ dẫn này cho biết đây là những thông tin quan trọng.

Đây là những thông tin quan trọng mà người sử dụng xe cần nắm rõ để vận hành xe.

Những ký hiệu được sử dụng trong tài liệu.

- ☐ V : Những trang thiết bị này có thể được trang bị tùy theo thị trường
- ☐ MT : Xe trang bị hộp số MT
- ☐ SA : Xe trang bị hộp số bán tự động
- ☐ HB : Xe trang bị hệ thống phanh thủy lực
- ☐ FAB : Xe trang bị hệ thống phanh hơi toàn phần

Các từ viết tắt

Sổ tay hướng dẫn sử dụng xe có sử dụng nhiều từ viết tắt với ý nghĩa như sau:

Từ viết tắt	Ý nghĩa
ABS	Hệ thống chống bó cứng phanh
ASR	Hệ thống chống trượt
ASTM	Hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ
BS	Tiêu chuẩn Anh
DIN	Tiêu chuẩn kỹ nghệ Đức
EBD	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử
EGR	Van tuần hoàn khí xả
ELR	Hệ thống khóa đai an toàn khẩn cấp
FAME	Hợp chất Axit Methyl Esters
FMVSS	Tiêu chuẩn liên bang về độ an toàn xe
GVM	Tổng trọng tải
HBB	Trợ lực phanh thủy lực
JASO	Tổ chức tiêu chuẩn ô tô Nhật Bản
JIS	Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản
LLC	Môi chất nước làm mát
LSPV	Hệ thống phân phối lực phanh theo tải trọng
PTO	Bộ trích công suất
vòng/phút	Vòng/phút
SAE	Hiệp hội kỹ sư ô tô Hoa Kỳ
SVS	Nhắc nhở bảo dưỡng xe
VIN	Số khung xe
2WD	Hai bánh dẫn động
4WD	Bốn bánh dẫn động

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ TÌM KIẾM

0

• SỬ DỤNG SỔ TAY HƯỚNG DẪN	0-2
• TÌM KIẾM CHỦ ĐỀ CỤ THỂ	0-3
• MÔ TẢ CHƯƠNG	0-5
• HÌNH ẢNH CHI TIẾT	0-6
• ĐÈN CẢNH BÁO VÀ CHỈ BÁO	0-18
• NHÃN CHÚ Ý VÀ CẢNH BÁO	0-21

Các tiêu đề chương/phần

Những tiêu đề này dùng để nắm bắt các nội dung chính

Bảng chỉ mục chương

Sử dụng để tìm nhanh các chương cần tìm

	THÔNG TIN QUAN TRỌNG	2-15
	Trẻ em trên xe	
	Sử Dụng Dây Đai An Toàn Cho Trẻ Em	
	CẢNH BÁO	
	- Đai an toàn của xe được thiết kế cho người lớn. Nếu đai an toàn chạm vào cổ hoặc cắm trẻ hoặc không ngang qua xương hông của trẻ thì hãy sử dụng ghế an toàn trẻ em (CRS) phù hợp với chiều cao và cân nặng của trẻ. Nếu sử dụng đai an toàn không phù hợp, nó có thể tác động một lực mạnh lên vùng bụng của trẻ trong trường hợp va chạm. Đặt trẻ nhỏ không thể tự ngồi được vào ghế an toàn dành cho trẻ em. - Không được đặt ghế dành cho trẻ nhỏ vào ghế chính giữa, như vậy sẽ làm cản trở tầm nhìn khi lái xe.	
	LƯU Ý	
	- Việc lựa chọn loại ghế phù hợp để đặt vào xe đúng cách phụ thuộc vào chiều cao và cân nặng của trẻ. Không có thể lựa chọn loại ghế vừa vặn với trẻ dựa vào hình dáng. Phải đảm bảo ghế phải phù hợp với xe. * Tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất để chọn loại ghế phù hợp.	
	Dây đai an toàn → Tham khảo trang 3-20	
	Không để trẻ một mình trên xe	
	CẢNH BÁO	
	Khi bạn rời xe, hãy dẫn trẻ đi cùng. Nếu bạn để trẻ một mình trong xe, trẻ có thể nghịch, làm xe di chuyển, hoặc gây ra các tai nạn khác. Bên cạnh đó, bên trong buồng lái có thể trở nên rất nóng dưới ánh nắng mặt trời	

 NGUY HIỂM

 CẢNH BÁO

 KHUYẾN CÁO

 CHÚ Ý

 LƯU Ý

Tham khảo trang

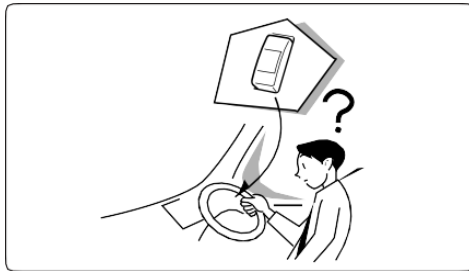
Tham khảo các trang như hướng dẫn, nếu bạn muốn biết nội dung chi tiết liên quan đến chủ đề này

Biểu tượng

Xem trang trước để nắm rõ ý nghĩa các biểu tượng này.

**Sử dụng chương/tiêu đề làm từ khóa****➡ Trang 0-5**

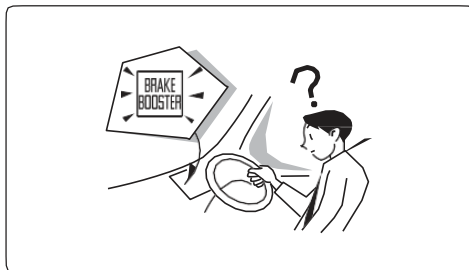
Tìm các trang mô tả chủ đề cụ thể bằng bảng nội dung tổng quan theo các TIÊU ĐỀ CHƯƠNG, MỤC CHƯƠNG và /hoặc BẢNG NỘI DUNG ở trang đầu của từng chương.

**Sử dụng hình ảnh các chi tiết trên xe****➡ Trang 0-6 to 0-17**

Nếu bạn không biết tên các công tắc hoặc thiết bị mà bạn đang tìm, tìm đến trang mô tả nội dung đó bằng cách sử dụng sử dụng hình ảnh liệt kê các chi tiết trên xe.

**Sử dụng tên thiết bị làm từ khóa****➡ Trang 10 -1 to 10-****4**

Nếu bạn không biết tên các công tắc hoặc thiết bị mà bạn cần biết thông tin, tìm đến trang mô tả bằng cách sử dụng mục lục ở cuối tài liệu hướng dẫn này.

**Đèn cảnh báo/chỉ báo****➡ Trang 0-18 to 0-20**

Nếu đèn cảnh báo hoặc đèn chỉ báo sáng, bạn có thể sử dụng mục: ĐÈN CẢNH BÁO/CHỈ BÁO để thông tin về các đèn báo.

**Khi xe gặp sự cố****➡ Trang 8-2 to 8-95**

Tham khảo phần CÁC TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP để tìm biện pháp khắc phục.

0-4



HÌNH ẢNH CHI TIẾT 0-6**THÔNG TIN XE 1****THÔNG TIN QUAN TRỌNG..... 2**

Mô tả những gì bạn cần biết trước khi vận hành xe một cách an toàn và êm ái.

CỬA, CỬA SỔ VÀ GHẾ NGỒI 3

Trình bày cách đóng mở cửa, cửa sổ và nắp thùng nhiên liệu.

Giải thích cách điều khiển các kính, ghế ngồi và cách thắt dây đai an toàn đúng cách.

BẢNG TÁP-LÔ VÀ ĐIỀU KHIỂN 4

Trình bày cách khởi động và dừng động cơ. Mô tả các điều khiển và thiết bị.

TIỆN NGHI VÀ TIỆN ÍCH 5

Gồm thông tin về hệ thống điều hòa và các tính năng tiện ích khác.

LÁI XE AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH6

Mô tả những điều bạn cần phải biết để vận hành xe an toàn và ổn định trong các điều kiện thời tiết khác nhau.

KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG..... 7

Mô tả việc kiểm tra hàng ngày và định kỳ; thông tin chăm sóc, bảo dưỡng xe, giữ xe bạn trong điều kiện tốt nhất.

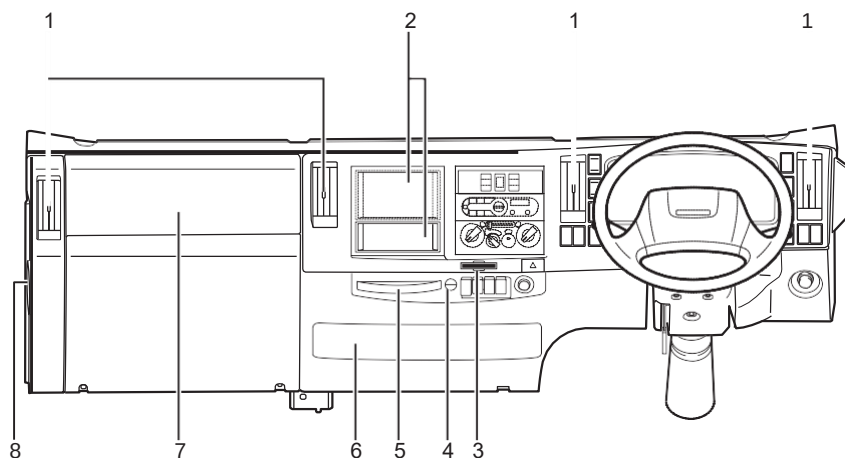
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP..... 8

Liệt kê các trường hợp khẩn cấp có thể xảy ra và hướng dẫn các biện pháp xử lý.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT..... 9**MỤC LỤC 10**

NỘI THẤT

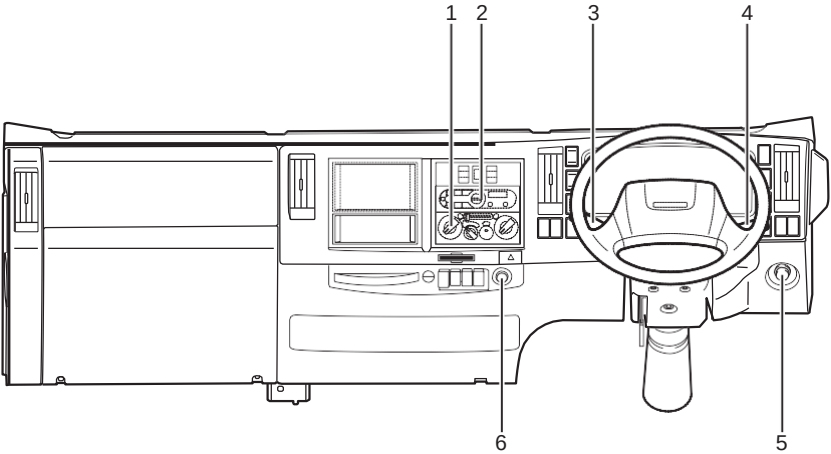
Tay lái bên phải



Stt	Thiết bị	Trang
1	Núm điều chỉnh hướng gió	5-3
2	Hộc chứa đồ	5-21
3	Hộc giữ card	5-21
4	Móc treo	5-28

Stt	Thiết bị	Trang
5	☐ Khay giữ ly	5-26
6	Hộp role	8-53
7	☐ Ngăn chứa đồ	5-22 5-23
8	Bình chứa nước rửa kính	7-176

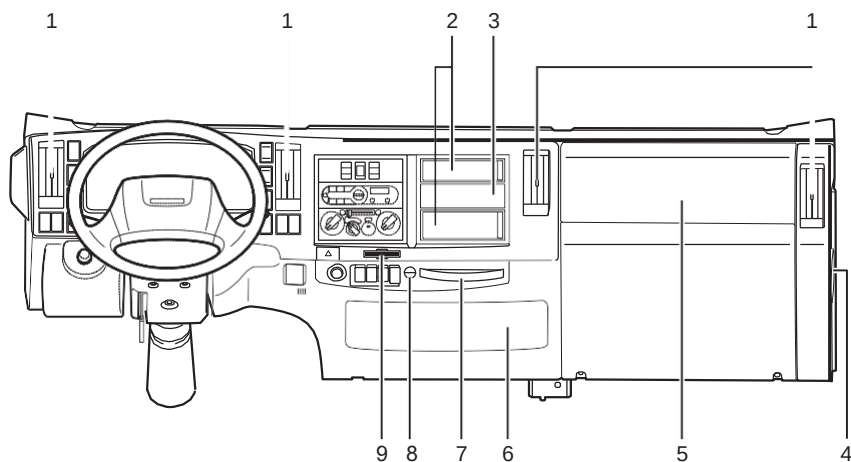
Tay lái bên phải



Stt	Thiết bị	Trang
1	☐ Nút chỉnh hướng gió	5-4
	☐ Bật tắt máy lạnh	5-6
2	☐ AM/FM radio	5-33
	☐ Đầu đĩa DVD	5-42
	☐ Đầu đĩa DVD/USB	5-54

Stt	Thiết bị	Trang
3	Phanh khí xả	4-52
	Công tắc phun nước rửa kính và gạt nước	4-54
4	Công tắc tổ hợp	4-47
5	Nút điều chỉnh tốc độ cảm chừng	4-44
6	☐ Nút mùi thuốc	5-16
	☐ Nguồn điện ra cho phụ kiện (24V)	5-18

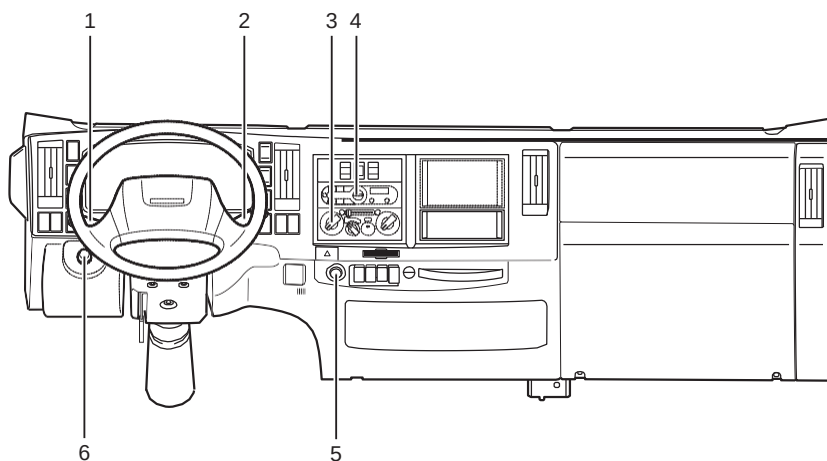
Tay lái bên trái



Stt	Thiết bị	Trang
1	Núm điều chỉnh hướng gió	5-3
2	Ngăn chứa đồ	5-21
3	☐ Màn hình tachograph	4-13
4	Bình chứa nước rửa kính	7-176
5	☐ Túi khí ghế hành khách khác	4-131
	☐ Hộp chứa đồ	5-22 5-23

Stt	Thiết bị	Trang
6	Hộp rơle	8-53
7	☐ Giá giữ ly	5-26
8	Móc treo	5-28
9	Hộp chứa card	5-21

Tay lái bên trái

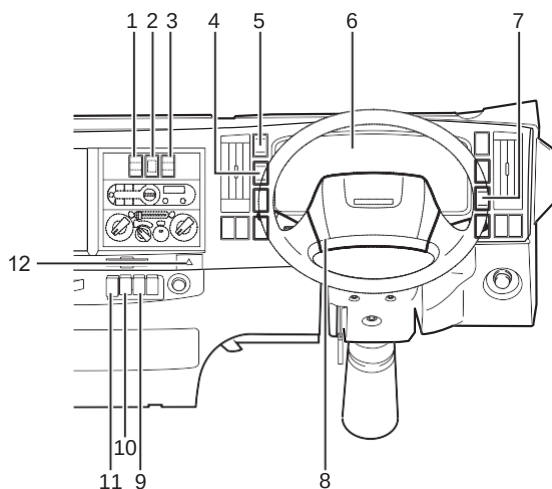


Stt	Thiết bị	Trang
1	Công tắc tổ hợp điều khiển đèn	4-47
2	☐ Công tắc phanh khí xả	4-52
	Công tắc gạt nước và rửa kính	4-54
3	☐ Chỉnh hướng gió	5-4
	☐ Bật tắt máy lạnh	5-6

Stt	Thiết bị	Trang
4	☐ AM/FM radio	5-33
	☐ Đầu DVD	5-42
	☐ Đầu DVD/USB	5-54
5	☐ Nút mùi thuốc	5-16
	☐ Nguồn ra (24V)	5-18
6	Nút chỉnh tốc độ cảm chừng	4-44

Tay lái bên phải

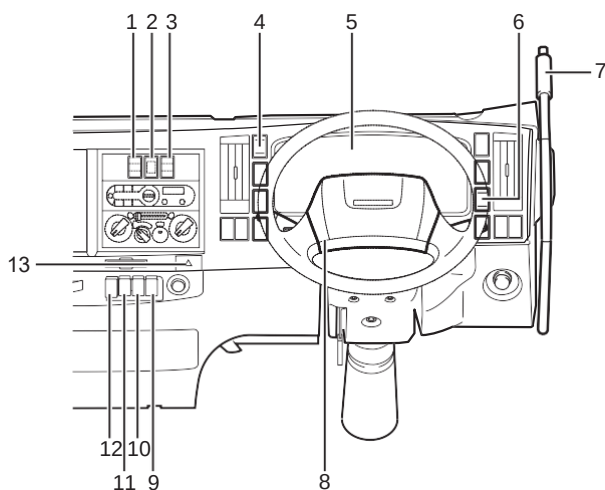
Xe không trang bị bộ trích công suất (PTO)



Stt	Thiết bị	Trang
1	☐ Công tắc kính bên trái	3-11
2	☐ Công tắc khóa kính sau	3-11
3	☐ Công tắc kính sau phải	3-11
4	☐ Công tắc gài cầu	4-99
5	☐ ASR OFF	4-92
	☐ Công tắc 4WD	4-97
6	Các đèn chỉ báo và cảnh báo	4-10 4-18
7	☐ Công tắc đèn sương mù	4-50

Stt	Thiết bị	Trang
8	☐ Túi khí tài xế	4-131
	Nút còi	4-56
9	☐ Công tắc chỉnh hộp số bán tự động	4-80
	☐ Nguồn USB	5-19
10	☐ Công tắc khẩn cấp – hộp số bán tự động	4-81
11	☐ Nguồn USB	5-19
12	Công tắc đèn báo nguy	4-51

Xe trang bị bộ trích công suất (PTO)

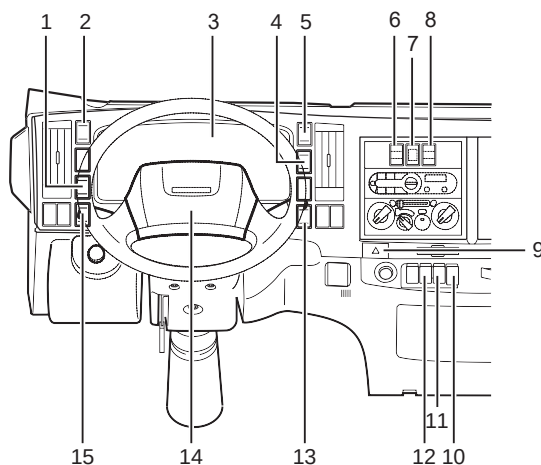


Stt	Thiết bị	Trang
1	☐ Công tắc kính sau trái	3-11
2	☐ Công tắc khóa kính sau	3-11
3	☐ Công tắc kính sau phải	3-11
4	☐ Công tắc ASR OFF	4-92
5	Các đèn chỉ báo và cảnh báo	4-10 4-18
6	☐ Công tắc đèn sương mù	4-50
7	☐ Cần điều khiển PTO	4-102 4-105
8	☐ Túi khí tài xế	4-131
	Nút còi	4-56

Stt	Thiết bị	Trang
9	☐ Công tắc PTO	4-102 4-108
10	☐ Công tắc chỉnh hộp số bán tự động	4-80
	☐ Nguồn USB	5-19
11	☐ Công tắc khẩn cấp – hộp số bán tự động	4-81
12	☐ Nguồn USB	5-19
13	Công tắc đèn báo nguy	4-51

Tay lái bên trái

Xe không trang bị bộ trích công suất (PTO)



Stt	Thiết bị	Trang
1	☐ Công tắc đèn sương mù	4-50
2	☐ Công tắc ASR OFF	4-92
3	Các đèn chỉ báo và cảnh báo	4-10 4-18
4	☐ Công tắc làm nóng máy	4-46
	☐ Công tắc gài cầu	4-99
5	☐ Công tắc ASR OFF	4-92
	☐ Công tắc 4WD	4-97
6	☐ Công tắc kính sau trái	3-11
7	☐ Công tắc khóa kính sau	3-11
8	☐ Công tắc kính sau phải	3-11

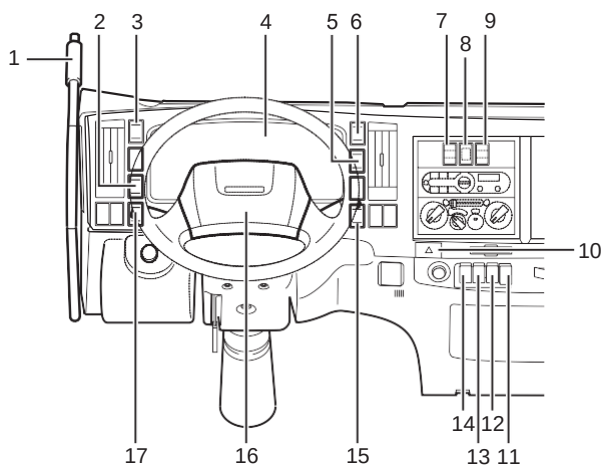
Stt	Thiết bị	Trang
9	Công tắc đèn báo nguy	4-51
10	☐ Nguồn USB	5-19
	☐ ☐ SA Công tắc khẩn cấp – hộp số bán tự động	4-81
11	☐ ☐ SA Công tắc báo nguy–hộp số bán tự động	4-81
	☐ ☐ SA Công tắc chỉnh hộp số bán tự động	4-80
12	☐ ☐ SA Công tắc chỉnh hộp số bán tự động	4-80
	☐ Nguồn USB	5-19

Stt	Thiết bị	Trang
13	Công tắc DPD	4-120
14	☐ Túi khí tài xế	4-131
	Nút còi	4-56

Stt	Thiết bị	Trang
15	Núm chỉnh hướng chiếu đèn xe	4-50



Xe trang bị bộ trích công suất (PTO)



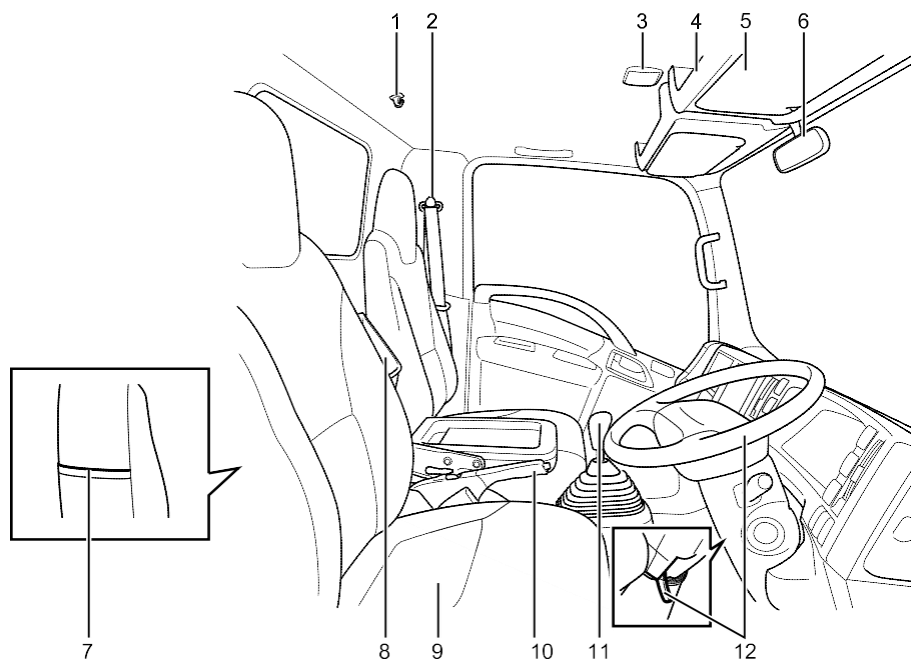
Stt	Thiết bị	Trang
1	☐ Cần chỉnh PTO	4-102 4-105
2	☐ Công tắc đèn sương mù	4-50
3	☐ Công tắc ASR OFF	4-92
4	Các đèn cảnh báo và chỉ báo	4-10 4-18
5	Công tắc làm nóng máy	4-46
	☐ Công tắc giải cầu	4-99

Stt	Thiết bị	Trang
10	Công tắc đèn báo nguy	4-51
11	☐ Nguồn USB	5-19
	☐ ☐ SA Công tắc khẩn cấp - hộp số bán tự động	4-81
12	☐ ☐ SA Công tắc báo nguy- hộp số bán tự động	4-81
	☐ ☐ SA Công tắc chỉnh hộp số bán tự động	4-80

Stt	Thiết bị	Trang
15	Công tắc DPD	4-120
16	☐ Túi khí tài xế	4-131
	Nút còi	4-56

Stt	Thiết bị	Trang
17	Núm chỉnh hướng chiếu đèn xe	4-50

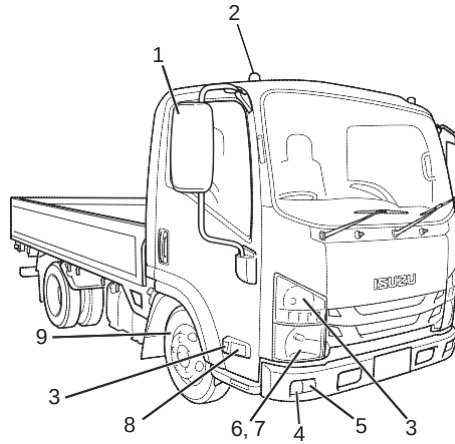




Stt	Thiết bị	Trang
1	☒ Móc treo áo	5-28
2	☒ Dây đai an toàn	3-26
3	Đèn trần	5-14
4	☒ Hộc chứa	5-25
5	☒ Tầm che nắng	5-15
6	☒ Gương soi	3-24
7	Túi chứa đồ (ghế tài xế)	5-26

Stt	Thiết bị	Trang
8	Ngăn chứa đồ phía sau	5-27
9	Ghế ngồi	3-17
10	Cần phanh tay	4-59
11	Cần chuyển số	4-63
12	Tay lái/vô lăng	3-23

Ngoại thất



Stt	Thiết bị	Trang
1	Kính chiếu hậu	3-25
2	☒ Đèn nóc xe	8-34
3	Đèn báo rẽ	8-34
4	☒ Đèn sương mù	8-34

Stt	Thiết bị	Trang
5	Đèn ban ngày (đèn daylight)	8-34
6	Đèn kích thước	8-34
7	Đèn chiếu sáng	8-34
8	☒ Đèn góc	8-34
9	Bánh xe	7-113

0-18 ĐÈN CẢNH BÁO VÀ CHỈ BÁO

Đèn cảnh báo và chỉ báo

Bảng táp-lô

Đèn cảnh báo

Tên	Kí hiệu	Màu	Trang
☒ Đèn báo kiểm tra động cơ		Cam	4-29
Đèn cảnh báo áp suất nhớt động cơ		Đỏ	4-26
☒ Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ		Đỏ	4-27
☒ Đèn báo đang nâng cabin		Đỏ	4-35
☒ Đèn cảnh báo hệ thống ABS		Cam	4-25
☒ Đèn cảnh báo hệ thống túi khí		Đỏ	4-20
Đèn cảnh báo máy phát điện		Đỏ	4-28
☒ Đèn báo lỗi hộp số bán tự động		Cam	4-33
Đèn cảnh báo bộ tách nước		Đỏ	4-31
☒ Đèn cảnh báo hệ thống hơi		Đỏ	4-22
☒ Đèn cảnh báo hệ thống phanh		Đỏ	4-21
Đèn cảnh báo phanh tay		Đỏ	4-36
☒ Đèn cảnh báo trợ lực phanh		Đỏ	4-23

Tên	Kí hiệu	Màu	Trang
Đèn cảnh báo chưa cài dây đai an toàn		Đỏ	4-20
Đèn cảnh báo nước làm mát		Đỏ	4-32

Đèn chỉ báo

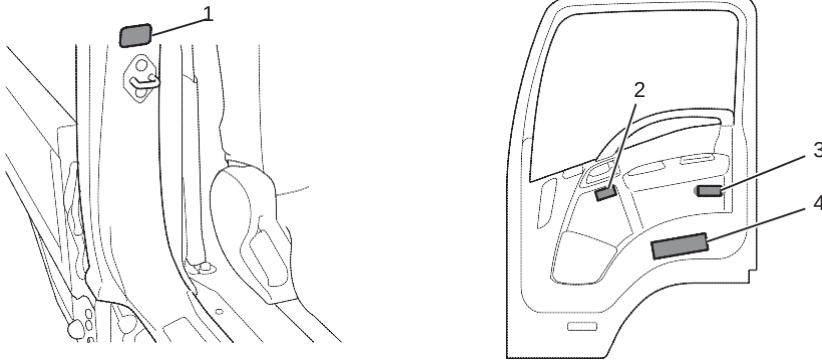
Tên	Kí hiệu	Màu	Trang
☐ Đèn báo đang làm nóng động cơ		Cam	4-37
☐ Đèn báo xông máy		Cam	4-37
Đèn chỉ báo chế độ đèn pha		Xanh dương	4-35
☐ Đèn chỉ báo chế độ ASR		Xanh lục/Cam	4-37
☐ Đèn chỉ báo phanh khí xả		Xanh lục	4-36
☐ Đèn báo chế độ 4WD		Xanh lục	4-38
☐ Đèn báo chế độ ECONO		Xanh lục	4-38
☐ Đèn báo chế độ khởi động sơ khởi		Xanh lục	4-38
☐ Đèn báo chế độ LOW		Xanh lục	4-34
Đèn báo rẽ trái và đèn báo nguy		Xanh lục	4-35
Đèn báo rẽ phải và đèn báo nguy		Xanh lục	4-35

Tên	Kí hiệu	Màu	Trang
☒ Đèn báo bật đèn sương mù sau		Cam	4-36
☒ Đèn nhắc bảo dưỡng xe		Cam	4-30
☒ Đèn chỉ báo chế độ tự động xử lý khí thải bộ DPD.		Xanh lục	4-39
☒ Đèn chỉ báo chế độ xử lý thủ công bộ DPD		Cam	4-39
☒ Đèn báo bộ PTO		Đỏ	4-38
Đèn báo mức nhiên liệu thấp	 Low fuel warning light	Cam	4-34

NHÃN CẢNH BÁO VÀ CHÚ Ý

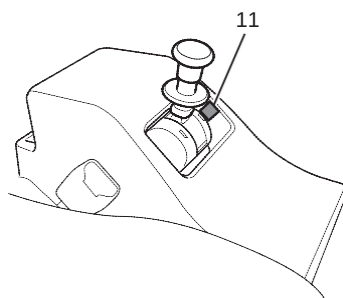
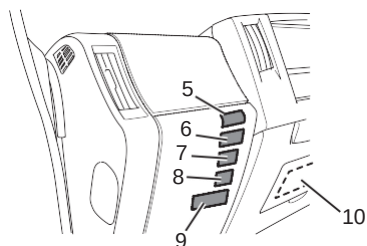
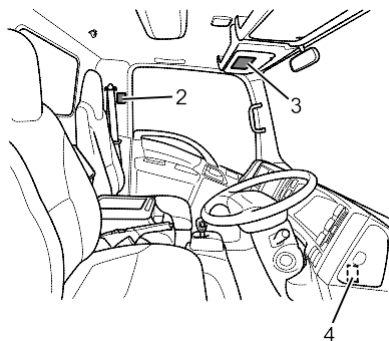
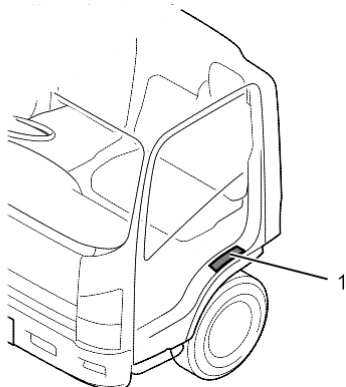
- Nhãn chú ý/cảnh báo trong xe của bạn hiển thị những hướng dẫn và thông tin rất quan trọng mà bạn cần tuân thủ để đảm bảo sử dụng xe an toàn và hiệu quả. Hãy đọc chúng trước khi sử dụng xe.
- Nếu bất kỳ một trong những nhãn này bị bong tróc hoặc không thể đọc được do mòn hoặc trầy xước, vui lòng liên hệ đại lý Isuzu để thay thế.
- Một số ví dụ nhãn chú ý/cảnh báo được diễn giải tại các trang bên dưới. Ngoài ra, nội dung của những nhãn này có thể khác nhau trên từng đời xe.
- Nhãn chú ý/cảnh báo có thể được bố trí ở các vị trí khác nhau trên xe.

Nhãn cảnh báo và chú ý – Bên trong cabin xe



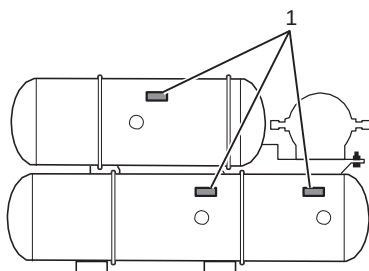
Stt	Nội dung
1	☒ Áp suất lốp tiêu chuẩn
2	☒ Điều khiển PTO
	☒ Lưu ý
3	☒ Thiết bị hạn chế tốc độ
4	☒ LSPV

0-22 NHÃN CẢNH BÁO VÀ CHÚ Ý



Stt	Nội dung
1	☒ Hướng dẫn nâng cabin
2	Kiểm tra động cơ định kỳ
3	☒ Túi khí tài xế
4	☒ Dầu phanh
5	☒ Phanh khi đỗ xe
6	☒ Chuyển chế độ 4WD - 2WD
7	☒ Bánh xe
8	☒ Lưu ý bôi trơn
9	☒ Kiểm tra động cơ
10	Hộp cầu chì
11	☒ Khóa cứng bánh xe

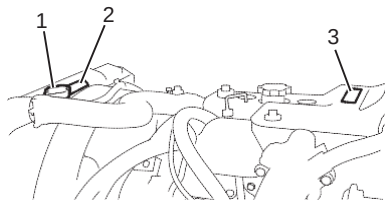
Nhãn Cảnh Báo – Phía Ngoài Xe



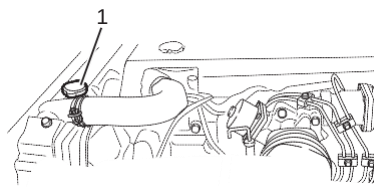
Stt	Nội dung
1	☐ v Bình chứa khí nén

Nhãn Cảnh Báo Và Chú Ý – Khu Vực Động Cơ

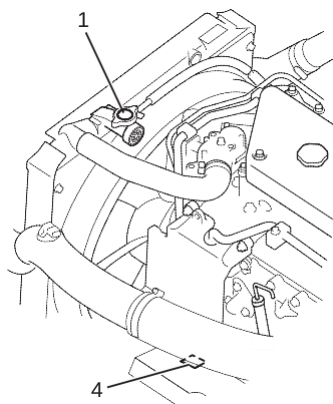
Động cơ 4JB1/4JH1



Động cơ 4HG1

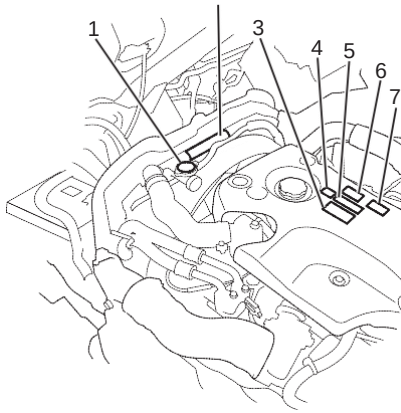


Động cơ 4HK1/4HL1

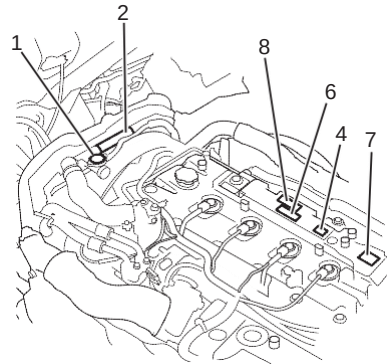


Stt	Nội dung
1	Nắp két nước
2	☐ Nước làm mát
3	☐ Thay nhớt máy
4	☐ Hộp điều khiển động cơ

Động cơ 4JJ1 có nắp che

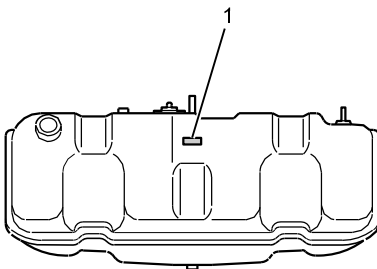


Động cơ 4JJ1 không có nắp che



Stt	Nội dung
1	Nắp két nước làm mát
2	☐ Nước làm mát
3	Nhớt động cơ
4	☐ Khí xả
5	Lọc nhiên liệu
6	☐ Tiêu chuẩn khí thải
7	☐ Kiểm tra nhớt động cơ
8	Số kiểm tra – tiêu chuẩn khí thải

Nhãn Cảnh Báo Và Chú Ý – Thùng Nhiên Liệu



Stt	Nội dung
1	☐ Nhiên liệu diesel

0-26

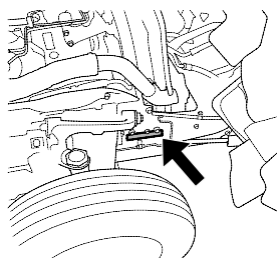
NHÃN CẢNH BÁO VÀ CHÚ Ý



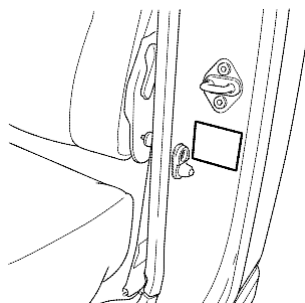
• Số Khung (VIN) và Số Máy	1-2
----------------------------	-----

Số Khung (VIN) và Số Máy

Số khung và số máy cần thiết cho việc đăng ký xe với cơ quan nhà nước. Hãy cung cấp cho đại lý Isuzu những số này khi bạn sửa chữa hoặc đặt mua phụ tùng thay thế tại đại lý Isuzu, để việc bảo dưỡng/ sửa chữa trở nên nhanh chóng.

Số Khung (VIN)**Số VIN trên khung xe****Tấm ID**

Phía trước



Số khung được đóng phía trước, bên phải khung xe..

Bảng ID nằm ở góc dưới bên cửa trái. Chứa thông tin số VIN và các mã tùy chọn.

**KHUYẾN CÁO**

Vị trí bảng ID có thể khác nhau tùy theo thị trường. Để có thông tin chính xác, vui lòng liên hệ với các đại lý Isuzu.

Số khung chứa nhiều thông tin bao gồm loại xe và loại động cơ như hình bên dưới.

**KHUYẾN CÁO**

- Có 2 định dạng số VIN tùy theo từng thị trường. Để hiểu rõ được ý nghĩa số VIN trên xe mình, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được tư vấn

Dạng 1 (Ví dụ)

J A A N L R 5 5 E L 7 1 0 0 0 0 1

1 2 3 4 5 6

Stt	Nội dung
1	Nhà máy sản xuất
2	Mã sản phẩm NLR : 4 × 2 xe tải NLR NMR: 4 × 2 xe tải NMR NPR : 4 × 2 xe tải NPR N1R : 4 × 2 xe tải NQR NPS : 4 × 4 xe tải NPS
3	Mã động cơ 55: Động cơ 4JB1 71: Động cơ 4HG1 75: Động cơ 4HK1 không có máy nén lạnh 77: Động cơ 4JH1 81: Động cơ 4HL1 85: Động cơ 4JJ1 90: Động cơ 4HK1 có máy nén lạnh

Stt	Nội dung
4	Mã chiều dài cơ sở
5	Năm sản xuất L: 2020 M: 2021 N: 2022
6	Số thứ tự sản xuất

1-4

THÔNG TIN XE

Dạng 2 (ví dụ)

J A A J P 1 4 K * L 7 R 0 0 0 0 1

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

Stt	Nội dung	Stt	Nội dung
1	Nhà máy sản xuất	6	Mã động cơ K: Động cơ 4JH1 T: Động cơ 4JJ1 5: Động cơ 4HK1-TCN
2	(GVW) và hệ thống phanh	7	Số kiểm tra
3	Mã khung xe P: 4 × 2 (NLR/NMR/NPR/NQR) R: 4 × 4 (NPS)	8	Năm sản xuất L: 2020 M: 2021
4	Mã sản phẩm 1: NLR 2: NMR 3: NPR/NPS 4: NQR	9	Mã nhà máy sản xuất
5	Dạng cabin 3: Cabin đôi 4: Cabin đơn	10	Model sản phẩm H: NLR K: NMR P: NPR/NPS/QR
		11	Số thứ tự sản xuất

Mã Tùy Chọn

Bảng ID cũng hiển thị các mã tùy chọn. Các mã này gồm mã ba số, mã kiểu chữ số, mỗi mã tương ứng với các tính năng trang bị trên xe.

Đại lý Isuzu có thể đọc hiểu những mã này để nhận biết loại động cơ, hộp số hoặc các bộ phận khác khi xe vào kiểm tra và bảo dưỡng.

Mã	Động cơ
RDQ	4HK1-TCN
RJS	4HK1-TCS
RLF	4JB1
RDM	4JH1-TC
RDU	4JJ1
RJH	4HG1
RDK	4HL1-TCS

Mã	Hộp số
R45	MSB5S
RM5	MSB5M
Y6W	MSB5K
RNV	MY5M
RSF	MZZ6U
RSM	MY5T
RSR	MZZ6F
RST	MY6S
Y5X	MY6E

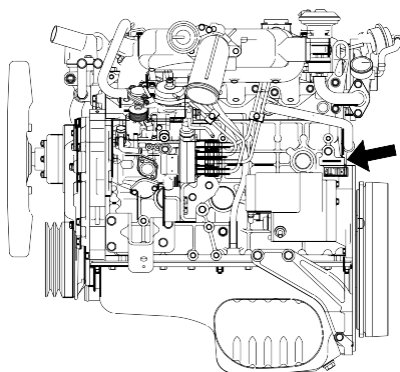
Mã	Hệ thống phanh
Z06	Phanh hơi toàn phần

Mã	Cầu sau
R39	φ244 mm
G73	φ292 mm
6CP	φ320 mm

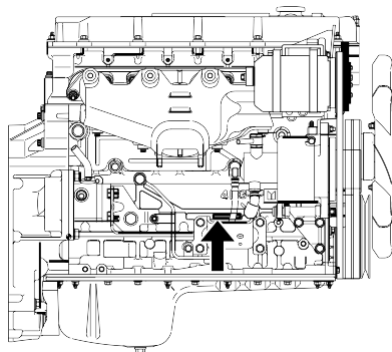
Mã	Thiết bị
8UE	Máy phát điện 12V-60A
TLZ	Máy phát điện 24V-50A
8UF	Máy phát điện 24V-60A
8UG	Máy phát điện 24V-80A
NFU	Máy phát điện 24V-90A
8GF	Hộp số bán tự động
8GJ	Không có hộp số bán tự động
6WC	PTO với cần điều khiển
7GR	PTO với công tắc điều khiển
8JM	DPD
6MZ	Bộ catalytic PM catalytic
NT1	Model đạt tiêu chuẩn khí thải Euro I
NT2	Model đạt tiêu chuẩn khí thải Euro II
NT3	Model đạt tiêu chuẩn khí thải Euro III
NT4	Model đạt tiêu chuẩn khí thải Euro IV
NT5	Model đạt tiêu chuẩn khí thải Euro V

**KHUYẾN CÁO**

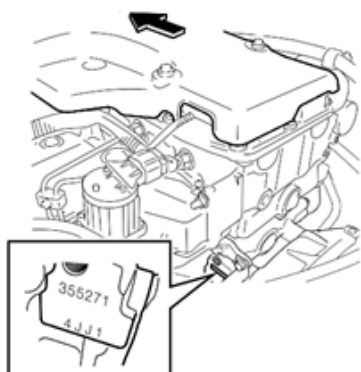
- Mã tùy chọn sẽ khác nhau ở các thị trường. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ các đại lý Isuzu.

Số Máy**Động cơ 4JB1/4JH1**

Số máy được đóng ở bên trái phải sau thân động cơ.

Động cơ 4HK1/4HG1/4HL1

Số máy được đóng ở bên phải phía trước thân động cơ.

Động cơ 4JJ1

Số máy được đóng ở bên trái phải sau thân động cơ.

• Trước Khi Lái Xe	2-2
• Trẻ Em Trên Xe	2-16
• Lái Xe	2-18
• Hộp Số Bán Tự Động ☐	2-30
• Bốn Bánh Chủ Động 4WD ☐	2-33
• Dừng Và Đỗ Xe	2-38
• An Toàn	2-45
• Ngăn Ngừa Hỏng Hóc	2-49
• Khi Nào Cần Đến Đại Lý Isuzu	2-51
• Turbo Tăng Áp ☐	2-54
• Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD) ☐	2-55
• Bộ Lọc Và Xử Lý Khí Thải ☐	2-59
• Hệ Thống Hạn Chế Tốc Độ ☐	2-62
• Dây Đai An Toàn Và Túi Khí	2-62
• Dữ Liệu Hoạt Động Của Xe	2-66

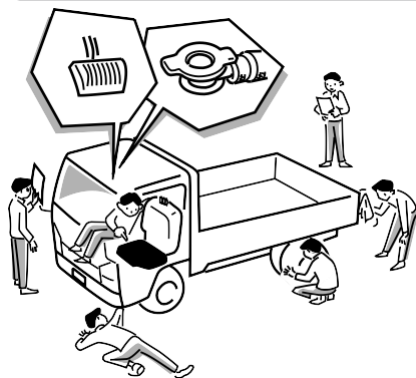
Nội dung chương này mô tả những gì bạn cần biết trước khi vận hành xe.

Hãy đọc kỹ trước khi lái xe.

Trước Khi Lái Xe

Chăm sóc và lái xe đúng cách không chỉ kéo dài tuổi thọ xe của bạn mà còn tiết kiệm nhiên liệu. Hãy lái xe cẩn thận và an toàn.

Kiểm tra hàng ngày (trước khi lái xe)



KHUYẾN CÁO

- Để lái an toàn và thoải mái, ghi nhận các khoảng cách chạy và tình trạng của xe trong quá trình vận hành. Hãy bảo dưỡng xe đúng theo quy định. Nếu kiểm tra phát hiện thấy có bất thường, hãy đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra và sửa chữa trước khi lái xe trở lại.

[1. Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong quá trình vận hành]

Mục kiểm tra	Tham khảo
Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần chạy trước	7-20

[2. Kiểm tra khi nâng cabin]

Mục kiểm tra	Tham khảo
Độ chùng và hư hỏng dây đai quạt động cơ	7-53
Mức nhớt động cơ	7-25
Mức nước làm mát động cơ và rò lỏng nắp két nước	7-165

[3. Kiểm tra khu vực ghế tài xế]

Hạng mục	Tham khảo
Mức dầu phanh (Đối với hộp số thường, dầu phanh gấp đôi mức dầu ly hợp) ☐ HB	7-92 (7-141)
Hành trình tự do bàn đạp phanh	7-102
Âm thanh của khí nén tại phanh ☐ FAB	7-103
Mức tăng áp suất khí nén ☐ FAB	7-100
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp ☐ M/T	7-145
Hoạt động của các đồng hồ, đèn cảnh báo và chỉ báo	4-10, 4-18
Hoạt động của động cơ, màu khí xả	7-22
Hành trình cần phanh tay	7-105, 7-106
Tình trạng xịt nước rửa kính và hoạt động của thanh gạt nước	7-176, 7-177
Mức nước rửa kính	7-176
Tình trạng và độ rơ tay lái	3-23, 7-164
Hoạt động của kèn và đèn báo rẽ	4-49, 4-56
Mức nhiên liệu	4-17
Khóa cửa	3-4

[4. Kiểm tra khi đi vòng quanh xe]

Hạng mục	Tham khảo
Đèn chiếu sáng, đèn báo rẽ có bị bẩn hay hư hỏng	7-180
Mức nước làm mát động cơ	7-39
Dung dịch bình accu	7-186
Nước đọng tại bình chứa khí nén ☐ FAB	7-112
Tình trạng nhíp xe	—
Tình trạng rò rỉ dầu phanh, dầu trợ lực lái.....	—
Tình trạng lọc tách nước	7-84

[5. Kiểm tra bánh xe và lốp xe]

Hạng mục	Tham khảo
Áp suất lốp xe	7-114
Vết nứt và các hư hỏng khác	7-122
Mòn bất thường	7-123
Độ sâu gai lốp	7-123
Tình trạng mâm bánh xe	7-124

[6. Kiểm tra khi lái xe]

Hạng mục	Tham khảo
Hiệu quả phanh	7-104
Điều kiện lái ở tốc độ thấp và tăng tốc	7-23
Hệ thống ly hợp M/T	7-141

Sử Dụng Đúng Loại Nhiên Liệu**⚠ CHÚ Ý**

- Phải sử dụng nhiên liệu Diesel cho xe. Đối với các xe đạt tiêu chuẩn Euro 4, hãy sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05S hoặc ít hơn) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (0,001S hoặc ít hơn). Đối với xe đạt tiêu chuẩn Euro 5 phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (chứa hàm lượng lưu huỳnh 10 ppm – 0,001S hoặc thấp hơn).
- Việc sử dụng nhiên liệu diesel chất lượng thấp, trộn chất phụ gia như chất khử nước trong nhiên liệu, hoặc lẫn xăng, dầu hỏa hoặc chất có cồn hoặc hỗn hợp của các chất trên với nhiên liệu diesel sẽ gây tác động xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun không được bôi trơn đạt yêu cầu. Ngoài ra, việc này có thể làm giảm khả năng vận hành của động cơ và hệ thống làm sạch khí thải, có thể gây hư hỏng các hệ thống liên quan đến động cơ.
- Nếu vô tình đổ nhầm nhiên liệu, phải xả hết nhiên liệu ra. Nếu không tuân thủ theo yêu cầu trên có thể gây cháy hoặc hư hỏng động cơ.
- Nếu sử dụng diesel nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh không đúng quy định cho xe đạt tiêu chuẩn Euro 5 sẽ dẫn đến việc không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Euro 5.

**📖 LƯU Ý**

- Các đặc tính của dầu diesel có thể khác nhau tùy theo mùa và khu vực.

Nắp Thùng Nhiên Liệu → Tham khảo trang 3-13
Nhiên liệuB → Tham khảo trang 6-20

Sử Dụng Các Trạm Đổ Nhiên Liệu Tự Động**CẢNH BÁO**

Hãy tuân theo các chỉ dẫn sau đây khi đổ nhiên liệu cho xe

- Tắt máy và đóng tất cả cửa.
- Giữ thuốc lá và các nguồn lửa cách xa xe.
- Trước khi mở nắp thùng nhiên liệu, chạm vào vật kim loại để giải phóng tĩnh điện khỏi cơ thể bạn. Nếu bạn có tĩnh điện trên cơ thể trong khi đổ nhiên liệu, tia lửa tạo ra do phóng điện có thể đốt cháy nhiên liệu, gây hỏa hoạn. Khi đổ nhiên liệu, ấn vòi bơm sâu vào trong cổ nắp thùng. Nếu bạn cố gắng đổ thêm nhiên liệu bằng cách kéo vòi ra, dầu có thể tràn ra ngoài, gây nguy hiểm. Tất cả các phần của quy trình đổ nhiên liệu (từ khi mở nắp thùng dầu đến khi đổ xong và đóng nắp lại) đều phải do một người thực hiện.
- Những người khác có thể mang tĩnh điện. Không cho phép họ tiếp cận thùng nhiên liệu.
- Người đang đổ dầu không được di chuyển hoặc làm việc khác khi chưa đổ nhiên liệu xong, vì có thể nhận tĩnh điện khác.
- Tuân thủ tất cả các chú ý được dán tại trạm nhiên liệu. Hãy lau sạch nhiên liệu rót ra ngoài khi đổ

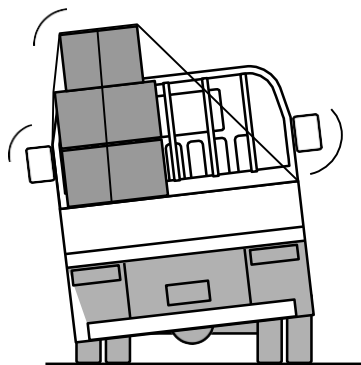
**CHÚ Ý**

[Chú ý khi đổ dầu]

- Cẩn thận và không hít hơi nhiên liệu khi đang đổ nhiên liệu

Nắp Thùng Nhiên Liệu → Tham khảo trang 3-13

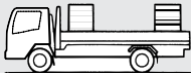
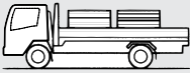
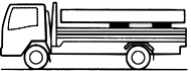
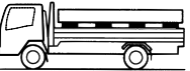
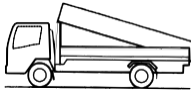
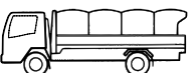
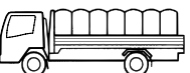
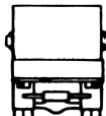
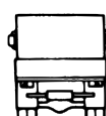
Chất Hàng Hóa Đúng Cách

**CẢNH BÁO**

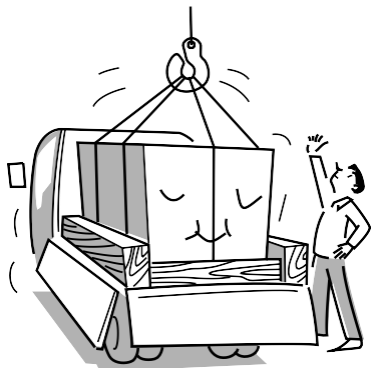
Chất tải nặng có thể gây sự cố vì tải trọng lên bu lông bánh xe quá lớn dẫn đến bu lông bị gãy và bánh xe bị rời ra

**CHÚ Ý**

- Tải trọng phải nằm trong tổng tải trọng xe (GVW) cho phép và được phân phối đều đến cầu trước và sau để không vượt quá khả năng chịu tải của cầu xe.
- Chất tải quá mức gây biến dạng các bộ phận của xe. Làm giảm tuổi thọ và gây ra hư hỏng.
- Chất tải không đúng cách sẽ làm hàng hóa mất cân bằng, dẫn đến đổ vỡ hàng hóa khi xe lưu thông trên đường.

Lưu ý chất hàng	Đúng	Sai
Không nên đặt hàng chỉ ở phía trước hoặc sau. Nên chia đều dọc theo xe.		
Khi dùng giá đỡ bên dưới hàng, hãy đặt chúng dọc theo hàng		
Tuyệt đối không để hàng dài nhú ra khỏi cạnh sau của thùng chứa hàng. Thay vì vậy, hãy dùng giá đỡ để nâng hàng hóa lên một góc. Tránh chống đỡ hàng hóa bằng khung thùng xe		
Dùng dây thừng và tấm bạt để bảo vệ hàng hóa không rơi khỏi thùng chứa hàng. Dùng dây cao su hoặc dây thừng để ngăn không cho bạt bay trong gió.		
Tránh chất hàng quá cao, điều này có thể khiến xe bị nghiêng trượt qua một bên khi gặp gió lớn và rẽ xe.		

Chờ Hàng Hóa Nặng



CHÚ Ý

- Khi vận chuyển hàng hóa nặng hãy ràng buộc thật chặt và dùng cầu nâng hàng hóa thật an toàn.

Chuyên Chở Hàng Nông Cụ



CHÚ Ý

- Nếu chuyên chở hàng hóa quá khổ, quá tải; thùng chứa hàng có thể bị biến dạng hoặc hư hỏng; hoặc hàng hóa có thể rơi tuột qua khỏi thùng hàng.
Hãy chở hàng đúng quy cách.



LƯU Ý

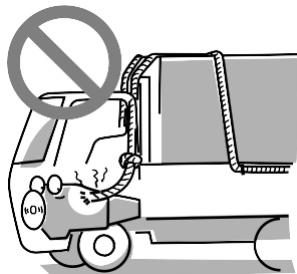
- Nếu bạn muốn chuyên chở các hàng hóa quá khổ, quá tải. Hãy tham khảo ý kiến từ đại lý Isuzu trước khi chuyên chở.

Đừng Cột Hàng Quá Chặt

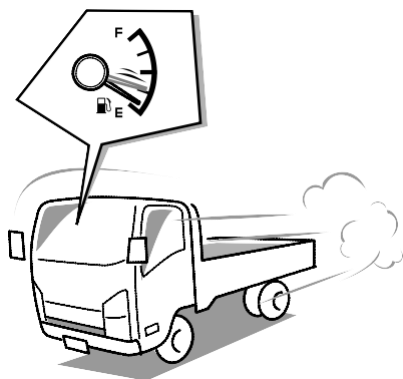


KHUYẾN CÁO

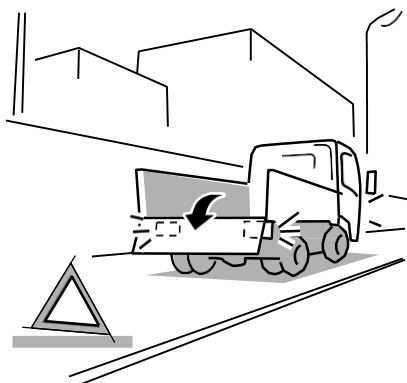
- Để ngăn không cho hàng rơi ra khỏi thùng chất hàng, cần cột chặt bằng dây cáp và bạt. Tuy nhiên, cột quá chặt có thể làm hư thùng hàng và sườn bảo vệ trước.

Không Để Chất Dễ Cháy Giữa Cabin Và Ghế Ngồi**CẢNH BÁO**

- Cần thận không để các đầu dây hoặc các cạnh của bạt xuống thấp hơn phần chống nhiệt ở phía sau cabin. Khi điều khiển xe, nhiệt độ máy có thể khiến chúng bắt lửa. Cột cần thận các đầu dây và các cạnh tấm bạt.

Lái Xe Tiết Kiệm Nhiên Liệu

- Lái quá nhanh, lái quá chậm đến mức máy bị gõ, lái xe với phanh khí xả bật thường xuyên, và thường dùng phanh khí xả để điều chỉnh tốc độ xe đều có thể làm hao tổn nhiên liệu.
- Hãy lái xe ở một tốc độ đều đặn. Khi tăng tốc, tăng một cách nhẹ nhàng, và chuyển tay số phù hợp.
- Xông máy lâu hơn cần thiết và rú máy chỉ làm hao tổn nhiên liệu. Lái xe quá tải cũng làm hao tổn nhiên liệu.
- Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp xe để chắc rằng lốp không thiếu hơi.

Bốc Dỡ Hàng Hóa**CHÚ Ý**

- Khi bạn chất hoặc dỡ hàng bên đường, cửa thùng xe hoặc các bộ phận khác che các đèn đuôi, đèn dừng, đèn báo nguy, hãy bật đèn báo và đặt các tấm phản quang, hãy nhớ cảnh báo các tài xế khác và khách bộ hành bằng cách đặt các biển báo hoặc khung tam giác cảnh báo nơi dễ nhìn.
- Khi bạn chất hoặc dỡ hàng bên đường, hãy chọn một nơi được phép dừng và đậu xe, không làm phiền các tài xế khác và khách bộ hành.

Đừng Mang Nhiên Liệu Và Bình Xịt Vào Trong Cabin**CẢNH BÁO**

- Mang nhiên liệu và các bình xịt vào cabin rất nguy hiểm. Nếu các vật chứa đó bắt lửa hoặc vỡ, chúng có thể gây cháy nổ.

Giữ Sàn Quanh Chỗ Ngồi Sạch Sẽ Và Gọn Gàng



CẢNH BÁO

- Để các lon và các chai rỗng hoặc các vật có thể lăn trên sàn rất nguy hiểm vì chúng có thể làm kẹt bàn đạp phanh và ngăn trở vận hành phanh. Để vận hành phanh được tốt, cần phải dùng các thảm sàn thích hợp. Việc dùng các thảm sàn không thích hợp có thể gây trở ngại cho chuyển động của bàn đạp phanh.
- Đừng dùng các hốc của bảng táp-lô hoặc phía trên bảng táp-lô để làm chỗ đặt các vật có thể lăn vì có thể ảnh hưởng đến việc lái xe của bạn.

Chọn Giày Dép Thích Hợp



CHÚ Ý

- Chọn giày dép phù hợp để lái xe. Dùng giày dép không phù hợp có thể gây ra tai nạn.

Tư Thế Lái Xe Đúng Cách



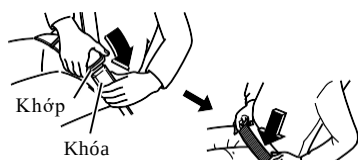
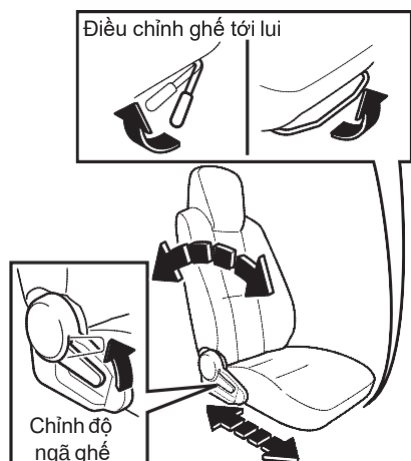
CẢNH BÁO

- Trước khi lái xe, hãy điều chỉnh ghế ngồi, tựa đầu, vô lăng và gương để cho bạn tư thế lái xe sao cho phù hợp. Đảm bảo ghế ngồi được giữ cố định an toàn bằng cách lắc thử về phía trước và sau, thắt dây an toàn. Tất cả hành khách (phụ xế) cũng phải thắt dây đai an toàn.

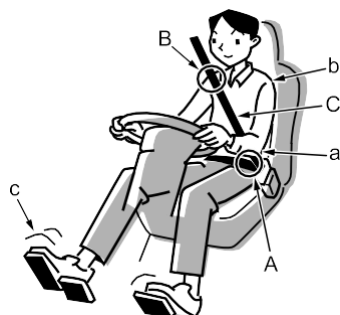
Ghế Ngồi → Tham khảo trang Dây Đai 3-17

An Toàn → Tham khảo trang Gương 3-26

Chiều Hậu → Tham khảo trang 3-24



Giữ thấp đến phần hông



Điều Chỉnh Ghế

Điều chỉnh ghế ngồi cho tư thế lái phù hợp là một phần cơ bản của việc lái xe an toàn.

Thắt Dây Đai An Toàn

Nhớ thắt dây đai an toàn. Ngồi thẳng lưng, lưng dưới tựa lên ghế và dây đai ở vị trí dưới xương hông khi có thể.

Khuyến cáo chỉnh ghế

a	Thực hiện điều chỉnh để bạn xoay tay lái dễ dàng với cùi trỏ hơi cong.
b	Đặt lưng ghế để vai bạn luôn luôn tựa.
c	Hãy chắc rằng bạn có thể đạp mỗi bàn đạp một cách thích hợp.

Lưu ý thắt dây đai an toàn		Lí do
A	Đặt dây đai an toàn xuống thấp ngang hông bạn	Sức ép của dây đai an toàn trong một vụ va chạm có thể gây nguy hiểm nếu dây đai an toàn đặt không đúng cách.
B	Đặt dây thắt vai nằm trên vai bạn (không chạm vào cổ, cằm hoặc mặt)	
C	Phải bảo đảm dây đai an toàn không bị xoắn khi bạn cài.	Để bảo đảm dây đai an toàn hoạt động có hiệu quả

Hành Khách Và Dây Đai An Toàn

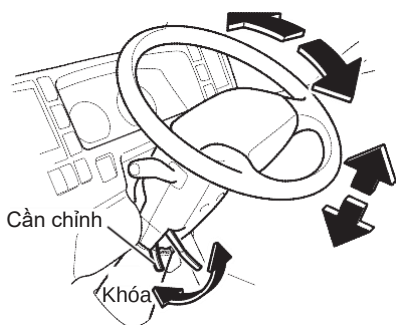
Tài xế và hành khách không dùng chung dây đai an toàn.

**CẢNH BÁO**

Hãy nhớ điều chỉnh ghế trước khi lái. Chính tư thế lái xe đúng, lắc nhẹ ghế ngồi để bảo đảm nó được chốt đúng chỗ và thắt dây đai an toàn trước khi bạn bắt đầu lái. Tất cả hành khách phải thắt dây đai an toàn.

Đối với trẻ nhỏ khi dây đai chạm vào mặt hoặc không bắt ngang qua được xương hông, hãy sử dụng ghế an toàn trẻ em thích hợp (CRS), không sử dụng dây đai an toàn vì có thể gây nguy hiểm.

Trẻ Em Trên Xe → Tham khảo trang 2 -16

**Điều Chỉnh Tay Lái**

Bạn có thể điều chỉnh vị trí vô lăng theo hướng lên-xuống. Sau đó phải đảm bảo vô lăng và cần khóa đã được khóa lại.

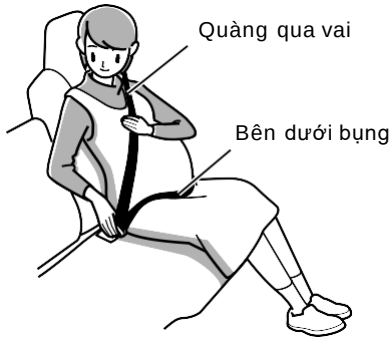
**CẢNH BÁO**

- Khi điều chỉnh vô lăng, cố gắng kéo lên xuống để đảm bảo nó đã được khóa lại trước khi lái xe.

Điều chỉnh vị trí vô lăng trước khi lái xe. Điều chỉnh trong khi lái xe là rất nguy hiểm vì vô lăng sẽ lắc lên xuống, gây cản trở việc lái xe.

Điều Chỉnh Độ Nghiêng → Tham khảo trang 3-23

Chở Phụ Nữ Mang Thai Hoặc Người Bệnh



CẢNH BÁO

- Người mang thai hoặc người bệnh phải được thắt dây đai an toàn. Trong trường hợp bị sự cố thì dây đai sẽ tạo áp lực lên vùng bụng, ngực và vai, tuy nhiên cần phải cố lời khuyên của bác sĩ trước.
- Người mang thai cần sử dụng dây đai an toàn ba điểm. Người mang thai nên điều chỉnh vị trí dây đai được khít dưới xương hông khi có thể (không phải ngang qua vùng bụng). Ngoài ra, nên thắt chặt dây đai vai lên trên ngực, không phải trên vùng bụng. Nếu không thắt dây đúng cách, nó có thể chèn ép vùng bụng trong trường hợp phanh gấp hoặc va chạm, làm tổn hại không chỉ người mẹ mà còn đứa bé trong bụng, đặt cả hai vào tình trạng đặc biệt nguy hiểm hoặc tử vong.

Dây Đai An Toàn → Tham khảo trang 3-26

Trẻ Em Trên Xe

Sử Dụng Dây Đai An Toàn Cho Trẻ Em



CẢNH BÁO

- Đai an toàn của xe được thiết kế cho người lớn. Nếu đai an toàn chạm vào cổ hoặc cầm trẻ hoặc không ngang qua xương hông của trẻ thì hãy sử dụng ghế an toàn trẻ em (CRS) phù hợp với chiều cao và cân nặng của trẻ. Nếu sử dụng đai an toàn không phù hợp, nó có thể tác động một lực mạnh lên vùng bụng của trẻ trong trường hợp va chạm.
- Đặt trẻ nhỏ không thể tự ngồi được vào ghế an toàn trẻ em.
- Khi trẻ trong xe, khóa và đóng các cửa trước khi lái.
- Nếu xe có trang bị túi khí dành cho hành khách, không để trẻ ngồi đối diện với hướng bung ra túi khí. Túi khí khi bung sẽ có thể gây nguy hiểm hoặc tổn thương đến trẻ nhỏ.

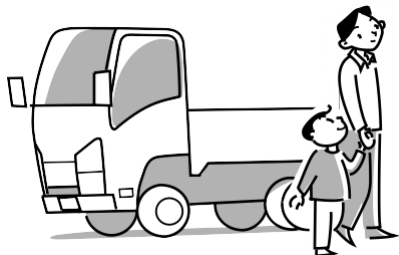


LƯU Ý

- Lựa chọn các ghế phụ, ghế chêm hoặc ghế ngồi cho trẻ tùy theo kích thước cơ thể thực tế.
- Ngoài ra cũng cần tuân thủ các quy định của nhà sản xuất các ghế phụ, ghế chêm, ghế ngồi cho trẻ.

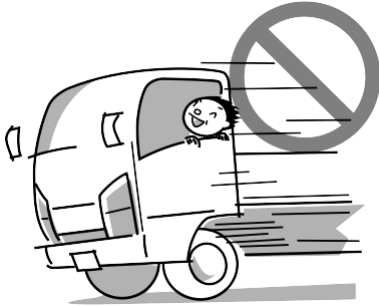
Dây đai an toàn ☐ → tham khảo trang 3-26

Đừng Để Trẻ Em Trong Xe Một Mình

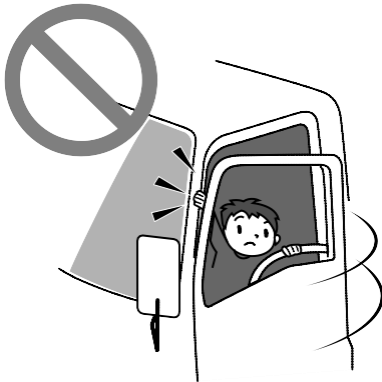


CHÚ Ý

- Đừng bao giờ để trẻ em bên trong cabin một mình trong thời gian dài. Ánh nắng mặt trời sẽ làm tăng nhiệt độ bên trong cabin, gây ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc tính mạng cho trẻ nhỏ.

Không Cho Phép Trẻ Đưa Đầu Hay Tay Chân Ra Ngoài Cửa Sổ**CẢNH BÁO**

- Bất kể xe đang di chuyển hay dừng, bạn không bao giờ được cho phép trẻ đưa đầu, tay hoặc bộ phận khác của cơ thể ra ngoài cửa sổ. Những hành vi như vậy rất nguy hiểm bởi vì trẻ có thể va vào các chướng ngại vật.

Người lớn phải mở hoặc đóng cửa cho trẻ**CẢNH BÁO**

- Để tránh cho trẻ không bị kẹp tay và đầu, người lớn phải mở, đóng và khóa cửa cho trẻ. Lưu ý không được để trẻ nghịch các công tắc cửa sổ điện và kẹp đầu hoặc tay vào cửa sổ. Khi trẻ ở trong xe, nhớ điều khiển cửa sổ điện bằng các công tắc cửa sổ điện bên cạnh ghế tài xế.

Đóng và mở cửa → Tham khảo trang 3-4

Cửa sổ điều khiển điện ☐ → Tham khảo trang 3-9

Lái xe

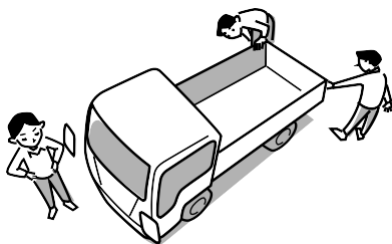
Chăm sóc và vận hành hợp lý sẽ không chỉ kéo dài tuổi thọ của xe mà còn giúp tiết kiệm nhiên liệu.

Vận Hành Xe Mới

Hiệu suất và tuổi thọ sau này của xe chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc chăm sóc và xử lý của bạn trong giai đoạn chạy rà. Đề nghị trong giai đoạn chạy rà 1,000km đầu tiên, tài xế tuân thủ các biện pháp sau đây:

1. Hạn chế tốc độ động cơ dưới các mức sau
 - Động cơ 4JJ1: 2,400 vòng/phút
 - Động cơ 4HK1: 2,300 vòng/phút
 - Động cơ 4JB1-T: 2,800 vòng/phút
 - Động cơ 4JH1/4HG1-T: 2,600 vòng/phút
2. Tránh chạy tăng tốc nhanh, khởi động vội và dừng động cơ đột ngột.
3. Cho động cơ chạy cầm chừng đến khi nóng máy.

Kiểm Tra Xung Quanh Trước Khi Khởi Động Xe



Trước khi chuyển bánh, kiểm tra an toàn kỹ lưỡng, đảm bảo không có trẻ em hoặc chướng ngại vật nào xung quanh xe.



NGUY HIỂM

- Trước khi khởi động động cơ, đảm bảo không có vật liệu dễ cháy ở dưới hoặc xung quanh xe để tránh cháy, nổ. Nếu có vật liệu gỗ trong khoảng cách 50cm so với nguồn nhiệt của xe, gỗ sẽ là một nguồn gây nguy hiểm vì nó có thể bắt cháy.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

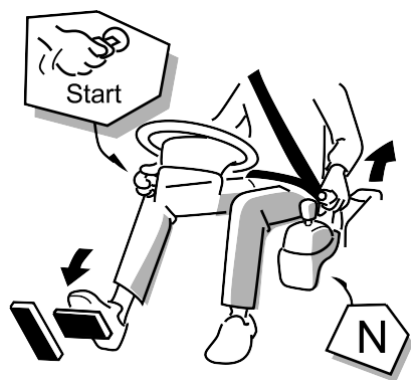
Khí Thải



NGUY HIỂM

- Các khí thải chứa carbon monoxide không màu, không mùi và độc hại. Nếu bạn hít phải các khí thải, bạn có thể ngộ độc do carbon monoxide gây tử vong. Không để động cơ chạy trong khoảng thời gian dài tại nơi thông gió kém. Việc chạy động cơ trong bãi đậu xe hoặc trong nhà sẽ rất nhiều khí thải và rất nguy hiểm bởi vì bạn có thể bị ngộ độc carbon monoxide gây tử vong.
- Kiểm tra ống xả định kỳ. Nếu phát hiện có hư hỏng (ví dụ: các mối nối hư hại hoặc gãy nứt) hãy đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và bảo trì. Nếu tiếp tục sử dụng xe thì sẽ rất nguy hiểm bởi vì khí ga có thể lọt vào trong xe và gây ngộ độc carbon monoxide dẫn đến tử vong.
- Nếu có lá cây, tuyết,... trên đường lấy gió ngoài, hệ thống thông gió sẽ không hoạt động tốt, hãy loại bỏ vật cản như lá cây, tuyết... Nếu tiếp tục sử dụng xe thì sẽ rất nguy hiểm bởi vì khí ga có thể vào trong xe và gây ngộ độc carbon monoxide dẫn đến tử vong.
- Nếu khí thải vào cabin qua cửa sổ hoặc cửa của xe khi lái, sẽ gây ngộ độc carbon monoxide hoặc tử vong.
- Nếu khí thải vào cabin, thì phải mở tất cả các cửa sổ hoặc đặt chế độ lấy gió ngoài của điều hòa cho xe. Hãy đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và bảo dưỡng ngay lập tức..

Khởi động động cơ



CHÚ Ý

- Phải bảo đảm cần phanh tay đã được kéo.
- Trong model hộp số thường phải bảo đảm cần số ở vị trí "N" và đạp giữ bàn đạp ly hợp xuống hết mức trước khi khởi động máy.
- Phải bảo đảm ngồi vào ghế trước khi khởi động máy. Nếu bạn không ngồi vào ghế ngồi (ví dụ nếu bạn thò đầu vào cửa sổ hoặc qua cửa đang mở), bạn không thể xác định được chính xác cần số có ở vị trí "N" hay không, khiến cho xe có thể vọt chạy.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

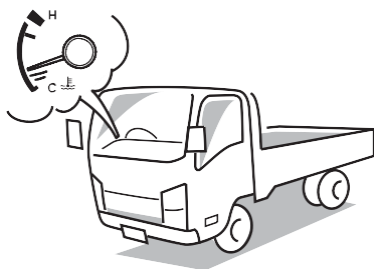
Nếu Không Sử Dụng Xe Trong Thời Gian Dài



KHUYẾN CÁO

- Trước khi sử dụng xe không được lái trong một thời gian dài, hãy kiểm tra động cơ, nhớt hộp số, và bảo đảm nhớt ở mức cần thiết. Nếu nhớt không đủ, nó sẽ không bơm đến các bộ phận cần bôi trơn và dẫn đến hư hỏng.
- Khởi động động cơ và để chạy cầm chừng ít nhất 5 phút, kiểm tra các tiếng động bất thường.
- Để có hướng dẫn về việc làm nóng máy hãy xem phần "Khởi động máy"

Khuyến Cáo Cho Việc Làm Nóng Động Cơ



Động cơ được làm nóng đầy đủ khi kim đo nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ bắt đầu di chuyển.



KHUYẾN CÁO

- Đừng tăng tốc động cơ trước khi máy được làm nóng đầy đủ (nói cách khác đừng để máy nguội). Nhớt có thể không đến được các bộ phận cần bôi trơn nên dẫn đến hư hỏng.
- Ống xả khí thải có thể cực nóng khi máy đang chạy cầm chừng. Trước khi làm nóng máy, phải bảo đảm không có vật bắt lửa (ví dụ cỏ khô, giấy vụn, dầu hoặc bánh xe cũ) ở gần ống xả khí thải.

Lưu Ý Khi Khởi Động Động Cơ Trong Nhà Xưởng

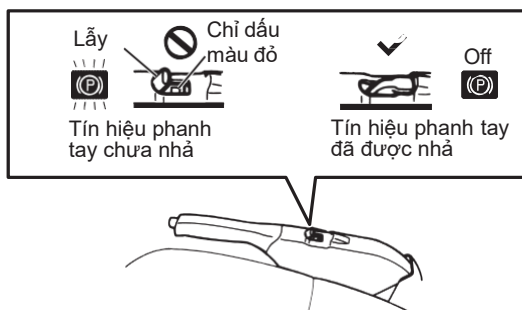


CHÚ Ý

- Động cơ hoạt động trong không gian có hệ thống thông hơi kém sẽ sinh ra nhiều khí carbon monoxide độc hại đến sức khỏe. Hãy khởi động động cơ ở nơi thông thoáng. Ngoài ra, đối với các xe có trang bị bộ xử lý khí thải (DPD), không vận hành xe ở chế độ thủ công DPD trong nhà xưởng. Quá trình đốt cháy khí thải (PM) sẽ sinh ra khói trắng.

Quy trình Tuân hoàn thủ công DPD → Tham khảo trang 4-122

Đừng Quên Nhả Cần Phanh Tay



CHÚ Ý

- Phanh tay không được nhả hết hoàn toàn có thể dẫn đến hư hỏng hệ thống phanh hoặc cháy bộ phanh.



KHUYẾN CÁO

- Kéo công tắc (lấy) phanh tay để nhả phanh hoàn toàn.
- Xe chạy khi chưa nhả phanh tay hoàn toàn có thể gây hư hỏng hệ thống phanh.
- Sticker màu đỏ dưới công tắc (nếu có) phanh tay không nên dễ thấy. Trước khi xe chạy, kiểm tra đèn phanh tay đã tắt để chắc chắn phanh tay đã được nhả hoàn toàn.

Đèn cảnh báo phanh tay → Tham khảo trang 4-36

Cần phanh tay → Tham khảo trang 4-59

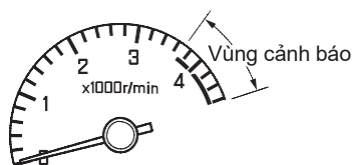
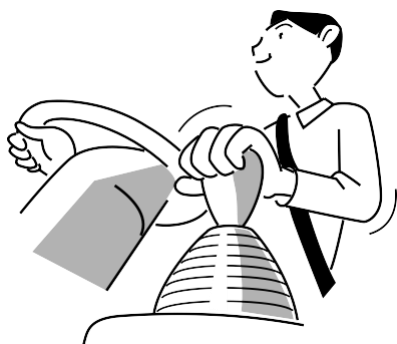
Vận Hành Xe Trang Bị Hộp Số Thường



KHUYẾN CÁO

- Nhẹ nhàng gài số 1. Nếu khởi hành xe bằng số cao, khởi hành nhanh hoặc nhấp bộ ly hợp trong một thời gian dài trong khi khởi hành có thể làm hỏng bộ ly hợp.

Sang Số Đúng Cách



Loại động cơ	Vùng cảnh báo (v/p)
4HK1	3,300 - 4,000
4JB1/4JH1	4,200 - 4,600
4JJ1	V 3,300 - 4,000 V 3,900 - 4,600
4HG1/4HL1	3,700 - 4,600



KHUYẾN CÁO

• Số thấp được thực hiện với hai mục đích:

- Để giảm tốc độ động cơ hoặc khi xuống dốc dài.

- Để leo dốc.

• Để máy chạy quá tải có thể dẫn đến hư máy. Đừng để máy chạy nhanh khi dùng số thấp.

• Khi leo dốc:

Nên dùng số thấp sớm để tránh cho máy quá tải.

• Khi xuống dốc:

Về cơ bản, bạn nên dùng cùng một số như leo dốc. Lái ở một tốc độ sao cho động cơ không chạy quá tốc độ (vượt quá giới hạn vòng/phút) và kim đồng hồ tốc độ không vào khu vực đỏ

Vận hành xe ở tốc độ thấp hơn Vùng cảnh báo. Vùng cảnh báo thay đổi tùy thuộc vào từng model động cơ khác nhau.

Đồng hồ tốc độ → Tham khảo trang 4-14

Cần số → Tham khảo trang 4-63



LƯU Ý

[Phanh động cơ là gì?]

• Phanh động cơ là hiệu quả phanh xảy ra lúc bạn nhả bàn đạp ga khi đang lái. Số càng thấp thì phanh động cơ càng mạnh.

Không Được Dừng Động Cơ Khi Đang Lái Xe



CẢNH BÁO

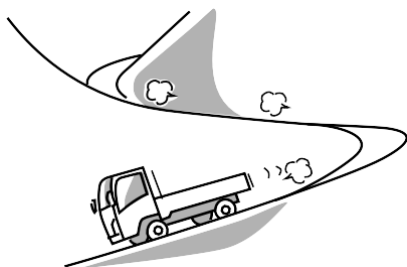
• Không xoay công tắc khởi động khỏi vị trí "ON" trong khi xe đang chạy. Nếu động cơ dừng đột ngột khi xe đang di chuyển, các phanh sẽ không hoạt động hiệu quả, tay lái và bàn đạp phanh sẽ trở nên nặng và khó vận hành. Động cơ cũng có thể bị hư hỏng.

• Tắt máy khi đang chạy sẽ cực kỳ nguy hiểm vì bơm trợ lực lái sẽ ngừng hoạt động khiến tay lái khó điều khiển.

• Tắt máy khi đang chạy sẽ rất nguy hiểm bởi vì các đèn cảnh báo, đèn chỉ báo, các hệ thống điện khác cũng sẽ không hoạt động.

• Xoay công tắc về vị trí "LOCK" khi đang chạy sẽ rất nguy hiểm vì chìa khóa có thể rơi ra, khiến tay lái bị khóa lại và không thể đánh lái được.

Lái Xe Xuống Dốc Dài



Khi lái xe xuống dốc dài, dùng phương pháp phanh động cơ và phanh khí xả cùng với phanh chân. Dùng phanh khí xả và phanh động cơ ở số thấp sẽ giảm nặng tải cho phanh chân và làm tăng hiệu quả phanh. Vì thế nên dùng phanh chân một cách thích hợp để ngăn ngừa động cơ chạy vượt tốc.

Công tắc phanh khí xả  → Tham khảo trang 4-52



CHÚ Ý

- Thường xuyên dùng phanh chân có thể gây bọt khí và mòn phanh, khiến giảm hiệu quả phanh. Dù vậy, nên cẩn thận khi dùng phanh động cơ ở số thấp vì sẽ gây ra tình trạng máy giống như quá trớn.
- Đừng điều chỉnh van phanh khí xả



LƯU Ý

[Phanh động cơ là gì?]

- Phanh động cơ sẽ có hiệu quả khi bạn nhả bàn đạp ga trong khi đang lái. Số càng thấp thì phanh động cơ càng mạnh.

[Phanh khí xả là gì?]

- Phanh khí xả là một hệ thống đóng đường thoát ống xả và dùng sức cản khí thải từ động cơ để tăng hiệu quả phanh động cơ.

[Bọt khí là gì?]

- Nếu phanh quá nóng do dùng thường xuyên, nhiệt độ có thể khiến dầu phanh sôi lên tạo ra các bọt khí trong dầu phanh. Khi đó đạp bàn đạp phanh là ép các bọt khí; sức ép sẽ không truyền vào xy lanh phanh, vì thế hiệu quả phanh suy giảm đáng kể. Hiện tượng này gọi là bọt khí.

[Máy quá tốc độ là gì?]

- Máy quá tốc độ là tốc độ máy tăng lên khiến kim đồng hồ tốc độ đi vào vùng đỏ

Lái Xe Trong Thời Tiết Xấu (Mưa, Tuyết...)



LƯU Ý

• Trong thời tiết xấu, tầm nhìn bị giảm và mặt đường trơn trượt. Hãy lái xe chậm hơn so với khi bạn lái trong thời tiết tốt.

Cũng nên tránh bẻ lái gắt và đạp phanh nhiều. Dùng phanh động cơ cùng với phanh chân để giảm tốc. Dùng phanh khí xả trên mặt đường trơn có thể gây trượt bánh.



LƯU Ý

• Có nguy cơ trượt nước, đặc biệt là khi nước đọng trên mặt đường. Hãy lái với tốc độ cho phép bạn giữ được điều khiển lái an toàn.

• Nếu bạn không thể tránh lái trên đường ngập nước, đầu tiên hãy kiểm tra độ sâu của nước và rồi lái qua ở tốc độ chậm và đều.

• Có nguy cơ nước sẽ lọt vào xy-lanh máy gây hư máy. Giữ tốc độ thấp và lái xe cẩn thận.



LƯU Ý

[Trượt nước là gì?]

• Nếu xe lái ở tốc độ cao trên đường ngập nước, một lớp nước có thể hình thành giữa bánh xe và mặt đường khiến bánh xe không bám và trượt trên mặt nước. Hiện tượng này gọi là trượt nước. Điều này nguy hiểm bởi vì nó khiến tay lái và phanh mất tác dụng.

Lái Xe Trên Đường Ngập Nước Hoặc Đường Ẩm Ướt



CHÚ Ý

- Khi lái xe trên đường ngập nước, đậu trên đường ngập nước hoặc rửa xe, nước có thể lọt vào phanh và giảm hiệu quả của chúng. Nếu sau đó phanh không hoạt động tốt, hãy lái chậm và nhẹ nhàng đạp phanh vài lần cho đến khi phanh khô ráo và hoạt động lại bình thường.



KHUYẾN CÁO

- Nếu xe bị ngập nước hãy mang đến đại lý Isuzu để kiểm tra các hạng mục sau:
 - Hiệu quả phanh
 - Hư hỏng, rỉ sét của trống phanh
 - Nước có lọt vào động cơ hay không
 - Ngắn mạch hệ thống điện
 - Tình trạng nhớt máy & nhớt cầu
 - Mỡ bôi trơn xe
 - Nước có xâm nhập vào hệ thống ly hợp hay không
 - Hư hỏng trên hệ thống ly hợp

Lái Xe Trên Đường Có Gió Tạt Ngang



KHUYẾN CÁO

Nếu xe gặp gió thổi lệch xe về một bên, hãy bám chặt vô lăng, giảm xuống tốc độ mà bạn có thể kiểm soát được hoàn toàn và điều chỉnh hướng lái. Xe có thể gặp gió mạnh và bị thổi lệch trong các trường hợp sau đây:

- Đi lên từ một đường hầm, lái xe trên cầu, lái xe trên đường đê hoặc lái xe qua một chỗ giao nhau.
- Một xe tải lớn hoặc xe buýt vượt qua.
- Vượt một xe tải lớn hoặc xe buýt.

Xử Lý Tình Huống Lốp Hết Hơi Khi Đang Lái



CẢNH BÁO

- Nếu bạn cảm thấy bất thường ở lốp xe khi đang lái, dừng lại ngay ở nơi an toàn. Nếu bạn tiếp tục lái xe khi một lốp xe đã bị xẹp, một lực tác động đột ngột lên các bu-lông bánh xe có thể làm vỡ các bu-lông và làm rời bánh xe.



KHUYẾN CÁO

- Nếu lốp xe hết hơi hoặc bị xì hơi khi bạn đang lái xe, hãy bình tĩnh nắm chặt vô lăng và từ từ phanh để giảm tốc. (Phanh mạnh sẽ rất nguy hiểm bởi vì nó có thể làm cho vô lăng bị kéo sang một bên) Dừng xe ở vị trí an toàn và thay lốp xe.

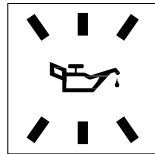
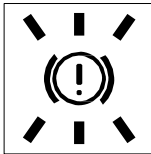
Bánh Dự Phòng → Tham khảo trang 7-138

Con Đới Xe → Tham khảo trang 7-172

Thay Bánh Xe → Tham khảo trang 7-128

Nếu Gầm Xe Bị Va Chạm**KHUYẾN CÁO**

- Nếu gầm xe bị va chạm, dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra có rò rỉ dầu phanh, rò rỉ nhiên liệu và hư hỏng bộ phận nào hay không. Nếu bất kỳ bộ phận nào của xe bị hư hỏng hoặc vỡ, nhanh chóng đưa đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa ngay lập tức.

Nếu Đèn Cảnh Báo / Chỉ Báo Sáng Hoặc Nhấp Nháy**KHUYẾN CÁO**

- Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy, không được bỏ qua và không được tiếp tục lái. Phải bảo đảm thực hiện việc điều chỉnh đúng liên quan đến các chỉ thị của các đồng hồ, đèn báo và các đèn chỉ thị.

Bảng Táp-lô → Tham khảo trang 4-10
Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo → Tham khảo trang 4 -18

Xe Trang Bị Hộp Số Bán Tự Động SA

Trên dòng xe trang bị hộp số bán tự động, người lái không cần dùng bàn đạp ly hợp khi đang chạy, đổi số hoặc dừng; anh/chị chỉ cần dùng cần số, bàn đạp ga, và bàn đạp phanh. Thêm nữa, dòng xe trang bị bán tự động cho phép tài xế điều khiển chiếc xe với hộp số được chuyển tự động. Hãy chắc mình đã tìm hiểu về tính năng của hộp số bán tự động và cách vận hành nó chính xác. Khi xe đang ở trạng thái dừng, nhớ nhấn mạnh bàn đạp phanh và, nếu cần thiết, để cần chuyển đổi ở vị trí “N” và kéo phanh tay. Ngay sau khi động cơ nổ máy, khi máy điều hoà đang chạy, khiến việc oà ga mạnh hơn những lúc khác. Khi bạn chuyển cần khỏi vị trí “N”, Nhấn mạnh bàn đạp phanh.

Xe trang bị hộp số bán tự động SA → Tham khảo trang 4-67



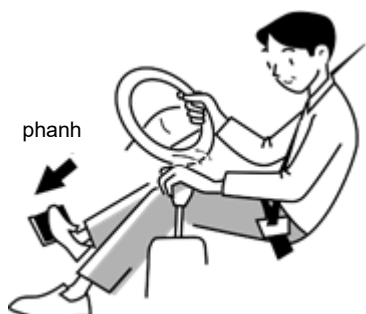
Vận Hành Phanh Bằng Chân Phải



CHÚ Ý

- Ngồi đúng vào vị trí lái, và dùng chân phải để vận hành bàn đạp chân ga và bàn đạp phanh. Để tránh vô tình đạp nhầm bàn đạp, kiểm tra vị trí bàn đạp và luyện tập để chân vào đúng bàn đạp bạn mong muốn.
- Hãy dùng chân phải để nhấn bàn đạp phanh.

Khi Xe Đang Di Chuyển



1. Ngồi đúng vào vị trí lái, chắc chắn giữ bàn đạp phanh với chân phải của bạn và chuyển cần số tới vị trí "D", "R", hoặc "M".
2. Kiểm tra để chắc khu vực xung quanh xe thông thoáng và kiểm tra vị trí cần số và màn hình hiển thị tay số, sau đó nhả phanh tay.
3. Nhấc chân khỏi bàn đạp phanh, sau đó nhấn nhẹ bàn đạp ga để di chuyển.



CẢNH BÁO

- Khi bạn di chuyển cần số ở vị trí khác vị trí "N", sự oà ga sẽ khiến xe di chuyển. Khi đang di chuyển, hãy chắc rằng bạn đang giữ bàn đạp phanh khi bạn vận hành cần số.
- Không được vận hành cần số khi đang nhấn bàn đạp chân ga. Làm vậy rất nguy hiểm vì xe sẽ đột ngột di chuyển.
- Ngay sau khi động cơ khởi động, khi máy điều hoà đang chạy, vòng tua máy sẽ tự động tăng, làm cho sự oà ga mạnh hơn những lúc khác. Hãy giữ nhẹ bàn đạp phanh.



KHUYẾN CÁO

[Những điều cần thiết để đảm bảo an toàn khi lái xe]

- Ngay cả khi bạn chỉ dự định đi quãng đường ngắn, hãy điều chỉnh vị trí ghế ngồi và chắc rằng bạn có thể nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga thoải mái.
- Khi bạn lùi xe, bạn xoay người để nhìn đằng sau vì vậy vận hành bàn đạp trở nên khó khăn. Giữ chắc bàn đạp phanh khi bạn đang xoay người. Khi đang di chuyển, thỉnh thoảng kiểm tra vị trí cần số và đèn cảnh báo.

Lái xe trên đường phủ tuyết hoặc nước đá

Trên đường tuyết bao phủ hoặc đóng băng, lái ở vận tốc cố định và giữ vận tốc đủ thấp để giữ kiểm soát hoàn toàn. Khi phanh xe, nhấn nhẹ bàn đạp vài lần hơn là nhấn một lần thật mạnh. Một cú nhấn mạnh bàn đạp phanh có thể nguy hiểm bởi vì có thể làm xe bị trượt, khiến cho vô lăng trở nên vô dụng.

**CHÚ Ý**

- Dùng xích lốp/ lốp xe mùa đông trên đường phủ tuyết hoặc đóng băng.

Lốp xe mùa đông → Tham khảo trang 6-21

Sử dụng đai xích → Tham khảo trang 6-23

Lái trên đường Cát hoặc Bùn

Khi lái xe trên đường cát hoặc bùn, đi chậm hết mức có thể, tránh phanh gấp, tăng ga đột ngột và đánh lái gắt.

Rất khó xác định điều kiện mặt đường khi bạn lái trên đường cát và bùn, vì vậy xe có thể dễ bị sa lầy. Nếu cần thiết, hãy rời khỏi xe và kiểm tra tình trạng mặt đường.

**LƯU Ý**

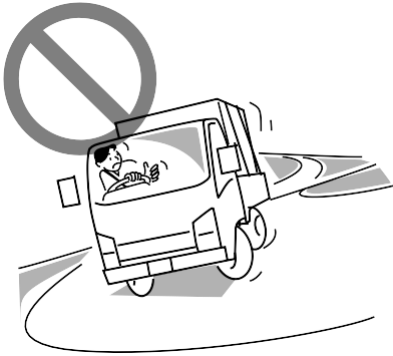
- Khi bạn không thể tránh lái vào vũng bùn, sử dụng lốp xích là cách hiệu quả để tránh bị sa lầy.

Lái xe Lội Nước

Xe không hoàn toàn chống nước. Tránh lái xe qua đường ngập nước.

**KHUYẾN CÁO**

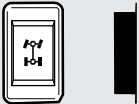
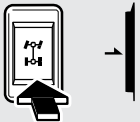
- Nếu bắt buộc phải lái xe qua đường ngập nước, trước tiên hãy kiểm tra độ sâu của mức nước. Sau đó lái xe từ từ với tốc độ không đổi qua đoạn bị ngập. Nếu không cẩn thận sẽ làm cho xe bị hiện tượng thủy kích.
- Sau khi lái xe qua đoạn ngập nước sâu, hãy mang xe đến các đại lý Isuzu để kiểm tra các hạng mục sau:
 - Hiệu quả phanh
 - Hư hỏng, rỉ sét của trống phanh
 - Nước có lọt vào động cơ hay không
 - Ngắn mạch hệ thống điện
 - Tình trạng nhớt động cơ & nhớt cầu
 - Mỡ bôi trơn trên xe
 - Nước có xâm nhập vào hệ thống ly hợp hay không
 - Hư hỏng trên hệ thống ly hợp

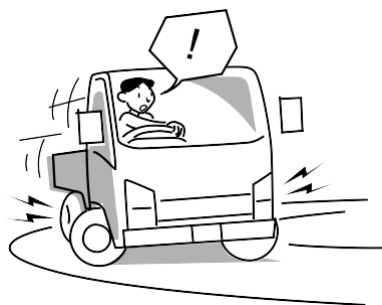
Lái Xe Trên Đường Khúc Khuỷu

Khi lái xe trên đường khúc khuỷu , xe sẽ có khuynh hướng bị sàng đẩy về một bên. Do đó hãy lái xe chậm rãi và canh mép đường một cách cẩn thận.



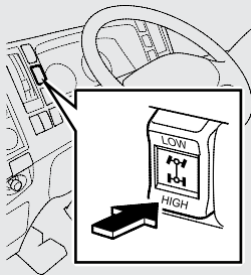
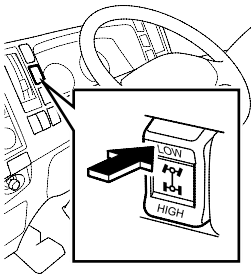
Hướng Dẫn Chuyển Đổi Chế Độ 2WD (Hai Bánh Chủ Động) sang 4WD (Bốn Bánh Chủ Động)

	2WD	4WD
Nút gài cầu		
Đèn chỉ báo 4WD	OFF	ON
Điều kiện sử dụng	Dùng khi chạy xe trên đường thông thoáng hoặc cao tốc	Dùng khi chạy xe trên đường trơn trượt, đường đóng băng...



Nút Chọn Chế Độ 4H – 4L

Khi chuyển sang chế độ 4WD (Bốn bánh chủ động), tài xế có thể chọn chế độ 4H hoặc 4L.

	Nút chọn	Điều kiện sử dụng
2H-4H (khi chạy xe với tốc độ cao)		Nếu lái xe trong điều kiện bình thường hãy chọn chế độ 2H. Nếu lái xe trên đường trơn trượt, đường đông băng hãy chuyển sang 4WD với chế độ 4H bằng cách ấn vào nút chọn "HIGH".
4L (khi chạy xe với tốc độ thấp)		Ấn nút chọn "LOW" nếu lái xe trên đường nhiều dốc, hoặc đường cần gia tăng lực kéo của xe.



CHÚ Ý

- Khi xe đổ đèo hay xuống dốc hãy sử dụng tính năng phanh động cơ.

Dừng Và Đỗ Xe**KHUYẾN CÁO**

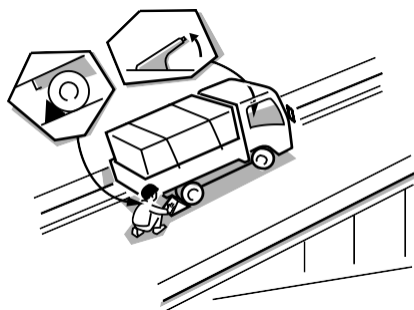
- Chọn một nơi bằng phẳng được phép dừng và đậu xe, không cản trở lưu thông. Cài phanh tay và bảo đảm xe không di chuyển.
- Tránh đậu xe lâu khi có hàng trên xe.
- Lau sạch mọi vết bẩn khỏi kính đèn xe và tấm phản quang để bảo đảm các xe khác có thể nhìn thấy.

Kéo Phanh Tay**KHUYẾN CÁO**

- Ngoại trừ trường hợp khẩn cấp, đừng kéo phanh tay khi xe chưa dừng hẳn. Kéo phanh tay trước khi xe dừng có thể gây hư hỏng cho hệ thống phanh.

Cần Phanh Tay → Tham khảo trang 4-59

Đỗ Xe An Toàn Trên Đoạn Dốc



CHÚ Ý

- Tránh đỗ xe trên đường dốc và nên chọn một nơi bằng phẳng. Nếu không thể tránh được đỗ xe trên đường dốc, phải bảo đảm cài phanh tay hoàn toàn, phải chắc chắn đã chặn bánh xe để xe không di chuyển. Đối với các kiểu xe hộp số thường, hãy cài số khác với số N để bảo đảm xe không di chuyển.
- Đánh tay lái sang bên cho xe được dừng bởi một vật cản (ví dụ như bên lề đường), để cản không cho xe di chuyển.

Ngủ trong xe



CẢNH BÁO

Trước khi ngủ trong xe, phải bảo đảm tắt máy và xoay chìa khóa xe qua vị trí "LOCK". Nếu không, các dụng cụ chạm với cần số hoặc bàn đạp ga trong khi ngủ có thể làm xe di chuyển dẫn đến tai nạn.

Nếu bạn để máy nổ và vô tình nhấn ga trong khi ngủ, động cơ và ống xả có thể nóng bất thường dẫn đến cháy nổ.

Nếu bạn để động cơ hoạt động trong lúc ngủ, và xe đang đậu ở một nơi mà khí xả có thể lọt vào cabin (nơi không được thông gió tốt) bạn có thể nhiễm độc khí CO₂.

Đề Xe Tránh Xa Vật Liệu Dễ Cháy



CHÚ Ý

- Ông xă sẽ cực nóng ngay lập tức sau khi xe vận hành. Trước khi đậu phải bảo đảm khu vực xung quanh không có những vật dễ bắt cháy (ví dụ: cỏ khô, giấy vụn, dầu hoặc bánh xe cũ). Lưu ý đặc biệt khi đậu xe trong gara.
- Lưu ý khí thải khi máy chạy cầm chừng. Đặc biệt cẩn trọng khi PTO (nếu xe bạn có trang bị PTO) đang hoạt động trong khi máy đang nổ cầm chừng.

Dừng Và Đỗ Xe Trong Khi Động Cơ Đang Hoạt Động**CẢNH BÁO**

- Khi dừng và đậu xe với động cơ đang hoạt động, phải bảo đảm chuyển tay số vào vị trí "N". Sau đó cài chắc phanh tay. Nếu bạn không thực hiện các bước này thì bất kỳ sự vô tình nào đạp lên bàn đạp ga đều có thể gây tai nạn.

**CHÚ Ý**

- Để tránh hỏa hoạn, phải bảo đảm không có vật dễ cháy gần bộ giảm thanh, ống xả. Hãy cẩn thận đừng để phồng bởi khí thải.

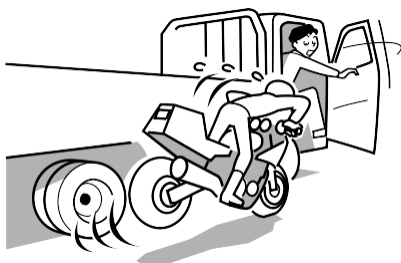
Đừng Chạm Cần Số Khi Xe Đang Đỗ Và Động Cơ Đang Hoạt Động**CẢNH BÁO**

- Đừng chạm cần sang số khi xe đậu và máy đang nổ. Nếu bạn chạm cần sang số vào lúc này, số sẽ được gài và xe di chuyển ngay cả khi phanh tay đã được kéo.

Bảo Đảm Động Cơ Hoạt Động Khi Xe Đang Di Chuyển**CHÚ Ý**

- Khi động cơ không hoạt động, hệ thống điều khiển lái không hoạt động vì thế tay lái rất khó đánh lái. Bộ phận trợ lực phanh cũng không hoạt động nên hiệu quả phanh sẽ giảm. Nếu xe xuống dốc nhưng máy không nổ thì bạn không thể điều khiển xe chính xác và có thể gặp tai nạn.

Kiểm Tra Xung Quanh Trước Khi Mở Cửa



CHÚ Ý

• Trước khi mở cửa, kiểm tra khu vực xung quanh xe bằng cách nhìn về phía trước, phía sau và các bên. Nếu bạn mở cửa bất chợt mà không nhìn khu vực xung quanh, cửa có thể va vào xe khác hoặc người đi bộ.

Rời Khỏi Xe

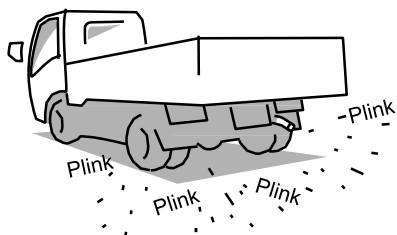


CẢNH BÁO

Khi rời khỏi xe, phải bảo đảm kéo phanh tay, tắt máy và khóa cửa. Đừng để các vật quý giá ở nơi có thể nhìn thấy từ bên ngoài xe.

- Nếu bạn đi cùng với trẻ em, đừng để trẻ em một mình trong xe. Nếu trẻ em chạm vào các bộ phận điều khiển và thiết bị, tai nạn có thể xảy ra. (Ví dụ xe có thể di chuyển hoặc có hỏa hoạn.) Trong cabin cũng có thể trở nên nóng một cách nguy hiểm vào mùa hè.
- Đừng bỏ lại kính mát hoặc bật lửa trong xe; nếu nhiệt độ trong cabin tăng cao, bật lửa có thể bị nổ, kính mát bằng nhựa có thể biến dạng hoặc nứt.

Tiếng Khua Từ Bộ Giảm Thanh

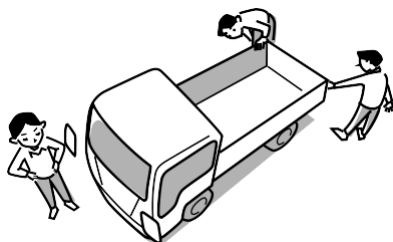


LƯU Ý

Ngay khi tắt máy bạn có thể nghe tiếng khua từ bộ giảm thanh.

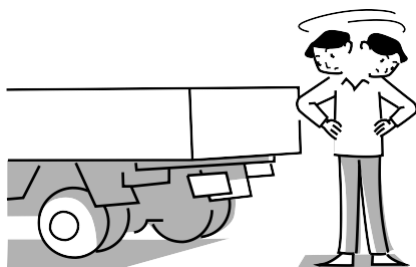
Âm thanh này xảy ra khi bộ giảm thanh nguội dần và co lại. Đây không phải hiện tượng bất thường hay hư hỏng.

Chuẩn Bị Lái Khi Xe Đã Đỗ

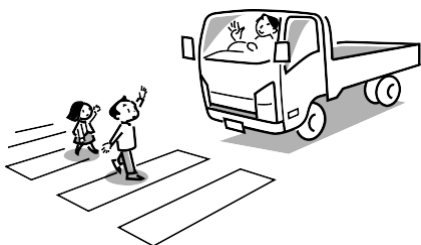


Trước khi khởi hành, thực hiện việc kiểm tra an toàn xung quanh xe, phải bảo đảm là không có trẻ con hoặc vật cản quanh xe.

Lùi Xe



Nếu bạn không thể nhìn khu vực sau xe đủ rõ để biết an toàn, hãy ra khỏi xe và kiểm tra đằng sau.

Khởi Hành Sau Khi Tạm Dừng**CHÚ Ý**

- Hãy tập ra thói quen nhìn quanh để chắc chắn được an toàn khi khởi hành sau khi tạm dừng (ví dụ: khi dừng ở đèn lưu thông).

An Toàn**Khi Môi Chất Nước Làm Mát Bị Nóng****CẢNH BÁO**

- Đừng vận hoặc tháo nắp két nước khi dung dịch làm mát bị nóng. Làm như thế có thể gây nguy hiểm vì hơi và nước nóng có thể phun ra.

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-29

Khi Bầu Giảm Thanh Và Ống Xả Bị Nóng**CHÚ Ý**

- Khi động cơ hoạt động và ngay sau khi xe vận hành, bầu giảm thanh và ống xả cực kỳ nóng. Hãy cẩn thận đừng chạm vào chúng, nếu không bạn sẽ bị phỏng.

Sau Khi Dùng Gạt Tàn Thuốc



CẢNH BÁO

- Phải bảo đảm đóng nắp gạt tàn sau khi dùng. Nếu không, các mẫu thuốc lá chưa tắt có thể gây cháy các mẫu thuốc khác, dẫn đến hỏa hoạn.
- Đừng để gạt tàn quá đầy các mẫu thuốc lá. Cũng đừng bỏ vật bất lửa vào gạt tàn.

Gạt tàn ☐ → Tham khảo trang 5-20

Đừng Dán Vật Linh Tinh Vào Kính Xe



CẢNH BÁO

- Đừng dán các vật trang trí, phim hoặc vật linh tinh khác vào kính chắn gió hoặc kính cửa sổ xe. Chúng có thể che tầm nhìn.

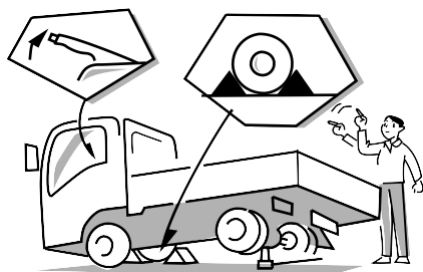
Đừng Dùng Điện Thoại Khi Lái Xe



CHÚ Ý

- Nghe điện thoại trong khi lái xe sẽ làm tài xế mất tập trung và thiếu linh động đánh lái khi xử lý tình huống bất ngờ. Vì vậy, không được phép sử dụng điện thoại trong khi lái xe.
- Nếu muốn sử dụng điện thoại khi đang lái xe thì việc đầu tiên là phải dừng xe ở nơi an toàn.

Sử Dụng Con Đội



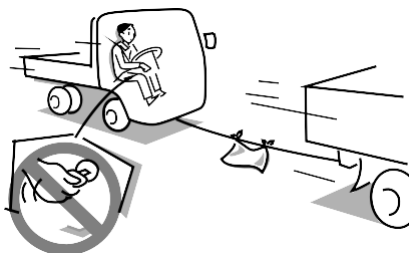
CẢNH BÁO

- Đội xe trên đường dốc hoặc đất mềm có thể cực kỳ nguy hiểm. Phải bảo đảm đội xe ở mặt đất cứng và bằng phẳng.
- Đặt con đội ở vị trí đúng. Đừng quên kéo phanh tay và đặt các vật chêm quanh bánh xe.
- Khi bánh sau được đội lên thì phanh tay không tác dụng. Nếu không đặt các vật chêm vào đúng vị trí sẽ gây nguy hiểm vì xe có thể di chuyển.
- Đừng nhìn dưới gầm xe hoặc chui vào gầm xe khi xe đang được nâng lên. Làm vậy sẽ rất nguy hiểm.

Dụng Cụ → Tham khảo trang 7-7

Sử Dụng Con Đội → Tham khảo trang 7- 172

Khi Bình Accu Hết Điện



CHÚ Ý

- Không khởi máy bằng cách đẩy hoặc kéo xe. Bạn có thể làm hư động cơ.

Khởi Động

Khi Bình Accu Hết Điện → Tham khảo trang 8-13

Ngăn Ngừa Hư Hỏng**Đừng Đặt Chân Lên Bàn Đạp Ly Hợp Khi Lái Xe** M/T**KHUYẾN CÁO**

• Nếu bạn đặt chân trên bàn đạp ly hợp trong khi lái xe, bộ ly hợp có thể nhả ra một phần mà bạn không nhận ra, khiến cho các bộ ly hợp mòn và bị trượt. Cũng đừng dùng ly hợp để kèm giữ xe (thay vì dùng phanh), ví dụ khi lên dốc.

Dầu Nhớt Có Dơ Hay Không?**KHUYẾN CÁO**

• Nhớt động cơ có chức năng quan trọng sau đây:

- Chống ăn mòn cho các bộ phận động cơ.
- Làm mát các bộ phận động cơ.
- Làm sạch các bộ phận động cơ.
- Làm kín buồng đốt và chống gỉ.

Hãy thay thế nhớt động cơ định kỳ.

Kiểm Tra Xe Hằng Ngày → Tham khảo trang 7 -18

Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-24

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

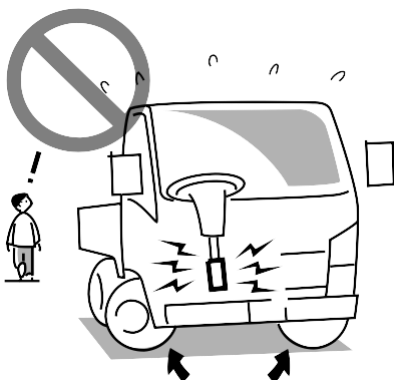
Đừng Leo Lên Động Cơ



KHUYẾN CÁO

- Đừng bước lên hoặc leo lên động cơ, bạn có thể làm hư các nắp đậy xy lanh hoặc các khớp nối khác.

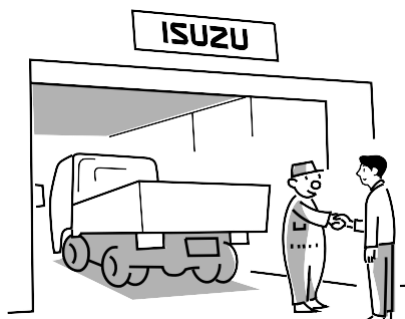
Đừng Đanh Tay Lái Đánh Hết Mức Trong Thời Gian Dài



CẢNH BÁO

- Nếu bạn để tay lái đánh hết mức trong một thời gian dài, dầu trong bộ phận bơm trợ lực lái sẽ trở nên cực nóng, điều này khiến việc bôi trơn không tốt, dẫn đến bơm dầu trợ lực lái bị hư, hệ thống điều khiển lái hư. Kết quả là tay lái rất khó điều khiển, dễ gây tai nạn hoặc hỏa hoạn.

Bảo Đảm Xe Được Kiểm Tra Định Kỳ



KHUYẾN CÁO

- Kiểm tra và bảo dưỡng có thể giúp bạn yên tâm sử dụng xe. Chúng cũng kéo dài tuổi thọ của xe.

Kiểm Tra Xe Hằng Ngày → Tham khảo trang 7-18

Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-24

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Với Xe Dùng Phanh Thủy Lực, Đừng Đạp Bàn Đạp Phanh Trong Một Thời Gian Dài



CHÚ Ý

• Không thực hiện chỉ dẫn trên sẽ khiến dầu trở nên rất nóng, điều này khiến làm hư bình chứa dầu và làm hư các niêm, có thể dẫn đến hư hỏng các chi tiết của hệ thống phanh. Nếu có sự cố rò rỉ dầu, bàn đạp phanh sẽ khó đạp và có thể dẫn đến tai nạn bất ngờ.

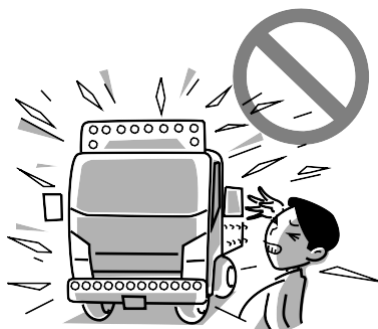
Khi Đến Đại Lý Isuzu

Không Thay Đổi Kết Cấu Xe



CHÚ Ý

- Gắn các bộ phận không thích hợp vào xe có thể dẫn đến hư hỏng hoặc tai nạn. Để điều chỉnh (ví dụ điều chỉnh động cơ) và lắp các thiết bị, hãy tham vấn đại lý Isuzu.
- Nếu bạn muốn gắn các chi tiết khác vào xe, hãy tham vấn đại lý Isuzu.



Hãy Để Đại Lý Isuzu Thực Hiện Việc Điều Chỉnh Động Cơ



CHÚ Ý

- Đừng tự điều chỉnh động cơ. Hãy để đại lý Isuzu làm điều đó

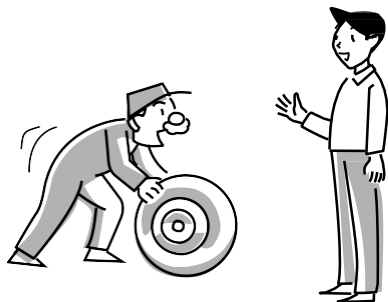
Hàn Điện



KHUYẾN CÁO

- Hàn điện bất cẩn trên các bộ phận xe có thể khiến dòng điện hàn chạy ngược vào mạch tiếp mát của xe và gây hư hỏng các bộ phận điện và điện tử khiến chúng không hoạt động bình thường. Khi cần hàn điện, hãy tham vấn đại lý Isuzu

Thay Lốp Xe Và Bánh Xe



CHÚ Ý

- Tham vấn đại lý ISUZU trước khi thay lốp xe hoặc bánh xe. Đừng dùng bánh xe không đúng thiết kế cho xe, lốp xe khác loại hay lốp xe không có kích thước chỉ định. Làm thế sẽ suy giảm hoạt động an toàn của xe.

Bánh Xe Và Lốp Xe → Tham khảo trang 7-113

Thanh Bánh Xe → Tham khảo trang 7-128

Lắp Thiết Bị Điện



CẢNH BÁO

• Lắp đặt hoặc tháo radio, loa hoặc các thiết bị điện khác không đúng cách có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện trên xe và gây hư hỏng hoặc cháy, nặng hơn có thể làm nổ túi khí trong xe. Hãy đảm bảo rằng các thiết bị điện trên xe được tháo lắp bởi đại lý Isuzu



KHUYẾN CÁO

[Lắp đặt thiết bị radio]

Không lắp đặt bất kỳ thiết bị radio, thiết bị vô tuyến hoặc ăng ten không đạt tiêu chuẩn lên xe. Tiếng ồn từ bộ vô tuyến có thể gây nhiễu điện tử với thiết bị điện, điện tử trên xe và các hệ thống khác, kết quả có thể làm hỏng xe hoặc làm cho các thiết bị điện tử không hoạt động bình thường. Hãy hỏi ý kiến của đại lý Isuzu nếu muốn lắp đặt thiết bị vô tuyến.

Tua-bin Tăng Áp (Turbo Tăng Áp) **Động Cơ Bắt Đầu Hoạt Động**

Khởi động động cơ và để động cơ hoạt động ổn định trước khi tăng tốc; việc này sẽ giúp các chi tiết bạc đạn bên trong tua-bin được bôi trơn đầy đủ. Tránh bị hỏng hóc do thiếu bôi trơn.

Động Cơ Dừng Hoạt Động**KHUYẾN CÁO**

Sau khi chạy xe với tốc độ cao, hãy để động cơ chạy cầm chừng khoảng 3 phút trước khi tắt máy; điều này sẽ giúp tua-bin tăng áp giảm tốc độ quay về mức bình thường, giúp kéo dài tuổi thọ của tua-bin tăng áp.

Bộ Chuyển Hóa Xúc Tác Khí Xả (DPD)

Bộ chuyển hóa xúc tác (hay còn gọi là bộ DPD) có cấu trúc gồm bầu oxidation catalyst; có công dụng chuyển hóa các thành phần độc hại trong khí xả thành nước và carbon dioxide.

**CẢNH BÁO**

- Khi nhiệt độ khí xả từ động cơ diesel không cao (động cơ xe đang chạy cầm chừng), lúc này bộ oxidation catalyst sẽ không hoạt động. Khi động cơ tăng tốc, nhiệt độ khí xả lúc này sẽ tăng cao đột ngột, gây ra hiện tượng khói trắng.
- Ống xả rất nóng khi động cơ đang hoạt động hoặc vừa dừng. Lưu ý tránh đung vào; nếu không bạn sẽ bị bỏng.

**CHÚ Ý**

- Đối với các xe đạt tiêu chuẩn Euro IV, nhiên liệu diesel phải là loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh không lớn hơn 0,001.
- Hiệu quả của bộ chuyển hóa xúc tác khí xả sẽ thấp nhất khi xe hoạt động ở chế độ cầm chừng.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu xe có trang bị bộ DPD hãy sử dụng nhớt động cơ có chất lượng đúng với khuyến cáo. Nếu sử dụng nhớt không phù hợp sẽ nhanh chóng gây ra hiện tượng nghẹt lõi lọc DPD và làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu.
- Luôn phải sử dụng nhiên liệu đạt chuẩn 0,001S.
- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ khiến cho việc bôi trơn bên trong hệ thống nhiên liệu giảm đi, dễ làm nghẹt lọc nhiên liệu, ảnh hưởng đến chất lượng kim phun...và có khả năng dẫn đến cả hư hỏng động cơ.
- Đừng tự ý độ chế hoặc thay đổi kết cấu hệ thống DPD và ống xả. Nếu có nhu cầu sửa chữa thay thế gì liên quan đến hệ thống ống xả, hãy liên hệ với các đại lý Isuzu gần nhất.
- Hệ thống DPD sẽ tự chuyển hóa xử lý khi phát hiện các muội than đã bám đủ nhiều bên trong bộ lọc.
- Tài xế có thể chọn chế độ chuyển hóa thủ công bằng cách ấn vào nút. Nút này đèn chỉ báo chế độ chuyển hóa thủ công sẽ bật sáng. Lúc này hãy tuân thủ theo các hướng dẫn để hoàn tất việc chuyển hóa xử lý khí xả.
- Khi thực hiện việc chuyển hóa xử lý khí thải thủ công, hãy chuyển tay số về vị trí "N".

**CẢNH BÁO**

- Trong quá trình bộ DPD hoạt động, van phanh khí xả có thể tự bật tắt, lúc này sẽ có âm thanh phát ra từ hệ thống ống xả. Hiện tượng này là bình thường.
- Trong quá trình chuyển hóa xử lý các bụi than tích tụ trên lõi bộ lọc DPD, sẽ có khói trắng xuất hiện. Đây là hiện tượng bình thường, không phải hư hỏng.
- Mùi của khói tạo ra từ bộ DPD có thể sẽ làm người lái xe khó chịu do nó khác thành phần và mùi với khí xả của các xe không trang bị bộ DPD.
- Van phanh khí xả có thể tự động kích hoạt để ngăn việc tạo ra quá nhiều khói trắng nếu động cơ hoạt động với tốc độ cầm chừng trong một thời gian quá dài.
- Động cơ hoạt động với tốc độ cầm chừng trong một thời gian quá dài. Sẽ tạo ra khói trắng ở ống xả. Đây là hiện tượng bình thường, không phải hư hỏng.
- Hệ thống DPD sẽ tự kích hoạt và sẽ tăng nhẹ tốc độ động cơ nếu xe nổ máy và đậu tại chỗ quá lâu, hoặc chạy với tốc độ chậm trong một thời gian quá dài.

Bộ chuyển hóa xúc tác khí xả (DPD) → Tham khảo trang 4-120

Nhớt động cơ → Tham khảo trang 7-24

Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

Việc kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ là cần thiết để tránh các hư hỏng xảy ra cho xe. Hãy luôn tuân thủ các khuyến cáo bảo dưỡng.

Nếu xe phát sinh các hiện tượng như bảng miêu tả dưới đây, hãy kiểm tra và xử lý theo hướng dẫn.

Nếu bạn không thể tự xử lý các trục trặc này, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được tư vấn, kiểm tra, sửa chữa.

Triệu Chứng	Lý do	Cách xử lý	Tham khảo
Khói Trắng	Động cơ chưa nóng	Làm nóng động cơ.	4-44 4-46
	Quá nhiều nhớt động cơ	Châm đúng nhớt	7-25
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	⊙	—
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	⊙	—
	Để động cơ xe hoạt động cầm chừng quá lâu (hơn 2 giờ)	Ấn bàn đạp ga và kiểm tra lượng khói có giảm hay không	—
Khói Đen	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	⊙	—
	Nghẹt lọc gió	Vệ sinh lọc gió	7-60 7-63
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	⊙	—
	Nghẹt hệ thống xả	⊙	—
	Lỗi hệ thống DPD	⊙	—



KHUYẾN CÁO

- Với các hạng mục có kí hiệu ⊙, việc kiểm tra sửa chữa nên được thực hiện bởi các đại lý Isuzu.

Bộ Lọc & Xử Lý Khí Thải

Bộ lọc & xử lý khí thải dùng nhiệt để đốt & chuyển hóa các thành phần chưa cháy sạch trong khí thải thành hơi nước và carbon dioxide.

Diễn giải một cách cơ bản, khi động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng, nhiệt độ khí xả sẽ thấp, lúc này bộ lọc và xử lý khí thải sẽ chưa hoạt động. Các thành phần trong khí xả chưa cháy sạch sẽ tích tụ ở bộ lọc. Khi động cơ bắt đầu tăng tốc, nhiệt độ khí xả sẽ tăng cao và đốt nóng bộ lọc làm các chất bám vào bộ lọc được tống ra ngoài dưới dạng khói trắng. Lượng khói trắng nhiều hay ít phụ thuộc vào thời gian động cơ đã hoạt động ở tốc độ thấp dài ra sao.

**KHUYẾN CÁO**

- Đối với các xe đạt tiêu chuẩn Euro IV, nhiên liệu diesel phải là loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh không lớn hơn 0,001. Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ khiến cho việc bôi trơn bên trong hệ thống nhiên liệu giảm đi, dễ làm ghệt lọc nhiên liệu, ảnh hưởng đến chất lượng kim phun...và có khả năng dẫn đến cả hư hỏng động cơ.
- Đường ống xả và bầu giảm thanh có nhiệt độ cực nóng kể cả khi xe đã dừng. Lưu ý đừng tự ý đụng vào hệ thống ống xả hoặc độ chế, thay đổi kết cấu đường ống xả.

**KHUYẾN CÁO**

- Để giảm lượng khói trắng tạo ra trong quá trình xử lý khí thải, giảm thiểu tác động đến môi trường & tránh tình trạng ám lên toàn cầu...đừng để xe hoạt động ở tốc độ cầm chừng ở thời gian quá dài.

**CHÚ Ý**

- Khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau một thời gian hoạt động ở tốc độ cầm chừng quá dài, một lượng lớn khói trắng sẽ được tổng ra khỏi ống xả. Hiện tượng này là bình thường, không phải là hư hỏng.
- Nguyên nhân là lúc này bộ lọc & xử lý khí thải đang đốt lại các tạp chất cháy chưa sạch trên bộ lọc, chuyển hóa chúng thành hơi nước và carbon dioxide
- Bộ lọc và xử lý khí thải này nằm bên trong bầu giảm thanh và không thể tháo rời.

Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

Việc kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ là cần thiết để tránh các hư hỏng xảy ra cho xe. Hãy luôn tuân thủ các khuyến cáo bảo dưỡng..

Nếu xe phát sinh các hiện tượng như bảng miêu tả dưới đây, hãy kiểm tra và xử lý theo hướng dẫn.

Nếu bạn không thể tự xử lý các trục trặc này, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được tư vấn, kiểm tra, sửa chữa.

Hiện tượng	Lý do	Cách xử lý	Tham khảo
Khói trắng	Động cơ chưa nóng	Làm nóng động cơ.	4-44 4-46
	Quá nhiều nhớt động cơ	Châm đúng lượng nhớt	7-25
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	☉	—
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	☉	—
	Để động cơ xe hoạt động cầm chừng quá lâu (hơn 2 giờ)	Ấn bàn đạp ga và kiểm tra lượng khói có giảm hay không	
Khói đen	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	☉	—
	Nghẹt lọc gió	Vệ sinh hoặc thay thế	7-60 7-63
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	☉	—
	Nghẹt hệ thống xả	☉	—



KHUYẾN CÁO

- Với các hạng mục có kí hiệu ☉, việc kiểm tra sửa chữa nên được thực hiện bởi các đại lý Isuzu.

Các Dòng Xe Có Trang Bị Bộ Giới Hạn Tốc Độ

V

Bộ Giới Hạn Tốc Độ

Hệ thống này có chức năng ngăn không cho xe vượt quá giới hạn tốc độ đã ấn định. Tốc độ giới hạn này được dán ở cửa phía tài xế.

Thị trường	Giới hạn
Argentina	90 km/h (56 MPH)
Guatemala	80 km/h (50 MPH)
Kenya	80 km/h (50 MPH)
Nam Phi	100 km/h (62 MPH)
	80 km/h (50 MPH)



CHÚ Ý

- Thiết bị này không có chức năng điều khiển hệ thống phanh. Nó không thể giúp xe giảm tốc khi đang đổ đèo dốc.
- Nếu đổi kích thước lốp không đúng tiêu chuẩn, chức năng này sẽ không còn hoạt động chính xác.



LƯU Ý

- Thiết bị này giới hạn tốc độ của xe bằng cách can thiệp vào lượng phun dầu tại kim phun.

Dây Đai An Toàn Và Túi Khí

V



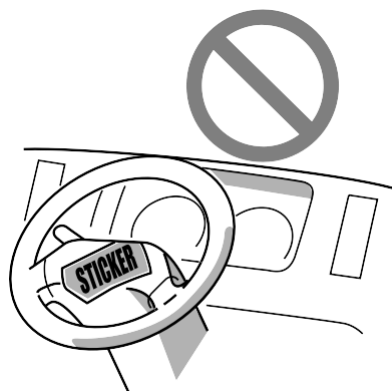
Một số xe hiện này đã có trang bị dây đai an toàn và túi khí trên xe. Các hệ thống này sẽ giúp giảm thiểu các nguy cơ tác động vật lý đến người ngồi trong xe. Để đảm bảo hiệu quả an toàn là cao nhất, hãy luôn ghi nhớ và tuân thủ các hướng dẫn sau.

**CẢNH BÁO**

- Phải luôn đeo đai an toàn trước khi bắt đầu lái xe. Đừng chỉnh ghế ngồi quá sát vô lăng, cũng đừng nên ngồi quá xa. Nếu có phụ xé trên xe, hãy ngồi nghiêm chỉnh và cài dây an toàn, đừng gác chân lên taplo xe hoặc ngồi quá sát bảng điều khiển (taplo xe). Trong trường hợp túi khí phát nổ, nó có thể làm cho cả tài xế hoặc phụ xé bị thương ở vai và mặt.
- Đừng ôm hay để vật gì giữa tài xế và bảng điều khiển, trong trường hợp túi khí phát nổ các vật chắn này có thể sẽ đập ngược lại và gây thương tích cho tài xế.
- Không dùng dây đai an toàn cho trẻ nhỏ nếu dây đai an toàn nằm hoặc quá gần phần cổ và cằm của trẻ. Cũng đừng dùng dây đai an toàn nếu nó không vừa hông vì sẽ gây nguy hiểm trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột. Do đó hãy dùng ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ. Để biết thêm chi tiết hãy liên lạc với đại lý Isuzu.
- Kiểm tra độ xoắn dây đai khi cài. Đai an toàn còn các chỗ xoắn sẽ không phát huy đủ chức năng bảo vệ vì nó không thể phân tán lực hiệu quả trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Kiểm tra đai và nếu cần thiết hãy đến đại lý ISUZU gần nhất thay thế khi đai bị sờn hoặc mòn và/hoặc khóa hoặc các bộ phận cơ khác không hoạt động.
- Không được tháo dây đai an toàn hoặc sửa đổi hệ thống.

Ghế ngồi → Tham khảo trang 3-17

Dây đai an toàn → Tham khảo trang 3-26

**CẢNH BÁO**

- Đừng để hay dán vật gì làm ảnh hưởng đến hoạt động của túi khí.
- Đừng dán các sticker lên các khu vực có túi khí.
- Hãy để các đại lý Isuzu tháo sửa chữa vô-lăng, việc tự ý tháo sửa chữa không đúng cách có thể làm kích nổ túi khí

CẢNH BÁO

- Các hạng mục dưới đây cần được sửa chữa/ thay thế bởi các đại lý Isuzu. Nếu không các hệ thống này sẽ hoạt động không ổn định, thậm chí có thể làm ảnh hưởng đến hiệu quả an toàn của xe.
 - Hệ thống đồng hồ taplo, tay lái, bàn đạp phanh..
 - Sửa chữa, thay thế các dây đai an toàn.
 - Gắn các thiết bị giải trí, thiết bị thu phát song radio.
 - Sửa chữa hay sơn cụm đầu cabin xe.

Dữ Liệu Hoạt Động Của Xe

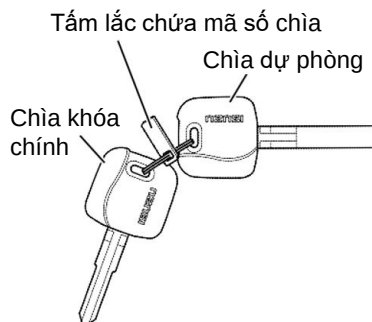
Với việc trang bị hệ thống điều khiển điện tử trên xe, các thông số về tình trạng hoạt động của xe, thói quen của tài xế, mức tiêu hao nhiên liệu...đều được lưu trữ tại hộp điều khiển trên xe. Các thông tin dữ liệu này sẽ được Isuzu phân tích để cải tiến sản phẩm hoặc phục vụ cho công tác chăm sóc khách hàng.



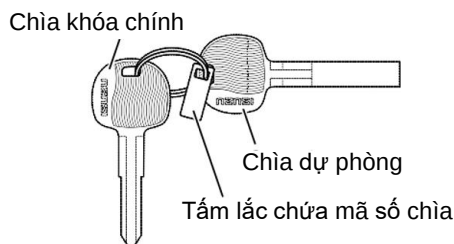
• Chìa Khoá	3-2
• Chìa khóa có chip chống trộm ☐	3-3
• Mở và Đóng Cửa	3-4
• Ra Vào Xe	3-8
• Kính Cửa Sổ Điện	3-9
• Kính Cửa Tay Quay	3-12
• Nắp Thùng Nhiên Liệu	3-13
• Thùng Lũng ☐	3-15
• Hộp Dụng Cụ	3-17
• Ghế	3-17
• Điều Chỉnh Độ Nghiêng Tay Lái	3-23
• Gương Chiếu Hậu	3-24
• Dây Đai An Toàn	3-26

Chìa Khóa

Chìa khóa có chip chống trộm



Chìa khóa không có chip chống trộm



Cả hai mặt chìa khóa giống nhau, vì vậy bạn có thể cắm chìa khóa vào công tắc khởi động với chiều nào cũng được.

Mã số chìa khóa được ghi trên một miếng kim loại riêng để ngăn không cho người lạ sử dụng.

Nơi Nào Để Sử Dụng Chìa Khóa?

Nơi Dùng	Chức Năng
Công Tắc Khởi Động	Khởi Động Và Tắt Máy
Cửa Trước	Mở Và Khoá Cửa
Nắp Thùng Nhiên Liệu	Khoá và Mở Khoá Nắp Thùng Nhiên Liệu



KHUYẾN CÁO

- Luôn giữ chìa khóa sạch sẽ, không để dính quá nhiều đất cát.



LƯU Ý

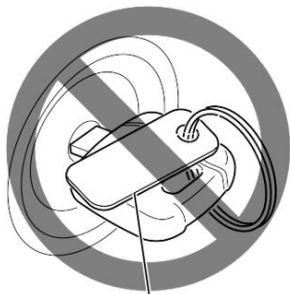
- Để chống trộm, hãy cất thẻ kim loại có mã chìa khóa vào nơi an toàn bên ngoài xe.
- Nếu bạn mất chìa khóa, vui lòng trao số chìa khóa cho đại lý Isuzu gần nhất. Đại lý Isuzu có thể làm lại chìa khóa cho bạn.
- Nếu bạn bán lại xe, hãy nhớ giao tấm thẻ kim loại có mã số chìa khóa cho chủ mới cùng với xe.

Chìa khóa có chip chống trộm V

Bên trong chìa khóa có chip thu phát tín hiệu

Hệ thống chống trộm trên xe chỉ cho phép động cơ hoạt động nếu nhận được tín hiệu từ một chìa khóa đã khai báo trước đó.

Trong trường hợp đã dùng đúng chìa khóa nhưng vẫn không khởi động được động cơ, hãy kiểm tra các hạng mục bên dưới :



Tấm kim loại

- Xe đang ở trong khu vực có sóng radio quá mạnh.
- Có tấm kim loại đang che chắn sóng từ chìa khóa.

**CẢNH BÁO**

- Đừng xoay chìa khóa qua vị trí "START" quá 10 giây.



Chìa khóa gắn chip

- Có chìa khóa khác cũng là dạng chìa có chip chống trộm

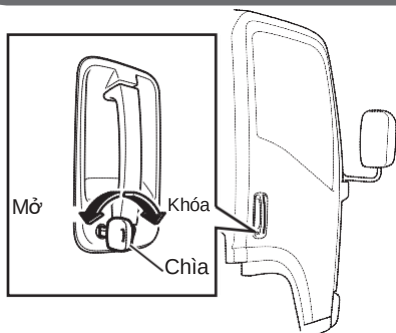
Mở Và Đóng Cửa



CHÚ Ý

- Phải bảo đảm theo các bước sau đây khi bạn rời khỏi xe:
1) Kéo phanh tay. 2) Tắt máy. 3) Khóa cửa.
- Khi đóng cửa, sau khi ngồi vào ghế, hãy kiểm tra cửa được đóng hoàn toàn hay chưa. Lái xe với cửa khép hờ rất nguy hiểm.
- Trước khi mở cửa để leo ra vào cabin, hãy kiểm tra cẩn thận khu vực xung quanh xe có an toàn hay không, đặc biệt là khu vực phía sau xe.
- Không bao giờ để lại chìa khóa trong xe.
- Chỉ nâng cabin khi đã đóng chặt cửa.

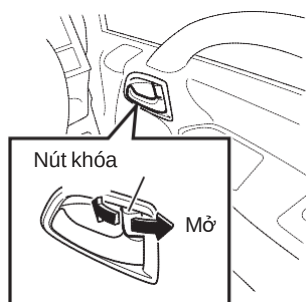
Khóa Và Mở Khóa Cửa Trước



Dùng Chìa Khóa Để Khóa Và Mở Khóa Cửa

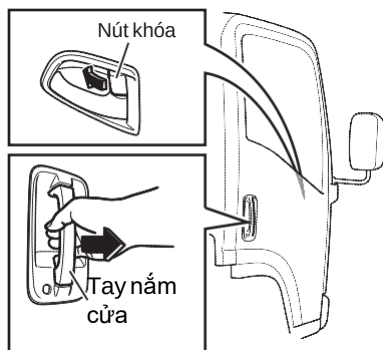
Đút chìa khóa vào ổ.

Vặn chìa khóa về phải trước xe để khóa và vặn về phía sau xe để mở khóa



Khóa Và Mở Khóa Từ Bên Trong

Đẩy nút khóa về phía trước để khóa cửa, kéo nút khóa ra sau để mở khóa. Sau khi mở khóa, mở cửa bằng cách kéo tay nắm cửa bên trong.



Khóa Cửa Từ Bên Ngoài Nhưng Không Dùng Chìa

Đầu tiên đẩy nút khóa trên tay nắm cửa phía bên trong về phía trước và rồi đóng mạnh cửa trong khi nâng tay nắm cửa bên ngoài.



KHUYẾN CÁO

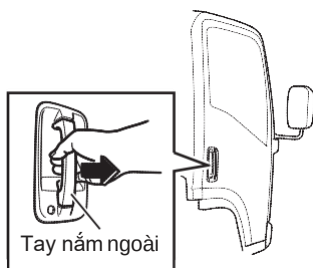
- Trước khi đóng cửa, phải nhớ cầm theo chìa khóa

Khóa Cửa Trung Tâm (Khóa Tự Động) V

Cách hoạt động của hệ thống khóa cửa tự động

Khi bạn khóa hoặc mở khóa cửa bên tài xế dùng chìa hoặc bằng cách ấn nút khóa, hệ thống khóa tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa đồng thời.

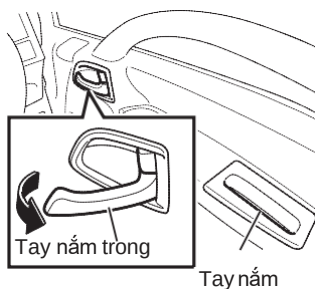
Đóng Và Mở Cửa



Từ Bên Ngoài

Để mở cửa, kéo tay nắm cửa.

Để đóng cửa, ấn tay nắm cửa.



Từ Bên Trong Xe

Để mở cửa, kéo tay nắm trong.



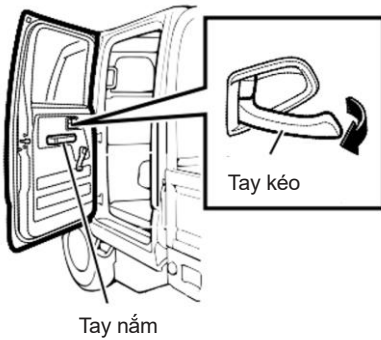
KHUYẾN CÁO

- Trước khi rời khỏi xe, nhớ khóa cửa xe cẩn thận và mang theo chìa khóa.

Đóng Mở Cửa Sau (Cabin Đôi)**Từ bên ngoài xe**

Để mở cửa hãy nắm tay nắm và kéo ra ngoài

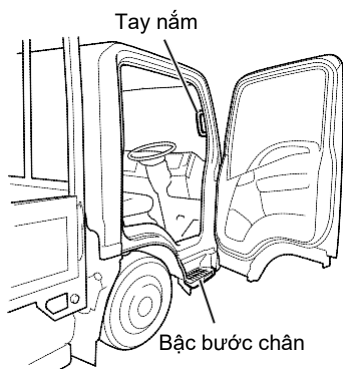
Để đóng cửa hãy nắm tay nắm và đẩy vào

**Từ bên trong xe**

Để mở cửa, nắm tay kéo và kéo ra .

Để đóng cửa hãy nắm vào tay nắm.

Ra Vào Xe



Kiểm tra cẩn thận khu vực xung quanh xe để đảm bảo an toàn, giữ tay nắm. Khi bước ra hoặc vào trong xe, đặt chân lên bậc rồi bước lên xe.



CHÚ Ý

- Khi vào hoặc ra khỏi xe, hãy sử dụng các tay nắm, bậc cửa xe, ... để bạn luôn luôn được đỡ từ ít nhất 3 điểm. Hơn nữa, không được nhảy vào hoặc nhảy ra khỏi xe, vì làm như vậy sẽ gây tai nạn hoặc bị thương.
- Trên các xe có bậc cửa bước lên xe, hãy bước lên đây trước khi bước vào trong xe.
- Vào hoặc ra khỏi xe khi tay hoặc giày có dính dầu nhớt có thể làm bạn trượt. Luôn luôn lau sạch dầu nhớt khỏi tay và giày của bạn trước khi vào hoặc ra khỏi xe.
- Mưa và tuyết có thể làm cho bậc cửa trơn trượt. Do vậy, luôn luôn làm sạch tuyết và băng khỏi giày và bậc cửa và cẩn thận không để trượt ngã khi vào hoặc ra khỏi xe.
- Cẩn thận khi mở hoặc đóng cửa vì gió mạnh hoặc độ dốc sâu có thể làm cho cửa mở hoặc đóng đột ngột.



KHUYẾN CÁO

- Không nên bám vào bộ phận khác ngoài tay nắm khi ra vào xe. Làm vậy có thể gây ra nguy hiểm cho xe hoặc gây ra chấn thương cho mình hoặc người khác.

Kính Cửa Điều Khiển Điện



Kính cửa điều khiển điện chỉ hoạt động khi công tắc khởi động ở vị trí "ON". Mở kính cửa bằng cách ấn công tắc cửa sổ; đóng mỗi cửa sổ bằng cách kéo công tắc lên.

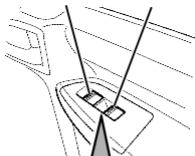


CẢNH BÁO

• Trước khi đóng cửa sổ, phải bảo đảm không có rủi ro nào do tay, đầu hoặc bất cứ gì khác bị kẹt trong khi cửa sổ di chuyển, vì như thế sẽ dẫn đến thương tổn nghiêm trọng. Đặc biệt khi có trẻ em.

Công Tắc Điều Khiển Kính Trên Cửa Tài Xế

Phía tài xế Phía hành khách



	Hạ	Nâng
Phía tài xế		
Phía hành khách		

Để Mở Cửa Sổ Bên Tài Xế

Ấn nhẹ công tắc kính cửa bên tài xế, sẽ hạ kính cửa tài xế xuống cho đến khi công tắc được nhả (vận hành bằng tay). Khi công tắc được ấn mạnh, kính cửa sẽ hạ xuống hoàn toàn mà không cần ấn công tắc liên tục (vận hành tự động). Nếu bạn muốn ngừng chuyển động kính cửa tự động trước khi nó hạ xuống hoàn toàn thì kéo nhẹ công tắc lên.

Để Đóng Cửa Sổ Bên Phía Tài Xế

Kéo nhẹ công tắc kính cửa tài xế sẽ làm kính cửa tài xế di chuyển lên cho đến khi công tắc được nhả.

Để Mở Cửa Sổ Bên Phía Hành Khách

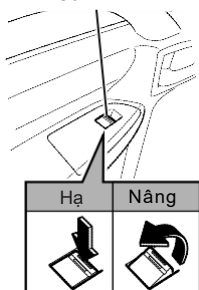
Kính cửa hành khách tiếp tục hạ xuống khi bấm công tắc bên phía hành khách trên cửa tài xế

Để Đóng Cửa Sổ Bên Hành Khách

Kính cửa hành khách tiếp tục di chuyển lên khi kéo công tắc phía hành khách nằm trên cửa tài xế.

Công Tắc Nâng Hạ Kính Cửa Hành Khách Và Cửa Sau

Phía Cửa Hành Khách



Công tắc nâng hạ kính cửa sau (Cabin đôi)

Công tắc nâng hạ kính



CHÚ Ý

- Phải cảnh báo hành khách (đặc biệt trong trường hợp có trẻ nhỏ), không được để bất kỳ phần cơ thể nào bị kẹt khi kính cửa đang di chuyển.

Kính cửa tiếp tục hạ xuống khi công tắc kính cửa đang ấn và tiếp tục di chuyển lên khi công tắc đang được kéo. Nó sẽ ngừng di chuyển ở bất kỳ vị trí nào khi nhả công tắc.

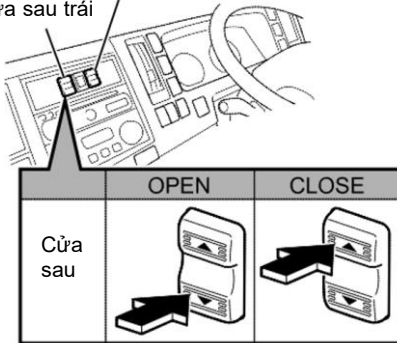


LƯU Ý

- Khi công tắc khóa cửa sổ ở vị trí "LOCK", không thể nâng/hạ kính phía hành khách.

Công tắc nâng hạ kính tại bảng điều khiển (Cabin Đồi)

Cửa sau phải
Cửa sau trái



Để mở kính cửa sau

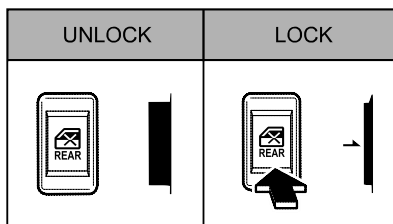
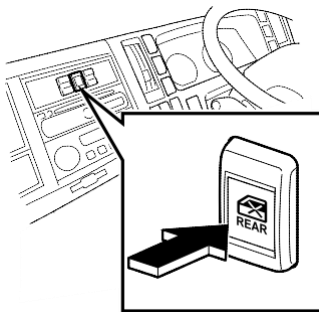
Đơn giản là bạn chỉ cần ấn vào phần dưới của nút

Để đóng kính cửa sau

Ấn vào phần trên của nút.

Khóa kính cửa sau

Ấn vào nút như hình để khóa và mở khóa điều khiển kính cửa sau.



Kính Cửa Tay Quay

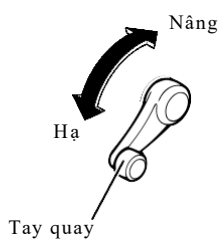
V



CHÚ Ý

•Phải cảnh báo hành khách (đặc biệt trong trường hợp có trẻ nhỏ), không được để bất kỳ phần cơ thể nào bị kẹt khi nâng hạ kính cửa đang di chuyển.

Tay Quay Nâng Hạ



Quay tay quay như hình hướng dẫn để nâng hạ kính cửa.

Nắp Thùng Nhiên Liệu**CẢNH BÁO**

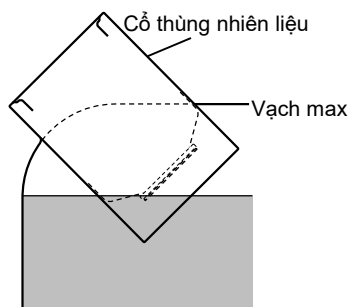
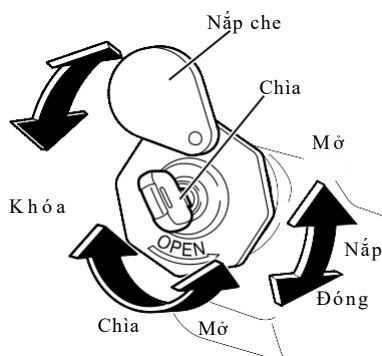
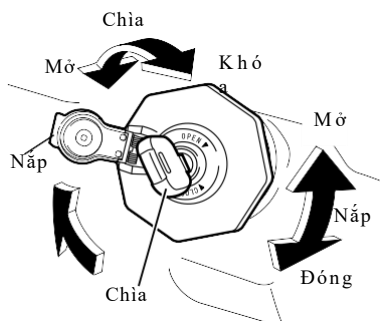
- Phải bảo đảm xoay công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "LOCK" để tắt động cơ trước khi châm nhiên liệu cho xe. Châm nhiên liệu cho xe trong khi động cơ đang chạy sẽ gây ra hỏa hoạn trong xe.
- Khi châm nhiên liệu, không bao giờ hút thuốc hoặc để một nguồn đánh lửa gần bên. Sẽ có nguy cơ hỏa hoạn.
- Sau khi châm nhiên liệu, nắp thùng nhiên liệu phải được khóa chặt.
- Không sử dụng nắp thùng nhiên liệu không phải là phụ tùng chính hãng của Isuzu. Việc sử dụng nắp thùng nhiên liệu không chính hãng có thể làm trào nhiên liệu trong trường hợp xe bị sự cố bất ngờ. Sử dụng nắp thùng nhiên liệu không chính hãng cũng có thể ảnh hưởng đến hệ thống nhiên liệu và hệ thống kiểm soát khí thải.
- Nhớ lau sạch nhiên liệu bị dính khi châm nhiên liệu.

**CHÚ Ý**

• Sử dụng nhiên liệu diesel. Đối với các kiểu xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 5, hãy sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (hàm lượng lưu huỳnh 10ppm hoặc thấp hơn)

• Việc sử dụng nhiên liệu diesel có chất lượng thấp do pha trộn chất phụ gia như là chất khử nước trong nhiên liệu trong bình chứa, hoặc đổ nhầm xăng, dầu hỏa, nhiên liệu gốc cồn hoặc hỗn hợp của nó với nhiên liệu diesel sẽ làm ảnh hưởng xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun. Ngoài ra, việc dùng không đúng nhiên liệu cũng làm giảm khả năng vận hành của động cơ và hệ thống làm sạch khí thải, có thể gây ra hỏng hóc các hệ thống liên quan đến động cơ. Nếu đổ nhầm nhiên liệu, hãy xả toàn bộ nhiên liệu ra khỏi hệ thống. Việc không tuân thủ khuyến cáo này có thể gây ra cháy hoặc hư hỏng vĩnh viễn khi khởi động động cơ.

• Việc không sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp và cực thấp cho xe đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5 có thể làm cho xe không đạt được các tiêu chuẩn về khí thải quy định.



Mở Và Đóng Nắp Thùng Nhiên Liệu

1. Mở nắpche, sau đó ghim chặt chìa khóa và xoay về vị trí "Mở".
2. Vận nắp từ từ theo ngược chiều kim đồng hồ để mở.
3. Châm nhiên liệu vào thùng.
4. Vận kỹ nắp thùng nhiên liệu vào thùng nhiên liệu.
5. Vận chìa khóa về vị trí "Khóa" để khóa nắp thùng nhiên liệu.
6. Kéo chìa khóa ra, sau đó kiểm tra chắc chắn nắp thùng nhiên liệu đã được đóng nắp an toàn.



CẢNH BÁO

- Nếu nắp thùng nhiên liệu không đóng chặt, nhiên liệu rò rỉ có thể phát cháy khi lái xe.
- Đừng châm nhiên liệu tràn quá vạch max trong thùng chứa.



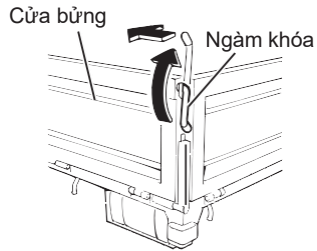
KHUYẾN CÁO

- Khi mở hoặc đóng nắp thùng nhiên liệu phải bản đảm nắm đúng vào nắp chứ không phải chìa khóa. Nếu cố vận nắp bộ lọc thùng nhiên liệu bằng chìa khóa, bạn có thể làm hư chìa khóa.

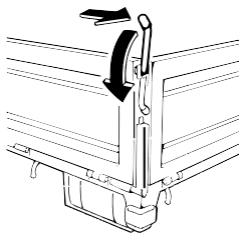
Thùng Lửng

V

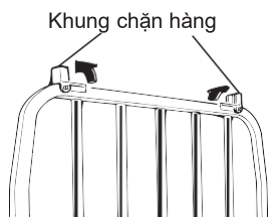
Thùng Lửng

**Cách mở cửa bửng sau**

Kéo ngàm khóa lên trên và mở cửa bửng sau.

**Cách đóng cửa bửng sau**

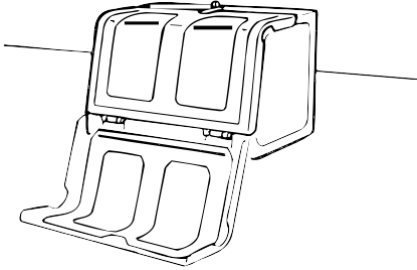
Đóng cửa và kéo ngàm khóa xuống dưới

Khung chặn hàng

Lắp đặt thêm khung chặn hàng nếu bạn có nhu cầu ngăn ngừa hàng hóa trên thùng xe bị trượt và rơi ra ngoài

**CHÚ Ý**

- Khung chặn hàng chỉ có thể chặn được các hàng hóa ít và nhẹ.

Hộp Chứa Đồ ☐

Hộp chứa đồ nằm phía giữa hoặc gần cuối khung xe.

**CHÚ Ý**

- Đóng nắp hộp chứa đồ cẩn thận sau khi sử dụng xong, nếu không cửa sẽ tự bung ra khi xe đang chạy trên đường.

Ghế

Ghế ngồi tài xế phải được điều chỉnh sao cho khi ngồi dựa vào ghế, bạn có thể nhấn hết các bàn đạp mà không cần phải chồm ra khỏi ghế, bạn có thể điều khiển tay lái dễ dàng và thoải mái. Sau khi thực hiện các điều chỉnh, phải kiểm tra ghế ngồi đã được khóa chặt chưa.

Điều chỉnh ghế ngồi để có vị trí lái xe đúng là một phần cơ bản của việc lái xe an toàn

Bảo đảm bạn đánh tay lái dễ dàng



Bảo đảm bạn không cần di vai khỏi lưng ghế

Bảo đảm bạn có thể thắt đai an toàn đúng cách

Bảo đảm bạn có thể nhấn hết các bàn đạp

**CẢNH BÁO**

- Lưu ý khi điều chỉnh ghế, bất kỳ một lỗi nào cũng có thể gây nguy hiểm.
- Không cho phép trẻ em tự ý điều chỉnh ghế, người lớn phải điều chỉnh cho trẻ.
- Điều chỉnh ghế trước khi bạn bắt đầu lái xe. Tránh điều chỉnh ghế trong khi xe đang chuyển động vì ghế chưa được khóa không chỉ di chuyển không ổn định, làm bạn không có được tư thế thích hợp mà còn có thể làm bạn mất kiểm soát xe, có thể gây ra tai nạn. Thử di chuyển ghế mà không cài then sau khi điều chỉnh để kiểm tra xem ghế đã được khóa hoàn toàn hay chưa. Ghế được khóa lỏng có thể di chuyển, điều này có thể gây tai nạn. Hãy đem xe tới đại lý ISUZU để bảo trì nếu bạn cảm thấy ghế không được gài cố định. Ngoài ra, đai an toàn sẽ không hoạt động thích hợp nếu lưng ghế không được khóa hoàn toàn.
- Lái xe với ghế quá nghiêng cũng có thể rất nguy hiểm khi va chạm hoặc dừng đột ngột. Nâng lưng ghế lên và đeo đai an toàn đúng cách khi ngồi thẳng vào ghế.
- Đừng đặt các đệm chêm vào phần giữa lưng bạn và ghế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tư thế ngồi khi lái, và không đảm bảo dây đai an toàn sẽ hoạt động hiệu quả.
- Đừng đặt vật gì bên dưới ghế. Nếu không ghế có thể bị kẹt và không thể di chuyển.
- Trước khi điều chỉnh ghế cần quan sát xung quanh, chắc chắn tay và chân sẽ không bị kẹt khi di chuyển ghế.
- Khi điều chỉnh ghế, lưu ý không để va chạm hay ảnh hưởng đến những người bên cạnh.
- Lưu ý không làm va chạm, hư hỏng các vật dụng, đồ đạc xung quanh khi điều chỉnh ghế.

Ghế Tài Xế

Dạng 1

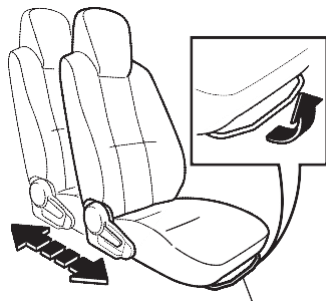


Chốt điều chỉnh

Điều Chỉnh Tới Hoặc Lui

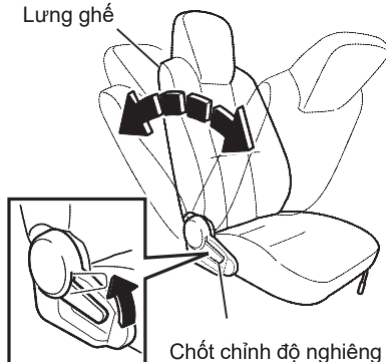
Trong khi nâng chốt khóa, di chuyển ghế tới trước hoặc lui sau. Nhả chốt khi ghế ở trong vị trí thích hợp. Sau khi thực hiện xong phải thử di chuyển ghế tới lui để kiểm tra nó đã được khóa an toàn chưa.

Dạng 2



Chốt điều chỉnh

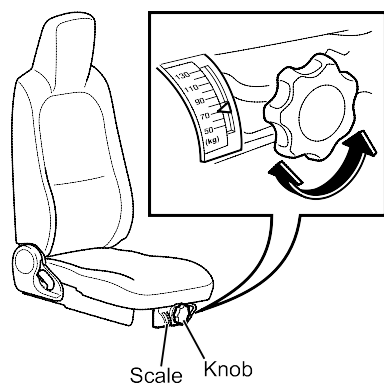
Lưng ghế



Chốt chỉnh độ nghiêng

Chỉnh Độ Nghiêng

Để nghiêng lưng ghế, hãy nâng chốt nghiêng lưng ghế và dựa lưng nhẹ nhàng cho đến vị trí mong muốn. Để di chuyển lưng ghế ra trước, hãy nghiêng người ra phía trước không chạm lưng vào ghế và nâng chốt lên. Sau khi thực hiện các điều chỉnh, hãy kiểm tra lưng ghế đã được khóa chặt hay chưa.

**Điều Chỉnh Ghế Hơi**

V

Trước khi ngồi vào ghế, hãy xoay núm điều chỉnh để điều chỉnh trọng lượng của mình phù hợp với ghế.

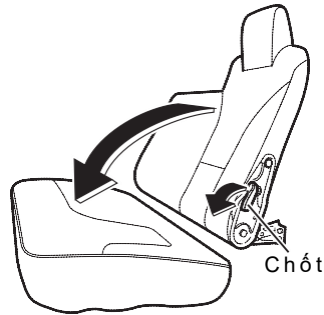
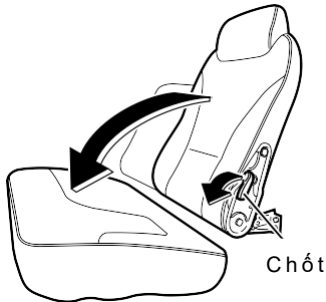
**KHUYẾN CÁO**

- Chỉnh không đúng trọng lượng sẽ không mang lại cảm giác thoải mái cho người ngồi.

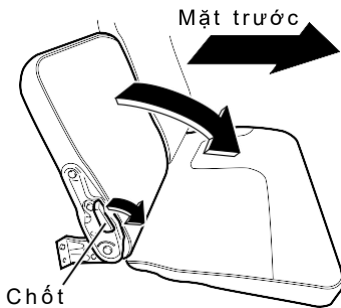
Ghế Hành Khách/ Ghế Giữ ☐

Ghế hành khách (ghế phụ xế) - dạng 1

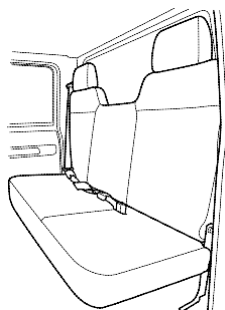
Ghế hành khách (ghế phụ xế) - dạng 2



Ghế giữa

**CHÚ Ý**

- Không được để hành lý vào ghế giữa. Nếu hành lý rơi xuống sàn khi phanh xe, nó có thể cản trở việc đạp phanh.

Ghế Sau ☐

Đừng hạ ghế sau xuống nếu không có nhu cầu sử dụng.

**CHÚ Ý**

- Đừng lái xe khi đang hạ ghế sau. Việc này có thể ảnh hưởng đến việc lái xe.

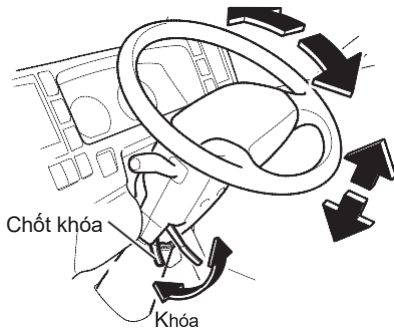
Điều Chỉnh Độ Nghiêng Tay lái

Tay lái có thể được điều chỉnh lên xuống cũng như tới lui.



CẢNH BÁO

- Sau khi điều chỉnh tay lái, thử di chuyển nó lên xuống để bảo đảm nó đã được khóa chặt trước khi bạn lái xe.
- Chỉ điều chỉnh tay lái khi xe không chuyển động. Điều chỉnh tay lái khi xe đang chuyển động rất nguy hiểm vì tay lái chuyển động theo chiều dọc sẽ ngăn tài xế điều khiển xe đúng cách.



Điều chỉnh

1. Nâng chốt khóa về phía trước để mở trục tay lái.
2. Ngồi vào đúng vị trí lái, rồi di chuyển tay lái lên hoặc xuống và tới hoặc lui để chọn vị trí tay lái tối ưu.
3. Khóa chặt tay lái ngay vị trí đã chọn bằng cách kéo chốt khóa vào vị trí khóa.

Gương Chiếu Hậu

Ngồi vào vị trí lái thích hợp và kiểm tra từng gương để đảm bảo gương cho tầm quan sát thích hợp về phía sau, bên hông, khu vực phía trước xe và khu vực đối diện trực tiếp với ghế tài xế. Điều chỉnh nếu cần thiết và lau sạch gương khi bị bám bẩn.

Gương Chiếu Hậu Trong Xe



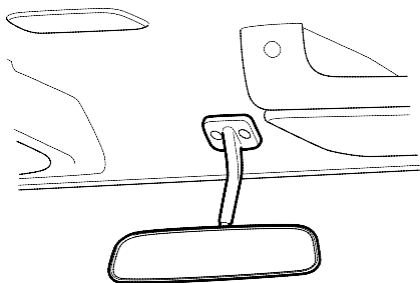
Điều chỉnh

Điều chỉnh kính vào vị trí để có thể nhìn được phía sau.



CHÚ Ý

- Nên điều chỉnh gương khi xe dừng, không được điều chỉnh khi xe di chuyển.



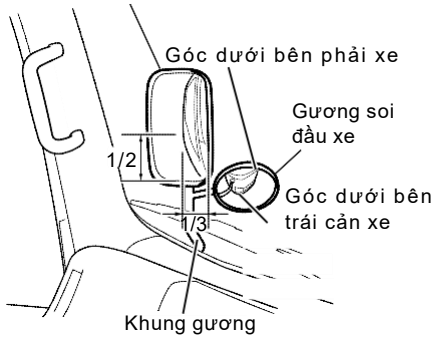
Gương Chiếu Hậu Bên Ngoài



Sau khi điều chỉnh tư thế lái thích hợp, điều chỉnh gương như hình bên dưới để có tầm nhìn thích hợp, có thể quan sát phía sau, bên hông và các khu vực phía trước của xe bằng cách di chuyển từng gương.

Dạng 1

Gương soi bên hông xe



Gương Soi Bên Hông Xe

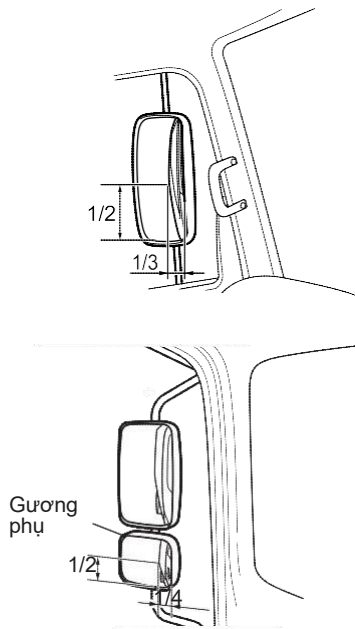
Phương ngang: điều chỉnh gương của bạn để có thể nhìn thấy hông của xe ở một phần ba gương bên trong.

Phương thẳng đứng: điều chỉnh gương để nhìn thấy góc đuôi sau của xe tới một nửa độ cao của gương

Gương Soi Đầu Xe

Điều chỉnh gương sao cho hình ảnh phía giữa cần trước nằm giữa gương.

Dạng 2



Gương Soi Bên Hông Xe

Phương ngang: điều chỉnh gương của bạn để có thể nhìn thấy hông của xe ở một phần ba gương bên trong.

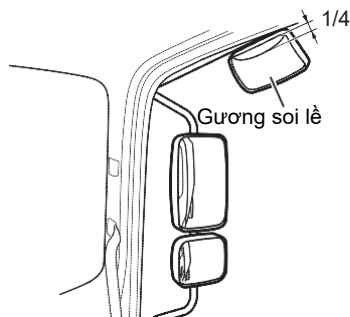
Phương thẳng đứng: điều chỉnh gương để nhìn thấy góc đuôi sau của xe tới một nửa độ cao của gương

Gương Phụ

Phương ngang: điều chỉnh gương để có thể nhìn thấy hình ảnh cạnh xe ở một phần tư gương.

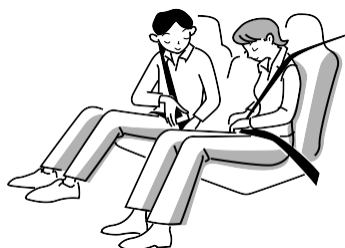
Phương thẳng đứng: Điều chỉnh gương để có thể thấy hình ảnh góc sau xe ở một nửa chiều cao gương.

Gương Soi Lề



CHÚ Ý

- Điều chỉnh gương khi xe đang dừng, không điều chỉnh khi xe đang chuyển động.
- Khi quan sát phía sau xe bằng gương, không được giảm sự chú ý của bạn với giao thông phía trước.
- Khi quan sát xung quanh bằng gương chiếu hậu thì hình ảnh trong gương rất khó xác định khoảng cách thực tế. Hãy sử dụng gương thận trọng để xác định được khoảng cách chính xác.
- Quan sát gương khi vượt xe khác trên đường hẹp, đưa xe vào bãi đỗ hoặc lái xe gần người đi bộ.
- Không lái xe khi gương bị gấp vào.

Dây Đai An Toàn V

Dây đai an toàn có thể không phát huy tốt tác dụng hoặc gây thương tích cho người sử dụng nếu không được cài đúng cách. Không chỉ tài xế xe mà cả hành khách (phụ xế) cũng phải đeo dây đai an toàn trước khi xe chạy. Bạn cần làm quen với việc sử dụng dây đai an toàn đúng cách và phải tuân thủ những chú ý được trình bày trong các trang sau.

Việc sử dụng đúng các dây đai an toàn là cần thiết để đảm bảo an toàn

**CẢNH BÁO**

- Phải luôn đeo đai an toàn trước khi bắt đầu lái xe.
- Đai an toàn có chức năng bảo vệ đầy đủ chỉ khi tài xế xe và hành khách cài chắc chắn đai an toàn khi ngồi thẳng và tựa hoàn toàn vào ghế.
- Đeo đai an toàn khi lưng ghế quá nghiêng có thể rất nguy hiểm trong trường hợp va chạm hoặc dừng đột ngột vì an toàn có thể bị trượt và gây ra thương tích. Đai an toàn phát huy tác dụng tốt nhất khi lưng ghế thẳng đứng.
- Lắp chốt cài vào khớp cho đến khi nghe thấy một tiếng “tách”. Chốt cài chưa lắp không đúng cách sẽ gây nguy hiểm trong trường hợp va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Không đeo đai an toàn ngang mặt, cằm hoặc cổ.
- Đeo đai an toàn ở gần hông, không đeo lên bụng. Đai an toàn quấn quanh bụng sẽ gây ra lực siết lớn và có thể gây thương tích khi va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Không dùng dây đai an toàn cho trẻ nhỏ nếu dây đai an toàn nằm hoặc quá gần phần cổ và cằm của trẻ. Cũng đừng dùng dây đai an toàn nếu nó không vừa hông vì sẽ gây nguy hiểm trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột. Do đó hãy dùng ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ. Để biết thêm chi tiết hãy liên lạc với đại lý Isuzu.
- Hãy sử dụng ghế an toàn phù hợp với kích cỡ của trẻ. Lắp đặt hệ thống này theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.
- Kiểm tra độ xoắn dây đai khi cài. Đai an toàn còn các chỗ xoắn sẽ không phát huy đủ chức năng bảo vệ vì nó không thể phân tán lực hiệu quả trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Quá nhiều chỗ chùng có thể làm tăng mức thương tích vì đai không thể giữ chắc bạn trong trường hợp tai nạn.
- Phụ nữ mang thai hoặc người bị bệnh lý về ngực hoặc bụng nên đến bác sĩ để tư vấn về cách đeo dây an toàn.
- Đai an toàn chỉ dùng cho một người. Nếu đeo cho nhiều người, đai sẽ không hoạt động hiệu quả khi va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Kiểm tra đai và nếu cần thiết hãy đến đại lý ISUZU gần nhất thay thế khi đai bị sờn hoặc mòn và/hoặc khóa hoặc các bộ phận cơ khác không hoạt động.
- Không được tháo đai an toàn hoặc sửa đổi hệ thống.

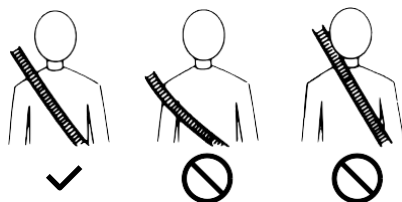
CẢNH BÁO (Tiếp tục)

CẢNH BÁO (Tiếp tục)

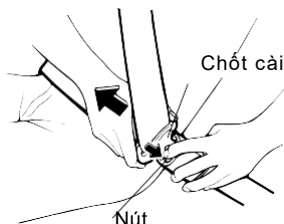
- Nếu xe bị va chạm, các đai an toàn bị giãn và mất độ bền ban đầu do va đập dù bề ngoài vẫn còn nguyên vẹn. Phải kiểm tra những đai an toàn này và thay mới nếu cần thiết.
- Giữ khốp cài và bộ căng đai không bị bụi và vật lạ lọt vào.
- Đeo đai an toàn là yêu cầu của pháp luật. Tài xế xe có trách nhiệm không chỉ đeo đai an toàn cho chính mình mà còn nhắc nhở hành khách đeo đai an toàn. Tuy nhiên, cần tham khảo ý kiến bác sĩ về việc sử dụng đai an toàn dành cho phụ nữ mang thai hoặc hành khách có bệnh lý về ngực/bụng.
- Kiểm tra định kỳ đảm bảo hệ thống đai an toàn hoạt động tốt.
- Không đặt các đồ vật có thể gây ra hư hỏng gần cụm đai an toàn.

Ghế → Tham khảo trang 3-17**Đèn Báo Gài Dây Đai An Toàn ☐ → Tham khảo trang 4-20****Bảo Dưỡng Dây Đai An Toàn → Tham khảo trang 7-198****Dây Đai An Toàn Ba Điểm**

Mỗi ghế ngồi ngoại trừ ghế giữa trên xe được trang bị một dây đai ba điểm. Dây đai sẽ giãn ra hoặc co lại tự do nếu người đeo di chuyển chậm, nhưng nó sẽ chặn và giữ người ngồi khi có lực hướng tới do xóc mạnh gây ra bởi cơ thể người ngồi. Điều chỉnh dây đai vai của tài xế có vị trí thích hợp bằng móc vai.

**CẢNH BÁO**

• Dây đai vai nên đặt thích hợp trên vai nhưng không được chạm vào cổ hoặc mặt. Dây đai vai có thể gây hại trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột nếu nó tiếp xúc vào phần cổ hoặc mặt.



Thắt Dây Đai An Toàn

1. Ngồi vào ghế đúng tư thế lái xe phù hợp.
2. Kéo dây đai, kiểm tra xoắn trên dây đai, ấn chốt cài vào khớp cho đến khi nghe tiếng “tách”
3. Để giảm rủi ro trượt đai trong trường hợp va chạm, đặt dây đai bên dưới hông và điều chỉnh vừa vặn bằng cách kéo phần đai phía trên chốt cài.

Dây đai được thiết kế để giữ chặt khi có va chạm mạnh hoặc dừng đột ngột. Bình thường thì sẽ di chuyển tự do.

Cách Tháo Dây Đai An Toàn

Ấn nút trên khóa. Đai sẽ tự động co lại. Giữ đai di chuyển từ từ cho đến khi đai được kéo về hoàn toàn.



KHUYẾN CÁO

- Khi đai an toàn rút lại có thể làm hỏng cửa sổ gần đó hoặc đồ trang trí nội thất. Giữ đai để đảm bảo rằng dây đai được thu từ từ.
- Trước khi đóng cửa, kiểm tra xem đai an toàn có thu lại hoàn toàn hay không. Đai an toàn bị chùng có thể bị kẹt vào cửa hoặc rãnh điều chỉnh ghế ngồi.
- Khi đai an toàn của hành khách được rút ra hoàn toàn (hoặc không rút ra), hãy kiểm tra nút giữ để đảm bảo đai an toàn không bị chùng.

**CHÚ Ý**

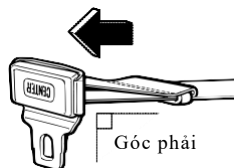
- Khi bạn tiến hành sửa chữa tay lái, bảng điều khiển, bàn đạp ly hợp/ phanh, hoặc gắn các thiết bị âm thanh giải trí, hệ thống an toàn trên xe sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc sửa chữa/ thay thế này.

Dây Đai An Toàn Và Túi Khí ☐ V → **Tham khảo trang 4-131**

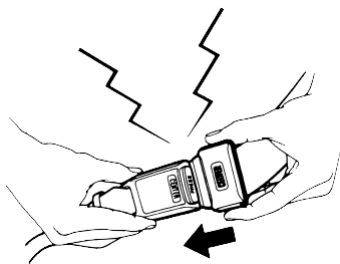
Dây Đai An Toàn Hai Điểm (Ghế Giữa)

Thắt Dây Đai An Toàn

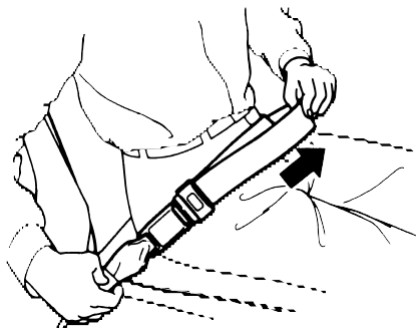
1. Ngồi trên ghế trong tư thế đúng.
2. Kéo cạnh chốt của dây đai dài hơn cần thiết. (Đặt chốt ngay ngắn với dây đai để dễ làm hơn).



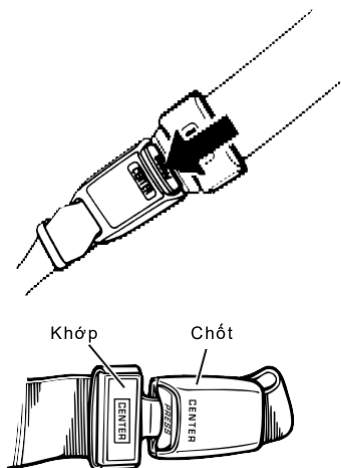
3. Sau khi kiểm tra không có chỗ xoắn trên dây đai, ấn chốt vào đầu khóa cho đến khi nghe tiếng click



4. Đặt dây đai ngang qua đùi thấp tận phần hông. Kéo đầu dây gấp của dây đai (cạnh trên) cho đến khi dây đai được điều chỉnh vừa vặn.



Giữ thấp đến phần hông

**Cách Tháo Dây Đai An Toàn**

Ấn vào nút ở đầu khóa để tháo dây đai.

**LƯU Ý**

[Thiết kế dây đai ghế giữa ngăn chặn cách thắt sai dây]

- Dây đai ghế giữa (dây đai hai điểm điều chỉnh được chiều dài) được thiết kế để không bị vướng với các dây đai ghế bên cửa sổ (dây đai ba điểm có hệ thống ELR).

Ngoài ra cả đầu chốt và đầu khóa của dây đai ghế ngồi giữa được ghi chữ "CENTER" để tránh việc thắt sai dây ghế ngồi giữa.

BẢNG TÁP-LÔ VÀ ĐIỀU KHIỂN

4

KHỞI ĐỘNG VÀ DỪNG ĐỘNG CƠ

4-3

**BẢNG TÁP-LÔ, ĐÈN CẢNH BÁO
VÀ ĐÈN CHỈ BÁO**

4-9

CÁC CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN

4-41

PHƯƠNG PHÁP LÁI XE

4-57

KHỞI ĐỘNG VÀ DỪNG ĐỘNG CƠ

• Khởi Động Động Cơ	4-4
• Dừng Động Cơ	4-8

Khởi Động Động Cơ

Phải bảo đảm tắt cả các công tắc, kể cả công tắc cần gạt nước, điều khiển đèn và máy lạnh đều ở vị trí "OFF".

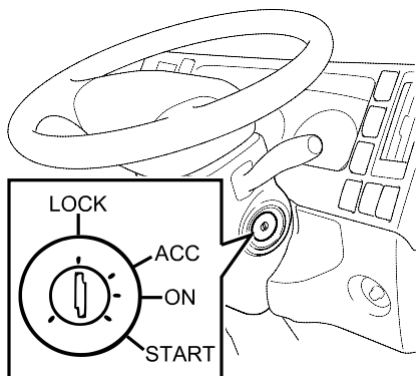
Xoay công tắc khởi động qua vị trí "ON" để kiểm tra các đèn báo và chỉ thị có sáng lên bình thường và mức nhiên liệu đầy đủ hay không.



KHUYẾN CÁO

- Sử dụng chìa khóa dính đất, cát, bụi sẽ gây hư hỏng cho công tắc xe. Hãy luôn giữ chìa khóa sạch sẽ.

Khởi Động Động Cơ



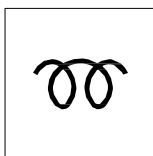
CẢNH BÁO

- Đừng giữ công tắc xe ở vị trí "START" lâu hơn 10 giây. Để lâu hơn 10 giây có thể khiến bình điện hư do quá nóng và thậm chí có thể phát cháy.

Công Tắc Khởi Động → Tham khảo trang 4-42

**CHÚ Ý**

- Nếu xe của bạn được trang bị hộp số thường, hãy kéo phanh tay chặt khi bạn ngồi trong ghế tài xế trước khi khởi động máy. Cũng phải bảo đảm chỉ khởi động máy khi đã nhả bàn đạp ly hợp và cần số ở vị trí "N".
- Nếu bạn nghiêng người qua cửa sổ từ phía ngoài xe để khởi động máy, xe có thể di chuyển nếu cần số ở vị trí khác "N". Điều này rất nguy hiểm. Đừng bao giờ khởi động máy kiểu này.
- Nếu động cơ không khởi động được, hãy đợi 2 giây rồi hãy khởi động lại lần nữa.

Đèn Báo Xông

1. Hãy nhấn bàn đạp ly hợp hết mức.
2. Khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON", đèn chỉ báo xông máy sáng lên và tắt đi trong khoảng 0,5 giây khi động cơ ấm, hoặc trong 4 giây khi động cơ lạnh.



**KHUYẾN CÁO**

- Không đặt chân lên bàn đạp ga trước khi khởi động động cơ. Nếu đạp bàn đạp ly hợp, hệ thống “Làm Giàu Nhiên Liệu Khi Khởi Động” có thể không hoạt động trơn tru, gây ra hiện tượng khó khởi động.

3. Sau khi đảm bảo đèn chỉ báo bugi xong máy đã tắt, bật công tắc máy về vị trí “START” để khởi động động cơ.

4. Nếu xe có trang bị nút điều chỉnh tốc độ cầm chừng, hãy sử dụng để điều chỉnh tốc độ động cơ, mau làm nóng động cơ.

**CHÚ Ý**

- Đừng rời khỏi xe vào lúc này.

5. Khi động cơ đã nóng, hãy xoay nút điều chỉnh tốc độ cầm chừng để động cơ xe hoạt động ở tốc độ trung bình.

**KHUYẾN CÁO**

- Ở nhiệt độ bình thường, động cơ còn lạnh có thể tạo nhiều khói trắng hơn bình thường.
- Trong một số trường hợp nhất định, khi công tắc khởi động ở vị trí "ON" hoặc bàn đạp phanh được nhấn nhiều lần trong khi chạy chế độ cầm chừng, lượng chân không bị giảm và kèn báo động có thể kêu.

Đèn Cảnh Báo Trượt Lực Phanh  → Tham khảo trang 4-23

**LƯU Ý**

[Xông máy]

- Động cơ diesel được kích nổ bằng nhiệt độ cao từ không khí được nén. Điều này có thể khiến động cơ khó khởi động khi trời lạnh bởi vì không khí được nén không thể tạo ra nhiệt độ đủ cao để đốt nhiên liệu. Xông máy có nghĩa là làm nóng khí nén bên trong buồng đốt để động cơ dễ khởi động. Chỉ khởi động máy sau khi đèn báo xông đã tắt.

Dừng Động Cơ**Hãy kéo chặt phanh tay.**

Khi nhả bàn đạp ga, hãy vận công tắc khởi động về vị trí "ACC" hoặc "LOCK".

**KHUYẾN CÁO**

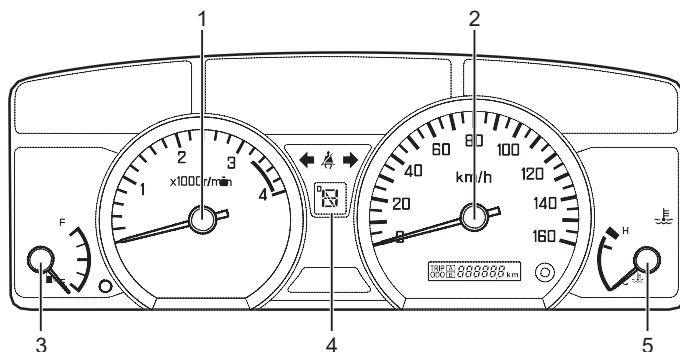
- Đừng tắt máy ngay sau khi lái xe. Nếu không máy sẽ bị kẹt hoặc những hư hỏng khác có thể xảy ra.
- Trước khi tắt máy, hãy trả về tay số "N", kéo phanh tay và để máy chạy cầm chừng khoảng 3 phút.
- Để ngăn không cho bình hết điện, bật công tắc khởi động qua vị trí "ACC" hoặc "LOCK" sau khi tắt máy. Nếu bạn để xe trong một thời gian lâu, hãy xoay công tắc khởi động sang vị trí "LOCK"

**BẢNG TÁP-LÔ, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ
ĐÈN CHỈ BÁO**

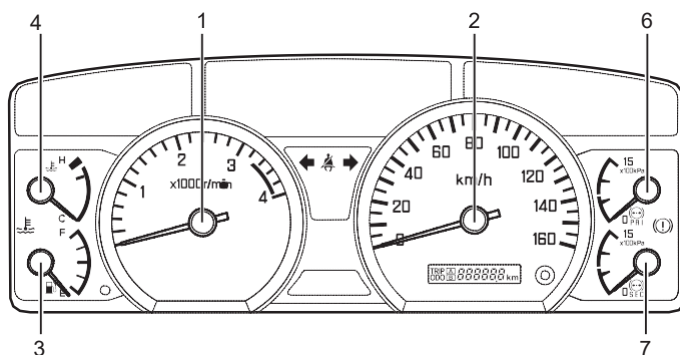
• Giới Thiệu Đồng Hồ Táp-lô (Bố Cục Đồng Hồ Táp-lô)	4-10
• Đồng Hồ Tốc Độ Xe	4-12
• Thiết Bị Ghi Nhận Tốc Độ Xe ☐	4-13
• Đồng Hồ Tốc Độ Động Cơ	4-14
• Đồng Hồ Áp Suất Khí Nén ☐	4-15
• Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ	4-16
• Đồng Hồ Nhiên Liệu	4-17
• Vị Trí Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo	4-18
• Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo	4-20
• Kèn Cảnh Báo	4-40

Giới Thiệu Đồng Hồ Táp-lô (Bố Cục Đồng Hồ Táp-lô)

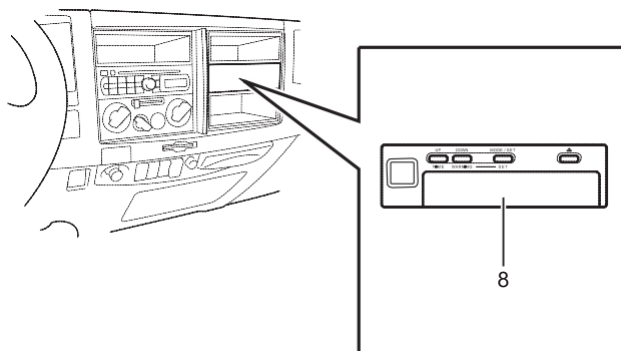
Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Hơi Toàn Phần



Thiết Bị Ghi Nhận Tốc Độ Xe

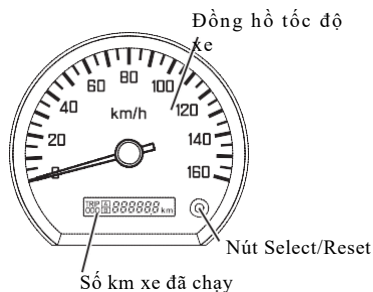


Stt	Tên	Tham khảo
1	Đồng hồ tốc độ động cơ	4-14
2	Đồng hồ tốc độ xe	4-12
3	Đồng hồ nhiên liệu	4-17
4	☐ SA Đồng hồ số	4-65
5	Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát động cơ	4-16

Stt	Tên	Tham khảo
6	☐ FAB Áp kế khí (Sơ cấp)	4-15
7	☐ FAB Áp kế khí (Thứ cấp)	4-15
8	☐ V Thiết Bị Ghi Nhận tốc độ xe	4-13



Đồng Hồ Tốc Độ Xe



Bộ đếm số km đã chạy/Đồng hồ hành trình



Đồng hồ tốc độ xe chỉ vận tốc xe theo km/h. Đồng hồ tốc độ là bộ phận kết hợp với đồng hồ đo quãng đường đã đi. Mỗi lần bạn ấn nhẹ nút "Reset" khi công tắc khởi động ở vị trí "ON", đồng hồ đo quãng đường đi tuần tự hiện ra chữ "ODO", "TRIP A", và "TRIP B" để chỉ mục được chọn.

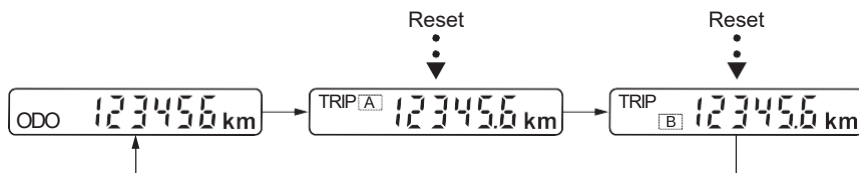
Bộ đếm số km đã chạy

Quãng đường tổng cộng xe đã chạy được chỉ thị theo km.

Đồng hồ hành trình

Đồng hồ hành trình cho biết khoảng cách giữa các điểm nhất định hoặc khoảng cách đã đi trong một thời gian, giá trị bên phải dấu chấm thập phân chỉ đơn vị 100 m.

Dùng hai đồng hồ hành trình bằng cách chuyển đổi giữa "TRIP A" "TRIP B" cho phù hợp. Nếu bạn muốn cài đặt lại đồng hồ hành trình, dùng nút Select/Reset để chọn và hiển thị đồng hồ hành trình mà bạn muốn đặt lại. Công tắc khởi động phải ở vị trí "ON". Sau đó bấm và giữ lại nút này trong ít nhất 1 giây.



→ : Nhấn 1 lần nút Reset/Select

••► : Nhấn và giữ nút Reset/Select (hơn 1 giây)



LƯU Ý

- Khi bạn xoay công tắc khởi động vào vị trí "ON", bộ đếm số km đã chạy và đồng hồ hành trình sẽ hiển thị số đo của lần trước.
- Bạn có thể làm cho quãng đường đã đi hiển thị trên đồng hồ mỗi lần bạn xoay công tắc khởi động đến vị trí "ON". Muốn vậy, xoay công tắc khởi động đến vị trí "LOCK" hoặc "ACC" trong khi quãng đường đi đang được hiển thị, và rồi cùng với việc nhấn nút "Reset/Select", xoay công tắc khởi động đến vị trí "ON".

Trong khoảng 3 giây sau khi vận công tắc đến vị trí "ON", xoay công tắc khởi động về "LOCK" hoặc "ACC".

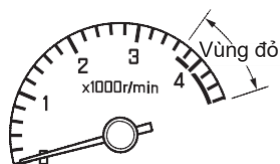
Thiết Bị Ghi Nhận Tốc Độ Xe V



Chỉ có tại các xe tay lái bên trái

Thiết bị này sẽ ghi nhận lại tốc độ xe, hành trình đã đi và các thông tin khác. Các dữ liệu này nhằm giúp tài xế cải thiện kỹ năng lái xe, giảm mức tiêu hao nhiên liệu.

Đồng Hồ Tốc Độ Động Cơ



Loại động cơ	Vùng đỏ (vòng/phút)
4HK1	3,300 - 4,000
4JB1/4JH1	4,200 - 4,600
4JJ1	V V 3,300 - 4,000 3,900 - 4,600
4HG1/4HL1	3,700 - 4,600

Đồng hồ số vòng quay động cơ chỉ báo tốc độ quay động cơ theo vòng trên phút (vòng/phút). (Vạch chia độ "1" trên mặt chia độ chỉ báo 1000 vòng/phút). Vùng đỏ chỉ báo phạm vi nguy hiểm của vận tốc động cơ vượt quá mức độ cho phép.

Không được lái xe với kim của đồng hồ tốc độ ở trong vùng đỏ.

Quy định về vùng đỏ sẽ khác nhau ở từng loại động cơ.



KHUYẾN CÁO

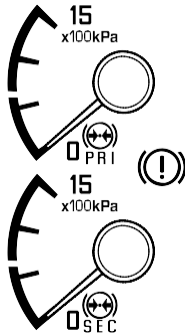
• Cần cực kỳ lưu ý khi chạy lướt xuống triền dốc. Vận tốc động cơ có thể dễ dàng vượt quá vận tốc giới hạn, điều đó có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

Sang Số Đúng Cách → Tham khảo trang 2-23

Cần Sang Số → Tham khảo trang 4-63

Áp Kế Khí (Đồng hồ đo áp suất khí nén)

FAB



Áp suất tiêu chuẩn

780 - 890 kPa
(8.0 - 9.1 kgf/cm²/114 - 129 psi)

Đèn cảnh báo áp suất khí nén



Đồng hồ này chỉ báo áp suất không khí nén trong bình chứa khí nén

Nếu kim đồng hồ chỉ vào vùng đỏ, đèn cảnh báo áp suất không khí nén bật sáng và còi cảnh báo vang lên (Để ngừng còi không báo báo nữa, hãy kéo cần phanh tay lên).

Nếu đèn cảnh báo áp suất không khí nén bật sáng, ngay lập tức ngừng xe và kéo phanh tay. Sau đó đưa cần số vào vị trí "N", cho động cơ hoạt động ở tốc độ chậm chùng để tăng dần áp suất hơi.

Nếu áp suất hơi không tăng lên, hoặc có sai số lớn giữa hai đồng hồ, hoặc mất nhiều thời gian để các kim di chuyển tăng lên, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất..

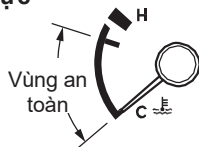
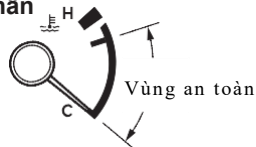
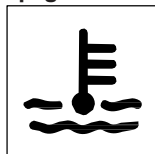
Kiểm Tra Áp Suất Khí Nén

→ Tham khảo trang 7-100



CẢNH BÁO

•Không được lái xe nếu kim đồng hồ đang ở trong vùng đỏ hoặc đèn cảnh báo áp suất khí nén bật sáng. Hệ thống phanh làm việc không hiệu quả gây nguy hiểm cho việc vận hành xe của bạn.

Đồng Hồ Nhiệt Độ Nước Làm Mát Động Cơ**Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực****Xe Dùng Hệ Thống Phanh Hơi Toàn Phần****Đèn Báo Động Cơ Quá Nhiệt**

Khi công tắc máy ở vị trí "ON", đồng hồ này chỉ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ. "C" nghĩa là lạnh trong khi "H" nghĩa là nóng. Nếu động cơ trở nên quá nóng, đèn báo động cơ quá nhiệt sẽ bật và có một tiếng kêu báo động. Trong lúc vận hành xe, kim đồng hồ nên ở trong vùng an toàn.

**KHUYẾN CÁO**

•Nếu kim đồng hồ vượt lên vùng an toàn phía trên để vào vùng "H" khi bạn đang lái xe, động cơ có thể quá nóng. Lập tức lách một cách an toàn ra khỏi đường đang lưu thông và thực hiện các động tác cần thiết để xử lý việc động cơ quá nhiệt.

•Nếu kim ở gần vùng "H" nhưng vẫn còn ở trong vùng an toàn, đây không phải là vấn đề. Nhưng hãy kiểm tra mức độ dung dịch làm mát động cơ trong thùng chứa. Châm thêm vào dung dịch làm mát theo đúng yêu cầu

•Máy có thể bị kẹt nếu tắt động cơ đột ngột. Hãy thực hiện các động tác thích hợp khi động cơ quá nhiệt.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-36

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-29

Đồng Hồ Nhiên Liệu



Khi công tắc máy ở vị trí "ON", đồng hồ này chỉ báo lượng nhiên liệu còn lại trong thùng chứa nhiên liệu. "F" nghĩa là thùng đầy trong khi "E" có nghĩa thùng gần hết.



LƯU Ý

- Hãy tạo thói quen châm đầy thùng nhiên liệu trước khi nó hết hẳn.
- Sau khi châm đầy thùng nhiên liệu, cần có một thời gian để kim đồng hồ nhiên liệu ổn định, sau khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON".
- Nếu thùng nhiên liệu đầy khi động cơ tắt nhưng công tắc khởi động ở vị trí "ON", kim đồng hồ nhiên liệu phải mất một thời gian ngắn để hiển thị đúng chỉ số. Nếu thế hãy bật công tắc khởi động từ vị trí "LOCK" sang "ACC" và rồi đến vị trí "ON" lần nữa.

Đèn Báo Mức Nhiên Liệu Thấp



Đèn báo mức nhiên liệu thấp

Khi xe bạn cạn nhiên liệu, đèn báo mức nhiên liệu thấp sẽ phát sáng.

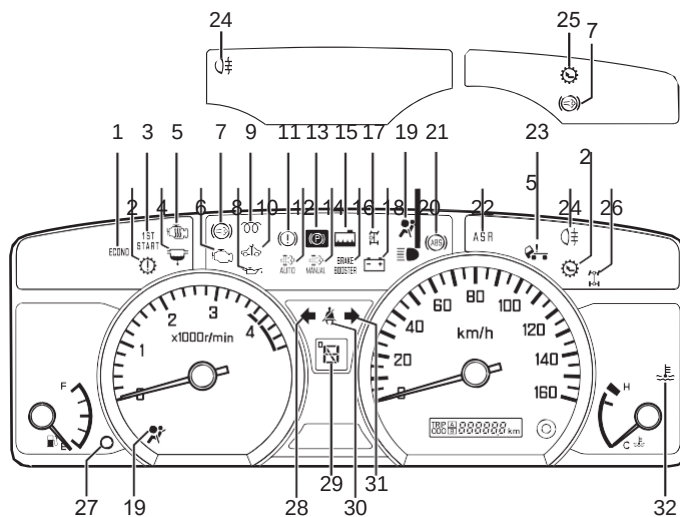


KHUYẾN CÁO

- Nếu xe bạn cạn nhiên liệu, qui trình xả gió phải thực hiện.

Đèn Báo Mức Nhiên Liệu Thấp → Tham khảo trang 4-34
Cạn Nhiên Liệu → Tham khảo trang 8-16

Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực



A detailed line drawing of a vehicle's instrument cluster. The cluster features a central tachometer (labeled 'x1000/r/min') and a speedometer (labeled 'km/h'). To the left of the tachometer are two small gauges for fuel level (F) and engine temperature (H). To the right of the speedometer are two small gauges for oil pressure (OIL) and battery charge (BATT). The instrument cluster is surrounded by various warning lights and indicators, each labeled with a number from 4 to 33. The numbers 4, 5, 6, 8, 9, 10, 13, 17, 18, 20, 21, and 23 point to specific warning lights. The numbers 7, 30, 31, 32, and 33 point to other components, including the tachometer and speedometer themselves. The numbers 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, and 33 are distributed across the cluster, with some numbers pointing to the same component.

Stt	Tên	Tham khảo	Stt	Tên	Tham khảo
1	 Đèn chỉ báo chế độ ECONO	4-38	3	 Đèn chỉ báo chế độ khởi động sơ cấp	4-38
2	 đèn cảnh báo hộp số bán tự động	4-33	4	Đèn cảnh báo lọc tách nước	4-31

Stt	Tên	Tham khảo	Stt	Tên	Tham khảo
5	☐ Đèn chỉ báo xông máy	4-37	18	Đèn cảnh báo máy phát	4-28
6	☐ Đèn báo lỗi động cơ	4-29	19	☐ Đèn cảnh báo hệ thống an toàn	4-20
7	☐ Đèn chỉ báo phanh khí xả	4-36	20	Chỉ báo đèn chiếu xa	4-35
8	Đèn cảnh báo áp lực nhớt	4-26	21	☐ ABS	4-25
9	☐ Đèn chỉ báo bugi xông	4-37	22	☐ ASR	4-37
10	☐ Đèn báo BD xe	4-30	23	☐ Cảnh báo nâng cabin	4-35
11	☐ Đèn cảnh báo hệ thống phanh	4-21	24	☐ Đèn chỉ báo đèn sương mù sau	4-36
12	☐ Đèn chỉ báo hoạt động của bộ DPD	4-39	25	☐ Đèn chỉ báo chế độ LOW	4-34
13	Đèn cảnh báo phanh tay	4-36	26	☐ Đèn chỉ báo 4WD	4-38
14	☐ Đèn chỉ báo hoạt động của bộ DPD	4-39	27	Đèn báo nhiên liệu thấp	4-34
15	☐ Đèn cảnh báo mức nước làm mát	4-32	28	Đèn báo rẽ và báo nguy – bên trái	4-35
16	☐ Đèn cảnh báo hệ thống trợ lực phanh	4-23	29	☐ Chuyển chế độ	4-65
17	☐ Đèn chỉ báo bộ PTO	4-38	30	☐ Đèn cảnh báo dây đai an toàn	4-20
			31	Đèn báo rẽ và báo nguy – bên phải	4-35
			32	☐ Đèn cảnh báo động cơ quá nhiệt	4-27
			33	☐ Đèn cảnh báo áp suất khí nén	4-22

Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo

Đèn Cảnh Báo Chưa Cài Dây Đai An Toàn ☐

Đèn cảnh báo này bật sáng khi tài xế không thắt dây đai an toàn trong khi bật công tắc khởi động qua vị trí "ON".



LƯU Ý

- Đèn cảnh báo này tắt ngay khi tài xế cài dây đai an toàn.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống An Toàn ☐

Đèn cảnh báo hệ thống an toàn sẽ sáng và chớp nháy 7 lần khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON", và sẽ tự tắt.

Nếu đèn này bật sáng có nghĩa hệ thống dây đai an toàn và túi khí đang có vấn đề, và sẽ không hoạt động hiệu quả khi xe có va chạm,



CHÚ Ý

- Nếu đèn này bị lỗi, hãy mang xe đến kiểm tra tại các đại lý Isuzu.

[Lỗi]

- Đèn không tự bật sáng và chớp 7 lần khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON"
- Nếu đèn cảnh báo không tự tắt
- Đèn bật sáng khi xe đang chạy.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh HB

Đèn cảnh báo này sẽ bật sáng ngay khi công tắc bật qua vị trí "ON", và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh bật sáng trong khi động cơ đang chạy, có thể do các nguyên nhân sau:

- Mức dầu phanh bị giảm (do phanh mòn hoặc dầu bị rò rỉ, v.v...).
- Có bất thường trong hệ thống sạc điện (như máy phát hư hoặc dây curoa quạt bị lỏng hay bị nứt).
- Với model dùng hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), có thể có bất thường trong ABS (Đèn cảnh báo ABS sẽ bật sáng).

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống ABS V

→ Tham khảo trang 4-25



CHÚ Ý

- Nếu đèn cảnh báo này bật sáng trong khi động cơ đang hoạt động, hãy đưa xe vào nơi an toàn không có lưu thông và nhanh chóng liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh Hơi FAB

Đèn cảnh báo này sẽ bật sáng ngay khi công tắc bật qua vị trí "ON", và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động.

Đèn cảnh báo này sẽ bật sáng cùng với đèn cảnh báo khi áp suất hơi khí nén trong bình chứa dưới mức quy định.

Áp Kế Khí FAB → Tham khảo trang 4-15

Đèn Cảnh Báo Trợ Lực Phanh HB

Đèn cảnh báo và kèn cảnh báo sẽ cùng bật khi xảy ra các tình huống sau:

- Áp suất chân không trong bầu trợ lực phanh không đủ khi động cơ đang hoạt động hoặc khi xoay chia khóa khởi động qua vị trí "ON".
- Có trục trặc trong hệ thống sạc điện (lồng dây đai, hư hỏng máy phát điện...)
- Bầu trợ lực chân không bị hư hỏng.
- Nếu xe có trang bị hệ thống phanh khí xả, có thể có trục trặc ở hệ thống này khi nó đang hoạt động (kèn cảnh báo sẽ tắt khi kéo phanh tay).

[Model xe có bầu trợ lực chân không] Đèn cảnh báo trợ lực phanh và kèn cảnh báo sẽ bật để chỉ báo còn quá ít hơi dự trữ cho việc hỗ trợ lực phanh.



[Xe trang bị phanh thủy lực]

Khi áp suất bộ trợ lực phanh thủy lực thấp, hoặc dầu (DEXRON III) bộ trợ lực phanh thủy lực có mức thấp, đèn và kèn cảnh báo sẽ bật. Chỉ dùng loại DEXRON III ATF.

Nếu điều này xảy ra trong khi đang lái:

- Đừng nhồi phanh. Lượng chân không trong bầu chứa sẽ giảm nhiều mỗi lần bạn đạp và nhả phanh.
- Kèn cảnh báo sẽ ngưng khi kéo cần phanh tay



CHÚ Ý

• Nếu đèn cảnh báo và kèn cảnh báo bật trong khi phanh khí xả đang được dùng, lập tức tắt vào nơi an toàn không có lưu thông và thực hiện các động tác sau:

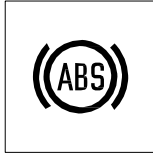
- Khi động cơ vẫn còn chạy, tắt công tắc phanh khí xả. Trục trặc trong hệ thống phanh khí xả đã được khắc phục nếu đèn cảnh báo tắt trong vài giây.

- Nếu đèn cảnh báo không tắt, có trục trặc nằm trong bộ trợ lực phanh.

Hãy đem xe đến đại lý ISUZU gần nhất để kiểm tra càng sớm càng tốt.

• Đèn này sẽ sáng lên khi công tắc máy ở vị trí "ON". Nó sẽ tắt khi động cơ đã khởi động. Nếu đèn không phát sáng khi công tắc máy vừa bật qua vị trí "ON", có thể do đèn đứt bóng hoặc cầu chì, hãy sửa hệ thống này nếu đèn không phát sáng trong quá trình kiểm tra.

• Đừng lái xe trong khi kèn cảnh báo đang kêu, lúc này hệ thống phanh và ly hợp sẽ hoạt động không tối ưu.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống ABS ☒

Đèn cảnh báo này sẽ sáng lên khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí "ON" và sẽ tắt sau khoảng 3 giây.

Ở xe sử dụng hệ thống phanh thủy lực hoặc hệ thống phanh hơi toàn phần, đèn cảnh báo này sẽ sáng lên nếu có trục trặc ở hệ thống chống bó cứng phanh (ABS).

Vào lúc này, hệ thống ABS sẽ không hoạt động nhưng hệ thống phanh thông thường vẫn sẽ hoạt động.



CHÚ Ý

• Nếu đèn cảnh báo sáng trong khi vận hành, dừng xe ngay và thực hiện các bước sau đây.

- Tắt động cơ

- Khởi động lại động cơ. Kiểm tra xem đèn cảnh báo ABS có sáng hay không và sau đó tắt. Nếu hoạt động như vậy, thì không có vấn đề gì. ABS hoạt động bình thường.

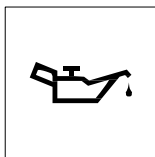
- Chạy xe chậm rãi về phía trước. Từ từ tăng tốc độ tới 15km/h. Nếu đèn tắt, ABS bình thường.

• Nếu đèn cảnh báo không sáng hoặc nhấp nháy liên tục, cần đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra/bảo dưỡng ngay.

• Ngay cả khi có vấn đề trong ABS, hệ thống phanh sẽ vẫn hoạt động như các phanh thông thường. Trong trường hợp này, ABS sẽ không ảnh hưởng đến vận hành hệ thống phanh.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh ☒ → Tham khảo trang 4-86

ĐÈN CẢNH BÁO ÁP SUẤT NHỚT ĐỘNG CƠ



Đèn cảnh báo này sẽ sáng lên khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí "ON" và sẽ tắt khi động cơ hoạt động.

Nếu đèn này sáng lên khi động cơ xe đang hoạt động, có nghĩa áp suất nhớt động cơ đang có giá trị bất thường.

Ở động cơ 4JJ1 hoặc 4HK1 có trang bị cảm biến mức nhớt động cơ, đèn cảnh báo này cũng sẽ sáng nếu mức nhớt động cơ xuống quá thấp.



KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo này sáng trong khi động cơ đang chạy. Ngừng động cơ ngay và kiểm tra mức nhớt động cơ.
- Hệ thống bôi trơn có thể bị hỏng. Hãy đưa xe của bạn tới đại lýsuzu gần nhất để kiểm tra.

Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-24

Đèn Cảnh Báo Quá Nhiệt Động Cơ V

Đèn cảnh báo này sáng khi động cơ quá nhiệt, đồng hồ nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ báo vùng "H". Dừng xe vào nơi an toàn và không gây cản trở giao thông, kiểm tra xe và thực hiện các thao tác cần thiết.

**CẢNH BÁO**

• Khi môi chất nước làm mát động cơ vẫn còn nóng, không được tháo nắp két nước. Hơi nóng sẽ thoát ra và bạn có thể bị bỏng. Chỉ bổ sung môi chất nước làm mát động cơ khi nhiệt độ giảm.

Châm Thêm Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-40

**CHÚ Ý**

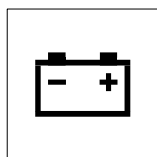
• Nếu bạn tiếp tục lái xe khi đèn báo quá nhiệt động cơ vẫn sáng, động cơ có thể bị bó máy.

**KHUYẾN CÁO**

• Không được tắt máy đột ngột khi động cơ quá nhiệt. Nếu không, động cơ có thể bị bó máy. Thực hiện các thao tác cần thiết khi động cơ bị quá nhiệt.

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-29

Đèn Cảnh Báo Máy Phát Điện



Đèn cảnh báo này phải phát sáng khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON", và phải tắt sau khi máy đã khởi động.

Khi động cơ xe đang hoạt động, đèn cảnh báo này sẽ phát sáng nếu có trục trặc trong hệ thống sạc bình (như dây curoa quạt lồng hoặc bị đứt).



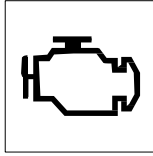
KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo này bật trong khi xe đang chạy, hãy lập tức tắt xe vào một nơi an toàn không có lưu thông và nhanh chóng liên lạc với đại lý ISUZU gần nhất để kiểm tra.

Dây Đai Quạt Gió → Tham khảo trang 7-53

Xử Lý Bình Accu → Tham khảo trang 7-181

Khi Bình Accu Hết Điện → Tham khảo trang 8-13

Đèn Báo Kiểm Tra Động Cơ ☐

Đèn cảnh báo này phải phát sáng khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON", và phải tắt sau khi máy khởi động. Nếu đèn cảnh báo này phát sáng trong khi máy đang chạy, điều này cảnh báo bạn có trục trặc trong hệ thống điều khiển điện tử của động cơ.



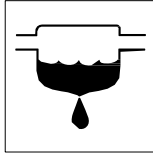
KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn này sáng khi động cơ đang chạy, tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.
- Dù cho xe vẫn có thể tiếp tục hoạt động, hãy đưa đến đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể để kiểm tra hệ thống. Cố gắng vận hành xe vào lúc này sẽ làm phát sinh trục trặc ở hệ thống kiểm soát khí xả, tiêu hao nhiên liệu và điều khiển lái.

Đèn Nhắc Bảo Dưỡng Xe ☐

Đèn nhắc bảo dưỡng xe sẽ sáng khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí "ON" và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động.

Nếu đèn chỉ báo này sáng hãy mang xe đến đại lý Isuzu gần nhất để thực hiện việc bảo dưỡng xe định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Đèn Cảnh Báo Bộ Tách Nước

Đèn cảnh báo này phát sáng khi nước trong bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) cần phải tháo ra.

Tháo nước theo hướng dẫn trong phần "Tháo nước khỏi bộ lọc nhiên liệu" và bảo đảm đèn cảnh báo tắt đi.

**CHÚ Ý**

- Nếu đèn cảnh báo này phát sáng khi động cơ đang hoạt động, hãy nhanh chóng tháo nước khỏi bộ lọc nhiên liệu. Nếu bạn vẫn tiếp tục lái xe khi đèn này phát sáng, hệ thống phun nhiên liệu có thể bị hư hỏng.

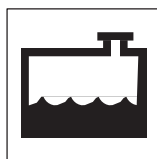
Xả Nước Khỏi Lọc Nhiên Liệu → Tham khảo trang 7-84

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động cơ 4HK1/4JJ1) → Tham khảo trang 8 -17

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động Cơ 4JB1/4HG1/4HL1) → Tham khảo trang 8-20

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động Cơ 4JH1) → Tham khảo trang 8-21

Đèn Cảnh Báo Mức Nước Làm Mát Động Cơ



Đèn cảnh báo này và kèn cảnh báo sẽ bắt lên khi mức nước làm mát động cơ giảm xuống quá thấp. Hãy tắt xe vào nơi an toàn và kiểm tra nước làm mát trên xe.



CẢNH BÁO

- Khi nước làm mát động cơ vẫn còn nóng, đừng mở nắp két nước hay nắp bình nước phụ. Hơi nước nóng có thể làm bạn bị phỏng.

Châm Thêm Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-40



CHÚ Ý

- Tiếu tục lái xe khi đèn này bật sáng có thể sẽ làm động cơ bị quá nhiệt và bó máy.



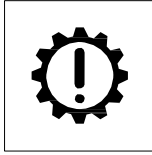
KHUYẾN CÁO

- Không được tắt máy đột ngột khi động cơ quá nhiệt. Nếu không, động cơ có thể bị bó máy. Thực hiện các thao tác cần thiết khi động cơ bị quá nhiệt

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-29

Đèn Cảnh Báo Lỗi Hộp Số Bán Tự Động

SA



Đèn cảnh báo này sẽ tự bật sáng trong khoảng 2 giây sau khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON", và tự tắt.

Nếu đèn này bật sáng trong các tình huống khác với diễn giải ở trên, nghĩa là hộp số bán tự động đang có vấn đề. Hãy mang xe đến các đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa.

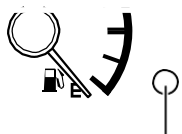


KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn này bật sáng khi xe đang chạy, dầu trong hộp số sẽ nóng một cách bất thường. Hãy dừng xe ở nơi an toàn càng nhanh càng tốt. Đừng lái xe cho đến khi đèn này bật tắt.

Đèn Cảnh Báo Lỗi Hộp Số Bán Tự Động → Tham khảo trang 4-77

Đèn Báo Mức Nhiên Liệu Thấp



Đèn báo mức nhiên liệu thấp

Đèn cảnh báo này phát sáng khi mức nhiên liệu trong thùng chứa xuống quá thấp trong khi động cơ đang hoạt động.



KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo này sáng, hãy châm thêm nhiên liệu càng sớm càng tốt.
- Nếu xe cạn nhiên liệu, quy trình xả gió phải được thực hiện

Đồng Hồ Nhiên Liệu → Tham khảo trang 4-17

Khi Cạn Nhiên Liệu → Tham khảo trang 8-16

Đèn Báo Cabin Đang Lật ☐

Đèn cảnh báo cùng đèn cảnh báo sẽ bật lên khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON" mà cabin vẫn chưa được khóa hoàn toàn.

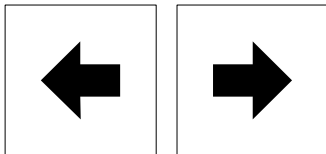


KHUYẾN CÁO

- Nếu vẫn tiếp tục lái xe khi đèn cảnh báo này đang sáng, cabin sẽ có khả năng bị rung & lật. Hãy khóa cabin cẩn thận.

Nâng cabin ☐ → Tham khảo trang 7-12

Đèn Báo Rẽ Và Đèn Báo Nguy



Một trong hai đèn chỉ báo này phát sáng lúc công tắc tín hiệu rẽ được bật (khi công tắc khởi động ở vị trí "ON"). Cả hai đèn chỉ báo sẽ phát sáng lúc bật công tắc đèn báo nguy.

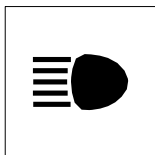
Công Tắc Đèn Báo Rẽ → Tham khảo trang 4-49



KHUYẾN CÁO

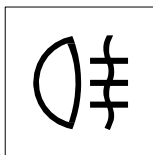
Các đèn cảnh báo này không phát sáng nếu bóng đèn bị đứt, hoặc nhấp nháy bất thường nếu dùng bóng đèn không có công suất thích hợp.

Đèn Chỉ Báo Chế Độ Đèn Pha



Đèn chỉ báo này phát sáng khi đèn pha được chọn, hoặc các đèn trước chuyển đổi giữa pha và cos (tín hiệu qua mặt).

Công Tắc Điều Khiển Đèn → Tham khảo trang 4-47

Đèn Báo Bật Đèn Sương Mù Sau ☐

Đèn chỉ báo này sẽ bật sáng khi bật đèn sương mù sau

Đèn Sương Mù Sau ☐ → Tham khảo trang 4-51

Đèn Cảnh Báo Phanh Tay

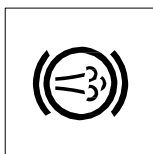


Đèn cảnh báo này phát sáng khi cần phanh tay được kéo.



CHÚ Ý

- Dù cho đèn cảnh báo này bật sáng, vẫn không bảo đảm phanh tay đã được cài chặt, phanh tay cần phải được kéo hết mức và chốt lại.
- Cần thận, không lái xe khi cần phanh tay đang kéo

Đèn Chỉ Báo Phanh Khí Xả ☐

Đèn chỉ báo này phát sáng khi công tắc phanh khí xả được bật.



KHUYẾN CÁO

- Đèn chỉ báo phanh khí xả nhấp nháy khi có trục trặc trong hệ thống phanh khí xả. Hãy đem xe đến kiểm tra tại đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.

Công Tắc Phanh Khí Xả ☐

→ Tham khảo trang 4-52

Đèn Chỉ Báo ASR

ASR

Khi xoay chìa khóa khởi động sang vị trí "ON", đèn chỉ báo này sẽ sáng và chuyển từ màu Cam sang Xanh Lục, và tắt đi sau 3 giây.

Đèn chỉ báo này sẽ sáng với màu Xanh lục khi bộ chấp hành ASR hoạt động. Đèn sẽ chuyển sang màu Cam nếu có trục trặc ở hệ thống ASR hoặc bật công tắc Tắt ASR.



CHÚ Ý

• Nếu không bật công tắc Tắt ASR khi lái xe, và đèn chỉ báo này chuyển sang màu Cam; hãy dừng xe tại khu vực an toàn và thực hiện các bước sau:

- Tắt động cơ.

- Xoay công tắc khởi động về vị trí "ON". Nếu đèn xe bật sáng và chuyển từ Cam sang Xanh lục sau đó tắt đi khoảng 3 giây; điều đó chứng tỏ hệ thống ASR hoạt động bình thường.

• Nếu hệ thống ASR hoạt động không bình thường, hãy mang xe đến đại lý isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa

Hệ Thống Chống Trượt (ASR)  → Tham khảo trang 4-91

Đèn Báo Xông 

Đèn chỉ báo này phát sáng khi công tắc khởi động ở vị trí "ON" và tắt đi khi việc làm nóng hoàn tất. Khi đèn này tắt, có thể khởi động động cơ.

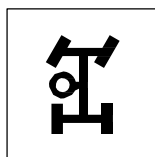
Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Đèn Báo Làm Nóng Động Cơ 

Đèn chỉ báo này bật sáng khi ấn vào công tắc làm nóng động cơ.

Công Tắc Làm Nóng Động Cơ 

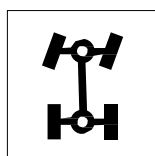
→ Tham khảo trang 4-46

Đèn Chỉ Báo PTO ☐

Đèn chỉ báo này sáng khi kết nối/ bật công tắc bộ trích công suất (PTO).

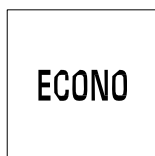
Bộ Trích Công Suất (PTO) ☐

→ Tham khảo trang 4-100

Đèn Chỉ Báo 4WD ☐

Đèn chỉ báo này sẽ bật sáng khi chọn chế độ 4WD.

Công Tắc 4WD → Tham khảo trang 4-97

Đèn Chỉ Báo Chế Độ ECONO ☐

Đèn chỉ báo này sẽ tự bật sáng trong khoảng 2 giây sau khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON", và tự tắt

Đèn chỉ báo bật sáng khi chọn chế độ ECONO

Chế Độ ECONO → Tham khảo trang 4-75

Đèn Chỉ Báo Chế Độ Khởi Động Sơ Cấp ☐

Đèn chỉ báo này sẽ tự bật sáng trong khoảng 2 giây sau khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON", và tự tắt

Đèn chỉ báo bật sáng khi chọn chế độ khởi động sơ cấp.

Chế Độ Khởi Động Sơ Cấp → Tham khảo trang 4-74

Đèn Chỉ Báo DPD



Đèn chỉ báo bộ DPD tự kích hoạt



(Xanh)

Đèn chỉ báo màu xanh sẽ bật sáng khi bộ DPD tự kích hoạt và tự tắt khi bộ DPD hoàn thành việc xử lý khí thải

Đèn chỉ báo này tự bật sáng khi xoay chìa khóa khởi động sang vị trí “ON” và tắt đi khi động cơ đã khởi động.

Nếu đèn màu cam bật sáng, hãy ấn nút kích hoạt DPD thủ công.

Đèn chỉ báo bộ DPD kích hoạt thủ công



(Cam)



CHÚ Ý

- Nếu xe có trang bị bộ trích công suất (PTO)- và sử dụng trong 1 thời gian dài, hãy kiểm tra xe đèn chỉ báo màu cam có sáng hay không .
- Trong lúc xe hoạt động cầm chừng, đèn màu cam có thể bật sáng & bộ DPD có thể tự kích hoạt.

Bộ DPD  → Tham khảo trang 2-55

Kèn Cảnh Báo

Kèn cảnh báo sẽ kêu lên trong những tình huống sau:

Cảnh báo	Kèn cảnh báo	Vị trí		Điều kiện kích hoạt
		Trong	Ngoài	
Trợ lực phanh ☐ HB	Tiếng beep kéo dài	●	×	Tham khảo trang 4-23.
Nâng cabin ☐ V	Tiếng beep kéo dài	●	×	Tham khảo trang 4-35.
Áp suất hơi thấp ☐ FAB	Tiếng beep kéo dài	●	×	Khi nhả phanh tay hoặc áp suất khí nén thấp hơn tiêu chuẩn
Động cơ quá nhiệt ☐ V	Tiếng beep kéo dài	●	×	Động cơ bị quá nhiệt.
Thiếu nước làm mát ☐ V	Tiếng beep kéo dài	●	×	Mức nước làm mát động cơ ở vị trí thấp.
Lùi xe ☐ V	Tiếng beep lặp lại	●	●	Cần số ở vị trí "R"
Quá tốc độ ☐ V	Tiếng beep lặp lại	●	×	Vận tốc xe vượt quá 125km/h
Bộ DPD kích hoạt thủ công ☐ V	Kêu 1 lần	●	×	Đèn màu cam bật sáng.
Hộp số bán tự động ☐ V	Tham khảo trang 4-77	*	×	Tham khảo trang 4-77.



KHUYẾN CÁO

•Kèn cảnh báo có thể không kêu nếu có trục trặc trong các hệ thống trên, nếu điều này xảy ra cần kiểm tra các hệ thống trên. Xin liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất.

CÁC CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN

• Công Tắc Khởi Động	4-42
• Núm Điều Chỉnh Tốc Độ Cảm Chừng	4-44
• Công Tắc Làm Nóng Động Cơ ☐	4-46
• Công Tắc Điều Khiển Đèn Tổ Hợp	4-47
• Núm Điều Chỉnh Độ Cao Đèn Xe ☐	4-50
• Công Tắc Đèn Sương Mù Trước ☐	4-50
• Công Tắc Đèn Sương Mù Sau ☐	4-51
• Công Tắc Đèn Báo Nguy	4-51
• Công Tắc Phanh Khí Xả ☐	4-52
• Công Tắc Điều Khiển Cản Gạt Nước Và Rửa Kính Chắn Gió	4-54
• Núm Còi	4-56

Công Tắc Khởi Động



CẢNH BÁO

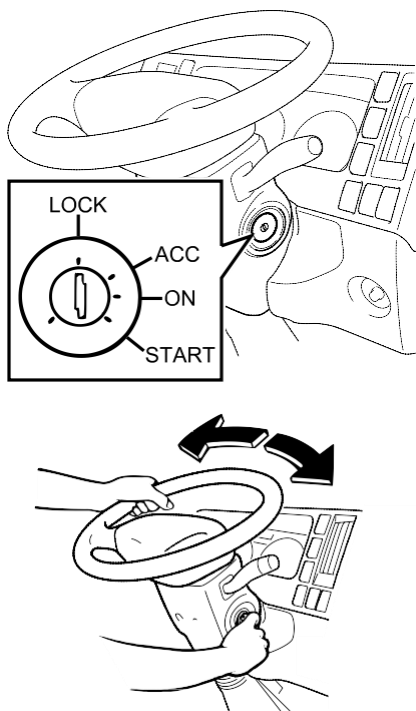
• Trong khi lái xe, đừng bao giờ xoay công tắc khởi động vào vị trí "LOCK".
Chìa khóa có thể rơi ra khỏi công tắc khiến tay lái bị khóa. Điều này cực kỳ nguy hiểm.



KHUYẾN CÁO

- Đừng để đất cát, chất dơ bám vào chìa khóa, điều này có thể làm hư hỏng công tắc khởi động xe.
- Sau khi khởi động máy, đừng xoay công tắc khởi động qua vị trí "START". Nếu không máy khởi động có thể bị hư.
- Dùng các thiết bị điện tử như hệ thống âm thanh trong một thời gian dài khi tắt máy có thể làm cạn bình accu.

Công Tác Khởi Động

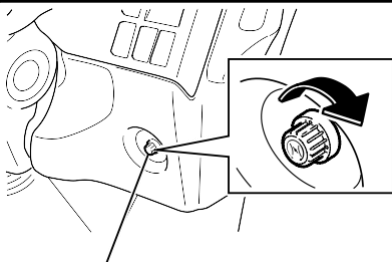


- LOCK** : Trong vị trí này, có thể cấm hoặc rút chìa khóa. Rút chìa khóa và quay vô lăng cho đến khi được khóa. Vô lăng khóa để chống trộm. Để chuyển công tắc khởi động sang vị trí "LOCK", ấn và giữ chìa khóa ở vị trí "ACC" và sau đó vặn về vị trí "LOCK".
- ACC** : Trong vị trí này, có thể sử dụng âm thanh và các phụ kiện khác khi động cơ đã ngừng.
- ON** : Chìa khóa ở vị trí này khi động cơ đang hoạt động. Vị trí này cũng được sử dụng để làm nóng máy trước khi khởi động động cơ.
- START** : Động cơ được khởi động ở vị trí này. Nhả chìa khóa ngay khi động cơ đã khởi động. Chìa khóa tự động trở về vị trí "ON".



CHÚ Ý

- Nếu không thể xoay chìa khóa từ vị trí "LOCK" về vị trí "ON", lắc nhẹ tay lái theo chiều kim đồng hồ và ngược chiều kim đồng hồ đồng thời cố bật chìa khóa.

Núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng

Núm điều chỉnh
tốc độ cầm chừng

Núm vặn này được dùng để làm nóng động cơ. Bạn có thể tăng tốc độ bằng cách vặn nút theo chiều kim đồng hồ mà không cần dùng bàn đạp ga. Vặn nút điều khiển trở về hết theo ngược chiều kim đồng hồ sau khi bạn đã dùng để xông máy và giữ nguyên ở vị trí này.

**CẢNH BÁO**

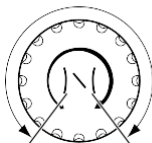
- Đề động cơ hoạt động trong một nơi kém thông gió có thể gây nhiễm độc khí CO₂. Hãy chọn một nơi thông gió tốt khi khởi động và làm nóng động cơ.
- Nhớ phải vặn về hết mức nút điều khiển tốc độ chạy cầm chừng đến vị trí tốc độ thấp nhất trước khi lái.

**LƯU Ý**

- Sử dụng nút điều chỉnh tốc độ cầm chừng để chỉnh động cơ hoạt động ở dải tốc độ mong muốn trước khi cho xe lăn bánh.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Góc điều chỉnh 300°

**Động cơ 4HK1/4JH1/4JJ1/4HL1****KHUYẾN CÁO**

- Nút vận điều khiển tốc độ cảm chừng có phạm vi hoạt động ~ 300 độ. Đừng vận nút vượt ngoài phạm vi này, nếu không xe có thể trục trặc.

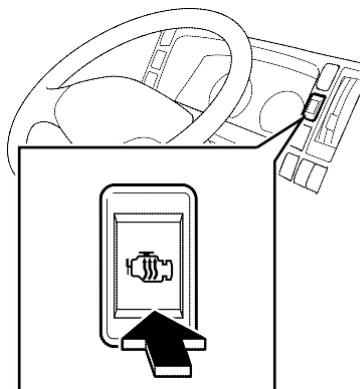
**CHÚ Ý**

- Đối với các xe có trang bị bộ DPD , hãy xoay nút điều chỉnh tốc độ cảm chừng hết mức theo ngược chiều kim đồng hồ khi kích hoạt thủ công bộ DPD

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4
Bộ DPD ☐ V → Tham khảo trang 4-120

Công Tắc Làm Nóng Động Cơ V

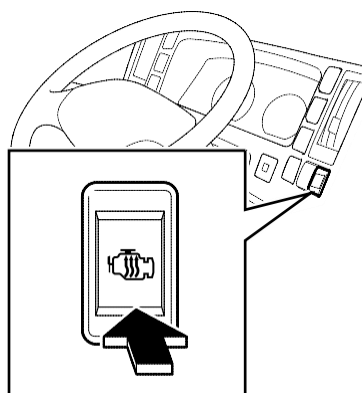
Dạng 1

**Chỉ trang bị ở các xe tay lái bên trái**

Khi ấn vào công tắc này, nước làm mát động cơ sẽ được làm nóng để làm ấm động cơ.

Khởi động động cơ và ấn vào công tắc này, đèn chỉ báo sẽ bật sáng và động cơ sẽ được làm nóng một cách nhanh chóng. Sau khi động cơ đã nóng, ấn lại lần nữa để tắt. Lúc này đèn chỉ báo cũng sẽ tắt theo.

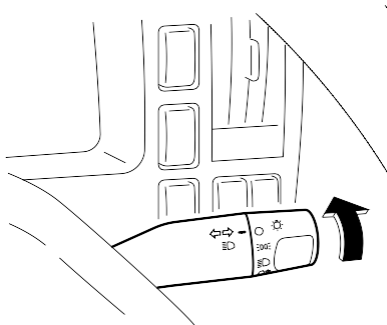
Dạng 2

**NOTE**

- Hệ thống làm nóng động cơ sẽ không hoạt động nếu động cơ đã đủ nóng hoặc xe đã chạy trên đường.
- Nếu tốc độ động cơ vượt quá mức 1,000 v/p thì hệ thống làm nóng động cơ cũng không hoạt động dù có ấn vào công tắc này

Công Tắc Điều Khiển Đèn Tổ Hợp

Công Tắc Điều Khiển Đèn



Vận công tắc điều khiển đèn về vị trí chỉ ra trong bảng sẽ khiến các đèn liên quan phát sáng.



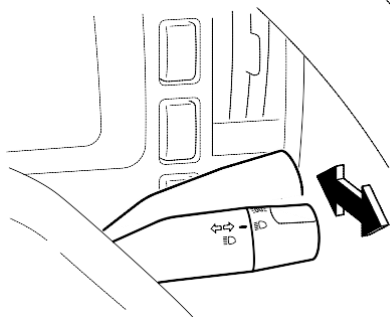
KHUYẾN CÁO

• Công tắc điều khiển đèn có thể được sử dụng khi công tắc xe đang ở vị trí "LOCK" hoặc "ACC".
Đừng vận hành các tổ hợp đèn trong một thời gian dài khi tắt máy. Nếu không bình điện có thể hết, không thể khởi động lại động cơ.

TÊN		Vị trí		
				
Đèn chiếu sáng phía trước	OFF	OFF	ON	ON
Đèn kích thước		ON		
Đèn đuôi				
Đèn biển số				
Đèn taplo				
Đèn mui xe ☐		ON		
Đèn sương mù sau ☐	OFF		OFF	
Đèn chiếu sáng ban ngày* ☐	ON	OFF		

* Đèn chiếu sáng ban ngày (đèn daylight) sẽ bật sáng khi:

1) Đã khởi động xe. 2) Công tắc đèn ở vị trí OFF. 3) Đã nhả cần phanh tay



Chuyển Đổi Đèn Pha và Cos

Khi đèn trước bật, hãy di chuyển cần về phía trước và phía sau để chuyển đổi giữa đèn pha và cos.

Di chuyển cần về phía trước để chọn pha (chiếu xa), di chuyển cần về phía sau để chọn cos (chiếu gần).

Khi đèn trước bật ở chiếu xa (pha), đèn chỉ báo đèn pha trên bảng táp-lô phát sáng.



LƯU Ý

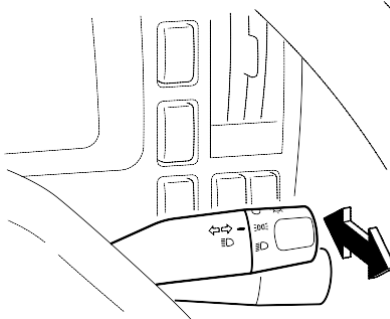
- Dùng đèn chiếu gần (cos) khi có xe phía trước cùng tuyến đường hoặc xe đang tới ở tuyến ngược chiều.

Khi Bóng Đèn Không Sáng

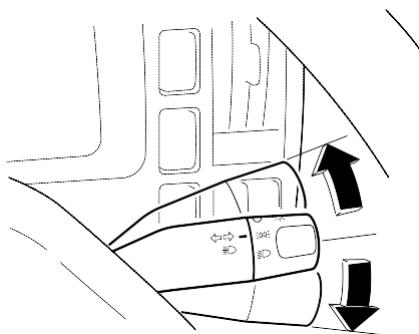
→ Tham khảo trang 8-34

Chuyển Đổi Pha Cos (Tín Hiệu Xin Đường)

Bằng cách kéo cần điều khiển công tắc đèn và nhả ra, đèn pha sẽ bật sáng và tắt. Đồng thời đèn chỉ báo trên bảng táp-lô sẽ sáng và tắt. Dùng chức năng này làm tín hiệu xin qua mặt xe hoặc các mục đích khác.



Công Tác Đèn Báo Rẽ



Khi rẽ trái hoặc phải, hãy kéo cần lên xuống để nhấp nháy đèn tín hiệu rẽ



KHUYẾN CÁO

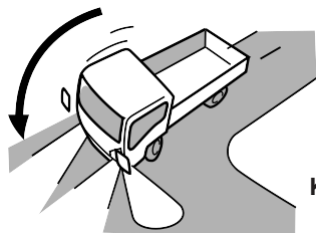
- Đèn tín hiệu rẽ phát sáng dù công tắc khởi động ở vị trí "LOCK" hoặc "ACC".
- Đừng vận hành đèn tín hiệu rẽ trong thời gian dài khi tắt máy. Nếu không, bình ắc-quy sẽ hết khiến không thể khởi động lại động cơ.



LƯU Ý

Nếu tay lái chỉ bẻ ít, hãy tắt tín hiệu bằng tay. Ấn nhẹ và giữ cần lên xuống khi qua mặt hay chuyển tuyến đường. Đèn tín hiệu rẽ vẫn tiếp tục nhấp nháy khi cần vẫn còn được kéo. Cần được kéo về vị trí giữa ngay khi tay lái trở lại vị trí hướng thẳng về phía trước.

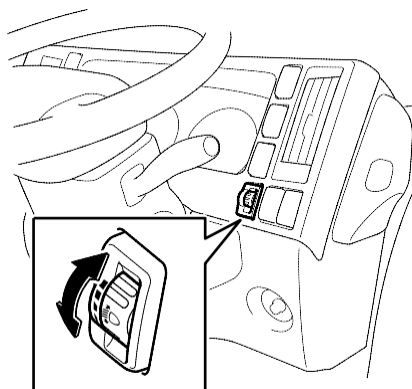
Đèn Góc ☐ V



Vào ban đêm đèn góc sẽ chiếu sáng khu vực xe đang quẹo. Khi đèn trước bật, đèn góc phát sáng kết hợp với tín hiệu rẽ.

Khi Bóng Đèn Không Sáng → Tham khảo trang 8-34

Nút Điều Chỉnh Độ Cao Đèn Xe V



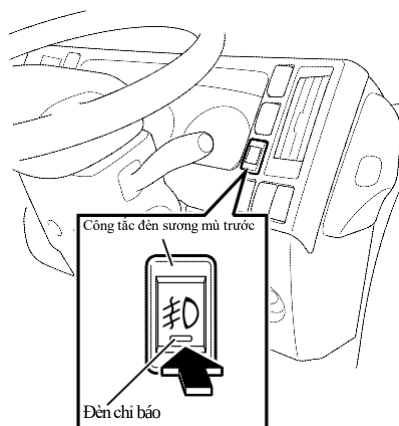
Góc chiếu sáng của đèn xe có thể điều chỉnh được 4 hướng bằng nút chỉnh. Khi xe chở hàng nặng làm góc chiếu sáng của đèn xe bị thay đổi, hãy dùng nút này để chỉnh lại góc chiếu sáng cho phù hợp. Khi xe không chở hàng, nên chỉnh về mức "0"



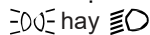
CHÚ Ý

- Đừng chỉnh giảm mức chiếu sáng xuống quá mức, nếu không tầm qua sát sẽ bị giảm, dễ dẫn đến tai nạn.

Công Tắc Đèn Sương Mù Trước V



Khi công tắc đèn được xoay đến vị trí



và công tắc này được ấn vào, đèn sương mù trước phát sáng và đèn chỉ báo sương mù trước cũng phát sáng. Để tắt đèn, ấn vào công tắc lần nữa. Đèn sương mù trước hữu dụng khi tầm nhìn trước mặt không rõ vì sương mù.

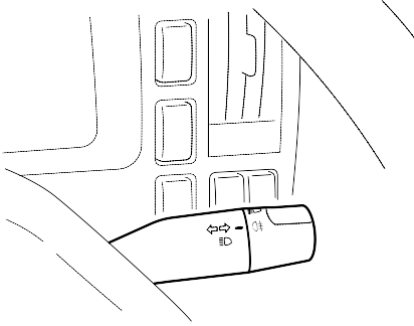


CẢNH BÁO

- Khi thay thế bóng đèn sương mù trước, đừng dùng đèn có công suất lớn hơn công suất chỉ định. Nếu không, dây điện có thể bị cháy.

Khi Bóng Đèn Không Sáng → Tham khảo trang 8-34

Công Tắc Đèn Sương Mù Sau



Khi tài xế xoay công tắc tổ hợp đến vị trí “”, đèn sương mù sau sẽ bắt sáng và đèn chỉ báo này cũng sẽ sáng lên

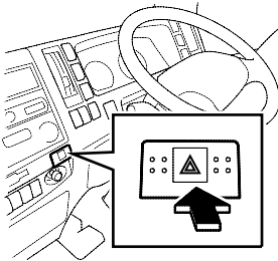


CẢNH BÁO

- Khi thay thế bóng đèn, hãy thay đúng loại với công suất tương ứng với thiết kế

Khi Bóng Đèn Không Sáng → Tham khảo trang 8-34

Công Tắc Đèn Báo Nguy



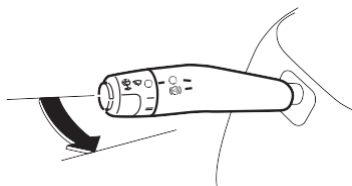
Đèn báo nguy được dùng để báo hiệu cho các xe khác biết xe bạn đang đậu trên đường vì tai nạn hoặc hư hỏng. Khi công tắc này được nhấn, tất cả các đèn tín hiệu rẽ và đèn chỉ thị tín hiệu rẽ nhấp nháy để báo hiệu tình trạng khẩn cấp. Để tắt đèn báo nguy, hãy bấm vào công tắc này lần nữa.



KHUYẾN CÁO

Đừng để đèn báo nguy hoạt động trong thời gian dài khi máy tắt, nếu không bình accu sẽ hết khiến không thể khởi động lại động cơ

Công Tắc Phanh Khí Xả V



Đèn chỉ báo phanh khí xả



Để sử dụng phanh khí xả, hãy kéo cần ra sau. Để tắt phanh khí xả, hãy nhấn vào bàn đạp ga hoặc bàn đạp ly hợp (nếu xe bạn dùng hộp số thường). Nhả bàn đạp để cài phanh khí xả lại.

- Trên một số xe có kết nối hệ thống phanh khí xả với phanh thông thường, kể cả khi không bật công tắc phanh khí xả, đèn chỉ báo cũng sẽ sáng nếu đạp bàn đạp phanh.



CHÚ Ý

- Rất nguy hiểm khi cài phanh khí xả trên đường trơn trượt (khi mặt đường ẩm ướt, đóng băng hoặc phủ tuyết dày) vì bánh xe có thể trượt.



KHUYẾN CÁO

- Nếu kèn cảnh báo kêu lên khi phanh khí xả đang hoạt động, hãy nhanh chóng tắt xe vào nơi an toàn và liên hệ với đại lý ISUZU gần nhất để kiểm tra.
- Dù cần số đang ở vị trí "N", phanh khí xả vẫn không nhả cho đến khi máy được làm nóng (nếu hệ thống làm nóng được bật lên).

Điều kiện để phanh khí xả hoạt động

Trong những tình huống sau đây, phanh khí xả sẽ không hoạt động kể cả khi bật công tắc & đèn chỉ báo phanh khí xả sáng :

- Đang đạp bàn đạp ga.
- Tay số ở vị trí "N".
- Tốc độ xe thấp hơn 5 km/h.

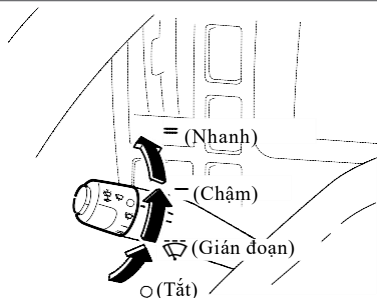
**LƯU Ý**

- Nếu xe có trang bị hệ thống ABS, hệ thống phanh khí xả sẽ ngưng hoạt động khi hệ thống ABS vận hành, dù cho đèn chỉ báo vẫn sáng.
- Hãy sử dụng phanh khí xả trong các trường hợp đổ đèo.

Công Tắc Điều Khiển Cần Gạt Nước Và Rửa Kính Chấn Gió

Để dùng được công tắc điều khiển cần gạt nước và rửa kính chấn gió, công tắc khởi động phải ở vị trí "ON".

Công Tắc Điều Khiển Cần Gạt Nước



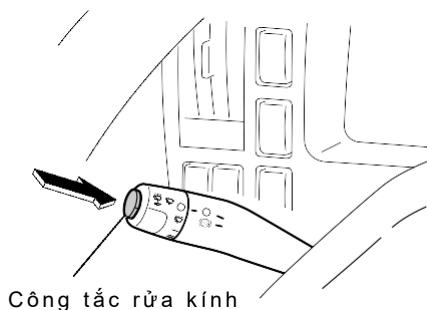
KHUYẾN CÁO

- Hệ thống an toàn có thể hoạt động để dừng cần gạt khi động cơ quá tải. Trong trường hợp này, hãy bật công tắc qua vị trí "OFF", và vài phút sau hãy kiểm tra cần gạt nước có hoạt động lại bình thường không. Nếu cần gạt nước thường xuyên ngưng hoạt động, đừng dùng nữa và liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.
- Trước khi vận hành cần gạt nước, phải bảo đảm cao su ở cần gạt không dính vào kính. Nếu cao su cần gạt dính vào kính mà vẫn cho vận hành cần gạt nước, cần gạt có thể bị gãy hoặc motor gạt nước bị hư.
- Đừng vận hành cần gạt nước trên mặt kính khô, nếu không mặt kính có thể hỏng. Luôn luôn dùng công tắc xịt nước rửa kính khi lau mặt kính khô.

Trạng thái của cần gạt nước có các trạng thái tùy thuộc vị trí công tắc điều khiển cần gạt nước.

Trạng thái gạt	Dừng	☒ Gián đoạn (mưa nhẹ)	Chậm (mưa vừa)	Nhanh (mưa to)
----------------	------	--	-------------------	-------------------

Công Tắc Rửa Kính



Nước rửa kính được phun lên kính chắn gió khi ấn công tắc. Khi đó, thanh gạt nước cũng hoạt động đồng thời.

Nước rửa kính có chức năng làm sạch kính chắn gió.



CHÚ Ý

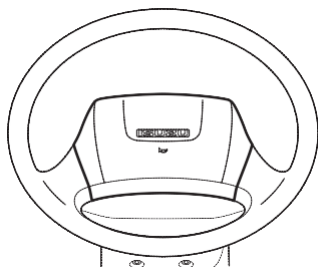
- Ở nhiệt độ cực thấp, dung dịch nước rửa kính có thể bị đóng băng trên mặt kính sau khi phun, ngăn cản tầm nhìn phía trước của bạn. Trong trường hợp đó hãy làm nóng kính trước khi dùng công tắc rửa kính.



KHUYẾN CÁO

- Nếu dung dịch không phun ra đủ lượng, hãy nhả công tắc ngay lập tức.
- Đừng giữ công tắc này ở trạng thái nhấn trong hơn 30 giây, nếu không máy bơm phun có thể bị hư.
- Nếu dung dịch rửa kính không phun ra, hãy nhả công tắc xịt nước rửa kính ngay lập tức. Nếu không, mô-tơ có thể bị kẹt.
- Nếu xe được dùng trong khu vực khí hậu lạnh, hãy dùng dung dịch rửa kính phù hợp theo mùa để không bị đóng đặc.

Dung Dịch Nước Rửa Kính → Tham khảo trang 7-176

Nút Còi

Để bấm còi, hãy nhấn vào miếng nhựa có kí hiệu còi trên tay lái.

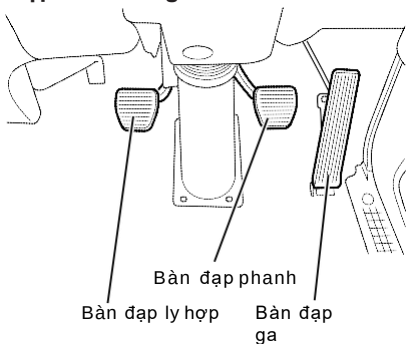


PHƯƠNG PHÁP LÁI XE

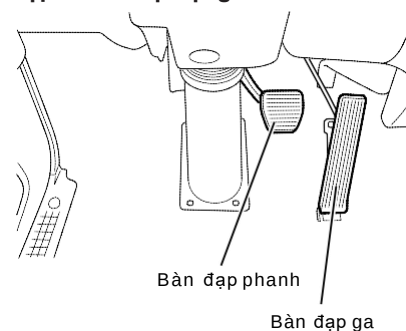
• Bàn Đạp	4-58
• Cần Phanh Tay	4-59
• Cần Sang Số (Tay Số)	4-63
• Hộp Số Bán Tự Động ☐ SA	4-67
• Bộ Trợ Lực Phanh Thủy Lực (HBB) ☐ V	4-84
• Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) ☐ V	4-86
• Hệ Thống Phân Phối Lực Phanh Điện Tử (EBD) ☐ V	4-90
• Hệ Thống Chống Trượt (ASR) ☐ V	4-91
• Bốn Bánh Chủ Động (4WD) ☐ V	4-95
• Bộ Trích Công Suất (PTO) ☐ V	4-100
• Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD) ☐ V	4-120
• Bộ Chuyển Hóa Xúc Tác Khí Xả (PM) ☐ V	4-128
• Dây Đai & Túi Khí ☐ V	4-131

Bàn Đạp

Hộp số thường



Hộp số bán tự động



Ngồi vào ghế ở vị trí lái đúng và nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga với bàn chân phải. Để tránh đạp nhầm bàn đạp, hãy kiểm tra vị trí bàn đạp và tập đặt chân lên đúng bàn đạp.



CẢNH BÁO

- Để lon nước hay vỏ chai lăn trên sàn có thể làm kẹt bàn đạp phanh nếu nó lọt dưới bàn đạp. Điều này rất nguy hiểm. Tấm trải sàn phải đặt đúng chỗ. Tấm trải sàn đặt không đúng chỗ sẽ làm cản trở chuyển động tự do của mỗi bàn đạp.



KHUYẾN CÁO

- Đừng rú máy, các bộ phận trong động cơ cũng như sự tiết kiệm nhiên liệu có thể bị ảnh hưởng xấu. Đừng lái xe khi chân tựa vào bàn đạp ly hợp. Làm thế có thể gây hư hỏng bộ ly hợp.

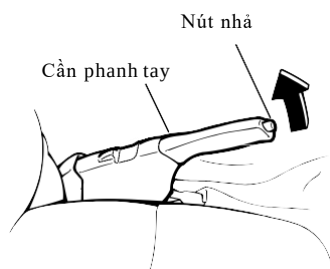
Cần Phanh Tay**CHÚ Ý**

- Khi đậu hoặc dừng xe, hãy kéo cần phanh tay để chắc chắn xe sẽ không di chuyển.
- Hãy đậu xe ở nơi bằng phẳng, tránh việc đậu xe trên dốc. Trong trường hợp phải đậu xe trên dốc hãy kéo phanh tay, sau đó dùng các miếng chêm bánh xe và cái tay số để chắc chắn xe không di chuyển.
- Không kéo phanh tay khi xe đang di chuyển, trừ khi đó là trường hợp khẩn cấp. Nếu kéo phanh tay trước khi xe dừng hẳn sẽ làm hư hỏng hệ thống truyền lực.
- Nếu không nhả phanh tay khi xe đang di chuyển, sẽ làm hệ thống phanh bị bó / nóng / gây hỏa hoạn.
- Dù đèn cảnh báo phanh tay phát sáng khi phanh tay được cài, điều này không có nghĩa là phanh tay được cài chặt, vì thế hãy luôn luôn kiểm tra cần được kéo lên hết mức chưa.
- Luôn lưu ý kiểm tra tình trạng hoạt động của phanh tay.

**LƯU Ý**

- Cơ cấu phanh tay có 2 dạng
 - Phanh hãm cứng trực truyền động (phanh thủy lực):
Khi kéo cần phanh tay, cơ cấu sẽ khóa cứng phần truyền động từ trực truyền động đến cầu sau.
 - Phanh bánh xe (phanh hơi toàn phần):
Khi kéo cần phanh tay, các bánh xe sẽ bị khóa cứng.

Hoạt Động Của Phanh Tay



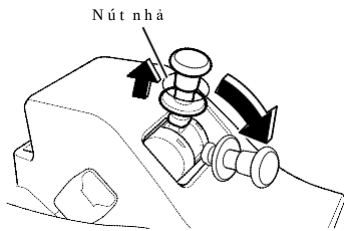
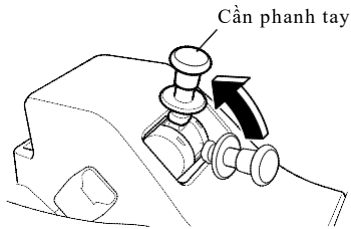
Đèn cảnh báo phanh tay



Cơ Cấu Phanh Hãm Cứng Trục Truyền Động

HB

Gài chặt phanh tay khi đậu xe. Đèn cảnh báo phanh tay trên bảng đồng hồ táp-lô sẽ phát sáng khi cần được kéo lên. Để nhả phanh tay, hãy ấn vào nút nhả trong khi đang nâng cần lên một chút và rồi hạ cần xuống. Đèn cảnh báo phanh tay trên bảng đồng hồ táp-lô sẽ tắt.



Đèn cảnh báo phanh tay

**Cơ Cấu Phanh Bánh Xe**

FAB

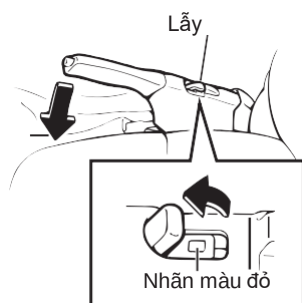
Kéo cần phanh tay từ vị trí nhả lên vị trí khóa. Lúc này đèn cảnh báo phanh tay sẽ sáng.

Hãy chắc chắn bạn nghe âm thanh hơi khí nén hoạt động khi kéo cần phanh tay.

Để nhả cần phanh tay, ấn vào nút nhả và kéo cần về vị trí nhả. Lúc này đèn cảnh báo phanh tay sẽ tắt.

**CHÚ Ý**

- Nếu đã nhả cần phanh tay nhưng đèn cảnh báo phanh tay vẫn sáng; có thể hệ thống phanh hơi đã bị rò rỉ. Hãy kiểm tra đồng hồ áp suất hơi.
- Đừng bước hay ngồi lên cần phanh tay. Điều đó sẽ làm hư hỏng cần phanh tay.

Lấy Ở Cần Phanh Tay V

1. Kéo cần phanh tay & nâng lấy lên trên.
2. Hạ cần phanh tay. Lúc này, đèn chỉ báo phanh tay vẫn còn sáng và chúng ta vẫn có thể thấy phần nhãn màu đỏ bên dưới lấy.
3. Kéo nhẹ cần phanh tay lên trên, đồng thời ấn vào nút nhả để nhả hoàn toàn phanh tay. Lúc này đèn chỉ báo phanh tay sẽ tắt.

**CHÚ Ý**

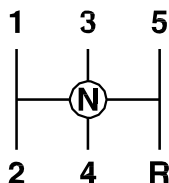
- Nếu đang nhả cần phanh tay mà vẫn trông thấy nhãn màu đỏ bên dưới, nghĩa là phanh tay chưa được nhả ra hoàn toàn.



Cần Sang Số (Tay Số)

Hộp Số Thường (Hộp số sàn) M/T

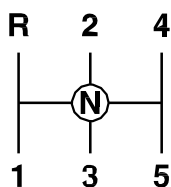
Hộp số MSB model, 5 cấp



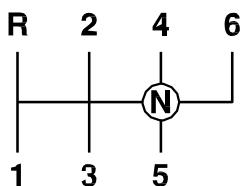
Xe trang bị hộp số thường đòi hỏi phải đạp bàn đạp ly hợp hết mức khi sang số.

Khi cần sang số chuyển về vị trí "R", đèn báo lùi sẽ phát sáng; nếu model có kèn báo lùi, kèn báo cũng sẽ kêu.

Hộp số MYX model, 5 cấp

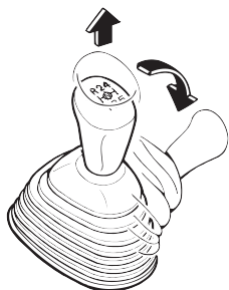


Hộp số MYX hay MZZ model, 6 cấp



KHUYẾN CÁO

- Chỉ chuyển về số lùi khi xe đã dừng hẳn. Nếu không sẽ làm hộp số bị hư hỏng.
- Hãy khởi động xe từ từ tại tay số 1, sau đó tăng tốc dần với các số cao hơn.

**Gài Ngang Cần Sang Số**

V

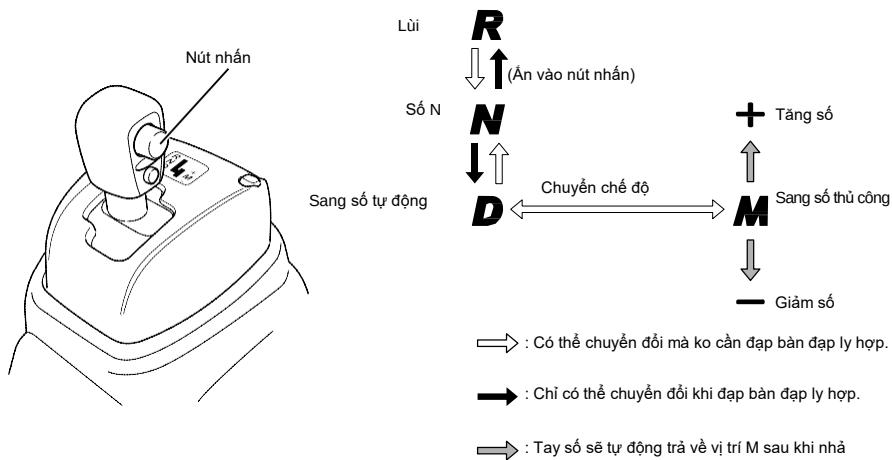
Có thể gài ngang cần sang số. Để thực hiện hãy kéo cần sang số lên trên và đẩy sang hướng bên phải.

**CHÚ Ý**

- Chỉ thực hiện việc này khi xe đã ngừng hẳn và đã kéo phanh tay hoàn toàn.

Xe Trang Bị Hộp Số Bán Tự Động SA

Di chuyển cần số để gài số.



Chế độ	Đèn hiển thị	Chức năng
R	R	Khi cần lùi xe
N	N	Khi khởi động xe
D	^D 1- ^D 5, ^D 6 [6-speed transmission model]	Sang số tự động
M	+ 1,2,3,4 - 5,6 [6-speed transmission model]	Sang số thủ công



LƯU Ý

- Khi động cơ không hoạt động, bạn sẽ không thể di chuyển cần số.
- Khi động cơ đã hoạt động, bạn sẽ không thể chuyển từ số "N" sang "D" hoặc "R" nếu không đạp bàn đạp ly hợp.
- Khi bắt đầu khởi hành, hãy chuyển cần số trong lúc chân vẫn đạp bàn đạp phanh.

Hộp Số Bán Tự Động SA

Hộp số bán tự động là loại hộp số có chức năng chuyển số tự động, giúp xe tăng tốc, giảm tốc mà không cần phải đạp bàn đạp ly hợp.

Hộp Số Tự Động SA → Tham khảo trang 2-30

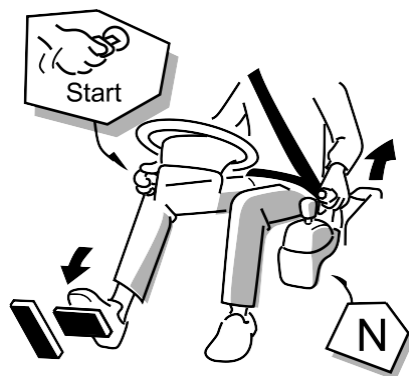
**CẢNH BÁO**

- Hãy luôn lưu ý đạp & giữ chân phanh để ngăn ngừa xe di chuyển, ngay cả khi đã đậu xe, hoặc khi tay số đang ở vị trí "N". Nếu cần thiết hãy kéo thêm cần phanh tay
- Tốc độ động cơ có thể sẽ tự tăng cao ngay khi xe khởi hành. Hãy khống chế & để xe lăn bánh mượt mà bằng cách sử dụng bàn đạp phanh.

Vận Hành Hộp Số Bán Tự Động

**CHÚ Ý**

- Trước khi khởi động động cơ, phải đảm bảo cần số đã chuyển về vị trí "N", phanh tay đã được kéo và đã đạp bàn đạp phanh.
- Khi chuyển từ số "N" sang "D" hoặc "R", hãy nhớ luôn đạp bàn đạp phanh.
- Nếu động cơ xe đang hoạt động mà tay số ở vị trí "D", "M" hoặc "R". Xe có thể tự di chuyển. Khi rời khỏi xe, phải đảm bảo đã kéo hoàn toàn cần phanh tay và tay số đã chuyển sang "N".

**Khởi hành xe – Đường thông thường**

1. Đạp mạnh bàn đạp phanh. Sau khi chuyển tay số về vị trí "N" và kéo cần phanh tay, xoay chìa khóa xe sang vị trí "ON".
2. Khởi động động cơ trong khi ấn chặt bàn đạp phanh. Chuyển sang tay số "D" để xe di chuyển về phía trước hoặc "R" để lùi về sau.
3. Sau khi màn hình hiển thị "2" hoặc "R", nhả cần phanh tay, buông chân phanh và ấn từ từ vào bàn đạp ga để tăng tốc xe.



**LƯU Ý**

- Trước khi bắt đầu khởi hành xe. Hãy chắc chắn tay số đang ở vị trí "N". Sau đó chuyển sang số "D" để tiến về trước hoặc "R" để lùi về sau.
- Bắn sẽ không thể chuyển số nếu động cơ không hoạt động.
- Khi xe đang dừng và động cơ vẫn còn hoạt động, cơ chế an toàn sẽ hoạt động và ngăn việc chuyển số từ "N" sang "D" hoặc "R" nếu không đạp hoàn toàn bàn đạp phanh.

Khởi hành xe – đường đèo dốc

1. Ấn hoàn toàn bàn đạp phanh và kéo cần phanh tay.
2. Chuyển sang số "D" để tiến về trước hoặc "R" để lùi về sau, trong khi chân phải ấn giữ bàn đạp phanh. (khi cần lực kéo mạnh, hãy chuyển sang chế độ khởi hành sơ cấp.)
3. Sau khi đèn chỉ báo hiện "2" hoặc "R", quan sát xung quanh xem có an toàn để khởi hành hay không, sau đó nhả chân phanh từ từ để xe di chuyển.
4. Sau khi xe đã di chuyển, ấn vào bàn đạp ga.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng ấn đồng thời cùng lúc bàn đạp phanh và bàn đạp ga. Việc này sẽ có hại cho việc vận hành của hộp số.
- Khi dừng xe ngang dốc, hãy nhớ kéo cần phanh tay lên hết mức.

**LƯU Ý**

- Xe có thể khởi hành bình thường ở vị trí số 2 (khởi hành thứ cấp). Tuy nhiên nếu cần lực kéo mạnh như khi xe đang chờ tải nặng, hãy chuyển sang vị trí số 1 (chế độ khởi hành sơ cấp).
- Để chuyển sang chế độ khởi hành sơ cấp, hãy đạp bàn đạp phanh, chuyển tay số sang "M" và chuyển sang "- (giảm số)".
- Khi xe dừng đèn đỏ, hãy chuyển sang tay số "N" để giảm mức tiêu hao nhiên liệu.

Chế Độ Khởi Hành Sơ Cấp → Tham khảo trang 4-74

^D 1 - ^D 5, ^D 6
[6-speed transmission model]

Chuyển Số Tự Động

- Khi chuyển tay số từ "N" sang "D", hộp số sẽ vận hành cơ cấu tự động chuyển số.

**CHÚ Ý**

- Khi chọn chế độ chuyển số tự động và lái xe trên đường đèo dốc, hộp số sẽ tự tăng hoặc giảm số khiến việc lái xe có nhiều bất tiện. Lúc này hãy chuyển sang chế độ chuyển số thủ công.

**LƯU Ý**

- Khi lái xe trên đường đèo dốc hoặc đường kẹt xe, hãy chuyển sang chế độ sang số thủ công để có thể chủ động hơn trong việc lái xe.
- Lái xe với chế độ ECONO có thể giúp cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu

Chế Độ ECONO → Tham khảo trang 4-75

1, 2, 3, 4
5, 6

[6-speed Hộp số model]

Chuyển Số Thủ Công

- Để chuyển sang chế độ sang số thủ công, hãy chuyển tay số sang vị trí "M", sau đó chuyển sang "+" (tăng số)" hoặc "-" (giảm số)". Đèn chỉ báo sẽ hiển thị tay số tương ứng.
- Để quay lại chế độ sang số tự động, hãy chuyển lại về vị trí "D".

Dừng Xe

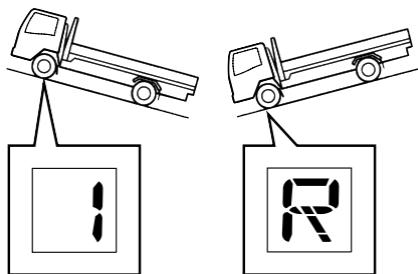
1. Để dừng xe hãy ấn vào bàn đạp phanh. Không cần phải chuyển số gì cả
2. Khi xe đã dừng hẳn, hộp số sẽ tự chuyển về số thấp nhất ở cả chế độ chuyển số tự động và thủ công.
3. Khi xe đã dừng, hãy chuyển tay số về vị trí "N". Nếu dừng xe lâu, hãy kéo cần phanh tay.

**CHÚ Ý**

- Trước khi rời khỏi xe, phải đảm bảo tay số đã về vị trí "N" và cần phanh tay đã được kéo hoàn toàn.

**LƯU Ý**

- Khi xe dừng đèn đỏ, hãy chuyển sang tay số "N" để giảm mức tiêu hao nhiên liệu.

**Khi Đỗ Xe**

1. Kéo hoàn toàn cần phanh tay
2. Chuyển sang tay số "N" và đảm bảo đèn chỉ báo đã hiện "N", trước khi nhả chân hoàn toàn khỏi bàn đạp phanh.
3. Tắt máy.

Gài Số

Trong 1 số tình huống, có thể chuyển sang số 1 hoặc R như hình minh họa:

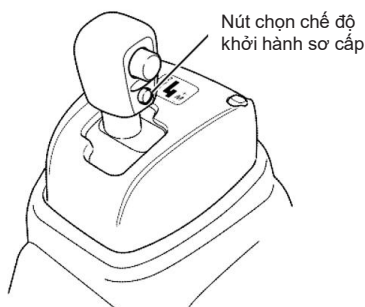
1. Chuyển tay số sang vị trí "M" trong khi ấn hoàn toàn bàn đạp phanh, và chuyển sang "– (xuống số)" hoặc chuyển sang tay số "R"
2. Tắt máy và nhả chân từ từ khỏi bàn đạp phanh.
3. Chêm các miếng chặn vào các bánh để xe không di chuyển .



**CHÚ Ý**

- Sau khi dừng xe và tiếp tục khởi hành, hãy chuyển về tay số "N" trong khi ấn bàn đạp phanh. Lúc này đèn chỉ báo vẫn là "1" hoặc "R", nhưng sẽ chuyển sang "N" sau khi động cơ hoạt động.
- Sau khi đỗ xe với tay số ở vị trí "R", bạn sẽ nghe tiếng beep khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON". Điều này hoàn toàn bình thường, không phải là lỗi hư hỏng.

Chế Độ Khởi Hành Sơ Cấp (khởi hành xe với số 1)



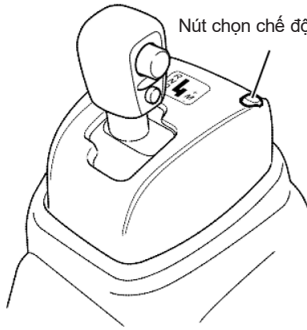
Thông thường hộp số sẽ tự chuyển sang vị trí số 2 khi xe bắt đầu tăng tốc. Tuy nhiên trong một số trường hợp cần lực kéo lớn, có thể chọn chế độ khởi hành sơ cấp, lúc này hộp số sẽ chuyển sang vị trí số 1.

Khi ấn vào nút chọn chế độ khởi hành sơ cấp ở chế độ chuyển số tự động, đèn chỉ báo sẽ bật sáng. Ấn lần nữa để trở về số 2 ở chế độ chuyển số thủ công

Đèn chỉ báo chế độ khởi hành sơ cấp

**1ST
START**

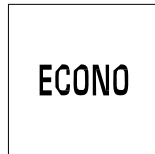
Chế Độ ECONO



Nút chọn chế độ ECONO

Khi lái xe với chế độ chuyển số tự động, hãy ấn chọn chế độ ECONO nếu bạn muốn giảm lượng tiêu hao nhiên liệu. Lúc này đèn chỉ báo trên xe sẽ sáng lên

Đèn chỉ báo chế độ ECONO





LƯU Ý

- Không thể chọn chế độ ECONO nếu đang ở chế độ sang số thủ công.
- Khi đang chọn chế độ ECONO và chuyển sang chế độ sang số thủ công, đèn chỉ báo chế độ ECONO sẽ bật tắt.
Tuy nhiên sau khi chuyển lại chế độ sang số tự động, chế độ ECONO sẽ tự động được kích hoạt lại và đèn chỉ báo sẽ sáng lên.

Chế độ ECONO vẫn được ghi nhớ dù cho chìa khóa xe có xoay sang vị trí "LOCK" hoặc "ACC".

Đèn & Kèn Cảnh Báo Của Hộp Số Bán Tự Động

Đèn cảnh báo và kèn cảnh báo sẽ kích hoạt khi các tình huống sau xuất hiện.

Tình trạng	Đèn cảnh báo 	Kèn cảnh báo	Cách xử lý
Xe vẫn còn gài số, chìa khóa vẫn ở vị trí "ON" nhưng tài xế mở cửa xe	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Chuyển cần số về vị trí "N" và kéo phanh tay.
Đạp đồng thời cả bàn đạp phanh và bàn đạp ga	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Buông chân ga hoặc chuyển cần số về vị trí "N"
Xe dừng giữa dốc và tài xế vẫn đang đạp chân ga	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Buông chân ga, đạp chân phanh
Xe đang chạy với số không phù hợp	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Nhả chân ga hoặc chuyển về số thấp hơn.
Xe đang chạy với tốc độ quá cao.	—	Tiếng beep liên tục	Đạp phanh để giảm tốc độ xe hoặc chuyển về số thấp hơn để giảm tốc độ động cơ.
Xe khởi hành và dừng liên tục.	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Dừng xe, chuyển về số "N" và để động cơ chạy cầm chừng.
Xe đang chạy mà vẫn chưa nhả hết phanh tay	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Nhả cần phanh tay. Hoặc chuyển về số "N"
Đang kết nối với bộ PTO		Tiếng beep ngắn chậm	—

*:Trong một số tình huống, hộp số sẽ tự điều chỉnh về số thấp hơn để tránh dầu hộp số quá nhiệt. Lúc này kèn cảnh báo sẽ kêu lên để tài xế có thể nhận biết.

Tình trạng	Đèn cảnh báo 	Kèn cảnh báo	Cách xử lý
Hộp số bị lỗi	Bật sáng	Tiếng beep liên tục	Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa.
		Tiếng beep ngắn, lặp lại	
		—	
Nhiệt độ dầu hộp số quá cao	Chớp nháy	—	Dừng xe ở nơi an toàn và chuyển về tay số “N”, sau đó để động cơ hoạt động cầm chừng cho đến khi đèn cảnh báo tắt đi.
Trong lúc chọn chế độ sang số thủ công, xe chạy với tốc độ chậm ở số cao. *	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Chuyển sang số phù hợp.
Ấn bật nút báo nguy của hộp số bán tự động	Chớp nháy	—	Ấn tắt nút báo nguy
Chế độ tinh chỉnh trên hộp số được kích hoạt	—	Tiếng beep ngắn	—
Hành động chuyển số sẽ làm tăng tốc độ động cơ lên mức cực đại	—	Tiếng beep liên tục	Chọn tay số phù hợp hoặc chuyển sang chế độ sang số tự động
Hành động chuyển số sẽ làm giảm tốc độ động cơ xuống mức cực thấp	—	Tiếng beep ngắn, lặp lại	Chọn tay số phù hợp hoặc chuyển sang chế độ sang số tự động

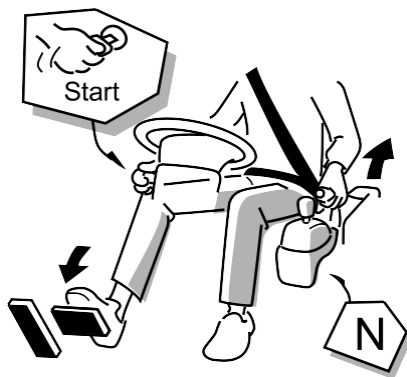
*: Trong tình huống này, hộp số sẽ tự điều chỉnh về số thấp hơn để tránh dầu hộp số quá nhiệt. Lúc này kèn cảnh báo sẽ kêu lên để tài xế có thể nhận biết..

Đèn Cảnh Báo Lỗi Hộp Số Bán Tự Động  → Tham khảo trang 4-33

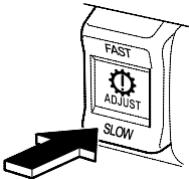
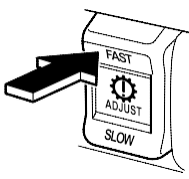
Điều Chỉnh Tốc Độ Ly Hợp Bên Trong Hộp Số

Ngoài tốc độ ly hợp mặc định, người lái xe có thể điều chỉnh 4 mức ly hợp bên trong hộp số bán tự động. Chỉ nên điều chỉnh tốc độ ly hợp trong các tình huống sau.

- Nếu ly hợp quá nhanh hoặc chậm khi xe tăng tốc.
- Thời gian ly hợp chưa đúng với yêu cầu của người lái xe.

**Điều chỉnh**

1. Khởi động máy, kéo cần phanh tay và chuyển về số "N"
2. Ấn vào phần "FAST" hoặc "SLOW" trên nút điều chỉnh. Nếu cảm giác ly hợp bị trượt, hãy ấn vào phần "FAST". Nếu cảm thấy ly hợp ăn vào quá nhanh, hãy ấn "SLOW". Mỗi phần sẽ có 4 mức chỉnh.
3. Mỗi khi ấn chỉnh, đèn cảnh báo sẽ kêu lên.

Tình trạng	Cách điều chỉnh	
	SLOW	FAST
		
Chỉnh sơ bộ.	1 lần	1 lần
Khi ly hợp ăn chậm (bị trượt).	—	2 -3 lần
Khi ly hợp ăn nhanh (bị giật)	2 -3 lần	—

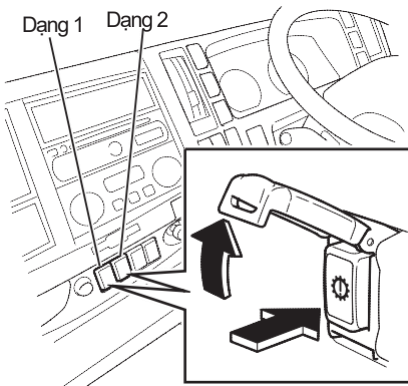
Khi Hộp Số Bị Lỗi

Nếu đèn cảnh báo và kèn cảnh báo vang lên khi xe đang vận hành, hãy dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa.

Đèn Cảnh Báo Lỗi Hộp Số Bán Tự Động  → Tham khảo trang 4-33

**CHÚ Ý**

- Khi hộp số bị lỗi, sẽ có thể xuất hiện một số triệu chứng như bên dưới. Hãy lưu ý và quan sát cẩn thận xung quanh để lái xe vào nơi an toàn và liên hệ với các đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa
 - Xe không tăng tốc được
 - Không thể tăng hay trả số
 - Thời gian ly hợp quá nhanh hay chậm
- Lưu ý là không thể dùng cách đẩy xe để khởi động đối với các xe trang bị hộp số bán tự động. Khi có vấn đề xảy ra chỉ có thể chuyển tay số về vị trí “N”

**Sử Dụng Nút Báo Nguy**

Khi hộp số có trục trặc, hãy ấn vào nút báo nguy. Sau đó di chuyển xe đến nơi an toàn và liên hệ với các đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa.



1. Kéo cần phanh tay, đạp bàn đạp phanh, chuyển về số "N" và xoay chìa khóa xe về vị trí "LOCK" hoặc "ACC"
2. Xoay chìa khóa sang vị trí "ON".
3. Bật nắp che công tắc báo nguy, và ấn vào nút báo nguy, kiểm tra xem đèn cảnh báo lỗi hộp số có sáng lên hay chưa.
4. Đạp bàn đạp phanh và khởi động động cơ. Chuyển sang số "D" và nhả từ từ chân phanh để khởi hành xe. Quan sát xem đèn hiển thị tay số có nhảy sang "1" hay không.
5. Nhả chân phanh và chuyển sang chân ga để tăng tốc xe.

**CHÚ Ý**

- Chỉ nên sử dụng nút báo nguy cho hộp số trong các tình huống khẩn cấp. Trong điều kiện hoạt động thông thường, đừng mở nắp che. Cũng đừng nên ấn vào nút báo nguy hộp số khi xe đang di chuyển.
- Khi ấn vào nút báo nguy, đèn cảnh báo lỗi hộp số sẽ sáng lên.
- Khi chưa trả tay số về vị trí "N" mà đã ấn vào nút báo nguy, sẽ làm cho xe có khả năng tự di chuyển. Điều này rất nguy hiểm. Do đó khi ấn nút báo nguy, hãy luôn đạp chân phanh.
- Khi vẫn còn gài số và khởi động động cơ, xe có thể tự di chuyển. Do đó hãy luôn nhớ kéo cần phanh tay và đạp bàn đạp phanh mỗi khi khởi động xe.

**LƯU Ý**

- Khi ấn vào nút báo nguy, hộp số sẽ chỉ chuyển sang duy nhất số 1 mà không chuyển sang bất kì tay số nào khác.

Bộ Trợ Lực Phanh Thủy Lực (HBB) ☐

HBB là một thiết bị trợ lực phanh dùng sức ép chất lỏng từ bơm thủy lực kết hợp với bơm trợ lực lái.

**CHÚ Ý**

Nếu đèn cảnh báo bộ trợ lực phanh phát sáng hoặc kèn cảnh báo kêu liên tục, có thể có trục trặc ở hệ thống HBB.

Nếu đèn cảnh báo này phát sáng khi đang lái xe, hãy lập tức tập vào nơi an toàn và nhanh chóng liên hệ với đại lý ISUZU để kiểm tra.

Đèn Cảnh Báo Trợ Lực Phanh ☐ → Tham khảo trang 4-23





LƯU Ý

[ĐẶC TÍNH BỘ TRỢ LỰC PHANH THỦY LỰC]

- Ở xe trang bị bộ trợ lực phanh thủy lực, khi đạp phanh có thể nghe thấy âm thanh hoạt động từ hệ thống thủy lực bên dưới đồng hồ táp-lô. Đó không phải là dấu hiệu hư hỏng.
- Nếu bạn nhồi phanh khi động cơ tắt, có thể nghe thấy một âm thanh "kít". Nó không phải là trục trặc. Khi động cơ hoạt động, âm thanh tương tự có thể phát ra khi phanh đột ngột.
- Một đặc tính khác của hệ thống HBB là bàn đạp phanh có thể đạp dễ dàng tới mặt sàn khi xe ngừng. Đây không phải là dấu hiệu trục trặc.
- Khi động cơ đang hoạt động, hệ thống trợ lực chân không sẽ tự nạp.
- Khi động cơ đang chạy, có thể nghe một tiếng "bùm" khi phanh gấp. Tiếng này phát ra từ bơm dầu trợ lực. Đây không phải là trục trặc.
- Đạp hết mức bàn đạp phanh liên tục trong một thời gian dài sẽ làm nhiệt độ tăng đáng kể trong bộ bơm trợ lực. Nên tránh các hoạt động quá mức như vậy.

[PHANH TRỢ LỰC CHÂN KHÔNG HOẶC THỦY LỰC]

- Nếu động cơ không hoạt động, đừng nhồi phanh. Hệ thống được thiết kế để dừng xe với sự hỗ trợ của lực dự phòng nếu bàn đạp phanh được đạp xuống. Lực dự phòng này sẽ giảm đáng kể mỗi lần bạn đạp hoặc nhả phanh.
- Dù không có hỗ trợ lực, xe vẫn có thể dừng bằng cách đạp mạnh lên bàn đạp phanh, nhưng quãng đường dừng có thể dài hơn.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) V

Các bánh xe có thể bị khóa và trượt khi phanh đột ngột, hoặc phanh trên bề mặt đường trơn trượt như đường có tuyết. ABS là thiết bị không để hiện tượng trượt xảy ra bằng cách nhận biết và điều khiển hệ thống phanh. ABS chỉ có tác dụng hỗ trợ và không có khả năng ngăn ngừa tai nạn nếu bạn chạy xe vượt quá tốc độ an toàn. Vì vậy hãy luôn lái xe an toàn.



CHÚ Ý

- Quãng đường phanh trên bề mặt đường trơn trượt sẽ dài hơn so với đường thông thường thậm chí khi xe được trang bị ABS. Ngoài ra, quãng đường phanh có thể dài hơn trên đường có tuyết dày và đường đá sỏi khi ABS được kích hoạt. Do đó luôn phải lưu ý điều kiện đường xá và tình trạng lốp xe, tuân thủ các hướng dẫn lái xe an toàn và luôn đảm bảo đúng khoảng cách giữa các xe.
- ABS không ngăn được tai nạn nếu bạn lái xe không an toàn.
- Lắp đặt lốp xe đúng kích thước quy định, cùng nhãn hiệu và thiết kế trên tất cả các bánh xe. Nếu lắp đặt các bánh xe sai cách, quãng đường phanh sẽ trở nên dài hơn và độ ổn định cũng như điều khiển lái của xe sẽ giảm đi. Điều này rất nguy hiểm.
- Cảm giác lái khi hệ thống ABS kích hoạt sẽ có đôi chút khác biệt so với thông thường. Hãy cẩn trọng khi điều khiển lái.
- Đối với hệ thống phanh hơi toàn phần, hệ thống ABS khi hoạt động sẽ sử dụng nhiều hơi khí nén. Nếu đèn cảnh báo áp suất hơi khí nén sáng lên, hãy dừng xe tại nơi an toàn và kiểm tra xe cẩn thận.



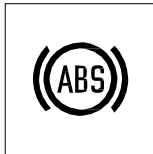
KHUYẾN CÁO

- Lái xe trên đường cát hoặc có bùn có thể ảnh hưởng xấu tới hệ thống phanh và các cảm biến ABS. Hãy rửa xe để làm sạch cát và bùn sau khi đi xe trên đường cát hoặc bùn.
- Trước khi rửa xe, phải thực hiện che chắn cần thiết để ngăn ngừa nước không bắn vào các bộ phận ABS (các cảm biến). Đặc biệt khi lau rửa với áp lực cao, phải cẩn thận sao cho không để nước phun trực tiếp trên các bộ phận ABS.

**LƯU Ý**

[Nhận biết hoạt động của hệ thống ABS]

- Ngay sau khi động cơ khởi động, bạn có thể nghe thấy âm thanh từ bộ chấp hành ABS. Ngoài ra, bạn cũng có thể cảm thấy hơi rung nếu đạp bàn đạp phanh vào thời điểm này. Điều này là bình thường khi ABS hoạt động đúng chức năng.
- Khi ABS hoạt động, có thể cảm nhận được độ rần tại bàn đạp phanh. Điều này là bình thường.
- Nếu xe được trang bị hệ thống phanh khí xả; khi ABS kích hoạt hệ thống phanh khí xả sẽ ngưng hoạt động.
- ABS dễ được kích hoạt hơn khi phanh được sử dụng khi rẽ hoặc lái xe trên đường xấu, do bên trong lốp xe hoặc các lốp xe có xu hướng bị chặn lại.
- ABS không được kích hoạt ngay lập tức sau khi khởi động xe. Nó chỉ được kích hoạt khi tốc độ xe đạt khoảng 10 km/h. ABS không hoạt động khi tốc độ xe giảm xuống còn 5 km/h.

Đèn Cảnh Báo Và Dấu Hiệu Hoạt Động Của ABS**Đèn cảnh báo hệ thống ABS****Báo Hiệu ABS Hoạt Động**

Khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí "ON", đèn cảnh báo ABS sẽ sáng lên và tắt đi trong 3 giây. Hệ thống ABS bình thường nếu đèn cảnh báo tắt đi.

Dấu Hiệu Hoạt Động Của ABS

Khi kích hoạt hệ thống ABS, xuất hiện rung động nhẹ trên bàn đạp phanh và tay lái, có âm thanh phát ra từ bộ chấp hành ABS.

**LƯU Ý**

- Nếu đèn cảnh báo ABS có các dấu hiệu sau thì có thể ABS đã bị lỗi. Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra:
- Nếu đèn cảnh báo ABS sáng lên khi xe đang chạy.
- Đèn không sáng khi xoay chìa khóa sang vị trí "ON".
- Nếu có sự cố xảy ra với ABS, hệ thống phanh vẫn làm việc bình thường. Tuy nhiên ABS sẽ không làm việc.

Đèn Cảnh Báo ABS ☐ → Tham khảo trang 4-22

Biện Pháp An Toàn Khi Lái Xe Có ABS

Hệ thống ABS không phải là thiết bị giúp cho việc lái xe và dừng xe trong các điều kiện vượt quá giới hạn an toàn cho phép. Vì vậy hãy lái xe cẩn thận.

**CHÚ Ý**

- Khi phanh đột ngột, hãy giữ bàn đạp phanh để kích hoạt ABS.
- Khi phanh đột ngột, không được nhả bàn đạp phanh (đạp hoặc nhả bàn đạp phanh liên tục).
- Quãng đường phanh trên đường trơn trượt dài hơn so với đường khô ráo thậm chí cả với xe có trang bị ABS. Khi ABS được kích hoạt trong các điều kiện bề mặt đường như bên dưới thì quãng đường phanh có thể dài hơn một chút so với xe không trang bị ABS. Do đó, phải luôn quan tâm đến tình trạng đường và lốp xe:
 - Khi lái xe trên đường sỏi đá, hoặc đường phủ tuyết dày.
 - Khi sử dụng xích ngăn trượt.
 - Khi lái xe qua các khúc cua hoặc các đoạn gồ ghề, đường lát đá.
 - Khi lái xe trên tấm thép hoặc nắp hố ga.

CHÚ Ý (tiếp tục)

CHÚ Ý (tiếp tục)

- ABS không làm việc khi khởi động tại chỗ, tăng tốc và rẽ không cần phanh. Trên đường trơn trượt, các lốp xe có thể mất đi độ bám và tài xế có thể không kiểm soát được phương hướng của xe gây ra mất lái. Vì vậy luôn luôn lái xe tuân thủ tốc độ an toàn phù hợp với điều kiện đường xá cùng tình trạng lốp xe và tránh phanh gấp.
- Nếu dùng tính năng phanh động cơ trên đường đóng băng trơn trượt, tay lái có thể bị khóa cứng (ABS không hoạt động), dẫn đến mất điều khiển xe. Hãy dừng xe và chuyển tay số về vị trí N để giảm truyền động từ bánh xe lên động cơ, sau đó lái xe với vị trí tay số phù hợp.
- Đối với hệ thống phanh hơi toàn phần, hệ thống ABS khi hoạt động sẽ sử dụng nhiều hơi khí nén. Nếu đèn cảnh báo áp suất hơi khí nén sáng lên, hãy dừng xe tại nơi an toàn và kiểm tra xe cẩn thận.
- Khi ABS được kích hoạt, có rung động nhẹ (đặc biệt khi bề mặt đường ở lốp xe bên phải và bên trái khác nhau) trên bàn đạp phanh và vô lăng. Ngoài ra, bộ chấp hành ABS còn phát ra âm thanh khi hoạt động. Điều này là bình thường. Hãy giữ bình tĩnh và điều khiển vô lăng một cách phù hợp.

Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp V

Hệ thống này sẽ điều khiển gia tăng thêm lực phanh trên xe khi nhận thấy lực phanh đột ngột trên bàn đạp phanh. Đây không phải là thiết bị giúp dừng xe trong các điều kiện vượt quá giới hạn an toàn cho phép. Vì vậy hãy lái xe cẩn. Thận



LƯU Ý

- Khi hệ thống hoạt động người lái sẽ cảm nhận được bằng 1 chút rung động xảy ra trên bàn đạp phanh và tay lái

Hệ Thống Phân Phối Lực Phanh Điện Tử (EBD)

V

EBD là chức năng sử dụng ABS để phân phối lực phanh một cách lý tưởng giữa các bánh trước và sau để làm cân bằng các thay đổi trong các điều kiện tải hoặc bất kỳ chuyển đổi tải nào do tăng tốc hoặc giảm tốc, do đó ngăn chặn tình trạng khóa sớm các bánh sau.

**CHÚ Ý**

- Nếu xảy ra sự cố với chức năng EBD, đèn báo ABS và đèn báo phanh tay/hệ thống phanh sẽ sáng đồng thời.
- Các bánh sau sẽ dễ bị khóa hơn nếu chức năng EBD có sự cố. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa.

**LƯU Ý**

- Khi EBD hoạt động, bàn đạp phanh có thể hơi rung hoặc bạn có thể nghe thấy âm thanh phát ra tương tự như khi ABS làm việc. Cả hai hiện tượng trên là bình thường.

Hệ Thống Chống Trượt (ASR)

ASR là hệ thống giúp các bánh xe ngăn ngừa hiện tượng bị trượt khi khởi động hoặc tăng tốc trên đường trơn trượt. Hệ thống ASR được kích hoạt khi động cơ khởi động. Có thể tắt chức năng ASR bằng cách bấm vào công tắc tắt ASR.

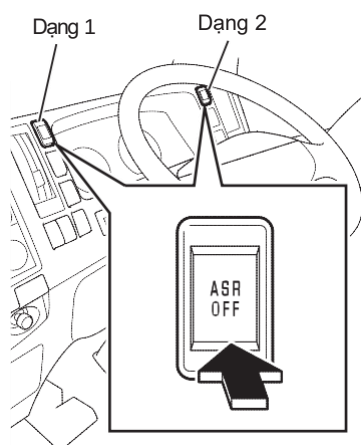
**CHÚ Ý**

- Khi hệ thống ASR được kích hoạt, đèn báo hệ thống ASR sẽ sáng (màu xanh lục); đây là lúc đường trơn trượt. Nếu đèn chỉ báo này sáng lên hãy lái xe cẩn thận và giảm tốc độ khi vào cua.
- Kể cả khi xe có trang bị hệ thống ASR, hãy lái xe cẩn thận trên đường đóng băng hay trơn trượt; có thể dùng đai xích cho bánh xe.
- ASR không phải là thiết bị giúp tăng tốc khi khởi động. hãy tăng tốc xe một cách cẩn thận khi di chuyển trên đường đóng băng.
- Nếu xe có trang bị đai xích bánh xe, hãy tắt chức năng ASR để việc xe bắt đầu lăn bánh dễ dàng hơn.

**LƯU Ý**

- Khi kiểm tra xe trên bang thử phanh, hãy tắt chức năng ASR.
 - Bạn có thể cảm nhận được rung động nhẹ hoặc âm thanh nhỏ khi bắt đầu đề pa hoặc khi tăng tốc xe. Đây là âm thanh cầu bộ chấp hành ASR.
- [Dấu hiệu hoạt động của ASR]
- Tốc độ động cơ có thể tự động giảm nhẹ, nguyên nhân là do điều khiển từ hệ thống ASR.

Nút Tắt ASR



Đèn chỉ báo ASR

ASR

(Cam)

Sử dụng nút này nếu bạn muốn vô hiệu hóa tính năng ASR. Nếu bạn bấm nút này sau khi khởi động động cơ, đèn ASR sẽ chuyển sang màu Cam.



KHUYẾN CÁO

- Khi tắt đi chức năng ASR, xe sẽ không được khiêu khiển hỗ trợ khi chạy xe trên đường trơn trượt. Hãy chú ý lái xe an toàn.
- Nên để chức năng ASR hoạt động khi lái xe.



LƯU Ý

- Kể cả khi đã bấm nút tắt ASR. Hệ thống sẽ tự kích hoạt lại sau khi khởi động động cơ.

Kiểm Tra Tình Trạng Hoạt Động Của Hệ Thống ASR

Đèn chỉ báo ASR



(Xanh lục/Cam)

Nhận Biết Hoạt Động Của ASR

Hệ thống ASR hoạt động bình thường nếu khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí "ON", đèn chỉ báo ASR sẽ chuyển từ Cam sang Xanh lục và tắt đi sau 3 giây.

Khi nào ASR hoạt động

Khi ASR được kích hoạt, đèn chỉ báo ASR sẽ chuyển sang màu Xanh lục. Khi bấm công tắc tắt ASRm, đèn chỉ báo sẽ chuyển sang màu Cam.



LƯU Ý

- Nếu đèn chỉ báo ASR không sáng trong các tình huống sau, hãy báo cho đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa.
 - Đèn chỉ báo chuyển sang màu Xanh lục khi xe đang chạy trên đường khô ráo bình thường.
 - Đèn chỉ báo chuyển sang màu Cam khi đang lái xe trên đường (mà không bấm công tắc tắt ASR)
 - Đèn chỉ báo không sáng sau khi xoay công tắc khởi động về vị trí "ON".
- Nếu hệ thống ASR bị trục trặc, điều này sẽ không làm ảnh hưởng đến việc vận hành của xe. Chỉ có tính năng chống trượt là không hoạt động.

Đèn Chỉ Báo ASR  → Tham khảo trang 4-37

Biện Pháp An Toàn Khi Lái Xe Có ASR

ASR không phải là một thiết bị giúp lái xe trong các điều kiện vượt quá các giới hạn an toàn. Vì vậy hãy luôn lái xe cẩn thận.

**CHÚ Ý**

•Hệ thống ASR không giúp tăng khả năng bám đường của lốp xe, nó chỉ có tác dụng giúp cho việc đề-pa xe được tốt hơn trên các đường đông băng hoặc trơn trượt. Trên các đường trơn trượt bánh xe sẽ bám đường kém dẫn đến khả năng điều khiển lái cũng sẽ giảm. Hãy lái xe với tốc độ an toàn và tránh việc tăng tốc.

•Kể cả khi xe có trang bị ASR, tránh dùng nhồi bàn đạp ga, bàn đạp ly hợp và đánh tay lái hết mức. Đặc biệt là khi đề-pa xe trên đường trơn trượt, hãy tăng tốc từ tốn như thể xe không có trang bị hệ thống ASR.

**LƯU Ý**

•Hãy tắt chức năng ASR khi xe bạn leo một dốc dài, hoặc khi muốn cho bánh xe quay để văng sạch bùn tuyết ra khỏi bánh xe.

Nút Tắt ASR → Tham khảo trang 4-92

Bốn Bánh Chủ Động (4WD) **CHÚ Ý**

- Lái xe với chế độ 4WD không giúp tăng tính an toàn cho xe. Hãy lái xe một cách cẩn thận và tuân thủ tương tự các khuyến cáo như khi lái xe với 2 bánh chủ động (2WD).

4WD Bán Thời Gian

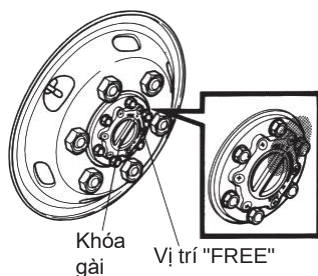
Chế độ 4WD bán thời gian có thể chọn bằng cách ấn vào nút 4WD, và chọn giữa chế độ "HIGH" hoặc "LOW"

Xoay Khóa Gài

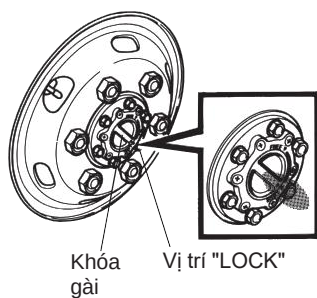
Hãy xoay khóa gài để kết nối các bánh trước vào trục lái xe.

**CHÚ Ý**

- Hãy chắc chắn đã xoay khóa gài sang vị trí "LOCK" để lái xe với chế độ 4WD.
- Đừng ấn vào nút 4WD khi khóa gài đang ở vị trí "FREE".

**Vị trí "FREE"**

Khi lái xe với chế độ 2WD hãy xoay khóa gài sang vị trí "FREE", lúc này cách bánh xe sẽ ngắt kết nối với trục láp.

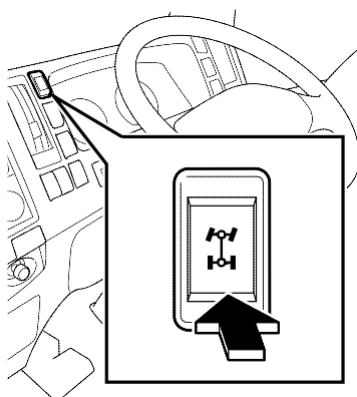
**Vị trí "LOCK"**

Khi lái xe với chế độ 4WD hãy xoay khóa gài sang vị trí "LOCK", lúc này cách bánh xe sẽ kết nối với trục láp.

**LƯU Ý**

- Khi lái xe với chế độ 4WD, hãy chắc chắn cả bánh trái và phải đều đã xoay khóa gài sang vị trí "LOCK".
- Lái xe với chế độ 2WD sẽ giúp tiêu hao nhiên liệu giảm tốt hơn so với khi lái với 4 bánh chủ động.

Nút 4WD



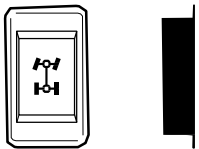
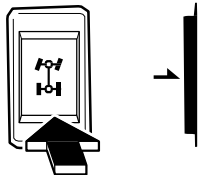
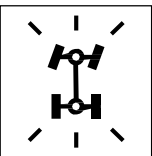
Ấn vào nút 4WD để chuyển đổi giữa 2WD và 4WD

Trước khi ấn nút phải đảm bảo khóa gài đã xoay sang vị trí "LOCK", và chỉ ấn nút khi xe đang dừng hoặc chạy với tốc độ chậm.

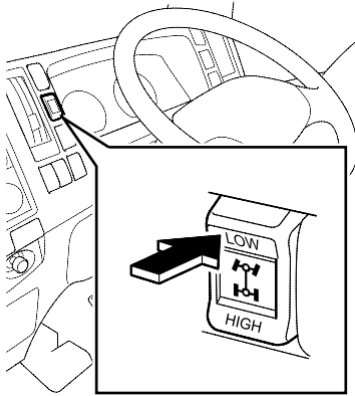
 CHÚ Ý

- Sử dụng chế độ 4WD khi lái xe trên đường phẳng, đường khô ráo sẽ làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu và nhanh mòn lốp. Thay vào đó hãy dùng chế độ 2WD trên các điều kiện đường thông thường.
- Hãy chắc chắn đã xoay khóa gài sang vị trí "LOCK" để lái xe với chế độ 4WD.
- Đừng ấn vào nút 4WD khi khóa gài đang ở vị trí "FREE".

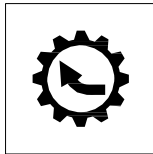
Hướng dẫn chọn 2WD hay 4WD

Chế độ	Nút 4WD	Đèn chỉ báo	Điều kiện sử dụng
2WD		Tắt	Lái xe trên cao tốc hoặc đường thông thường..
4WD		Sáng 	Khi lái xe trên đường trơn trượt, đường tuyết, hoặc đường đóng băng.

Nút Chỉnh Hộp Số Phụ



Đèn Chỉ Báo Chế Độ LOW



Nút có chức năng chỉnh mức "LOW" hoặc "HIGH" cho hộp số phụ.

1. Chắc chắn xe đã dừng hoặc người lái xe đã ấn hoàn toàn bàn đạp ly hợp.



LƯU Ý

- Phải ấn hoàn toàn bàn đạp ly hợp thì nút chỉnh hộp số phụ mới hoạt động

2. Ấn nút để chuyển đổi giữa "HIGH" và "LOW". Khi ấn chọn "LOW" thì đèn chỉ báo sẽ sáng lên

HIGH : Ấn vào khi đang lái xe trên đường thông thường hoặc đường cao tốc

LOW : Ấn vào khi lái xe trên đường trơn trượt, đường đèo dốc, đường gồ ghề

Bộ Trích Công Suất (PTO)

Bộ trích công suất PTO là thiết bị trích xuất công sinh ra từ động cơ xe hoặc hộp số để dẫn động các thiết bị phụ trợ khác. Phần nội dung này sẽ giới thiệu về hoạt động của bộ PTO, tuy nhiên về chi tiết cấu tạo và nguyên lý hoạt động vui lòng tham khảo quyển [Hướng Dẫn Sử Dụng Các Thiết Bị Lắp Ngoài].

Hoạt Động Của Bộ Trích Công Suất (PTO)**CHÚ Ý**

- Đảm bảo không có người hoặc vật dụng nào xung quanh hay ở trước xe trước khi vận hành PTO.
- Khi vận hành PTO, nhớ chuyển tay số về vị trí “N”, kéo phanh tay và đạp bàn đạp phanh bằng chân.
- Không sử dụng PTO khi xe đang lưu thông trên đường.
- Chi tiết cấu tạo và nguyên lý hoạt động vui lòng tham khảo quyển [**Hướng Dẫn Sử Dụng Các Thiết Bị Lắp Đặt Bên Ngoài Xe**].

**KHUYẾN CÁO**

- Không thể kết nối PTO trong khi tăng tốc động cơ để làm nóng bằng cách xoay nút điều chỉnh tốc độ cầm chừng. Hãy đợi đến khi động cơ ấm lên, sau đó chỉnh lại nút điều chỉnh tốc độ cầm chừng về vị trí bình thường trước khi kết nối PTO.

**LƯU Ý**

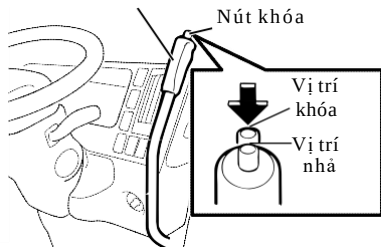
[TĂNG TỐC ĐỘNG CƠ ĐỂ làm nóng]

- Đó là việc chỉnh cho tốc độ động cơ hoạt động cầm chừng tăng lên, giúp cho quá trình làm nóng động cơ diễn ra nhanh hơn.

Bộ PTO - Dạng Cần Điều Khiển SA

Cần điều khiển

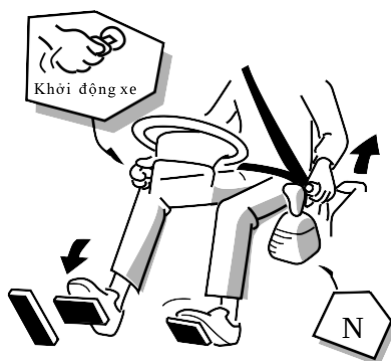
Nút khóa

**Nút Khóa**

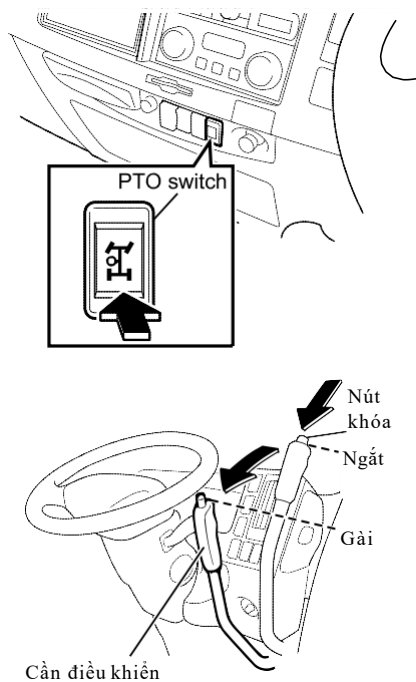
Bấm nút khóa để kéo cần điều khiển về vị trí khóa hoặc nhả.

**CHÚ Ý**

- Trước khi kéo cần điều khiển, nhớ bấm nút khóa. Nếu không sẽ làm cần điều khiển bị hư hỏng.

**Kết Nối Bộ PTO**

1. Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí tay số ở "N", sau đó khởi động động cơ.

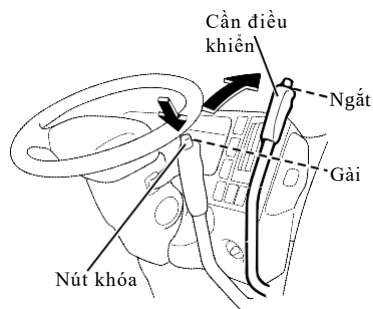
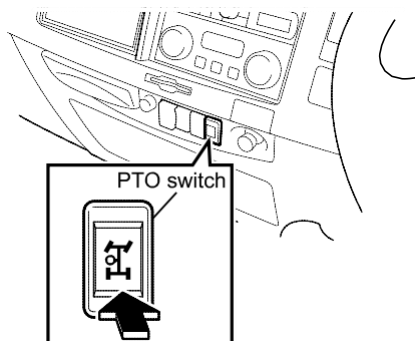


- Đạp bàn đạp ly hợp, đợi vài giây. Sau đó bấm nút khóa và kéo cần điều khiển xuống dưới vào vị trí Gài để kết nối hoạt động của bộ PTO.

**CHÚ Ý**

Trong khi di chuyển cần điều khiển, nhớ bấm vào nút khóa. Nếu không sẽ làm cần điều khiển bị hư hỏng

- Rút chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp.
- Vận hành thiết bị lắp ngoài theo hướng dẫn của nhà sản xuất.



Ngắt Kết Nối Bộ PTO

1. Đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, ấn nút khóa và kéo cần điều khiển về vị trí Ngắt.
2. Bỏ chân ra khỏi bàn đạp ly hợp.



CHÚ Ý

Khi di chuyển cần điều khiển, nhớ ấn vào nút khóa, nếu không sẽ làm cần điều khiển bị hư hỏng.



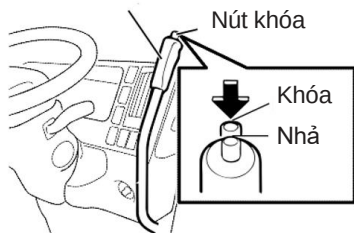
CHÚ Ý

- Trước khi cho xe lăn bánh, nhớ kiểm tra các mục sau:
 - Tình trạng các thiết bị lắp ngoài.
 - Cần điều khiển PTO ở vị trí Ngắt.

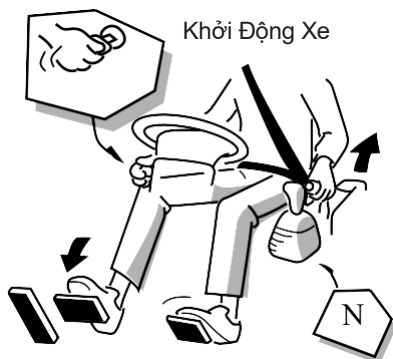
Bộ PTO Dạng Nút Bấm M/T

Cần điều khiển

Nút khóa

**Chức Năng Của Nút Khóa**

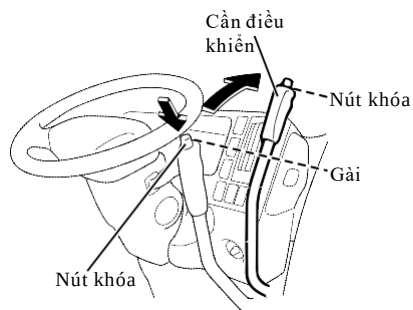
Không ấn nút khóa cần điều khiển sẽ giúp giữ nguyên cần tại vị trí đó. Nếu vận hành cần điều khiển thì hãy luôn bấm vào nút khóa và di chuyển cần.



Khởi Động Xe

Kết Nối Bộ PTO

1. Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí tay số ở "N", sau đó khởi động động cơ.

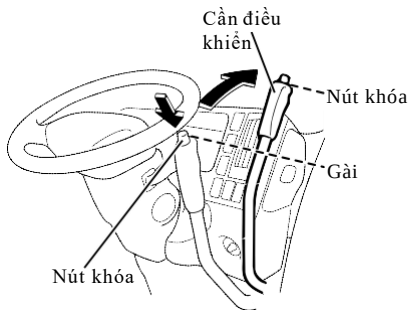


2. Đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, đợi vài giây sau đó ấn vào nút bấm bộ PTO. Lúc này đồng hồ chỉ báo PTO trên đồng hồ hồ táp-lô sẽ sáng lên.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu như vừa đạp bàn đạp ly hợp xong và bấm nút bấm PTO, sẽ xuất hiện âm thanh bánh răng ăn khớp không thành công (PTO không kết nối thành công). Bấm nút bấm PTO khi xe chưa dừng hẳn cũng gây ra hiện tượng tương tự.

3. Rút chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp.
4. Vận hành thiết bị lắp ngoài theo hướng dẫn của nhà sản xuất.



Ngắt Kết Nối Bộ PTO

1. Đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, ấn nút khóa và kéo cần điều khiển về vị trí Ngắt.



CHÚ Ý

Khi di chuyển cần điều khiển, nhớ ấn vào nút khóa, nếu không sẽ làm cần điều khiển bị hư hỏng.

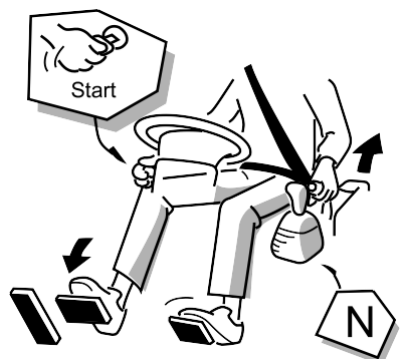
2. Bỏ chân ra khỏi bàn đạp ly hợp.



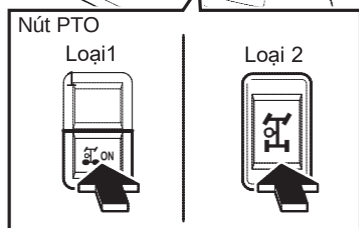
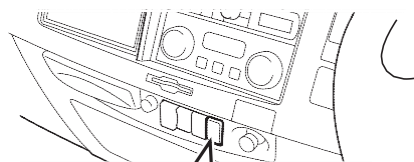
CHÚ Ý

- Trước khi cho xe lăn bánh, nhớ kiểm tra các mục sau:
 - Tình trạng các thiết bị lắp ngoài.
 - Cần điều khiển PTO ở vị trí Ngắt.

Bộ PTO- Dạng Nút Bấm

**Kết Nối Bộ PTO**

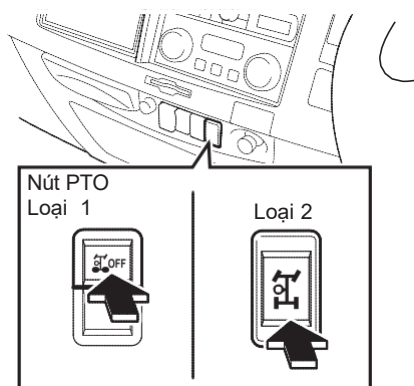
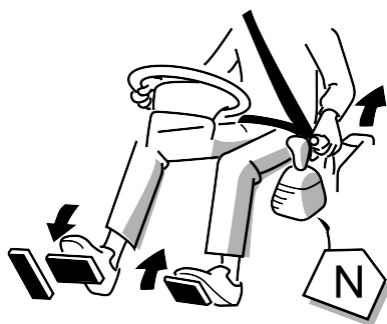
1. Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí tay số ở "N", sau đó khởi động động cơ.
2. Đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, đợi vài giây sau đó ấn vào nút bấm bộ PTO. Lúc này đồng hồ chỉ báo PTO trên đồng hồ táp-lô sẽ sáng lên.



Đèn chỉ báo PTO

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu như vừa đạp bàn đạp ly hợp xong và bấm nút bấm PTO, sẽ xuất hiện âm thanh bánh răng ăn khớp không thành công (PTO không kết nối thành công). Bấm nút bấm PTO khi xe chưa dừng hẳn cũng gây ra hiện tượng tương tự.



Đèn Chỉ Báo PTO



3. Rút chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp.
4. Vận hành thiết bị lắp ngoài theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Ngắt Kết Nối PTO

1. Vừa đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, vừa ấn vào nút bấm PTO. Lúc này đèn chỉ báo PTO trên đồng hồ táp-lô sẽ tắt.
2. Rút chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp.

**CHÚ Ý**

Trước khi cho xe lăn bánh, nhớ kiểm tra các hạng mục sau:

- Tình trạng các thiết bị lắp ngoài.
- Bấm tắt nút bấm PTO.

Cần Điều Khiển Thùng Ben

Sử dụng cần để nâng hay hạ thùng ben

Hướng dẫn chi tiết sẽ được ghi chú trong sổ tay do nhà sản xuất thùng phát hành.



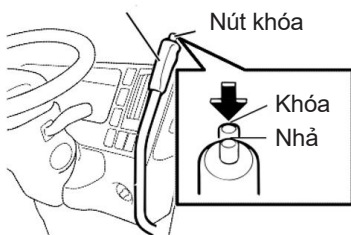
CHÚ Ý

- Trong suốt quá trình lái xe cũng như bảo dưỡng xe, phải luôn chắc chắn đã hạ thùng ben.
- Đừng nâng thùng & giữ nguyên cần điều khiển sau đó rời khỏi cabin xe. Điều này sẽ gây ra rất nhiều nguy hiểm.

Hướng Dẫn Sử Dụng Cần Điều Khiển

Cần điều khiển

Nút khóa



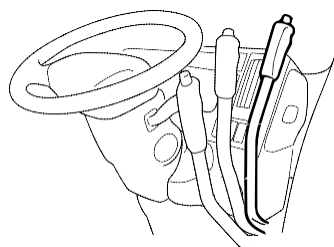
Hướng Dẫn Sử Dụng Nút Khóa

Không ấn nút khóa cần điều khiển sẽ giúp giữ nguyên cần tại vị trí đó. Nếu vận hành cần điều khiển thì hãy luôn bấm vào nút khóa và di chuyển cần



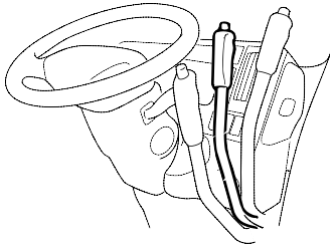
CHÚ Ý

- Khi vận hành cần điều khiển, nhớ phải phải ấn vào nút khóa. Nếu không sẽ làm hư hỏng cơ cấu an toàn bên trong cần.



Để Hạ Thùng Ben

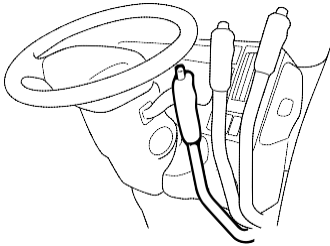
Vận hành cần điều khiển như hình minh họa

**Tạm Dừng Thùng Ben**

Di chuyển cần đến vị trí như hình. Lưu ý đừng rời khỏi cabin xe khi vị trí cần đang như hình.

**CHÚ Ý**

- Dù cho cần đã được khóa. Vẫn cần có người bên trong xe để theo dõi và xử lý tình huống phát sinh.

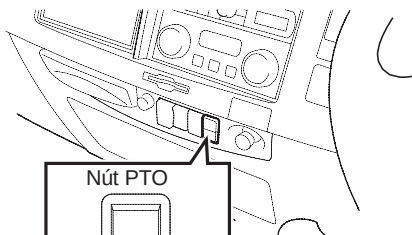
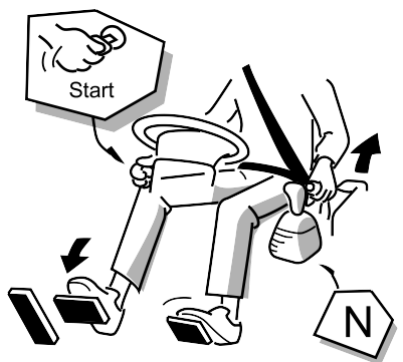
**Nâng Thùng Ben**

Di chuyển cần đến vị trí như hình. Khi thùng đã được nâng lên, hãy dùng thanh chống thùng để gia tăng độ an toàn.

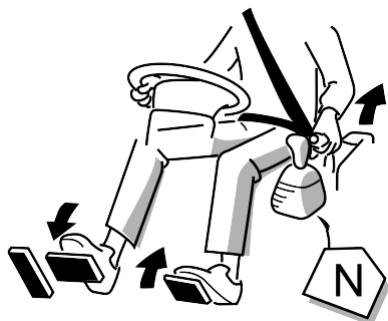
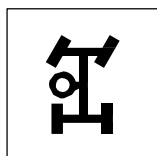


Khi Vận Hành Thùng Ben**CHÚ Ý**

- Khi nâng hay hạ thùng ben, phải kiểm tra cả đảm bảo không có người nào đứng cạnh hay đứng dưới thùng ben.
- Đậu xe trên bề mặt bằng phẳng.
- Trước khi vận hành thùng ben, phải dừng xe hoàn toàn. Kéo phanh tay và chêm bánh xe cẩn thận.



Đèn chỉ báo PTO

**Khi Nâng Thùng Ben**

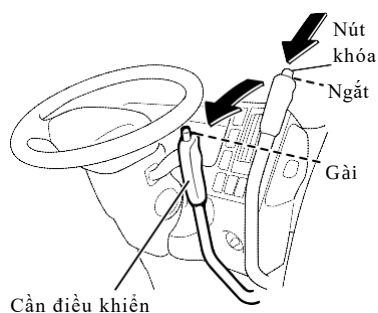
Gài kết nối PTO trước khi vận hành thùng xe.

1. Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí tay số ở "N", sau đó khởi động động cơ.
2. Đạp hoàn toàn bàn đạp ly hợp, đợi vài giây sau đó ấn vào nút bấm bộ PTO. Lúc này đồng hồ chỉ báo PTO trên đồng hồ táp-lô sẽ sáng lên.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu như vừa đạp bàn đạp ly hợp xong và bấm nút bấm PTO, sẽ xuất hiện âm thanh bánh răng ăn khớp không thành công (PTO không kết nối thành công). Bấm nút bấm PTO khi xe chưa dừng hẳn cũng gây ra hiện tượng tương tự.

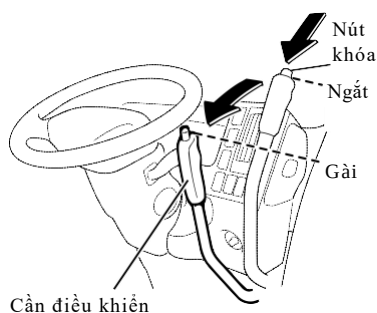
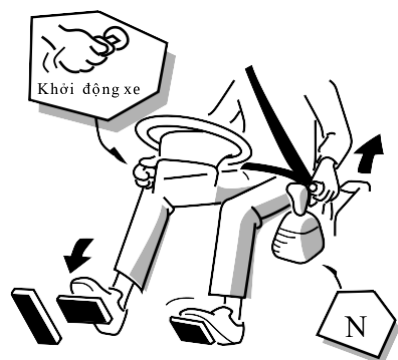
3. Rút chân từ từ ra khỏi bàn đạp ly hợp.



4. Kéo cần để nâng thùng lên hết mức.
Một khi thùng đã nâng đến mức
giới hạn, nó sẽ tự dừng lại.

**CHÚ Ý**

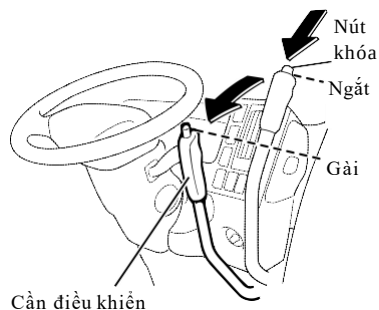
- Nhớ phải gài kết nối PTO trước khi vận hành cần điều khiển.

**Kết Nối Bộ PTO**

1. Để xe đứng yên, kéo phanh tay với vị trí tay số ở "N", sau đó khởi động động cơ.
2. Đạp bàn đạp ly hợp, đợi vài giây. Sau đó bấm nút khóa và kéo cần điều khiển xuống dưới vào vị trí Gài để kết nối hoạt động của bộ PTO.

**CHÚ Ý**

Trong khi di chuyển cần điều khiển, nhớ bấm vào nút khóa. Nếu không sẽ làm cần điều khiển bị hư hỏng

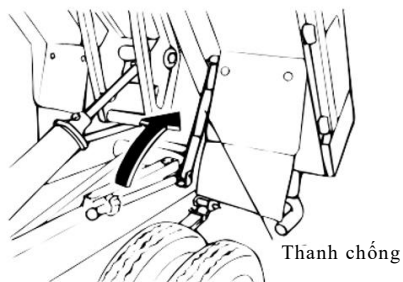
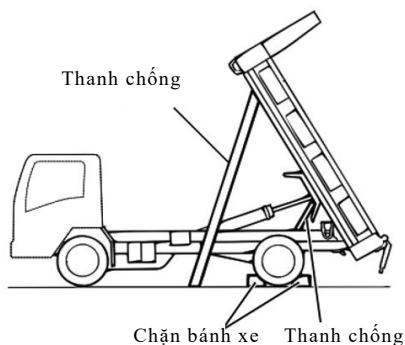


Khi Thùng Đã Nâng Lên Hết Cỡ

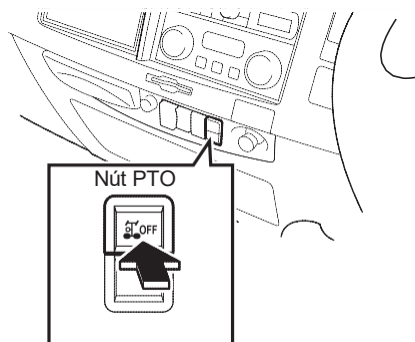
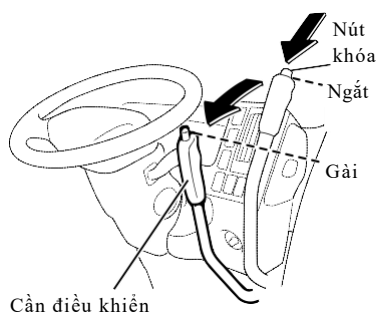


CHÚ Ý

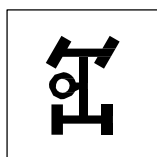
- Phải luôn chú ý đậu xe trên nền bằng phẳng, kéo phanh tay hoàn toàn, và chêm bánh xe cẩn thận trước khi nâng thùng xe lên hết cỡ.
- Khi bảo dưỡng hoặc kiểm tra xe cũng cần chêm miếng chêm bánh xe và thanh chống thùng.
- Chỉ cho phép người có phận sự và rành chuyên môn được đứng gần khu vực thùng.



1. Phải giữ cần điều khiển ở vị trí đã được khóa cố định
2. Tắt máy xe sau khi thùng đã đạt độ cao tối đa
3. Chèn thanh chống và chêm bánh xe cẩn thận mỗi khi cần thao tác bên dưới thùng hoặc xung quanh thùng.



Đèn chỉ báo PTO

**Khi Hạ Thùng Ben**

Sau khi hạ xong thùng ben, hãy nhốt ngắt kết nối PTO

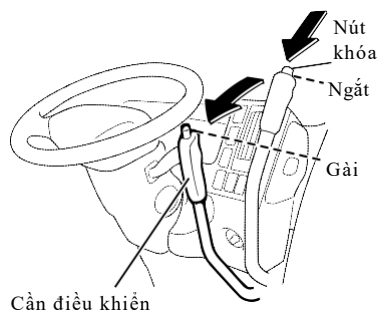
1. Ấn nút khóa và kéo cần điều khiển để hạ từ từ thùng ben.

**CHÚ Ý**

- Khi di chuyển cần nhớ ấn vào nút khóa. Nếu không sẽ làm hư hỏng cơ cấu bên trong cần.

2. Sau khi thùng đã hạ hoàn toàn. Hãy ấn tắt nút PTO. Lúc này đèn chỉ báo sẽ tắt đi.

3. Buông chân khỏi bàn đạp ly hợp



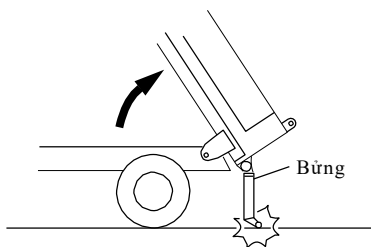
Hạ Thùng Ben (Model Bộ PTO có tích hợp bơm thủy lực)

Ấn nút khóa và di chuyển cần để hạ thùng ben từ từ. Sau khi thùng ben hạ hoàn toàn, bộ PTO sẽ tự ngắt và đèn chỉ báo sẽ tắt.



CHÚ Ý

- Cần cẩn trọng đừng làm búng thùng bị hư hỏng khi nâng hạ thùng

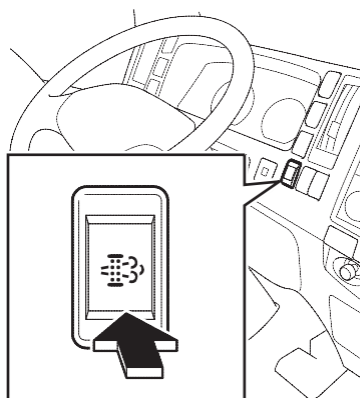


**CHÚ Ý**

- Trước khi khởi hành xe , chầy chú ý: .
 - Hạ hoàn toàn thùng xe
 - Cần điều khiển đã khóa
 - Các bửng thùng đã gài chặt..
- Khi điều khiển cần, hãy điều khiển chậm rãi.
- Đặc biệt lưu ý các vấn đề sau:..
 - Không mở cửa bửng khi thùng đã nâng lên.
 - Không chui xuống bên dưới thùng khi thùng đang nâng lên

Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD)

Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD) sẽ giữ lại các hạt bụi mịn (PM) có trong khí xả. Các bụi mịn này sẽ được giữ tại bầu lọc bên trong bộ DPD. Khi lượng bụi đạt đến một mức độ nhất định, bộ DPD sẽ đốt cháy lại lần nữa các bụi mịn này.

Công Tắc DPD

(màu hổ phách. chớp nháy)

Khi ấn vào công tắc này, DPD sẽ đốt cháy các bụi mịn đang tích tụ bên trong bộ lọc (xử lý thủ công).

Người lái xe cần ấn vào nút này để DPD xử lý thủ công mỗi khi đèn chỉ báo DPD (màu hổ phách) bật sáng và kèn cảnh báo kêu lên. Nên thực hiện việc xử lý thủ công này vào mỗi cuối ngày sau khi vận hành xe.

Nếu người lái xe vẫn phớt lờ cảnh báo và tiếp tục lái xe thì đèn chỉ báo sẽ chớp nhanh hơn (3 lần/giây). Cứ tiếp tục trong thời gian dài sẽ làm cho bầu DPD bị hư hỏng. Do đó hãy luôn tuân thủ khuyến cáo về việc xử lý bụi mịn bên trong bầu DPD.

**KHUYẾN CÁO**

- Tiếp tục lái xe trong khi không tuân thủ quy trình xử lý khí xả sẽ làm đèn báo lỗi động cơ sáng lên

**LƯU Ý**

- Trong khi xe vận hành, một lượng ít các bụi mịn PM sẽ được đốt cháy và xử lý, tuy nhiên lượng bụi mịn vẫn còn đọng lại và tích tụ ngày càng nhiều. Dẫn đến việc cần phải xử lý thủ công. Nếu không tuân thủ các hướng dẫn và khuyến cáo sẽ làm hệ thống DPD bị hư hỏng.

Quy Trình Xử Lý Thủ Công Khí Thải



1. Dừng xe ở nơi an toàn, xung quanh không có các vật dễ cháy như cỏ, rác, giấy...



CHÚ Ý

- Kiểm tra xung quanh khu vực ống xả có các vật dễ cháy hay không.
- Có thể chêm bánh xe nếu cần thiết

2. Kéo phanh tay & chuyển sang số "N"

3. Để động cơ hoạt động cầm chừng, xoay núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng về vị trí ban đầu

4. Ngắt kết nối PTO



(Màu hồ phách)

5. Ấn Công Tác DPD.
6. Lúc này đèn chỉ báo màu hồ phách sẽ ngừng chớp nháy, và tốc độ động cơ sẽ tự gia tăng để bắt đầu đốt cháy bụi mịn bên trong bộ DPD.
7. Đừng rời khỏi xe trong quá trình xử lý khí thải (khoảng 20 phút)
8. Khi đèn chỉ báo DPD (màu hồ phách) tắt đi, nghĩa là quá trình xử lý khí thải đã hoàn tất.

**CẢNH BÁO**

- Trong quá trình xử lý khí thải sẽ tạo ra nhiều khói trắng. Hiện tượng này là bình thường

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ vận hành PTO nếu đèn chỉ báo DPD không phát sáng.

**LƯU Ý**

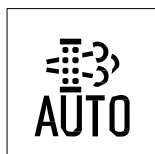
- Thời gian xử lý khí thải phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường bên ngoài
- Trong quá trình xử lý khí thải, xe có thể tự điều khiển bật tắt các hệ thống EGR, phanh khí xả...
- Trong quá trình xử lý khí thải sẽ tạo ra nhiều khói trắng. Hiện tượng này là bình thường.
- Nhiệt độ nước làm mát sẽ tăng trong quá trình xử lý khí thải.

Quy Trình Xử Lý Khí Thải Bị Gián Đoạn

Nếu quy trình xử lý khí thải bị gián đoạn. Hãy ấn lại lần nữa công tắc DPD và thực hiện lại từ đầu bước 1.

**LƯU Ý**

- Quy trình xử lý khí thải thủ công sẽ bị gián đoạn nếu:
 - Ấn vào bàn đạp ga
 - Xe tăng tốc.

Quy Trình Xử Lý Khí Thải Tự Động Của DPD

(Màu xanh, sáng liên tục)

Khi xe dừng và đang nổ máy cầm chừng, hệ thống sẽ tự nhận biết và điều chỉnh tăng tốc độ động cơ để tự đốt cháy bụi mịn tồn đọng. Lúc này đèn chỉ báo màu xanh sẽ sáng lên. Quy trình này tự động được tính toán và thực hiện mỗi khi động cơ khởi động.

Nếu lượng bụi mịn không được xử lý hết thông qua quy trình tự động này và tích tụ ngày càng nhiều, hệ thống sẽ cảnh báo cho người lái xe biết & yêu cầu thực hiện quy trình xử lý thủ công. Lúc này đèn chỉ báo DPD màu hổ phách sẽ sáng lên.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng ấn vào công tắc DPD khi đèn chỉ báo DPD màu xanh đang bật sáng.

**LƯU Ý**

- Tốc độ động cơ có thể tự gia tăng hoặc phanh khí xả có thể tự kích hoạt trong quá trình tự động xử lý khí thải
- Sẽ có nhiều âm thanh phát sinh . Hiện tượng này là bình thường.

Quy Trình Xử Lý Khí Thải Chủ Động

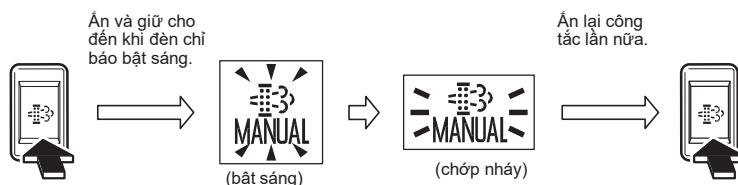
Tài xế có thể chủ động xử lý các bụi mịn PM đang đọng lại bên trong DPD mà không cần phải đợi đến khi các đèn chỉ báo DPD màu xanh hoặc màu hổ phách sáng lên.

Nên chủ động thực hiện việc xử lý khí thải vào mỗi cuối ngày làm việc khi động cơ vẫn còn ấm và nóng.

**CHÚ Ý**

- Đừng rời khỏi xe trong suốt quá trình xử lý khí thải
- Đảm bảo không có vật dễ cháy xung quanh hệ thống khí xả, DPD.
- Nhiệt độ từ ống xả sẽ cực kì cao. Hãy cẩn thận

1. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra xem xung quanh không có vật nào dễ bắt lửa.
2. Để động cơ chạy cầm chừng, chuyển về tay số “N” và kéo cần phanh tay. Ngắt kết nối với bộ PTO.



3. Ấn và giữ công tắc DPD và quan sát xem đèn chỉ báo màu hổ phách có sáng lên chưa. Lúc này đèn chỉ báo sẽ phát sáng và chuyển sang chớp nháy.
4. Ấn lại công tắc DPD một lần nữa. Đèn chỉ báo màu hổ phách sẽ ngưng chớp nháy và luôn sáng. Lúc này tốc độ động cơ sẽ tự được gia tăng để đốt cháy các bụi mịn PM.
5. Đừng rời khỏi xe trong quá trình xử lý khí thải. Quá trình này có thể kéo dài khoảng 20 phút.
6. Khi đèn chỉ báo bật tắt. Quá trình xử lý khí thải đã hoàn tất. Có thể tiếp tục sử dụng xe.

**CẢNH BÁO**

- Quá trình xử lý khí thải có thể tạo ra khói trắng. Đây là hiện tượng bình thường.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu quy trình xử lý khí thải bị gián đoạn. Hãy ấn lại lần nữa công tắc DPD và thực hiện lại từ đầu bước 1.
- Trong trường hợp lượng bụi đóng ở lõi lọc DPD còn ít không cần phải xử lý. Thì khi ấn vào công tắc DPD, đèn chỉ báo sẽ không chuyển sang trạng thái chớp nháy. Lúc này không cần phải thực hiện quy trình xử lý khí thải.

**LƯU Ý**

- Thời gian xử lý khí thải phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường bên ngoài
- Trong quá trình xử lý khí thải, xe có thể tự điều khiển bật tắt các hệ thống EGR, phanh khí xả...
- Trong quá trình xử lý khí thải sẽ tạo ra nhiều khói trắng. Hiện tượng này là bình thường.
- Nhiệt độ nước làm mát sẽ tăng trong quá trình xử lý khí thải.
- Sẽ có một số âm thanh phát ra từ hệ thống khí xả. Hiện tượng này là bình thường

Bộ Chuyển Hóa Xúc Tác Khí Xả (PM)

V

Bộ chuyển hóa xúc tác khí xả sử dụng bầu xử lý để đốt cháy lại khí xả, chuyển hóa thành nước và carbon dioxide.

Theo nguyên lí hoạt động, khi động cơ diesel hoạt động cầm chừng, nhiệt độ khí xả còn thấp; lúc này bộ xử lý chưa hoạt động và các thành phần độc hại trong khí xả được giữ lại. Sau khi động cơ tăng tốc, nhiệt độ khí xả tăng cao làm kích hoạt bộ xử lý; lúc này các thành phần độc hại trong khí xả sẽ được chuyển hóa, tạo thành khói trắng trong khoảng 1-2 phút.

**CẢNH BÁO**

Động cơ, đường ống khí xả, két nước và các bộ phận liên quan sẽ có nhiệt độ rất cao sau khi hoạt động. Do đó cần thận không thực hiện việc kiểm tra, sửa chữa khi các chi tiết này còn nóng; nếu không sẽ bị bỏng.

**CHÚ Ý**

- Phải luôn sử dụng đúng loại nhiên liệu cho xe. Nếu là xe đạt chuẩn Euro IV, phải sử dụng dầu diesel 0,05S ; nếu là Euro V, phải sử dụng 0,001S
- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ làm giảm khả năng bôi trơn trong hệ thống nhiên liệu, chất lượng cháy, ngột kim phun...và ảnh hưởng nặng đến tuổi thọ của xe
- Nếu đổ nhầm nhiên liệu, hãy lập tức dừng xe. Xả toàn bộ nhiên liệu và liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được hỗ trợ.

**KHUYẾN CÁO**

- Việc để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu sẽ làm giảm hiệu quả chuyển hóa khí xả.
- Để giảm phần khói trắng tạo ra, đừng để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu.
- Việc khói trắng xuất hiện tại đường ống xả khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau khi chạy cầm chừng là hiện tượng bình thường; không phải là hiện tượng hư hỏng.
- Bộ xử lý chỉ có tác dụng chuyển hóa các thành phần độc hại trong khí xả thành các chất không gây hại. Nó không có tác dụng giảm khói đen.
- Không được tự ý tháo rời hay cải tạo bộ xử lý.

Chú ý trước khi lái xe:

Nếu bạn để động cơ hoạt động cầm chừng trong một thời gian dài:

Lúc này bộ xử lý sẽ bắt đầu kích hoạt khi xe tăng tốc; và sẽ tạo ra khói trắng tại ống xả. Việc này thường xảy ra sau khi để xe hoạt động cầm chừng khoảng 1-2 giờ trở lên.

**CHÚ Ý**

Nếu bạn tăng tốc xe đột ngột sau khi để động cơ hoạt động cầm chừng một thời gian dài, sẽ tạo ra khói trắng phía ống xả. Khói trắng này sẽ làm ảnh hưởng đến tầm nhìn của các xe lưu thông phía sau. Hãy để ý đến các phương tiện phía sau và tránh dừng để điều bất tiện này xảy ra.

**KHUYẾN CÁO**

- Việc để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu sẽ làm giảm hiệu quả chuyển hóa khí xả.
- Để giảm phần khói trắng tạo ra, đừng để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu.

**LƯU Ý**

- Việc khói trắng xuất hiện tại đường ống xả khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau khi chạy cầm chừng là hiện tượng bình thường; không phải là hiện tượng hư hỏng.

Chú ý trong khi lái xe

Trên đường đông đúc:

Khi bạn lái xe trên đường đông đúc, xe chạy với tốc độ chậm, nhiệt độ khí xả còn thấp và bộ xử lý sẽ chưa kích hoạt, lúc này các thành phần độc hại trong khí xả sẽ được giữ bên trong bộ xử lý. Đến khi xe tăng tốc, bộ xử lý sẽ kích hoạt và chuyển hóa toàn bộ phần khí xả tích tụ thành khói trắng.

Lượng khói trắng tạo ra nhiều hay ít phụ thuộc vào thời gian động cơ hoạt động cầm chừng liên tục. Mặc dù khói trắng này sẽ tan sau 1-2 phút nhưng cũng sẽ gây ảnh hưởng tầm nhìn đến các phương tiện lưu thông khác. Do đó cần đặc biệt lưu ý khi xe lưu thông trên đường đông đúc liên tục trong 1-2 giờ.

**KHUYẾN CÁO**

- Lái xe trong một thời gian dài trên đường đông đúc có thể làm giảm hiệu quả chuyển hóa khí xả.

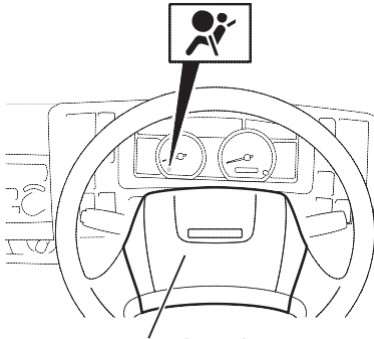
**LƯU Ý**

- Việc khói trắng xuất hiện tại đường ống xả khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau khi chạy trên đường đông đúc trong một thời gian dài là bình thường; không phải là hiện tượng hư hỏng.

Dây Đai An Toàn Và Túi Khí V

Đai an toàn trước có bộ căng đai và hệ thống túi khí được kích hoạt trong trường hợp lực va chạm vượt quá mức cho phép để giảm tác động lên đầu tài xế và hành khách bằng cách giữ chặt cơ thể người ngồi trên ghế.

Hãy tuân thủ các chỉ dẫn sau đây để bảo vệ bạn không bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong do các tác động mạnh từ đai an toàn trước khi bộ căng đai và túi khí được kích hoạt.

Kiểm Tra Hoạt Động

Túi khí tại vị trí ghế tài xế

Đèn cảnh báo túi khí SRS kiểm tra và báo tình trạng hoạt động của hệ thống túi khí. Đèn cảnh báo túi khí SRS sẽ nhấp nháy bảy lần khi xoay chìa khóa xe sang vị trí ON, sau đó đèn cảnh báo tự tắt.

Nếu đèn báo túi khí SRS vẫn sáng, túi khí có thể bị trục trặc. Chỉ lái xe sau khi đèn cảnh báo tắt.

**CHÚ Ý**

- Nếu bạn gặp phải bất kỳ một trong các điều kiện sau đây. Đưa xe của bạn tới đại lý ISUZU để kiểm tra/bảo trì sớm nhất có thể.

[Lỗi hệ thống]

- Nếu đèn cảnh báo túi khí SRS không nhấp nháy 7 lần khi chìa khóa xe ở vị trí ON
- Nếu đèn cảnh báo túi khí SRS không tự động tắt.
- Nếu đèn cảnh báo túi khí SRS sáng khi đang lái xe.

**CẢNH BÁO**

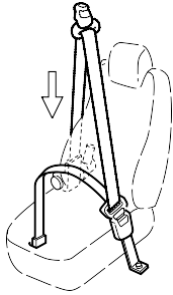
- Nếu bạn sửa chữa không đúng cách hoặc lắp đặt thêm phụ kiện không rõ nguồn gốc đối với xe, dây đai an toàn và túi khí có thể sẽ không hoạt động đúng cách.
- Nếu thay vô lăng không đạt tiêu chuẩn, có thể dẫn đến trục trặc hệ thống. Gắn hoặc dán đồ vật, thiết bị khử mùi không khí trên bảng điều khiển cũng rất nguy hiểm, có thể làm cản trở hoạt động của túi khí hoặc túi khí có thể bung ra khi bị kích hoạt hệ thống.
- Làm bất kỳ công việc nào sau đây đều đòi hỏi sự cẩn thận đặc biệt. Nên tham khảo ý kiến đại lý Isuzu trước khi thực hiện. Nếu không có thể dẫn tới việc kích hoạt đai an toàn có bộ căng đai và túi khí, làm đai an toàn rút lại không mong muốn hoặc túi khí bị bung đột ngột, gây thương tích cho người ngồi. Làm bất kỳ công việc nào không đúng cách sẽ ảnh hưởng xấu đến vận hành hệ thống, gây ra sự cố hoặc lỗi:
 - Sửa chữa hoặc thay thế vô lăng, bảng đồng hồ, bảng điều khiển trung tâm.
 - Sửa chữa, thay thế dây đai an toàn và túi khí.
 - Khi lắp đặt thiết bị âm thanh và các phụ kiện hoặc thực hiện các sửa đổi
 - Sửa lại thay thế đồng hồ taplô trên xe.

**CHÚ Ý**

Đưa xe đến đại lý ISUZU gần nhất để kiểm tra nếu bạn gặp phải một trong các vấn đề sau đây.

- Đèn cảnh báo túi khí SRS sáng bất thường.
- Đai an toàn và túi khí được kích hoạt do va chạm (đèn cảnh báo túi khí SRS sáng).
- Xe của bạn bị va đập nhất định phía trước hoặc va đập bên hông, ngay cả khi va đập không làm kích hoạt đai an toàn có bộ kéo căng đai và túi khí.
- Đai an toàn bị sờn hoặc mòn.
- Mặt vô lăng và bề mặt bảng điều khiển bị vỡ hoặc bị hỏng hoặc bị va đập.

Đèn Cảnh Báo SRS ☐ → Tham khảo trang 4-20

Dây Đai An Toàn Có Bộ Căng Đai

Khi xe bị va chạm mạnh, đai an toàn bị rút ngay lập tức để giữ chặt tài xế trên ghế, do vậy tăng cường được chức năng an toàn.

Dây đai an toàn ☐ → Tham khảo trang 3-26

**CẢNH BÁO**

- Đai an toàn có bộ căng đai có chức năng làm giảm nguy cơ chấn thương cho tài xế và hành khách trong trường hợp xe bị va chạm phía trước vượt quá mức nhất định. Đai an toàn chỉ có tác dụng tối ưu khi được đeo thích hợp

**CHÚ Ý**

- Không được tháo hay gỡ bỏ đai an toàn, sẽ vô tình kích hoạt hệ thống làm bùng các bộ phận, gây hư hỏng hoặc làm bạn bị thương.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi đai an toàn có bộ căng đai được kích hoạt, không thể sử dụng lại dây. Phải thay thế đai ngay tại đại lý Isuzu.

Hệ Thống Túi Khí (SRS)

Túi khí bung ra trong trường hợp va chạm vượt quá mức nhất định và có chức năng phân tán làm giảm lực va đập lên cơ thể tài xế và hành khách (phụ xế).



CẢNH BÁO

- Túi khí được kích hoạt cùng với đai an toàn có bộ căng đai để giảm lực tác động để người lái và hành khách khi xe bị va chạm mạnh. Tác dụng tối ưu chỉ đạt khi được đeo đai an toàn thích hợp.
- Túi khí không thay thế đai an toàn. Nhớ đeo đai an toàn.
- Túi khí bung ra ngay lập tức với lực đáng kể để giảm lực tác động. Nếu túi khí bung ra, bạn có thể bị xước hoặc thâm tím nhẹ hoặc bỏng do nhiệt tạo ra do ma sát.
- Khi xe bị va chạm mạnh dẫn đến kích hoạt túi khí, sự biến dạng của xe có thể làm vỡ kính chắn gió.
- Không thể sử dụng lại túi khí cũ sau khi bung ra. Thay thế túi khí tại đại lý Isuzu gần nhất.



KHUYẾN CÁO

- Khi túi khí bung ra, âm thanh và khói trắng sẽ xuất hiện nhưng không gây cháy. Khói trắng này không có hại cho sức khỏe. Tuy nhiên, nếu nó bám vào mắt và da của bạn, hãy rửa bằng nước ngay lập tức. Số ít người có da nhạy cảm cũng có thể bị dị ứng.
- Ngay sau khi túi khí bị bung ra, phần kim loại kích nổ túi khí sẽ rất nóng. Không được đụng vào..
- Không thể sử dụng lại túi khí cũ sau khi bung ra. Thay thế túi khí tại đại lý Isuzu gần nhất.



LƯU Ý

- Túi khí bị xẹp xuống nhanh chóng sau khi kích hoạt để không ảnh hưởng tầm nhìn.
- Khi đai an toàn và túi khí trước được kích hoạt do va chạm, đèn cảnh báo túi khí SRS sẽ sáng lên

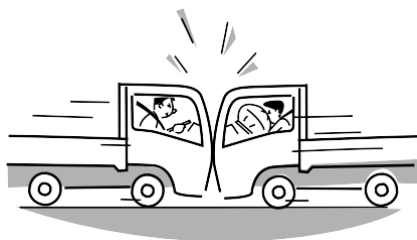
Khi Nào Kích Hoạt Và Nguyên Lí Hoạt Động Của Dây Đai An Toàn Và Túi Khí

Đai an toàn với bộ căng đai và hệ thống túi khí được kích hoạt khi xe bị va chạm mạnh phía trước. Hệ thống có thể không kích hoạt nếu lực va chạm không đủ mạnh hoặc lực va đập bị lệch hướng. Tuy nhiên, ngay cả khi phần trước xe bị biến dạng lớn do va chạm, trong một số trường hợp lực va đập lên ghế không đáng kể cũng sẽ không làm kích hoạt túi khí.

Do đó, mức độ biến dạng và hư hại đến xe không nhất thiết trùng khớp với việc kích hoạt túi khí.

Khi nào dây đai an toàn và hệ thống túi khí được kích hoạt?

Khi xe va chạm trực diện với xe đang đỗ hoặc xe đang chuyển động với lực va chạm mạnh.



Khi xe va chạm trực diện với tường cứng với lực va chạm mạnh



CẢNH BÁO

- Ngay sau khi túi khí bị bung ra, phần kim loại kích nổ túi khí sẽ rất nóng. Không được đụng vào.

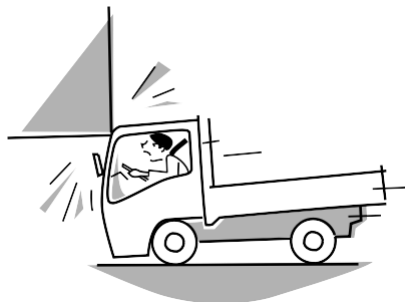
Khi nào không kích hoạt được dây đai an toàn và hệ thống túi khí SRS ?

Trong các trường hợp sau đây, dây đai an toàn và hệ thống túi khí sẽ không được kích hoạt ngay cả khi chúng hoạt động bình thường.

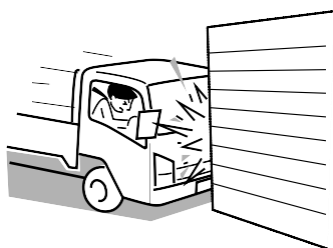
Khi xe va chạm vào cột điện hoặc cây thẳng đứng



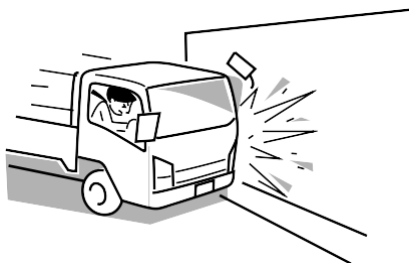
Khi xe vướng vào phía dưới xe khác hoặc chướng ngại vật.

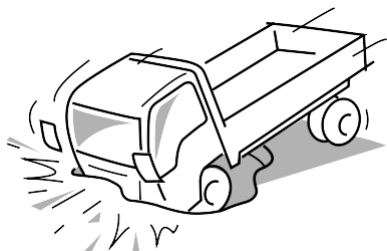


Khi xe có va chạm lệch (va chạm một bên)



Khi xe va chạm góc trước xe



Khi nào đai an toàn và hệ thống túi khí được kích hoạt mà không phải do va chạm

- Khi xe rơi vào hố hoặc rãnh trên đường.
- Khi xe va chạm mạnh với chướng ngại vật trên đường.
- Khi xe va chạm với lề đường ở tốc độ cao.
- Khi xe nảy lên trên không và va vào mặt đất, nhận lực va đập mạnh vào gầm xe.

**CẢNH BÁO**

- Ngay sau khi túi khí bị bung ra, phần kim loại kích nổ túi khí sẽ rất nóng. Không được đụng vào.

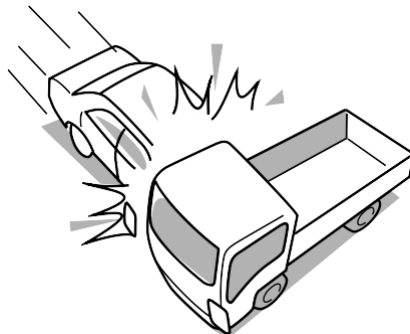
Khi nào đai an toàn trước có bộ căng đai và hệ thống túi khí trước không được kích hoạt ?

Trong các trường hợp sau đây, dây đai an toàn và hệ thống túi khí sẽ không được kích hoạt ngay cả khi chúng hoạt động bình thường.

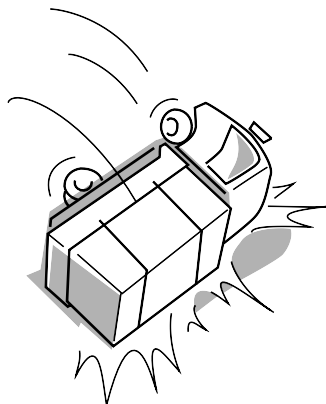
Khi xe bị đụng từ phía sau



Khi xe bị đụng từ phía bên hông.



Khi xe lật một bên hoặc lật ngược



**CẢNH BÁO**

- Sơn lại cabin, sửa chữa lại xung quanh xe, vô lăng, bảng đồng hồ, và ghế tài xế, lắp đặt các phụ kiện như thiết bị âm thanh và sửa chữa xung quanh bảng đồng hồ có thể ảnh hưởng xấu đến hệ thống túi khí, có thể gây thương tích hoặc tử vong do va đập với túi khí khi bị bung ra đột ngột.
- Nếu bạn thay đổi phía trước xe (cản xe, khung gầm...), lắp đặt thiết bị (ví dụ cản gạt tuyết...), sửa đổi khung xe hoặc thay đổi độ cao của xe bằng các phương pháp hoặc vật liệu trái phép, hệ thống túi khí có thể không hoạt động bình thường. Hãy tham khảo ý kiến của đại lý Isuzu.
- Cần xử lý đặc biệt khi bỏ túi khí. Khi bỏ hệ thống túi khí trên xe, hãy tham khảo ý kiến của đại lý Isuzu.

**CHÚ Ý**

Hãy đem xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra ngay trong các trường hợp sau đây:

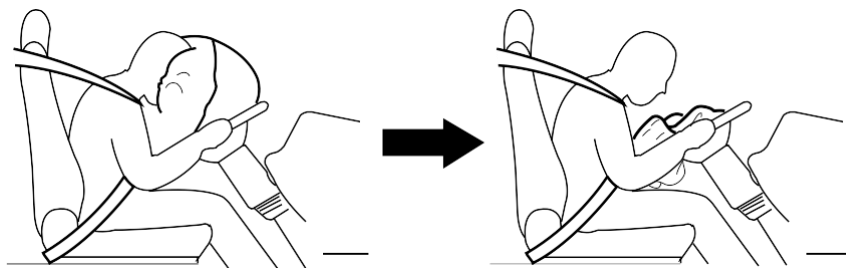
- Khi đèn cảnh báo túi khí không sáng hoặc sáng khi đang lái xe.
- Khi túi khí bị bung ra.
- Khi túi khí phía trước không được bung ra mặc dù xe nhận được một mức va chạm nhất định ở phía trước.
- Khi mặt đệm vô lăng hoặc mặt bảng đồng hồ vỡ hoặc hư hỏng hoặc bị va đập.

**LƯU Ý**

- Khi túi khí bung ra, âm thanh và khói trắng sẽ xuất hiện nhưng không gây cháy. Khói trắng này không có hại cho sức khỏe. Tuy nhiên, nếu nó bám vào mắt và da của bạn, hãy rửa bằng nước ngay lập tức.
- Không thể sử dụng lại túi khí cũ sau khi bung ra. Thay thế túi khí tại đại lý Isuzu gần nhất.

Khi Túi Khí Bụng

Khi xe nhận thấy có va chạm đủ mạnh phía trước, hệ thống túi khí được kích hoạt và túi khí được bung ra ngay lập tức..

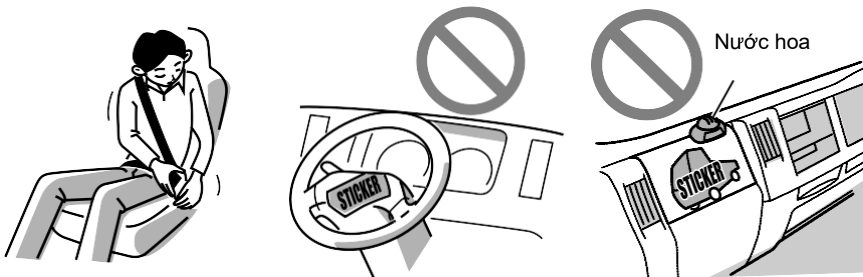


Khi nào hệ thống túi khí có tác dụng tối đa ?



CẢNH BÁO

- Trước khi lái xe, hãy điều chỉnh ghế để có tư thế lái thích hợp và đeo đai an toàn đúng cách. Không được ngồi quá gần hoặc dựa vào vô lăng. (Giữ khoảng cách 25 cm hoặc hơn giữa ngực của bạn và tâm của vô lăng.) Không cho phép hành khách (phụ xế) đặt tay, chân lên bảng đồng hồ và để mặt hoặc ngực gần bảng đồng hồ. Khi túi khí được kích hoạt, bạn hoặc hành khách có thể bị bỏng hoặc bị thương ở tay hoặc mặt.
- Nếu thay vô lăng không đạt tiêu chuẩn hoặc có chất dính trên vô lăng, hệ thống có thể bị trục trặc hoặc chất dính có thể bị bong ra trong các trường hợp kích hoạt hệ thống. Gắn các chất dính hoặc đặt các đồ vật lên bề mặt của bảng đồng hồ cũng rất nguy hiểm. Chúng có thể cản trở hoạt động bình thường của túi khí hoặc túi khí có thể bung ra khi hệ thống bị kích hoạt.



Khi có trẻ đi cùng



CẢNH BÁO

- Đảm bảo tuân thủ các chỉ dẫn sau đây khi cho trẻ đi cùng xe. Nếu không trẻ có thể bị thương tích dẫn đến tử vong do va đập từ túi khí bị bung ra.
 - Không cho trẻ đứng trước bất kì túi khí nào hoặc ngồi trong lòng bạn khi đang lái xe. Làm như vậy rất nguy hiểm bởi vì trẻ sẽ bị va đập mạnh do túi khí bung ra.
 - Không được lắp đặt ghế an toàn dành cho trẻ hướng về phía ghế hành khách phía trước. Khi túi khí bung ra có thể gây thương tích dẫn đến tử vong cho trẻ.

Xử Lý Các Túi Khí Hư Hỏng



CẢNH BÁO

- Không tháo túi khí. Làm như vậy có thể gây ra sự cố hoặc kích hoạt túi khí.
- Không được đặt bất cứ thứ gì gần túi khí. Bạn có thể bị tổn thương khi một vật bị bung ra do lực bơm hơi của túi khí
- Không lái xe khi đặt đồ vật giữa bạn và túi khí hoặc để đồ vật trong lòng bạn. Nếu túi khí bung ra, các đồ vật có thể văng ra và va vào mặt hoặc có thể cản trở hoạt động của túi khí gây nguy hiểm.
- Không được làm ướt cảm biến túi khí hoặc va đập vào nó. Hệ thống có thể bị hỏng; điều này rất nguy hiểm.



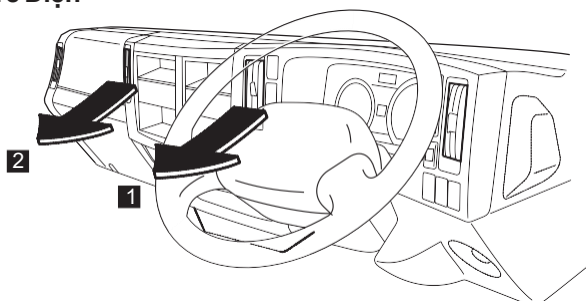


• Cửa Gió	5-2
• Chỉnh hướng gió ☐	5-4
• Máy Sưởi /Máy Lạnh Điều Khiển Thủ Công ☐	5-6
• Đèn Trong Xe	5-14
• Tầm Che Nắng ☐	5-15
• Núm Mở Thuộc ☐	5-16
• Nguồn Cho Phụ Kiện (24V)	5-16
• Nguồn USB	5-19
• Gạt Tàn ☐	5-20
• Ngăn Chứa Đồ	5-21
• Hộp Chứa Card	5-21
• Hộp Chứa Đồ Có Nắp ☐	5-22
• Hộp Chứa Đồ Không Nắp	5-23
• Khay Chứa Đồ Bên Cạnh Ghế	5-24

• Khay Chứa Phía Trên	5-25
• Hộp Chứa Phía Sau Ghế ☐	5-25
• Túi Chứa Đồ (Phía Sau Ghế Tài Xế) ☐	5-26
• Giá Giữ Ly ☐	5-26
• Hộp Chứa Đồ Phía Sau	5-27
• Móc Áo ☐	5-28
• Móc Treo	5-28

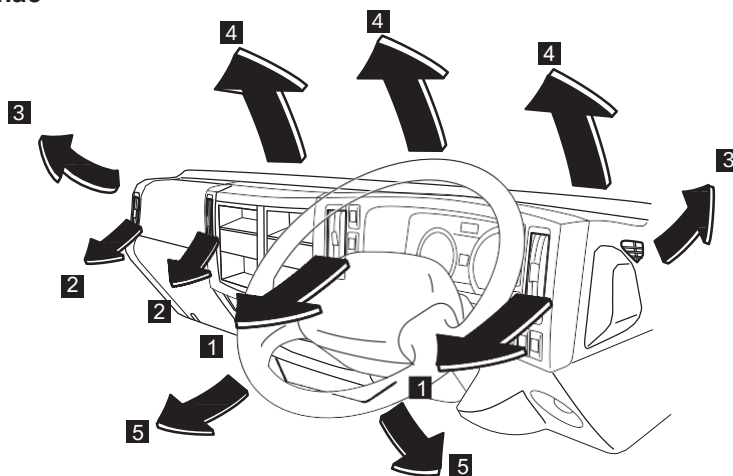
Cửa Gió

Loại Thổi Trực Diện



Stt.	Hướng gió	Đặc điểm
1	Phía tài xế	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được
2	Phía hành khách	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được

Loại Khác

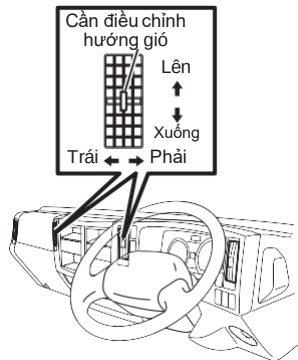


Stt.	Hướng gió	Đặc điểm
1	Phía tài xế	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được.
2	Phía hành khách	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được.
3	Phía kính cửa	Gió thổi về phía kính cửa.
4	☐ Kính chắn gió	Gió thổi về phía kính chắn gió.
5	Chân	Gió thổi về phía chân.

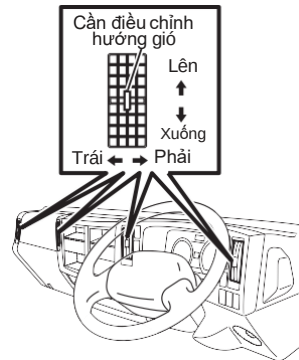
Cần Điều Chỉnh Hướng Gió

Dùng cần gạt điều chỉnh hướng gió từ cửa gió. Muốn đóng cửa gió, gạt cần hết xuống phía dưới.

Loại thổi trực diện

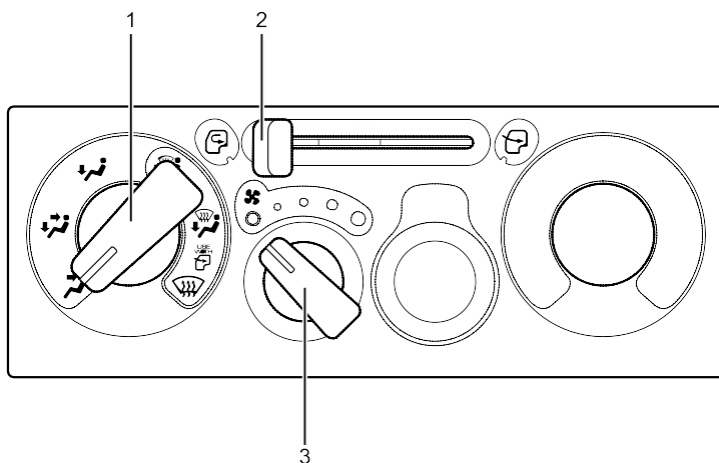


Loại khác



Chỉnh Hướng Gió ☐

Hướng Dẫn Sử Dụng



Stt	Tên
1	Núm chỉnh hướng gió ☐
2	Cần chỉnh hướng gió

Stt	Tên
3	Núm chỉnh tốc độ quạt gió

1. Vị trí núm xoay

Vị trí núm	Hướng thổi	Luồng gió ra
	Mặt	Gió thổi ra từ cửa 1 và 2.
	Mặt và chân	Gió thổi ra từ cửa 1 ,2 và 5.
	Chân	Gió thổi ra từ cửa 5.
	Chân, kính cửa và kính chắn gió	Gió thổi ra từ cửa 5 và một ít từ cửa 3 và 4.
	Chân, cửa kính và Kính chắn gió	Gió sẽ thổi ra từ cửa 5 và gió thổi ra với mức lớn hơn ở vị trí bên trên tại cửa 3 và 4.
	Cửa Kính và Kính chắn gió	Gió thổi ra từ cửa 3 và 4


LƯU Ý

Ký hiệu "☞" khuyên bạn đặt cần chọn nguồn gió từ bên ngoài vào trong xe, khi chuyển núm chỉnh hướng gió về vị trí "☞", "☞☞", "☞☞☞" để khử ẩm kính chắn gió.

2. Cần chỉnh nguồn gió

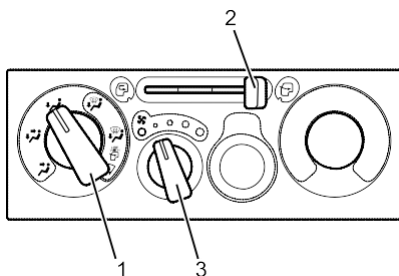
Vị trí	Mục đích	
	Đưa không khí bên ngoài vào trong xe	Dùng vị trí này để thông gió bên trong cabin (vị trí nên chọn thường xuyên)
	Tuần hoàn không khí bên trong	Dùng vị trí này để ngăn bụi bẩn, nếu không, không khí ô nhiễm bên ngoài xâm nhập vào cabin (chẳng hạn như trong một đường hầm hoặc trong dòng xe kẹt)


LƯU Ý

Việc dùng quá nhiều ở vị trí tuần hoàn gió bên trong làm cho kính chắn gió và cửa sổ dễ bị mờ, làm hạn chế tầm nhìn.

3. Núm điều khiển tốc độ quạt gió

Tốc độ quạt gió có thể điều chỉnh ở 1 trong 4 tốc độ sẵn có.

Núm Điều Chỉnh

Thông Gió Ra Bên Ngoài

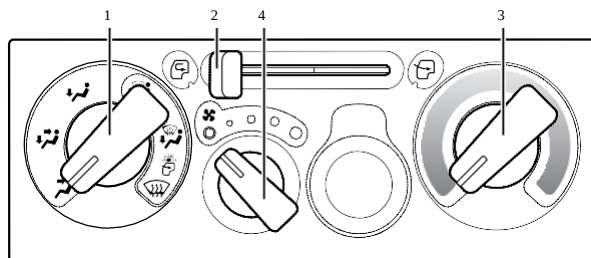
Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về vị trí bất kì, Sau đó kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "☞"

Điều chỉnh núm điều khiển tốc độ quạt gió (3) tùy ý.

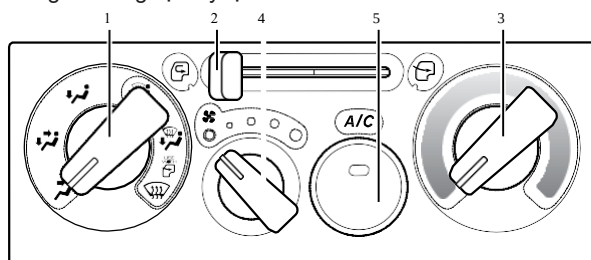
Máy Sưởi / Máy Lạnh Điều Khiển Thủ Công

Hướng dẫn sử dụng

Dòng xe không trang bị máy lạnh



Dòng xe trang bị máy lạnh



Stt.	Tên
1	Núm chỉnh hướng gió
2	Cần chỉnh nguồn gió
3	Núm điều chỉnh nhiệt độ

Stt.	Tên
4	Núm điều khiển tốc độ quạt gió
5	Công tắc máy lạnh (công tắc A/C)

1. Nút chỉnh hướng gió

Vị trí	Hướng gió	Cửa gió
	Mặt	Gió thổi ra từ cửa 1 và 2
	Mặt và chân	Gió thổi ra từ cửa 1,2 và 5.
	Chân	Gió thổi ra từ cửa 5.
	Chân và xông kính 1	Thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một ít gió tại cửa 3 và 4.
		Thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một ít gió tại cửa 1,2,3 và 4.
	Chân và xông kính 2	Thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một lượng lớn gió nhiều hơn ở vị trí "  " tại cửa 3 và 4.
		Không phải thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một lượng lớn gió nhiều hơn ở vị trí "  " tại cửa 1,2,3 và 4.
	Xông kính	Gió thổi ra từ cửa 3 và 4.



LƯU Ý

Khi chọn chế độ "", " " cho các xe tại thị trường Nga, gió sẽ thổi ra từ cửa 1 và 2. Nếu bạn cảm thấy gió thổi hơi nóng hướng mặt mình qua 1nhiều, hãy chỉnh lại hướng gió.

2. Cần chỉnh nguồn gió

Vị trí	Mục đích	
	Đưa không khí bên ngoài vào trong xe	Dùng vị trí này để thông gió bên trong cabin (vị trí nên chọn thường xuyên)
	Tuần hoàn không khí bên trong	Dùng vị trí này để ngăn bụi bẩn, nếu không, không khí ô nhiễm bên ngoài sẽ xâm nhập vào cabin

**LƯU Ý**

- Việc dùng quá nhiều ở vị trí tuần hoàn gió bên trong làm cho kính chắn gió và cửa sổ dễ bị mờ, làm hạn chế tầm nhìn.

3. Nút điều chỉnh nhiệt độ

Xoay nút theo chiều kim đồng hồ để giảm giạt độ của gió thổi ra. Hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để tăng nhiệt độ.

4. Nút điều khiển tốc độ quạt gió

Tốc độ quạt gió có thể điều chỉnh ở 1 trong 4 tốc độ sẵn có.

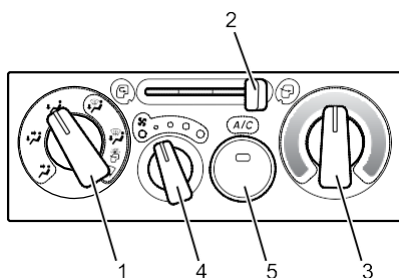
5. Công tắc máy lạnh (Công tắc A/C)

Nhấn công tắc này để mở chức năng làm lạnh trên xe. Lúc này đèn chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên. Ấn nút này để mở chức năng sưởi và làm lạnh trên xe.

**LƯU Ý**

- Kể cả khi ấn công tắc A/C, hệ thống máy lạnh cũng sẽ chưa hoạt động nếu chưa xoay nút điều khiển tốc độ quạt gió.
- Kể cả khi không có nhu cầu sử dụng máy sưởi / máy lạnh tại khu vực bạn đang sống; hãy khởi động và vận hành hệ thống trong vài phút để giúp tăng tuổi thọ của hệ thống.

Chỉnh hướng gió



Thông Gió Ra Bên Ngoài

Ấn công tắc A/C (5) về vị trí "OFF".

Xoay nút điều chỉnh hướng gió (1) về vị trí bất kỳ.

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "🚗".

Xoay nút điều chỉnh nhiệt độ (3).

Sau đó xoay nút điều khiển tốc độ quạt gió (4).

Hướng Dẫn Sử Dụng Máy Sưởi

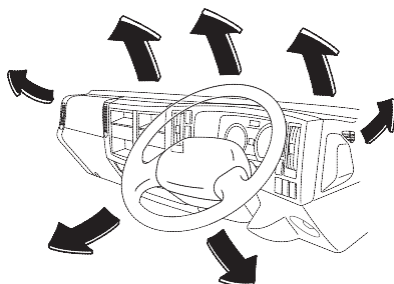
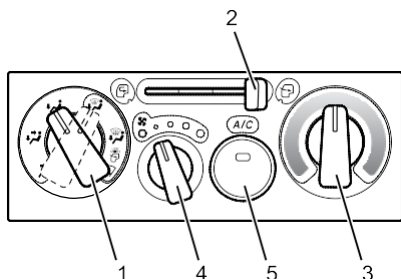
Sưởi Thông Thường

Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về vị trí "↙" or "↘" or "↗". Chọn các vị trí "↗" "↘" để sưởi ấm chân và xông kính.

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "☐"

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) và núm điều khiển tốc độ quạt gió (4) về vị trí mong muốn.

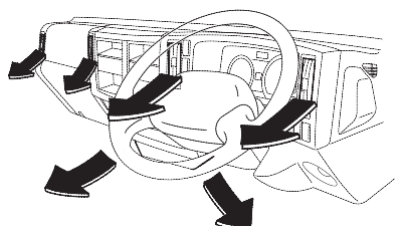
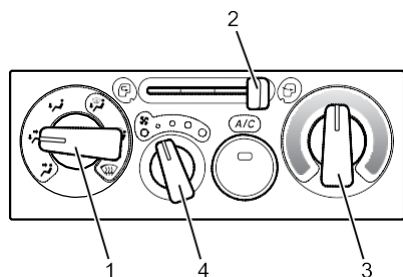
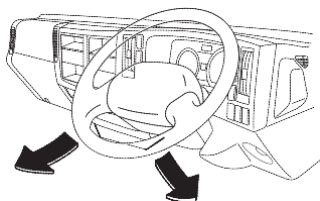
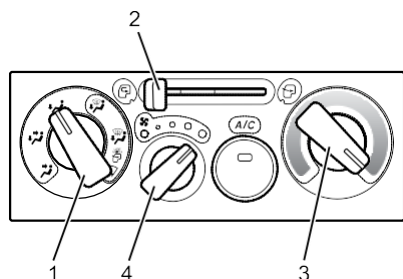
Để khử ẩm trong cabin trong khi đang sưởi, ấn công tắc A/C (5) về vị trí "ON".



LƯU Ý

Máy sưởi sử dụng nhiệt từ môi chất nước làm mát động cơ. Do đó hiệu quả sưởi sẽ kém khi nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ còn thấp.

Nút Sưởi ấm ☐ → Tham khảo trang 4-46



Sưởi Cực Đại

Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về vị trí "↗" sau đó kéo cần chỉnh nguồn gió về vị trí ☐ kế tiếp xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) hết mức về vị trí nóng nhất.

Cuối cùng hãy xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió (4) về vị trí cao nhất.

Nút Sưởi Ấm ☐ → Tham khảo trang 4-46



LƯU Ý

- Việc dùng quá nhiều ở vị trí tuần hoàn gió bên trong làm cho kính chắn gió và cửa sổ dễ bị mờ, làm hạn chế tầm nhìn.

Gió Thổi Hướng Mặt Và Chân

Xoay núm điều chỉnh hướng gió (1) về "↗"
Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về "☐"
Xoay núm chỉnh nhiệt độ về vị trí giữa.
Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí tùy ý.

Khử Sương và Xông Kính

Khử Sương

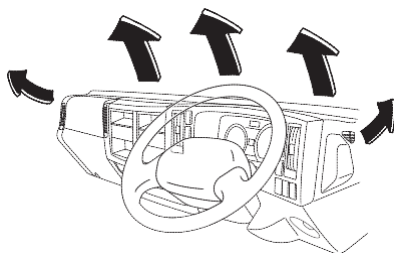
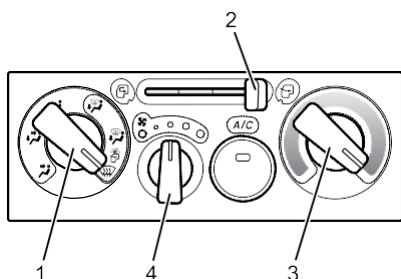
Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về "🌀"

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về "🌀"

Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) để tăng nhiệt độ.

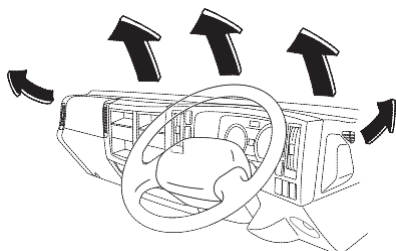
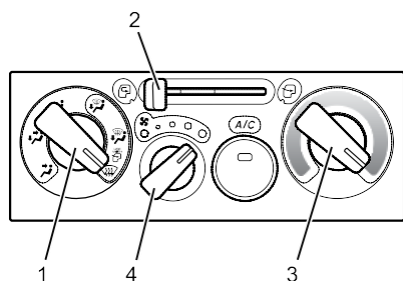
Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí bất kì (ngoại trừ vị trí OFF).

Nếu xe có trang bị máy lạnh, hãy sử dụng chức năng khử ẩm để khử sương



LƯU Ý

Đừng chỉnh mức lạnh tối đa khi đang chỉnh cần chỉnh hướng gió ở vị trí. Nếu không mặt ngoài của kính chắn gió sẽ bị đóng "🌀" sương.



Xông kính

Xoay núm điều chỉnh hướng gió (1) về "☼"

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về "☼"

Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) về vị trí nhiệt độ cao nhất. Đồng thời xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí cao nhất.

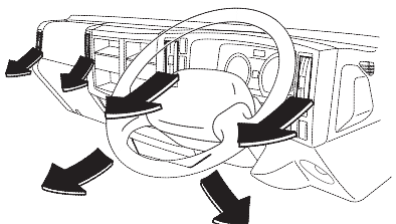
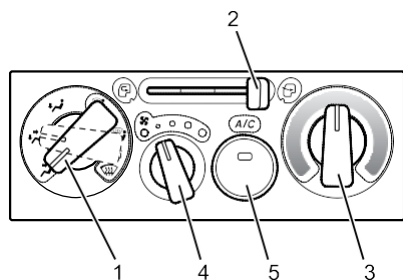
Nút Sưởi Ấm ☐ → Tham Khảo Trang 4-46



LƯU Ý

Xoay khi xông kính, hãy kéo lại cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "☼"
Nếu không kính sẽ bị hiện tượng đóng sương tiếp tục sau đó.

Thổi gió



Thổi Gió Trung Bình/ Bình Thường

Việc xác lập này thích hợp cho những lúc thổi gió thường xuyên hoặc thổi gió trung bình.

Nhấn công tắc A/C (5) vào vị trí "ON".

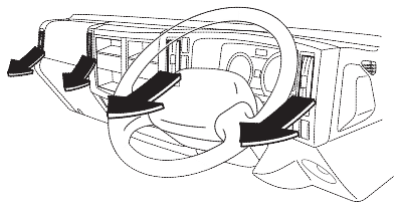
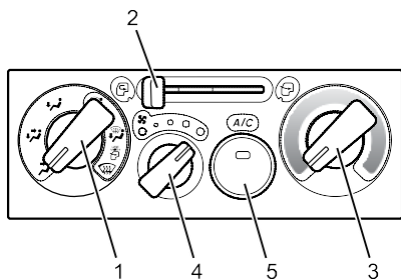
Đặt núm chọn hướng gió (1) ở vị trí "☼" khi chọn thổi gió bình thường hoặc chọn "☼" để thổi gió trung bình.

Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) đến vị trí tùy ý. Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió (4) đến vị trí tùy ý.



LƯU Ý

Nếu sử dụng hệ thống máy lạnh trong khu vực nhiệt đới có nhiệt độ cao, hãy kéo cần chỉnh nguồn gió về vị trí "☼"



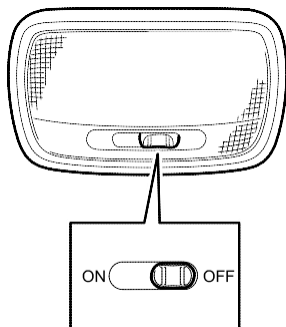
Thổi Gió Cực Đại

Xoay núm chọn hướng gió (1) về "↗"
 Ấn công tắc A/C (5) về vị trí "ON"
 Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "☼"
 Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) về vị trí nhiệt độ thấp.
 Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí cao nhất.



LƯU Ý

- Sau khi đậu xe một thời gian dài dưới nắng, hãy hạ kính cửa hoặc mở cửa để lưu thông không khí nóng bên trong xe ra bên ngoài, trước khi khởi động máy lạnh.
- Nếu bật máy lạnh trong một thời gian dài, hãy kéo cần chỉnh nguồn gió về vị trí lưu thông gió bên ngoài để làm mới không khí.
- Trong suốt quá trình làm mát, hơi sương có thể thoát ra từ các cửa gió. Hiện tượng này là bình thường, không phải hư hỏng.

Đèn Trong Xe**Đèn trần**

Đèn trần hoạt động ở bất kì vị trí nào của công tắc khởi động. Để cho đèn trần hoạt động theo tình trạng của "DOOR", hãy chuyển công tắc đèn trần trong khoảng phân nửa giữa vị trí "ON" và "OFF".

ON : Đèn bật sáng dù cho cửa đóng hay mở.

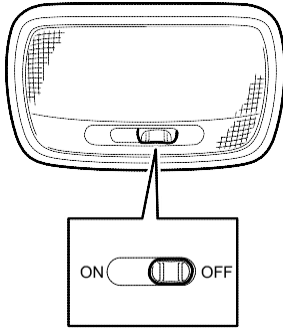
DOOR : Đèn bật sáng khi bất kỳ cánh cửa nào được mở; cửa được mở khóa bằng remote hoặc khi rút chìa khóa công tắc khởi động.

OFF : Đèn tắt dù cho cửa đóng hoặc mở.

**LƯU Ý**

Để tránh tình trạng đèn trần luôn sáng và dẫn đến cạn bình accu, hãy nhớ đóng cửa thật chặt.

Đèn Trần Sau (Cabin Đôi)



Đèn trần hoạt động ở bất kỳ vị trí nào của công tắc khởi động. Để cho đèn trần hoạt động theo tình trạng của "DOOR", hãy chuyển công tắc đèn trần trong khoảng phân nửa giữa vị trí "ON" và "OFF".

- ON : Đèn bật sáng dù cho cửa đóng hay mở.
- DOOR : Đèn bật sáng khi bất kỳ cánh cửa nào được mở, cửa được mở khóa bằng remote hoặc khi rút chìa khóa công tắc khởi động.
- OFF : Đèn tắt dù cho cửa đóng hoặc mở.



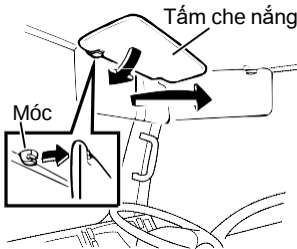
LƯU Ý

Để tránh tình trạng đèn trần luôn sáng và dẫn đến cạn bình accu, hãy nhớ đóng cửa thật chặt.

Tấm Che Năng



Phía tài xế



Phía phụ xế (chỉ có ở model có tấm che nắng phía phụ xế)



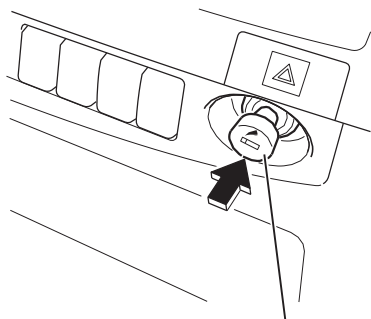
CHÚ Ý

- Để an toàn, hãy nhớ gập tấm che nắng lại sau khi sử dụng.

Tấm che nắng bảo vệ cho mắt bạn trong ánh nắng gay gắt. Hãy sử dụng khi mặt trời quá sáng chói.

Để giảm bớt độ chói bên hông, hãy tháo tấm che nắng khỏi móc và quay nó qua một bên.

Núm Mồi Thuốc V



Núm mồi thuốc

Núm mồi thuốc có thể sử dụng khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

1. Nhấn nút mồi thuốc vào cho đến khi nó bị chốt lại.

2. Khi tìm nút mồi thuốc trở nên nóng, nút mồi thuốc nhả ra về vị trí ban đầu. Hãy rút ra và sử dụng nó.



CẢNH BÁO

- Vì đầu nút mồi thuốc có thể trở nên cực kỳ nóng, hãy coi chừng bị phỏng.
- Không được đè ngón tay trên nút mồi thuốc khi nó đã nhấn vào. Nút mồi thuốc sẽ quá nóng và bị hư hỏng hoặc gây cháy.
- Nếu nút mồi thuốc không tự nhả ra sau 20 giây, nút mồi thuốc đã có vấn đề. Hãy rút nút mồi thuốc ra bằng tay ngay lập tức.
- Không được rời xe với nút mồi thuốc đã nhấn vào. Điều đó có thể gây cháy.
- Vì có nguy cơ bị bỏng, đừng sờ vào tìm nút mồi thuốc khi sử dụng.
- Không được uốn cong nút mồi thuốc. Một nút mồi thuốc bị cong không hoạt động đúng và rất nguy hiểm.

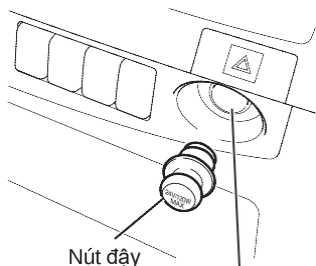
**CHÚ Ý**

- Tham vấn đại lý Isuzu nếu bạn muốn sử dụng ổ cắm núm mỗi thuốc làm nguồn cho các phụ kiện khác.
- Nếu sử dụng ổ cắm núm mỗi thuốc làm nguồn cho các phụ kiện, có thể sẽ làm hư hỏng ổ cắm. Dẫn đến tình trạng núm mỗi thuốc sẽ không đốt nóng được.
- Khi thay thế núm mỗi thuốc mới, hãy sử dụng phụ tùng Isuzu chính hãng. Đừng sử dụng các núm mỗi thuốc tương đương không cùng chủng loại.
- Khi lau dọn núm mỗi thuốc, đừng dùng lực quá mạnh. Nó có thể bị cong.
- Hãy giữ hốc núm mỗi thuốc không có tàn thuốc lá và bụi bẩn.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng dùng núm mỗi thuốc trong khi động cơ không hoạt động. Núm mỗi thuốc tiêu thụ nhiều điện năng và có thể xài hết bình điện.

Nguồn Cho Phụ Kiện (24V) V



Nguồn cho phụ kiện

Nguồn cho phụ kiện có thể dùng được khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

Hãy sử dụng các phụ kiện phù hợp với công suất của nguồn. Để sử dụng hãy rút nút đẩy ra khỏi ổ nguồn.



CẢNH BÁO

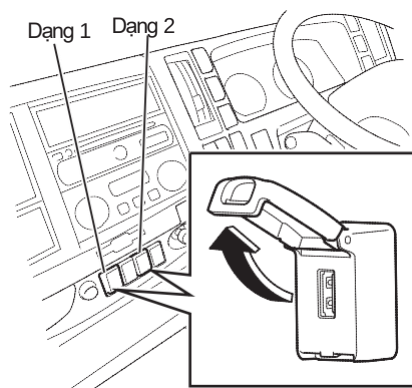
- Công suất tối đa của ổ nguồn cho phụ kiện là 120W (5A). Nếu bạn sử dụng tải vượt quá định mức thì ổ nguồn sẽ bị quá tải và có thể dẫn đến cháy nổ.
- Nguồn cấp là 24V. Nếu phụ kiện kết nối sử dụng điện thế lớn hơn 24V, sẽ làm ổ nguồn quá tải và có thể dẫn đến cháy nổ.
- Cắm phụ kiện vào ổ nguồn đúng cách. Kết nối không đúng cách và phương pháp có thể làm hỏng ổ nguồn hoặc làm cháy cầu chì bảo vệ.
- Đừng cắm núm môi thuốc vào ổ nguồn cho phụ kiện. Điều này có thể làm hư hỏng núm môi thuốc.



KHUYẾN CÁO

- Sử dụng phụ kiện từ ổ nguồn trong thời gian dài trong khi động cơ không hoạt động sẽ làm cạn kiệt bình accu.
- Khi không sử dụng, hãy cắm lại nút đẩy cho ổ cắm. Nếu không các đất, bụi, nước sẽ lọt vào và gây hư hỏng. Ngoài ra, không được đút, nhét các vật bằng kim loại vào ổ cắm nguồn cho phụ kiện.
- Đừng cố gắng nhét các đầu cắm không phù hợp vào ổ cắm. Điều này sẽ làm ổ cắm bị biến dạng hay hư hỏng. Nếu điều này xảy ra, hãy thay ổ cắm nguồn chính hãng đúng loại.
- Trước khi cắm hay rút phụ kiện ra khỏi ổ cắm, hãy tắt nguồn phụ kiện hoặc xoay chìa khóa khởi động về vị trí "LOCK".

Nguồn USB



Có thể sử dụng nguồn từ cổng USB khi xoay chìa khóa xe sang vị trí "ACC" hoặc "ON".

Có thể dùng nguồn này để sạc/ cấp điện cho các thiết bị điện tử.



CHÚ Ý

- Đừng sử dụng các thiết bị điện tử có thể ảnh hưởng đến hoạt động của xe.

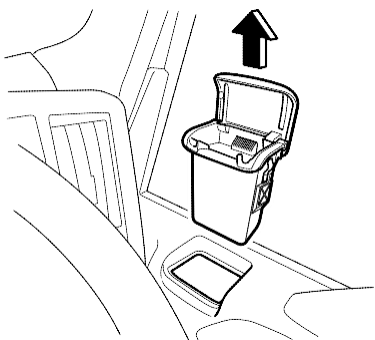


KHUYẾN CÁO

- Công suất nguồn ra là 5.0 V/2.4 A. Hãy đọc kỹ thông số nguồn cấp của thiết bị điện trước khi xài.
- Cổng này chỉ cấp nguồn, không phải là cổng đọc thông tin nhạc hay phim
- Sau khi sử dụng xong, hãy rút thiết bị điện khỏi cổng nguồn.
- Đừng vẩy nước hoặc chất lỏng vào nguồn USB
- Đừng dùng cổng nguồn USB nếu động cơ không hoạt động trong thời gian dài. Việc này sẽ làm cạn bình điện.
- Đừng để dây cáp làm vướng víu hay ảnh hưởng đến việc lái xe.

Gạt Tàn V**CẢNH BÁO**

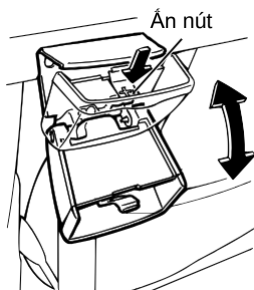
- Đừng để giấy vụn hoặc các vật dễ bén lửa vào trong gạt tàn thuốc.
- Sau khi dùng gạt tàn, phải nhớ đóng nó lại. Nếu có một mẫu thuốc lá không được dập tắt hoàn toàn, các mẫu khác trong gạt tàn sẽ bắt cháy.
- Đừng để gạt tàn đầy mẫu thuốc lá.
- Chỉ bỏ những que diêm và tàn thuốc lá trong gạt tàn khi chúng được dập tắt hoàn toàn.
- Đừng quăng thuốc lá ra khỏi xe, điều này sẽ làm bẩn đường phố và có thể gây cháy nổ.

Gạt Tàn Phía Tài Xế Và Phụ Xế

Mở nắp ra để dùng.

Dập tắt thuốc trên chỗ dụi.

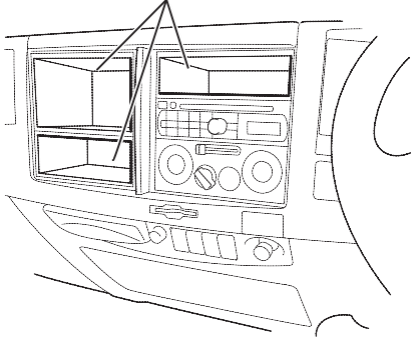
Để đổ gạt tàn, hãy đóng nắp, kéo gạt tàn hướng lên ra ngoài

Gạt Tàn Phía Sau (Cabin Đôi)

Kéo gạt tàn ra để sử dụng và ấn vào nút để tháo gạt tàn ra vệ sinh.

Ngăn Chứa Đồ

Ngăn chứa



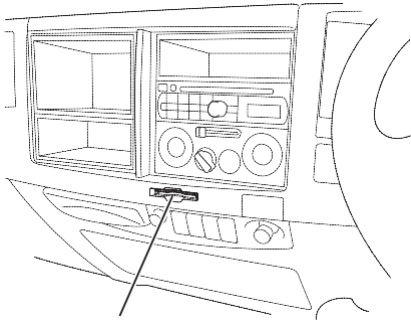
Dùng nó để chứa những đồ linh tinh.



CHÚ Ý

- Đừng để mắt kính hoặc bật lửa trong cabin. Bật lửa có thể nổ và tròng kính hoặc gọng bằng nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt nếu nhiệt độ bên trong quá nóng.

Hộc Chứa Card



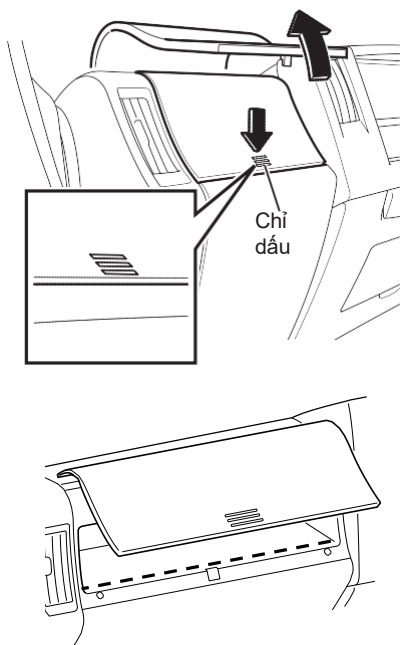
Hộc chứa card

Dùng để đựng card hoặc thẻ.



Hộc Chứa Đồ Có Nắp

V



Ấn vào chỉ dấu để mở nắp hộc chứa đồ.

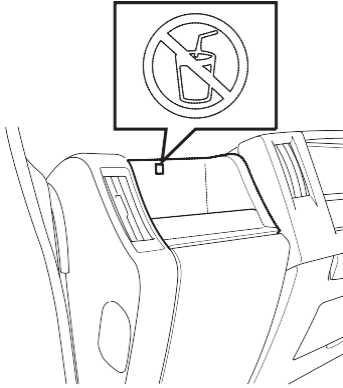


CHÚ Ý

- Vì lí do an toàn, hãy đóng nắp hộc chứa đồ trong khi đang lái xe.
- Cửa nắp sẽ tự mở ra sau khi ấn vào chỉ dấu trên nắp. Lưu ý đừng để va chạm với mặt của bạn.
- Đừng để mắt kính hoặc bật lửa bên trong xe. Bật lửa có thể bị biến dạng hoặc tự cháy nổ do nhiệt độ trong xe tăng cao.
- Đừng để đồ cồng kềnh, vật có kích thước lớn hơn kích thước. Nếu không khi đóng nắp sẽ làm hư hỏng vật dụng và nắp.
- Đừng để các giấy tờ như sổ bảo hành, giấy đăng ký xe vào trong hộc chứa đồ. Thay vì vậy, hãy để ở túi chứa đồ phía sau ghế tài xế.

Túi Chứa Đồ (Phía Sau Ghế Tài Xế) → Tham khảo trang 5-26

Hộc Chứa Đồ Không Nắp V

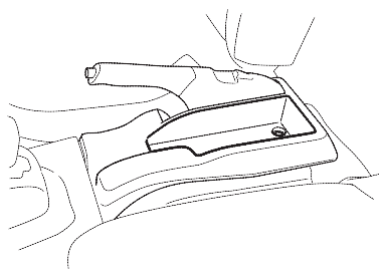


CHÚ Ý

- Đừng để ly hoặc vật chứa nước lên hộc chứa đồ.
- Đừng để vật gì gây cản trở tầm nhìn.
- Đừng để vật gì có khả năng đổ vỡ khi nâng cabin.

Khay Chứa Đồ Bên Cạnh Ghế ▼

Xe dùng phanh thủy lực (tay lái bên phải)



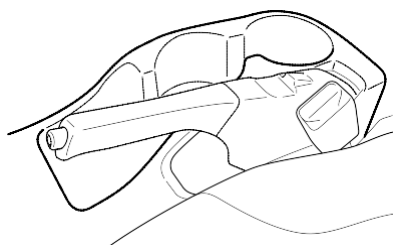
Dùng để chứa các vật dụng kích thước nhỏ.



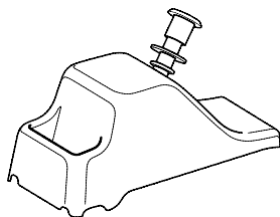
CHÚ Ý

•Đừng để mắt kính hoặc bật lửa bên trong xe. Các vật này có thể bị biến dạng hoặc tự cháy nổ do nhiệt độ trong xe tăng cao.

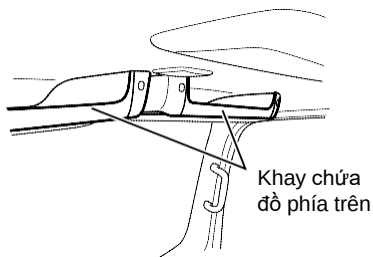
Xe dùng phanh thủy lực (tay lái bên trái)



Xe dùng phanh hơi toàn phần



Khay Chứa Đồ Phía Trên ☒



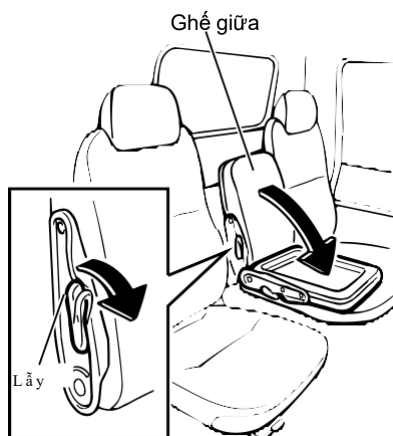
Dùng để các vật như mắt kính, gang tay.



CHÚ Ý

- Đừng để các vật dụng có khối lượng lớn hơn 2kg lên khay chứa; cũng đừng để các vật có khả năng rơi rớt ra khi xe đang chạy.
- Các vật để trong khay chứa có thể rơi ra nếu nâng cabin.
- Đừng để mắt kính hoặc bật lửa bên trong xe. Các vật này có thể bị biến dạng hoặc tự cháy nổ do nhiệt độ trong xe tăng cao.

Hộc Chứa Phía Sau Ghế ☒

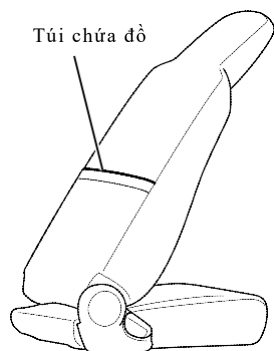


Nếu bạn kéo lấy ghế về phía trước để lật ghế giữa, bạn có thể sử dụng lưng ghế giữa như hộc chứa đồ.

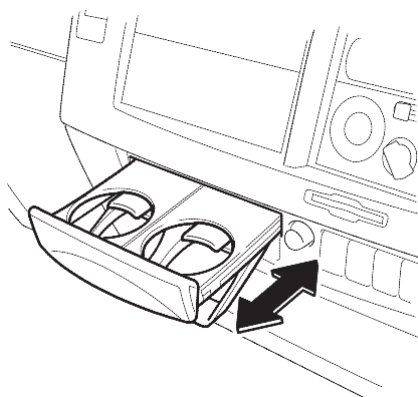


CHÚ Ý

- Đừng để mắt kính hoặc bật lửa bên trong xe. Các vật này có thể bị biến dạng hoặc tự cháy nổ do nhiệt độ trong xe tăng cao.

Túi Chứa Đồ (Phía Sau Ghế Tài Xế)

Dùng để cất giữ các tài liệu, hồ sơ quan trọng như sổ bảo hành, giấy đăng ký xe...

Giá Giữ Ly ☐

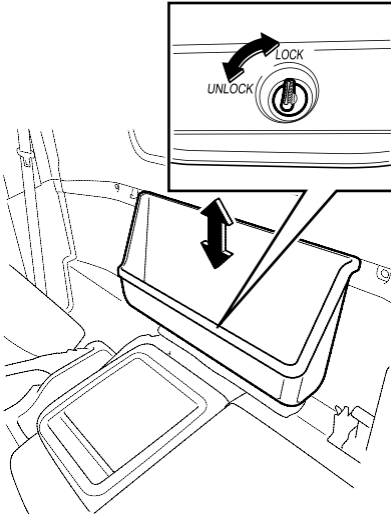
Kéo giá về phía trước để sử dụng.

**CHÚ Ý**

- Đừng để ly chứa đầy nước vào giá giữ ly. Nếu không nước có thể sóng sánh và tràn ra ngoài. Nếu điều này xảy ra, hãy dùng vải để lau khô.
- Nếu để ly có nước vào giá nếu bạn muốn lật cabin. Cũng đừng để những vật có khối lượng lớn hơn 0.75 kg.

Hộp Chứa Đồ Phía Sau

V



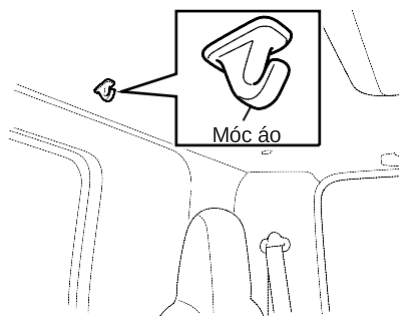
Có thể dùng để chứa các vật dụng linh tinh. Hộp chứa này có thể tháo rời.

Tháo Ráp Hộp Chứa Đồ

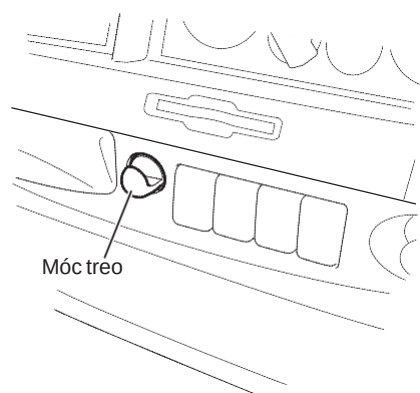
1. Xoay nút vặn về phía vị trí "UNLOCK".
2. Nắm lấy hộp chứa và kéo rời ra khỏi ngàm giữ.
Gắn trở lại hộp chứa theo hướng ngược lại. Sau khi gắn hoàn chỉnh, xoay nút vặn về phía vị trí "LOCK".


CHÚ Ý

- Đừng để các vật dụng có khối lượng lớn hơn 2kg lên khay chứa; cũng đừng để các vật có khả năng rơi rớt ra khi xe đang chạy.
- Các vật để trong hộp chứa có thể rơi ra nếu nâng cabin.
- Đừng để mắt kính hoặc bật lửa bên trong xe. Các vật này có thể bị biến dạng hoặc tự cháy nổ do nhiệt độ trong xe tăng cao.

Móc Áo

Đừng để treo áo.

Móc Treo

Hãy treo các vật dụng như túi nhựa vào móc treo này.

**CHÚ Ý**

- Đừng treo các vật có khối lượng hơn 3kg vào móc. Cũng đừng treo các vật có khả năng rơi rớt ra khi xe đang chạy.

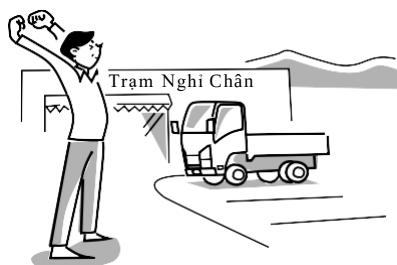
PHƯƠNG PHÁP LÁI XE AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH

6

• Mẹo Để Lái Xe An Toàn	6-2
• Lái Xe Trên Đường	6-3
• Lưu Ý Khi Đậu Xe	6-16
• Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Nóng	6-17
• Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Lạnh	6-18
• Sử Dụng Đai Xích Bánh Xe	6-23

Mẹo Để Lái Xe An Toàn**Ngủ Đủ Giấc**

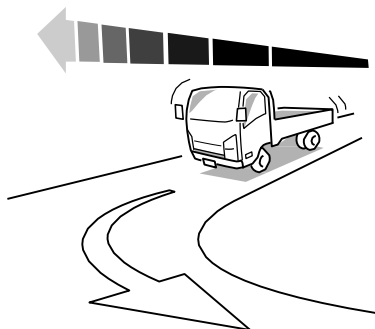
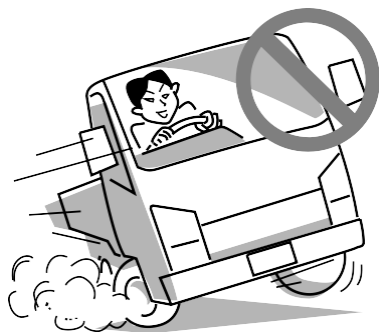
Nếu bạn lái xe trong khi đang buồn ngủ, sẽ dẫn đến mất tập trung. Do đó hãy ngủ đủ giấc

Nghỉ Ngơi Sau Quãng Đường Dài

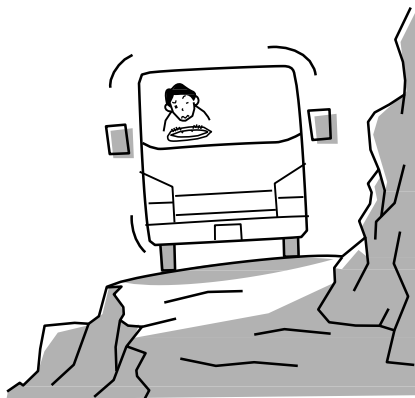
Sau khi lái xe qua một quãng đường dài, hãy nghỉ ngơi để giữ được sự tỉnh táo và minh mẫn.

Lái Xe Trên Đường

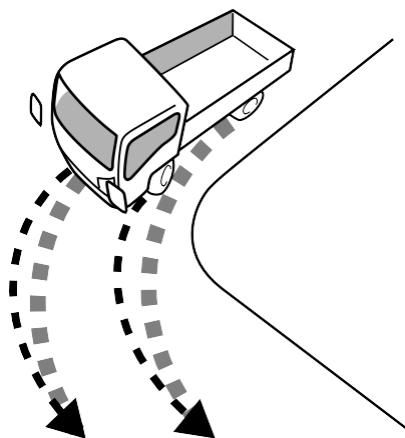
Lưu Ý Khi Lái Xe



- Tập trung vào việc lái xe an toàn, tuân theo tất cả những bảng giới hạn tốc độ, những biển báo trên đường và những tín hiệu giao thông đúng theo luật..
- Không bật công tắc khởi động ở bất kỳ vị trí nào khác ngoài "ON" trong khi lái xe. Bộ trợ lực lái sẽ ngưng hoạt động làm cho việc lái vô cùng khó khăn. Phanh cũng sẽ không hoạt động tốt, đặt bạn vào tình huống cực kỳ nguy hiểm.
- Nếu bạn thấy bất kỳ tiếng ồn nào khác thường, các mùi khác thường hoặc các rung lắc khác thường từ các bộ phận bất kỳ nào của xe, ngay lập tức dừng xe vào nơi an toàn và thực hiện kiểm tra.
- Nếu đèn cảnh báo trên xe sáng lên , hãy dừng xe vào nơi an toàn, sau đó tiến hành việc kiểm tra và xử lý.
- Không được đạp chân vào bàn đạp ly hợp ngoại trừ lúc sang số. Làm như thế sẽ sớm gây ra sự hao mòn bộ ly hợp.
- Chạy chậm dần vừa đủ khi đến gần một đường queo. Giữ phanh hoặc bẻ tay lái gắt trong khi queo theo đường vòng sẽ làm cho hàng hóa chở trên xe bị nghiêng, bánh xe bị trượt và xe sàng qua một bên.
- Trong khi lái xe, không được đặt tay của bạn vào cần sang số ngoại trừ khi chuyển đổi số. Làm như thế sẽ gây hỏng hộp số.
- Tránh cạ vỏ xe vào lề đường lát đá hoặc lái xe vào chỗ lồi lõm trên mặt đường, bạn sẽ làm hư bánh xe, dẫn đến việc nổ lốp xe hoặc xẹp bánh xe.

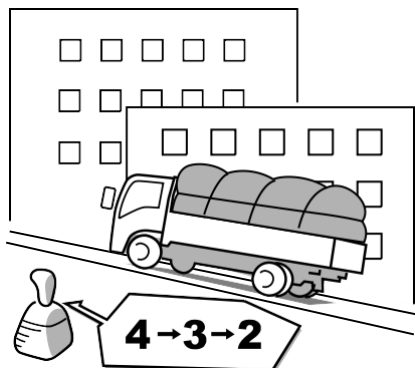
**Trên Đường Chật Hẹp Hoặc Đồng Đúc**

Khi lái xe vượt qua trên đường núi chật hẹp hay trên một con đường hẹp hoặc đô thị đông đúc, hãy cẩn thận chú ý đến cả những chướng ngại vật hai bên lẫn những tình huống chen lách trên đường.

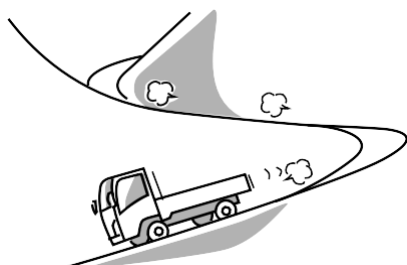
**Khi Rẽ, Bánh Sau Sẽ Cua Gắt Hơn Bánh Trước**

Nhớ quan sát gương chiếu hậu để xác định an toàn.

Lái Xe Lên Dốc Hoặc Xuống Dốc

**Lên Dốc**

Sớm cài số thấp trong trường hợp này để tránh quá tải cho động cơ.

**Xuống Dốc**

- Hãy cẩn thận không lái xe quá nhanh xuống dốc.
- Sử dụng số tương tự bạn đã dùng khi lái xe lên dốc. Cũng nên sử dụng phanh khí xả trong trường hợp này để tránh đi quá nhanh.
- Đừng để động cơ bị chạy vượt
- Đừng bao giờ xuống dốc bằng cách lùi xe.
- Cần lưu ý các vật thể phía trước, phanh đường phanh và tình trạng tay lái để có phản ứng kịp thời khi cần thiết.
- Trong trường hợp bắt buộc phải xuống dốc bằng cách lùi xe. Hãy lùi và dừng từng đoạn nhỏ để đảm bảo an toàn.

**LƯU Ý****[Vượt tốc]**

- Động cơ có hiện tượng vượt tốc khi kim đồng hồ tốc độ động cơ đi vào khu vực vùng màu đỏ (khu vực nguy hiểm). Nếu điều này xảy ra, động cơ rất dễ bị hư hỏng.

Phương Pháp Sử Dụng Phanh

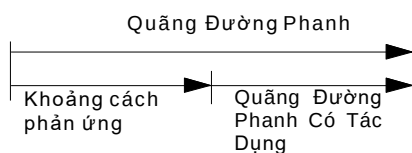
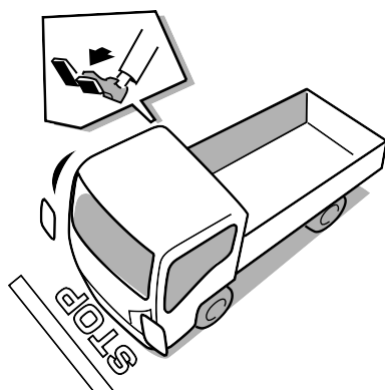
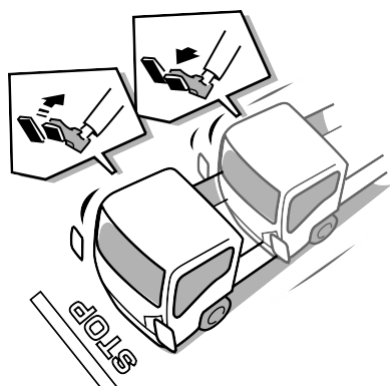
Chỉ nhấn nhẹ trên bàn đạp cũng tạo một lực phanh mạnh. Đừng nhấn mạnh bàn đạp phanh ngoại trừ tình huống khẩn cấp.

Dòng Xe Dừng Phanh Thủy Lực

1. Quãng đường phanh khác nhau tùy theo tốc độ xe và các điều kiện trên đường. Trước tiên, làm chậm lại bằng cách sử dụng phanh động cơ và phanh khí xả một cách thích hợp.
2. Nhấn sâu dần bàn đạp cho tới ngay trước chỗ bạn muốn xe dừng lại.

Dòng Xe Dừng Phanh Hơi Toàn Phần

1. Quãng đường phanh khác nhau tùy theo tốc độ xe và các điều kiện trên đường. Trước tiên, làm chậm xe lại bằng cách sử dụng phanh động cơ và phanh khí xả một cách thích hợp.
2. Nhấn bàn đạp phanh và giữ bàn đạp cho tới ngay trước chỗ bạn muốn xe dừng lại.
3. Nhả nhẹ bàn đạp phanh.



CHÚ Ý

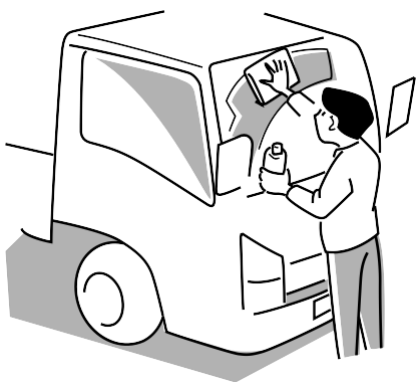
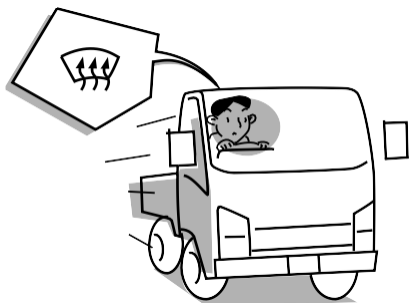
- Đừng để bàn đạp phanh trả về hết. Nếu bạn để bàn đạp phanh trả về hết, sẽ có một khoảng thời gian trì hoãn ngắn trước khi phanh bắt đầu hoạt động cho lần nhấn bàn đạp phanh kế tiếp, có nghĩa là quãng đường phanh sẽ tăng lên.
- Nếu không cần thiết, đừng đạp và nhả bàn đạp phanh liên tục, việc này sẽ làm cạn hơi trong bình chứa.

4. Ngay trước chỗ bạn muốn dừng, hãy nhẹ nhàng nhấn bàn đạp phanh để xe dừng hẳn.

Quãng Đường Phanh

Quãng đường phanh của xe gồm một khoảng cách phản ứng (từ điểm tài xế có cảm giác nguy hiểm và nhấn bàn đạp phanh cho đến điểm phanh có tác dụng) và một quãng đường phanh (từ điểm phanh bắt đầu có tác dụng cho đến điểm xe dừng hẳn). Khi lái xe, phải hình dung quãng đường phanh trong đầu. Duy trì một tốc độ và một khoảng cách trước mặt cho phép bạn dừng an toàn ngay khi có nguy hiểm xảy ra.

Duy Trì Tầm Nhìn Rõ Ràng

**Nếu Kính Chắn Gió Bị Mờ**

Dùng máy sưởi để thổi hơi nóng vào kính chắn gió, hoặc khử ẩm cabin bằng cách dùng máy lạnh và đặt nút thông gió ở các vị trí "☀️" hay "❄️"

Kéo cần chọn nguồn gió qua vị trí thông gió ra bên ngoài.

Cũng có thể dùng bình xịt chống mờ sương được bán sẵn.

Tầm Nhìn Vào Ban Đêm

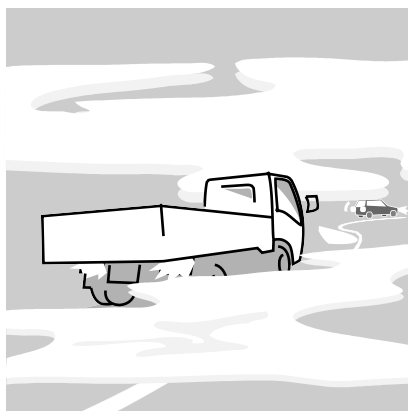
Nếu kính chắn gió bị các lớp ố do nước hay văng dầu, khi đến gần các đèn tín hiệu giao thông, ánh sáng sẽ bị phản chiếu theo nhiều hướng làm cho bạn khó nhìn thấy phía trước xa hơn. Sử dụng nước rửa kính để rửa kính và cần gạt nước để làm sạch kính.

**LƯU Ý**

Các cần gạt nước bị mòn không thể chùi sạch kính chắn gió, vì vậy không thể bảo đảm tầm nhìn. Khi cần gạt nước bị mòn, hãy thay cần gạt mới.

Lái Xe Vào Ban Đêm

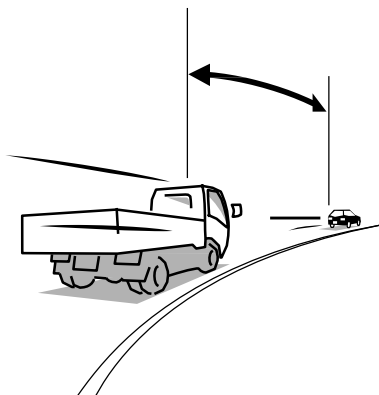
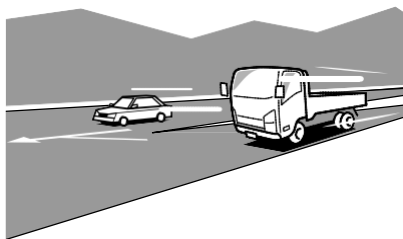
Lái xe vào ban đêm có nhiều nguy hiểm hơn lái xe ban ngày bởi vì tầm nhìn bị hạn chế hơn. Hãy giữ tốc độ chậm, và duy trì một khoảng cách an toàn với xe phía trước.

Lái Xe Trong Sương Mù

Bật đèn sương mù và lái thật chậm, bám theo vạch giữa tim đường làm hướng dẫn. Sẽ rất nguy hiểm nếu lái xe đi theo ánh đèn xe phía trước bởi vì chúng có thể gây ra ảo giác quang học. Hãy lái xe cẩn trọng.

Lái Xe Trên Đường Cao Tốc

Lốp xe	Kiểm tra độ sâu của rãnh gai.
Động cơ	- Kiểm tra môi chất nước làm mát động cơ không bị rò rỉ từ két nước làm mát và các bộ phận khác của hệ thống làm mát. - Kiểm tra mức môi chất nước làm mát động cơ đủ hay không. - Kiểm tra dây curoa quạt có độ căng thích hợp và hư hay không. - Kiểm tra tình trạng nhớt động cơ.
Thùng nhiên liệu	Kiểm tra lượng nhiên liệu trong thùng còn đủ hay không.



1. Vận tốc của xe trên đường cao tốc lớn hơn khi lái xe trên đường bình thường, và có nhiều nguy hiểm hơn. Vì thế nếu xe bị hư hỏng trên đường cao tốc sẽ tạo ra nguy hiểm đối với các xe khác và có thể dẫn đến tai nạn. Hãy tập trung để lái xe an toàn. Hãy nhớ thực hiện các bước kiểm tra xe trước khi vận hành hàng ngày và áp dụng các kỹ thuật lái xe trên đường cao tốc.

Cần thực hiện việc kiểm tra cho các mục ở bảng bên trái với sự cẩn trọng đặc biệt.

Kiểm Tra Xe Hằng Ngày

→ Tham khảo trang 7-18

2. Khi hòa vào lưu thông trên đường cao tốc, sử dụng đèn tín hiệu rẽ để báo trước mục đích của bạn. Tăng tốc thích hợp khi bạn ở trong đường quy định vận tốc. Hãy chú ý xe đằng sau và những điều kiện trên đường bạn đang lái vào. Hòa vào bằng cách đó, bạn sẽ không cản trở xe trong tuyến.

3. Cảm giác về tốc độ trở nên sai lệch khi lái xe lâu trên đường cao tốc. Hãy luôn luôn để mắt trên đồng hồ tốc độ, và duy trì một khoảng cách an toàn với xe phía trước.



4. Trong khi lái xe ở tốc độ cao, đánh nhẹ tay lái cũng gây ra một chuyển động lớn của xe. Hãy đánh tay lái chậm chậm.
5. Sử dụng quá mức bàn đạp phanh là cực kỳ nguy hiểm vì nó làm bố phanh mòn nhanh và làm cho phanh kém hiệu quả. Tận dụng hiệu quả phanh động cơ và phanh khí xả khi bạn muốn giảm tốc độ.

**LƯU Ý**

[Giảm hiệu quả phanh]

Dùng phanh quá mức có thể làm cho phanh quá nóng dẫn đến lực ma sát của bố phanh giảm và phanh trở nên giảm hiệu quả hơn bình thường. Hiện tượng này gọi là giảm hiệu quả phanh

6. Khi bạn muốn ra khỏi đường cao tốc, hãy dùng đèn tín hiệu rẽ để báo trước ý định của bạn. Chú ý xe đằng sau bạn, ra khỏi đường cao tốc một cách êm thấm để không gây cản trở các xe khác.



Lái Xe Trên Đường Tuyết Hoặc Đường Đóng Băng



CHÚ Ý

- Trên đường trơn trượt, đừng bao giờ dừng xe, tăng tốc hay đánh lái đột.
- Khi lái xe trên mặt đường đóng băng, độ bám đường của lốp xe sẽ giảm. Do đó quãng đường phanh sẽ trở nên dài hơn. Hãy lái xe cẩn thận.
- Sử dụng tay số thấp để gia tăng lực kéo cho xe.

Trước Khi Vận Hành Xe Ở Khu Vực Khí Hậu Lạnh

Ra Vào Xe

Cẩn thận khi bước ra vào xe vì mặt đường sẽ rất trơn trượt và dễ bị trượt ngã.



**Trước Khi Ngồi Vào Ghế**

Giữ sạch băng tuyết ra khỏi giày khi bạn trước vào trong xe. Nếu không giày của bạn sẽ ẩm ướt và trượt khi đạp lên các bàn đạp. Ngoài ra băng tuyết cũng làm tăng độ ẩm trong xe, dễ làm đóng sương bề mặt kính.

Khởi Động Động Cơ

Khởi động động cơ và kiểm tra tình trạng tăng tốc của động cơ.

Kiểm Tra Mức Nhiên Liệu

Xe sẽ tiêu hao nhiên liệu nhiều hơn thông thường nếu sử dụng đai xích cho bánh xe. Nhớ kiểm tra kỹ mức nhiên liệu còn lại có đủ cho hành trình đi chuyển hay không.

Nhiên liệu → Tham khảo trang 6-20

**Lái Xe Trên Đường Ngập Tuyết****Tập Trung Vào Tay Lái Và Cảm Giác Lái****CHÚ Ý**

- Trên đường ngập tuyết, nước và tuyết có thể bám vào bánh xe và các chi tiết trên khung gầm làm cho xe trở nên khó di chuyển và đánh lái. Hãy lái xe từ từ và dọn sạch tuyết bám vào. Lưu ý đừng dùng các vật sắc nhọn nếu không sẽ làm hư hỏng các chi tiết trên xe.



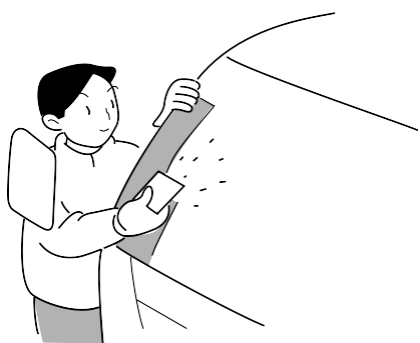
Phanh Cẩn Thận



CHÚ Ý

- Khi xe chạy vào đường ngập tuyết, tuyết có thể bám vào và làm giảm hiệu quả phanh. Do đó hãy chạy xe chậm rãi, đạp phanh từ tốn và để ý đến các xe phía trước và sau.
- Nhớ kiểm tra hiệu quả phanh và tình trạng phanh trước khi bắt đầu chạy xe. Nếu hiệu quả phanh không tốt, hãy chạy thật chậm và đạp bàn đạp phanh vào lần để làm nóng /khô cho đến khi hệ thống phanh hoạt động tốt hơn.

Gạt Bỏ Tuyết Khỏi Kính Và Thân Xe



Để đảm bảo kính không bị trầy xước, hãy dùng miếng cạo tuyết chuyên dùng để gạt bỏ tuyết khỏi kính xe. Đồng thời nhớ lưu ý kiểm tra tình trạng các cần gạt nước trên kính chắn gió.

Ngoài ra cũng nên kiểm tra và gạt bỏ các mảng tuyết bám vào bên dưới thân xe.



KHUYẾN CÁO

- Đừng dùng các vật nhọn để gạt bỏ tuyết, vật sắc nhọn sẽ làm hư hỏng các chi tiết bằng cao su/ nhựa.

Lái Xe Trên Mặt Đường Xấu (Cát Hoặc Bùn)

Nếu xe bị kẹt trong bùn, nhấn bàn đạp ga nhiều hơn cần thiết sẽ chỉ làm cho xe lún sâu hơn trong bùn và càng khó thoát ra. Đặt đá hoặc cành cây hoặc một lớp vải phủ dưới bánh xe để tăng thêm khả năng bám của bánh xe, hoặc lặp lại việc lái tới lui để dùng đà thoát ra.

Khi bạn không thể tránh việc lái xe vào vùng có bùn sâu, dùng bánh xích là một cách hiệu quả để tránh bị kẹt trong bùn.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi lái xe trên cát hoặc bùn, tránh hãm phanh chặt, nhấn ga đột ngột và bẻ gắt tay lái. Những động tác như thế làm cho xe bị kẹt và không thể thoát ra.
- Sau khi lái xe qua các nơi cát lún sâu hoặc bùn sâu. Hãy rửa sạch xe, nếu không bùn hoặc cát sẽ bám vào bám xe và làm xe kho đánh lái, khó lặn bánh.
- Đối với các xe có trang bị phanh ABS, khi rửa bùn cát nhớ lưu ý đừng làm hư các cảm biến tốc độ gắn ở bánh xe.
- Đừng dùng các vật nhọn để gạt bỏ tuyết, vật sắc nhọn sẽ làm hư hỏng các chi tiết bằng cao su/ nhựa

Bảo Dưỡng Bên Ngoài Xe → Tham khảo trang 7-194

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) ☐ → Tham khảo trang 4-86

Lái Xe Với 4 Bánh Chủ Động (4WD)**CHÚ Ý**

- Chế độ 4WD không phải là giải pháp an toàn cho việc lái xe trên địa hình xấu. Hãy luôn tập trung vào việc kiểm soát tay lái, chân phanh, chân ga và lưu ý các chỉ dẫn cảnh báo trên đường.

Đậu Xe Trong Vùng Khí Hậu Lạnh



Nếu có tuyết bám lên bánh xe hoặc đèn xe, hãy loại bỏ chúng trước khi đem xuống.



CHÚ Ý

- Nếu đậu xe ở nơi có nhiều tuyết rơi, tuyết sẽ che phủ xung quanh phanh xe. Trước khi sử dụng xe, hãy loại bỏ tuyết ở xung quanh.
- Để làm nóng hệ thống phanh trên xe, hãy lái xe với vận tốc dưới 30km/h và đạp bàn đạp phanh 5-6 lần.
- Hãy chuyển tay số sang vị trí số 1 hoặc số lùi.



LƯU Ý

- Hãy đậu xe theo hướng gió thổi.
- Đừng đậu xe dưới cây hay mái hiên nhà, tuyết có thể rơi xuống và vùi lấp xe của bạn.

Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Nóng

Động cơ sẽ có khuynh hướng nóng quá mức trong môi trường có nhiệt độ xung quanh cao. Để ngăn ngừa động cơ nóng quá mức, hãy chú ý đến những điều sau:

**CHÚ Ý**

- Đừng dùng nước giếng, nước sông hoặc các loại nước có tạp chất khác trong hệ thống làm mát động cơ, điều đó sẽ nhanh chóng tạo ra rỉ sét và cặn bẩn.



Nếu các vật bên ngoài (như côn trùng, bùn, v.v.) bị kẹt trong ống tản nhiệt của nước làm mát, hiệu suất của hệ thống làm mát sẽ suy giảm. Kiểm tra các ống tản nhiệt bị nghẹt và loại bỏ các vật ngoại lai bất kỳ nào bằng cách xịt nước với áp suất nhẹ.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi nhiệt độ xung quanh lên cao, sự bay hơi của dung dịch trong bình accu trở nên nhanh. Thường xuyên kiểm tra mức dung dịch bình điện và, nếu cần, châm thêm vào.

Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Lạnh



Hãy đọc kỹ và tuân theo các khuyến cáo sau nếu xe hoạt động tại các vùng có khí hậu lạnh như vùng băng tuyết, vùng núi hay các khu trượt tuyết.

Hãy đến các đại lý Isuzu để mua bộ phụ kiện mùa đông dùng cho xe.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

→ Tham khảo trang 7-36

Dung Dịch Nước Rửa Kính

→ Tham khảo trang 7-176

Bình Accu

→ Tham khảo trang 7-181

Nhớt Động Cơ

→ Tham khảo trang 7-24

Sử Dụng Đai Xích Bánh Xe

→ Tham khảo trang 6-23

Lốp Xe Mùa Đông

→ Tham khảo trang 6-21

**CHÚ Ý**

- Đừng dùng các vật như giấy báo, miếng nhựa... để che phía trước kết nước và làm làm nóng động cơ
- Nếu bạn đã cố làm nóng động cơ nhưng nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ không tăng, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa.
- Nếu đậu xe ở nơi có nhiều tuyết rơi, tuyết sẽ che phủ xung quanh phanh xe. Trước khi sử dụng xe, hãy loại bỏ tuyết ở xung quanh.

Nhiên liệu → Tham khảo trang 6-20

Bảo Vệ Động Cơ Khởi Bị Đóng Băng

Việc động cơ bị đóng băng sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động và tăng lượng nhiên liệu tiêu thụ.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Để ngăn dung dịch làm mát đông đặc và gây hư hỏng động cơ, hãy dùng hỗn hợp nước máy và dung dịch làm mát động cơ ở một tỉ lệ thích hợp với nhiệt độ thấp nhất mà xe bạn cần hoạt động.

Thay thế các ống cao su bị rạn nứt hay hư hỏng, các ống có khả năng gây rò rỉ.

Thay Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-41
Chuẩn Bị Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-37

Thay Nhớt Động Cơ

Chỉ dùng nhớt chính hãng của ISUZU hoặc nhớt tương đương của các hãng khác.

Thay Nhớt Động Cơ Và Lọc Nhớt → Tham khảo trang 7-30
Loại Dung Dịch, Dầu Nhớt Và Diesel Nên Dùng → Tham khảo trang 7-232
Nhớt Động Cơ Và Cấp Độ Nhớt → Tham khảo trang 7-237

Nhiên Liệu



CHÚ Ý

- Chỉ sử dụng nhiên liệu diesel đạt chuẩn hàm lượng lưu huỳnh 50 ppm cho các xe đạt chuẩn Euro 4 hoặc 10 ppm cho các xe đạt chuẩn Euro 5 (0,001S).
- Sử dụng dầu diesel chất lượng kém, trộn lẫn phụ gia tách nước, xăng, dầu hôi, nhiên liệu gốc cồn hoặc vật liệu khác trộn lẫn với dầu diesel sẽ ảnh hưởng xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun. Ngoài ra nó còn giảm khả năng hoạt động hoặc gây hư hỏng các chi tiết của động cơ. Nếu xảy ra trường hợp đổ nhầm nhiên liệu hoặc nhiên liệu không tốt, có nước, phải bảo đảm rút hết toàn bộ nhiên liệu không tốt ra khỏi hệ thống. Nếu không thực hiện kỹ càng trong hệ thống nhiên liệu, có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc hư hỏng hoàn toàn hệ thống cung cấp nhiên liệu như: bơm cao áp, đường dẫn nhiên liệu chung, kim phun v.v....
- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động và tuổi thọ của động cơ.
- Phải bảo đảm mở nắp nhiên liệu ra từ từ. Nếu bạn mở quá nhanh nhiên liệu có thể trào ra.
- Nếu lái xe đến vùng lạnh vào mùa đông trong khi dùng dầu diesel của vùng ấm, nhiên liệu có thể đông đặc.
- Khi nhiệt độ chung quanh giảm, nhiên liệu trong thùng nhiên liệu và các ống có thể đông đặc sền sệt làm cho động cơ khó khởi động.



LƯU Ý

- Đặc điểm kỹ thuật của dầu diesel khác nhau tùy theo mùa và vùng.
- Khi lái xe đến vùng lạnh, chỉ châm nhiên liệu vào thùng vừa đủ để đi đến nơi. Khi bạn đến vùng lạnh, châm đầy thùng với nhiên liệu có nhiệt độ đông đặc thấp.
- Khi đưa xe đến một vùng lạnh trên phà, hãy chỉ để một lượng nhiên liệu tối thiểu trong thùng, và à rồi, sau khi đến vùng lạnh, châm đầy thùng với nhiên liệu có nhiệt độ đông đặc thấp.

Khi Không Thể Đút Được Chìa Khóa Vào Ổ Do Tuyết



Trong trường hợp này, nếu bạn cố đút chìa khóa sẽ làm chìa khóa bị cong vênh. Hoặc nếu cố gắng mở cửa các gioăng cao su sẽ bị kẹt và rách.

Hãy dùng nước nóng ấm để làm tan băng tuyết. Sau đó lau sạch.

Nếu kính cửa bị kẹt do băng tuyết hãy sử dụng cách tương tự để làm tan băng tuyết.

Lốp Xe Mùa Đông



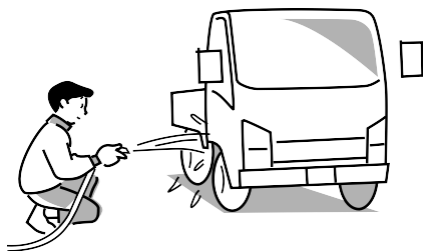
Sử dụng lốp có cùng kích cỡ với lốp cũ của xe. Các lốp xe dùng cho mùa đông sẽ có độ mòn tới hạn chỉ bằng $\frac{1}{2}$ so với lốp thông thường. Hãy thay vỏ mới nếu cần thiết.



CHÚ Ý

- Tránh việc đạp sâu hoặc đạp mạnh bàn đạp phanh để giảm tốc độ xe, thay vì vậy hãy đạp bàn đạp phanh từ từ. Việc đạp mạnh bàn đạp phanh đột ngột sẽ làm xe bị trượt.
- Nếu xe kích hoạt phanh khí xả, trong khi đang lưu thông không có tải trên đường trơn trượt; nếu đạp Việc đạp mạnh bàn đạp phanh đột ngột sẽ làm xe bị xoay ngang
- Đừng lái xe với tốc độ cao trên đường khô ráo nếu xe đang dùng lốp xe mùa đông.
- Việc sử dụng đai xích bánh xe phải tuân thủ theo quy định địa phương.

Rửa Sạch Xe Sau Khi Lưu Thông Trên Đường Tuyết



CHÚ Ý

- Rửa sạch tuyết bám trên vè xe và các đường ống dầu phanh. Nếu không các chi tiết này rất dễ bị hư hỏng.
- Nếu chạy xe vào vùng biển, hãy rửa sạch phần gầm xe, nếu không chất muối sẽ bám vào và làm rỉ sét
- Sau khi rửa xe, hãy lau khô các cửa và kính xe.



KHUYẾN CÁO

- Đối với các xe có trang bị phanh ABS, khi rửa bùn cát nhớ lưu ý đừng làm hư các cảm biến tốc độ gắn ở bánh xe.
- Đừng dùng các vật nhọn để gạt bỏ tuyết, vật sắc nhọn sẽ làm hư hỏng các chi tiết bằng cao su/ nhựa.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh ABS ☐ → Tham khảo trang 4-86

Sử Dụng Đai Xích Bánh Xe

Trước khi lái xe trong vùng có băng tuyết, hãy chuẩn bị đai xích bánh xe phù hợp với lốp xe.



CHÚ Ý

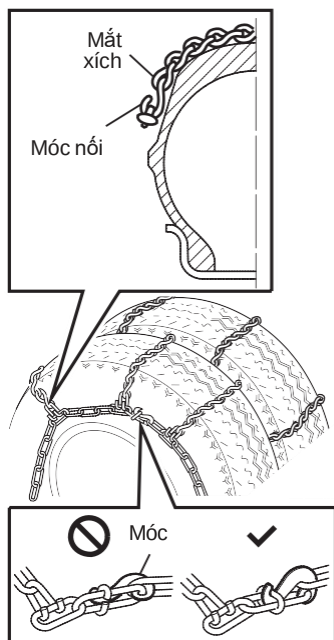
- Gắn chặt đai xích vào lốp xe, nếu không đai xích sẽ bị bung tuột khi xe lăn bánh, và có thể dẫn đến tai nạn.
- Nếu có tiếng kêu bất thường từ đai xích, hãy dừng xe tại nơi an toàn và tiến hành kiểm tra.
- Các ống xả rất nóng sau khi động cơ hoạt động. Đừng đứng vào nếu không bạn sẽ bị bỏng.
- Cẩn thận đừng làm mình bị thương khi gắn đai xích cho lốp xe.



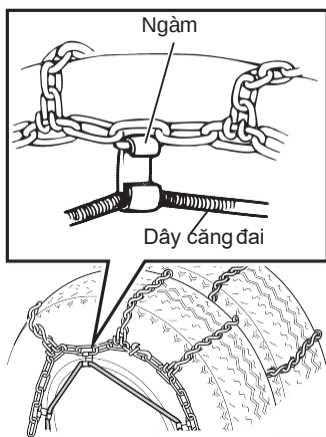
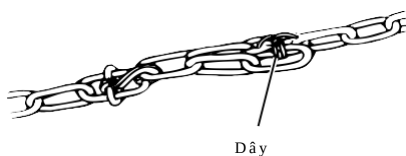
KHUYẾN CÁO

- Chỉ gắn đai xích lên bánh sau, không gắn lên bánh trước.
- Đối với loại đai xích 3 nhánh, có thể không sử dụng được cho một số loại xe. Hãy tham vấn tại các đại lý Isuzu để có trả lời chính xác.
- Đối với xe dùng bánh đôi, đừng gắn xích lên bánh phía ngoài.
- Bề mặt của lốp loại bố tròn rất dễ bị hư hỏng do đai xích. Do đó hãy dùng loại đai xích phù hợp cho lốp xe loại bố tròn; hoặc chuyển sang dùng lốp xe mùa đông.
- Khi mua đai xích, hãy ướm thử lên bánh xe và chặt đi phần dư thừa.
- Khi đã gắn đai xích lên bánh xe, chỉ lái xe với tốc độ dưới 30 km/h và tránh chạy vào các đường có bề mặt đóng băng.
- Tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất để biết cách lắp đặt đai xích đúng cách.

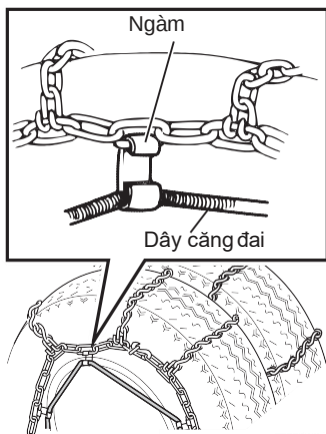
Cách Gắn Đai Xích



1. Kiểm tra và chắc chắn đai xích không bị xoắn. Lắp lên lốp xe sao cho phần ngoài mặt xích tiếp xúc với mặt đường
2. Kéo căng và kể nối các đai xích bằng các móc và ngàm.
3. Bề mặt của móc phải tiếp xúc song song với bề mặt lốp.
4. Loại bỏ các phần đai xích dư thừa, nếu không các phần này sẽ ảnh hưởng đến các chi tiết khác khi xe lăn bánh.
5. Bề mặt của ngàm phải hướng ra bên ngoài xe.
6. Sau khi gắn, cần kiểm tra lần nữa xem có chỗ nào chưa siết chặt hay không.



Cách Tháo Đai Xích



1. Tháo móc và ngàm ra khỏi đai xích.
2. Di chuyển nhẹ xe và tháo đai xích.



TRƯỚC KHI KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG

7-3

KIỂM TRA XE HÀNG NGÀY

7-17

**KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG
ĐỘNG CƠ**

7-21

**KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN
QUAN ĐẾN KHUNG GẦM XE**

7-91

KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC

7-171

**BẢO DƯỠNG NỘI THẤT
VÀ NGOẠI THẤT**

7-193

BẢO DƯỠNG XE

7-201

TRƯỚC KHI KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG

• Lưu Ý Trước Khi Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng	7-4
• Sản Phẩm Thái Bỏ, Dầu Nhớt Và Bôi Trơn	7-6
• Dầu Nhớt Và Mỡ Chính Hãng Isuzu	7-6
• Bộ Dụng Cụ Theo Xe	7-7
• Kiểm Tra Nắp Khoang Động Cơ ☐	7-9
• Lặt Cabin ☐	7-12

Lưu Ý Trước Khi Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng**CẢNH BÁO**

- Nhớ tắt động cơ và rút chìa khóa khỏi công tắc máy trước khi thực hiện kiểm tra.
- Kéo cần phanh tay hết mức và chuyển cần số về số "N".
- Chọn một nơi có nền cứng và bằng phẳng để thực hiện việc kiểm tra và điều chỉnh. Hãy nhớ chêm bánh xe. Sẽ rất nguy hiểm nếu xe di chuyển.
- Không để gang tay, giẻ lau hay vật dụng gần cánh quạt giải nhiệt động cơ.
- Khi nâng xe, hãy dùng một con đội thích hợp, không nhất thiết là con đội cấp theo xe.
- Sau khi nâng xe và trước khi chui vào gầm xe để thực hiện công việc, phải chắc rằng xe đang được đội bởi con đội có chân đế vững chắc.
- Khi thực hiện việc kiểm tra và bảo dưỡng liên quan đến hệ thống điện, hãy xoay chìa khóa khởi động về vị trí "LOCK", đợi 1 phút sau đó tháo cọc âm bình accu. Nếu không thực hiện việc này sẽ dễ dẫn đến hư hỏng hộp điều khiển trên xe.
- Động cơ, ống xả và két nước sẽ nóng ngay sau khi xe vừa chạy. Hãy cẩn thận quanh các bộ phận này để tránh phỏng. Thực hiện mọi kiểm tra khi động cơ nguội.
- Đừng thực hiện công việc gần ngọn lửa hoặc các nguồn phát nhiệt..
- Khi thực hiện trên ống dẫn nhiên liệu hoặc bộ lọc nhiên liệu; hãy tháo lọc nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu chịu sức ép và nhiên liệu sẽ tràn ra, có thể dẫn đến cháy nổ.
- Đừng để động cơ chạy trong gara hay khu vực kém thông gió. Điều này sẽ dẫn đến nhiễm độc khí CO₂.

**CHÚ Ý**

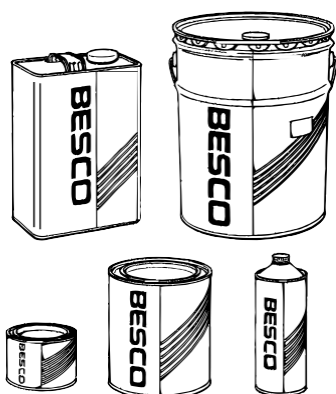
- Các chất thải, nhớt, mỡ và các dung dịch có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Rất khó để loại bỏ các thứ này. Vì thế hãy nhờ đại lý Isuzu thực hiện các kiểm tra và thay thế.

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ dùng các dụng cụ phù hợp.
- Nhớt, dầu phanh, dung dịch bình accu và chất làm mát động cơ có tính bôi trơn, làm mát và chống rỉ sét. Nếu các dung dịch này sụt giảm vì tổn thất hoặc nhiễm bẩn, sẽ gây ra hiện tượng suy giảm hoạt động các bộ phận, kẹt động cơ hoặc hoạt động sai. Châm đầy hoặc thay các dung dịch này khi thực hiện kiểm tra (hằng ngày và định kỳ) theo yêu cầu quy định hoặc theo lịch bảo dưỡng (khi tới thời gian bảo dưỡng). Xác định mọi hệ thống và bộ phận đều bình thường sau khi thực hiện công việc.
- Không để các bộ phận tháo ra hoặc dụng cụ trong khoang động cơ. Chúng có thể gây hại cho động cơ nếu kẹt vào dây đai hoặc các bộ phận đang chuyển động.
- Nước bẩn, bụi bẩn và các sự nhiễm bẩn khác sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả của nhớt, mỡ, các dung dịch và gây tác hại cho các bộ phận.
- Theo đúng các cảnh báo này để ngăn các chất bẩn dính vào các bộ phận hoặc dung dịch trong xe.

Sản Phẩm Thải Bỏ, Dầu Nhớt Và Bôi Trơn

- Khi thay nhớt, bộ lọc, dung dịch làm mát và các dung dịch khác, phải đảm bảo có thùng chứa chất thải.
- Dùng các phương pháp xử lý hợp quy định để loại bỏ chất cặn, nhớt, các bộ lọc hoặc môi chất nước làm mát sau khi thay.

Dầu Nhớt Và Mỡ Chính Hãng Isuzu

Chăm và thay nhớt, mỡ định kỳ là điều cực kỳ quan trọng để bảo dưỡng hoạt động xe và tránh các hư hỏng.

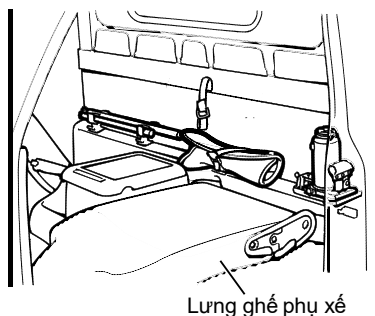
Isuzu khuyên khách hàng nên dùng nhớt chất lượng tốt đã được liệt kê để bảo dưỡng và sửa chữa x.e

**CHÚ Ý**

- Lửa và các nguồn phát nhiệt khác ở gần nơi dầu tràn có thể gây ra cháy. Phải đảm bảo lau sạch mọi vết dầu tràn.

Bộ Dụng Cụ Theo Xe

Vị Trí Để Bộ Dụng Cụ



Bộ dụng cụ được cất phía sau ghế tài xế và hành khách. Đẩy nghiêng lưng ghế về phía trước để lấy dụng cụ.



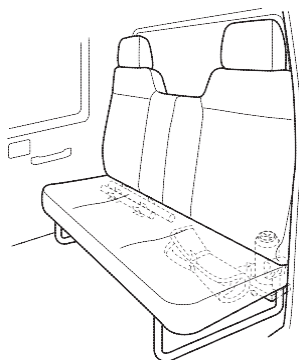
KHUYẾN CÁO

- Nếu xe của bạn có ngăn đựng phía sau lưng ghế, ngăn này phải được tháo ra trước khi bạn lấy hoặc cất dụng cụ

Ghế Tài Xế → Tham khảo trang 3-19

Ghế Phụ Xế/Ghế Giữa ☐ → Tham khảo trang 3-21

Vị Trí Để Bộ Dụng Cụ (Cabin Đôi)



Lật lưng ghế sau và cất túi dụng cụ tại nơi đó.



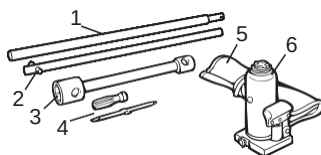
KHUYẾN CÁO

- Ngoài các dụng cụ được trang bị & tặng theo xe, tài xế cũng nên tự trang bị thêm các dụng cụ khác.
- Cất giữ cẩn thận, đừng để dụng cụ rơi rớt ra trong khi xe đang chạy
- Cũng nên trang bị thêm bánh cáo báo từ xa bên trong xe

Các Dụng Cụ Có Sẵn Trên Xe

Xe bánh đôi (dạng 1)

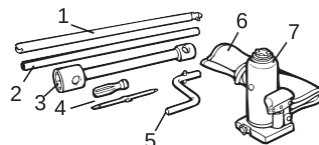
① Bộ dụng cụ có sẵn trên xe.



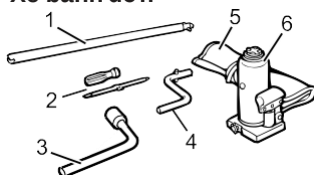
Stt.	Dụng cụ
1	Thanh nối tay quay bánh dự phòng
2	Tay quay nâng hạ bánh dự phòng
3	Đầu mở đai ốc bánh xe
4	Bộ tua-vít
5	Túi đựng dụng cụ
6	Con đội

Xe bánh đôi (dạng 2)

② Bộ dụng cụ có sẵn trên xe.



Stt.	Dụng cụ
1	Thanh nối tay quay bánh dự phòng
2	Tay quay mở đai ốc bánh xe
3	Đầu mở đai ốc bánh xe sau
4	Đầu mở đai ốc bánh xe trước
5	Tay quay
6	Tay quay nâng hạ bánh dự phòng
7	Túi đựng dụng cụ
8	Con đội

Xe bánh đơn

Stt.	Dụng cụ
1	Thanh nối tay quay bánh dự phòng
2	Bộ tua-vít
3	Đầu mở đai ốc bánh xe
4	Tay quay nâng hạ bánh dự phòng
5	Túi đựng dụng cụ
6	Con đội

**KHUYẾN CÁO**

Hãy luôn mang các dụng cụ trên theo xe.

Kiểm Tra Tại Nắp Khoang Động Cơ V

Nắp khoang động cơ

**Mở**

1. Tháo đai ra khỏi cần móc ở phía đầu phần ghế hành khách.
2. Nâng ghế hành khách, và dùng đai để kéo giữ lại ghế bằng cách móc vào cần móc ở bên trái.

Đóng

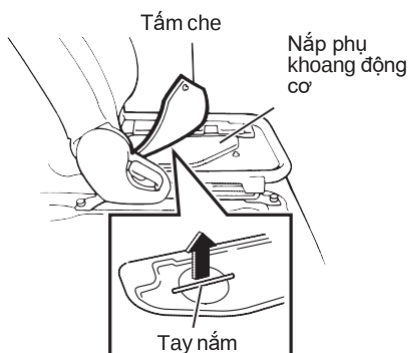
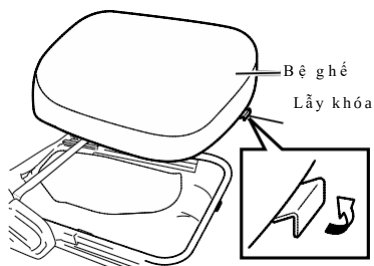
1. Tháo đai ra khỏi cần móc bên trái.
2. Hạ nhẹ nhàng ghế hành khách và cài lại dây đai vào cần móc.

**CHÚ Ý**

Lưu ý đừng để kẹt tay khi đóng mở nắp khoang động cơ.

Luôn kiểm tra nắp khoang động cơ đã được đóng kín hay chưa trước khi vận hành xe.

Nắp Phụ - Khoang Động Cơ

**Mở**

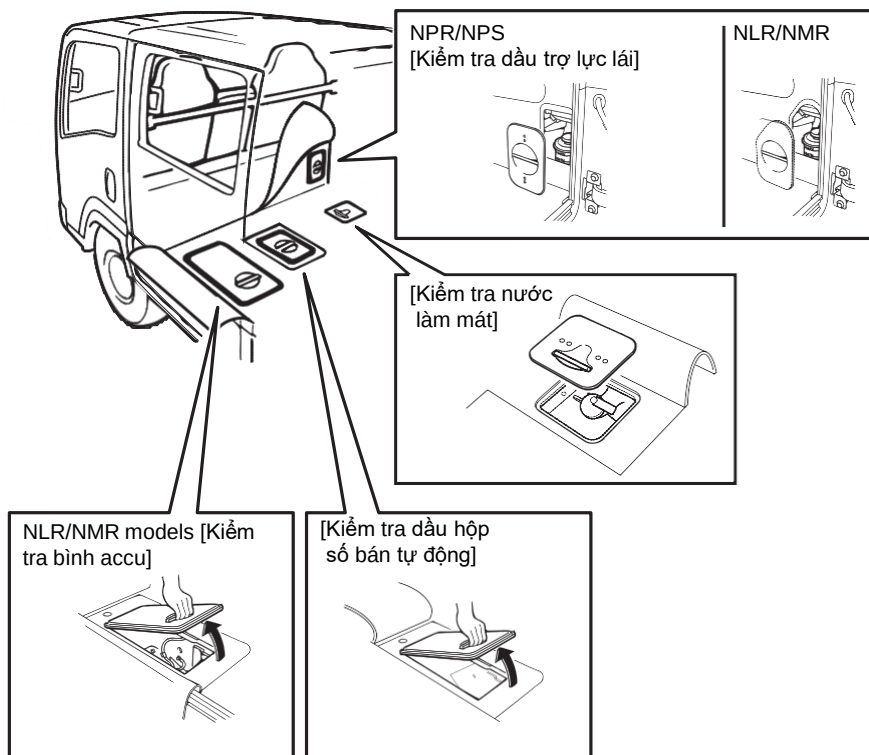
1. Mở khóa phần bệ ghế ngồi tài xế bằng cách kéo lấy khóa (màu đỏ)
2. Nhấc tấm che lên, sau đó nắm kéo nắp phụ - khoang động cơ.

Đóng

1. Gắn trở lại nắp phụ - khoang động cơ và đặt lại tấm che.
2. Gắn trở lại bệ ghế ngồi.

Tấm Che Phía Sau (Cabin Đôi)

Tấm che phía sau nằm bên dưới ghế sau. Có thể lật tấm che này để kiểm tra các hệ thống trên xe



Lật Cabin 

CẢNH BÁO

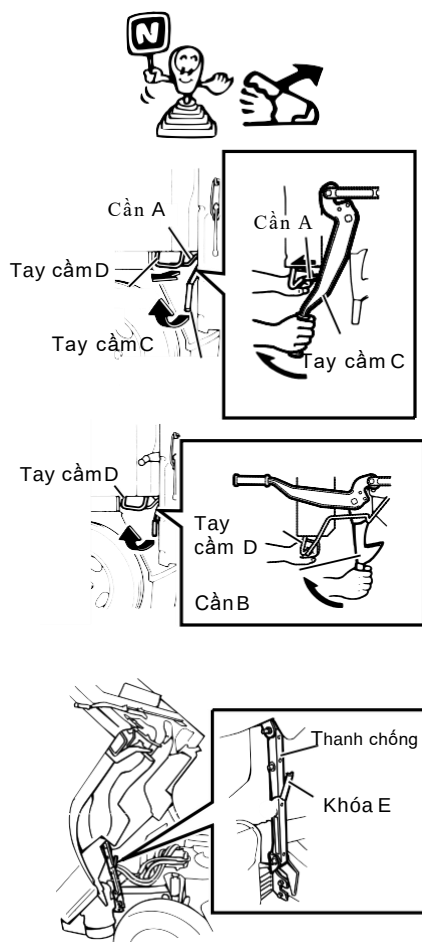
- Đừng chạm vào khóa (E) trên khung đỡ cabin trong khi đang nâng cabin. Nếu bạn chạm nó, khóa sẽ nhả. Hãy xem bước 4 trong phần "Lật cabin" để đảm bảo thực hiện đúng hướng dẫn



CHÚ Ý

- Chỉ lật cabin khi đậu xe trên nền đất phẳng..
- Cài chắc phanh tay và đảm bảo cần sang số ở vị trí "N".
- Kiểm tra các khu vực phía trước và phía sau cabin để có không gian đủ khi lật cabin trong xưởng. Lưu ý đặc biệt nếu xe bạn có trang bị mui lướt gió
- Khi lật cabin, đóng cửa trái và phải an toàn. Nên tránh mở và đóng cửa cabin đang lật lên. Phải xác định không có người gần xe hoặc bên trong cabin khi lật cabin.
- Bộ giảm thanh, ống xả sẽ rất nóng ngay sau khi động cơ hoạt động. Hãy lưu ý điều này để tránh vô tình đụng phải khi cabin đang lật .
- Đừng lật cabin khi có đồ đặt trên hoặc trong bảng điều khiển, ghế ngồi, giá giữ ly, mặt sàn.
- Chỉ lật cabin khi động cơ đã tắt .
- Phải đảm bảo mọi thứ đã lấy khỏi nóc xe.
- Loại bỏ băng hoặc tuyết đọng trên nắp cabin trước khi lật cabin. Không làm thế sẽ gây hại cho cần gạt nước, đèn hoặc các bộ phận khác của xe.
- Khi bạn cần phải đóng hoặc mở cửa cabin đang lật. Hãy nâng chịu sức nặng của cửa khi mở hoặc đóng nó. Rất nguy hiểm nếu tuột cửa khỏi tay khi đang đóng hoặc mở. Cửa có thể đập vào bạn hoặc người khác gây tổn thương hoặc cửa có thể bị hư. Phải xác định cửa đã hoàn toàn đóng chặt sau khi đóng.

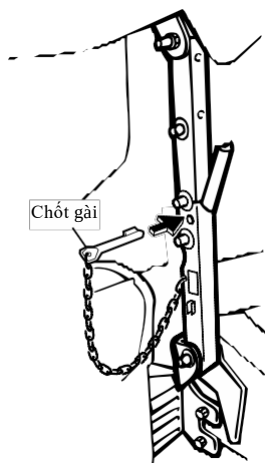
Nâng / Lật Cabin



1. Kéo phanh tay và chuyển tay số về vị trí "N". Đóng chặt tất cả các cửa.
2. Nắm lấy tay cầm (D), kéo cần (A) lên trên bằng cách nắm vào tay cầm (C)
3. Nắm lấy tay cầm D, đồng thời kéo cần B về phía bạn trong khi nâng cabin.
4. Sau khi nâng/lật cabin, hãy dùng khóa E chốt chặn thanh chống để giữ cabin không hạ xuống.

**CẢNH BÁO**

•Nếu không dùng chốt (E) để chốt chặn thanh chống, cabin có thể hạ xuống bất chợt. Điều này là cực kỳ nguy hiểm.



5. Nếu trên thanh chống có trang bị chốt gài, hãy sử dụng

Hạ Cabin



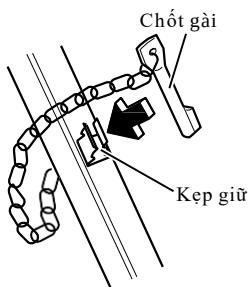
CẢNH BÁO

Sau khi hạ cabin, hãy luôn nhớ khóa ngàm cabin cẩn thận.

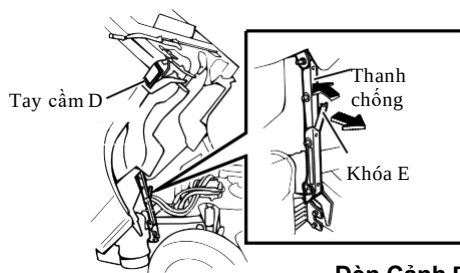


CHÚ Ý

Nếu có vật nặng trong cabin sẽ làm cho cabin bị hạ xuống dần.



1. Hãy gắn chốt gài trở lại kẹp giữ sau khi sử dụng xong.

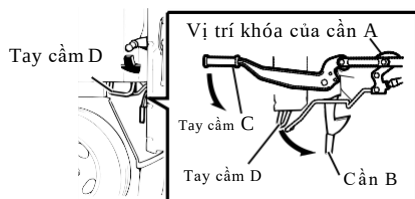


2. Nắm giữ tay cầm (D), đồng thời nhả khóa E ra khỏi thanh chống và từ từ hạ cabin.

3. Nắm giữ tay cầm (D), hạ cabin với một lực vừa đủ cho đến khi ăn khớp hoàn toàn với cần (B).

4. Nắm tay cầm (C) và kéo hạ cần (A)

Đèn Cảnh Báo Nâng Cabin ☐ → Tham khảo trang 4-35



LƯU Ý

• Phải luôn chắc chắn cần (A) đã được khóa chắc chắn trước khi cho xe vận hành.



KIỂM TRA XE HÀNG NGÀY

-
- | | |
|---|------|
| • Kiểm Tra Hàng Ngày (Kiểm Tra Trước Khi Vận Hành Xe) | 7-18 |
| • Kiểm Tra Dấu Hiệu Bất Thường Trong Lần Vận Hành Trước | 7-20 |
-

Kiểm Tra Hằng Ngày (Kiểm Tra Trước Khi Vận Hành Xe)

Kiểm tra xe theo các đề mục liệt kê bên dưới trước khi bắt đầu hoạt động để đảm bảo an toàn, vận hành không trục trặc. Cũng cần chú ý quãng đường xe đã chạy và các tình trạng xe đã hoạt động để có thể xác định việc kiểm tra giữa kỳ thích hợp nhất cho loại xe của bạn và sửa chữa đúng theo các kết quả kiểm tra.

Nếu việc kiểm tra cho thấy có điều bất thường hoặc nếu các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành trước, hãy đem xe đi sửa tại đại lý Isuzu trước khi sử dụng xe.

Các Đề Mục Kiểm Tra Hằng Ngày (Trước Khi Sử Dụng Xe)

[1. Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành trước]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần hoạt động trước	7-20

[2. Thực hiện kiểm tra khi nắp khoang động cơ mở hoặc lật cabin]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Dây đai quạt lồng hoặc hư	7-53
Mức nhớt động cơ	7-25
Mức dầu trợ lực lái	7-165

[3. Thực hiện kiểm tra ở ghế tài xế]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Mức dầu phanh (và mức dầu ly hợp) [HB]	7-92 (7-141)
Hành trình tự do bàn đạp phanh	7-102
Âm thanh từ phanh khí xả [FAB]	7-103
Đồng hồ báo áp suất hơi khí nén [FAB]	7-100
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	7-145
Hoạt động của các đồng hồ, các đèn cảnh báo, đèn chỉ báo	4-10, 4-18
Khởi động động cơ, các tiếng ồn bất thường và mùi khí xả	7-22
Hành trình làm việc của phanh tay	7-105, 7-106
Tình trạng phun dung dịch rửa kính và hiệu quả cần gạt nước	7-176, 7-177
Mức dung dịch rửa kính	7-176
Hành trình làm việc của tay lái và tình trạng khóa	3-23, 7-164
Tình trạng còi và đèn báo rẽ	4-49, 4-56
Lượng nhiên liệu còn lại	4-17
Hoạt động của khóa cửa	3-4

[4. Thực hiện kiểm tra khi đi xung quanh xe]

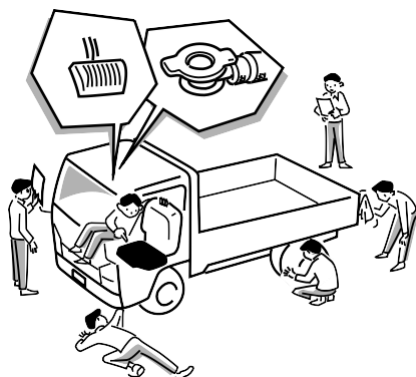
Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Độ sáng, độ nhấp nháy, độ bền và hư hỏng của đèn	7-180
Mức dung dịch bình điện (bình accu)	7-186
Mức nước làm mát động cơ	7-39
Tình trạng bầu chứa hơi khí nén (xả nước) [FAB]	7-112
Tình trạng nhíp xe	–
Sự rò rỉ dầu nhớt, dung dịch làm mát, nhiên liệu, dầu phanh, nhớt trợ lực lái và dầu phanh	–
Lượng nước đọng trong bộ tách nước	7-84

[5. Kiểm tra bánh xe và lốp xe]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Áp suất lốp	7-114
Vết nứt và các hư hỏng khác	7-122
Mòn bất thường	7-123
Độ sâu các gai bánh xe	7-123
Bu-lông mâm bánh xe	7-124

[6. Kiểm tra khi đang lái xe]

Đề mục kiểm tra	Tham khảo
Hiệu quả phanh	7-104
Tình trạng lái ở tốc độ chậm và khi tăng tốc	7-23
Hoạt động của ly hợp	7-141

Kiểm Tra Dấu Hiệu Bất Thường Trong Lần Vận Hành Trước

Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần kiểm tra trước.

Hãy để đại lý Isuzu sửa chữa các bất thường này trước khi dùng xe.

**KIỂM TRA VÀ BẢO
DƯỠNG ĐỘNG CƠ**

• Tình Trạng Động Cơ	7-22
• Nhớt Động Cơ	7-24
• Môi Chất Nước Làm mát Động Cơ	7-36
• Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp	7-51
• Dây Đai Quạt Gió	7-53
• Bộ Lọc Gió	7-60
• Lọc Nhiên Liệu	7-64
• Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD)	☐ V 7-89

Tình Trạng Động Cơ

Kiểm Tra Khởi Động Động Cơ Và Âm Thanh Bất Thường

1. Phải bảo kéo phanh tay. Đạp chắc bàn đạp phanh.
2. Phải bảo đảm cần số ở vị trí số N.



CHÚ Ý

- Để an toàn, hãy ấn bàn đạp phanh trước khi khởi động động cơ.

3. Xoay chìa khóa khởi động để khởi động động cơ.
Chắc chắn động cơ khởi động nhanh chóng mà không có âm thanh bất thường.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Kiểm Tra Tình Trạng Động Cơ Ở Tốc Độ Thấp Và Khi Tăng Tốc



1. Phải bảo đảm cần số ở số N và phanh tay được kéo hoàn toàn.

2. Khởi động và làm nóng động cơ.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

3. Kiểm tra tốc độ động cơ khi đang hoạt động ở chế độ chạy cầm chừng.

Núm Điều Khiển Tốc Độ Cầm Chừng → Tham khảo trang 4-44



CHÚ Ý

- Đối với xe có trang bị bộ DPD, tốc độ động cơ sẽ tự gia tăng trong quá trình xử lý khí thải

Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD) ☐ → Tham khảo trang 4-120

4. Kiểm tra để chắc chắn bàn đạp ga hoạt động trơn tru, không bị kẹt. Động cơ tăng tốc đều, không xuất hiện tiếng gõ.

Nhớt Động Cơ

Nhớt động cơ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự vận hành và tuổi thọ của động cơ. Phải bảo đảm chỉ dùng loại nhớt và các bộ lọc đúng chỉ định. Mức nhớt phải được kiểm tra và nhớt được thay đều đặn theo lịch bảo dưỡng.



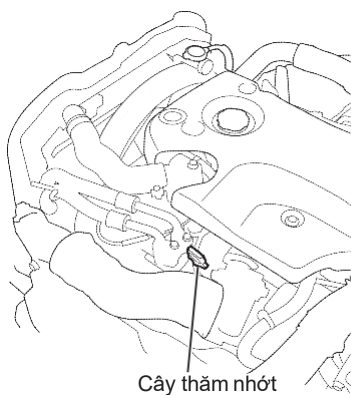
CHÚ Ý

- Đối với xe có trang bị bộ (DPD), sau khi lượng bụi mịn PM tích tụ đủ nhiều, hệ thống sẽ đốt cháy lượng bụi này. Để đốt cháy lượng bụi tích tụ này, kim phun sẽ phun thêm 1 ít nhiên liệu vào buồng đốt sau khi chu kỳ nổ xảy ra. Do đó một lượng ít nhiên liệu sẽ trộn lẫn với nhớt động cơ và làm mực nhớt động cơ tăng lên dần theo thời gian.

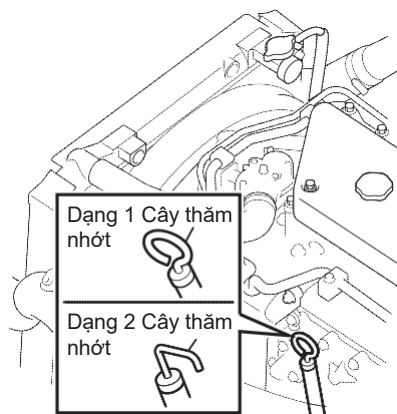
Kiểm Tra Mức Nhớt Động Cơ

Đậu xe trên nền bằng phẳng, kiểm tra mức nhớt trước khi khởi động động cơ hoạt động ít nhất 30 phút sau khi tắt động cơ. Để kiểm tra mức nhớt, hãy tháo que đo mức nhớt (cây thăm nhớt), lau đầu cây thăm nhớt bằng khăn sạch, lắp nó trở lại rồi nhẹ nhàng rút ra. Nếu mức nhớt nằm giữa dấu MAX và MIN, lượng nhớt còn đủ.

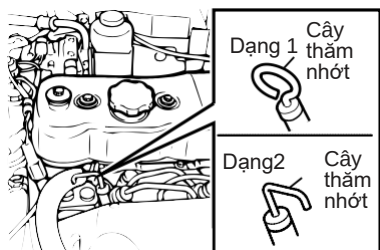
Động cơ 4JJ1



Động cơ 4HK1/4HL1

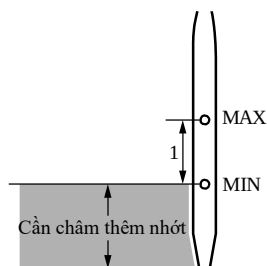


Động cơ 4JB1/4JH1



Động cơ 4HG1





Kiểm Tra Mức Nhớt

1. Tháo que đo mức nhớt (cây thăm nhớt) và lau sạch nhớt trên que.
 2. Lắp cây thăm nhớt trở lại hết mức rồi tháo ra nhẹ nhàng.
- Nếu mức nhớt nằm giữa vạch MAX và MIN (Phạm vi 1), lượng nhớt còn đủ.
3. Nếu mức nhớt gần với vạch MIN, hãy châm thêm nhớt
 4. Gắn que thăm nhớt trở lại vị trí sau khi kiểm tra mức nhớt.



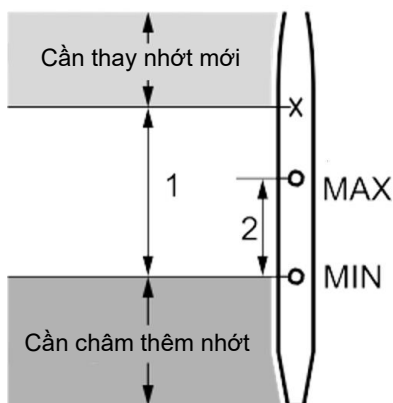
KHUYẾN CÁO

- Châm nhớt quá nhiều có thể dẫn đến hoạt động động cơ bị lỗi. Nhớ kiểm tra mức nhớt bằng cách dùng cây thăm nhớt.



LƯU Ý

- Thực hiện các kiểm tra mức nhớt khi đậu xe trên bề mặt bằng phẳng
- Mức nhớt không thể kiểm tra đúng khi động cơ đang hoạt động.
- Đợi ít nhất 30 phút sau khi tắt động cơ để đo mức nhớt sau khi động cơ đã vận hành.



Kiểm Tra Mức Nhớt (Xe trang bị bộ DPD)

1. Tháo que đo mức nhớt (cây thăm nhớt) và lau sạch nhớt trên que.
2. Lắp cây thăm nhớt trở lại hết mức rồi tháo ra nhẹ nhàng. Nếu mức nhớt nằm giữa vạch MAX và MIN (Phạm vi 1), lượng nhớt còn đủ.
3. Nếu mức nhớt gần với vạch MIN, hãy châm thêm nhớt.
4. Gắn que thăm nhớt trở lại vị trí sau khi kiểm tra mức nhớt.



KHUYẾN CÁO

- Nếu lượng nhớt vượt quá vạch Max sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của động cơ. Hãy thay mới nhớt động cơ nếu lượng nhớt chạm đến vạch "X"
- Nguyên nhân của việc mức nhớt tăng lên là do một lượng ít hơi nhiên liệu bị trộn lẫn với nhớt động cơ. Hãy kiểm tra và thay nhớt đúng theo khuyến cáo.



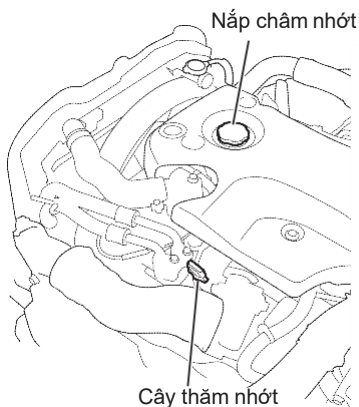
LƯU Ý

- Thực hiện các kiểm tra mức nhớt khi đậu xe trên bề mặt bằng phẳng
- Mức nhớt không thể kiểm tra đúng khi động cơ đang hoạt động.
- Đợi ít nhất 30 phút sau khi tắt động cơ để đo mức nhớt sau khi động cơ đã vận hành.

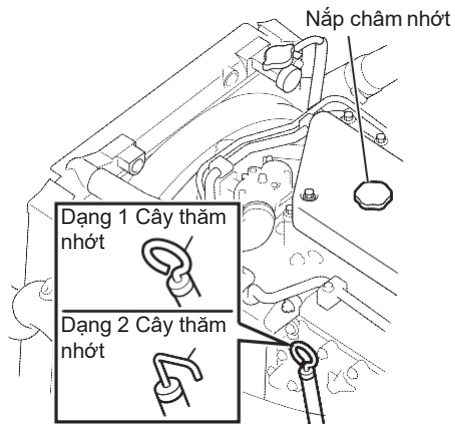
Châm Thêm Nhớt

Khi mức nhớt gần vạch MIN trên que thăm nhớt, hãy tháo nắp châm nhớt và châm thêm nhớt. Hãy tháo que thăm nhớt vào lúc này. Chỉ dùng loại nhớt được chỉ định.

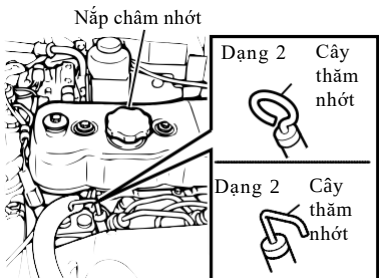
Động cơ 4JJ1



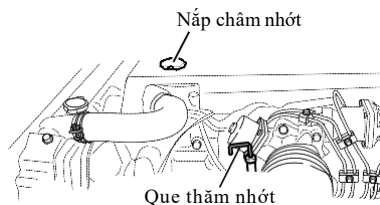
Động cơ 4HK1/4HL1



Động cơ 4JB1-4JH1



Động cơ 4HG1



**CẢNH BÁO**

- Khi châm thêm nhớt phải cẩn thận đừng để tràn, cần có giẻ lau bên tay khi có tràn nhớt, nếu có nhớt tràn trên động cơ, hãy lau sạch cẩn thận. Nếu lưu ý này không thực hiện, nhớt tràn ra có thể bắt lửa và gây cháy.
- Không để các vật dễ bắt cháy như giẻ lau hoặc găng tay trong khoang động cơ. Chúng có thể gây cháy.
- Nhớt sẽ nóng sau khi động cơ hoạt động, vì thế nếu thay nhớt sau khi lái phải cẩn thận không để trào ra.

**KHUYẾN CÁO**

- Nhớt bôi trơn và làm mát các bộ phận bên trong động cơ. Chất lượng và dung lượng nhớt sẽ giảm dần trong quá trình hoạt động của động cơ. Liên tục sử dụng nhớt cũ mà không kiểm tra mức nhớt, không châm thêm hoặc thay mức nhớt có thể gây kẹt động cơ hoặc hỏng động cơ. Phải châm thêm hoặc thay nhớt khi chất lượng nhớt đã giảm sút hoặc lượng nhớt bị hao hụt, ngay cả trước khi đến hạn những lần bảo dưỡng giữa kỳ, tùy thuộc vào điều kiện sử dụng.
- Không để chất bẩn rơi vào miệng lọc khi châm nhớt. Nếu có chất lạ trộn với nhớt, có thể gây hư động cơ.
- Châm thêm nhớt qua khỏi vạch MAX của que thăm nhớt có thể khiến hoạt động động cơ bị lỗi. Phải bảo đảm kiểm tra mức nhớt bằng cây thăm nhớt.
- Châm nhớt nhiều hơn vạch Max hoặc vượt quá khuyến cáo cũng sẽ làm ảnh hưởng – hư hỏng động cơ. Hãy tuân thủ lượng nhớt đúng quy định.

[Các xe trang bị bộ DPD]

- Sử dụng đúng cấp độ nhớt để đảm bảo động cơ và bộ DPD hoạt động đúng thiết kế. Sử dụng nhớt không đạt chuẩn sẽ làm xe giảm tuổi thọ và dễ hư hỏng.

Thay Nhớt Động Cơ Và Lọc Nhớt

Nhớt và bộ lọc nhớt là các yếu tố quan trọng trong việc vận hành và kéo dài tuổi thọ động cơ. Phải đảm bảo chỉ dùng loại nhớt và bộ lọc nhớt được chỉ định, kiểm tra mức nhớt và nên thay nhớt đều đặn theo lịch bảo dưỡng.



CẢNH BÁO

- Nhớt còn nóng sẽ dễ làm bỏng da. Hãy đợi nhớt nguội đi trước khi tiến hành thay nhớt.



KHUYẾN CÁO

- Sử dụng lượng nhớt như hướng dẫn bên dưới khi thay nhớt. Sau khi thay nhớt phải đảm bảo lượng nhớt đúng mức yêu cầu.

[Các xe trang bị bộ DPD]

- Sử dụng đúng cấp độ nhớt để đảm bảo động cơ và bộ DPD hoạt động đúng thiết kế. Sử dụng nhớt không đạt chuẩn sẽ làm xe giảm tuổi thọ và dễ hư hỏng.

Số lượng nhớt thay thế

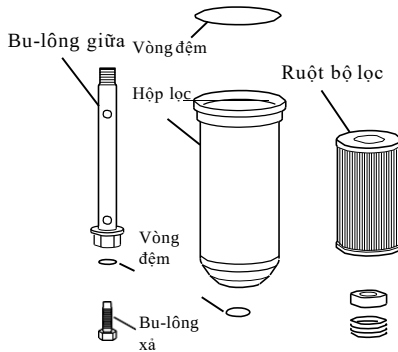
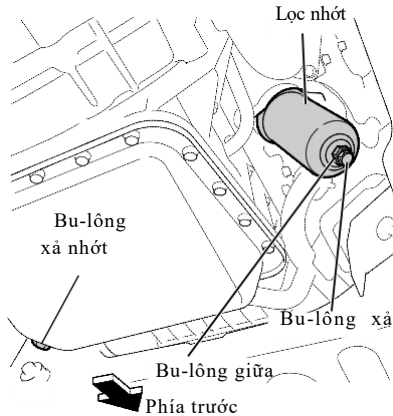
Động Cơ	Lượng Nhớt [Tham Khảo]	
	Khi Chỉ Thay Nhớt	Khi Thay Cả Nhớt Và Lọc
4HK1	9.5 Lít	11.5 Lít
4JB1	6.4 Lít	7.0 Lít
4JH1	6.0 Lít	6.6 Lít
4JJ1	8.2 Lít	9.2 Lít
4HG1	8.3 Lít	9.8 Lít
4HL1	9.5 Lít	11.5 Lít

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Loại Dung Dịch, Nhớt Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-232

Thay Nhớt (Động Cơ 4JJ1)

1. Lau sạch quanh nắp chambers nhớt để các chất bên ngoài không lọt vào. Tháo nắp chambers nhớt.
2. Đặt thùng chứa bên dưới-bulông xả nhớt và bộ lọc nhớt. Tháo -bu lông xả nhớt và bu-lông xả của bộ lọc nhớt để xả nhớt vào thùng chứa.

**KHUYẾN CÁO**

•Nhớt thải ra phải được xử lý đúng với quy định của nhà nước .

3. Tháo bu-lông giữa bằng cách dùng cờ-lê vặn ngược chiều kim đồng hồ. Kế tiếp tháo các bộ phận trong bộ lọc.
4. Phải đảm bảo bộ lọc nhớt mới tiếp xúc tốt, dùng ghẻ lau sạch bề mặt gắn bộ lọc.
5. Thay ba vòng đệm O và thay mới các bộ phận của bộ lọc. Dùng cờ-lê vặn chặt bu-lông giữa.

Lực siết tiêu chuẩn của bu-lông giữa

44 N·m (4.5 kgf·m/33 lb·ft)

**KHUYẾN CÁO**

•Khi gắn lọc nhớt, phải cẩn thận không để các vòng đệm bị cắn, dính với các chi tiết khác, nếu không sẽ gây rỉ nhớt.

6. Gắn trở lại và vặn chặt bu -lông xả nhớt và bu -lông xả bộ lọc nhớt.

Lực siết bu-lông xả nhớt	
Các-te nhớt	83 N·m (8.5 kgf·m/61 lb·ft)
Lọc nhớt	25 N·m (2.5 kgf·m/18 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

Những vết dơ trên bu -lông xả nhớt phải được lau sạch trước khi gắn trở lại .

7. Tháo que thăm nhớt và châm cẩn thận loại nhớt được chỉ định vào lỗ nhớt .

8. Lắp que thăm nhớt và nắp châm nhớt vào. Khởi động động cơ 5 phút sau khi châm nhớt mới và để động cơ chạy cầm chừng. Trong khi động cơ đang chạy chậm chừng, hãy kiểm tra xem có vết nhớt rỉ nào quanh bộ lọc nhớt hoặc bu -lông xả.



KHUYẾN CÁO

Tránh tăng tốc động cơ đột ngột vì có thể gây hỏng hóc động cơ.

9. Tắt động cơ. Sau đó đợi ít nhất 30 phút, dùng que thăm nhớt kiểm tra mức nhớt.



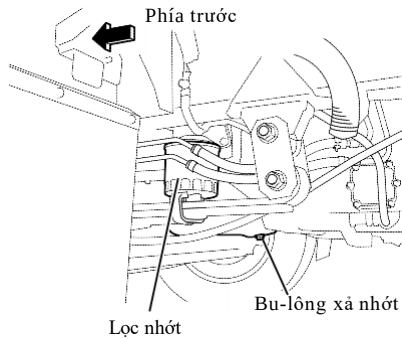
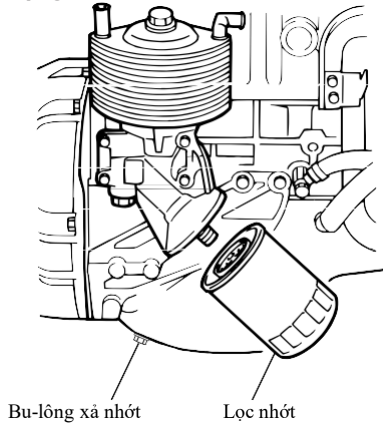
CẢNH BÁO

- Để các vật cháy hoặc nguồn phát nhiệt gần vết nhớt tràn ra có thể gây hỏa hoạn. Phải đảm bảo lau sạch tất cả.
- Đừng bỏ quên các dụng cụ sửa chữa, các vật dụng dễ cháy trên động cơ.



KHUYẾN CÁO

- Tránh tăng tốc động cơ đột ngột vì có thể gây hỏng hóc động cơ.
- Không châm nhớt vượt quá vạch MAX trên que thăm nhớt. Châm nhớt quá đầy có thể gây hỏng động cơ .

Động cơ 4HK1/4HG1/4HL1**Động cơ 4JB1/4JH1****Thay Nhớt (Động cơ 4HK1/4JB1/4JH1/ 4HG1/4HL1)**

1. Lau sạch quanh nắp châm nhớt để không có chất lạ lọt vào. Tháo nắp châm nhớt.
2. Hãy đặt thùng chứa nhớt xả bên dưới bu - lông xả nhớt và lọc nhớt.
3. Tháo bu-lông xả nhớt để xả nhớt vào thùng chứa.

**KHUYẾN CÁO**

- Nhớt thải phải được xử lý theo đúng qui định nhà nước

4. Dùng dụng cụ chuyên dùng để tháo lọc nhớt.
5. Bôi một ít nhớt sạch lên vòng đệm của lọc nhớt mới.
6. Gắn bộ lọc nhớt mới. Sau khi miết vòng đệm bộ lọc tiếp xúc với miệng bộ lọc, dùng cờ lê chuyên dùng để vặn chặt nó một vòng và 1/4. vòng đối với model động cơ 4HK1 hoặc một vòng và 1/8 vòng đối với model động cơ 4JB. 1

**KHUYẾN CÁO**

- Khi gắn lọc nhớt, phải cẩn thận không để các vòng đệm bị cắn, dính với các chi tiết khác, nếu không sẽ gây rỉ nhớt.

7. Phải bảo đảm bu-lông xả nhớt được vặn chặt.

Lực Siết Bu-Lông Xả Nhớt

83 N·m (8.5 kgf·m/61 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

Các vết bẩn trên bu-lông phải được lau sạch trước khi gắn lại

8. Tháo cây thăm nhớt và cẩn thận châm loại nhớt được chỉ định.
9. Gắn que thăm nhớt và nắp châm nhớt. Khởi động động cơ 5 phút sau khi châm nhớt mới và cho động cơ hoạt động cầm chừng. Trong khi đó, hãy kiểm tra xem có bất kỳ vết nhớt nào rỉ quanh lọc nhớt và bu-lông xả hay không.



KHUYẾN CÁO

Tránh tăng tốc động cơ đột ngột vì có thể gây hỏng hóc động cơ.

10. Tắt động cơ.

Đợi ít nhất 30 phút trước khi dùng cây thăm nhớt để kiểm tra mức nhớt lại lần nữa.

**CẢNH BÁO**

- Để các vật bắt cháy hoặc các nguồn phát nhiệt gần vết nhớt dư có thể gây cháy, phải bảo đảm lau sạch tất cả.
- Đừng để các vật bắt cháy như giẻ, găng tay trong động cơ hoặc trong khoang động cơ phía dưới cabin. Chúng có thể là nguyên nhân gây cháy. Cũng đừng bỏ quên các dụng cụ.

**KHUYẾN CÁO**

- Tránh tăng tốc động cơ đột ngột vì có thể gây hỏng hóc động cơ.
- Không châm nhớt vượt quá vạch MAX của que thăm nhớt. Châm nhớt quá đầy có thể gây hỏng động cơ.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Môi chất nước làm mát động cơ phải được thay theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Loại Dung Dịch, Nhớt Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-232

**CẢNH BÁO**

- Chỉ kiểm tra để châm đầy hoặc thay môi chất nước làm mát động cơ sau khi động cơ đã nguội hoàn toàn.
- Nếu nước làm mát vẫn còn nóng, đừng tháo nắp két nước. Hơi nóng có thể phun ra làm bạn bị phỏng. Nước làm mát động cơ trong bình chứa phụ sẽ rất nóng cũng có thể gây phỏng. Hãy thực hiện các kiểm tra, châm thêm và thay khi nhiệt độ nước làm mát đã giảm.
- Khi tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ, hãy dùng miếng vải dày để phủ lên nắp và vặn từ từ.
- Dung dịch làm mát động cơ độc hại và không được uống. Nếu dung dịch bị dính vào mắt, phải rửa ngay lập tức.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước trong khoảng 15 phút và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào da, hãy rửa sạch bằng nước hoặc xà phòng và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Dung dịch làm mát động cơ dễ bén lửa, và vì vậy, nó phải được giữ cách xa các vật bắt lửa và các nguồn nhiệt khác. Dung dịch làm mát động cơ cũng bắt cháy nếu nó chạm vào một bề mặt nóng như các lớp che ống xả. Thực hiện cảnh báo này để tránh hỏa hoạn xảy ra.

**KHUYẾN CÁO**

- Hãy thay mới môi chất nước làm mát động cơ định kỳ. Nếu không thực hiện điều này sẽ gây ra hiện tượng đóng cặn, rỉ sét trong đường nước động cơ. Và có thể dẫn đến làm nghẹt két nước.

**LƯU Ý**

- Tỷ lệ khuyến cáo cho môi chất nước làm mát động cơ là: 50/50.

Pha Chế Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Để ngăn ngừa hiện tượng đóng băng, tăng cường khả năng chặn rỉ sét, làm mát... hãy pha dung dịch nước làm mát động cơ với nước sạch theo tỷ lệ 50/50.

Loại Dung Dịch, Nhớt Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-232

**CẢNH BÁO**

- Hạn chế để động cơ hoạt động ở nhiệt độ môi trường dưới -30°C. Trong trường hợp phải vận hành xe ở nhiệt độ môi trường dưới -30°C, hãy pha dung dịch nước làm mát động cơ với nước sạch theo tỷ lệ 55/45.

Dung Tích Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Lưu ý kiểm tra lại mức nước làm mát động cơ sau khi châm thêm hay thay mới.

Động cơ	Lượng châm nước làm mát [Giá trị tham khảo]
4HK1	18.0 lít (4.76 US gal./ 3.96 Imp gal.)
4JB1	7.3 lít (1.93 US gal./ 1.61 Imp gal.)
4JH1	8.8 lít (2.32 US gal./ 1.94 Imp gal.)
4JJ1	10.0 lít (2.64 US gal./ 2.20 Imp gal.)
4HG1	14.0 lít (3.70 US gal./ 3.08 Imp gal.)
4HL1	NQR : 17.4 lít (4.60 US gal./ 3.83 Imp gal.) NPS I: 16.9 lít (4.47 US gal./ 3.72 Imp gal.)

**CẢNH BÁO**

- Môi chất nước làm mát động cơ có độc tính, không được uống.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước trong khoảng 15 phút và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào da, hãy rửa sạch bằng nước hoặc xà phòng và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Cất kỹ và để xa tầm tay trẻ em.
- Dung dịch làm mát động cơ dễ bén lửa, và vì vậy, nó phải được giữ cách xa các vật bắt lửa và các nguồn nhiệt khác. Dung dịch làm mát động cơ cũng bắt cháy nếu nó chạm vào một bề mặt nóng như các lớp che ống xả. Thực hiện cảnh báo này để tránh hỏa hoạn xảy ra.

**CHÚ Ý**

- Chỉ sử dụng đúng loại dung dịch nước làm mát động cơ được khuyến cáo. Nếu sử dụng không đúng như khuyến cáo sẽ gây ra hiện tượng đóng cặn, rỉ sét trong đường nước động cơ. Và có thể dẫn đến làm nghẹt kết nước.

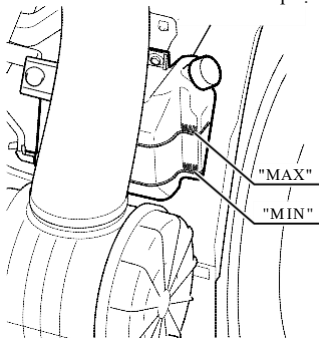
**KHUYẾN CÁO**

- Để giảm tỉ trọng nước làm mát, pha thêm nước sạch
- Sử dụng môi chất nước làm mát động cơ với tỉ lệ đúng như khuyến cáo. Tỉ lệ quá cao hay quá thấp cũng đều gây tác dụng không tốt: động cơ dễ quá nhiệt, giảm khả năng ngăn ngừa rỉ sét.
- Nếu phát hiện mức nước làm mát động cơ giảm đột ngột, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra.

Kiểm Tra Mức Nước Làm Mát Động Cơ

Loại cabin đơn

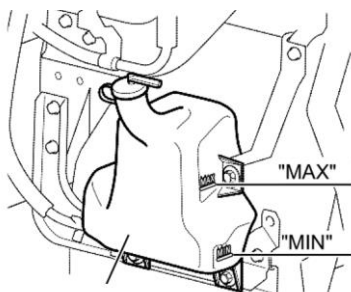
Bình nước phụ



Bình nước phụ được ở phía trước bên phải xe. Khi động cơ đã nguội, phải bảo đảm mức môi chất nước làm mát động cơ trong bình nước phụ không thấp hơn vạch MIN .

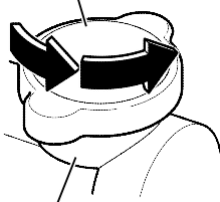
Ngoài ra cũng có thể kiểm tra ở tại nắp két nước. Nhưng chỉ khi nước làm mát động cơ nguội.

Loại cabin đôi



Bình nước phụ

Nắp két nước



Két nước làm mát



CHÚ Ý

- Lưu ý kỹ khi mở nắp két nước.
 - Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp két nước trong khi đang xoay.
 - Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.

Ngoài ra cũng cần kiểm tra kỹ để chắc chắn không có tình trạng rò rỉ nào xảy ra ở cổ két nước hay đường ống nước

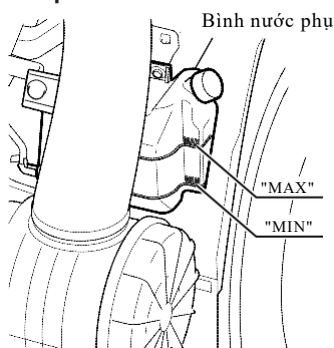


CHÚ Ý

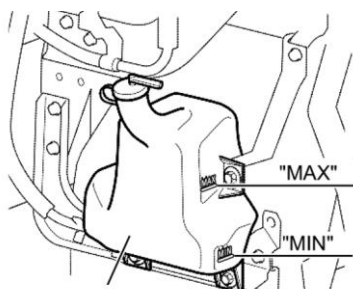
Cố tiếp tục sử dụng động cơ khi rò rỉ nước làm mát động cơ sẽ dẫn đến hiện tượng "bó máy"

Châm Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Loại cabin đơn



Loại cabin đôi



Bình nước phụ

Khi mức dung dịch làm mát động cơ trong bình nước phụ thấp hơn vạch MIN, hãy mở nắp bình nước phụ và châm đến gần vạch MAX bằng hỗn hợp nước máy và dung dịch làm mát ở một tỷ lệ thích hợp. Vặn chặt nắp sau khi châm thêm dung dịch làm mát.



CẢNH BÁO

- Chỉ kiểm tra, châm thêm hoặc thay dung dịch làm mát động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn.



KHUYẾN CÁO

- Đừng châm môi chất nước làm mát động cơ tràn ra khỏi bình nước phụ.
- Kiểm tra bình nước phụ để xác định mức dung dịch làm mát động cơ. Tuy nhiên trong những tình huống mà mức dung dịch trong bình nước phụ tăng hoặc giảm đột ngột, hãy mở nắp két nước và kiểm tra dung dịch bên trong két nước.
- Khi động cơ vẫn còn nóng, cẩn thận tránh để dung dịch làm mát tiếp xúc với các lớp che ống xả. Các tiếp xúc như vậy có thể khiến đường ống xả bị hư.
- Nếu mức dung dịch làm mát động cơ thay đổi nhanh chóng, hãy đưa xe đến đại lý Isuzu.

Thay Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ



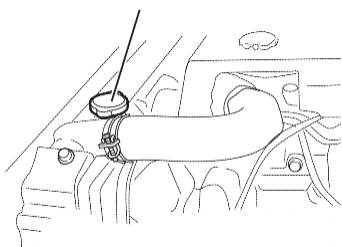
KHUYẾN CÁO

Dung dịch xả ra phải được xử lý theo đúng quy định của nhà nước.

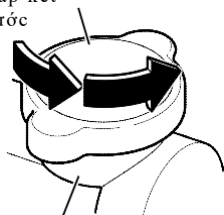
Lượng Nước Làm Mát Động Cơ

Loại động cơ	Lượng nước làm mát động cơ
4HK1	18.0 lít (4.76 US gal./ 3.96 Imp gal.)
4JB1	7.3 lít (1.93 US gal./ 1.61 Imp gal.)
4JH1	8.8 lít (2.32 US gal./ 1.94 Imp gal.)
4JJ1	10.0 lít (2.64 US gal./ 2.20 Imp gal.)
4HG1	14.0 lít (3.70 US gal./ 3.08 Imp gal.)
4HL1	NQR : 17.4 lít (4.60 US gal./ 3.83 Imp gal.) NPS : 16.9 lít (4.47 US gal./ 3.72 Imp gal.)

Nắp kết nước

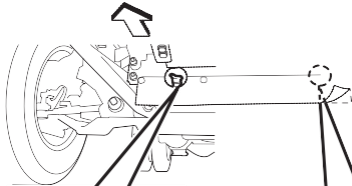


Nắp kết nước



Két nước

Phía trước



4JB1/4JJ1



Nút xả kết nước

4HK1/4HG1
4JH1/4HL1

Nút xả kết nước

Xả Nước Làm Mát Động Cơ

Khi thay dung dịch làm mát động cơ, cần rửa sạch nắp két nước, két nước và đường ống nước.

1. Phải xác định động cơ đã nguội hẳn trước khi bắt đầu làm việc.
2. Tháo nắp két nước.



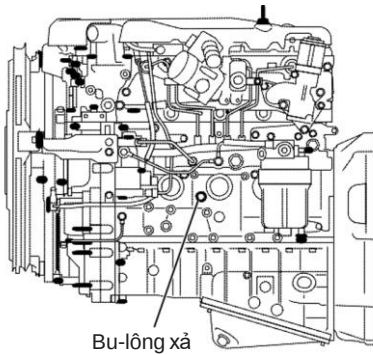
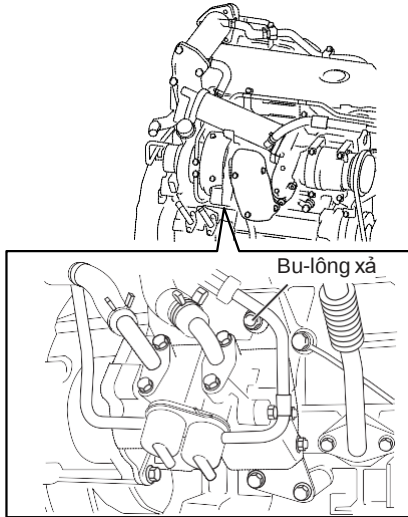
CHÚ Ý

Lưu ý kỹ khi tháo nắp két nước.

- Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp két nước trong khi đang xoay.
- Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.

3. Mở nút xả trên két nước và động cơ để nước làm mát chảy ra.

Đồng thời xả luôn nước làm mát tại bình nước phụ.

Loại động cơ 4JB1/4JH1/4JJ1**Loại động cơ 4HK1/4HG1/4HL1**

4. Gắn lại nút xả vào két nước và động cơ.

Đối với động cơ 4JB1/4JH1/4JJ1, nhớ trét keo LOCTITE® 262 hoặc loại tương tự vào bu-lông xả trước khi gắn lại.

Đối với động cơ 4HK1/4HG1/4HL1, nhớ thay vòng đệm mới trước khi gắn lại bu-lông xả.

Động cơ	Lực siết bu lông xả
4JB1/ 4JH1/ 4JJ1	21.6 N·m (2.2 kgf·m/16 lb·ft)
4HK1/ 4HG1/ 4HL1	22.1 N·m (2.3 kgf·m/17 lb·ft)

**CHÚ Ý**

- Đừng khởi động động cơ nếu không có môi chất nước làm mát động cơ trong két nước.

**KHUYẾN CÁO**

- Vặn lại nút xả két nước bằng tay; đừng dùng kèm hay dụng khác vì có thể dẫn đến hư hỏng.

Rửa Phía Trong Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp

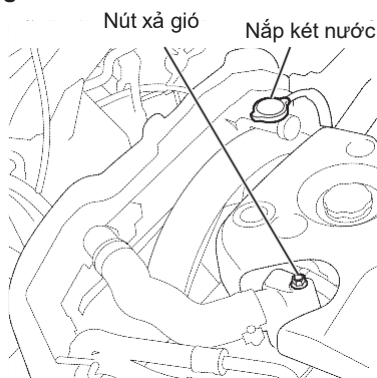
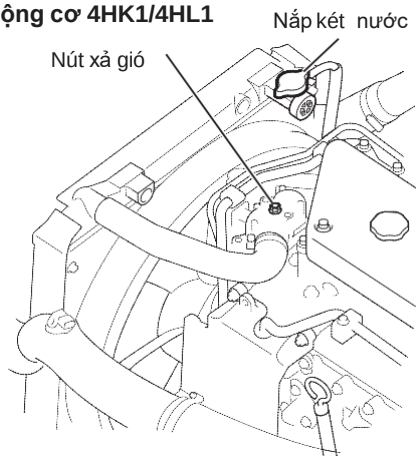
Hiệu quả làm mát bị suy giảm khi có bụi hoặc chất bẩn đóng bên trong két nước.

Điều này cũng làm cho ruột két nước bị mòn. Dùng nước rửa bên trong két nước theo định kỳ.

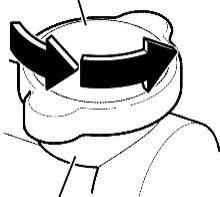
Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp → Tham khảo trang 7- 51

**KHUYẾN CÁO**

Khi rửa bên trong két nước và bộ làm mát khí nạp, tránh làm gãy hoặc hư các cánh, lá tản nhiệt.

Động cơ 4JJ1**Động cơ 4HK1/4HL1**

Nắp kết nước



Két nước

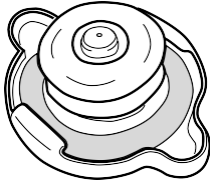
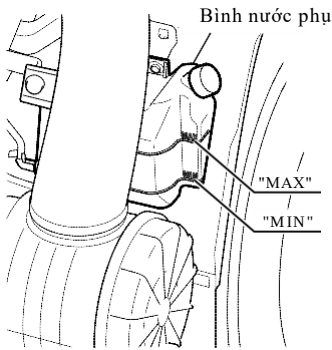
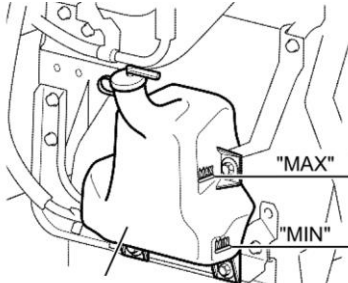
Rửa Đường Ống Nước

- Tháo nút xả gió khỏi ống nước trước khi châm môi chất nước làm mát động cơ.
- Sau khi châm đầy nước, vặn chặt nút xả gió.

Động cơ	Lực siết nút xả gió
4HK1/ 4HL1	18.6 - 28.4 N·m (1.9 - 2.9 kgf·m/14 - 21 lb·ft)
4JJ1	15.3 - 28.4 N·m (1.6 - 2.9 kgf·m/12 - 21 lb·ft)

**CHÚ Ý**

- Lưu ý kỹ khi tháo nắp kết nước.
- Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp kết nước trong khi đang xoay.
- Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.

**Loại cabin đơn****Loại cabin đôi**

Bình nước phụ

1. Hãy xác định động cơ đã nguội hẳn trước khi bắt đầu thực hiện.
2. Hãy kiểm tra và rửa nắp kết nước. Thay nắp mới nếu bị hư.
3. Gắn và vặn chặt nắp kết nước.
4. Nếu đường ống nước bị rạn hay nứt sẽ dẫn đến rò rỉ, hãy thay thế các ống bị hư hỏng.
5. Châm môi chất nước làm mát vào đầy bình nước phụ tới vạch MAX.
6. Đóng nắp bình nước phụ.
7. Khởi động động cơ và chạy ở chế độ cầm chừng trong 20 phút, tắt động cơ đợi nguội, và tháo nước ra.

Thay Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

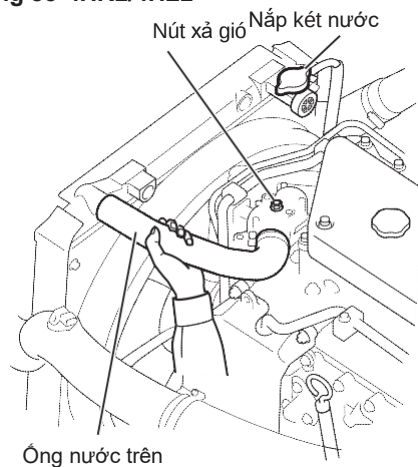
→ Tham khảo trang 7-42

**LƯU Ý**

- Đối với các xe có trang bị cảm biến mức nước làm mát. Nếu sau khi thay nước làm mát và lòn gió vào hệ thống, đèn cảnh báo sẽ sáng lên. Đây không phải là trục trặc hệ thống.

Châm Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ**CHÚ Ý**

- Châm quá nhiều sẽ làm xuất hiện hiện tượng tràn trào ra ngoài môi chất nước làm mát
- Khi hiện tượng này xảy ra, sẽ dễ dẫn đến hiện tượng bó máy. Do đó, luôn phải tuân thủ đúng khuyến cáo.

Động cơ 4HK1/4HL1**Động cơ 4JJ1**

Ống nước trên

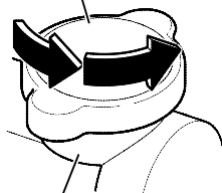
1. Hãy xác định động cơ đã nguội hẳn trước khi bắt đầu thực hiện.
2. Gắn chặt nút xả ở két nước và bu—lông xả trên động cơ.
3. Đối với động cơ 4JB1-4JH1, nhớ trét keo LOCTITE® 262 hoặc loại tương tự vào bu lông xả trước khi gắn lại. Đối với động cơ 4HK1/4HL1, nhớ thay vòng đệm mới trước khi gắn lại bu-lông xả.

Động cơ	Lực siết bulông xả
4JB1/ 4JH1/ 4JJ1	21.6 N·m (2.2 kgf·m/16 lb·ft)
4HK1/ 4HG1/ 4HL1	22.1 N·m (2.3 kgf·m/17 lb·ft)

4. Xả hết không khí còn ở bên trong đường ống nước bằng nút xả gió (nếu có)

Động cơ	Lực siết nút xả gió
4HK1/ 4HL1	18.6 - 28.4 N·m (1.9 - 2.9 kgf·m/14 - 21 lb·ft)
4JJ1	15.3 - 28.4 N·m (1.6 - 2.9 kgf·m/12 - 21 lb·ft)

Nắp két nước



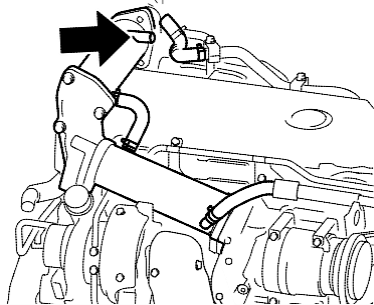
Két nước

5. Bóp ống nước trên của két nước 2 hoặc 3 lần. Nếu động tác này đẩy khí ra khỏi đường ống và mức dung dịch nước làm mát giảm xuống, hãy châm thêm cho đến miệng két nước. Thực hiện tiếp tục động tác này cho đến khi mức dung dịch nước làm mát không giảm nữa.

**CHÚ Ý**

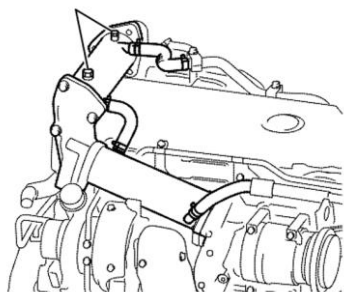
- Lưu ý kỹ khi tháo nắp két nước.
- Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp két nước trong khi đang xoay.
- Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.
- Châm môi chất nước làm mát từ từ, nếu không sẽ gây ra hiện tượng không khí lòn vào bên trong hệ thống.

Bộ làm mát khí xả tuần hoàn EGR không có nút xả gió



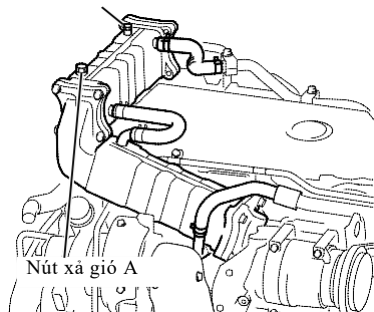
Bộ làm mát khí xả tuần hoàn EGR có nút xả gió (loại 1)

Nút xả gió A



Bộ làm mát khí xả tuần hoàn EGR có nút xả gió (loại 2)

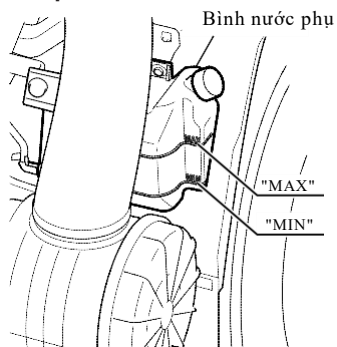
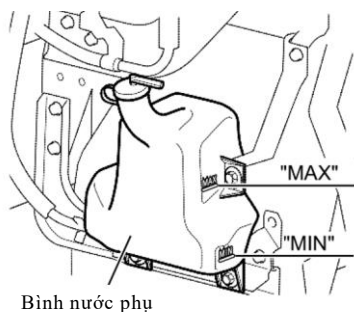
Nút xả gió B



6. Đối với xe sử dụng động cơ 4HK1 có trang bị bộ làm mát khí xả tuần hoàn (EGR), hãy đóng nắp két nước. Sau đó xả hết không khí bằng cách mở nút xả gió trên bộ làm mát khí xả tuần hoàn, sau đó châm thêm môi chất nước làm mát động cơ. Sau khi châm thêm môi chất nước làm mát, siết chặt lại nút xả gió (lưu ý: cần thay vòng đệm mới mỗi lần tháo/ gắn nút xả gió)

Lực siết nút xả gió trên bộ làm mát EGR

Nút xả gió A	34.2 - 48.2 N·m (3.5 - 4.9 kgf·m/25 - 35 lb·ft)
Nút xả gió B	20.6 - 31.4 N·m (2.1 - 3.2 kgf·m/15 - 23 lb·ft)

Loại cabin đơn**Loại cabin đôi**

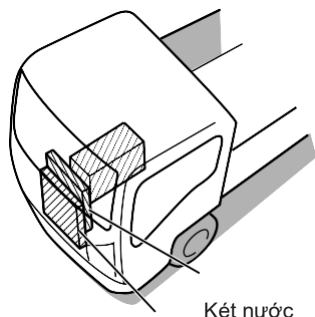
7. Châm thêm nước làm mát cho đến vạch "MAX" tại bình nước phụ.
8. Khởi động và để động cơ hoạt động cầm chừng khoảng 5 phút sau đó tắt động cơ.
9. Sau khi động cơ nguội, tháo nắp két nước. Nếu mực nước giảm, hãy châm thêm nước làm mát cho đến khi đầy két nước. Nếu phát hiện mực nước giảm nhanh sau đó, hãy kiểm tra kỹ xem có sự rò rỉ nào tại bình nước phụ, két nước hay đường ống nước hay không.
10. Gắn lại nắp két nước, để động cơ hoạt động cầm chừng cho đến khi đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát chỉ thị giá trị trung bình. Sau đó cho động cơ hoạt động ở tốc độ sắp xỉ 2,000 vòng/phút trong khoảng 5 phút (trong lúc này nhớ tắt công tắc máy lạnh). Kiểm tra xem van hằng nhiệt có hoạt động hay không bằng cách kiểm tra ống nước phía trên và dưới có nóng hay không.

11. Để động cơ tiếp tục hoạt động cầm chừng trong khoảng 5 phút, sau đó tắt động cơ.
12. Sau khi động cơ nguội, tháo nắp két nước. Nếu mực nước giảm, hãy châm thêm nước làm mát cho đến khi đầy két nước. Nếu phát hiện mực nước giảm nhanh sau đó, hãy kiểm tra kỹ xem có sự rò rỉ nào tại bình nước phụ, két nước hay đường ống nước hay không.
13. Lắp lại từ bước 9 đến nước 11 cho đến khi mực nước trong két nước không sụt giảm.
14. Gắn lại nắp két nước.
15. Châm thêm nước làm mát cho đến vạch "MAX" tại bình nước phụ.
16. Ngày hôm sau, hãy kiểm tra lại lần nữa mực nước trong bình nước phụ, nếu sụt giảm hãy châm thêm cho đến khi mực nước chạm vạch "MAX".

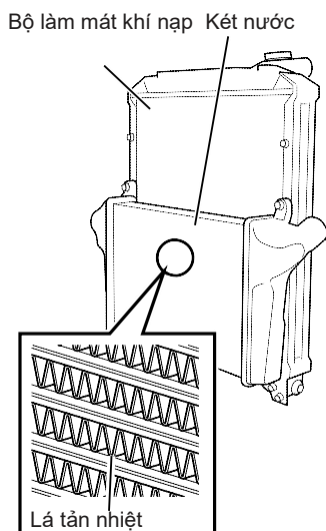
**LƯU Ý**

- Đối với các model xe có trang bị cảm biến mực nước làm mát động cơ, khi thực hiện việc xả gió, đèn cảnh báo thiếu nước làm mát có thể sẽ sáng lên. Điều này là hoàn toàn bình thường, hãy tiếp tục thực hiện các bước đã hướng dẫn để xả gió.

Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp



Bộ làm mát khí nạp



Vệ Sinh Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp

Hiệu quả làm mát sẽ suy giảm nếu có bụi, đất hay chất dơ bên trong lõi kết nước hoặc bộ làm mát khí nạp. Đồng thời cũng có khả năng sẽ tạo ra các chất rỉ sét. Do đó hãy thay mới toàn bộ môi chất nước làm mát sau mỗi 24 tháng. Khi thay nước làm mát hãy đồng thời dùng nước sạch để vệ sinh két nước



CẢNH BÁO

- Phải tắt máy trước khi thực hiện việc vệ sinh két nước hoặc bộ làm mát khí nạp.
- Động cơ, ống xả và két nước sẽ rất nóng sau khi động cơ hoạt động. Hãy cẩn thận đừng để bị phỏng. Hãy thực hiện việc vệ sinh khi động cơ đã nguội.



CHÚ Ý

- Đừng dùng nước có áp lực cao để rửa, nước sẽ làm hư hỏng các lá tản nhiệt.
- Khi vệ sinh két nước hoặc bộ làm mát khí nạp, đừng đụng vào hay làm hư hỏng các lá tản nhiệt.
- Các lá tản nhiệt rất mỏng và dễ biến dạng. Nếu điều này xảy ra, hiệu quả tản nhiệt sẽ giảm đáng kể.

CHÚ Ý (tiếp tục)

CHÚ Ý (tiếp tục)

- Trước khi vệ sinh, cần che chắn để nước không làm hư hỏng các bộ phận, đường dây điện.
- Nếu chất cặn bẩn vẫn còn bám vào két nước hoặc bộ làm mát khí nạp sau khi vệ sinh. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được hướng dẫn và hỗ trợ

Dây Đai Quạt Gió**CHÚ Ý**

Dây đai quạt gió (dạng V) dùng cho model động cơ 4JJ1 và 4HK1 cần điều chỉnh lực căng chính xác hơn là loại dây đai dạng V của các model thông thường. Lực căng đai không phù hợp có thể gây tiếng khua hoặc làm đứt dây.

Khi dây đai quạt bị hư, hệ thống điện cung cấp cho động cơ hoạt động không tốt,

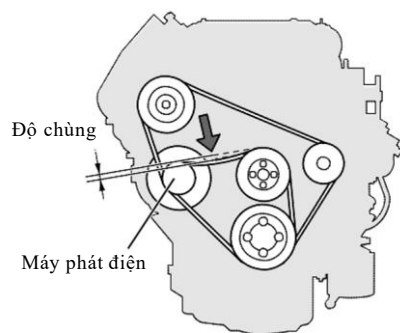
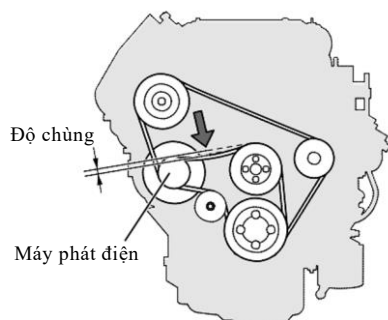
hoặc làm động cơ quá nhiệt. Bạn phải kiểm tra cẩn thận lực căng dây đai quạt làm mát.

Hãy dùng dây đai chính hãng Isuzu khi thay dây thề. [cần tuân theo quy trình điều chỉnh lực căng đai thích hợp]

Hãy điều chỉnh dây đai theo phương pháp dưới đây sau khi gắn dây mới hoặc dùng lại dây cũ:

- Canh chỉnh dây đai cùng rãnh pu-ly và điều chỉnh lực căng đai đúng phương pháp chỉ định.
- Khởi động động cơ, để chạy cầm chừng một phút để cân bằng lực căng đai của cả những đoạn dây giữa những pu-ly.
- Dừng động cơ, kiểm tra độ căng dây đai. Nếu độ căng không thích hợp, hãy canh chỉnh tiêu chuẩn thích hợp.
- Khi thay mới dây đai phải tuân theo thông số kỹ thuật quy định áp dụng cho dây mới.

Kiểm Tra

Động cơ 4HK1 trang bị máy phát điện 50A/60A hoặc động cơ 4HG1/4HL1**Động cơ 4HK1 trang bị máy phát điện 80A/90A****Động cơ 4HK1/4HG1/4HL1**

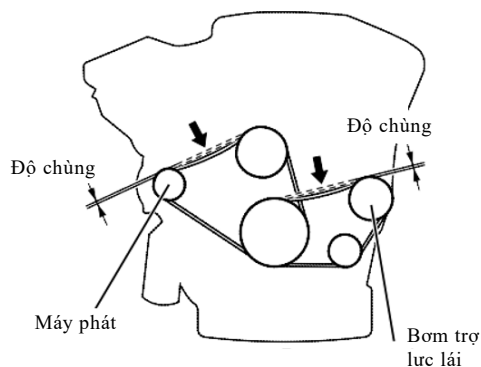
Nhấn vào đoạn dây ở giữa các pu-ly (xem hình) của dây với một lực **98N** (10kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng. Độ chùng dây phải nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới.

Nếu không đúng chỉ định, hãy điều chỉnh lực căng hoặc thay dây.

Nếu kiểm tra bằng máy đo độ căng dây đai, hãy để đầu dò cách dây đai khoảng 10mm, sau đó dùng tay hoặc đầu vít dẹt để khẩy dây đai, và đọc giá trị trên máy đo. Thực hiện việc này 2-3 lần, sau đó tính giá trị trung bình. Nếu tần số rung không nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới, hãy điều chỉnh lực căng đai hoặc thay dây đai mới.

Cũng kiểm tra dây đai quạt để xem có vết nứt hay hư hỏng nào không, nếu có, phải thay mới.

Loại động cơ và máy phát	Độ chùng tiêu chuẩn (đo bằng thước)		Độ chùng (đo bằng máy)
4HK1 50A	Dây mới	5 - 6 mm (0.20 - 0.24 in)	208 - 232 Hz
	Dây cũ	7 - 8 mm (0.28 - 0.31 in)	178 - 190 Hz
4HK1 60A/80A	Dây mới	6 - 7 mm (0.24 - 0.28 in)	179 - 199 Hz
	Dây cũ	8 - 9 mm (0.31 - 0.35 in)	152 - 164 Hz
4HK1 90A	Dây mới	6 - 7 mm (0.24 - 0.28 in)	186 - 208 Hz
	Dây cũ	7 - 9 mm (0.28 - 0.35 in)	158 - 172 Hz
4HG1/4HL1	Dây mới	7 - 9 mm (0.28 - 0.35 in)	140 - 170 Hz
	Dây cũ	9 - 10 mm (0.35 - 0.39 in)	121 - 139 Hz



Động cơ 4JB1/4JH1

Nhấn vào đoạn dây ở giữa các pu-ly (xem hình) của dây với một lực **98N** (10kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng. Độ chùng dây phải nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới.

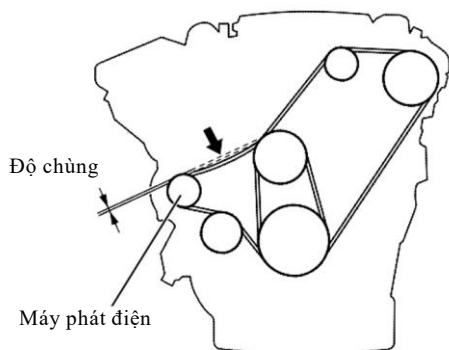
Nếu không đúng chỉ định, hãy điều chỉnh lực căng hoặc thay dây.

Nếu kiểm tra bằng máy đo độ căng dây đai, hãy để đầu dò cách dây đai khoảng 10mm, sau đó dùng tay hoặc đầu vít dẹt để khẩy dây đai, và đọc giá trị trên máy đo. Thực hiện việc này 2-3 lần, sau đó tính giá trị trung bình. Nếu tần số rung không nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới, hãy điều chỉnh lực căng đai hoặc thay dây đai mới.

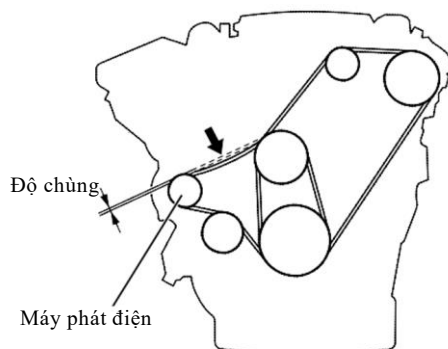
Cũng kiểm tra dây đai quạt để xem có vết nứt hay hư hỏng nào không, nếu có, phải thay mới.

Loại dây đai		Độ chùng tiêu chuẩn (đo bằng thước)	Độ chùng (đo bằng máy)
Máy phát điện	Dây mới	7 - 9 mm (0.28 - 0.35 in)	133 - 157 Hz
	Dây cũ	9 - 11 mm (0.35 - 0.43 in)	112 - 126 Hz
Bơm trợ lực lái	Dây mới	8 - 12 mm (0.31 - 0.47 in)	135 - 165 Hz
	Dây cũ	11 - 13 mm (0.43 - 0.51 in)	117 - 135 Hz

Động cơ 4JJ1 trang bị máy phát điện 50A



Động cơ 4JJ1 trang bị máy phát điện 90A



Động cơ 4JJ1

Nhấn vào đoạn dây ở giữa các pu-ly (xem hình) của dây với một lực **98N** (10kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng. Độ chùng dây phải nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới.

Nếu không đúng chỉ định, hãy điều chỉnh lực căng hoặc thay dây.

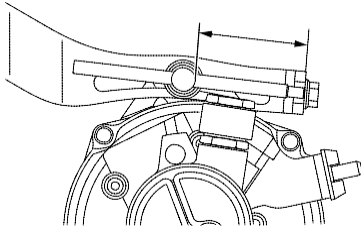
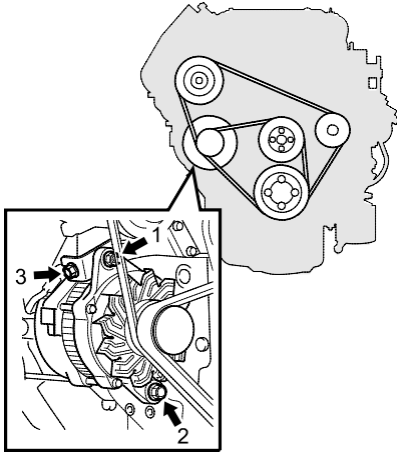
Nếu kiểm tra bằng máy đo độ căng dây đai, hãy để đầu dò cách dây đai khoảng 10mm, sau đó dùng tay hoặc đầu vít dẹp để khẩy dây đai, và đọc giá trị trên máy đo. Thực hiện việc này 2-3 lần, sau đó tính giá trị trung bình. Nếu tần số rung không nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới, hãy điều chỉnh lực căng đai hoặc thay dây đai mới.

Cũng kiểm tra dây đai quạt để xem có vết nứt hay hư hỏng nào không, nếu có, phải thay mới.

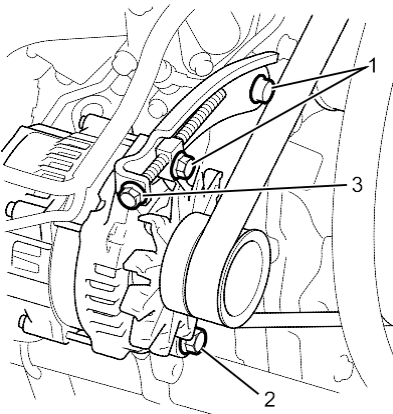
Độ chùng tiêu chuẩn (đo bằng thước)		Độ chùng tiêu chuẩn (đo bằng máy)
Dây mới	4 - 6 mm (0.16 - 0.24 in)	212 - 236 Hz
Dây cũ	6 - 8 mm (0.24 - 0.31 in)	181 - 195 Hz

Điều Chỉnh Và Thay Thế

**Động cơ 4HK1 có máy phát
50A/60A hoặc động cơ 4HG1/4HL1**



Động cơ 4JJ1



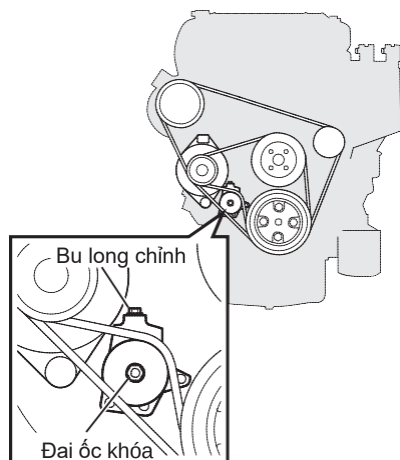
**Động cơ 4HK1 có máy phát
50A/60A hoặc động cơ
4HG1/4HL1**

Điều Chỉnh

1. Nới lỏng đai ốc phần trên và dưới máy phát điện (1, 2).
2. Vận bu-lông (3) cho đến khi lực căng dây đai nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn.
3. Sau khi điều chỉnh, siết chặt tất cả các đai ốc nới lỏng.

Thay thế

1. Tháo dây đai máy nén lạnh.
2. Tháo lỏng đai ốc của máy phát điện (1,2) và rời dây ra khỏi pu-ly.
3. Lấy dây qua phần trống của quạt.
4. Luồn dây đai mới qua phần trống của quạt, và gắn vào trong khi cân chỉnh các rãnh của nó với pu- ly máy phát và pu-ly cốt máy.
5. Vận bu-lông điều chỉnh (3) cho đến khi lực căng dây đai nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn.
6. Sau khi điều chỉnh, hãy vận chặt tất cả những đai ốc và bu-lông còn lỏng.
7. Gắn dây đai máy nén lạnh vào



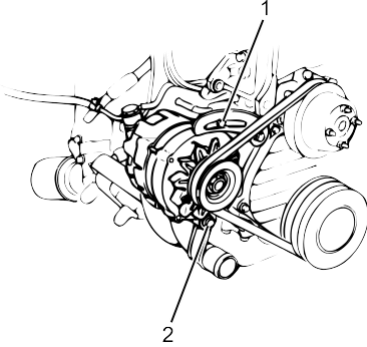
Động cơ 4HK1 trang bị máy phát điện 80A/90

Điều chỉnh

1. Nới lỏng đai ốc khóa bộ căng lực.
2. Điều chỉnh lực căng đai bằng bu-lông điều chỉnh.
3. Khi lực căng đã được điều chỉnh, hãy vặn lại đai ốc khóa bộ căng lực một cách an toàn.

Thay Thế

1. Tháo lỏng đai ốc khóa bộ căng lực.
2. Tháo lỏng bu-lông điều chỉnh và tháo dây đai ra khỏi các pu-ly.
3. Lấy dây ra qua phần trống của quạt.
4. Luồn dây mới qua phần trống của quạt và gắn dây vào trong khi căn chỉnh các rãnh của nó theo các pu-ly.
5. Vặn bu-lông điều chỉnh cho đến khi lực căng dây đai nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn.
6. Trong khi lực căng dây đai đã được điều chỉnh, hãy vặn đai ốc khóa bộ căng lực một cách an toàn.

Động cơ 4JB1/4JH1**Điều Chỉnh**

1. Tháo lỏng các đai ốc trên và dưới (1, 2).
2. Điều chỉnh lực căng dây đai theo giá trị tiêu chuẩn. Sau khi điều chỉnh, hãy vặn chặt các đai ốc và bu-lông đã nới lỏng.

Thay Thế

1. Vặn lỏng các đai ốc trên và dưới của máy phát điện (1,2) và tháo dây đai ra khỏi pu-ly.
2. Lấy dây curoa ra qua khoảng trống của quạt.
3. Luồn dây mới vào qua khoảng trống của quạt và gắn dây trong khi căn chỉnh các rãnh của nó theo pu-ly máy phát và pu-ly cốt máy.
4. Điều chỉnh lực căng dây theo giá trị tiêu chuẩn. Sau khi điều chỉnh hãy vặn chặt các đai ốc và bu-lông đã nới lỏng.

Bộ Lọc Gió

Lọc gió bị nghẹt sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của động cơ cũng như mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Do đó cần phải vệ sinh và kiểm tra tình trạng lọc gió thường xuyên theo khuyến cáo của lịch bảo dưỡng.

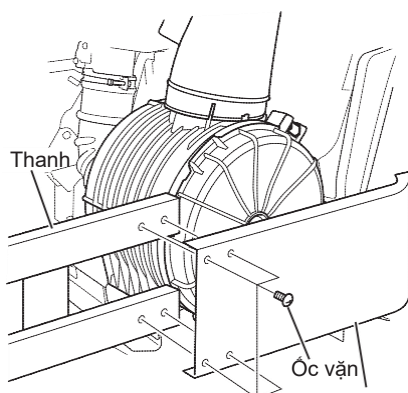
**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng phụ tùng lọc gió chính hãng Isuzu.

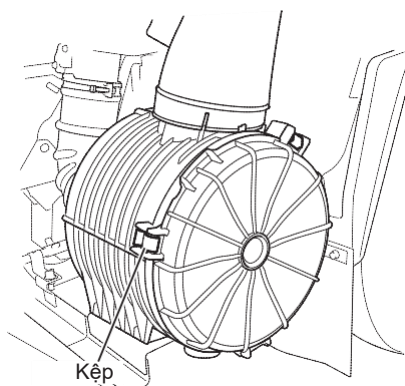
Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

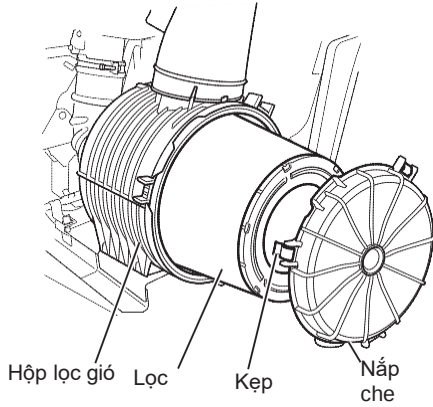
Thay Lọc Gió

1. Tháo lỏng 3 kẹp và tháo nắp bộ lọc gió.



2. Tháo bầu lọc gió bằng cách kéo về phía bạn.



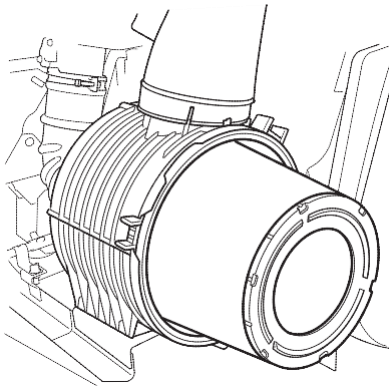
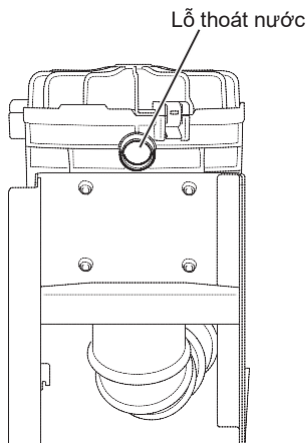


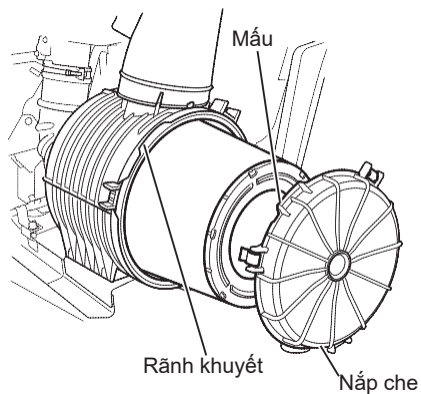
3. Tháo tấm lọc gió bằng cách kéo về phía bạn

4. Loại bỏ bụi dư trong nắp bầu lọc gió và hộp lọc gió.

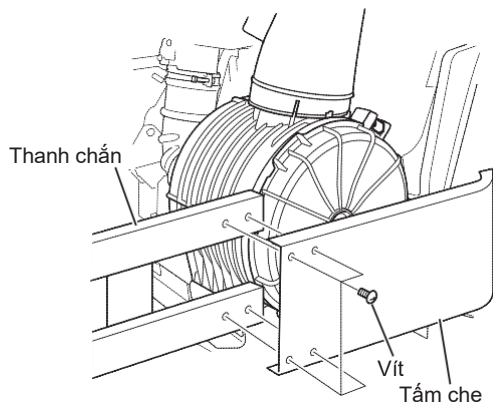
5. Rửa sạch lỗ thông hơi dưới đáy hộp lọc gió.

6. Đặt bộ lọc gió trở vào đúng vị trí trong hộp.



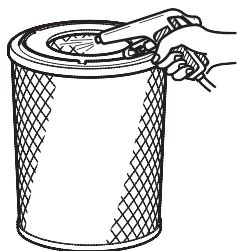


7. Gắn lại nắp hộp bộ lọc gió. Canh thẳng hàng rãnh khuyết bên trái của hộp với mẫu trên nắp. Giữ chặt nắp đúng vị trí bằng cách khóa 3 kẹp lại.



8. Gắn tấm chắn ngang vào (nếu có) và làm ngược lại với hướng dẫn tháo

Làm Sạch Bộ Lọc Gió



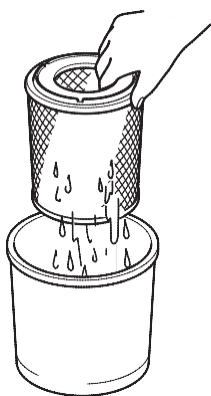
Chọn một trong những phương pháp làm sạch sau đây tùy thuộc vào mức độ bẩn của lọc gió.

- b. Làm sạch khi lọc gió bị đen bởi khói nhớt hoặc bồ hóng.
- c. Xoay lọc gió và thổi bằng khí nén với sức ép 690 kPa (7.0 kgf/cm²/100 psi) từ bên trong ra ngoài để loại bỏ bụi.
- d. Kiểm tra lọc có bị hư hoặc có chỗ mỏng đi không.



KHUYẾN CÁO

- Không được thổi bằng khí nén theo hướng từ ngoài vào trong. Điều này sẽ làm bụi bẩn bám sâu hơn vào lọc.



- 1. Làm sạch khi lọc gió bị đen bởi khói nhớt hoặc bồ hóng.
- a. Ngâm lọc gió trong hỗn hợp nước và chất tẩy hòa tan trong 30 phút.
- b. Lấy lọc gió ra khỏi dung dịch chất tẩy và dùng nước máy rửa sạch.
- c. Sau khi rửa, hãy để lọc gió khô tự nhiên ở nơi thoáng gió



KHUYẾN CÁO

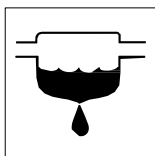
- Không đập hoặc giữ mạnh lọc gió vì có thể gây hư hỏng.
- Thời gian phơi khô có thể mất 2 hoặc 3 ngày. Chúng tôi khuyên bạn nên dùng lọc gió dự phòng trong khi chờ đợi.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu (tại bộ lọc ở khung xe và động cơ) theo lịch bảo dưỡng. Xả nước khi đèn cảnh báo bộ tách nước (lọc nhiên liệu) phát sáng.

(Đối với các loại xe có bộ lọc thô, hãy xả nước khỏi các bộ lọc tại khung xe và động cơ.)

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Đèn Cảnh Báo Bộ Tách Nước (Lọc Nhiên Liệu)

Khi có một lượng nước tích tụ trong bộ tách nước (lọc nhiên liệu động cơ), đèn cảnh báo bộ tách nước sẽ phát sáng.

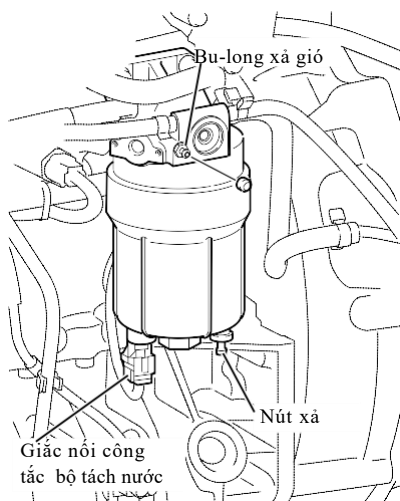
Khi điều này xảy ra, hãy xả nước và đảm bảo đèn cảnh báo đã tắt. (Đối với các loại xe có bộ lọc thô, hãy xả nước ra khỏi các bộ lọc tại khung xe cùng động cơ và bảo đảm rằng đèn cảnh báo tắt).

**CHÚ Ý**

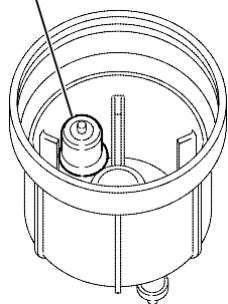
- Nước còn sót lại trong bộ tách nước có thể đông đặc và làm hỏng xe.
- Nếu đèn cảnh báo phát sáng trong khi động cơ đang vận hành, lập tức xả nước ra khỏi bộ tách nước (lọc nhiên liệu). Nếu tiếp tục lái xe khi đèn phát sáng có thể gây hỏng bơm nhiên liệu. Nếu điều này xảy ra, hãy đem xe đến kiểm tra và sửa chữa tại đại lý Isuzu gần nhất.

Xả Nước Khỏi Lọc Nhiên Liệu → Tham khảo trang 7-84

Thay Lọc Nhiên Liệu



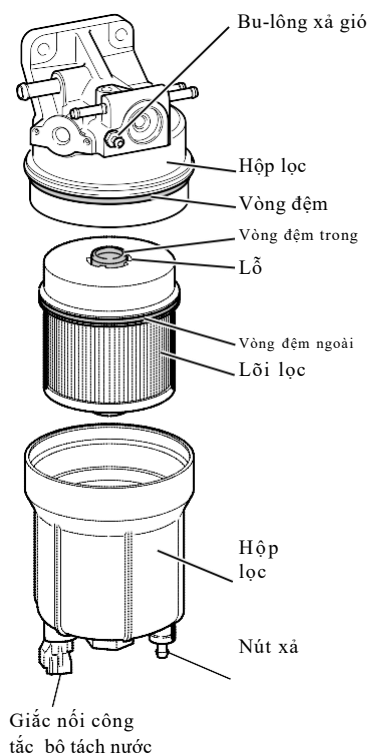
Phao

**Động cơ 4HK1/4JJ1****Lọc nhiên liệu trên động cơ**

1. Tháo lỏng nút xả ở đáy hộp lọc. Tháo nắp cao su của bu-lông xả gió rồi vặn lỏng. Điều này cho phép nhiên liệu trong hộp lọc thoát ra khỏi nút xả. Vặn chặt bu-lông xả gió.
2. Tháo giắc nối công tắc bộ lọc nước.
3. Dùng cờ-lê 29 cm (1,14 in) để vặn phần lục giác ở đáy của hộp lọc ngược chiều kim đồng hồ và tháo hộp lọc ra..

**KHUYẾN CÁO**

- Kiểm tra xem phao dưới đáy hộp lọc có di chuyển trơn tru hay không.
- Gắn giắc nối công tắc bộ tách nước, sau đó lộ ngược hộp lọc và kiểm tra đèn báo tách nước có sáng hay không.
- Vệ sinh sạch sẽ bên trong hộp lọc.



3. Rút lọc hướng xuống và tháo vòng đệm.

Dùng khăn sạch để lau chất bẩn đã đóng ở mặt trong của hộp lọc.



KHUYẾN CÁO

- Hãy dùng giẻ để lau sạch các chất dơ, đừng dùng hơi khí nén bởi vì các chất dơ sẽ bị đẩy sâu vào các đường ống nhiên liệu, gây ra tắc nghẽn.

4. Gắn các vòng đệm O vào hộp bộ lọc, đảm bảo rằng nó không bị hư.

5. Sau khi dùng dầu diesel rửa sơ mặt trong và ngoài của vòng đệm lọc mới, hãy đẩy lưới lọc vào cho đến khi nó chạm vào hộp lọc.



KHUYẾN CÁO

- Đừng để chất bẩn lọt vào bốn lỗ kế bên vòng đệm trong.

6. Sau khi dùng dầu diesel rửa sơ mặt trong của hộp lọc hoặc vòng đệm, hãy vận hộp lọc theo chiều kim đồng hồ cho đến khi nó chạm đáy phần thân bộ lọc. Nếu phần dưới của bộ lọc không chạm vào phần thân bộ lọc, lọc đã không được đẩy vào hết mức. Hãy đẩy lại lõi lọc trong khi vận nắp.

**CẢNH BÁO**

- Khi ráp hộp lọc, hãy cẩn thận đừng để vòng đệm bị kẹt. Điều này có thể khiến rò rỉ nhiên liệu và gây cháy.

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng lọc nhiên liệu chính hãng Isuzu.
- Khi thay lọc mới cần thay luôn cả vòng đệm mới.
- Hủy bỏ lọc cũ đã thay theo đúng quy định nhà nước.

7. Gắn lại hộp lọc.

Lực siết hộp lọc

51 - 61 N·m (5.2 - 6.2 kgf·m/38 - 45 lb·ft)

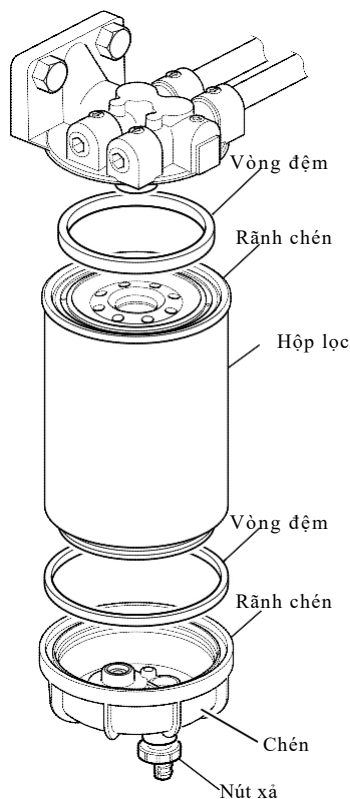
8. Vặn chặt nút xả và gắn giắc mắc
cắm công tắc bộ tách nước.

9. Xả gió khỏi hệ thống nhiên liệu.

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động Cơ 4HK1/4JJ1) → Tham khảo trang 8-17

**CẢNH BÁO**

- Sau khi hoàn tất, cần kiểm tra xem có hiện tượng rò rỉ nhiên liệu hay không. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.

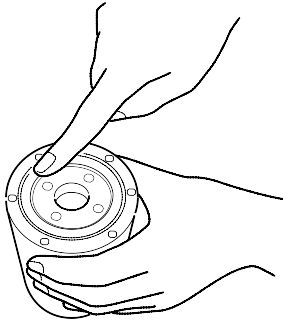
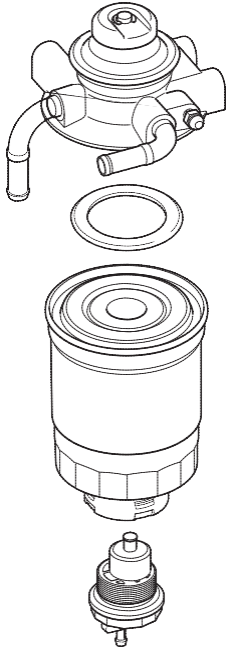
Động cơ 4JJ1**Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe**

1. Tháo lỏng nút xả ở đáy chén để xả nhiên liệu bên trong bộ lọc.
2. Vận hộp lọc ngược chiều kim đồng hồ để tháo và gỡ nó ra khỏi phần đầu bộ lọc.
3. Vận chén ngược chiều kim đồng hồ để rời lỏng và tháo nó ra khỏi hộp.
4. Bôi dầu diesel sạch vào và gắn vòng đệm mới vào rãnh chén, vận chén cho đến khi vòng đệm lọt vào đúng vị trí một cách chắc chắn.
5. Dùng dầu diesel châm đầy hộp lọc mới để bảo đảm dễ xả gió.
6. Gắn vòng đệm mới vào rãnh phía trên hộp, dùng dầu diesel sạch rưới sơ vào nó và vận hộp vào đầu bộ lọc cho đến khi vòng đệm lọt vào đúng vị trí một cách chắc chắn. Trong quá trình làm, hãy cẩn thận đừng để tràn dầu diesel từ bên trong.
7. Dùng dụng cụ siết lọc và vận hộp và chén $\frac{1}{2}$ đến $\frac{2}{3}$ vòng. [Lực siết tiêu chuẩn cho cả hộp và chén là 10N.m (1kgf.m/87lb.in).
8. Vận chặt nút xả và xả gió khỏi hệ thống

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động Cơ 4HK1/4JJ1) → Tham khảo trang 8-17

**CẢNH BÁO**

- Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy nổ máy để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.



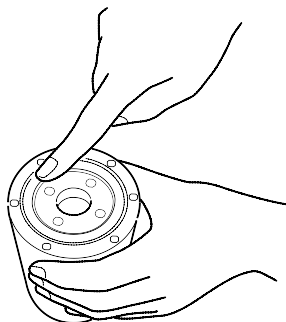
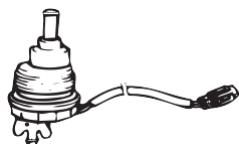
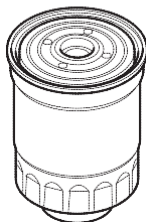
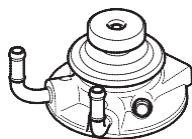
Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe (Kiểu 2)

1. Dùng dụng cụ chuyên dụng để tháo lọc.
2. Tháo cảm biến tách nước.
3. Gắn cảm biến tách nước vào hộp mới.
4. Rửa chỗ nối giữ hộp và phần thân bộ lọc để bảo đảm lọt khí vào hộp.
5. Dung dầu nhớt rưới sơ lên vòng đệm của hộp.
6. Để dễ xả gió khỏi hệ thống lọc nhiên liệu, dùng dầu diesel châm đầy hộp lọc mới.
7. Gắn hộp lọc vào bằng cách vặn nó cho đến khi vòng đệm O chạm vào mặt nổi. Thực hiện việc này hết sức cẩn thận để không làm tràn dầu diesel ra khỏi hộp lọc.
8. Dùng dụng cụ chuyên dùng để vặn chặt hộp lọc thêm 1/3 đến 2/3 vòng.



CẢNH BÁO

- Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy nổ máy để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.



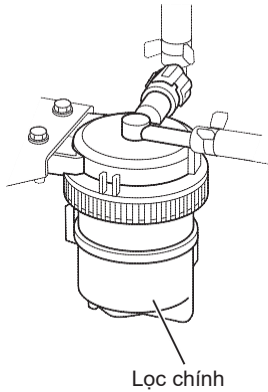
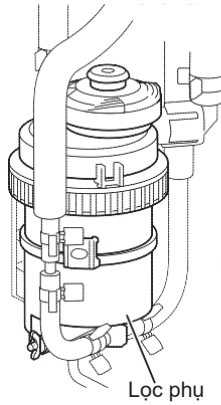
Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe (Kiểu 3)

1. Dùng dụng cụ chuyên dụng để tháo lọc.
2. Tháo cảm biến tách nước.
3. Gắn cảm biến tách nước vào hộp mới.
4. Rửa chỗ nối giữa hộp và phần thân bộ lọc để bảo đảm lọt khí vào hộp.
5. Dung dầu nhớt rưới sơ lên vòng đệm của hộp.
6. Để dễ xả gió khỏi hệ thống lọc nhiên liệu, dùng dầu diesel châm đầy hộp lọc mới.
7. Gắn hộp lọc vào bằng cách vặn nó cho đến khi vòng đệm O chạm vào mặt nổi. Thực hiện việc này hết sức cẩn thận để không làm tràn dầu diesel ra khỏi hộp lọc.
8. Dùng dụng cụ chuyên dùng để vặn chặt hộp lọc thêm 1/3 đến 2/3 vòng.

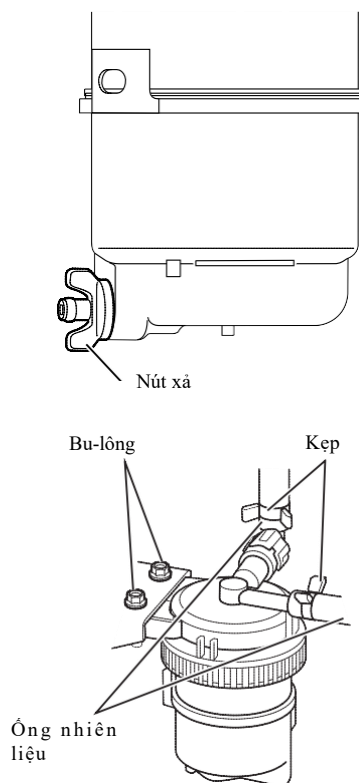


CẢNH BÁO

- Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy nổ máy để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.

Lọc Chính**Lọc phụ****Động Cơ 4JH1**

Động cơ này trang bị 02 lọc nhiên liệu lọc chính và lọc phụ. Khi thay thế cần đồng thời cả 2 lọc. Tùy theo thị trường mà vị trí lọc có thể thay đổi.

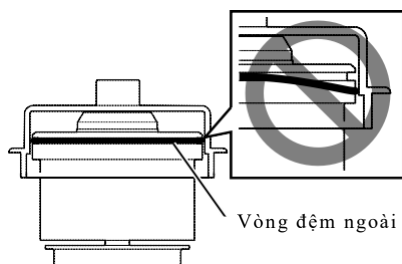
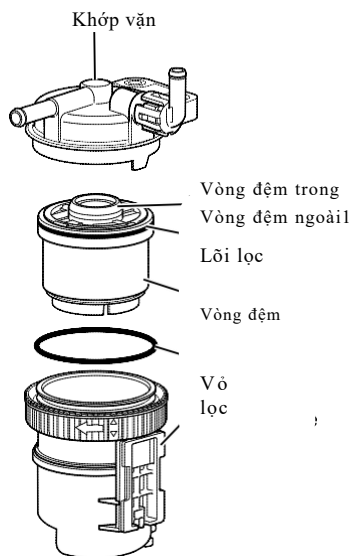
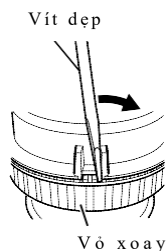
**Lọc Nhiên Liệu Chính**

1. Gắn ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia hướng vào chậu hứng nhiên liệu xả ra
2. Xoay nút xả để xả nhiên liệu ra. Siết chặt lại nút x
3. Bóp mạnh đầu kẹp và tháo rời các ống nhiên liệu.

**CHÚ Ý**

Cần bịt kín các đầu ống nhiên liệu sau khi tháo ra, nếu không bụi đất có thể lọt vào bên trong ống.

4. Tháo rời các bu-lông và cụm lọc nhiên liệu chính.



5. Đưa đầu vít đậy vào rãnh trên khớp vặn tại vỏ lọc và xoay nhẹ để mở, sau đó tiếp tục xoay vỏ lọc bằng tay.
6. Tháo rời hoàn toàn vỏ lọc và lõi lọc.
7. Tháo rời vòng đệm.
8. Dùng giẻ sạch để lau sạch các chất cặn bẩn bên trong vỏ lọc, đồng thời kiểm tra tình trạng của phao bên trong vỏ lọc.

**CHÚ Ý**

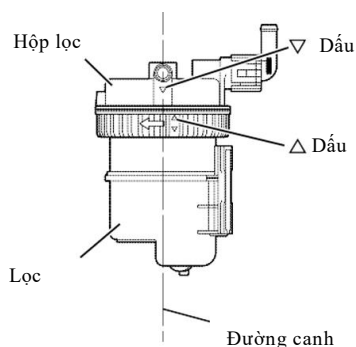
Dùng giẻ sạch để lau, đừng dùng hơi khí nén. Nếu không chất bẩn có thể lọt vào bên trong đường ống nhiên liệu, gây tắc nghẽn.

9. Trước khi thay mới vòng đệm, cần bôi một ít dầu diesel lên nó.
10. Bôi một ít dầu diesel lên vòng đệm trong và vòng đệm ngoài.
Gắn trở lại lõi lọc nhiên liệu mới vào vỏ lọc.

**CHÚ Ý**

Sau khi thay mới lõi lọc, cần kiểm tra kỹ vòng đệm trong và ngoài đã được gắn đúng cách hay chưa.

Nếu có sai sót, các chất bụi bẩn sẽ có thể lọt vào bên trong hệ thống đường ống nhiên liệu, gây hư hỏng động cơ.



11. Dùng tay gắn vỏ lọc vào hộp lọc.
12. Xoay vỏ và hộp sao cho dấu $\triangle$ trùng với dấu ∇ .
13. Gắn trở lại cụm lọc nhiên liệu và siết chặt các bu-lông.

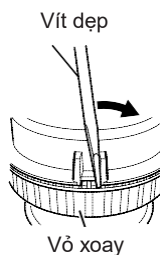
Lực siết tiêu chuẩn

13.7 - 23.5 N·m
(1.4 - 2.4 kgf·m/10.1 - 17.3 lb·ft)

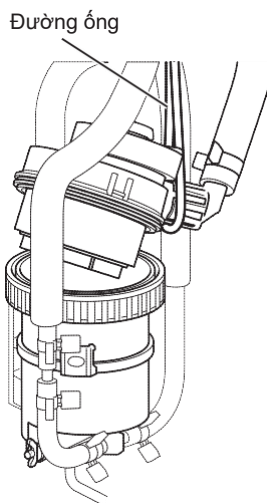
14. Gắn trả lại các đường ống nhiên liệu.

**CẢNH BÁO**

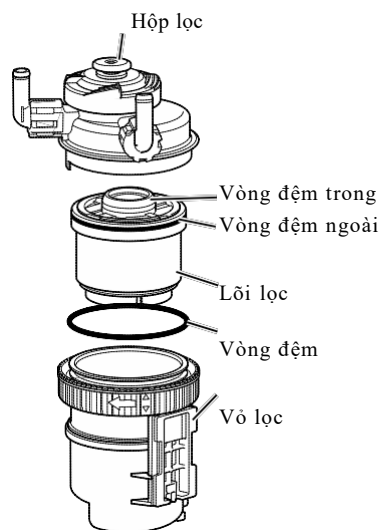
•Kiểm tra kỹ xem các đường ống nhiên liệu có dấu hiệu bị rạn hoặc nứt hay không. Nếu phát hiện, hãy thông báo cho đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và sửa chữa.

**Lọc Nhiên Liệu Phụ**

1. Đưa đầu vít dẹp vào rãnh trên khớp vặn tại vỏ lọc và xoay nhẹ để mở, sau đó tiếp tục xoay vỏ lọc bằng tay.
2. Xoay khớp vặn và kéo rời hộp lọc khỏi vỏ lọc.

**LƯU Ý**

Trước khi kéo rời hộp lọc ra khỏi vỏ, hãy dùng dây quấn chặt đầu đường ống nhiên liệu để ngăn nhiên liệu chảy trào ra.

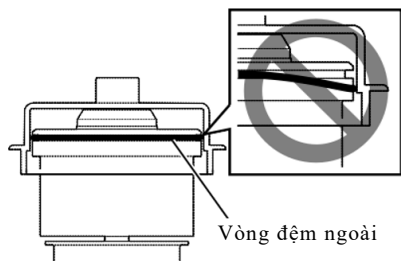


3. Tháo rời lõi lọc.
4. Gắn một ống nhựa vào nút xả ở dưới vỏ lọc, đầu kia của ống đưa vào chậu hứng nhiên liệu xả ra.
5. Vận nút xả để xả nhiên liệu; sau đó vận chặt nút x
6. Tháo rời vòng đệm.
7. Dùng giẻ sạch để lau sạch các chất cặn bẩn bên trong vỏ lọc, đồng thời kiểm tra tình trạng của phao bên trong vỏ lọc.

**CHÚ Ý**

Dùng giẻ sạch để lau, đừng dùng hơi khí nén. Nếu không chất bẩn có thể lọt vào bên trong đường ống nhiên liệu, gây tắc nghẽn.

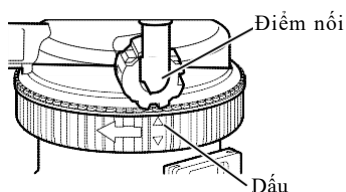
8. Bôi một ít dầu diesel vào vòng đệm và gắn trở lại vào vỏ lọc.



9. Bôi một ít dầu diesel sạch vào vòng đệm trong và ngoài.
Gắn trở lại lõi lọc.

**CHÚ Ý**

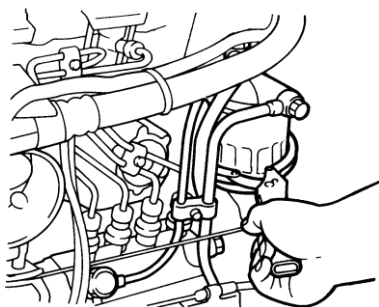
Sau khi gắn trở lại lõi lọc, cần kiểm tra vòng đệm ngoài đã gắn chặn vào rãnh hay chưa. Nếu không thực hiện đúng, bụi bẩn có thể lọt vào hệ thống nhiên liệu, gây hư hỏng cho động cơ.



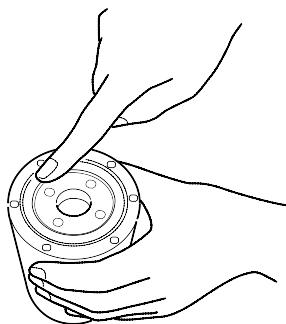
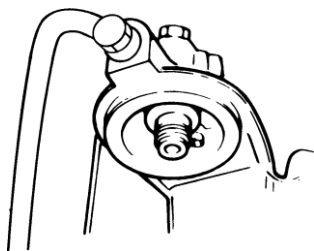
10. Trong khi gắn vỏ lọc vào hộp lọc cần canh sao cho sau khi gắn các dấu △ phải trùng với nhau.
11. Xả gió khỏi hệ thống nhiên liệu.
12. Khởi động động cơ và kiểm tra xe có hiện tượng rò rỉ nhiên liệu nào hay không.

**CẢNH BÁO**

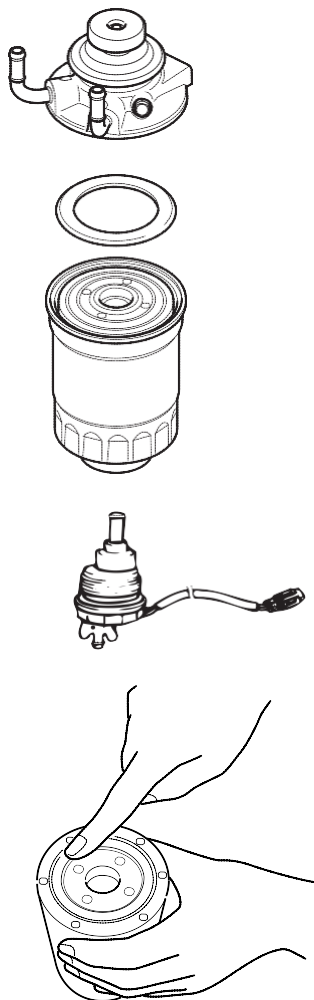
Kiểm tra kỹ xem các đường ống nhiên liệu có dấu hiệu bị rạn hoặc nứt hay không. Nếu phát hiện, hãy thông báo cho đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và sửa chữa.

**Động cơ 4HG1****Lọc Nhiên Liệu Tại Động Cơ**

1. Dùng dụng cụ chuyên dùng kẹp chặt vào vỏ lọc và vặn ngược chiều kim đồng hồ.
2. Vệ sinh sạch sẽ bề mặt của hộp lọc.
3. Bôi nhớt vào vòng đệm, sau đó gắn trở lại lọc nhiên liệu theo chiều kim đồng hồ.

**CẢNH BÁO**

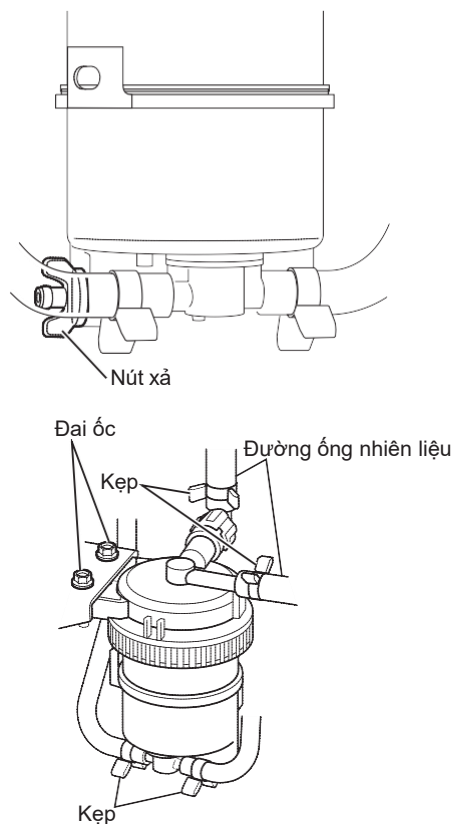
Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy khởi động động cơ để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy .

**Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe**

1. Dùng dụng cụ chuyên dùng tháo rời lọc khỏi hộp lọc.
2. Tháo cảm biến.
3. Gắn trở lại cảm biến vào lọc nhiên liệu mới.
4. Vệ sinh sạch sẽ bề mặt tiếp xúc của hộp lọc.
5. Bôi ít nhớt sạch vào vòng đệm.
6. Để dễ xả gió, hãy châm đầy nhiên liệu diesel vào lọc nhiên liệu.
7. Gắn trở lại lọc nhiên liệu vào hộp lọc.
8. Xoay 1/3 đến 2/3 vòng để siết chặt lọc nhiên liệu.

**CẢNH BÁO**

Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy khởi động động cơ để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.

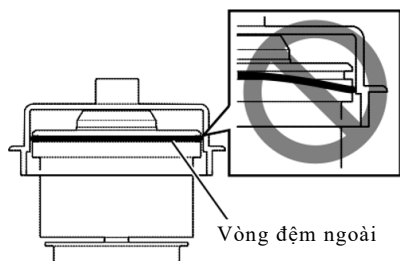
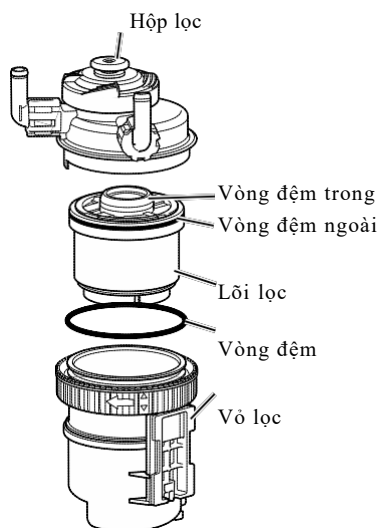
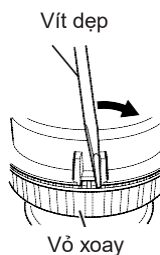
**Động cơ 4HL1****Lọc Nhiên Liệu Chính**

1. Gắn ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia hướng vào chậu hứng nhiên liệu xả ra
2. Xoay nút xả để xả nhiên liệu ra. Siết chặt lại nút xả.
3. Bóp mạnh đầu kẹp và tháo rời các ống nhiên liệu.

**CHÚ Ý**

Cần bịt kín các đầu ống nhiên liệu sau khi tháo ra, nếu không bụi đất có thể lọt vào bên trong ống.

4. Tháo rời các bu-lông và cụm lọc nhiên liệu chính.



5. Đưa đầu vít dẹp vào rãnh trên khớp vặn tại vỏ lọc và xoay nhẹ để mở, sau đó tiếp tục xoay vỏ lọc bằng tay.
6. Tháo rời hoàn toàn vỏ lọc và lõi lọc.
7. Tháo rời vòng đệm.
8. Dùng giẻ sạch để lau sạch các chất cặn bẩn bên trong vỏ lọc, đồng thời kiểm tra tình trạng của phao bên trong vỏ lọc.

**CHÚ Ý**

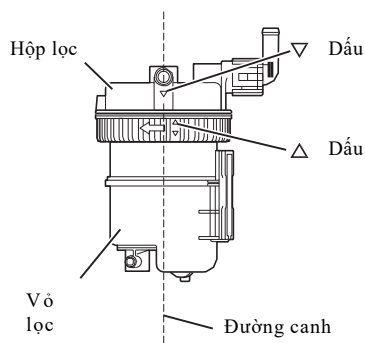
Dùng giẻ sạch để lau, đừng dùng hơi khí nén. Nếu không chất bẩn có thể lọt vào bên trong đường ống nhiên liệu, gây tắc nghẽn.

9. Trước khi thay mới vòng đệm, cần bôi một ít dầu diesel lên nó.
 10. Bôi một ít dầu diesel lên vòng đệm trong và vòng đệm ngoài.
- Gắn trở lại lõi lọc nhiên liệu mới vào vỏ lọc.

**CHÚ Ý**

Sau khi thay mới lõi lọc, cần kiểm tra kỹ vòng đệm trong và ngoài đã được gắn đúng cách hay chưa.

Nếu có sai sót, các chất bụi bẩn sẽ có thể lọt vào bên trong hệ thống đường ống nhiên liệu, gây hư hỏng động cơ.



11. Dùng tay gắn vỏ lọc vào hộp lọc.
12. Xoay vỏ và hộp sao cho dấu $\triangle$ trùng với dấu ∇ .
13. Gắn trở lại cụm lọc nhiên liệu và siết chặt các bu-lông.

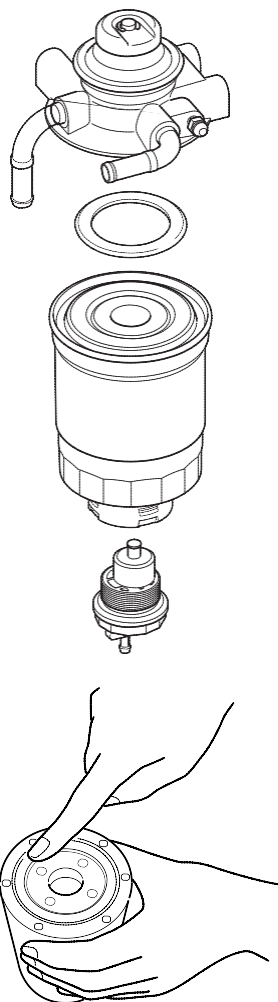
Lực siết tiêu chuẩn

13.7 - 23.5 N·m $\triangle$
(1.4 - 2.4 kgf·m/10.1 - 17.3 lb·ft) ∇

14. Gắn trả lại các đường ống nhiên liệu.

**CẢNH BÁO**

•Kiểm tra kỹ xem các đường ống nhiên liệu có dấu hiệu bị rạn hoặc nứt hay không. Nếu phát hiện, hãy thông báo cho đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và sửa chữa.

**Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe**

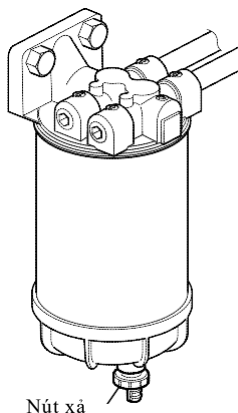
1. Dùng dụng cụ chuyên dùng tháo rời lọc khỏi hộp lọc.
2. Tháo cảm biến.
3. Gắn trở lại cảm biến vào lọc nhiên liệu mới.
4. Vệ sinh sạch sẽ bề mặt tiếp xúc của hộp lọc.
5. Bôi ít nhớt sạch vào vòng đệm.
6. Để dễ xả gió, hãy châm đầy nhiên liệu diesel vào lọc nhiên liệu.
7. Gắn trở lại lọc nhiên liệu vào hộp lọc.
8. Xoay 1/3 đến 2/3 vòng để siết chặt lọc nhiên liệu.

**CẢNH BÁO**

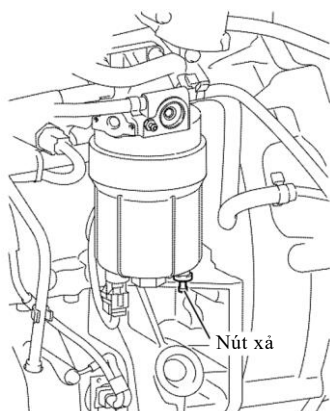
Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy khởi động động cơ để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.

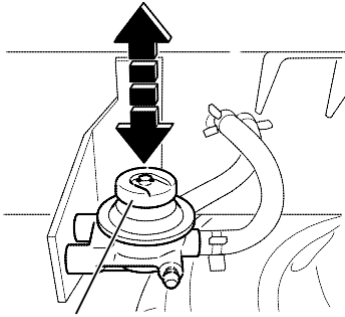
Xả Nước Khỏi Lọc Nhiên Liệu**Động Cơ 4JJ1****Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe**

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thùng chứa nhiên liệu xả ra.
2. Nới lỏng nút xả để xả nhiên liệu và nước ra khỏi lọc. Sau đó siết chặt lại nút xả.
3. Việc xả nước này cần phải thực hiện ngay bất cứ khi nào “Đèn Cảnh Báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” sáng lên.

**Động cơ 4JJ1/4HK1****Lọc Nhiên Liệu Tại Động Cơ**

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thùng chứa nhiên liệu xả ra.



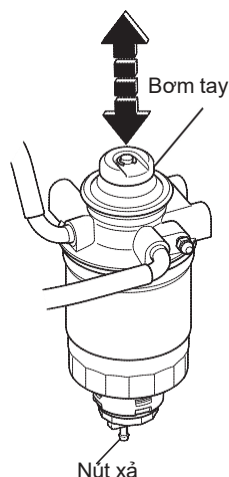


Bơm tay

2. Nới lỏng nút xả, đồng thời dùng tay ấn bơm tay từ 10 đến 20 lần.
3. Siết chặt lại nút xả, sau đó dùng tay ấn bơm tay thêm vài lần nữa.
4. Khởi động động cơ và kiểm tra có hay không hiện tượng rò rỉ nhiên liệu. Đồng thời cũng kiểm tra xem “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” có sáng hay không.

**CHÚ Ý**

- Lau sạch các nhiên liệu chảy tràn ra.
- Việc khởi động lại động cơ sau khi xả nước/ nhiên liệu có thể sẽ mất thời gian hơn thông thường. Nếu động cơ không thể khởi động sau khi xoay chìa khóa về vị trí “Start” 10 giây, hãy đợi và thử lại sau một thời gian ngắn.
- Xử lý nước/nhiên liệu xả ra theo đúng quy định nhà nước.
- Hãy tham khảo ý kiến của các đại lý Isuzu nếu “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” sáng thường xuyên.



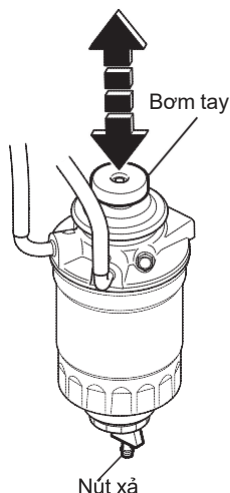
Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe (Động Cơ 4HK1/4JJ1)

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thùng chứa nhiên liệu xả ra.
2. Nới lỏng nút xả, đồng thời dùng tay ấn bơm tay từ 10 đến 20 lần.
3. Siết chặt lại nút xả, sau đó dùng tay ấn bơm tay thêm vài lần nữa.
4. Khởi động động cơ và kiểm tra có hay không hiện tượng rò rỉ nhiên liệu. Đồng thời cũng kiểm tra xem “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” có sáng hay không.



CHÚ Ý

- Lau sạch các nhiên liệu chảy tràn ra.
- Việc khởi động lại động cơ sau khi xả nước/ nhiên liệu có thể sẽ mất thời gian hơn thông thường. Nếu động cơ không thể khởi động sau khi xoay chìa khóa về vị trí “Start” 10 giây, hãy đợi và thử lại sau một thời gian ngắn.
- Xử lý nước/ nhiên liệu xả ra theo đúng quy định nhà nước.



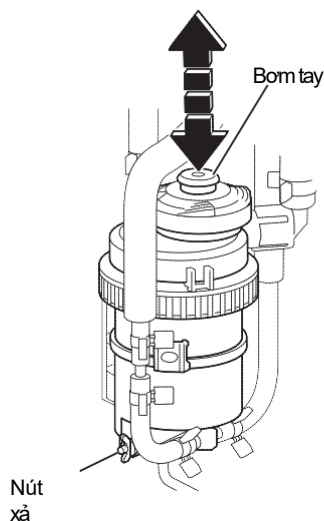
Lọc Nhiên Liệu Tại Khung Xe (Động Cơ 4JJ1/4HK1/4JB1-TC/ 4HG1-T)

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thùng chứa nhiên liệu xả ra.
2. Nới lỏng nút xả, đồng thời dùng tay ấn bơm tay từ 10 đến 20 lần.
3. Siết chặt lại nút xả, sau đó dùng tay ấn bơm tay thêm vài lần nữa.
4. Khởi động động cơ và kiểm tra có hay không hiện tượng rò rỉ nhiên liệu. Đồng thời cũng kiểm tra xem “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” có sáng hay không.



CHÚ Ý

- Lau sạch các nhiên liệu chảy tràn ra.
- Việc khởi động lại động cơ sau khi xả nước/ nhiên liệu có thể sẽ mất thời gian hơn thông thường. Nếu động cơ không thể khởi động sau khi xoay chìa khóa về vị trí “Start” 10 giây, hãy đợi và thử lại sau một thời gian ngắn.
- Xử lý nước/ nhiên liệu xả ra theo đúng quy định nhà nước.



Động cơ 4JH1

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thùng chứa nhiên liệu xả ra.
2. Nới lỏng nút xả, đồng thời dùng tay ấn bơm tay từ 10 đến 20 lần.
3. Siết chặt lại nút xả, sau đó dùng tay ấn bơm tay thêm vài lần nữa.
4. Khởi động động cơ và kiểm tra có hay không hiện tượng rò rỉ nhiên liệu. Đồng thời cũng kiểm tra xem “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” có sáng hay không.



CHÚ Ý

- Lau sạch các nhiên liệu chảy tràn ra.
- Việc khởi động lại động cơ sau khi xả nước/ nhiên liệu có thể sẽ mất thời gian hơn thông thường. Nếu động cơ không thể khởi động sau khi xoay chìa khóa về vị trí “Start” 10 giây, hãy đợi và thử lại sau một thời gian ngắn.
- Xử lý nước/nhiên liệu xả ra theo đúng quy định nhà nước.
- Hãy tham khảo ý kiến của các đại lý Isuzu nếu “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” sáng thường xuyên

Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD) ☐

Kiểm Tra Và Vệ Sinh Bộ DPD

Các đại lý Isuzu với các thiết bị có khả năng kiểm tra áp suất khí xả sẽ biết được tình trạng bụi mịn PM đóng tại lõi lọc. Tùy theo tình trạng & mức độ mà các đại lý có thể sẽ thao bộ DPD và vệ sinh lõi lọc..



CHÚ Ý

- Không vệ sinh lõi bộ lọc DPD lâu ngày có thể gây tắc nghẽn, ảnh hưởng đến hệ thống DPD và làm tiêu hao mức nhiên liệu trên xe. Hãy thường xuyên bảo dưỡng xe tại các đại lý Isuzu.

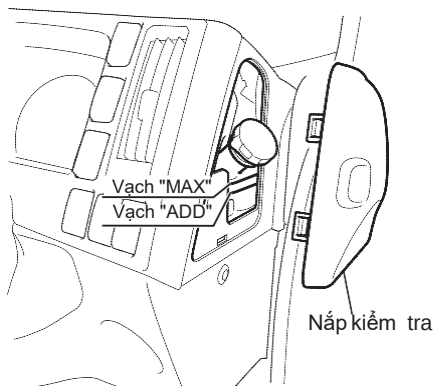
Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203





SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN KHUNG GẦM XE

• Phanh	7-92
• Phanh Tay	7-105
• Ống Dầu Phanh HB	7-108
• Trống Phanh	7-109
• Bình Chứa Khí Nén FAB	7-112
• Bộ Sấy Khô Khí Nén FAB	7-112
• Bánh Xe Và Lốp Xe	7-113
• Quy Trình Đào Lốp Xe	7-126
• Thay Bánh Xe	7-128
• Bánh Xe Dự Phòng	7-138
• Bộ Ly Hợp V	7-141
• Nhớt Hộp Số	7-147
• Dầu Hộp Số Bán Tự Động SA	7-151
• Nhớt Cầu Sau	7-155
• Nhớt Cầu Trước V	7-158
• Nhớt Hộp Số Phụ	7-161
• Tay lái	7-164
• Dầu Trợ Lực Lái	7-165
• Mỡ Bạc Đạn Trục Bánh Xe	7-168
• Vô Mỡ Các Bộ Phận Khung Gầm Xe	7-169

Phanh**Dầu Phanh****Kiểm Tra Mức Dầu Phanh**

Tháo nắp kiểm tra bên phải của táp-lô bằng cách vận bằng tay. Kiểm tra mức dầu phanh trong bình chứa nằm giữa vạch MAX và ADD hay không. Lắc nhẹ xe nếu cần thiết để dễ quan sát vị trí mức dầu phanh.

Châm Dầu Phanh

Nếu mức dầu phanh hạ thấp bên dưới vạch ADD, hãy tháo nắp và châm thêm dầu phanh. Cần thận không châm đầy hơn vạch MAX.

Vặn nắp cẩn thận sau khi châm thêm dầu phanh.

**CHÚ Ý**

- Khi châm thêm dầu phanh vào bình chứa, lưu ý tránh bụi bẩn và nước lọt vào. Nếu có bụi bẩn và nước trong hệ thống sẽ khiến xe mất chức năng phanh.
- Kiểm tra và thay dầu phanh theo lịch bảo dưỡng.
- Cần thận không để tràn dầu phanh vào các mặt có sơn hoặc để nó dính vào da.
- Nếu dầu phanh tràn ra ngoài vào mặt có sơn hoặc dính vào da hãy rửa sạch bằng nước và lau khô ngay.
- Dầu phanh dễ hấp thu khí ẩm. Do đó cần đóng chặt bình chứa.
- Không bao giờ trộn dầu phanh được chỉ định với dung dịch nhãn hiệu khác.
- Nếu mức dầu phanh suy giảm nhanh, đã có vấn đề trong hệ thống. Hãy đem xe đến kiểm tra ngay lập tức tại đại lý Isuzu gần nhất.

Xả Gió Hệ Thống Phanh

Nếu không khí có trong hệ thống phanh, nó sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động phanh. Xả gió hệ thống phanh được dùng khi lượng dầu phanh trong thùng quá thấp hoặc ống phanh bị tháo ra trong quá trình bảo dưỡng. Không tự ý xả phanh một mình, cần có người phụ.



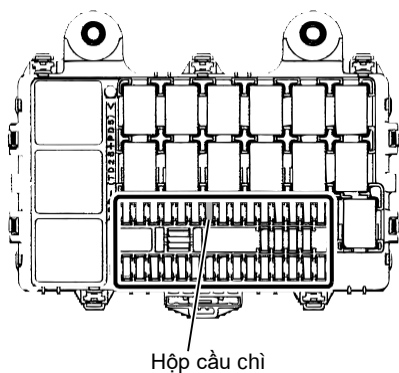
CẢNH BÁO

- Trước khi xả gió hệ thống phanh, phải nên đậu xe nơi bằng phẳng và chêm bánh xe.
- Vì dầu phanh để hấp thu khí ẩm, phải đảm bảo khí ẩm không lọt vào dung dịch dầu phanh khi kiểm tra, châm thêm hoặc tồn trữ dung dịch. Nếu khí ẩm lọt vào dung dịch dầu phanh, điểm sôi của dung dịch giảm và điều này gây ra hiện tượng “bọt khí”, gây nguy hiểm nghiêm trọng cho hoạt động phanh.
- Đừng để nhớt động cơ, dầu bôi trơn và các loại dầu khác trộn lẫn với dung dịch dầu phanh. Dầu phanh bị nhiễm bẩn bởi các loại dầu khác sẽ suy giảm chức năng phanh, có thể gây tình huống nguy hiểm.



CHÚ Ý

- Dầu phanh làm chảy các chất liệu phủ sơn và các bộ phận bằng nhựa, cao su, nhựa dẻo. Nó cũng làm mòn kim loại. Nếu bị tràn ra, hãy lau sạch ngay và rửa hết bề mặt bằng nước.
- Khi xả gió hệ thống phanh (bao gồm xy lanh tổng phanh và xy lanh con) của model dùng bộ trợ lực phanh thủy lực (HBB), luôn luôn bắt đầu xả gió khỏi hệ thống trợ lực chân không. Kể đến xả gió hệ thống phanh khí xả khi động cơ đang chạy. Không thể rút hết khí ra khi động cơ tắt.



1. Kéo phanh tay.



CHÚ Ý

- Nếu xe có trang bị hệ thống ABS, trước hết hãy tháo cầu chì ABS (10A) ra khỏi hộp cầu chì trước khi xả gió. Sau khi hoàn tất việc xả gió, gắn trả lại cầu chì 10A.

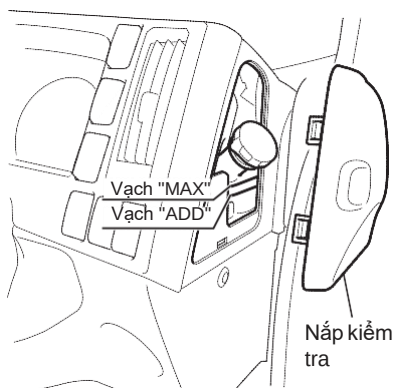
Hộp cầu chì Và Role → Tham khảo trang 8-53

2. Khởi động và để động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng.

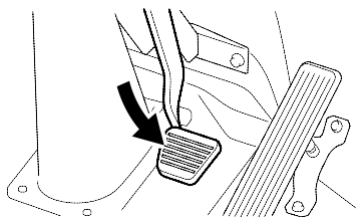
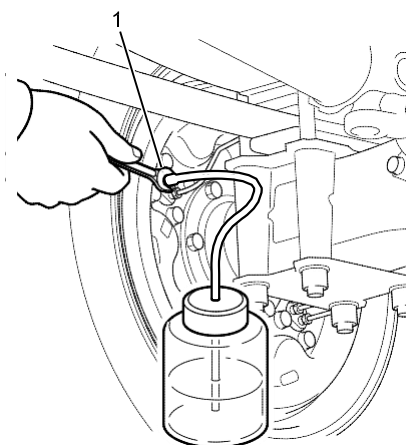


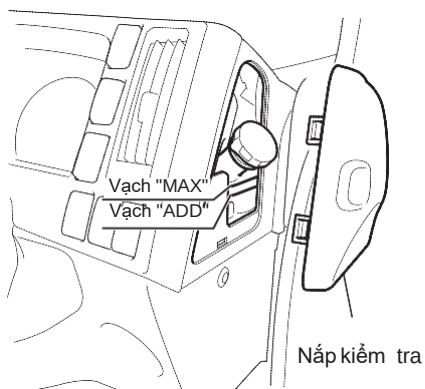
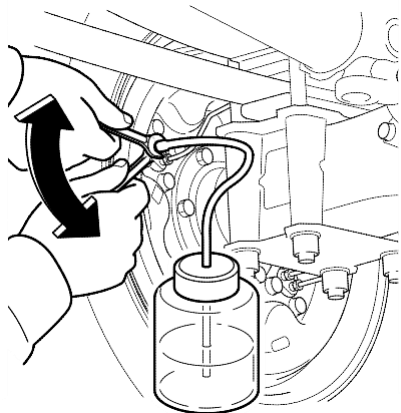
CHÚ Ý

- Nếu xả gió khi động cơ không hoạt động, bộ trợ lực phanh sẽ bị hư hỏng.



3. Tháo nắp kiểm tra, châm thêm dầu trợ lực phanh cho đến vạch "MAX".
4. Xả gió theo quy trình sau:
Bánh Sau Phải → Bánh Sau Trái
→ LSPV (nếu có trang bị) →
Bánh Trước Phải → Bánh Trước Trái
5. Tháo nắp chụp cao su ở đầu ốc xả gió.
Dùng bình hứng dầu phanh chảy ra.
6. Ấn và giữ luôn bàn đạp phanh vài lần.





7. Nới lỏng và siết ngay tức thì ốc xả để xả dầu phanh có lẫn không khí.
8. Lập lại các bước 6 và 7 cho đến khi dầu phanh xả ra không còn bọt khí. Sau khi hoàn tất việc xả gió, gắn trả lại nắp chụp cao su ở đầu ốc xả.

**CHÚ Ý**

- Trong quá trình xả gió, lưu ý không được để mức dầu phanh ở dưới vạch "ADD".

Nếu xả gió khi động cơ không hoạt động, bộ trợ lực phanh sẽ bị hư hỏng.

9. Kiểm tra xem đèn cảnh báo hệ thống phanh có sáng lên hay không.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh

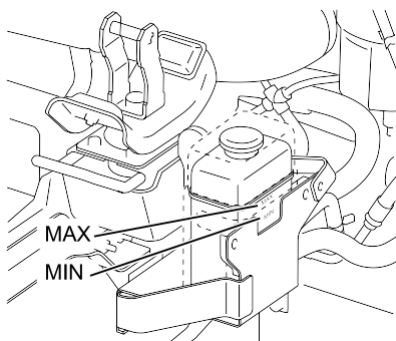
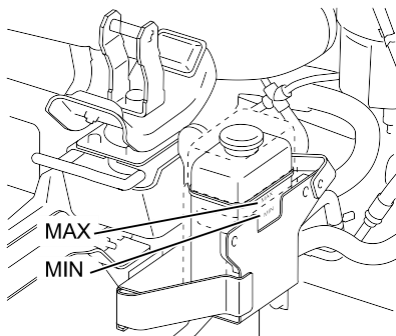
Hệ Thống Trợ Lực Bàn Đạp Phanh (HBB) V**CẢNH BÁO**

- Hệ thống trợ lực bàn đạp phanh (HBB) sử dụng dầu phanh Besco ATF-III. Nếu sử dụng không đúng loại dầu phanh sẽ làm các chi tiết bằng cao su trong hệ thống bị hư hỏng, dẫn đến rò rỉ dầu phanh. Lưu ý là dầu phanh sử dụng tại hệ thống trợ lực bàn đạp phanh khác với dầu phanh sử dụng tại xy lanh phanh chính và xy lanh phanh tại bánh xe.
- Đừng trộn lẫn dầu phanh hệ thống trợ lực bàn đạp phanh với dầu phanh trong hệ thống phanh
- Khi động cơ hoạt động và dẫn động bơm, dầu trong cụm trợ lực ly hợp bàn đạp phanh sẽ trở lên rất nóng, có thể lên cao hơn 100°C (212°F). Do đó nếu có thao tác bảo dưỡng sửa chữa gì ở cụm trợ lực ly hợp bàn đạp phanh này, phải tắt máy & đợi khoảng 30 phút để hạ nhiệt.
- Kể cả khi động cơ đã tắt, hệ thống trợ lực vẫn tích đủ để tiếp tục hỗ trợ bàn đạp phanh. Do đó nếu cần tháo bảo dưỡng sửa chữa hệ thống này, hãy tắt máy và đạp bàn đạp phanh khoảng 10 lần. Nếu không lúc tháo hệ thống này ra, dầu phanh sẽ bắn ra với áp lực mạnh, rất nguy hiểm.

**CHÚ Ý**

- Khi xả gió trong hệ thống phanh thủy lực, hãy bắt đầu xả gió với hệ thống trợ lực bàn đạp phanh. Sau đó khởi động máy và xả gió trong hệ thống phanh.

Các Loại Dầu Nhớt, Dầu Bôi Trơn và Nhiên Liệu Khuyến Dùng
→ Tham khảo trang 7-232



Kiểm tra mức dầu trợ lực bàn đạp phanh

Mức dầu nên nằm giữa vạch "MAX" và "MIN" , nếu mức dầu quá thấp hãy châm thêm cho đến vạch "MAX". Và chắc chắn chỉ sử dụng dầu Besco ATF-III.

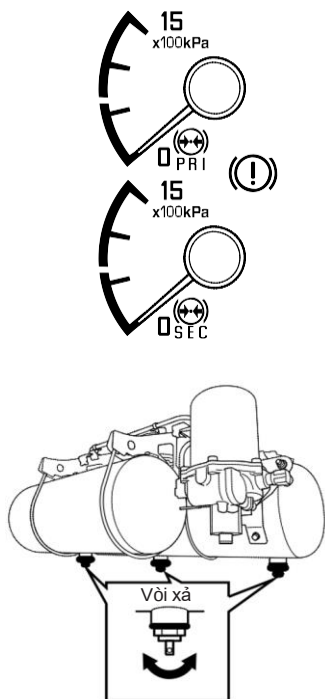
Thay mới dầu và xả gió

1. Châm dầu sao cho nằm giữa vạch "MIN" và "MAX".
2. Khởi động máy và để động cơ hoạt động cầm chừng khoảng 5 phút.
3. Tắt máy và kiểm tra mức dầu.
4. Nếu mức dầu dưới vạch "MIN", hãy châm thêm cho đến vạch "MAX".
5. Lặp lại bước 2 cho đến bước 4, cho đến khi mức dầu ổn định và không có bọt khí.
6. Để động cơ hoạt động, ấn từ từ bàn đạp phanh khoảng 5 lần.
7. Tắt máy, kiểm tra mức dầu phanh và châm thêm nếu dầu phanh nằm dưới mức "MIN",
8. Tắt máy và đạp bàn đạp phanh khoảng 10 lần.

12. Lập lại bước 6 đến 8 cho đến khi mức dầu phanh ổn định và không còn bọt khí.
13. Sau bước 9, bắt đầu tiến hành xả gió trong hệ thống phanh
14. Để động cơ hoạt động, ấn từ từ bàn đạp phanh khoảng 30 lần, mỗi lần cách nhau 1-3 giây cho đến khi bàn đạp phanh nặng lên.
15. Tắt máy, ấn bàn đạp phanh thêm 10 lần.
16. Kiểm tra tình trạng dầu trong bình chứa. Việc xả gió chỉ hoàn tất khi mức dầu trong bình chứa ổn định và không còn bọt khí. Nếu vẫn còn bọt khí, hãy lập lại các bước 11 và 12.



Áp Suất Khí Nén FAB



Kiểm Tra Áp Suất Khí Nén

1. Kiểm tra áp kế khí để xem hệ thống khí nén chính và phụ có được nạp hơi với áp suất thích hợp không.

Áp suất khí nén tiêu chuẩn

780 - 890 kPa
(8.0 - 9.1 kgf/cm²/114 - 129 psi)

2. Kéo dó, kiểm tra tốc độ tăng của áp suất khí nén. Sau đó kéo cần phanh tay và kéo vòi xả ở dưới bình chứa để khí và nước trong bình thoát ra ngoài.
3. Khởi động và để động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng. Hệ thống khí nén hoạt động tốt nếu thời gian đèn cảnh báo áp suất khí nén sáng, nằm trong khoảng sau.

Đèn Cảnh Báo Áp Suất Khí Nén



Thời gian đèn cảnh báo sáng

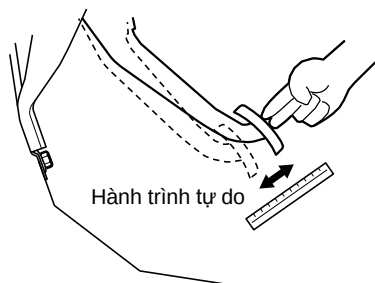
Thời gian (phút)
12

Thời gian này có thể thay đổi một chút tùy vào nhiệt độ và các điều kiện môi trường khác. Hãy liên hệ với các đại lý Isuzu để được tư vấn, kiểm tra chi tiết hơn.

**CẢNH BÁO**

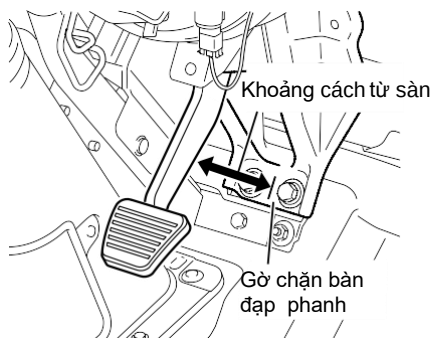
- Đừng vận hành xe khi kim áp kế ở trong vùng đỏ hoặc đèn cảnh báo áp suất hơi bật sáng. Lúc này các phanh sẽ không hoạt động hết khả năng và điều đó rất nguy hiểm cho việc vận hành xe.

Bàn Đạp Phanh



Hành Trình Tự Do

Tắt động cơ và đạp phanh bàn đạp nhanh khoảng 10 lần, sau đó kiểm tra độ rơ bàn đạp phanh bằng cách ấn nhẹ bằng tay cho đến khi cảm thấy vướng. Sau đó khởi động động cơ và đợi khoảng 1 phút. Rồi đạp bàn đạp phanh và đo khoảng cách giữa gờ chặn bàn đạp đến sàn (nghĩa là khoảng cách giữa gờ chặn bàn đạp và tay bàn đạp)



Hành trình tự do (từ đỉnh bàn đạp)

Xe không có HBB	5 - 10 mm (0.20 - 0.39 in)
Xe có HBB	24 - 29 mm (0.94 - 1.14 in)

Xe không có HBB	Khoảng cách từ bàn đạp đến gờ chặn khi đạp bàn đạp với một lực 490 N (50 kgf/110 lb)
GVM: dưới 6,500 kg (14,333 lb)	45 mm (1.77 in) hoặc hơn
GVM: hơn 6,500 kg (14,333 lb)	35 mm (1.38 in) hoặc hơn

Xe có HBB	Khoảng cách từ bàn đạp đến gờ chặn khi đạp bàn đạp với một lực 294 N (30 kgf/66 lb)
—	45 mm (1.77 in) hoặc hơn

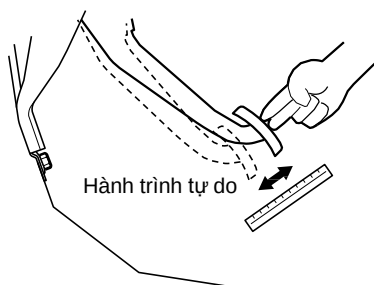


KHUYẾN CÁO

Nếu sau khi đạp, bàn đạp vẫn tiếp tục đi xuống hoặc có cảm giác hẫng, có thể có lẫn không khí hệ thống phanh. Hãy đến đại lý Isuzu để được kiểm tra, xả gió và khắc phục.

**LƯU Ý**

- Để kiểm tra khoảng hở giữa bàn đạp và sàn, hãy khởi động động cơ nhấn bàn đạp ga vài lần, và dùng lần đạp phanh đầu tiên để đo khoảng hở. Khoảng hở không thể đo chính xác sau khi đạp nhiều hơn hai lần liên tục.
- Trước khi kiểm tra độ nhả phanh, hãy tắt động cơ và đạp bàn đạp 4 – 5 lần liên tục.

**Hành Trình Tự Do** FAB

Dùng hai ngón tay ấn vào bàn đạp để kiểm tra quãng đường di chuyển và độ rơ của bàn đạp.

Hành trình tự do (từ đỉnh bàn đạp)

10 - 18 mm (0.39 - 0.71 in)

**Âm Thanh Hoạt Động**

Lắng nghe âm thanh của các bộ phận và cơ cấu chấp hành sau khi ấn và nhả bàn đạp phanh.

Hiệu Quả Phanh

Chạy xe chậm chậm trên đường khô ráo và đạp phanh. Kiểm tra xem phanh có hoạt động hiệu quả không và xe không bị giật qua một bên.



CHÚ Ý

- Kiểm tra tính hiệu quả của phanh nên thực hiện trên đường rộng, có tầm nhìn thoáng, phải chú ý đầy đủ đến lưu thông phía sau và chung quanh.



LƯU Ý

- Nếu xe có tiếng kêu rít khi phanh, có thể do bụi, đất, chất bẩn bám vào hệ thống phanh. Hãy dùng nước rửa sạch xe.
- Nếu tiếng kêu rít vẫn tiếp tục xuất hiện, hãy mang xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Phanh Tay



LƯU Ý

Xe của bạn sẽ được trang bị một trong những dạng p.hanh tay sau

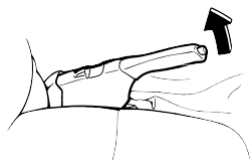
- Xe dùng hệ thống phanh thủy lực hydraulic brake model)

Khi bạn kéo xe, phần truyền lực xuống trục cac-đăng sẽ bị khóa cứng.

- Xe dùng hệ thống phanh hơi hoàn toàn

Khi bạn kéo phanh tay, tất cả các bánh xe sẽ bị khóa cứng.

Kiểm Tra Hành Trình Cần Phanh Tay



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực

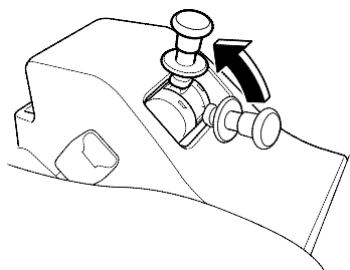
HB

Kéo cần phanh tay chậm chậm từ vị trí nhả hết; đếm các tiếng "click" tạo ra để kiểm tra xem nó có thể nâng lên đúng mức hay không. Cũng nên kiểm tra trên một con đường dốc, khô ráo xem phanh có thể giữ yên xe hay không .

Số nấc*

6 đến 8 nấc

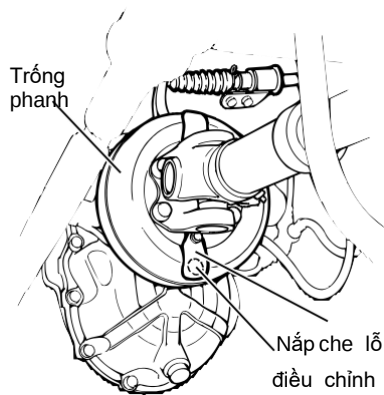
Số nấc từ vị trí nhả đến vị trí cài với sức kéo 147 N (15 kgf/33 lb)



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Hơi Toàn Phần FAB

Kéo hoàn toàn cần phanh tay từ vị trí nhả cho đến khi hoàn toàn vào vị trí khóa, đồng thời lắng nghe xem có âm thanh hơi khí nén của bộ chấp hành hay không.

Điều Chỉnh



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực HB

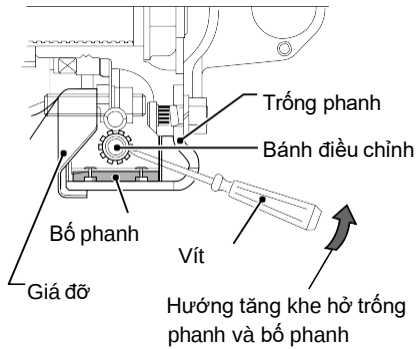
1. Đậu xe ở nơi bằng phẳng, dùng vật chêm ở bánh trước và bánh sau để chặn không cho xe di chuyển, và nhả phanh tay hoàn toàn.
2. Nới lỏng đai ốc điều chỉnh dây cáp cần phanh tay bên trong cabin.
3. Phái xác định rằng cần số đang ở số N, sau đó dùng con đội nâng xe lên cho đến khi bánh sau hờ khỏi mặt đất.
4. Chống xe bằng chân con đội.

Sử Dụng Con Đội → Tham khảo trang 7-172



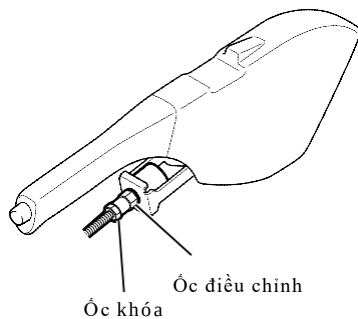
CẢNH BÁO

Trước khi chui vào gầm xe, phải đảm bảo rằng xe được chống an toàn bằng con đội.



5. Vận trống của phanh để có lỗ điều chỉnh hướng thẳng xuống, tháo nắp đậy lỗ điều chỉnh và vận trống khi cần để canh chỉnh lỗ cùng vị trí với bánh điều chỉnh.
6. Đưa vít qua lỗ điều chỉnh và vận bánh điều chỉnh hướng lên cho đến khi nó không còn quay được nữa.
7. Từ điểm này, hãy vận bánh điều chỉnh về con số răng chỉ thị bên dưới. Sau khi điều chỉnh, đẩy nắp che lỗ điều chỉnh lại.

Model xe	Số răng để bánh điều chỉnh quay về	Khoảng hở trống phanh - bố phanh
Hộp số MYY	30 răng	0.75 mm (0.030 in)
Hộp số MSB	30 răng	0.78 mm (0.031 in)
Hộp số MZZ	8 răng	0.23 mm (0.009 in)



8. Nới lỏng ốc khóa.
9. Vận ốc điều chỉnh đến khi độ nhả cần phanh tay được điều chỉnh đến một số nấc nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn bên dưới. Sau khi điều chỉnh, vận chặt bu-lông khóa lại.

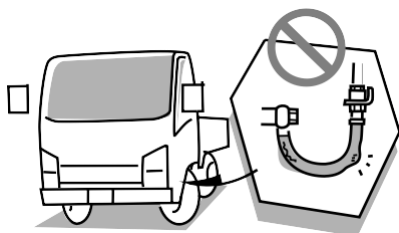
Số nấc
6 đến 8 nấc

**LƯU Ý**

Không cần điều chỉnh nếu xe đang dừng trang bị hệ thống phanh hơi hoàn toàn.

Các Ống Dầu Phanh HB

Kiểm tra



Bẻ tay lái hết mức về phía trái, kiểm tra ống dầu phanh trước bên trái bằng mắt và sờ vào để chắc rằng chúng không bị trầy xước hoặc phình to.

Cũng phải bảo đảm các ống không kẹt vào các bộ phận khung gầm hoặc bánh xe, và các khớp nối không bị rỉ hay hư hỏng. Hãy kiểm tra các ống phanh trước bên phải theo cùng cách. Các ống dầu phanh trái, phải phải sau cũng nên được kiểm tra.

Trống Phanh

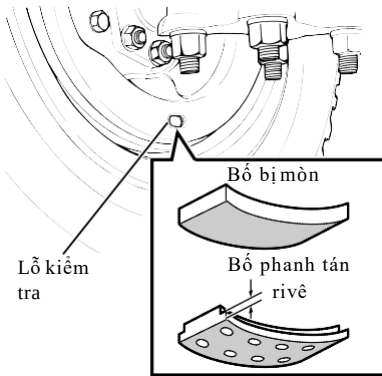
Nếu bộ phanh bị mòn trước hạn sử dụng, không chỉ hoạt động phanh bị giảm sút mà các bộ phận phanh cũng hư theo.



CẢNH BÁO

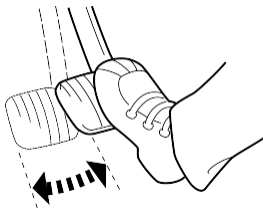
- Không lái xe khi bộ phanh đã mòn quá quy định. Điều này có thể gây hư hỏng các bộ phận phanh và vận hành phanh kém hiệu quả.

Kiểm Tra Độ Mòn Bộ Phanh



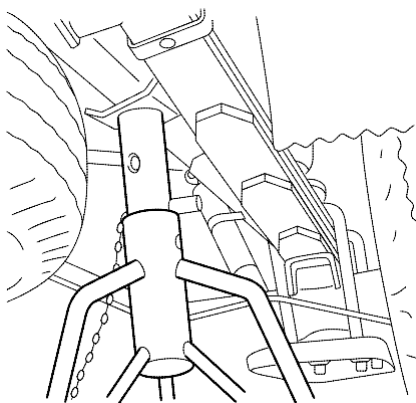
1. Đối với xe dùng hệ thống phanh thủy lực, tháo nút cao su khỏi lỗ kiểm tra trong tấm dừng phanh.
2. Kiểm tra xác định bộ phanh vẫn còn độ dày thích hợp. Cũng nên kiểm tra các mặt của bộ phanh xem có vết nứt, vết bong hay các hư hỏng khác hay không.
3. Giới hạn mòn cho bộ phanh giảm xuống 1mm (0,04 in) và giới hạn mòn cho bộ phanh tán rivê là khi miếng bộ bị mòn nhẵn. Bộ phanh phải được thay nếu nó mòn quá giới hạn hoặc có vết nứt, vết bong trên bề mặt cạnh. Hãy để đại lý Isuzu để thực hiện các thay thế này.

Điều Chỉnh Khe Hở Trống Phanh Và Bộ Phanh



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực (tự động điều chỉnh bộ phanh)

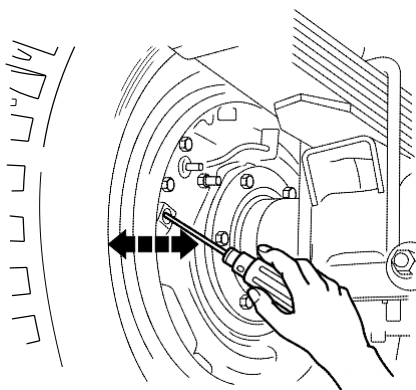
1. Hãy đạp bàn đạp phanh hết mức. Thực hiện bước 1 cho đến khi không còn thay đổi trong độ nhả bàn đạp, tác động này sẽ tự động điều chỉnh khe hở từ trống đến bộ tới một mức nhất định. Sau đó, phanh nhiều lần trong khi lái xe sẽ tự động điều chỉnh khe hở.



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực (bộ phanh không điều chỉnh tự động)

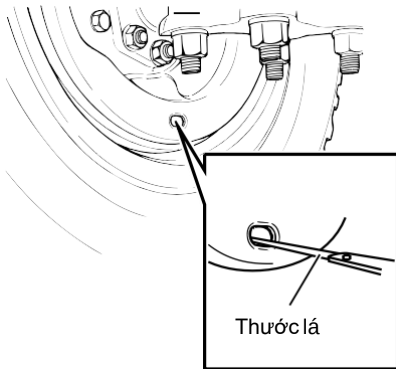
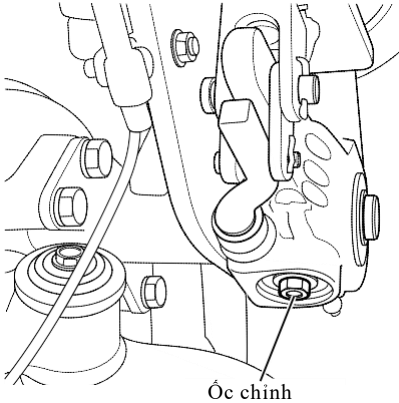
1. Cài chắc phanh tay và chêm các bánh xe.
2. Nâng xe lên cho đến khi bánh xe hở khỏi mặt đường.
3. Chống xe bằng chân của con đội.
4. Tháo nút cao su ra khỏi lỗ điều chỉnh ở tấm dừng.
5. Đưa vít vào lỗ điều chỉnh và vặn theo hướng mũi tên trên tấm dừng chỉ đến khi bánh điều chỉnh không còn quay được nữa.
6. Từ điểm này, vặn bánh điều chỉnh trở lại khoảng 5 hay 6 răng.

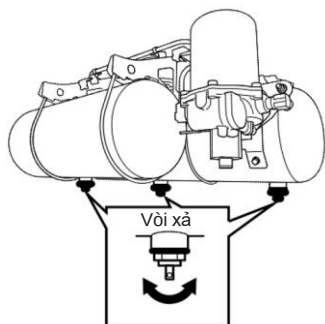
Sau khi điều chỉnh, gắn nút cao su vào lỗ điều chỉnh.



Xe Dùng Hệ Thống Phanh Hơi Toàn Phần

1. Đậu xe trên bề mặt bằng phẳng và chêm các bánh xe chắc chắn. Sau đó nhả hoàn toàn cần phanh tay.
2. Xoay ốc chỉnh theo chiều kim đồng hồ cho đến khi bố phanh chạm vào trống phanh, sau đó xoay trả ốc chỉnh ngược chiều kim đồng hồ $\frac{1}{2}$ vòng.
3. Chèn thước lá vào lỗ kiểm tra để đo khe hở giữa bố phanh và trống phanh xem còn khoảng hở hay không. Nếu không còn khe hở, xoay ốc chỉnh ngược chiều kim đồng hồ $\frac{1}{4}$ vòng. Nếu sau khi thực hiện đúng theo hướng dẫn nhưng vẫn còn khe hở giữa bố phanh và trống phanh, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và điều chỉnh.



Bình Chứa Khí Nén FAB

Bình chứa khí nén có thể đọng nước bên trong. Hãy xả nước bằng cách kéo vòi xả nằm bên dưới bình chứa khí nén.

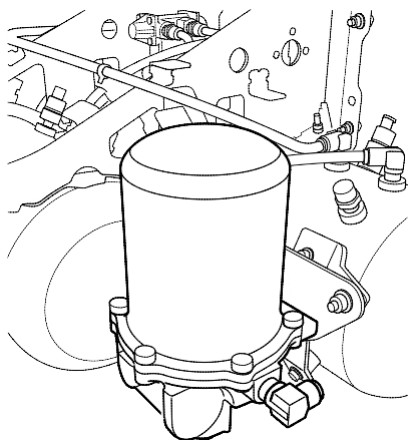
Sau khi xả nước, hãy chắc chắn không có hiện tượng khí nén bị xì ra tại vòng xả.

Nếu phát hiện ra có rất nhiều nước khi xả ra. Có thể bộ sấy khô khí nén đã bị hư.

Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra xe.

**CẢNH BÁO**

- Nước đọng bên trong bình chứa có thể lọt vào trong các đường ống và gây ra hiện tượng đóng băng, gây nghẹt khi nhiệt độ xuống thấp. Điều này rất nguy hiểm vì lúc đó lượng khí nén cấp đến phanh không đủ, làm giảm hiệu quả phanh.

Bộ Sấy Khô Khí Nén FAB

Thay ruột bộ sấy khô khí nén theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Đừng để lỗ xả của bộ sấy khô khí nén bị nghẹt hoặc kẹt bởi dị vật.

Bộ sấy khô khí nén loại bỏ không khí ẩm và dầu có trong ống dẫn khí của xe bằng chất hóa học bên trong.

Nếu khi xả nước tại bình chứa khí nén, phát hiện có nước hoặc dầu lẫn với khí nén xả ra; có nghĩa ruột bộ sấy khô khí nén đã hư và cần thay thế. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra thay thế.

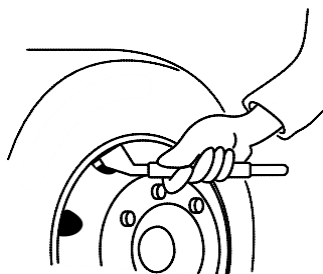
Bánh Xe Và Lốp Xe

Bánh xe có ảnh hưởng lớn đến sự an toàn và thoải mái khi lái xe. Nếu có bánh xe nào sút ra khỏi xe, nó không chỉ khiến hư xe giữa đường và làm nghẽn lưu thông mà nó còn dẫn đến tai nạn nghiêm trọng. Do đó chúng tôi khuyến cáo khách hàng tuân thủ các quy định và hướng dẫn sau:

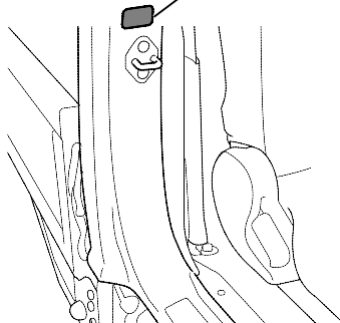
**CẢNH BÁO**

- Đừng bao giờ lái xe nếu áp suất lốp xe và tình trạng lốp xe không đảm bảo an toàn.
- Nếu thấy có bất thường với bu-lông bánh xe, các đai ốc bánh xe hoặc mâm xe khi kiểm tra, không được lái xe nữa và hãy liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.
- Nếu thấy có sự bất thường ở bất kì bánh xe nào, cũng nên kiểm tra tình trạng các bánh còn lại cẩn thận để tìm các hư hỏng tương tự. Một bánh xe hư hỏng là dấu hiệu hư hỏng của tất cả các bánh xe khác.

Kiểm Tra Lốp Xe



Áp suất lốp xe tiêu chuẩn

**Áp Suất Lốp**

Áp suất hơi bánh xe quá yếu hay quá căng không chỉ ảnh hưởng đến việc lái xe hoặc gây hư hỏng hàng hóa mà còn khiến nhiệt độ lốp nóng tăng lên bất thường, mòn sớm, lủng hoặc có thể khiến nổ lốp xe.

- Dùng đồng hồ đo áp suất bơm bánh xe thích hợp khi đo áp suất lốp xe. Nên đo khi lốp nguội hoặc trước khi lái xe. (Sau khi lái xe áp suất khí trong lốp giảm khoảng 10%)
- Áp suất lốp xe khác nhau tùy theo kích cỡ bánh xe. Do đó hãy tham khảo kỹ bảng áp suất hơi trên cửa tài xế hoặc bảng áp suất hơi tiêu chuẩn ở trang kế tiếp.
- Cũng phải kiểm tra áp suất hơi của bánh xe dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất hơi trong những kỳ kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Áp Suất Lốp

Model xe	Kích cỡ bánh xe		Áp suất lốp kPa (kgf/cm ² /psi)	
	Bánh trước	Bánh sau	Bánh trước	Bánh sau
NLR55E (Bánh đơn)	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
NLR55H (Bánh đôi)	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
NMR55E	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R15-10PR	7.00R15-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NMR55H	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R15-10PR	7.00R15-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NLR77E (Bánh đơn)	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51), 450* ¹ (4.50* ¹ /65* ¹)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50-15-10PR	7.50-15-10PR	325 (3.25/47)	525 (5.25/76)
	205/75R16C 113/111	205/75R16C 113/111	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	205/75R17.5	205/75R17.5	525 (5.25/76)	750 (7.50/109)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NLR77H (Bánh đơn)	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51), 450* ² (4.50* ² /65* ²)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50-15-10PR	7.50-15-10PR	325 (3.25/47)	525 (5.25/76)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NMR77E	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R15-10PR	7.00R15-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)

*1: Thị trường Ecuador

*2: Thị trường Philippines

Model xe	Kích cỡ bánh xe		Áp suất lốp kPa (kgf/cm ² /psi)	
	Bánh trước	Bánh sau	Bánh trước	Bánh sau
NMR77H	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R15-10PR	7.00R15-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NLR85E	195/75R16C	195/75R16C	475 (4.75/69)	475 (4.75/69)
NLR85E (Bánh đơn)	6.50R15-10PR	7.00R15-10PR	325 (3.25/47)	525 (5.25/76)
	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50-15-10PR	7.50-15-10PR	325 (3.25/47)	525 (5.25/76)
	205/75R16C 113/111	205/75R16C 113/111	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NLR85F (Bánh đơn)	205/75R17.5	205/75R17.5	525 (5.25/76)	750 (7.50/109)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NLR85H (Bánh đơn)	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NMR85E	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R15-10PR	7.00R15-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NMR85H	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R15-10PR	7.00R15-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	205/75R16C 113/111	205/75R16C 113/111	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	205/85R16	205/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR85F	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)

Model xe	Kích cỡ bánh xe		Áp suất lốp kPa (kgf/cm ² /psi)	
	Bánh trước	Bánh sau	Bánh trước	Bánh sau
NPR85H	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR85K	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR85L	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR71F	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR71H	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)

Model xe	Kích cỡ bánh xe		Áp suất lốp kPa (kgf/cm ² /psi)	
	Bánh trước	Bánh sau	Bánh trước	Bánh sau
NPR71K	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	195/85R16	195/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPS71H	7.50R-16-12PR	7.50R-16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
NQR71H	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NQR71K	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NQR71L	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR75F	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR75H	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR75K	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR75L	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	215/85R16	215/85R16	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPR75M	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)

Model xe	Kích cỡ bánh xe		Áp suất lốp kPa (kgf/cm ² /psi)	
	Bánh trước	Bánh sau	Bánh trước	Bánh sau
NPS75H	7.50R16-10PR	7.50R16-10PR	575 (5.75/83)	575 (5.75/83)
	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	8.5R17.5	8.5R17.5	625 (6.25/91)	625 (6.25/91)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NPS75H (Bánh đơn)	9.5R17.5	9.5R17.5	750 (7.50/109)	750 (7.50/109)
NQR75H	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	8.25R16-14PR	8.25R16-14PR	675 (6.75/98)	675 (6.75/98)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	225/90R17.5	225/90R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NQR75K	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
NQR75L	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	8.25R16-14PR	8.25R16-14PR	675 (6.75/98)	675 (6.75/98)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	225/90R17.5	225/90R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NQR75M	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	8.25R16-14PR	8.25R16-14PR	675 (6.75/98)	675 (6.75/98)
	215/75R17.5	215/75R17.5	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
	225/90R17.5	225/90R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NPS81H	7.50R16-12PR	7.50R16-12PR	650 (6.50/94)	650 (6.50/94)
	8.5R17.5	8.5R17.5	625 (6.25/91)	625 (6.25/91)
NPS81H (Bánh đơn)	9.5R17.5	9.5R17.5	750 (7.50/109)	750 (7.50/109)
	225/90R17.5	225/90R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NQR81K	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	225/80R17.5	225/80R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NQR81M	7.50R16-14PR	7.50R16-14PR	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	225/80R17.5	225/80R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)

Model xe	Kích cỡ bánh xe		Áp suất hơi	
	Bánh trước	Bánh sau	Bánh trước	Bánh sau
NQR90K*	215/75R17.5	215/75R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	225/75R17.5	225/75R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NQR90L*	215/75R17.5	215/75R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	225/75R17.5	225/75R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
NQR90M*	215/75R17.5	215/75R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)
	225/75R17.5	225/75R17.5	700 (7.00/102)	700 (7.00/102)

*: Trọng lượng toàn bộ xe (GVW) 9,500 kg

**CẢNH BÁO**

- Bánh xe thiếu hơi hoặc bị mòn có nguy hiểm rất cao vì chúng dễ dàng bị trượt hoặc nổ. Nếu nổ lốp xe, lốp xe có thể bị cháy và có thể là nguyên nhân gây hỏa hoạn cho xe.
- Nếu bạn lái xe với bánh xe non hơi, các bu - lông bánh xe sẽ chịu sức ép lớn quá mức. Trong điều kiện đó, các bu-lông có thể gãy và bánh xe sút khỏi xe, dẫn đến tai nạn.

**CHÚ Ý**

- Bánh xe bơm căng quá mức sẽ dẫn đến tình trạng xe bị dẫn xóc và gây hư hỏng hàng hóa. Lốp xe thiếu hơi làm tăng nhiệt độ và có thể nổ. Luôn luôn giữ lốp xe ở áp suất hơi tiêu chuẩn.

**KHUYẾN CÁO**

- Không có sự khác biệt nào về áp suất hơi giữa bánh trong và bánh ngoài của các xe có bánh đôi.
- Không dễ gì nhận ra bằng mắt một bánh xe thiếu hơi hoặc có sự khác biệt hơi ở bánh đôi (hệ số thành thấp là 70 hoặc 75%). Hãy luôn dùng đồng hồ đo áp suất hơi để kiểm tra áp suất hơi ở bánh xe
- Nếu xe bạn được trang bị mâm xe bằng nhôm, dùng bộ nối ngoài để gắn vào van bánh xe trong cùng với đồng hồ đo áp suất hơi tiêu chuẩn.



NOTE

[Van hơi dạng dài]

- Van hơi dạng dài được dùng để có thể dễ dàng kiểm tra áp suất lốp trong ở bánh đôi. Khi vận hành xe, tài xế có thể tháo cát van nổi dài này ở chỗ khác.



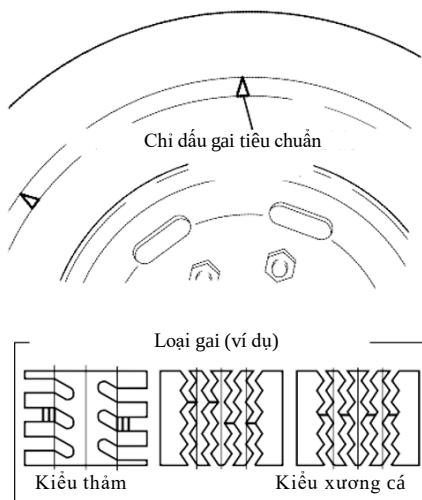
Vết Nứt Và Các Hư Hỏng Khác

Kiểm tra các gai và bề mặt của mỗi bánh xe để tìm vết nứt hoặc các hư hỏng khác. Đặc biệt là kiểm tra trong các rãnh gai để tìm đinh hoặc các mảnh kim loại dính vào rãnh gai. Và cũng phải kiểm tra khe hở giữa bánh trong và ngoài của xe bánh đôi để tìm các sỏi đá kẹt vào đó.



KHUYẾN CÁO

- Khi kiểm tra bánh xe, phải chú ý đặc biệt đến, áp suất, sỏi hoặc đinh trong các đường rãnh gai hoặc kẹt vào giữa các bánh đôi, vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên bề mặt bánh xe; tình trạng mòn không đều...



Gai Lốp Xe Và Dấu Mòn Bất Thường

Dùng lốp xe mòn rất nguy hiểm vì chúng dễ bị đâm thủng hoặc nổ khi lái. Hãy kiểm tra tất cả các lốp xe để xem có vết mòn xuất hiện trên các gai và kiểm tra toàn bộ các gai bằng dụng cụ đo chiều sâu rãnh để bảo đảm các rãnh không sâu hơn độ sâu chỉ định.

Một bánh xe có vết mòn ở rãnh gai cần phải được thay thế. Cũng phải cần kiểm tra độ mòn không đều hoặc các độ mòn bất thường khác ở bánh xe.



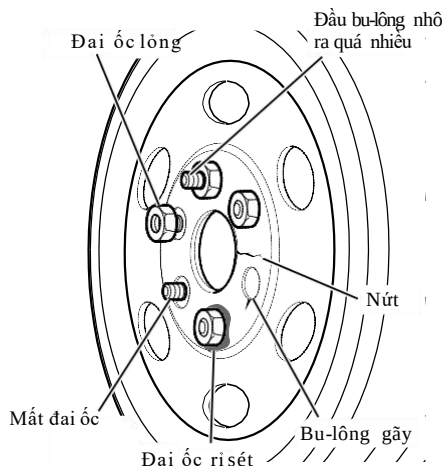
CHÚ Ý

- Các lốp xe có độ sâu rãnh gai quá cạn sẽ khiến dễ trượt trên nước khi lái xe với tốc độ cao.



LƯU Ý

- Sự trượt nước xảy ra khi xe chạy ở tốc độ cao trên đường trơn ướt, lúc này một lớp nước sẽ hình thành giữa bề mặt đường và bánh xe khiến bánh xe bị trượt. Sự trượt nước khiến tài xế giảm mất điều khiển và không thể giảm tốc độ xe.



Kiểm Tra Bằng Mắt Tình Trạng Bánh Xe

Kiểm tra bằng mắt tình trạng mâm bánh xe.

1. Kiểm tra xem các đai ốc và -bu lông có bị mất hay không.
2. Kiểm tra xe có vết rỉ nào ở các đai ốc hay không. Cũng phải kiểm tra mâm xe để tìm vết nứt hoặc hư hỏng khác.
3. Kiểm tra các độ dài đầu bu-lông ở mỗi bánh xe để xem đai ốc có bị lỏng hay không. Sự nhô ra phải đều đặn giữa các đầu bu-lông trên một bánh xe và giữa tất cả các bánh xe



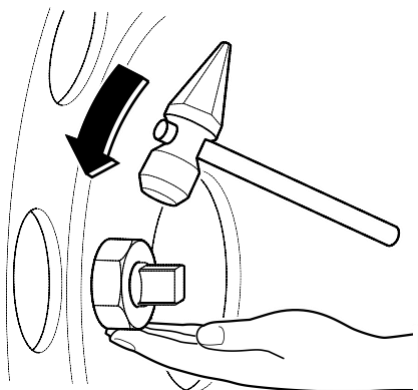
CHÚ Ý

- Bất kỳ sai sót nào khi lắp ráp bánh cũng sẽ khiến dẫn đến các lỗi sút đai ốc, bu-lông hoặc gãy bu-lông.

Kiểm Tra Tình Trạng Đai Ốc Bằng Búa Kiểm Tra

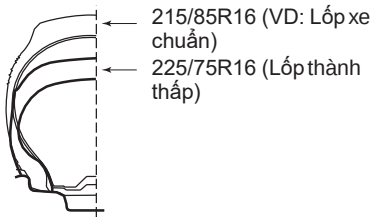
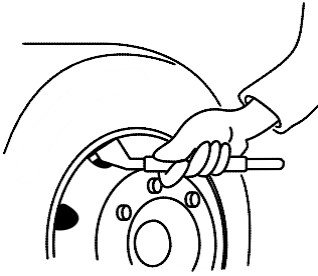
Đặt ngón tay bên dưới mỗi đai ốc bánh xe và dùng búa kiểm tra gõ trên phần thẳng của đai ốc theo hướng siết chặt.

Có thể có lỗi ở đai ốc và đầu ốc của nó nếu như chấn động bạn cảm thấy bằng tay khác với các đai ốc khác hoặc nếu âm thanh phát ra trong trẻo.



CHÚ Ý

Nếu thấy tình trạng bất thường nào về đai ốc và đầu bu-lông khi kiểm tra, rất có thể bu-lông bị lỏng hoặc đầu bu-lông bị gãy.



Áp Suất Hơi Tại Bánh Dự Phòng

Giữ cho áp suất hơi ở bánh dự phòng hơi cao hơn áp suất tiêu chuẩn. Điều chỉnh lại áp suất cho đúng khi dùng. Lớp xe sẽ bị nóng sau khi lái, và áp suất hơi của chúng cũng tăng cao theo.

Phải đợi một lát sau khi lái để điều chỉnh áp suất hơi, xác định áp suất tiêu chuẩn để chỉnh bằng cách thêm vào 20k Pa (0,2kgf/cm² /3psi) so với áp suất tiêu chuẩn.

Sử Dụng Lớp Thành Thấp

Lớp thành thấp có thể tích không khí chứa nhỏ hơn 20%-30% so với lớp thông thường. Do đó khi có sự cố, lớp thành thấp sẽ mau hết hơi hơn. Vì vậy cần kiểm tra áp suất lốp thường xuyên hơn.

Lốp Xe Đã Sử Dụng Lâu Ngày

Lốp xe được chế tạo bằng cao su có đặc tính thay đổi dần vì lão hóa qua thời gian (dù là được tồn trữ dùng làm bánh xe dự phòng).

Lốp xe phải được kiểm tra độ lão hóa sau khi dùng khoảng từ năm đến bảy năm nếu được dùng liên tục.

Quy Trình Đảo Lốp Xe



CHÚ Ý

- Khi tháo bánh xe, phải đảm bảo kiểm tra đầu bu-lông bánh xe, các đai ốc và mâm bánh xe.
- Nếu thấy có tình trạng bất thường nào, đừng tiếp tục dùng bánh xe này. Hãy sớm liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất

Bánh xe ở các vị trí khác nhau thì mòn khác nhau. Để làm cho vỏ xe mòn đều và kéo dài tuổi thọ bánh xe, cần phải hoán đổi vị trí bánh xe thường xuyên.

Phải dùng bánh xe cùng loại trên cùng trục xe. Nếu bạn gắn bánh xe khác loại trên cùng trục xe, xe có thể lệch trái hoặc lệch phải khi bạn đạp phanh.

Bánh mới dễ tăng nhiệt độ và mòn nhanh hơn bánh cũ, vì vậy chúng cần được gắn vào trục trước nơi chịu ít tải trọng hơn.

Nếu có sự khác biệt về đường kính giữa bánh trong và ngoài của xe bánh đôi, hãy gắn bánh có đường kính nhỏ hơn bên trong.

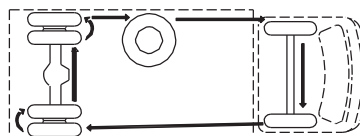
Sự khác biệt về đường kính của bánh xe đối với xe bánh đôi cần phải nằm trong mức quy định của bảng bên dưới. Nếu vượt quá giới hạn này, bánh xe sẽ mòn nhanh hơn.

[Model bánh đơn]

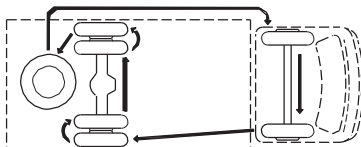
[Model xe lườn thấp]



[Model với bánh dự phòng phía sau]



[Model với bánh dự phòng bên hông]



CHÚ Ý

- Nếu kích cỡ bánh trước và bánh sau chênh lệch quá lớn, đừng tiến hành đảo lốp trước và sau với nhau. Điều này là cực kỳ nguy hiểm vì các bánh có kích cỡ nhỏ sẽ không chịu nổi tải trọng và dẫn đến hư hỏng.

Khác biệt cho phép về đường kính

Loại ổ tròn	Khoảng 6 mm (0.24 in)
Loại ổ chéo	Khoảng 8 mm (0.31 in)



KHUYẾN CÁO

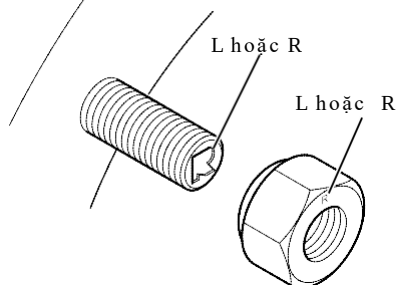
- Lực siết đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay bánh xe. Sau khi lái từ 50-100km (31 đến 62 mile) với bánh xe đã thay, hãy siết lại các đai ốc bánh xe theo lực siết chỉ định trong phần hướng dẫn “Siết lại đai ốc bánh xe” trong chương này.

Siết Lại Đai Ốc Bánh Xe → Tham khảo trang 7-136



Thay Bánh Xe

Bánh trước

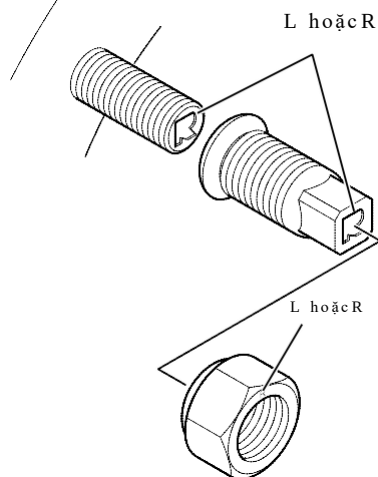


Chỉ thay bánh xe sau khi đậu xe trên bề mặt đường bằng phẳng và đã kiểm tra an toàn khu vực xung quanh.

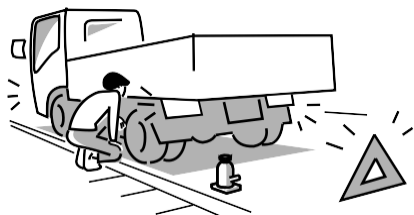
Sử Dụng Con Đới → Tham khảo trang 7-172

Mỗi đai ốc ở bánh bên phải có đánh dấu chữ "R" hoặc "R", và các đai ốc bánh bên trái có đánh dấu chữ "L" hoặc "L".

Bánh sau



Chuẩn Bị



Khi đậu xe để thay bánh xe, hãy chọn một nơi:

- Xe không cản trở giao thông.
- Bề mặt bằng phẳng và cứng.
- Có thể thay bánh xe an toàn.

Khi thay bánh xe trên đường, phải dùng đèn báo nguy và bảng phản quang để cảnh báo các xe khác về sự hiện diện của xe bạn.

Cài chặt cần phanh tay. Dùng vật chêm hoặc đá, gỗ để chêm cả mặt trước và sau của bánh xe ngược nhau theo đường chéo đối với bánh xe cần thay.



CHÚ Ý

- Nếu xe có trang bị tính năng ABS, bánh xe thay thế cần có cùng kích cỡ và kiểu gai như bánh cũ.

Tháo Bánh Xe



CẢNH BÁO

- Luôn luôn cài đặt phanh tay và chêm đúng các bánh xe trước khi nâng xe. Nếu chỉ cài phanh tay thì không đủ ngăn xe di chuyển. Khi bánh xe được đội lên, xe chỉ cài phanh tay sẽ di chuyển gây ra tình trạng nguy hiểm.
- Không bao giờ mở cửa hay khởi động động cơ khi đang đội xe. Đừng thử nhìn bên dưới hoặc chui vào bên dưới xe. Điều này rất nguy hiểm.
- Để tránh nguy hiểm trong trường hợp con đội bị trượt, đặt bánh xe dự phòng đã tháo ra gần con đội bên dưới xe.

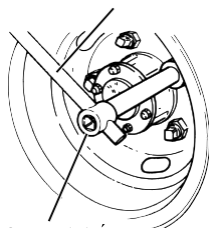


CHÚ Ý

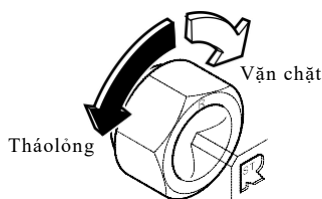
- Bánh xe rất nặng. Hãy xoay trở cẩn thận để tránh bị thương khi tháo và lắp bánh xe.
- Đừng chạm vào ống xả ngay sau khi dừng xe vì rất nóng.

1. Cài chặt phanh tay khi thay bánh trước, hãy chêm bánh sau theo đường chéo ngược lại với bánh trước. Khi thay bánh sau, hãy chêm bánh trước theo đường chéo ngược với bánh sau.
2. Áp chặt đầu con đội vào điểm đội.
3. Nâng xe lên vừa đủ để bánh xe hở khỏi mặt đường.
4. Dùng cờ lê vặn đai ốc bánh xe, tháo lỏng đai ốc bánh xe vừa đủ để bánh xe vẫn còn vị trí ổn định. Đừng tháo hẳn đai ốc bánh xe.

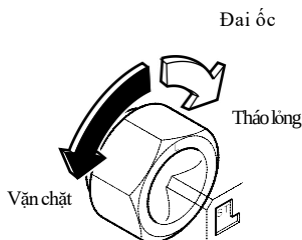
Tay nối tháo bánh xe



Cờ lê vặn đai ốc bánh xe



Bánh Phải: Đai ốc có kí hiệu R



Bánh Trái: Đai ốc có kí hiệu L



CHÚ Ý

- Không tháo lỏng đai ốc bánh xe quá nhiều. Đai ốc bánh xe sẽ bị hư.

- Đội xe để bánh hờ khỏi mặt đường hoàn toàn.
- Tháo tất cả các đai ốc bánh xe đã được nối lỏng, rồi sau đó tháo bánh xe. Tháo bánh xe cẩn thận để không làm hư các rãnh đầu ốc.
- Khi tháo một trong hai bánh sau, trước tiên là tháo đai ốc khỏi bánh ngoài, rồi tháo bánh xe đó. Sau đó, hạ xe xuống và tháo lỏng đai ốc bánh xe trong.
- Nâng xe lên trở lại, và rồi tháo bánh trong.
- Hãy kiểm tra các phần sau: mâm xe có bị biến dạng hay có vết nứt; trục xe có bị mòn quá ở chỗ gắn mâm và đầu ốc và các đai ốc có bị hư rãnh. Nếu tìm thấy có sự bất thường nào ở các phần trên, hãy kiểm tra tất cả các phần khác và thay mới các phần .hư

Các Điểm Để Đội Bánh Trước → Tham khảo trang 7-174

Các Điểm Để Đội Bánh Sau → Tham khảo trang 7-175

Gắn Bánh Xe



CẢNH BÁO

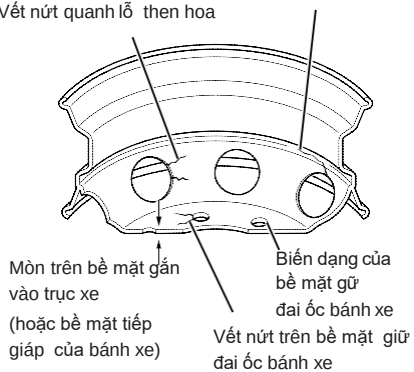
1. Một mâm xe, đầu bu -lông hoặc đai ốc bánh xe có tình trạng bất thường dễ gây gãy, khiến bánh xe bị sút khi đang hoạt động.
2. Đừng sơn lại các mặt phẳng tiếp giáp, các mặt phẳng giữ đai ốc và mặt phẳng gắn vào trục của mâm bánh xe. Lớp sơn dày có thể làm lỏng bu-lông và gãy đầu bu-lông bánh xe.



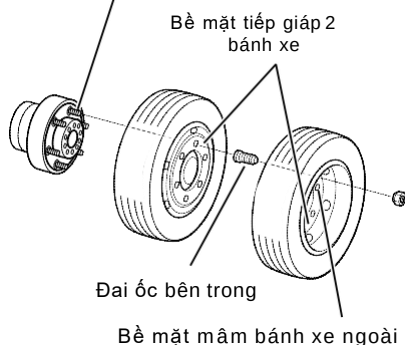
CHÚ Ý

3. Chỉ thay bánh xe khi bánh đã hở khỏi mặt đất. Nếu không, bánh xe gắn vào sẽ không đúng cách và hoạt động của xe sẽ bị ảnh hưởng xấu.
4. Loại bỏ bùn và rỉ sét khỏi bề mặt gắn vào trục bánh hoặc các bề mặt tiếp giáp giữa bánh xe. Nếu không, bánh xe có thể bị lỏng khi lái.

Vết nứt quanh lỗ then hoa



Bu-lông bánh xe



1. Hãy kiểm tra mâm bánh xe để tìm các tình trạng sau:

- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác xung quanh đầu bu-lông và các lỗ then hoa.
- Vết nứt hoặc hư hỏng khác hoặc sự biến dạng các mặt giữ đai ốc bánh xe.
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên mối hàn.
- Mòn hoặc các hư hỏng khác trên mặt gắn vào trục xe hoặc mặt tiếp giáp giữa các bánh xe.

2. Kiểm tra đầu bu-lông và các đai ốc bánh xe:

- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác.
- Độ dài của đầu bu-lông hoặc vết rỉ sét quá mức.
- Các đường gai bị gãy, mòn, dính chặt vào nhau.

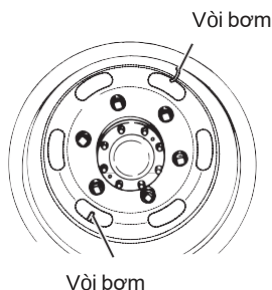
**CHÚ Ý**

- Loại bỏ rỉ sét và vết dơ khỏi đầu bu-lông và đai ốc bánh xe, nhẹ nhàng bôi trơn các răng ốc bằng dầu nhớt, dầu mỡ hoặc các dung dịch trợ lực lái và vận đai ốc trên đầu bu-lông. Nếu đai ốc không xoay nhẹ, các ren bu-lông đã bị hư.
- Nếu có đầu bu-lông nào bị gãy, hãy thay cả bộ bu-lông và đai ốc bánh xe.
- Nếu ren bu-lông bị hư, hãy thay cả bộ bu-lông và đai ốc bánh xe.

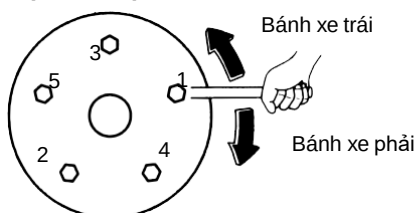
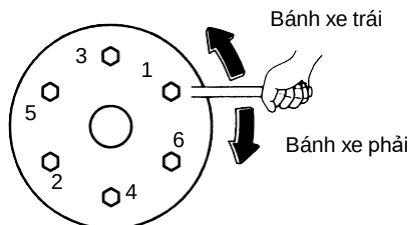
3. Loại bỏ rỉ sét, bụi và bùn khỏi mặt lắp mâm, mặt lắp vào trục hoặc các mặt tiếp giáp giữa bánh xe, và các mặt giữ đai ốc xe trên mâm, và khỏi các ren bu-lông và đai ốc.

**CHÚ Ý**

- Rửa mâm bánh xe để loại bỏ bụi và rỉ sét khỏi mặt tiếp giáp, mặt lắp trục, mặt nổi cầu. Cũng rửa sạch các mặt hông trên mỗi đai ốc.
- Nếu bạn vận chặt đai ốc bánh xe mà không loại bỏ bụi và rỉ sét thì sau này đai ốc không thể rơi lỏng và bánh xe có thể bị sút khi đang lái.



4. Khi gắn bánh xe, nhớ canh chỉnh sao cho bu-lông bánh xe lọt vào lỗ đầu bu-lông trên mâm.
- Khi gắn bánh sau hãy đặt bánh ngoài sao cho vòi bơm có góc 180° so với vòi bơm của bánh trong để có thể bơm cả hai bánh.

Vặn tuần tự đai ốc bánh xe**Bánh xe có 5 đai ốc****Bánh xe có 6 đai ốc**

5. Vặn đai ốc bằng tay cho đến khi nó chạm vào bề mặt của mâm, sau đó vặn chặt bằng tay tất cả các đai ốc cho đến khi bánh xe được giữ đúng vị trí không bị lỏng lẻo. Úp mặt đai ốc vào bên trong.
6. Vặn bu-lông chỉnh con đội theo chiều kim đồng hồ để hạ xe từ từ.
7. Vặn đai ốc bánh xe theo đường chéo và cách khoảng. Khi lắp bánh sau, hãy vặn chặt các đai ốc bánh trước rồi đến các đai ốc bánh ngoài.

**CHÚ Ý**

- Một số cờ-lê có sẵn ở thị trường tạo ra lực siết cao hơn lực siết chỉ định để vặn chặt đai ốc bánh xe. Nếu các đai ốc bánh xe được vặn chặt bởi loại cờ-lê này, các đầu bu-lông có thể bị gãy. Trước khi dùng súng hơi để mở đai ốc, hãy kiểm tra lực siết của nó có phù hợp với chỉ định hay không.

Khi dùng súng hơi, hãy điều chỉnh cẩn thận áp suất khí và chọn thời gian siết. Bước cuối cùng là siết đai ốc theo lực siết chỉ định bằng cần siết lực.

8. Sau cùng, siết chặt tất cả các đai ốc bằng cờ-lê với lực siết tiêu chuẩn. Phải siết chặt các đai ốc bánh trong phía sau trước khi siết các đai ốc bánh ngoài phía sau. Ngay khi bạn chỉ thay bánh sau bên ngoài.

Loại		Lực siết	Số lượng	Lực siết	Số lượng
Bánh đơn		140 - 200 N·m (14 - 20 kgf·m/ 101 - 145 lb·ft)	6	140 - 200 N·m (14 - 20 kgf·m/ 101 - 145 lb·ft)	6
Bánh đôi	Model tải nhỏ	140 - 200 N·m (14 - 20 kgf·m/ 101 - 145 lb·ft)	6	300 - 400 N·m (30 - 40 kgf·m/ 217 - 289 lb·ft)	6
		450 - 550 N·m (45 - 55 kgf·m/ 325 - 398 lb·ft)	5		
	Model tải khác	450 - 550 N·m (45 - 55 kgf·m/ 325 - 398 lb·ft)	5 hoặc 6	450 - 550 N·m (45 - 55 kgf·m/ 325 - 398 lb·ft)	5 hoặc 6

**KHUYẾN CÁO**

- Sau khi thay bánh xe, phải đánh tay lái theo hai hướng để bảo đảm rằng bánh xe không chạm vào các bộ phận khung gầm. Nếu bạn không rõ điều này xin hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.
- Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay bánh. Sau khi chạy 50-100 km (31 -62 dặm) với bánh mới thay, hãy siết chặt lại đai ốc bánh xe theo lực siết chỉ định của hướng dẫn trong phần “Siết lại các đai ốc bánh xe” trong chương này .

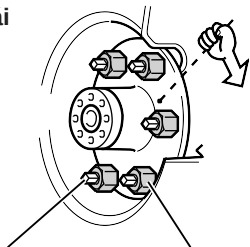
Siết Lại Đai Ốc Bánh Xe → Tham khảo trang 7-136

Siết Lại Đai Ốc Bánh Xe

Kiểm tra các đai ốc bánh xe để đảm bảo chúng đã được siết chặt theo lực siết tiêu chuẩn. Dùng phương pháp sau đây để kiểm tra độ lỏng các đai ốc bánh xe. Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay bánh. Sau khi lái từ 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm), nhớ siết lại các đai ốc bánh xe theo lực siết tiêu chuẩn.

Loại		Đai ốc bánh trước		Đai ốc bánh sau	
		Lực siết	Số lượng	Lực siết	Số lượng
Bánh đơn		140 - 200 N·m (14 - 20 kgf·m/ 101 - 145 lb·ft)	6	140 - 200 N·m (14 - 20 kgf·m/ 101 - 145 lb·ft)	6
Bánh đôi	Model tải nhỏ	140 - 200 N·m (14 - 20 kgf·m/ 101 - 145 lb·ft)	6	300 - 400 N·m (30 - 40 kgf·m/ 217 - 289 lb·ft)	6
		450 - 550 N·m (45 - 55 kgf·m/ 325 - 398 lb·ft)	5		
	Model tải khác	450 - 550 N·m (45 - 55 kgf·m/ 325 - 398 lb·ft)	5 hoặc 6	450 - 550 N·m (45 - 55 kgf·m/ 325 - 398 lb·ft)	5 hoặc 6

Siết lại đai ốc bánh đôi phía sau bên trái



Đai ốc bánh trong

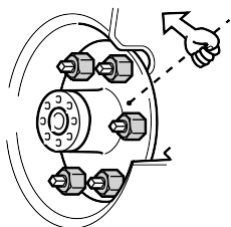
Đai ốc bánh ngoài

Bánh Đơn

Vặn các đai ốc bánh xe theo hướng siết đúng với lực siết chỉ định.

Bánh Đôi

1. Tháo lỏng các đai ốc bánh ngoài.



2. Vặn chặt các đai ốc bánh trong, theo lực siết tiêu chuẩn.
3. Kế tiếp vặn chặt các đai ốc bánh trong, theo lực siết tiêu chuẩn.

**CẢNH BÁO**

- Nếu thấy có bất thường nào về đai ốc bánh xe như thường xuyên lỏng ra sau khi đã siết chặt, hãy đưa xe đến kiểm tra và sửa chữa sớm tại đại lý Isuzu gần nhất.

**CHÚ Ý**

- Siết chặt đai ốc theo lực siết tiêu chuẩn. Tuy nhiên, đừng dùng ống nối dài hoặc chân để đạp vào. Điều này sẽ tạo ra lực siết lớn hơn mức cần thiết và có thể gây hỏng.
- Nếu siết nhẹ hoặc siết quá mức các đai ốc có thể làm cho đầu bu-lông bị gãy hay nứt mâm xe khiến bánh xe bị sút. Hãy theo đúng lực siết tiêu chuẩn.
- Khi thay bánh xe mới chỉ dùng bánh xe cùng loại và cùng kích cỡ, nếu không, việc lái xe sẽ không an toàn. Tránh tối đa việc dùng nhiều loại bánh xe có kích cỡ khác nhau.

Bánh Xe Dự Phòng

Sử dụng bánh xe dự phòng khi cần thay lốp tạm thời.

**CẢNH BÁO**

- Nếu không siết chặt dây xích giữ bánh xe dự phòng, bánh xe có thể tự rơi sút ra khi xe đang chạy trên đường.
- Rơi rớt bánh xe dự phòng rất nguy hiểm, có khả năng sẽ gây ra tai nạn trên đường

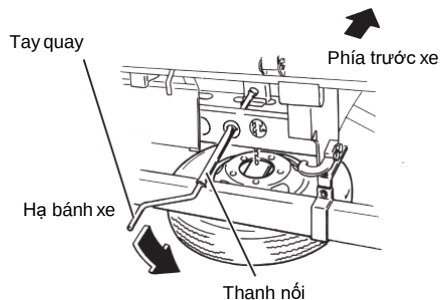
Kiểm Tra Bánh Xe Dự Phòng

1. Luôn kiểm tra bánh xe dự phòng đã được bắt chặt vào xe hay chưa mỗi khi sử dụng xong.
2. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu để sửa chữa thay thế pát treo bánh xe dự phòng nếu cần thiết.

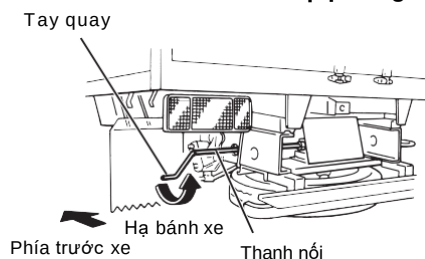
Tháo Bánh Xe

Tháo rời dụng cụ tay quay, và đưa tay quay vào lỗ giá đỡ bánh xe dự phòng và vận tay quay ngược chiều kim đồng hồ để tháo bánh xe.

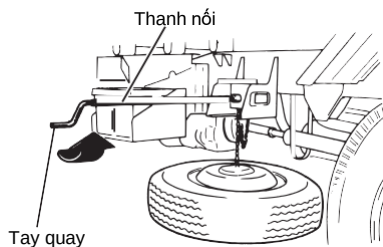
Bánh xe dự phòng ở cuối xe



Tháo bánh dự phòng

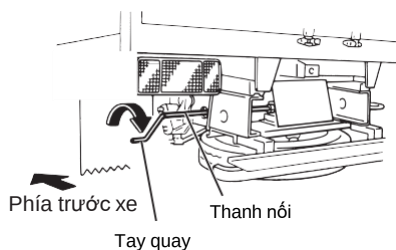
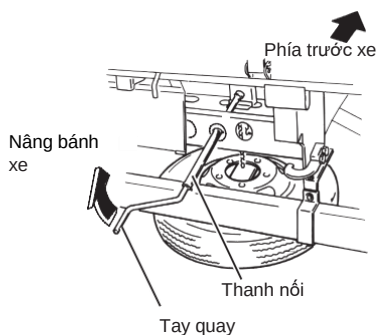
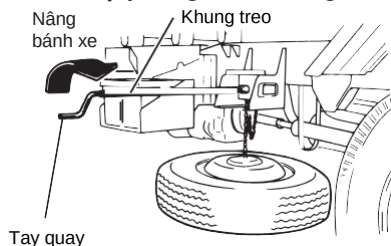


Bánh dự phòng ở bên hông xe



Bảo Quản Bánh Dự Phòng

Cất bánh xe dự phòng với mặt mâm hình nón hướng lên trên như trong hình. Nhét tấm kim loại chặn ở đầu dây xích vào lỗ giữa mâm xe và điều chỉnh vị trí của nó để bám chặt an toàn vào bánh xe dự phòng trước khi kéo căng dây xích.

Bánh xe dự phòng ở cuối xe**Bánh dự phòng ở bên hông xe**

- Xoay tay quay tháo bánh xe dự phòng để căng dây xích với lực cỡ 196 N (20 kgf/44 lb) trên tay quay và bảo đảm rằng bánh xe dự phòng ở đúng chỗ một cách chắc chắn.
- Sau khi lắp bánh xe dự phòng, hãy kiểm tra xem nó có lỏng hay không bằng cách đập mạnh vào bánh xe bằng chân. Nếu bánh xe lỏng hãy siết chặt lại. Nếu bạn không thể siết chặt bánh xe vào giá đỡ, đừng lái xe mà hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Áp Suất Hơi Bánh Xe

Hãy kiểm tra áp suất hơi bánh xe dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất tại các thời điểm chỉ định trong lịch bảo dưỡng.

Dù bánh xe đã được bơm với áp suất tiêu chuẩn, áp suất của nó vẫn sẽ giảm dần qua thời gian do xì hơi. Do đó bạn nên bơm với áp suất cao hơn đôi chút so với áp suất tiêu chuẩn.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Bộ Ly Hợp M/T**CHÚ Ý**

- Chở quá tải có thể làm trượt / hư hỏng ở các bộ phận trong hệ thống ly hợp.

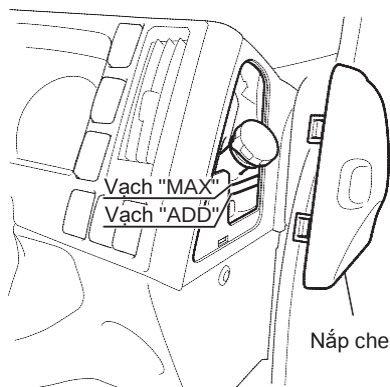
Ở xe sử dụng hệ thống phanh thủy lực, bình dầu phanh ly hợp sử dụng chung cho cả hệ thống phanh.

Dầu Ly Hợp**CHÚ Ý**

- Cẩn thận đừng để dính dầu ly hợp trên bề mặt sơn hoặc dính vào da bạn. Nếu dầu dính vào bề mặt sơn hoặc dính vào da, hãy rửa sạch dầu bằng nước và lau sạch ngay lập tức.
- Chỉ dùng dầu ly hợp theo chỉ định và thay nó theo đúng lịch bảo dưỡng.
- Dầu ly hợp dễ hấp thu khí ẩm. Hãy đóng chặt nắp bình chứa.
- Không dùng dầu ly hợp trộn lẫn với dầu các nhãn hiệu khác.
- Khi châm dầu ly hợp vào bình, hãy cẩn thận đừng để bụi hay nước lọt vào bình. Bụi hay nước có thể làm hoạt động ly hợp không tốt.
- Nếu dầu ly hợp tụt giảm nhanh, có thể có trục trặc trong hệ thống ly hợp hoặc đĩa ly hợp bị mòn quá mức cho phép. Hãy đem xe đến kiểm tra tại đại lý Isuzu gần nhất.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-232



Kiểm Tra Mức Dầu Ly Hợp

Tháo nắp che phía bên phải của táp -lô. Phải xác định rằng mức dầu trong bình chứa nằm giữa vạch MAX và ADD.

Nếu không thấy được mức dầu, hãy lắc nhẹ xe.

Châm Thêm Dầu Ly Hợp

Nếu mức dầu ly hợp đã giảm dưới vạch ADD, hãy tháo nắp bình dầu ly hợp. Châm thêm dầu ly hợp vào cho tới vạch MAX .



CHÚ Ý

- Trước khi châm dầu vào bình, hãy lau sạch khu vực chung quang miệng và châm dầu ly hợp từ bình chứa sạch. Các vật lạ rơi vào bình sẽ dẫn đến hư hỏng hệ thống ly hợp.
- Dầu ly hợp làm chảy các vật liệu phủ sơn, các bộ phận xe bằng nhựa mềm và cao su. Nó cũng gây bào mòn trên kim loại. Nếu bị dính, hãy lau sạch vùng này ngay lập tức hoặc dùng nước để rửa.
- Đừng trộn lẫn dầu ly hợp với dầu các nhãn hiệu không được chỉ định. Do phản ứng hóa học, bất kỳ hỗn hợp dung dịch nào từ các nhãn hiệu khác nhau sẽ gây hư hỏng trong hệ thống ly hợp.

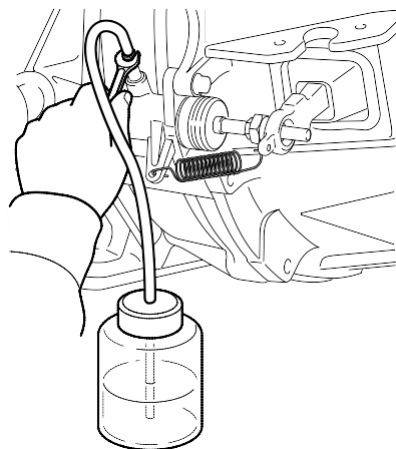
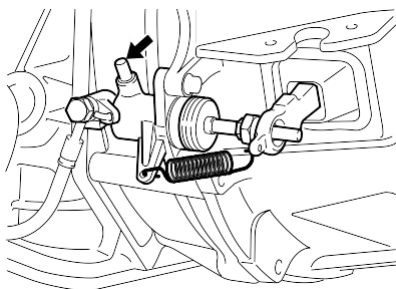
Thay Dầu Ly Hợp

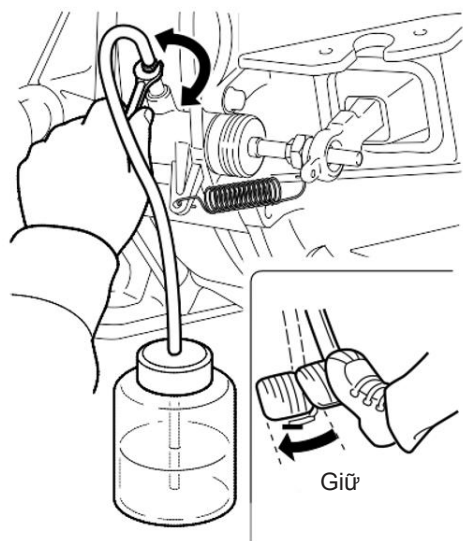
Thay dầu ly hợp theo lịch bảo dưỡng bằng loại dầu chỉ định. Vì việc thay dầu ly hợp cần phải tháo một số chi tiết trên xe, cho nên hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc này.

Xả Gió Hệ Thống Ly Hợp

Nếu không khí có trong hệ thống ly hợp, bộ ly hợp có thể không ngắt nhả hoàn toàn. Hãy xả gió hệ thống khi lượng dầu trong bình quá thấp hoặc do các đường ống của bộ ly hợp bị tháo ra trong quá trình bảo dưỡng. Đừng tự thực hiện xả gió; nên làm cùng với sự giúp đỡ của người khác.

1. Chêm bánh xe và cài chắc phanh tay.
2. Kiểm tra mức dầu ly hợp trong bình chứa và châm thêm dầu theo yêu cầu.
3. Tháo nắp cao su ra khỏi nút xả gió trên xy lanh ly hợp. Lau sạch nút xả gió.
4. Nối một đầu ống nhựa mềm vào nút xả, đầu kia vào bình chứa trong suốt. Châm dầu ly hợp vào bình chứa đến khoảng 1/3 dung tích của nó.





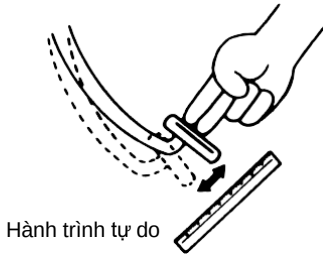
5. Đạp bàn đạp ly hợp vài lần và giữ bàn đạp ấn xuống.
6. Vận lỏng nút xả gió để thấy các bọt khí chạy vào bình chứa; sau đó siết chặt nút xả gió ngay.
7. Hãy nhả bàn đạp ly hợp từ từ. Lặp lại bước 5 và 6 cho đến khi dầu từ đường ống không còn bọt khí nữa. Sau khi xả, hãy gắn nắp cao su vào vị trí.

**CHÚ Ý**

Trong lúc xả gió, luôn quan sát và đảm bảo mức dầu ly hợp trong bình chứa không nằm dưới vạch "ADD".

Bàn Đạp Ly Hợp

Đĩa bố ly hợp sẽ mòn trong quá trình sử dụng và điều này khiến hành trình tự do của bàn đạp ly hợp bị giảm. Nếu bạn tiếp tục dùng bộ ly hợp đó, bộ ly hợp dễ bị trượt. Mặt khác, việc ngắt ly hợp sẽ kém đi, làm cho việc sang số khó khăn.



Kiểm Tra Bàn Đạp Ly Hợp

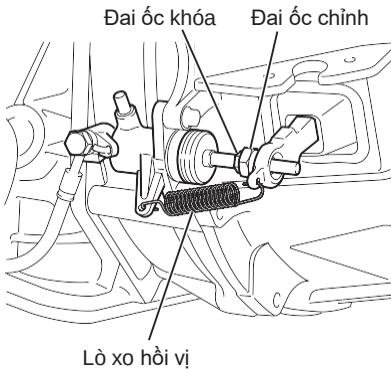
1. Nhấn nhẹ bàn đạp ly hợp bằng tay cho đến khi bạn cảm thấy bị vướng lại.

Khoảng cách di chuyển của bàn đạp đến điểm này là hành trình tự do.

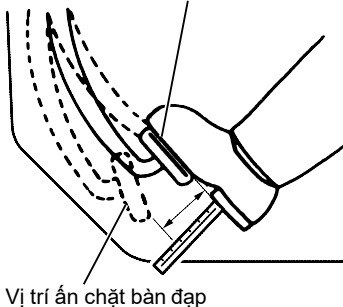
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp

15 - 25 mm
(0.59 - 0.98 in)

[Điều chỉnh]



Vị trí trước khi ly hợp bắt đầu ngắt



2. Phải xác định cần phanh tay được cài chặt. Hãy khởi động và cho động cơ chạy cầm chừng, rồi sau đó đạp hết mức vào bàn đạp ly hợp.

3. Di chuyển cần số về số 1 và nhả bàn đạp từ từ. Bàn đạp ly hợp bình thường nếu khoảng cách từ vị trí ấn chặt cho đến vị trí ngay trước khi bộ ly hợp ngắt là 20mm (0,79 in) hoặc hơn.

Ngoài ra cũng cần kiểm tra bộ ly hợp có ngắt nhả một cách êm ái hay không khi xe di chuyển từ từ.

**KHUYẾN CÁO**

- Hãy nhả bàn đạp ly hợp cẩn thận để tránh xe vọt chạy bất thành lình.

Nhớt Hộp Số

Hãy thay nhớt hộp số theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203



KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng lượng nhớt như hướng dẫn bên dưới khi thay nhớt hộp số. Sau khi thay nhớt phải bảo đảm nhớt ở đúng mức yêu cầu.
- Nhớt thải ra phải được xử lý theo đúng quy định của nhà nước.

Dung tích nhớt cần thay

Loại hộp số		Lượng nhớt [tham khảo] Lít (US gal./Imp gal.)	
		Có PTO	Không có PTO
MSB5M/MSB5S/MSB5K	5 Cấp	2.7 (0.71/ 0.59)	3.0 (0.79/ 0.66)
MY5T/MY5M (không có hộp số phụ)	5 Cấp	2.8 (0.74/ 0.62)	3.1 (0.82/ 0.68)
MY5T (có hộp số phụ)	5 cấp	3.5 (0.92/ 0.77)	3.8 (1.00/ 0.84)
MY6S/MY6E	6 cấp	3.5 (0.92/ 0.77)	3.8 (1.00/ 0.84)
MZ6F/MZ6U	6 cấp	4.4 (1.16/ 0.97)	—



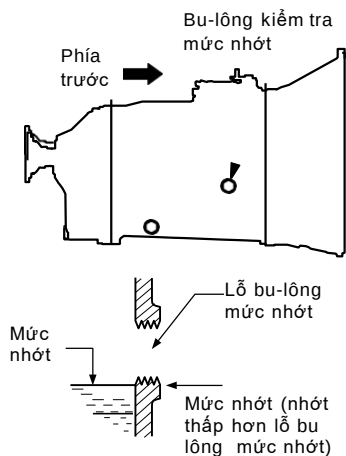
LƯU Ý

- Model hộp số được biểu thị bằng mã tùy chọn trên đồng hồ tap-lô.

Mã Tùy Chọn → Tham khảo trang 1-5

Kiểm Tra Mức Nhớt

Tháo bu- lông kiểm tra mức nhớt.



1. Kiểm tra mức nhớt cao hơn hay thấp hơn lỗ bu-lông mức nhớt.

Mức nhớt đúng nằm trong khoảng 0 và 10mm (0 và 0,39 in) cạnh lỗ bu-lông mức nhớt.

Nếu mức nhớt quá thấp hãy châm nhớt qua lỗ bu-lông mức nhớt.

2. Siết bu-lông mức nhớt theo chiều chỉ định.

Đồng thời kiểm tra sự rò rỉ nhớt của hộp số.

Lực siết bu-lông

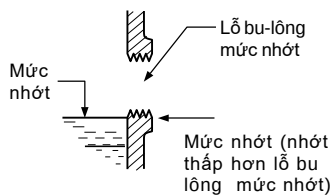
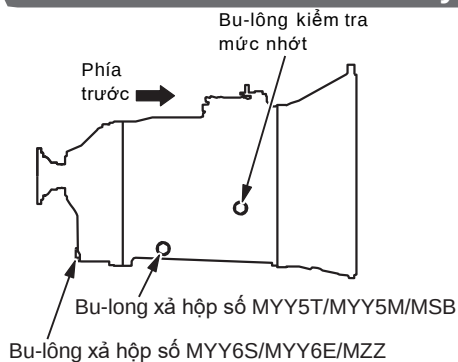
Hộp số MYY/MZZ	39 N·m (4.0 kgf·m/29 lb·ft)
Hộp số MSB	49 N·m (5.0 kgf·m/36 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

Bất kì vết bẩn nào trên bu-lông cũng phải được lau sạch trước khi gắn lại.

Thay Nhớt



Đặt khay chứa dưới bu-lông xả để xả nhớt.

1. Tháo cả bu-lông mức nhớt.
2. Sau khi gắn bu-lông xả bằng cách vặn theo lực siết chỉ định, châm nhớt vào hộp số qua lỗ mức nhớt cho đến cạnh dưới của lỗ.

Lực siết bu-lông mức nhớt

Hộp số MYY/MZZ	39 N·m (4.0 kgf·m/29 lb·ft)
Hộp số MSB	49 N·m (5.0 kgf·m/36 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Vết bẩn trên bu-lông cần được lau sạch trước khi gắn vào.

3. Sau khi châm thêm phải kiểm tra mức nhớt cao lên cạnh dưới lỗ mức nhớt.

4. Gắn bu-lông mức nhót bằng cách siết theo lực chỉ định.

Kiểm tra xem nhót có rò rỉ hay không

Lực siết bu-lông xả nhót	
Hộp số MYY/MZZ	39 N·m (4.0 kgf·m/29 lb·ft)
Hộp số MSB	49 N·m (5.0 kgf·m/36 lb·ft)

**KHUYẾN CÁO**

- Hộp số MYY được làm bằng nhôm. Vì vậy phải cực kỳ cẩn thận không siết bu-lông mức nhót và bu-lông xả quá mức. Nếu không đường ren bu-lông sẽ bị hư.

Nhớt Ly Hợp Trong Hộp Số Bán Tự Động

SA

Nếu xe trang bị hộp số bán tự động thì cần thay thế Nhớt ly hợp định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

**KHUYẾN CÁO**

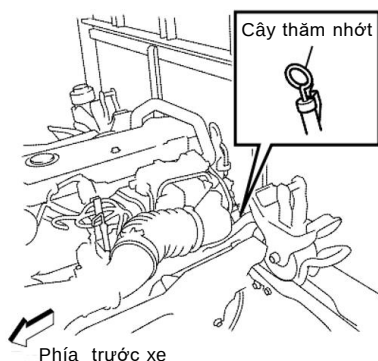
- Phải luôn đảm bảo sử dụng đúng số lượng và chất lượng dầu đúng loại được khuyến cáo.
- Châm quá nhiều nhớt cũng sẽ không tốt. Sẽ gây ra rò rỉ.
- Châm không đủ sẽ làm hư hỏng hệ thống.
- Đừng để nhớt ly hợp bị trộn lẫn với các dung dịch khác như dầu phanh, nước làm mát....

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203



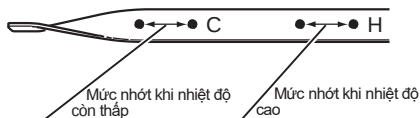
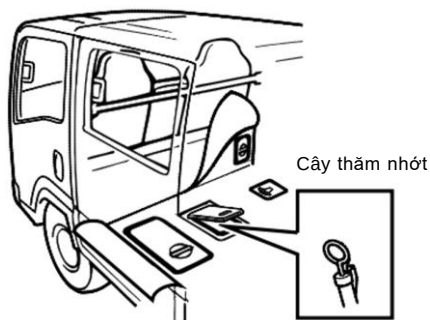
Kiểm Tra Mức Nhớt

Model cabin đơn



1. Đậu xe tại nơi bằng phẳng, kéo phanh tay, chuyển sang tay số "N"
2. Khởi động động cơ.
3. Rút cây thăm nhớt & chùi sạch bằng giẻ lau.
4. Nổ máy chạy cầm chừng, gắn trở lại cây thăm nhớt và kiểm tra xem mức nhớt có nằm ở mức "C" (khi nhiệt độ nhớt còn thấp) hoặc ở mức "H" (khi nhiệt độ nhớt cao) hay không.
5. Nếu nhớt không đủ, hãy châm thêm.
6. Sau khi kiểm tra xong, gắn trở lại cây thăm nhớt.

Cabin đôi



Mức	Nhớt ly hợp
(C)	Khoảng 20 - 30°C (68 - 86°F)
(H)	Khoảng 70 - 80°C (158 - 176°F)



CHÚ Ý

- Nhớt ly hợp rất nóng, hãy cẩn thận đừng để nhớt bắn vào người.

Thay Nhớt Ly Hợp

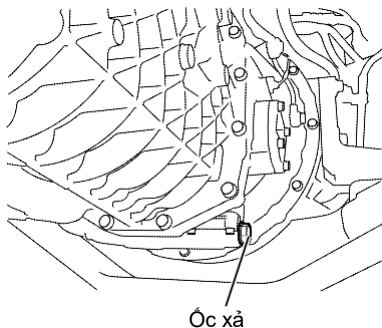
Thay Nhớt Ly Hợp

Thay thế nhớt ly hợp định kỳ theo lịch khuyến cáo.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

**KHUYẾN CÁO**

- Sau khi thay nhớt ly hợp, cần kiểm tra lại mức nhớt xem có nằm trong tiêu chuẩn hay không.
- Nhớt thải ra cần được xử lý theo đúng quy định nhà nước.



1. Đặt khay chứa nhớt bên dưới hộp số
2. Nâng cabin.
3. Rút cây thăm nhớt.
4. Tháo ốc xả để xả nhớt vào khay chứa.

**CHÚ Ý**

- Nhớt ly hợp rất nóng, hãy cẩn thận đừng để nhớt bắn vào người.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng nên tái sử dụng long đèn tại ốc xả.

5. Gắn trở lại ốc xả.

Lực siết tiêu chuẩn

29 - 49 N·m (3.0 - 5.0 kgf·m/**22 - 36 lb·ft**)

6. Châm nhớt ly hợp mới.

7. Kiểm tra mực nhớt sau khi châm.

Kiểm Tra Mực Nhớt Ly Hợp → Tham khảo trang 7-152

Nhớt Cầu Sau

Mức nhớt cầu sau phải được kiểm tra và thay mới theo lịch bảo dưỡng.

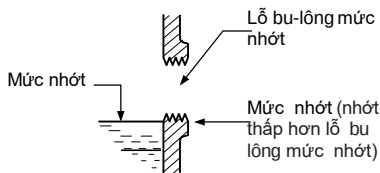
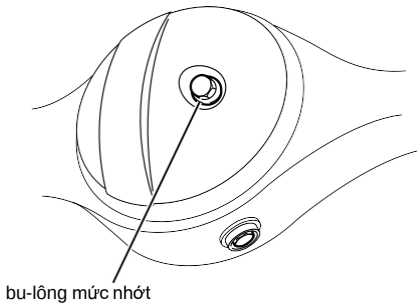


KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng lượng nhớt chỉ định bên dưới phần này như cách hướng dẫn khi thay nhớt.
- Sau khi thay nhớt phải bảo đảm nó ở đúng mức quy định.
- Nhớt thải ra phải được loại bỏ theo đúng qui định của nhà nước.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Kiểm Tra Mức Nhớt



1. Tháo bu-lông mức nhớt.

2. Kiểm tra mức nhớt có lên đến cạnh dưới của lỗ bu-lông mức nhớt hay không.

Nếu mức nhớt quá thấp hãy châm thêm nhớt qua lỗ bu-lông mức nhớt.

3. Siết chặt bu-lông mức nhớt theo lực siết tiêu chuẩn.

Lực siết tiêu chuẩn

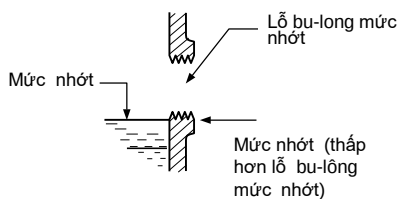
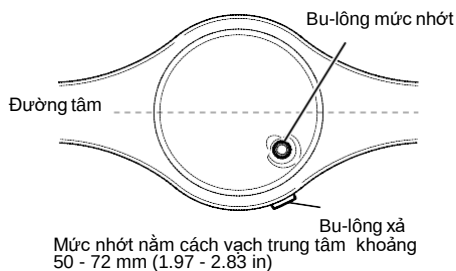
78.4 N·m (8.0 kgf·m/58 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Lau sạch mọi bụi bẩn trên bulong nhớt trước khi gắn lại vào máy.

Thay Nhớt Cầu Sau



1. Đặt khay chứa dưới bu-lông xả để xả nhớt.
2. Tháo bu-lông xả để xả nhớt vào khay chứa.
3. Siết chặt lại bu-lông xả với lực siết tiêu chuẩn, châm thêm nhớt vào đến mức như hình vẽ minh họa.

Lực siết tiêu chuẩn của bu-lông xả

78.4 N·m (8.0 kgf·m/58 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Phải lau sạch các vết bẩn trên bu-lông trước khi gắn

4. Sau khi châm, cần kiểm tra lại mức nhớt.

5. Gắn và siết chặt bu-lông mức nhớt theo lực siết tiêu chuẩn.

Lực siết tiêu chuẩn của bu-lông xả

78.4 N·m (8.0 kgf·m/58 lb·ft)

Dung Tích Nhớt Cầu Sau

Thông số	Dung tích nhớt [tham khảo]
Bánh răng vành chậu $\phi 244$ mm	2.7 lít (0.71 US gal./0.59 Imp gal.)
Bánh răng vành chậu $\phi 292$ mm	3.0 lít (0.79 US gal./0.66 Imp gal.)
Bánh răng vành chậu $\phi 320$ mm (loại khung xe không thẳng)	3.4 lít (0.90 US gal./0.75 Imp gal.)
Bánh răng vành chậu $\phi 320$ mm (loại khung xe thẳng)	4.3 lít (1.14 US gal./0.95 Imp gal.)
Bánh răng vành chậu $\phi 343$ mm	5.2 lít (1.45 US gal./1.21 Imp gal.)

Xe Trang Bị Hệ Thống (LSD) ☐

Dung tích nhớt châm thêm cho hệ thống LSD

Thông số	Dung tích nhớt (tham khảo)
$\phi 292$ mm bánh răng cuối	1 bình (118 ml (4 fl oz))
$\phi 320$ mm bánh răng cuối	1 bình (118 ml (4 fl oz))

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng đúng loại nhớt được Isuzu khuyến cáo.

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng
→ Tham khảo trang 7-232

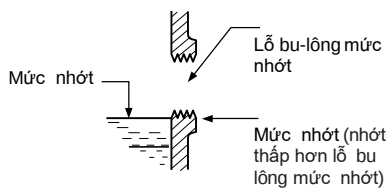
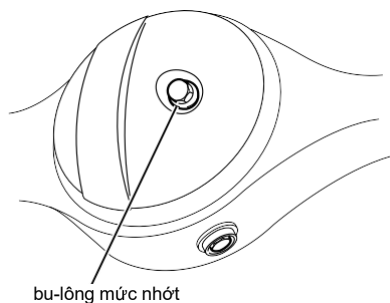
Nhớt Cầu Trước

V

Nhớt cầu trước cũng cần được kiểm tra và thay thế định kỳ theo khuyến cáo trong lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng định kỳ → Tham khảo trang 7-203

Kiểm Tra Mức Nhớt



1. Tháo bu-lông mức nhớt
2. Kiểm tra mức nhớt có lên đến cạnh dưới của lỗ bu-lông mức nhớt hay không.
Nếu mức nhớt quá thấp hãy châm thêm nhớt qua lỗ bu-lông mức nhớt.
3. Siết chặt bu- lông mức nhớt theo lực chỉ định.

Lực siết tiêu chuẩn

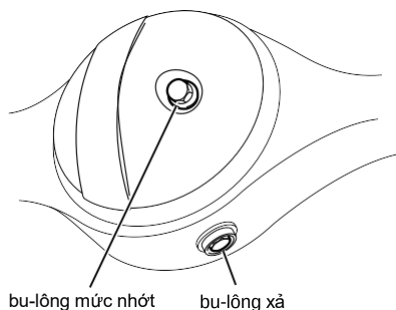
84 N·m (8.6 kgf·m/62 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Phải lau sạch bu lông trước khi gắn trở lại.

Thay Nhớt Cầu Trước



1. Đặt khay chứa dưới bu-lông để xả nhớt

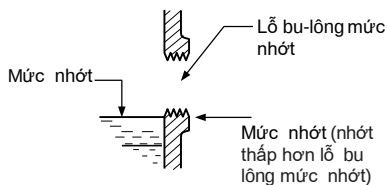


KHUYẾN CÁO

- Cần phải kiểm tra lại mức nhớt sau khi thay để đảm bảo nằm trong mức quy định.
- Nhớt thải phải được xử lý theo đúng quy định nhà nước.

2. Tháo bu lông để xả nhớt vào khay chứa

3. Siết lại bu lông xả với lực siết tiêu chuẩn, châm thêm nhớt vào đến mức in như hình vẽ



Lực siết tiêu chuẩn

84 N·m (8.6 kgf·m/62 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Phải lau sạch các vết bẩn trên bu-lông trước khi gắn.

Lượng nhớt cầu vi sai trước cần châm thêm (tham khảo)

Lượng nhớt (tham khảo)

2.7 lít (0.71 US gal./0.59 Imp gal.)

4. Sau khi châm, cần kiểm tra lại mức nhớt.
5. Gắn và siết chặt bu-lông mức nhớt theo lực siết tiêu chuẩn.

Lực siết tiêu chuẩn

84 N·m (8.6 kgf·m/62 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

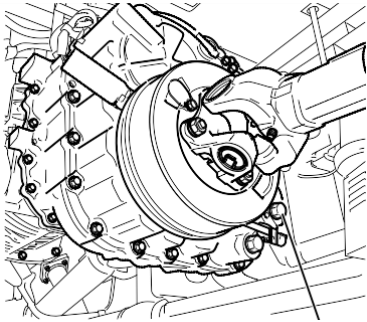
- Phải lau sạch các vết bẩn trên bu lông trước khi gắn.

Hộp Số Phụ V

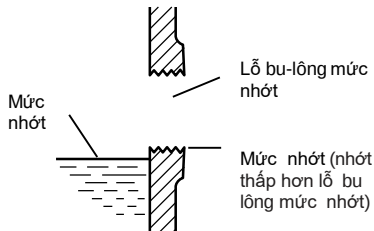
Nhớt hộp số phụ cũng cần được kiểm tra và thay thế định kỳ theo khuyến cáo trong lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng định kỳ → Tham khảo trang 7-203

Kiểm Tra Mức Nhớt



bu-lông mức nhớt



1. Tháo bu lông mức nhớt
2. Kiểm tra mức nhớt có lên đến cạnh dưới của lỗ bu-lông mức nhớt hay không.
Nếu mức nhớt quá thấp hãy châm thêm nhớt qua lỗ bu-lông mức nhớt.
3. Siết chặt bu- lông mức nhớt theo lực chỉ định.

Lực Siết Tiêu Chuẩn

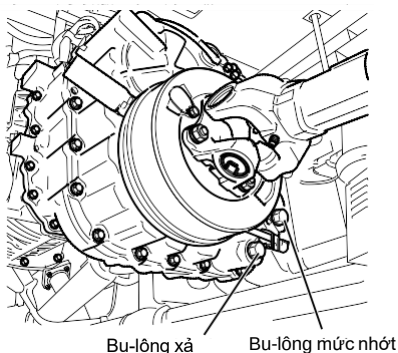
39 N·m (4.0 kgf·m/29 lb·ft)



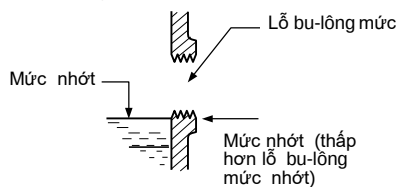
KHUYẾN CÁO

- Phải lau sạch các vết bẩn trên bu-lông trước khi gắn trở lại.
- Vỏ hộp số phụ được làm bằng nhôm, siết quá lực sẽ rất dễ làm hư hỏng hộp số phụ.

Thay Nhớt Hộp Số Phụ



Mức nhớt nằm cách vạch trung tâm khoảng 50 - 72 mm (1.97 - 2.83 in)



1. Đặt khay chứa dưới bu-lông xả để xả nhớt.
2. Tháo bu-lông xả để xả nhớt vào khay chứa.



KHUYẾN CÁO

- Cần phải kiểm tra lại mức nhớt sau khi thay để đảm bảo nằm trong mức quy định.
- Nhớt thải phải được xử lý theo đúng quy định nhà nước.

3. Siết chặt lại bu-lông xả với lực siết tiêu chuẩn, châm thêm nhớt vào đến mức như hình vẽ minh họa.

Lực siết tiêu chuẩn

39 N·m (4.0 kgf·m/29 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Phải lau sạch các vết bẩn trên bu-lông trước khi gắn

Lượng Nhớt (tham khảo)

1.8 lít (0.48 US gal./0.40 Imp gal.)

4. Sau khi châm, cần kiểm tra lại mức nhớt.
5. Gắn và siết chặt bu-lông mức nhớt theo lực siết tiêu chuẩn.

Lực siết tiêu chuẩn

39 N·m (4.0 kgf·m/29 lb·ft)

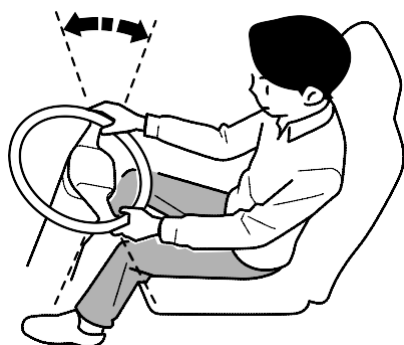


KHUYẾN CÁO

- Phải lau sạch các vết bẩn trên bu-lông trước khi gắn trở lại.
- Vỏ hộp số phụ được làm bằng nhôm, siết quá lực sẽ rất dễ làm hư hỏng hộp số phụ.

Tay Lái

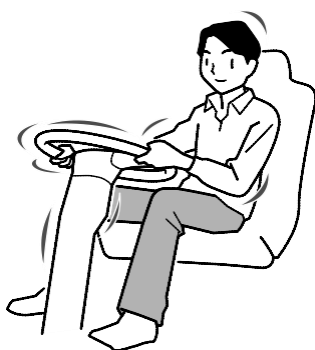
Kiểm Tra Tay lái



Để động cơ hoạt động cầm chừng, để thẳng tay lái, sau đó dùng hai tay nắm lắc nhẹ qua trái và phải để kiểm tra độ rơ tay lái như hình minh họa.

**Độ rơ tay lái
tiêu chuẩn**

10 - 50 mm (0.39 - 1.97 in)



Nắm chặt tay lái bằng hai tay, sau đó nắm lắc tay lái theo hướng lên, xuống, trái phải để kiểm tra xem có bị rơ lỏng hay không. Khi chạy xe trên đường cũng phải đồng thời kiểm tra việc tự động hồi trả tay lái sau khi đánh lái.

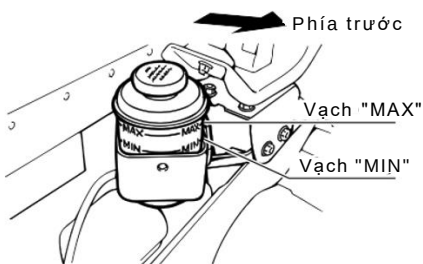
**CHÚ Ý**

- Nếu phát hiện tay lái có bất kì hiện tượng gì bất thường, hoặc độ rơ quá mức cho phép, hãy mang xe đến kiểm tra tại các đại lý Isuzu gần nhất.

Dầu Trợ Lực Lái

Mức dầu trợ lực lái phải được kiểm tra và thay theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Kiểm Tra Mức Dầu Trợ Lực Lái

Mức dầu đúng nếu nằm giữa vạch MAX và MIN trên bình dầu. Nếu mức này thấp hơn vạch MIN, hãy châm thêm cho đến vạch MAX.

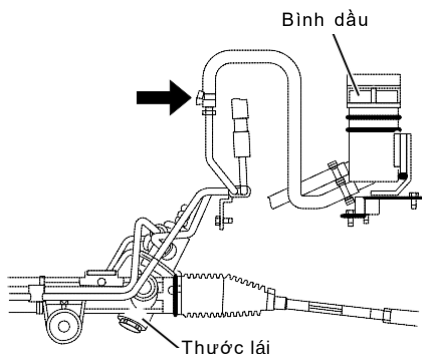
Bình chứa được đặt phía sau cabin bên phải. Khi bạn kiểm tra xong mức dầu, hãy vặn chặt nắp đậy.

**CHÚ Ý**

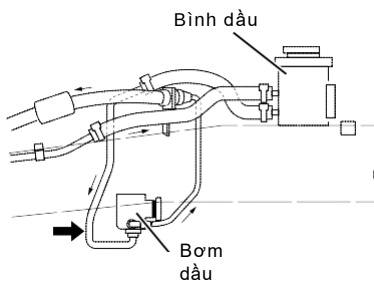
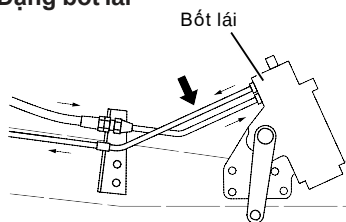
- Trước khi châm thêm dầu hãy lau sạch khu vực quanh nắp và chế nhớt từ bình sạch hoặc qua bộ lọc. các vật lạ lọt vào bình sẽ gây hư hỏng hệ thống trợ lực lái.
- Đừng trộn lẫn dầu nhớt trợ lực lái theo chỉ định với các loại nhớt nhãn hiệu khác. Do phản ứng hoá học các dung dịch nhãn hiệu khác nhau sẽ gây hỏng hệ thống.

Thay Dầu Trợ Lực Lái

Dạng thước lái

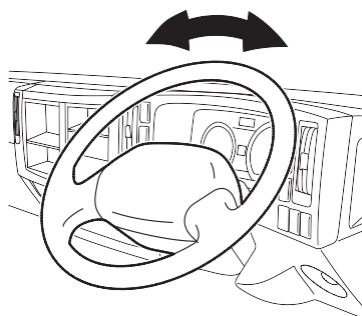
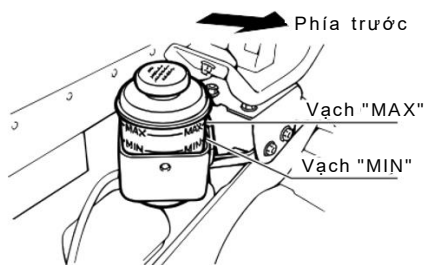


Dạng bột lái



Xả dầu

1. Cài chặt phanh tay và chêm các bánh sau.
2. Kê con đội chắc chắn vào bên dưới xe.
3. Nâng xe cho đến khi bánh trước hoàn toàn hờ khỏi đất
4. Tháo ống dầu giữa thước lái/ bốt lái và bình dầu cũng như ống nhựa nằm giữ bơm và bình, rồi xả dầu trợ lực lái ra.
5. Khi dầu trợ lực lái đã xả hết hoàn toàn, hãy đánh lái hồ mức qua bên trái và phải vài lần để đẩy hết dầu còn sót trong đường ống.



Châm Thêm Dầu

1. Gắn trở lại các đường ống dầu, sau đó châm nhốt vào bình bằng loại dầu trợ lực lái theo chỉ định.
2. Khi bình chứa đầy dầu lên đến mức chỉ định, hãy đợi khoảng 2 - 3 phút để mức dầu cân bằng.
3. Đừng khởi động động cơ, hãy đánh lái hết mức cả 2 chiều vài lần.
4. Hạ xe và khởi động động cơ. Trong khi động cơ hoạt động ở chế độ cầm chừng, hãy đánh lái hết mức theo hai hướng nhiều lần. Nếu bạn không nghe âm thanh bất thường nào, có nghĩa hệ thống đã xả gió hoàn chỉnh.



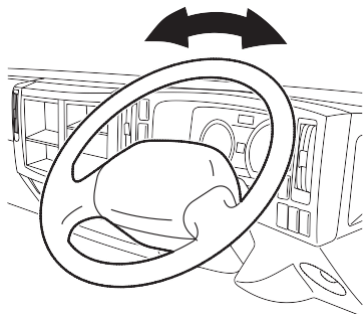
CHÚ Ý

- Trong khi châm dầu, hãy tuân thủ các nguyên tắc để ngăn ngừa cho không khí lọt vào hệ thống thủy lực.

Xả Gió

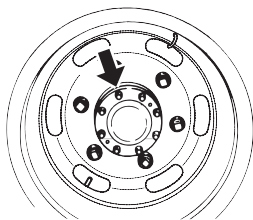
Nếu bạn nghe âm thanh bất thường nào khi đánh lái, có nghĩa đã có không khí lọt vào hệ thống thủy lực. Hãy làm các bước sau để xả gió hệ thống.

1. Cài chặt phanh tay và chèn các bánh sau.
2. Kê con đội chắc chắn vào xe.
3. Nâng xe cho đến khi bánh trước hoàn toàn hờ khỏi mặt đất.



4. Hãy khởi động động cơ. Đánh hết lái vài lần về hai phía.
5. Hạ xe xuống. Để động cơ hoạt động và đánh hết lái vài lần về cả hai hướng. Nếu bạn không nghe âm thanh bất thường nào, hệ thống đã được xả gió hoàn chỉnh. Nếu bạn còn nghe âm thanh bất thường điều này có nghĩa là còn không khí bên trong hệ thống trợ lực lái. Để loại bỏ không khí còn sót lại bên trong hệ thống, hãy đánh hết lái vài lần về cả hai hướng để tăng nhiệt độ. Khi nhiệt độ dầu đã tăng lên khoảng từ 60 - 80°C, hãy dừng động cơ và đợi 5 phút (để không khí thoát ra khỏi nhớt có nhiệt độ cao).
6. Kiểm tra mức nhớt trong bình chứa và cũng nên kiểm tra các vòng đệm.
7. Thử lái xe trên đường để kiểm tra tay lái đánh êm ái và hệ thống không có phát ra âm thanh bất thường nào.

Mỡ Bạc Đạn Trục Bánh Xe



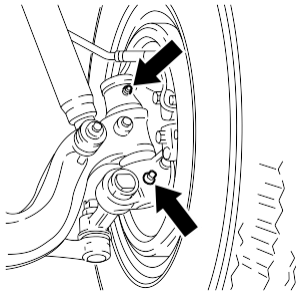
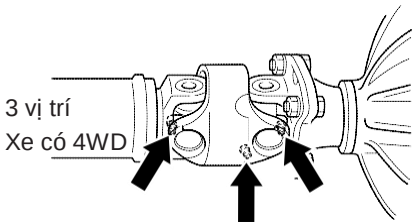
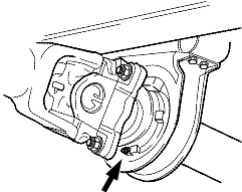
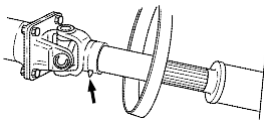
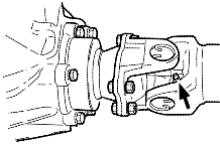
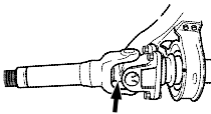
Vì việc vô mỡ bạc đạn trước và sau cần phải tháo và lắp bánh xe, hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc này.

Vô Mỡ Các Bộ Phận Khung Gầm Xe

Các loại mỡ chỉ định để sử dụng cho các chi tiết khung gầm khác với mỡ dùng cho các bộ phận khác. Phải bảo đảm chỉ dùng loại mỡ chỉ định cho từng bộ phận và thực hiện việc vô mỡ theo lịch bảo dưỡng.

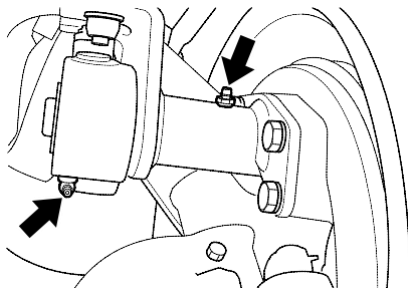
Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-232

Đùm Trục (trái và phải)  2 vị trí bơm mỡ	Trục Truyền Động Các-Đăng  3 vị trí Xe có 4WD
Bạc Đạn Treo Trục Các-Đăng 	Trục Truyền Động 
Khớp Nối Các-Đăng  	

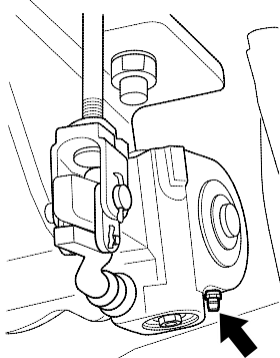
**KHUYẾN CÁO**

- Các vị trí vô mỡ trên khớp các-đăng phải được vô mỡ đúng cách (chảy tràn ra các điểm vô mỡ). Sau khi vô mỡ, hãy lau sạch mỡ dư.

Phanh Trước (Trái và Phải)

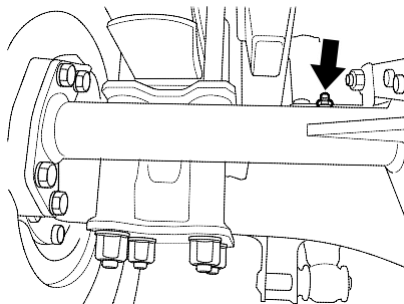
Hai điểm vô mỡ

FAB Áp dụng cho xe trang bị hệ thống phanh hơi toàn phần

Phanh Sau (Trái và Phải)

Hai điểm vô mỡ

FAB Áp dụng cho xe trang bị hệ thống phanh hơi toàn phần



KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC

• Sử Dụng Con Đội	7-172
• Dung Dịch Nước Rửa Kính	7-176
• Cản Gạt Nước	7-177
• Đèn Chiếu Sáng Và Đèn Báo Rẽ	7-180
• Sử Dụng Bình Accu (Bình Điện)	7-181
• Lọc Điều Hòa Không Khí ☐	7-189
• Gas Lạnh ☐	7-191

Sử Dụng Con Đội



CẢNH BÁO

- Nâng xe bằng con đội có thể gây tai nạn nếu thực hiện trên mặt đất mềm hoặc không bằng phẳng. Phải bảo đảm rằng bạn luôn luôn tiến hành việc này trên bề mặt phẳng và cứng.
- Luôn luôn chắc phanh tay và chêm bánh xe đúng cách trước khi đội xe. Chỉ cài phanh tay không đủ để ngăn xe di chuyển; khi bánh sau được đội lên, xe chỉ cài phanh tay có thể di chuyển gây ra tình huống rất nguy hiểm.
- Phải bảo đảm không có người hoặc vật trên xe trước khi đội.
- Để bảo đảm an toàn, các cửa không bao giờ được mở ra và động cơ không khởi động khi tiến hành việc đội xe.
- Nếu cần làm việc dưới gầm sau khi đội lên, phải dùng mề kê xe sau khi đội.
- Chỉ đặt con đội và đứng điểm được chỉ định. Thêm nữa cần phải chắc rằng nó tiếp xúc tốt với điểm cần đội.
- Để an toàn hơn trong trường hợp con đội bị trượt, khi bánh xe dự phòng đã được tháo ra, nên đặt nó bên dưới gần con đội.
- Trước khi sử dụng con đội, phải kiểm tra tình trạng con đội cũng như có dấu hiệu bị rò rỉ dầu bên trong con đội hay không.
- Con đội cấp theo xe chỉ nên dùng để thay bánh xe và tháo lắp bánh xe dự phòng. Để cho an toàn thêm, mỗi lần chỉ đội một bánh xe.
- Nếu dùng loại đội hai tầng và khi vạch dừng màu vàng hiện ra, hãy ngừng việc đội xe. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến đội bị gãy.
- Không dùng cùng lúc nhiều con đội.
- Con đội kèm theo xe nào được chỉ định dùng riêng cho loại xe đó. Không dùng với loại xe khác hoặc không dùng loại đội của xe khác.
- Hãy vận bu-lông xả của con đội từ từ. Vận nhanh sẽ khiến xe rơi mạnh và con đội có thể bị trượt.

Sử Dụng Con Đội

Nâng Xe



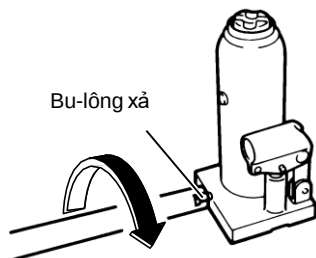
1. Hãy đặt con đội ngay bên dưới điểm cân đội và bảo đảm rằng nó đứng thẳng.

Con đội phải được đặt trên bề mặt phẳng và cứng.

Các Điểm Đội Bánh Trước → Tham khảo trang 7-174

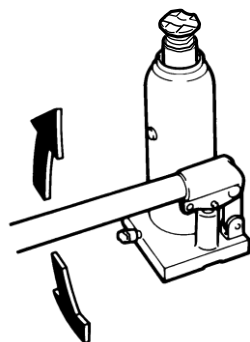
Các Điểm Đội Bánh Sau → Tham khảo trang 7-175

Đội Xe Khi Bánh Trước Bị Xẹp → Tham khảo trang 7-175



2. Vận đầu con đội để nâng chiều cao của nó đến điểm đội. Vận ngược chiều kim đồng hồ để nâng.

3. Đút tay đội vào khe. Trước khi đội, dùng đầu có khóa của tay đội để vận bu -lông xả về hết mức theo chiều kim đồng hồ.

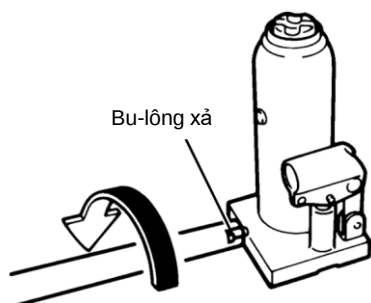


4. Tăng chiều cao con đội lên dần dần bằng cách nâng hạ tay đội.

5. Phải xác định rằng con đội tiếp xúc tốt với điểm đội trước khi tiếp tục nâng xe.

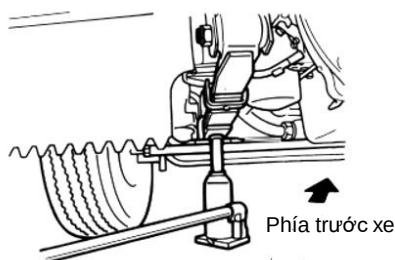
Hạ Xe

1. Đặt thẳng đầu có khóa của tay đội vào bu-lông xả.
2. Từ từ vặn bu-lông xả ngược chiều kim đồng hồ để hạ xe.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng vặn bu-lông xả theo ngược chiều kim đồng hồ quá 2 vòng. Nếu không sẽ làm rò rỉ dầu bên trong con đội.

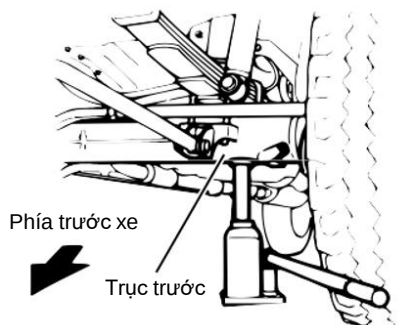
3. Khi xe đã được hạ thấp hoàn toàn, hãy vặn hết mức bu-lông xả theo chiều kim đồng hồ.
4. Hãy vặn đầu con đội theo chiều kim đồng hồ để hạ đầu con đội.

Các Điểm Đội Bánh Trước**Các dòng xe 2 bánh chủ động**

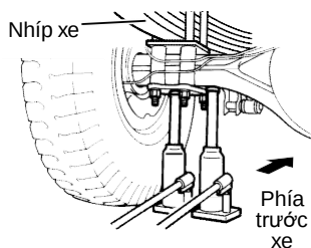
Kê con đội vào bộ nhíp trước.

Các dòng xe 4 bánh chủ động

Kê con đội vào dưới trục trước



Các Điểm Đội Bánh Sau



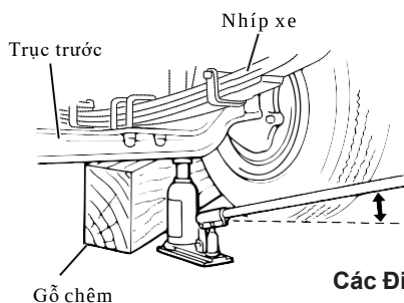
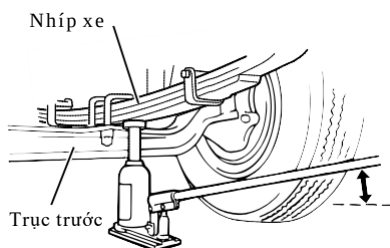
Đặt con đội vào bộ nhíp sau hoặc vỏ cầu sau.

Đội Xe Khi Bánh Trước Bị Xẹp



CẢNH BÁO

- Đặt con đội gần với trục trước.
- Gỗ chêm cần phải có độ dày phù hợp để giữ ổn định.
- Cần lưu ý đặc biệt khi đội xe, nếu đáy của nhíp lá bị cong lại. Đội có thể sẽ bị trượt có thể dẫn đến tình huống cực kỳ nguy hiểm.



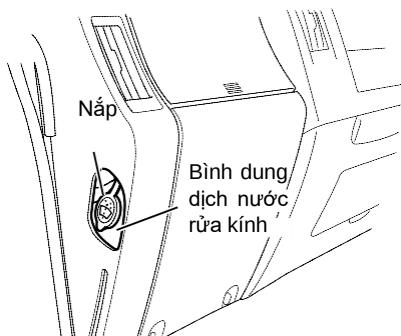
Không thể dùng các điểm đội bình thường trong trường hợp bánh trước bị xẹp. Bạn phải theo qui trình sau đây:

1. Chêm vào phía trước và sau của bánh sau xe
2. Áp con đội vào phần dưới của nhíp lá ngay trước trục trước và đội xe.
3. Chêm gỗ chêm bên trước trục trước.
4. Hạ thấp con đội từ từ để chắc chắn an toàn lên rằng trục trước được gác gỗ chêm, nếu được vậy thì tiếp tục hạ thấp con đội.
5. Kế tiếp di chuyển con đội về điểm đội chỉ định và đội xe đến chiều cao cần thiết để tháo bánh.

Các Điểm Đội Bánh Trước → Tham khảo trang 7-174

Dung Dịch Nước Rửa Kính**Cần Gạt Nước/ Phun Nước Rửa Kính**

Kiểm tra mức dung dịch trong bình đựng nước rửa kính trước khi sử dụng. Đồng thời, cũng cần kiểm tra tình trạng phun nước rửa kính.

**Châm Dung Dịch Nước Rửa Kính**

1. Bình dung dịch rửa kính nằm bên dưới táp-lô phía bên hành khách.
2. Hãy mở nắp để châm dung dịch rửa kính đầy bình.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi nhận xe từ nhà máy gửi đến, các xe mới chỉ chứa nước máy trong bình dung dịch nước rửa kính. Hãy điều chỉnh tỷ lệ dung dịch cho phù hợp với mình.
- Tuân theo các hướng dẫn về tỉ lệ pha giữa dung dịch rửa kính và nước máy.
- Không tự ý dùng nước xà phòng hoặc các sản phẩm, dung dịch không nằm trong khuyến cáo để làm dung dịch nước rửa kính.
- Không ấn vào nút phun nước rửa kính khi bình chứa cạn dung dịch nước rửa kính. Điều này sẽ làm hư mô-tơ phun nước rửa kính.

Cần Gạt Nước

Kiểm Tra Hằng Ngày

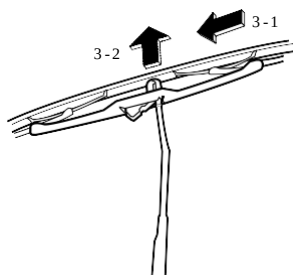
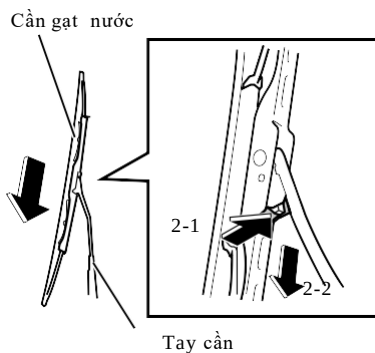
Hãy phun dung dịch rửa kính và cần gạt nước để kiểm tra có vùng nào trên kính không được lau sạch lau không. Ngoài ra cũng cần kiểm tra các chức năng phun “LO”, “HI” hoạt động bình thường.



CHÚ Ý

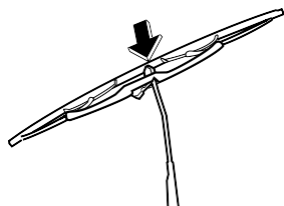
- Nhớ gạt sạch băng hoặc tuyết trên kính trước khi sử dụng cần gạt.

Thay Mới Cao Su Gạt Nước



Tháo

1. Kéo cần gạt nước lên trên theo chiều thẳng đứng.
2. Trong khi kéo chốt cần gạt nước về phía tay cần đẩy nhẹ lưỡi cao su gạt hướng xuống (về phần gốc của tay).
3. Đặt lưỡi cao su gạt và cần gạt thẳng góc, tháo cao su gạt nước ra khỏi cần. Đẩy nhẹ lưỡi cao su gạt hướng xuống (về phần gốc của tay cần).

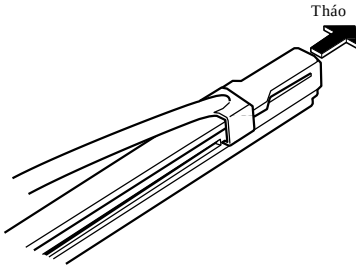
**Lắp**

1. Giữ lưới cao su gạt nước thẳng góc với tay cầm và đẩy vào.
2. Khi lưới cao su gạt nước và cần nghiêng về cùng hướng hãy đẩy cao su gạt cho đến khi nó chốt vào cần.

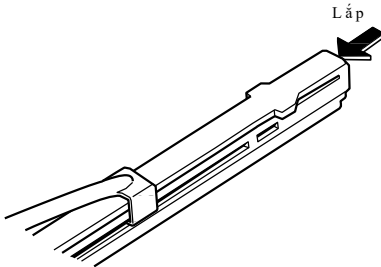
**KHUYẾN CÁO**

- Đừng hạ cần gạt khi không có lưới cao su gạt, kính có thể bị trầy.
- Khi đã gắn lưới cao su gạt nước vào, phải bảo đảm nó chốt đúng chỗ. Không chú ý điều này có thể khiến lưới cao su gạt nước bị sút ra khi bật công tắc rửa kính.

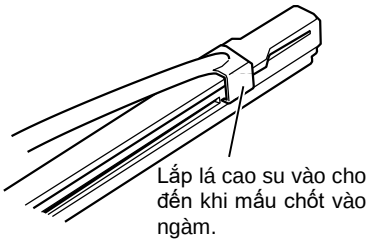
Thay Mới Lá Cao Su Cần Gạt Nước

**Tháo**

1. Tháo cao su gạt nước khỏi cần gạt.
2. Kéo lá cao su cần gạt nước theo hướng mũi tên ra khỏi cao su cần gạt nước.

**Lắp**

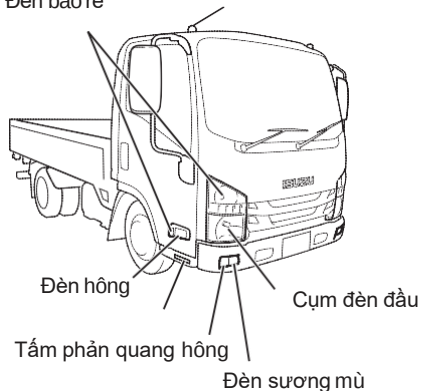
1. Lắp lá cao su cần gạt nước mới vào.
2. Tiếp tục đẩy lá cao su vào cho đến khi mấu của cao su gạt nước chốt vào ngàm.
3. Gắn lưới cao su gạt nước vào tay cần.



Đèn Chiếu Sáng Và Đèn Báo Rẽ

Phía trước

Đèn báo rẽ



Xoay công tắc về vị trí “ON” và kiểm tra các đèn chiếu sáng, đèn báo rẽ, và các loại đèn bên ngoài khác.

Thêm nữa, hãy đạp phanh để xem đèn dừng có phát sáng hay không; đồng thời chuyển số đến vị trí “R” để xác định đèn báo lùi xe phát sáng. Ngoài ra cũng phải xem xét màu sắc, hư hỏng và sự lỏng lẻo ở các đèn.

Khi Bóng Đèn Không Sáng

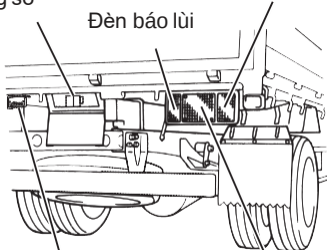
→ Tham khảo trang 8-34

Phía sau

Đèn
bảng số

Đèn báo lùi

Đèn báo rẽ phía sau



Đèn sau và đèn dừng

Sử Dụng Bình Accu (Bình Điện)**NGUY HIỂM**

- Việc sử dụng hay sạc bình accu khi dung dịch bình accu nằm ở vạch “LOWER LEVEL” có thể làm bình accu hư nhanh và gây các tình huống nguy hiểm như phát nhiệt và thậm chí nổ.
- Nếu dung dịch bình accu dính vào mắt, phải rửa sạch ngay bằng nước trong ít nhất 5 phút, sau đó cần đi khám bác sỹ.
- Khi dùng các dụng cụ hoặc các vật dụng bằng sắt khác ở gần bình accu, hãy cẩn thận ngăn cho chúng không chạm vào cực dương. Vì thân xe dẫn điện, bất kỳ va chạm nào cũng có thể gây đoản mạch và nguy cơ điện giật.
- Bình accu xe tạo ra chất dễ bắt lửa. Vì vậy, các hoạt động tạo ra sự đánh lửa hoặc có ngọn lửa không được thực hiện gần bình accu xe. Không chú ý điều này có thể gây cháy nổ. Nên dùng vải ẩm để lau dung dịch bình accu.

**CẢNH BÁO**

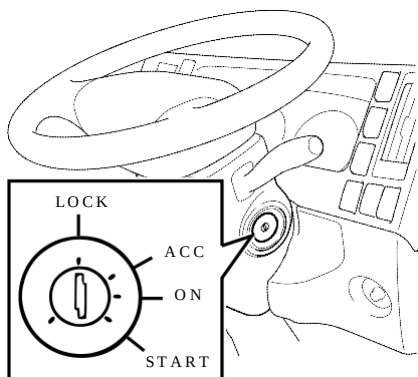
- Luôn luôn tắt động cơ khi kiểm tra bình accu .
- Dung dịch bình accu là acid sulfuric loãng. Cẩn thận đặt biệt để tránh dung dịch dính vào da, quần áo hoặc các bề mặt kim loại.
- Khi tháo dây khỏi các cực điện, hãy bắt đầu với cực âm. Khi nối vào cực âm được nối sau cùng.

**KHUYẾN CÁO**

- Dung dịch bình accu không được châm đầy hơn mức “UPPER LEVEL”. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến dung dịch bình accu bị trào ra và ăn mòn điện cực và các bộ phận khác. Phải dùng nước lau ngay dung dịch bình accu bị trào ra.
- Khi châm thêm dung dịch bình, bình accu cần phải sạc lại. Về mùa đông dung dịch bình có thể bị đông đặc, làm hư vỏ bình nếu không sạc điện lại cho bình.
- Nếu mức dung dịch bình accu giảm sút nhanh bất thường hãy nhờ đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra ngay lập tức.

Lưu Ý Khi Sử Dụng Bình Accu

Hãy giữ bình accu sạch sẽ. Nếu để bình trong tình trạng bẩn, dung dịch bình có thể nhiễm bẩn, các lá điện cực trong bình có thể bị hư. Đoàn mạch có thể xảy ra trên mặt bình accu và tuổi thọ bình giảm.

**Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng**

Trước khi kiểm tra và bảo dưỡng bình accu, hãy xoay công tắc khởi động về vị trí "LOCK", bật tắt cả các công tắc về "OFF" và tháo dây khởi cộc âm. Các bộ phận điện trên xe sẽ dễ hư hỏng nếu kiểm tra và bảo dưỡng mà vẫn chưa tháo dây điện bình accu.

Tháo Bình accu

Khi tháo bình accu hãy tháo dây ra khỏi cọc âm trước. Nếu dây cọc âm vẫn còn để, các tiếp xúc dụng cụ giữa cực dương và thân xe có thể dẫn đến đoản mạch và gây giật điện nguy hiểm. Hệ thống điện có thể hư.

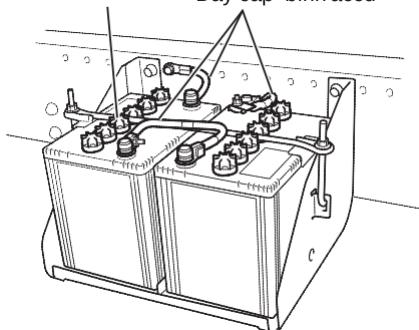
**CHÚ Ý**

Nếu cọc âm bình accu tháo ra trong vòng 1 phút sau khi xoay chìa khóa về vị trí "LOCK", hộp điều khiển động cơ có thể sẽ bị lỗi.

Xe dùng bình 24V

Nút bình accu

Dây cáp bình accu

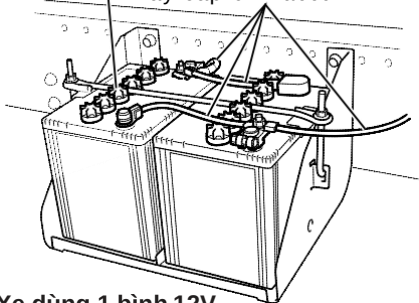
**Tháo Bình Accu**

1. Trước khi sạc bình accu phải tháo nó khỏi xe, đem đặt vào một vị trí thoáng gió và tháo các nút bình accu. Nếu bình được sạc khi vẫn còn trên xe, phải nhớ tháo dây cáp điện bình trước.
2. Trước khi gắn hoặc tháo bình accu phải nhớ tắt điện.
3. Dây điện bình phải luôn luôn tháo ra trước khi sạc nhanh. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến máy phát điện bị cháy

Xe dùng 2 bình 12 V

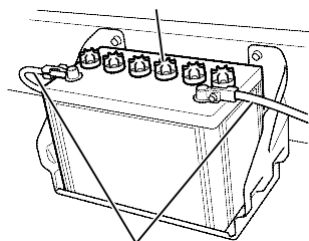
Nút bình accu

Dây cáp bình accu

**Xe dùng 1 bình 12V**

Nút bình accu

Dây cáp bình accu

**NGUY HIỂM**

Không để vật dễ cháy gần bình accu khi đang sạc. Khí hydro thoát ra từ bình trong quá trình sạc, có thể dẫn tới nổ.

Lắp Bình Accu

1. Khi lắp bình accu vào xe, phải nhớ đặt đúng hướng và cột chặt. Nếu bình không được gắn đúng, vỏ bình và các điện cực có thể bị hư do rung lắc khi xe chạy.
2. Khi gắn dây điện bình, gắn vào cọc dương trước sau đó gắn cọc âm.

**CHÚ Ý**

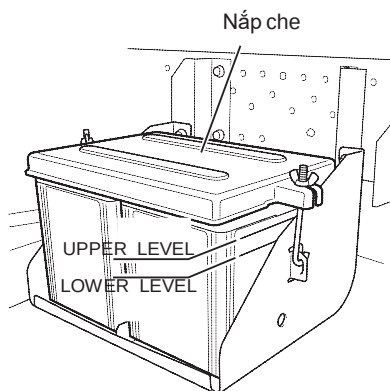
- Tránh gắn nhầm cực âm với cực dương khi nối dây điện bình. Nối sai các cực này có thể dẫn đến quá tải gây cháy bình accu hoặc dây điện trên xe.

Sử Dụng Bình Accu Như Nguồn Cấp Điện Trực Tiếp

Bình accu không nên dùng như một nguồn phát điện trực tiếp 12V. Nếu cần dùng bình accu như một nguồn điện trực tiếp, hãy tham vấn đại lý Isuzu.



Kiểm Tra Mức Dung Dịch Bình Accu



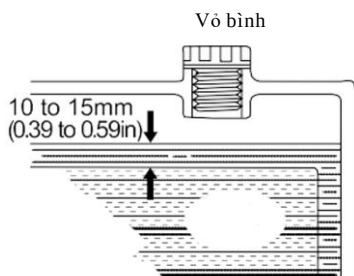
Bình accu được đặt ngay giữa khung xe.

Kiểm Tra Hằng Ngày

Tháo nắp che bình accu và xem mức dung dịch bên trong vỏ bình nằm giữa phạm vi chỉ định hay chưa.

Mức dung dịch phải nằm giữa vạch "UPPER LEVEL". Nếu mức dung dịch khó nhìn hãy lắc nhẹ xe.

Nếu trên vỏ bình accu không có vạch chỉ thị, khoảng cách mức dung dịch từ 10-15mm từ cọc bình là mức chuẩn.



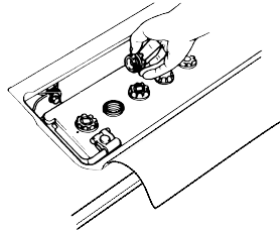
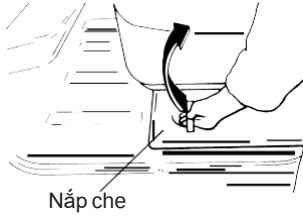
Châm Dung Dịch Bình Accu

Nếu lượng dung dịch bên trong bình accu không đủ, hãy tháo nắp che và các nút, rồi châm nước cất đến gần vạch "UPPER LEVEL" hoặc khoảng 10-15mm từ cọc bình accu. Khi bạn đã châm xong nước cất, hãy đóng các nút và nắp bình lại.



KHUYẾN CÁO

- Không bao giờ châm dung dịch bình vượt quá mức "UPPER LEVEL". Không chú ý cảnh báo này có thể khiến dung dịch bình trào ra làm mòn cọc bình và các bộ khác. Phải dùng nước lau sạch khi dung dịch bình trào ra.
- Bất kỳ lúc nào châm thêm dung dịch, cần sạc lại bình accu. Vào các tháng mùa đông, dung dịch bình có thể đông lại làm hỏng vỏ bình nếu không sạc điện.
- Nếu mức dung dịch bình accu giảm sút nhanh một cách bất thường, hãy nhờ đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra ngay lập tức.

**Cabin Đồi**

Mở nắp che nằm bên dưới, phía trái ghế sau để kiểm tra bình accu.

Kiểm tra tình trạng bình

Mở nút che & kiểm tra bên trong. Dung dịch bình còn đủ nếu mực dung dịch nằm sát miệng bình.

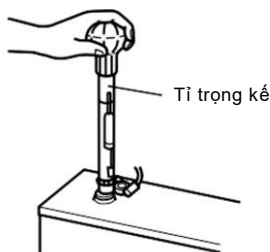
Châm thêm dung dịch bình accu

Nếu dung dịch bình thấp hơn tiêu chuẩn, hãy châm thêm nước cất cho đến khi mức dung dịch nằm cách miệng bình 10 and 15 mm.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng bao giờ châm dung dịch quá vạch "UPPER LEVEL". Nếu không dung dịch sẽ dễ bị trào tràn ra ngoài và gây rỉ sét cho các chi tiết trong xe.
- Sau khi châm thêm dung dịch bình, nên tiến hành sạc lại bình accu.
- Nếu dung dịch bình accu nhanh cạn, hãy liên hệ với các đại lý Isuzu để kiểm tra & chẩn đoán.

Kiểm Tra Tỷ Trọng Dung Dịch Bình Accu



1. Kiểm tra nồng độ chỉ định của dung dịch bình bằng tỷ trọng kế. Nếu tỷ trọng thấp, bình cần phải sạc thêm.

Tỷ trọng tiêu chuẩn ở 20°C (68°F)

1.27 - 1.29

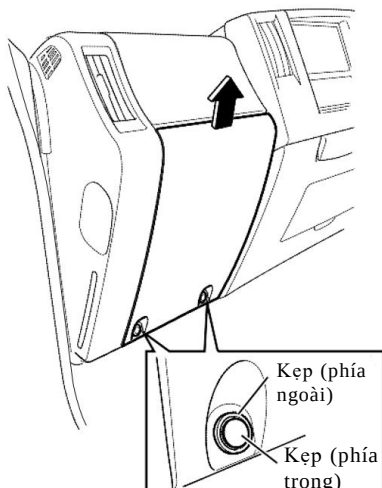
Kiểm Tra Các Cọc Bình



1. Hãy kiểm tra các cọc bình để xem có sự lỏng lẻo hay ăn mòn hay không.
2. Nếu cọc bình bị mòn và bị bao phủ bởi một lớp bột trắng, hãy dùng nước ấm để lau sạch và lau khô hoàn toàn. Các cọc bị quá mòn cần phải đánh sạch bằng bàn chải sắt hoặc giấy nhám.
3. Khi đã rửa xong các cọc bình, hãy bôi một lớp mỡ mỏng rồi nối dây điện bình một cách chắc chắn. Xem phần "Khi bình accu hết điện" để biết các bước cần làm khi bình hoàn toàn hết điện.

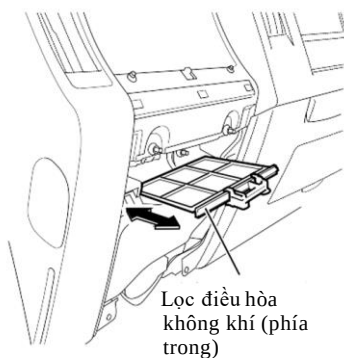
Khi Bình Accu Hết Điện → Tham khảo trang 8-13

Lọc Điều Hòa Không Khí



Tháo Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Trong)

1. Nới lỏng các vít ở giữa hai kẹp giữ nắp và kéo kẹp ra.
2. Đẩy lên trên để tháo nắp đậy.
3. Tháo bộ lọc và làm vệ sinh sạch bụi và các chất bẩn khỏi bề mặt.



KHUYẾN CÁO

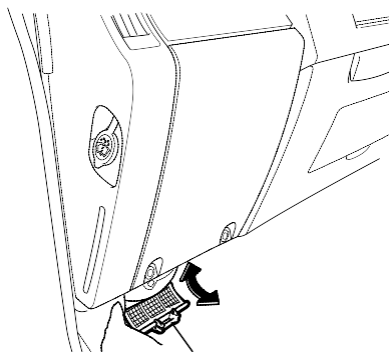
- Tránh làm hư hỏng các dây điện khi tháo bộ lọc.
- Không dùng bàn chải cứng để làm vệ sinh bộ lọc.

Gắn Lại Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Trong)

1. Lắp bộ lọc theo thứ tự ngược lại với lúc tháo.

**CHÚ Ý**

- Phải nhớ đặt bộ lọc vào đúng vị trí cũ của nó. Không chú ý điều này có thể dẫn đến việc bộ lọc bị rơi lỏng và bung sút khi xe chạy, gây tình trạng nguy hiểm.
- Không được dùng xe khi bộ lọc đã bị tháo ra hoặc gắn vào không đúng cách. Vì điều này có thể làm cho bụi, chất bẩn và các thứ lọt vào hệ thống điều hoà và gây hư hỏng.



Lọc điều hòa không khí
(lọc ngoài)

Tháo Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Ngoài)

1. Tháo bộ lọc gió từ bên dưới táp-lô phía bên chỗ hàng khách. Ấn vào chốt ở hai bên bộ lọc, sau đó kéo bộ lọc ra.
2. Làm vệ sinh sạch bụi và các chất bẩn khỏi bề mặt bộ lọc

**KHUYẾN CÁO**

Không dùng bàn chải cứng để làm vệ sinh bộ lọc.

Gắn Lại Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Ngoài)

1. Gắn bộ lọc theo thứ tự ngược lại với lúc tháo.

**KHUYẾN CÁO**

- Phải nhớ đặt bộ lọc vào đúng vị trí cũ của nó. Không chú ý điều này có thể dẫn đến việc bộ lọc bị rơi lỏng và bung sút khi xe chạy, gây tình trạng nguy hiểm.
- Không được dùng xe khi bộ lọc đã bị tháo ra hoặc gắn vào không đúng cách. Vì điều này có thể làm cho bụi, chất bẩn và các thứ lọt vào hệ thống điều hoà và gây hư hỏng.

Gas Lạnh ☐

Hệ thống điều hòa sẽ không hoạt động tốt nếu mức gas lạnh không đủ. Hãy đến đại lý Isuzu theo đúng khuyến cáo để bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra tình trạng gas lạnh.

**KHUYẾN CÁO**

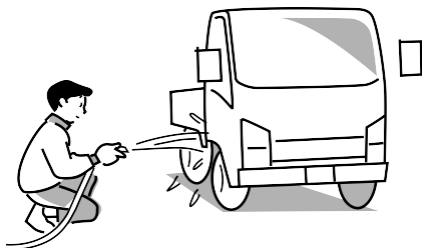
- Để hệ thống điều hòa hoạt động khi không đủ gas lạnh không chỉ làm giảm hiệu quả làm mát mà còn gây hư hỏng cho các thiết bị.
- Xe sử dụng hệ thống gas lạnh HFC134a (R134a). Chỉ sử dụng đúng loại gas lạnh được chỉ định. Hãy đến đại lý Isuzu giúp bạn thực hiện việc kiểm tra và sạc lại gas lạnh.



BẢO DƯỠNG NGOẠI THẤT- NỘI THẤT

• Bảo Dưỡng Ngoại Thất	7-194
• Bảo Dưỡng Nội Thất	7-197

Bảo Dưỡng Ngoại Thất



Rửa Xe

Xe bị dính các chất lạ có thể gây phản ứng hoá học với sơn khiến để lại các vết sơn, biến màu, rỉ sét hay ăn mòn các bộ phận. Các chất lạ có thể bị kẹt giữa các bộ phận, ảnh hưởng xấu đến bộ phận và gây cản gió. Do đó những trường hợp sau đây cần phải rửa xe và tẩy bỏ các chất lạ.

- Khi bề hóng, bụi sắt, côn trùng chết, phân chim, nhánh cây hay các hạt bụi nhớt từ nhựa đường và thuốc lá dính vào mặt sơn.
- Khi xe chạy khu vực gần biển .
- Khi xe chạy trên đường có phủ chất hoá học.
- Khi xe chạy dính bùn và chất bẩn bên ngoài.

1. Vặn hết mức vòi nước, rửa các phần bên dưới gầm xe và hệ thống treo.
2. Đóng tất cả các cửa, rửa cabin và khoang chứa hàng bằng chất tẩy rửa.
3. Rửa các bánh xe và lốp xe bằng bàn chải và chất tẩy rửa.
4. Rửa sạch các chất tẩy rửa còn sót lại, dùng vải sạch để lau hết nước.

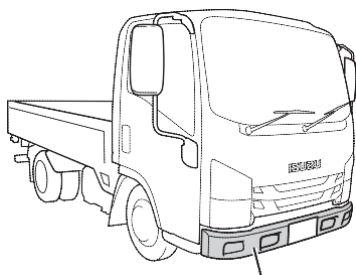


CHÚ Ý

- Không nên dùng nước để rửa trực tiếp phần bên trong cabin, vì có thể gây hư hỏng các bộ phận điện, điện tử và các bộ phận điện và làm rỉ sét sàn cabin.
- Không dùng nước có áp lực mạnh để phun trực tiếp vào các chỗ giắc nối điện vì có thể làm hỏng hệ thống điện.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu phải dùng máy rửa xe tự động, hãy tránh dùng loại máy có nhiệt độ cao, áp suất cao, vì có thể dẫn đến sự biến dạng do nhiệt và gây vỡ các bộ phận nhựa, hoặc nước rỉ vào trong cabin.
- Không phun nước trực tiếp vào đường ống khí nạp.
- Không phun nước với áp lực mạnh vào các chi tiết điện trên xe.
- Nhớ thu gọn ăng ten và gập kính chiếu hậu trước khi rửa xe.
- Khi dùng máy rửa xe tự động, phải nhớ giữ khoảng cách ít nhất 0,4m giữa đầu phun và xe, và khi rửa các cửa sổ, xịt thẳng góc vào bề mặt kính.
- Phải nhớ rửa sạch các vết tẩy. Đặc biệt khi dùng chất tẩy có kiềm mạnh
- sẽ có nguy cơ xuất hiện các vết nứt nhỏ trên đèn nếu không lau sạch các chất tẩy rửa. Luôn luôn theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất chất tẩy rửa trước khi dùng.
- Các chất ô bám vào cản trước bằng nhựa do mưa rất khó lau sạch. Trong trường hợp đó hãy dùng các chất tẩy rửa có sẵn trên thị trường để lau sạch bụi và rồi dùng chất đánh bóng dành cho nhựa.



Cản trước

Bảo Quản Xe

Để giữ xe bạn có vẻ ngoài đẹp, bền lâu cần chú ý đến chỗ cất xe. Nếu xe được cất giữ trong thời gian dài tại các địa điểm sau đây, sự biến đổi hoá học gây ra trên mặt sơn có thể gây biến màu, rỉ sét và mòn các bộ phận.

- Các địa điểm gần chất liệu có dầu, bồ hóng, khói chiếu nhiều hoặc bụi sắt có thể dính vào xe.
- Các khu vực gần xí nghiệp được và các nhà máy xả chất hoá học.
- Vùng bờ biển.
- Các địa điểm có côn trùng chết, phân chim hoặc nhựa cây có thể dính vào xe.

Đánh Bóng

Các bề mặt phủ sơn hoặc phủ crom có thể đánh bóng một hoặc hai lần mỗi tháng, Phải nhớ sáp không được để trực tiếp dưới ánh mặt trời, nhiệt độ xe không được quá 40°C. Luôn luôn theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất sáp đánh bóng.

**CHÚ Ý**

- Không đánh sáp lên bề mặt kính, vì có thể gây ra sự phản chiếu không đồng đều, làm giảm tầm nhìn.

**KHUYẾN CÁO**

- Không dùng sáp có chứa bột mài, có thể trầy xước bề mặt sơn hoặc nhựa.
- Dùng sáp đánh bóng các vật liệu bằng cao su sẽ làm bay màu cầu vật liệu.

**LƯU Ý**

- Không được dùng sáp đánh bóng kính. Lớp sáp sẽ làm mờ tầm nhìn khi trời mưa và khiến các gạt nước hoạt động khó khăn.
- Nếu nhót hoặc mờ dính vào kính, có thể gây ra ổ hoặc biến màu, cần lau sạch ngay.

**Chăm Sóc Kính Chắn Gió**

Nếu cần gạt nước không lau sạch được kính thì có thể dùng nước rửa kính để lau sạch.

Bảo Dưỡng Nội Thất

Loại bỏ bụi và các vết bẩn trong cabin bằng cách dùng các loại nước rửa xe hoặc máy hút bụi, nhẹ nhàng lau các bề mặt bằng vải ẩm bằng nước ấm hoặc lạnh.

**CẢNH BÁO**

- Khi lau rửa bên trong cabin, không xịt nước trực tiếp, vì có thể khiến xe bị hư hỏng hoặc bốc cháy nếu bị nước lọt vào hệ thống âm thanh hoặc các bộ phận điện khác đặt dưới thảm sàn.
- Các chất ete, xăng hoặc các chất hoà tan hữu cơ không được dùng để lau dây đai an toàn.

Ngoài ra, không tẩy trắng hoặc nhuộm lại dây đai an toàn, vì có thể làm cho hoạt căng dây giảm. Do đó trong trường hợp có va chạm, dây đai sẽ không hoạt động hiệu quả tốt dẫn đến chấn thương nghiêm trọng. Khi lau rửa, dùng nước ấm có chất tẩy đã hoà tan để lau dây đai an toàn nhẹ nhàng

**CHÚ Ý**

- Không được dùng các chất hoà tan có tính acid hoặc kiềm, ete, xăng và các chất hoà tan hữu cơ khác để lau rửa bên trong xe, vì có thể dẫn đến biến màu hoặc gây ố. Nên chú ý các sản phẩm tẩy rửa có chứa hợp chất này. Hãy nhớ đọc nhãn sản phẩm lau rửa cẩn thận.
- Sáp thơm (loại chất lỏng, đặc, dẻo) không được tiếp xúc trực tiếp hoặc không được lọt vào bên trong các bộ phận như hệ thống điều hòa không khí hoặc âm thanh. Các hợp chất chứa trong sản phẩm này có thể gây biến màu, ố hoặc tróc sơn.
- Không được dùng nước rửa kính có chứa các hợp chất đặc biệt để rửa mặt trong cửa kính chắn gió và kính cửa sổ. Để lau kính, dùng khăn ẩm với nước ấm hoặc lạnh.

Bảo Dưỡng Dây Đai An Toàn

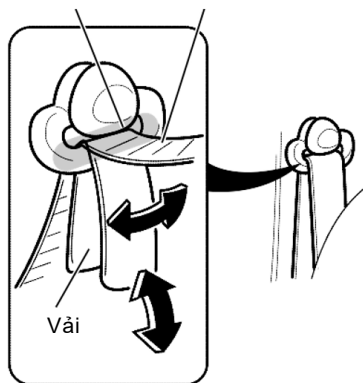
Dây đai an toàn dơ có thể gây trở ngại khi co rút, vì vậy cần kiểm tra thường xuyên.

**CHÚ Ý**

- Dây đai an toàn có thể mất khả năng khi tẩy, nhuộm hoặc lau rửa bằng xăng, chất pha sơn hoặc chất dễ bay hơi.
- Không tháo các phần cơ khí của dây, để phòng vật lạ lọt vào đầu khóa dây. Vì vậy hãy nhờ đại lý Isuzu kiểm tra và bảo dưỡng.

Phần điều chỉnh
độ dài dây
đai an toàn.

Đai an toàn



Rửa Sạch Phần Chính Độ Dài Dây Đai An Toàn

1. Dùng một miếng vải gạt hình chữ nhật để dễ thấm hoặc loại tương tự dày khoảng 50mm.
2. Trộn một phần nước tẩy trung tính vào 20 phần nước ấm.
3. Thấm dung dịch tẩy vào vải, luồn qua phần điều chỉnh độ dài dây đai, kéo tới lui 2 bên cho tới khi sạch vết dơ.
4. Dùng miếng vải khô khác để lau phần dây đai không còn bị ướt, rồi để khô tự nhiên không phơi nắng.
5. Kiểm tra chắc dây đai an toàn co lại và giãn ra đúng cách.



KHUYẾN CÁO

- Đừng dùng các dụng cụ khác để cố nhét vào vệ sinh hoặc chà sạch các vết bẩn lâu ngày. Điều này có thể làm hỏng các phần nhựa hoặc dây đai an toàn.



Lau Mặt Vải Dây Đai

1. Kéo hết dây đai và kiểm tra xem có sự khác màu nào giữa mặt trước và mặt sau không.
2. Trộn 1 phần chất tẩy trung tính vào 20 phần nước ấm.
3. Thấm ướt bàn chải có lông mềm bằng nylon trong nước ấm, và dùng nó để chà sạch vết dơ.
4. Lau sạch dây đai an toàn bằng khăn khô, sau đó để khô tự nhiên không phơi nắng.
5. Kiểm tra lại độ co rút của dây đai.



KHUYẾN CÁO

- Nếu cách bảo quản trên không cải thiện hoạt động của dây đai, có thể dây đai đã chạm vào mép cửa. Trong trường hợp này, hãy nhờ đại lý Isuzu kiểm tra và bảo dưỡng.
- Nếu dây đai không nhả đúng cách, hoặc gặp phải các vấn đề như lỏng các khớp nối, các sản phẩm kim loại bị biến dạng, mặt vải bị hư, bị sờn hoặc biến màu, hãy nhờ đại lý Isuzu thay mới.

Chăm Sóc Ghế Và Thảm Sàn

Loại bỏ bụi bặm bằng máy hút bụi gia dụng.

Không nên tháo thảm sàn. Hãy dùng sản phẩm tẩy rửa và các phương pháp tẩy rửa gia dụng để loại bỏ vết dơ do đồ ăn thức uống.

Phải nhớ dùng những sản phẩm tẩy rửa trung tính và các sản phẩm lau rửa có độ cồn cao.

BẢO DƯỠNG XE

Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm, chúng tôi khuyên bạn hãy kiểm tra và tuân thủ lịch bảo dưỡng định kỳ theo lịch chỉ ra trong chương này.

Lịch Bảo Dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm nhất, cần phải đưa xe đến đại lý Isuzu kiểm tra thường xuyên theo lịch bảo dưỡng chỉ định.

Liên lạc với đại lý Isuzu khi cần kiểm tra các thiết bị có tháo lắp mạch điện.

Kí hiệu viết tắt

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều Chỉnh

R: Thay mới

T: Siết theo lực chỉ định

L: Bôi trơn



KHUYẾN CÁO

- Không chỉ các đề mục bên dưới đây cần được kiểm tra và các thành phần khác trên xe cũng nên được kiểm tra thường xuyên.

*: Xe cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu hoạt động trong các điều kiện khắc nghiệt.

Lịch Bảo Dưỡng Khi Xe Hoạt Động Trong Điều Kiện Khắc Nghiệt

→ Tham khảo trang 7-230

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NPR75/NPS75/NQR75/NQR90 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	Km (đặm)	20,000 12,000	40,000 24,000	60,000 37,000
* Nhớt động cơ		R	R	R
* Lọc nhớt động cơ		R	R	R
Lọc nhiên liệu tinh		R	R	R
Lọc nhiên liệu thô		R	R	R
* Lọc gió		I	R	I
Điều chỉnh khe hở xupap		-	I	-
☐ FAB Áp suất khí nén		-	-	I
Tình trạng đường ống nhiên liệu		-	I	-
Tình trạng dây curoa		I	I	I
Nước làm mát động cơ				
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		I	I	I
Hệ thống làm mát				
☐ M/T Dầu ly hợp		I	R	I
☐ M/T Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp		I	I	I
* Nhớt hộp số (loại 2WD)		I	I	R
* ☐ SA Dầu ly hợp hộp số bán tự động		I	R	I
Cáp chuyển số		A	A	A
* Nhớt hộp số chính và phụ (4WD)		I	I	R
Cáp chuyển số trên hộp số chính và phụ (4WD)		A	A	A
* Trục truyền động, bạc đạn treo		L	L	L
Tình trạng rơ lông, bôi trơn tại trục truyền động, bạc đạn treo		I	I	I
Khớp chữ thập		-	I	-
* Tình trạng trục truyền động trực trước (4WD)		L	L	L
* Nhớt cầu sau		I	R	I
* Nhớt cầu trước (4WD)		I	R	I
* Trục King pin		L	L	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		I	I	I
Dầu trợ lực lái		-	R	-

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

80,000 49,000	100,000 62,000	120,000 75,000	140,000 87,000	160,000 99,000	Số km hoặc tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
R	R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	I	-	-	hoặc mỗi 15 tháng
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 12 tháng: I Mỗi 24 tháng: R (hoặc theo tư vấn từ đại lý Isuzu)					
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 12 tháng
Mỗi 24 tháng: I					
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 24 tháng: R
A	A	A	A	A	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
A	A	A	A	A	hoặc mỗi 12 tháng
L	L	L	L	L	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng
L	L	L	L	L	hoặc mỗi 6 tháng
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 24 tháng: R
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 24 tháng: R
L	L	L	L	L	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
R	-	R	-	R	hoặc mỗi 24 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NPR75/NPS75/NQR75/NQR90 (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	Km (dặm)	20,000 12,000	40,000 24,000	60,000 37,000
* Sự rò rỉ, hư hỏng các khớp nối hệ thống trợ lực lái		I	I	I
Sự rò rỉ hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		-	I	-
Hoạt động đánh lái		I	I	I
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-
☐ HB Dầu phanh		I	R	I
☐ HB ☐ V Dầu bộ trợ lực phanh		I	R	I
☐ HB Tình trạng rò rỉ dầu phanh		I	I	I
☐ HB ☐ V Hệ thống điều khiển phanh (EHCUC)				
☐ FAB Tình trạng rò rỉ, rò rỉ và hư hỏng các đường ống phanh hơi		I	I	I
☐ FAB Ống dầu phanh		I	R	I
☐ FAB Bình chứa khí nén				
☐ FAB Tình trạng ty đội bầu phanh		I	I	I
☐ FAB Hoạt động của bầu phanh		-	-	I
☐ FAB Hoạt động của role và phanh		-	-	I
☐ FAB Bộ sấy khô khí nén				
☐ FAB ☐ V Hệ thống ABS				
* Độ mòn bộ phanh và trống phanh		I	I	I
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		I	I	I
Tình trạng rò rỉ, hư hỏng trong đường ống dầu phanh		I	I	I
☐ FAB Tình trạng các van tổng phanh, van phanh tay...				
☐ FAB Tình trạng cao su bầu phanh				
Hoạt động của phanh tay		I	I	I
☐ HB Hành trình cần phanh tay		I	I	I
☐ HB Độ mòn bộ phanh & trống phanh tay		-	I	-
☐ FAB Tình trạng hoạt động van phanh tay (Phanh bánh xe)		I	I	I
☐ FAB Hoạt động của bầu phanh (Phanh bánh xe)		-	-	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

80,000 49,000	100,000 62,000	120,000 75,000	140,000 87,000	160,000 99,000	Số km hoặc số tháng tùy theo điều kiện nào đến trước
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
R	-	-	-	R	hoặc mỗi 48 tháng
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 10 năm: R					
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
R	I	R	I	R	hoặc mỗi 3 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
Xả nước mỗi 20,000 km hoặc mỗi 6 tháng.					
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	-	I	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	I	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
Thay mới lõi lọc bộ sấy khô khí nén mỗi 100,000 km hoặc mỗi 12 tháng.					
Mỗi 24 tháng: R					
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 24 tháng: R					
Mỗi 24 tháng: R					
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	-	I	-	-	hoặc mỗi 12 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NPR75/NPS75/NQR75/NQR90 (3)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	km	20,000	40,000	60,000
	(dặm)	12,000	24,000	37,000
☐ FAB Tình trạng ty đội bầu phanh (Phanh bánh xe)		I	I	I
☐ FAB Tình trạng lò xo bên trong bầu phanh				
☐ FAB Tình trạng cơ cấu phanh bánh trước				
☐ FAB Tình trạng cơ cấu phanh bánh sau				
☐ FAB Cụm điều chỉnh cam phanh				
Tình trạng nhíp		I	I	I
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống treo		I	I	I
Tình trạng giảm chấn		I	I	I
Đai ốc bánh xe		T	T	T
Mâm bánh xe		I	I	I
Bôi trơn tại trục xoay bánh xe		-	R	-
Tình trạng & áp suất lốp		I	I	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch		I	I	I
☐ V Áp suất khí xả và vệ sinh lọc		-	-	-
☐ V Tình trạng cảm biến chênh lệch áp suất khí xả		-	R	-
Tình trạng đèn, gạt nước, phun nước rửa kính		I	I	I
Tình trạng chụp cao su trục dẫn động (4WD)		I	I	I

80,000 49,000	100,000 62,000	120,000 75,000	140,000 87,000	160,000 99,000	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
Mỗi 24 tháng: I					
Mỗi khi thay thế bộ phanh: L					
Mỗi khi thay thế bộ phanh: L					
Mỗi 500,000 km: R					
I				I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
T	T	T	T	T	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 12 tháng
R	-	R	-	R	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
R	-	R	-	R	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 12 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NLR55/NMR55 Models (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 km	5	10	15	20	25	30	35	40
	x1,000 dặm	3	6	9	12	15	18	21	24
* Nhớt động cơ		R	R	R	R	R	R	R	R
* Lọc nhớt động cơ		-	R	-	R	-	R	-	R
Lọc nhiên liệu		-	-	-	R	-	-	-	R
* Lọc gió		-	I	-	I	-	I	-	R
Điều chỉnh khe hở xupap		-	-	-	-	-	-	-	I
Tình trạng đường ống nhiên liệu		-	-	-	-	-	-	-	I
Tình trạng dây curoa		-	I	-	I	-	I	-	I
Nước làm mát động cơ									
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		-	-	-	I	-	-	-	I
Hệ thống làm mát									
Dầu ly hợp		-	I	-	I	-	I	-	R
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp		-	I	-	I	-	I	-	I
* Nhớt hộp số		-	-	I	-	-	I	-	-
Cấp chuyển số		-	-	-	A	-	-	-	A
* Trục truyền động, bạc đạn treo		-	-	-	L	-	-	-	L
Tình trạng rò rỉ tại trục truyền động, khớp nối, bạc đạn treo		-	I	-	I	-	I	-	I
Khớp chữ thập		-	-	-	-	-	-	-	I
* Nhớt cầu sau		-	I	-	I	-	I	-	R
* King pin		-	L	-	L	-	L	-	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		-	I	-	I	-	I	-	I
Dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-	-	-	R
* Rò rỉ hoặc hư hỏng tại hệ thống lái		-	I	-	I	-	I	-	I
Sự rò rỉ hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		-	-	-	-	-	-	-	I
Hoạt động đánh lái		-	I	-	I	-	I	-	I
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-	-	-	-
Dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	R
Tình trạng rò rỉ dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	I
☐ Hệ thống điều khiển phanh (EHC)									
* Độ mòn bộ phanh và trống phanh		-	-	-	I	-	-	-	I
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		-	I	-	I	-	I	-	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

	45 27	50 31	55 34	60 37	65 40	70 43	75 46	80 49	85 52	90 55	95 59	100 62	105 65	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	hoặc mỗi 3 tháng
-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	R	-	-	-	R	-	-	-	R	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 12 tháng: I Mỗi 24 tháng: R (hoặc theo tư vấn từ đại lý Isuzu)														
-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
Mỗi 24 tháng: I														
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 3 tháng
R	-	-	I	-	-	I	-	-	R	-	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	-	-	A	-	-	-	A	-	-	-	A	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	L	-	-	-	L	-	-	-	L	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 3 tháng
-	-	-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 48 tháng
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 10 năm: R														
-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	-	hoặc mỗi 3 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NLR55/NMR55 Models (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

	x1,000 km	5	10	15	20	25	30	35	40
Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 dặm	3	6	9	12	15	18	21	24
Tình trạng rò rỉ, hư hỏng trong đường ống dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	I
Hoạt động của phanh tay		-	I	-	I	-	I	-	I
Hành trình cần phanh tay		-	I	-	I	-	I	-	I
Độ mòn bố phanh & trống phanh tay		-	-	-	-	-	-	-	I
Tình trạng nhíp		-	I	-	I	-	I	-	I
Rò rỉ hoặc hư hỏng tại hệ thống treo		-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng giảm chấn		-	I	-	I	-	I	-	I
Đai ốc bánh xe		-	-	-	T	-	-	-	T
Mâm bánh xe		-	-	-	I	-	-	-	I
Bôi trơn tại trục xoay bánh xe		-	-	-	-	-	-	-	R
Tình trạng & áp suất lốp		-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng bình điện		-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng đèn, gạt nước, rửa kính		-	I	-	I	-	I	-	I

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NLR77/NMR77 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 km	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
	x1,000 dặm	3	6	9	12	15	18	21	24	27	31
* Nhớt động cơ (Euro II)		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
* Nhớt động cơ (Euro III/ Euro IV/ Euro V)		-	R	-	R	-	R	-	R	-	R
* Lọc nhớt động cơ		-	R	-	R	-	R	-	R	-	R
Lọc nhiên liệu tinh		-	-	-	R	-	-	-	R	-	-
Lọc nhiên liệu thô		-	-	-	R	-	-	-	R	-	-
* Lọc gió		-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
Điều chỉnh khe hở xupap		-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
Tình trạng rò rỉ, hư hỏng trên đường ống nhiên liệu		-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
Tình trạng dây curoa											
Nước làm mát động cơ											
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Đường ống xả											
Hệ thống làm mát											
Dầu ly hợp		-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
* Nhớt hộp số		-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Cấp chuyển số		-	-	-	A	-	-	-	A	-	-
* Trục truyền động, bạc đạn treo		-	-	-	L	-	-	-	L	-	-
Tình trạng rò rỉ tại trục truyền động, khớp nối, bạc đạn treo		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Khớp chữ thập		-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
* Nhớt cầu sau		-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
* King pin		-	L	-	L	-	L	-	L	-	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-	-	-	R	-	-
* Rò rỉ hoặc hư hỏng tại hệ thống lái		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Sự rò rỉ hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Hoạt động đánh lái		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

[illegible]

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NLR77/NMR77 (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 km	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
	x1,000 dặm	3	6	9	12	15	18	21	24	27	31
Dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
Tình trạng rò rỉ dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
☐ Hệ thống điều khiển phanh (EHC)											
* Độ mòn bố phanh và trống phanh		-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng rò rỉ, hư hỏng trên đường ống phanh		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Hoạt động của phanh tay		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Hành trình cần phanh tay		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Độ mòn bố phanh & trống phanh		-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
Tình trạng nhíp		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Rò rỉ hoặc hư hỏng tại hệ thống treo		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng giảm chấn		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Đai ốc bánh xe		-	-	-	T	-	-	-	T	-	-
Mâm bánh xe		-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Bôi trơn tại trục xoay bánh xe		-	-	-	-	-	-	-	R	-	-
Tình trạng & áp suất lốp		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng đèn, gạt nước, phun nước rửa kính		-	I	-	I	-	I	-	I	-	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

[illegible]

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NLR85/NMR85/NPR85 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	km (dặm)	15,000 9,000	30,000 18,000	45,000 27,000
* Nhớt động cơ		R	R	R
* Lọc nhớt động cơ		R	R	R
Lọc nhiên liệu tinh		-	R	-
Lọc nhiên liệu thô		-	R	-
* Lọc gió		I	I	R
Điều chỉnh khe hở xupap		-	I	-
Tình trạng đường ống nhiên liệu		-	-	I
Tình trạng dây curoa		I	I	I
Nước làm mát động cơ				
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		-	I	-
Hệ thống làm mát				
☐ M/T Dầu ly hợp		I	I	R
☐ M/T Hành trình tự do và độ rơi bàn đạp ly hợp		I	I	I
* Nhớt hộp số		I	I	R
* ☐ SA Dầu ly hợp hộp số bán tự động		I	I	R
Cấp chuyển số		-	A	-
* Trục truyền động, bạc đạn treo		L	L	L
Tình trạng rơ lông, bôi trơn tại trục truyền động, bạc đạn treo		I	I	I
Khớp chữ thập		-	I	-
* Nhớt cầu sau		I	I	R
* King pin		L	L	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		I	I	I
Dầu trợ lực lái		-	-	R
* Rơ lông hoặc hư hỏng tại hệ thống lái		I	I	I
Sự rò rỉ hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		-	-	I
Hoạt động đánh lái		I	I	I
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-
Dầu phanh		I	I	R
Tình trạng rò rỉ dầu phanh		I	I	I
☐ V Hệ thống điều khiển phanh (EHCU)				
* Độ mòn bộ phanh và trống phanh		I	I	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

60,000 37,000	75,000 46,000	90,000 55,000	105,000 65,000	120,000 75,000	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
R	R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	-	R	-	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	-	R	-	R	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	I	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 12 tháng: I Mỗi 24 tháng: R (hoặc theo tư vấn từ đại lý Isuzu)					
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
Mỗi 24 tháng: I					
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 9 tháng: I hoặc mỗi 27 tháng: R
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
A	-	A	-	A	hoặc mỗi 18 tháng
L	L	L	L	L	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
L	L	L	L	L	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	R	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	I	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	-	R	-	-	hoặc mỗi 48 tháng
I	I	R	I	I	hoặc mỗi 9 tháng: I hoặc mỗi 27 tháng: R
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
Mỗi 10 năm: R					
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NLR85/NMR85/NPR85 (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	km (dặm)	15,000 9,000	30,000 18,000	45,000 27,000
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		I	I	I
Tình trạng rò rỉ, hư hỏng trong đường ống dầu phanh		I	I	I
Hoạt động của phanh tay		I	I	I
Hành trình cần phanh tay		I	I	I
Độ mòn ổ phanh & trống phanh tay		-	-	-
Tình trạng nhíp		I	I	I
Rò rỉ hoặc hư hỏng tại hệ thống treo		I	I	I
Tình trạng giảm chấn		I	I	I
Đai ốc bánh xe		T	T	T
Mâm bánh xe		I	I	I
Bôi trơn tại trục xoay bánh xe		-	-	R
Tình trạng & áp suất lốp		I	I	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch		I	I	I
Tình trạng đèn, gạt nước, phun nước rửa kính		I	I	I

60,000 37,000	75,000 46,000	90,000 55,000	105,000 65,000	120,000 75,000	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	-	-	-	I	hoặc mỗi 36 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
T	T	T	T	T	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	R	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng
I	I	I	I	I	hoặc mỗi 9 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NPR71/NQR71/NPS71 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 km x1,000 dặm	10 6	20 12	30 18	40 24	50 31
* Nhớt động cơ		R	R	R	R	R
* Lọc nhớt động cơ		R	R	R	R	R
Lọc nhiên liệu tinh		-	R	-	R	-
Lọc nhiên liệu thô		-	R	-	R	-
* Lọc gió		I	I	I	R	I
Điều chỉnh khe hở xupap		-	-	-	I	-
Tình trạng thùng nhiên liệu & đường ống nhiên liệu		-	-	-	I	-
Tình trạng dây curoa		I	I	I	I	I
Nước làm mát động cơ						
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		-	I	-	I	-
Hệ thống làm mát						
Dầu ly hợp		I	I	I	R	I
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp		I	I	I	I	I
* Nhớt hộp số (loại 2WD)		-	I	-	I	-
Cáp chuyển số		-	A	-	A	-
* Nhớt hộp số chính và phụ (4WD)		-	I	-	I	-
Dây cáp chuyển số trên hộp số chính và phụ (4WD)		-	A	-	A	-
* Trục truyền động, bạc đạn treo		-	L	-	L	-
Rơ lỏng tại trục truyền động, cac-đăng		I	I	I	I	I
Khớp chữ thập		-	-	-	I	-
* Trục trước (4WD)		L	L	L	L	L
* Nhớt cầu sau		I	I	I	R	I
* Nhớt cầu trước (4WD model)		I	I	I	R	I
* Kín pin		L	L	L	L	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		I	I	I	I	I
Dầu trợ lực lái		-	-	-	R	-
* Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống lái		I	I	I	I	I
Sự rơ lỏng hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		I	I	I	I	I
Hoạt động đánh lái		I	I	I	I	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

[illegible]

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NPR71/NQR71/NPS71 (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 km x1,000 dặm	10 6	20 12	30 18	40 24	50 31
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-
Dầu phanh		I	I	I	R	I
☐ Dầu bộ trợ lực phanh		I	I	I	R	I
Tình trạng rò rỉ dầu phanh		I	I	I	I	I
☐ Hệ thống điều khiển phanh (EHCUC)						
* Độ mòn bộ phanh và trống phanh		-	I	-	I	-
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		I	I	I	I	I
Tình trạng rơ lỏng và rò rỉ tại đường ống dầu phanh		I	I	I	I	I
Hoạt động của phanh tay		I	I	I	I	I
Hành trình cản phanh tay		I	I	I	I	I
Độ mòn bộ phanh & trống phanh		-	-	-	I	-
Tình trạng nhíp		I	I	I	I	I
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống treo		I	I	I	I	I
Tình trạng giảm chấn		I	I	I	I	I
Đai ốc bánh xe		-	T	-	T	-
Mâm bánh xe		-	I	-	I	-
Bôi trơn tại trục xoay bánh xe		-	-	-	R	-
Tình trạng & áp suất lốp		I	I	I	I	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch		I	I	I	I	I
Tình trạng đèn xe, gạt nước và phun nước rửa kính		I	I	I	I	I
Tình trạng chụp cao su trục dẫn động (4WD)		-	I	-	I	-

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

60 37	70 43	80 49	90 55	100 62	110 68	120 75	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
-	-	R	-	-	-	-	hoặc mỗi 48 tháng
I	I	R	I	I	I	R	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	R	I	I	I	R	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 10 năm: R							
I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	I	-	-	-	I	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
T	-	T	-	T	-	T	hoặc mỗi 12 tháng
I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	R	-	-	-	R	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe NPS81/NQR81 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	km (dặm)	15,000 9,000	30,000 18,000	45,000 27,000
* Nhớt động cơ		R	R	R
* Lọc nhớt động cơ		R	R	R
Lọc nhiên liệu tinh		R	R	R
Lọc nhiên liệu thô		R	R	R
* Lọc gió		I	I	R
Điều chỉnh khe hở xupap		-	I	-
Tình trạng thùng nhiên liệu và đường ống nhiên liệu		-	I	-
Tình trạng dây curoa		I	I	I
Nước làm mát động cơ				
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		-	I	-
Hệ thống làm mát				
Dầu ly hợp		I	I	R
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp		I	I	I
* Nhớt hộp số (loại 2WD)		I	I	R
Cấp chuyển số		-	A	-
* Nhớt hộp số chính và phụ (4WD)		I	I	R
Tình trạng hộp số phụ (4WD)		-	I	-
Tình trạng cấp chuyển số hộp số phụ (4WD)		-	A	-
* Trục truyền động, bạc đạn treo		L	L	L
Tình trạng trục truyền động, bạc đạn treo		I	I	I
Khớp chữ thập		-	-	I
* Trục truyền động trước (4WD)		L	L	L
Tình trạng rơ lông trục truyền động trước (4WD)		I	I	I
Front Khớp chữ thập (4WD model)		-	I	-
* Nhớt cầu sau		I	I	R
* Nhớt cầu trước (4WD)		I	I	R
* King pin		L	L	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		I	I	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

60,000 37,000	75,000 46,000	90,000 55,000	105,000 65,000	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
R	R	R	R	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	R	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
I	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
I	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 12 tháng: I Mỗi 24 tháng: R (hoặc theo tư vấn từ đại lý Isuzu)				
I	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
Mỗi 24 tháng: I				
I	I	R	I	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
I	I	R	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
A	-	A	-	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	R	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
I	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
A	-	A	-	hoặc mỗi 12 tháng
L	L	L	L	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
L	L	L	L	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	R	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	R	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
L	L	L	L	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: NPS81/NQR81 Models (Stt 2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	km (dặm)	15,000 9,000	30,000 18,000	45,000 27,000
Dầu trợ lực lái		-	R	-
* Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống lái		I	I	I
Sự rơ lỏng hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		-	-	I
Hoạt động đánh lái		I	I	I
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-
Dầu phanh		I	I	R
☐ Dầu bộ trợ lực phanh		I	I	R
Tình trạng rò rỉ dầu phanh		I	I	I
☐ Hệ thống điều khiển phanh (EHCU)				
* Độ mòn bộ phanh và trống phanh		-	I	-
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		I	I	I
Tình trạng rơ lỏng và hư hỏng trên đường ống dầu phanh		I	I	I
Hoạt động của phanh tay		I	I	I
Hành trình cần phanh tay		I	I	I
Độ mòn bộ phanh & trống phanh tay		-	I	-
Tình trạng nhíp		I	I	I
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống treo		I	I	I
Tình trạng giảm chấn		I	I	I
Đai ốc bánh xe		-	T	-
Mâm bánh xe		-	I	-
Bôi trơn tại trục xoay bánh xe		-	-	R
Tình trạng & áp suất lốp		I	I	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch		I	I	I
Tình trạng đèn, gạt nước, phun nước rửa kính		I	I	I
Tình trạng chụp cao su trục dẫn động (4WD)		-	I	-

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

60,000 37,000	75,000 46,000	90,000 55,000	105,000 65,000	Số km hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước
R	-	R	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	-	R	-	hoặc mỗi 48 tháng
I	I	R	I	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	R	I	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 10 năm: R				
I	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 3 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
T	-	T	-	hoặc mỗi 12 tháng
I	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	R	-	hoặc mỗi 24 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	I	I	I	hoặc mỗi 6 tháng
I	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng

Lịch Bảo Dưỡng Trong Điều Kiện Xe Hoạt Động Khắc Nghiệt

Điều kiện vận hành

A: Xe dừng và khởi hành thường xuyên

B: Xe chạy trên đường xấu, đường đèo dốc

C: Xe chạy trong khu vực nhiều bụi

D: Đường tuyết hoặc ven biển

Hạng mục	Chu kỳ	Điều kiện				
Nhớt động cơ (Model xe NPR75/NPS75/NQR75/NQR90)	Thay thế mỗi 10,000 km (6,000 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (Model xe NPR75/NPS75/NQR75/NQR90)	Thay thế mỗi 10,000 km (6,000 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (Model xe NLR55/NMR55)	Thay thế mỗi 2,500 km (1,500 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (Model xe NLR55/NMR55)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (Model xe NLR77/NMR77 Euro II)	Thay thế mỗi 2,500 km (1,500 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (Model xe NLR77/NMR77 Euro IV/Euro V)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (Model xe NLR77/NMR77)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (Model xe NLR85/NMR85/NPR85)	Thay thế mỗi 7,500 km (4,500 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (Model xe NLR85/NMR85/NPR85)	Thay thế mỗi 7,500 km (4,500 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (Model xe NPR71/NQR71/NPS71)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (Model xe NPR71/NQR71/NPS71)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (Model xe NPS81/NQR81)	Thay thế mỗi 7,500 km (4,500 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (Model xe NPS81/NQR81)	Thay thế mỗi 7,500 km (4,500 dặm)			C		A+D
Lọc gió	Kiểm tra mỗi 5,000 km (3,000 dặm) Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)			C		
Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả	Kiểm tra mỗi 10,000 km (6,000 dặm)	A	B		D	
Nhớt hộp số (loại 2WD)	Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)		B	C		
☐ SA Dầu ly hợp hộp số bán tự động	Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)		B	C		
Nhớt hộp số chính và phụ (4WD)	Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)		B	C		
Trục truyền động, bạc đạn treo	Bơm mỡ mỗi 10,000 km (6,000 dặm)		B			

Lịch Bảo Dưỡng Trong Điều Kiện Xe Hoạt Động Khắc Nghiệt (2)

Điều kiện vận hành

A: Xe dừng và khởi hành thường xuyên

B: Xe chạy trên đường xấu, đường đèo dốc

C: Xe chạy trong khu vực nhiều bụi

D: Đường tuyết hoặc ven biển

Hạng mục	Chu kỳ	Điều kiện			
Trực trước (4WD)	Bơm mỡ mỗi 5,000 km (3,000 dặm)	B			
Nhót cầu sau	Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)	B			
Kính pin	Bơm mỡ mỗi 5,000 km (3,000 dặm)	B	C	D	
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống lái (Model xe NLR85/NMR85/NPR85)	Kiểm tra mỗi 7,500 km (4,500 dặm)	B			
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống lái (ngoại trừ xe NLR85/NMR85/ NPR85)	Kiểm tra mỗi 5,000 km (3,000 dặm)	B			
Độ mòn bộ phanh và trống phanh	Kiểm tra mỗi 10,000 km (6,000 dặm)	A	B	C	

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng

Việc sử dụng đúng các loại dầu, mỡ là yếu tố then chốt để giúp xe giữ được hiệu quả hoạt động tối ưu theo năm tháng.

Việc sử dụng các loại dầu, mỡ phải tuân theo hướng dẫn của Isuzu, và chỉ sử dụng các sản phẩm chính hãng.

Các chất bôi trơn, dầu mỡ khi sử dụng phải nằm trong danh mục khuyến cáo bên dưới.

Độ Nhớt Và Cấp Độ Nhớt động cơ → Tham khảo trang 7-237

Các loại dầu mỡ	Nhà sản xuất	Sản phẩm	Cấp độ		JASO
			API	ACEA	
*1*2 Nhớt động cơ xe có trang bị bộ DPD, POC hoặc PF	ISUZU	BESCO CLEAN (10W-30)	—	—	—
	ISUZU	BESCO CLEAN SUPER (10W-40)	—	—	—
	Castrol	Vecton 15W-40 CK-4/E9 (15W-40)	CK-4	E9	—
	Chevron/Caltex	Delo 400 XLE (15W-40)	CK-4	E6/E9	DH-2
	Chevron/Caltex Elf	Delo 400 MGX (15W-40)	CJ-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Performance PRO 1000 (15W-40)	—	E9	—
	ExxonMobil	Delvac 1 ESP (5W-40)	CK-4	E6/E9	—
	ExxonMobil	Delvac MX ESP (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac 1300 Super (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac XHP ESP (10W-40)	CK-4	E6	DH-2
	Shell	Rimula R5LE (10W-40)	CJ-4	E9	DH-2
	Shell	Rimula R4L (15W-40)	CJ-4	E9	DH-2
	Total	Rubia Works 4000 (10W-40), (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	Total	Rubia Optima 1100 (15W-40)	CK-4	E9	—
Nhớt động cơ	ISUZU	BESCO DURAMAX (10W-30)	CH-4	—	—
	ISUZU	BESCO MULTI Z CH-4 (10W-30)	CH-4	—	—
	Castrol	Vecton 15W-40 CI-4/E7 (15W-40)	CI-4	E7	—
	Chevron/Texaco/	Delo Gold Ultra (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Caltex ExxonMobil	Delvac 1 (5W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac MX (15W-40)	CI-4	E7	—
Hộp số chính Hộp số phụ	Shell	Rimula R4X (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ISUZU	BESCO TRANSAXLE (5W-30)	—	—	—
	Chevron/Texaco /Caltex	Delo 400 MGX (15W-40)	CJ-4	E9	DH-2
	Chevron/Texaco /Caltex	Delo Gold Ultra (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Elf	Performance PRO 700 (15W-40)	CI-4	E7	—
	ExxonMobil	Delvac 1300 Super (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac MX ESP (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac MX (15W-40)	CI-4	E7	—
	Shell	Rimula R4X (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Total	RubiaTIR 7400 (15W-40)	CI-4	E7	—
Dầu ly hợp hộp số bán tự động	ISUZU	BESCO ATF III	—	—	—

*1: We recommend you to use a low ash content Nhớt động cơ that is suitably compatible with the DPD.

*2: The POC and PF are exhaust emission cleaning systems. They are equipped in all models with EURO V specification 4JJ1 and 4JH1 Động cơ.



NOTE

- Đối với các dòng xe trang bị bộ DPD cần sử dụng các loại nhớt có chất lượng cao nhằm giảm lượng bụi mịn sinh ra. Nếu không sử dụng đúng loại nhớt thì xe sẽ nhanh hỏng lõi lọc DPD

Các loại dầu mỡ	Nhà sản xuất	Sản phẩm	Cấp độ		JASO
			API	ACEA	
Nhớt cầu	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco	Multigear S (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco	Tranself Syn FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	/Caltex Elf	Mobil Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Spirax S6 AXME (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	Spirax S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Shell	Hộp số Dual 9 FE (75W-90) Hộp	GL-5/MT-1	—	—
	Total	số Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Hộp số Axle 7 (80W-90), (85W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
Nhớt cầu (có trang bị khóa ví sai)	ISUZU	BESCO LSD (140)	GL-5*	—	—
	Elf	Tractelf BLS (80W-90), (85W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	ExxonMobil	Mobilube LS (85W-90)	GL-5	—	—
	Total	Dynatrans DA (80W-90), (85W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
Dầu trợ lực lái	ISUZU	BESCO ATF III	—	—	—
	Chevron/Texaco	Texamatic 1888	—	—	—
	/Caltex	Dexron VI ATF (Dexron® VI)	—	—	—
	ExxonMobil	Multipurpose ATF	—	—	—
	ExxonMobil	Spirax S3 ATF MD3	—	—	—
	Shell	Fluidmatic DVI MV (Dexron® VI)	—	—	—
	Total	Fluidmatic IIIG	—	—	—
Bạc đạn treo Kingpins	ISUZU	BESCO L2 GREASE , L3 GREASE	—	—	—
	Chevron/Texaco	Delo Starplex EP	—	—	—
	/Caltex	Mobilgrease XHP 222 (Stt2), 223	—	—	—
	ExxonMobil	Gadus S3 V220C 2	—	—	—
	Shell	Multis Complex EP2 /EP3	—	—	—
Trục cac-đăng Khớp chữ thập Cam phanh	ISUZU	BESCO ONE LUBER Mo GREASE (Stt2)	—	—	—
	Chevron/Texaco	Multifak Moly EP (Stt2)	—	—	—
	/Caltex	Gadus S2 V220AD 2 (Stt2)	—	—	—
	Shell				
	Total	Multis Complex HV2 Moly (Stt2)	—	—	—
Cụm điều chỉnh cam phanh	Dow Corning	Molykote G-4700 GREASE	—	—	—

Nước làm mát	Nhà sản xuất	Sản phẩm*
Phụ gia nước làm mát động cơ	ISUZU Arteco BASF Total Total	BESCO LLC SUPER TYPE E, AS Havoline XLC Glysantin G34 Glacelf Auto Supra Coolelf Auto Supra -37°C

**KHUYẾN CÁO**

- Tỷ lệ trộn giữa nước và phụ gia nước làm mát là 50/50.

Nước làm mát động cơ → Tham khảo trang 7-37

Dầu	Nhà sản xuất	Sản xuất	Cấp độ
Dầu ly hợp và dầu phanh	ISUZU AC Delco	BESCO Dầu phanh SUPER Supreme 11	DOT 3 DOT 3

**CHÚ Ý**

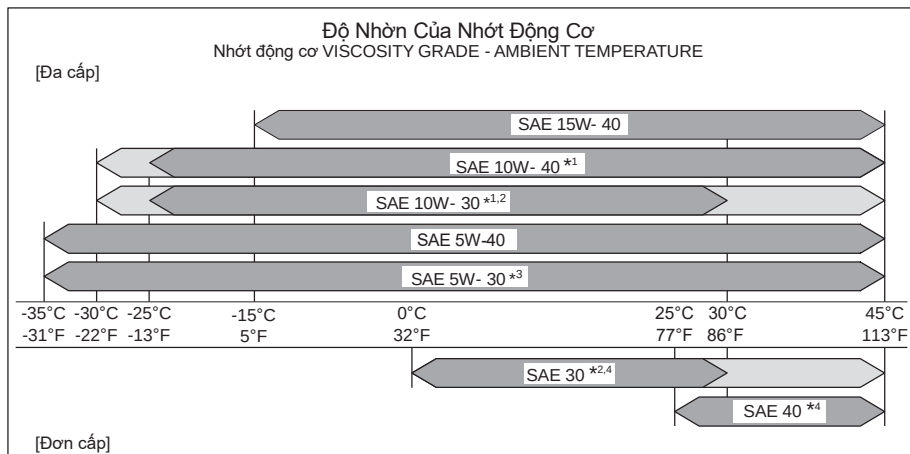
- Chỉ sử dụng nhiên liệu diesel đạt chuẩn hàm lượng lưu huỳnh 50 ppm (0,05S) cho các xe đạt chuẩn Euro 4 hoặc 10 ppm cho các xe đạt chuẩn Euro 5 (0,001S).
- Sử dụng dầu diesel chất lượng kém, trộn lẫn phụ gia tách nước, xăng, dầu hôi, nhiên liệu gốc cồn hoặc vật liệu khác trộn lẫn với dầu diesel sẽ ảnh hưởng xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun. Ngoài ra nó còn giảm khả năng hoạt động hoặc gây hư hỏng các chi tiết của động cơ. Nếu xảy ra trường hợp đổ nhầm nhiên liệu hoặc nhiên liệu không tốt, có nước, phải bảo đảm rút hết toàn bộ nhiên liệu không tốt ra khỏi hệ thống. Nếu không thực hiện kỹ càng trong hệ thống nhiên liệu, có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc hư hỏng hoàn toàn hệ thống cung cấp nhiên liệu như: bơm cao áp, đường dẫn nhiên liệu chung, kim phun v.v....
- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động và tuổi thọ của động cơ.

Sử Dụng Dầu Diesel Sinh Học (Dành cho thị trường Argentina và Colombia)

- Có thể dùng dầu diesel sinh học EN590. Loại dầu này phù hợp với tiêu chuẩn EN14214.
- Sử dụng dầu sinh học khác loại EN590, hoặc không đạt chuẩn EN14214 sẽ làm ảnh hưởng, hư hỏng động cơ.
- Đừng nên chứa hoặc lưu trữ dầu diesel sinh học trong thời gian dài. Nếu xe đậu tại chỗ trong thời gian dài, hãy xả bớt nhiên liệu ra.

Độ Nhớt Nhớt Động Cơ

Lựa chọn nhớt động cơ và nhớt hộp số theo bảng dưới đây. Việc lựa chọn độ nhớt thích hợp với nhiệt độ môi trường khi xe hoạt động là rất quan trọng. Lựa chọn đúng loại nhớt theo đồ thị bên dưới:

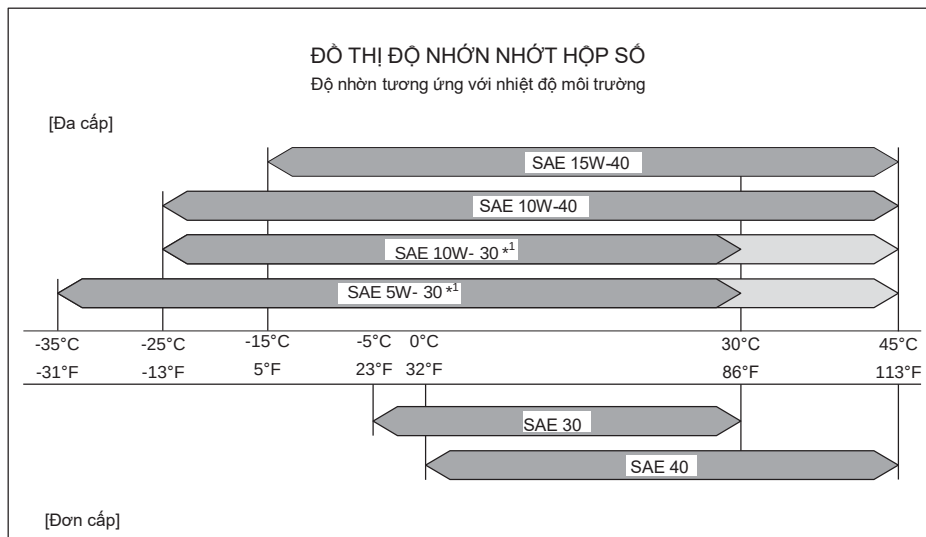


*1: Nếu nhiệt độ môi trường xung quanh xuống đến mức -30°C, hãy sử dụng nhớt có độ nhớt 10W-xx.

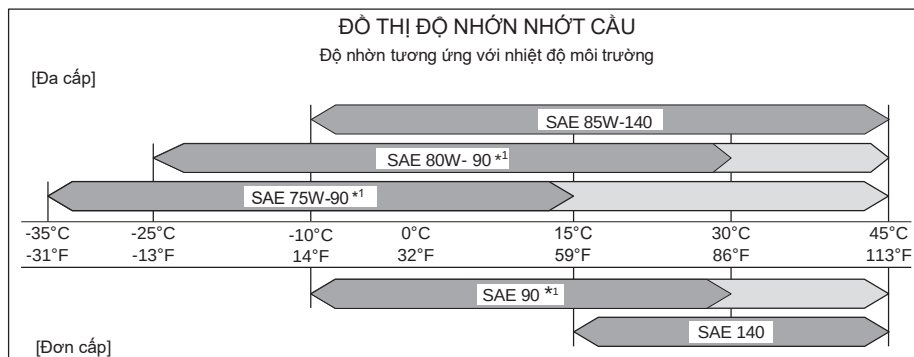
*2: Nếu nhiệt độ môi trường lên cao đến mức 45°C (113°F) hãy sử dụng nhớt xxW-30.

*3: Nếu dùng nhớt 5W-30, chỉ được dùng nhớt của Isuzu cung cấp

*4: Nhớt đơn cấp chỉ được dùng cho các xe từ chuẩn Euro II trở xuống.



*1: Nếu nhiệt độ môi trường lên cao đến mức 45°C (113°F) hãy sử dụng nhớt xxW-30.



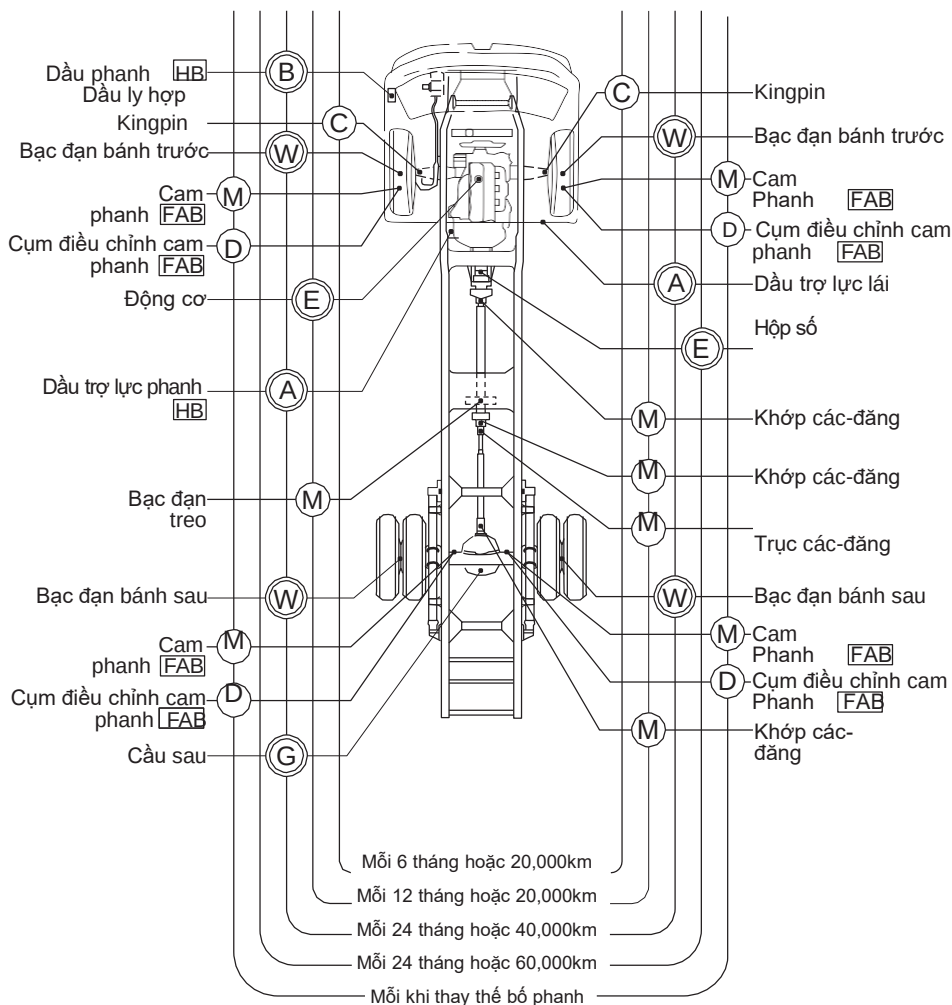
*1: Nếu nhiệt độ môi trường lên cao đến mức 45°C (113°F) hãy sử dụng nhớt xxW-90.

Sơ Đồ Các Vị Trí Cần Được Bôi Trơn

Model xe NPR75/NQR75/NQR90

- ◎ : Thay mới
 ○ : Kiểm tra châm thêm
 E : Nhớt động cơ
 G : Nhớt cầu
 W : Mỡ bánh xe
 C : Mỡ đa dụng

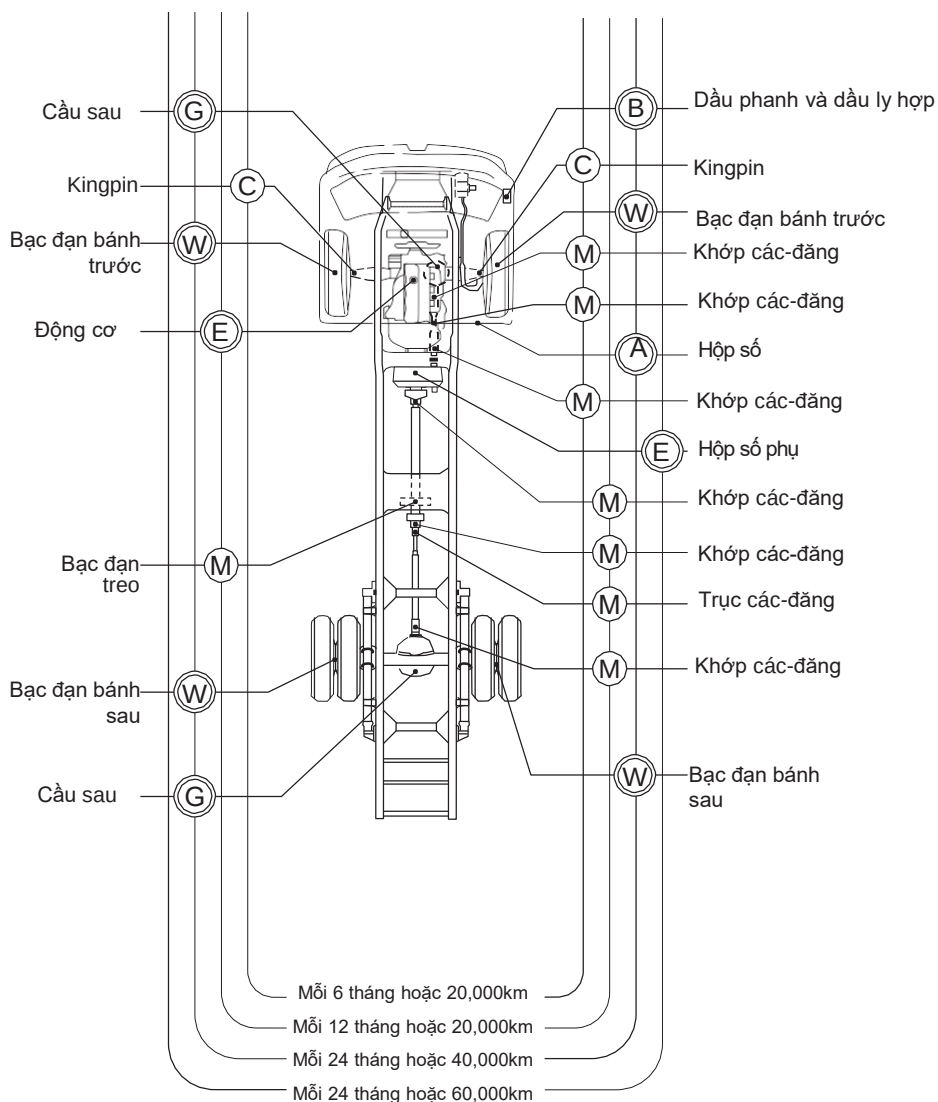
- M : Mỡ có chứa MoS₂
 B : Dầu phanh
 A : Dầu hộp số tự động
 D : Mỡ Molykote G-4700



Model xe NPS75

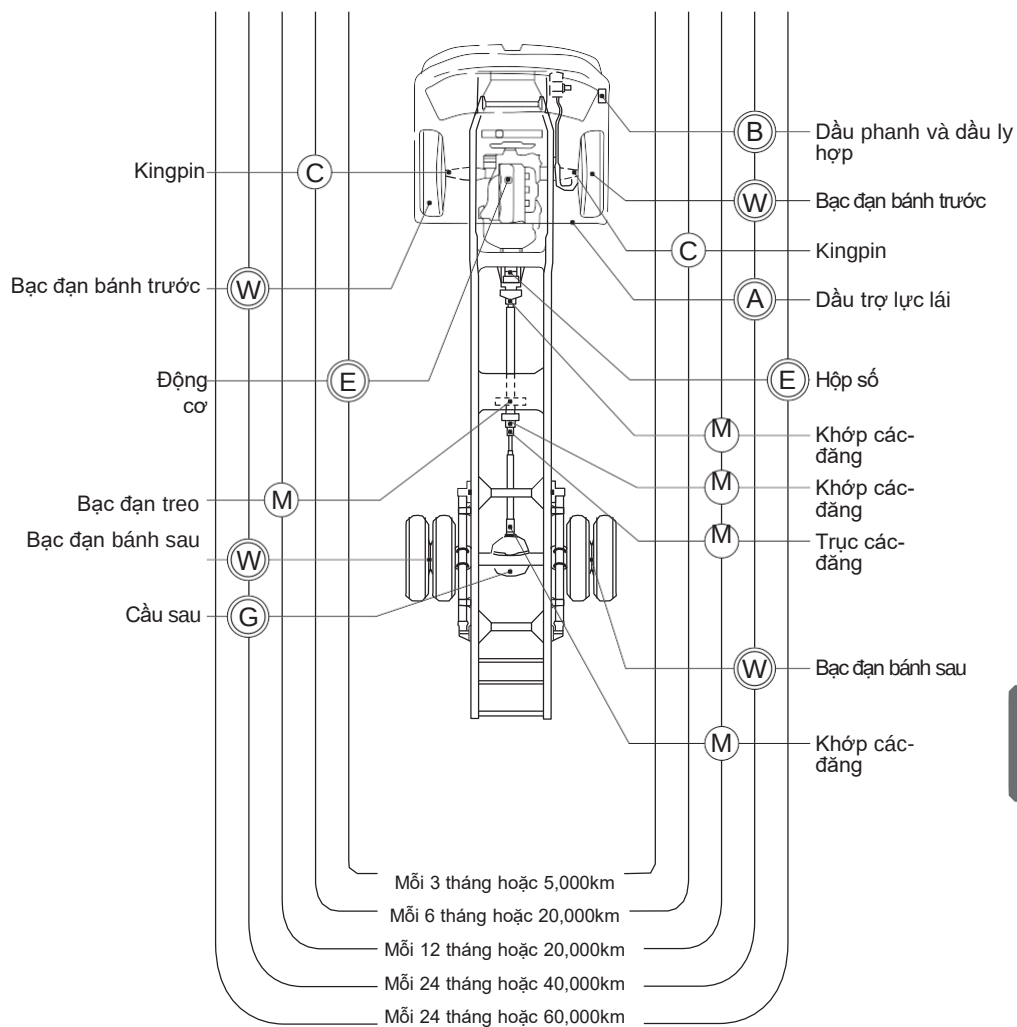
◎ : Thay mới
 ○ : Kiểm tra châm thêm
 E : Nhớt động cơ
 G : Nhớt cầu
 W : Mỡ bánh xe
 C : Mỡ đa dụng

M : Mỡ có chứa MoS₂
 B : Dầu phanh
 A : Dầu hộp số tự động
 D : Mỡ Molykote G-4700



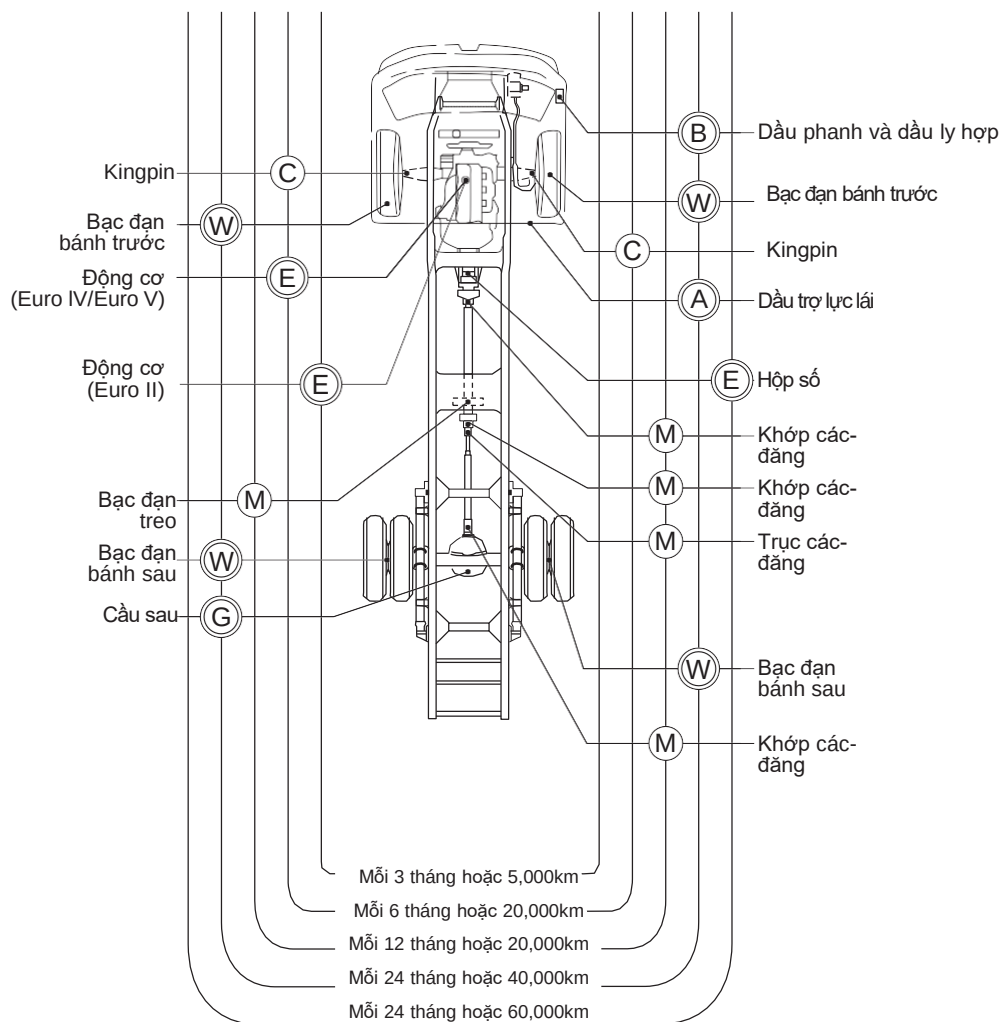
Model xe NLR55/NMR55

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| ◎ : Thay mới | M : Dầu có chứa MoS ₂ |
| ○ : Kiểm tra châm thêm | B : Dầu phanh |
| E : Nhớt động cơ | A : Dầu hộp số tự động |
| G : Nhớt cầu | D : Dầu Molykote G-4700 |
| W : Dầu bánh xe | |
| C : Dầu đa dụng | |



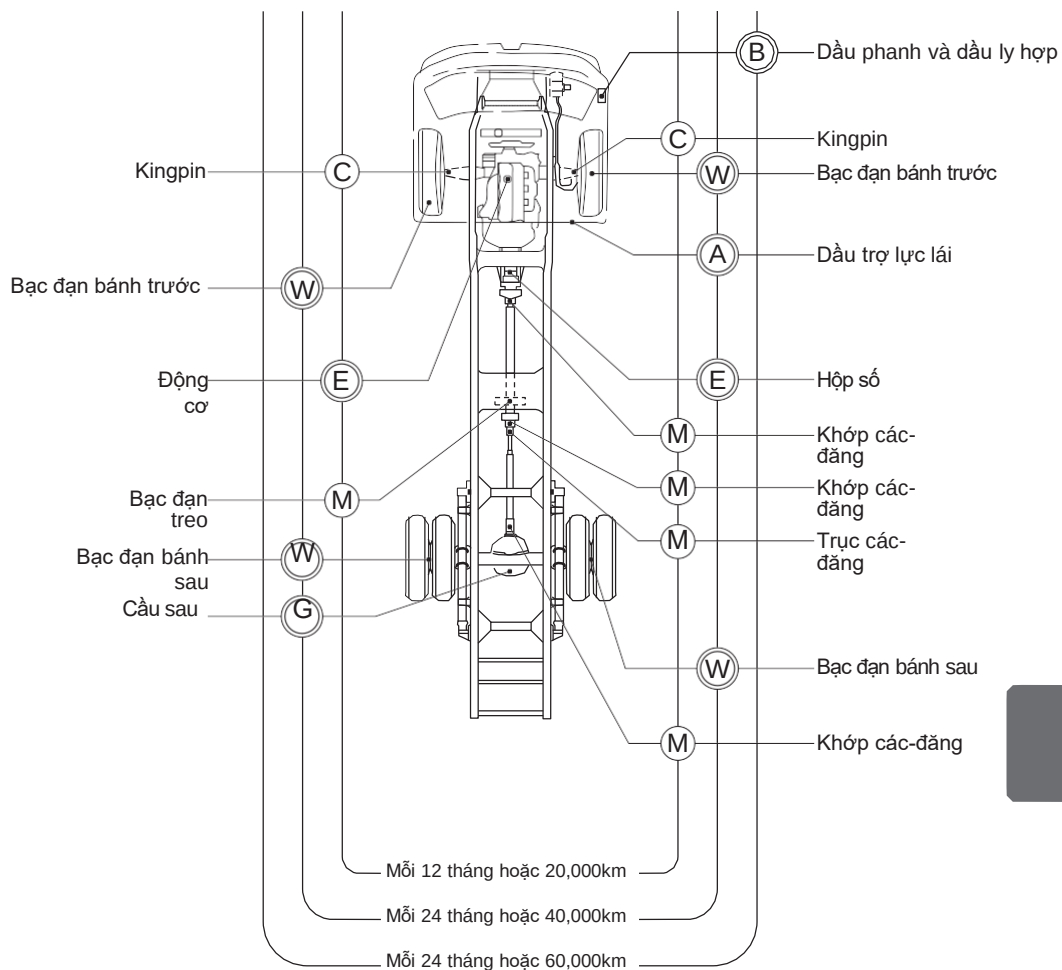
Model xe NLR77/NMR77

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| ⊙ : Thay mới | |
| ○ : Kiểm tra chậm thêm | |
| E : Nhớt động cơ | M : Mỡ có chứa MoS ₂ |
| G : Nhớt cầu | B : Dầu phanh |
| W : Mỡ bánh xe | A : Dầu hộp số tự động |
| C : Mỡ đa dụng | D : Mỡ Molykote G-4700 |



- ⊙ : Thay mới
- : Kiểm tra châm thêm
- E : Nhót động cơ
- G : Nhót cầu
- W : Mỡ bánh xe
- C : Mỡ đa dụng

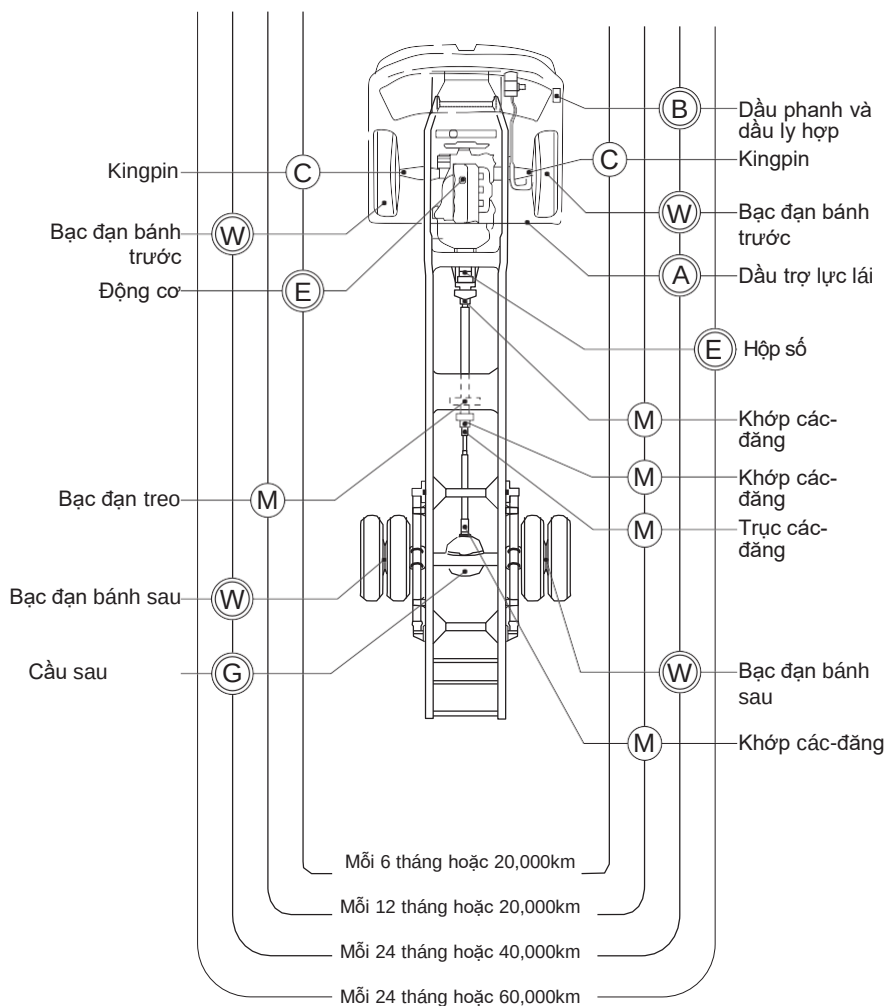
- M : Mỡ có chứa MoS₂
B : Dầu phanh
A : Dầu hộp số tự động
D : Mỡ Molykote G-4700



Model xe NPR71/NQR71

◎ : Thay mới
 ○ : Kiểm tra châm thêm
 E : Nhớt động cơ
 G : Nhớt cầu
 W : Mỡ bánh xe
 C : Mỡ đa dụng

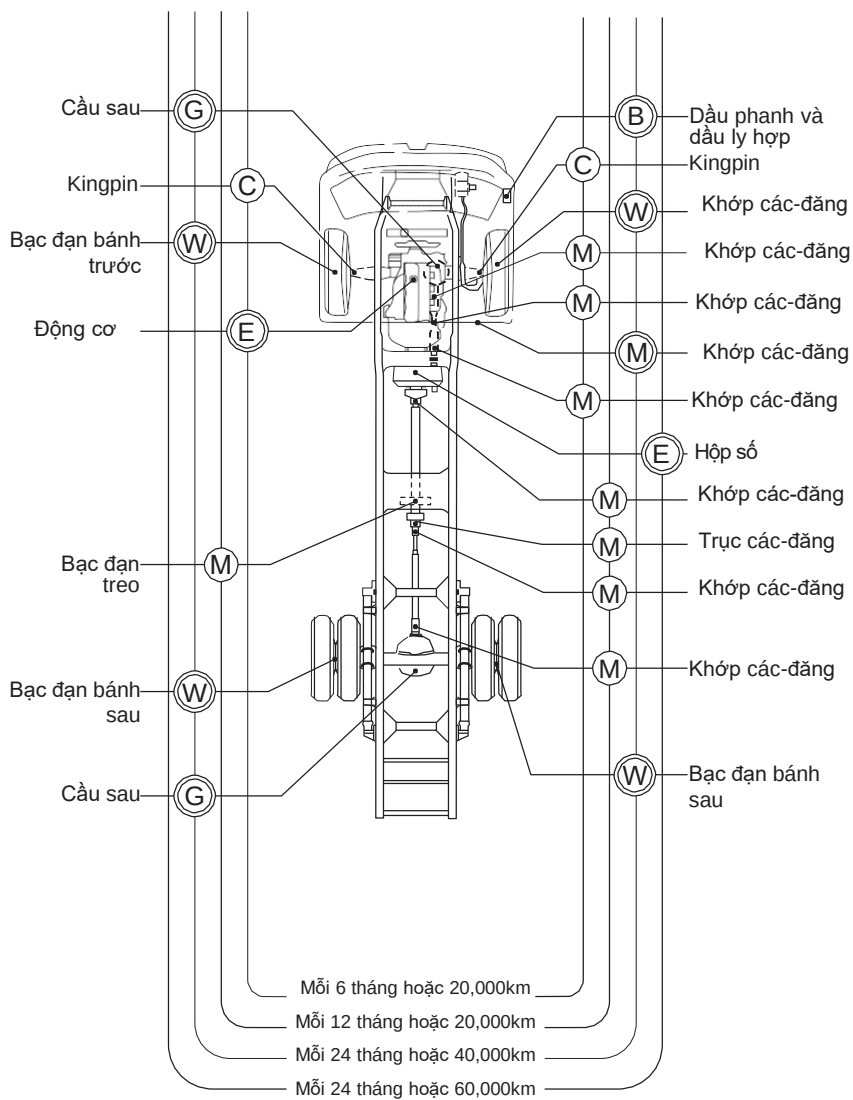
M : Mỡ có chứa MoS₂
 B : Dầu phanh
 A : Dầu hộp số tự động
 D : Mỡ Molykote G-4700



Model xe NPS71

- ◎ : Thay mới
 ○ : Kiểm tra châm thêm
 E : Nhớt động cơ
 G : Nhớt cầu
 W : Mỡ bánh xe
 C : Mỡ đa dụng

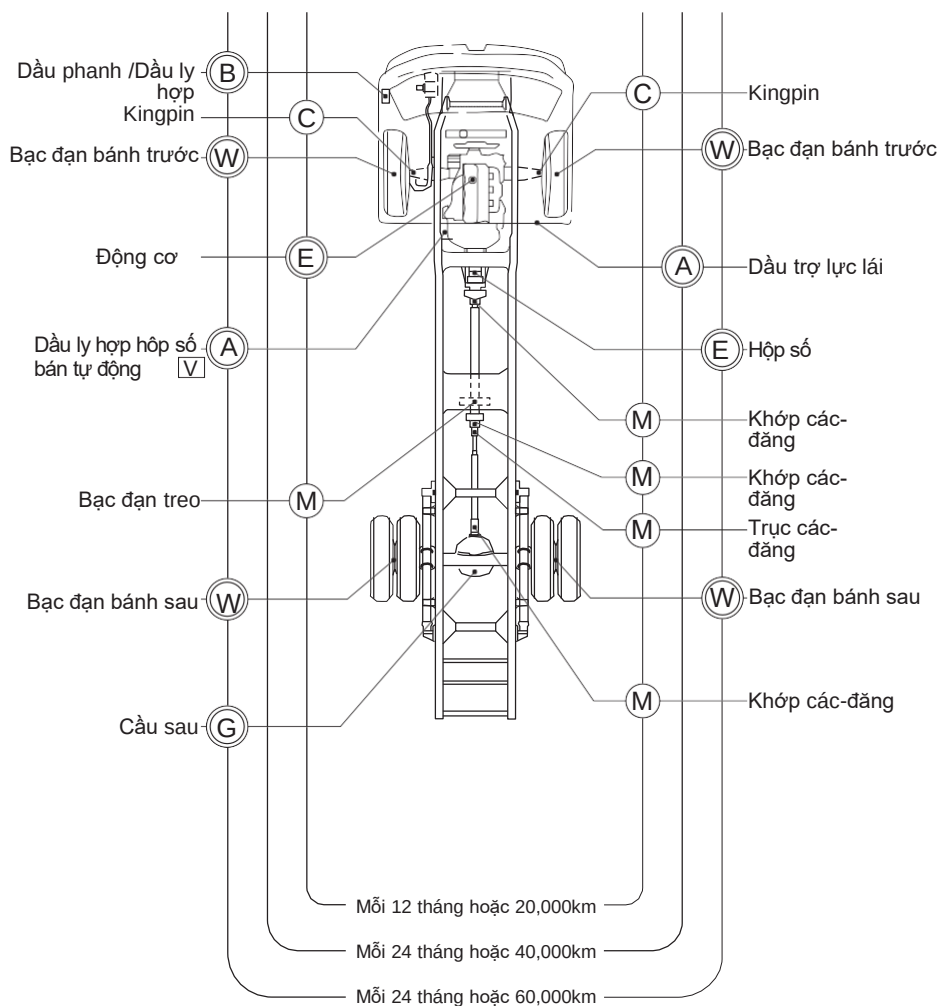
- M : Mỡ có chứa MoS₂
 B : Dầu phanh
 A : Dầu hộp số tự động
 D : Mỡ Molykote G-4700



Model xe NQR81

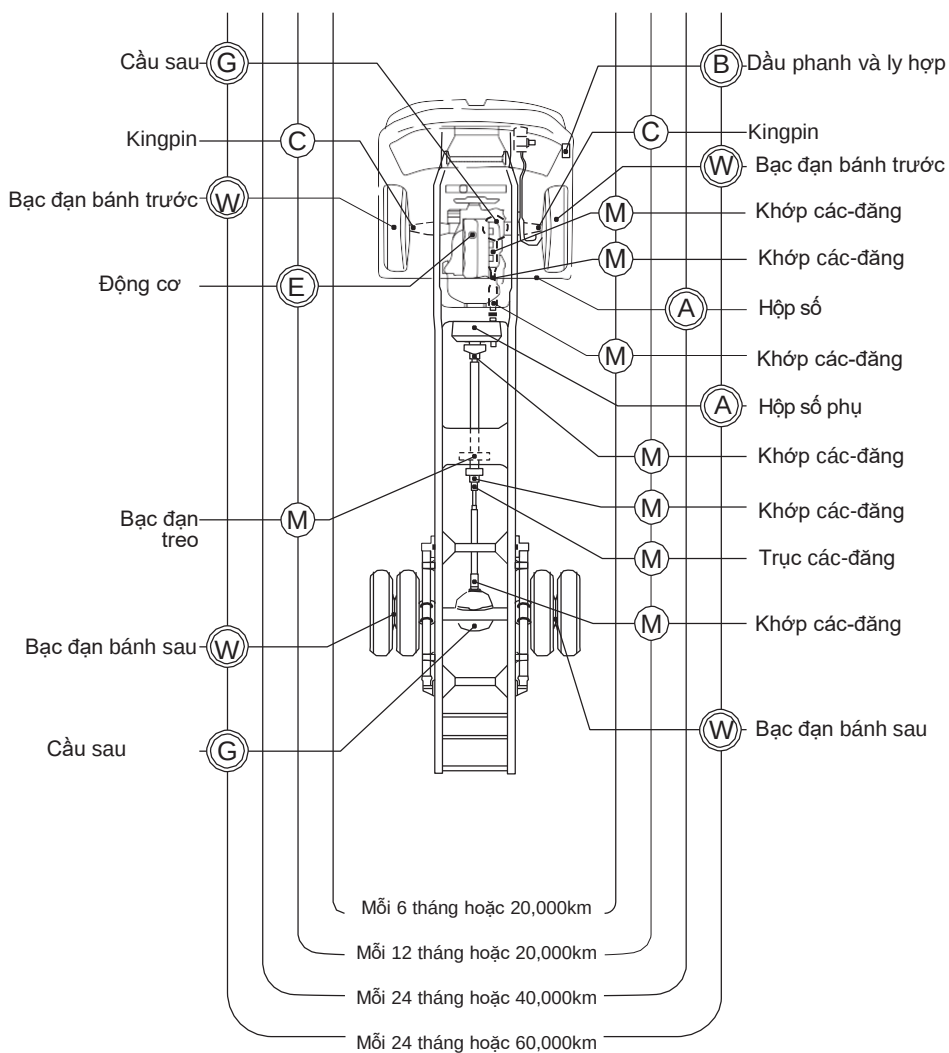
- ◎ : Thay mới
 ○ : Kiểm tra châm thêm
 E : Nhớt động cơ
 G : Nhớt cầu
 W : Mỡ bánh xe
 C : Mỡ đa dụng

- M : Mỡ có chứa MoS₂
 B : Dầu phanh
 A : Dầu hộp số tự động
 D : Mỡ Molykote G-4700



Model xe NPS81

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| ⊙ : Thay mới | M : Mỡ có chứa MoS ₂ |
| ○ : Kiểm tra chậm thêm | B : Dầu phanh |
| E : Nhớt động cơ | A : Dầu hộp số tự động |
| G : Nhớt cầu | D : Mỡ Molykote G-4700 |
| W : Mỡ bánh xe | |
| C : Mỡ đa dụng | |





• Trục Trắc	8-2
• Xe Hư Hỏng Khi Đang Lái	8-8
• Khi Bánh Xe Thiếu Hơi	8-9
• Động Cơ Ngưng Hoạt Động Khi Đang Lái	8-10
• Động Cơ Tắt Và Không Thể Khởi Động Lại Được	8-11
• Phanh Không Hoạt Động	8-12
• Khi Bình Hết Điện	8-13
• Cạn Nhiên Liệu	8-16
• Đèn Cảnh Báo Phát Sáng	8-22
• Động Cơ Quá Nhiệt	8-29
• Đồng Hồ Không Hoạt Động	8-31
• Không Nhả Được Phanh Tay FAB	8-32
• Bóng Đèn Không Sáng	8-34
• Thay Cầu Chì Và Role	8-53
• Thay Cầu Chì Đứt Chạm	8-90
• Xe Gặp Tai Nạn	8-92
• Lái Xe Trên Đường Xấu	8-92
• Kéo Xe	8-93

Trục Trắc

Kiểm tra và bảo dưỡng xe thường xuyên để tránh hư hỏng.

Sửa ngay các lỗi nhỏ trong xe (dù là lỗi rất nhỏ) để ngăn nó trở nên nghiêm trọng. Nếu một hiện tượng chỉ ra trong bảng bên dưới xuất hiện, hãy thực hiện kiểm tra và tiến hành sửa chữa theo hướng dẫn. Nếu không thể tìm ra được chỗ hư hỏng, hoặc không thể thực hiện sửa chữa, hãy liên hệ với đại lý ISUZU gần nhất..

**KHUYẾN CÁO**

- Đề mục nào có dấu © trong cột “Thao tác chỉnh sửa”, đòi hỏi cần được sửa chữa và điều chỉnh ngay lập tức. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Hiện tượng		Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Động cơ không khởi động	Máy khởi động không quay hoặc quay yếu	Bình accu hết điện	Nạp lại hoặc thay	8-13
		Cọc bình lỏng, sút hoặc mòn	Sau khi sửa phần bị mòn, nối dây chặt vào cọc bình	—
		Dây nối mát bị sút, lỏng hoặc mòn	Sau khi sửa phần bị mòn, nối dây chặt vào cọc bình	—
		Nhớt máy quá đặc	Thay nhớt với độ nhớt phù hợp	6-19
		Máy khởi động hay hệ thống điện bị hỏng	☉	—
	Máy khởi động hoạt động tốt	Cạn nhiên liệu	Phải đảm bảo không có hiện tượng rò rỉ, rồi châm thêm nhiên liệu	—
		Có không khí trong hệ thống nhiên liệu	Xả gió hệ thống nhiên liệu	8-17 8-20 8-21
		Bộ lọc nhiên liệu nghẹt	Thay bộ lọc	7-65
		Nhiên liệu bị đông đặc	Sưởi ấm ống dẫn nhiên liệu bằng nước nóng hay chờ nó tự ấm lên	—
		Hệ thống common rail bị lỗi	☉	—
		Hệ thống xông máy bị lỗi	☉	—

Hiện tượng	Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Động cơ khởi động nhưng tắt ngay sau đó	Tốc độ cảm chừng thấp	Chỉnh tốc độ cảm chừng	4-42
	Lọc nhiên liệu bị nghẹt	Thay mới lọc	7-65
	Bộ lọc gió bị nghẹt	Vệ sinh hoặc thay mới	7-60 7-63
	Lỗi hệ thống động cơ (4JB1/4HG1)	☉	—
	Lỗi hệ thống Common Rail (4HK1/4HL1/4JH1/4JJ1)	☉	—
Tốc độ động cơ không ổn định	Có nước hoặc không khí trong hệ thống nhiên liệu	Xả nước hoặc xả gió	7-84 8-17 8-20 8-21
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	☉	—
Nhiều khói trắng hoặc khói đen	Động cơ chưa đủ nóng	Làm nóng động cơ	4-44 4-46
	Quá nhiều nhớt động cơ	Điều chỉnh mức nhớt	7-25
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	☉	—
	Lỗi bơm tiếp vận	☉	—
	Bộ lọc gió bị nghẹt	Vệ sinh hoặc thay mới	7-60 7-63
	Lỗi bộ DPD	☉	—
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	☉	—
	Xe hoạt động cảm chừng ở thời gian quá dài (> 2 giờ)	Đạp bàn đạp ga trong 1 thời gian ngắn	—
	Nghệ hệ thống xả	☉	—

Hiện tượng	Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Động cơ quá nhiệt	Thiếu nước làm mát động cơ	Châm thêm nước làm mát	7-40
	Két nước bị bám bụi	Rửa bằng bàn chải lông mềm	7-51
	Nắp két nước không siết chặt	Phải siết chặt lại	—
	Lồng dây đai quạt gió	Điều chỉnh lực căng dây đai hoặc thay dây đai mới	7-57
	Nước làm mát bị bẩn	Xúc rửa két nước hoặc thay thay nước làm mát	7-41
	Ly hợp quạt làm mát bị hư	⊙	—
	Nắp két nước hư hoặc dơ	Vệ sinh hoặc thay mới	7-44
Áp suất nhớt thấp	Sử dụng nhớt không đúng phẩm cấp	Sử dụng đúng loại nhớt động cơ khuyến cáo	6-19
	Thiếu nhớt	Châm thêm nhớt động cơ	7-28
	Hư hỏng động cơ	⊙	—
	Các đèn cảnh báo, chỉ báo bị hư hỏng	⊙	—
Áp suất hơi khí nén	Hư hỏng máy nén khí	⊙	—
	Rò rỉ hơi trên đường ống	⊙	—
	Bộ điều tiết hơi bị hư hỏng	⊙	—

Hiện tượng	Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Công suất máy yếu	Chưa nhả cần phanh tay	Nhả hoàn toàn cần phanh tay	—
	Bỏ phanh	☉	—
	Lý hợp bị trượt	Điều chỉnh hành trình tự do	7-145
	Bộ lọc gió bị nghẹt	Vệ sinh hoặc thay mới	7-60 7-63
	Bộ lọc nhiên liệu bị nghẹt	Thay mới bộ lọc	7-65
	Lỗi ở hệ thống điều khiển động cơ	☉	—
	Lỗi ở hệ thống nhiên liệu	☉	—
	Lỗi động cơ	☉	—
Phanh không hiệu quả	Khe hở giữa trống phanh và ổ phanh quá lớn	☉	—
	Có không khí trong dầu phanh	☉	—
	Áp suất hơi khí nén thấp	Tăng tốc động cơ để cấp thêm khí nén	—
	Lỗi ở hệ thống phanh	☉	—
Phanh không đều	Áp suất lốp trong các bánh không đều nhau	Điều chỉnh áp suất lốp	7-114
	Bánh xe mòn không đều	Thay bánh xe	7-128
	Khe hở giữa trống phanh và ổ phanh quá lớn	☉	—
	Sai góc đặt bánh xe	☉	—

Hiện tượng		Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Phanh khí xả không hoạt động		Hệ thống điều khiển bị lỗi	⊙	—
Trả lái không tốt		Thiếu dầu trợ lực lái	Châm thêm dầu trợ lực lái	—
		Sai góc đặt bánh xe		—
Ly hợp không nhả tốt		Thiếu dầu ly hợp	Châm thêm	7-145
		Hành trình tự do bàn đạp ly hợp quá lớn	Điều chỉnh lại	7-146
Có âm thanh lớn hoặc bất thường	Từ hộp số	Thiếu nhớt hộp số	Châm thêm	7-147
		Hư hỏng bên trong hộp số	⊙	—
	Từ cầu xe	Thiếu nhớt cầu xe	Châm thêm	7-155
		Hư hỏng phía trong cầu xe	⊙	—
	Từ hệ thống treo	Các lò xo, các quang nhíp hoặc bộ hãm bị mòn	⊙	—
	Từ trục truyền động	Bôi trơn kém trong mỗi bộ phận	Bôi trơn	
		Bạc đạn bị mòn	⊙	

Xe Hư Hỏng Khi Đang Lái

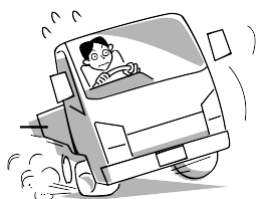


1. Bật đèn “báo nguy” và đưa xe vào nơi an toàn, không cản trở lưu thông. Đặt tam giác phản quang để cảnh báo lưu thông về sự hiện diện của xe bạn.
2. Để hành khách ra ngoài và đợi ở một nơi an toàn.
3. Liên lạc với đại lý Isuzu hoặc đơn vị cứu hộ để được hỗ trợ.

**CẢNH BÁO**

[nếu có rò rỉ nhiên liệu]

- Rò rỉ nhiên liệu từ xe rất nguy hiểm vì có thể gây cháy nổ. Hãy tắt động cơ ngay.

Khi Bánh Xe Thiếu Hơi (Non Hơi)

Nếu bánh xe bị xẹp khi đang lái, đừng phanh gấp, hãy giữ chắc tay lái và dừng xe. Nên thay bánh xe ở một nơi rộng rãi để đừng cản trở các xe khác và khách bộ hành.

**CẢNH BÁO**

- Nếu bạn tiếp tục lái xe khi bánh thiếu hơi, lực đè trên các đai ốc bánh xe sẽ làm bu-lông gãy và bánh xe sẽ sút ra.

Bánh xe dự phòng → Tham khảo trang 7-138

Sử dụng con đội → Tham khảo trang 7-172

Thay bánh xe → Tham khảo trang 7-128

Động Cơ Ngưng Hoạt Động Khi Đang Lái

Lúc này bộ trợ lực phanh sẽ không hoạt động nên hiệu quả phanh suy giảm. Nếu không thể khởi động động cơ hãy nhanh chóng để đại lý Isuzu kiểm tra và sửa chữa.

Nếu động cơ tắt vì xe hết nhiên liệu khi đang lái, châm nhiên liệu cũng chưa thể khởi động động cơ, cần phải xả gió hệ thống nhiên liệu sau khi châm.

Cạn Nhiên Liệu → Tham khảo trang 8-16

**CẢNH BÁO**

- Hãy dừng xe vào nơi an toàn và ghi nhớ những điều sau.
 - Hệ thống trợ lực lái sẽ không hoạt động, vì thế rất khó điều khiển tay lái. Cần phải dùng nhiều sức hơn bình thường.
 - Vì bộ trợ lực phanh không còn hoạt động, nên hiệu quả phanh sẽ giảm sút, phải đạp phanh mạnh hơn bình thường.
- Đối với xe trang bị hệ thống phanh khí nén hoàn toàn, áp suất hơi khí nén sẽ không được cấp tiếp. Do đó hãy từ từ dừng xe ở nơi an toàn.

Động Cơ Tắt Và Không Thể Khởi Động Lại Được

Chuyển cần số vào vị trí “N” và đẩy xe vào nơi an toàn.

- Đối với xe trang bị hộp số bán tự động. Hãy chuyển tay số về vị trí N, kéo phanh tay và đạp bàn đạp phanh trước khi cố khởi động lại xe

**CHÚ Ý**

- Trong trường hợp khẩn cấp, hãy kéo cần sang số về vị trí “R” (số lùi) “1” (số 1) hoặc “2” (số 2) nếu bộ khởi động có thể hoạt động.
- Kế tiếp xoay công tắc khởi động trong khi nhả chân khỏi bàn đạp ly hợp từ từ để di chuyển xe.

Phanh Không Hoạt Động

Nếu phanh mất tác dụng bất ngờ, hãy giảm tốc độ bằng cách đổi số nhanh chóng từ 3 qua 2, rồi 1. Từ từ kéo cần phanh tay trong khi giữ chặt tay lái.

Dừng xe vào lề đường.

**CHÚ Ý**

- Kéo cần phanh tay thành linh rất nguy hiểm khi chạy xe tốc độ cao. Phải giảm tốc độ trước bằng cách giảm số rồi từ từ kéo cần phanh tay.

**LƯU Ý**

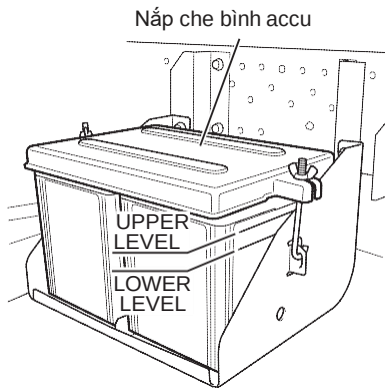
- Trong tình huống xấu nhất khi đang trên đường núi hoặc các tình huống tương tự, hãy dừng xe bằng cách cạ xe vào thanh bảo vệ hoặc triển dốc bên đường hoặc để bánh trước và bánh sau một bên xe lọt và một hố bên đường.

Khi Bình Hết Điện

Dùng cáp nối (được bán riêng) và bình accu của một xe khác để khởi động động cơ trong trường hợp này.

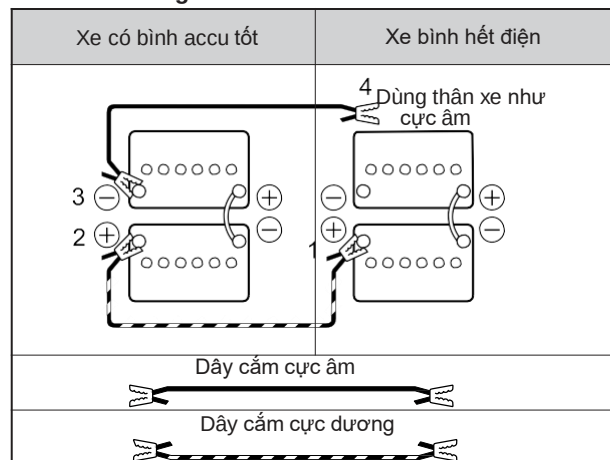
**CHÚ Ý**

- Để an toàn và bảo vệ xe, đừng đẩy xe.
- Phải nhớ rằng các bình accu dùng khởi động phải có cùng điện thế với xe bị hư.
- Trong mọi trường hợp không để cọc dương và cọc âm của bình accu chạm vào nhau.
- Khi nối dây cáp, không để các kẹp chạm vào nhau.
- Hãy nhớ đại lý ISUZU gần nhất nạp bình accu lại.
- Đừng tháo dây cọc bình khi động cơ đang chạy, sẽ gây hư hỏng trong hệ thống điện.

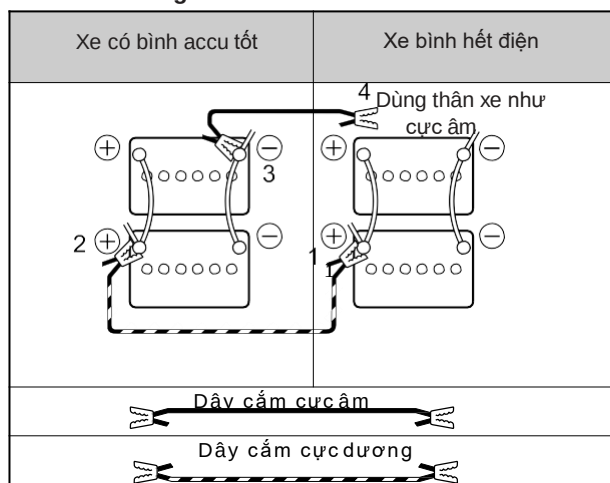


1. Kiểm tra mức dung dịch bình accu ở xe bị hư.
2. Dùng một xe có bình accu đã nạp có cùng điện thế.
3. Tháo nắp đậy bình và nối cáp theo thứ tự nối trong hình

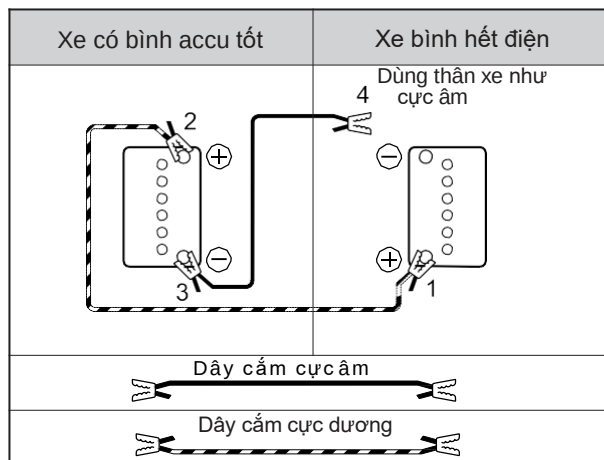
Models xe dùng bình 24V



Models xe dùng hai bình 12V



Models xe dùng một bình 12V



- Sau khi nối dây cáp, hãy khởi động động cơ của xe có bình accu tốt
- Từ từ tăng tốc động cơ xe có bình accu còn tốt và khởi động động cơ của xe có bình hết điện.
- Sau khi khởi động động cơ thành công, hãy tháo cáp nối theo trình tự ngược lại với lúc nối.

**CẢNH BÁO**

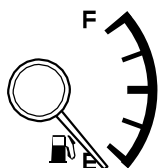
- Kiểm tra mức dung dịch bình accu trước khi nối dây cáp. Dùng hoặc nạp khi dung dịch bình accu ở mức thấp hơn “LOW LEVEL” có thể làm hư hỏng bình accu, và làm tăng nguy cơ phát nhiệt và gây nổ. Chỉ thực hiện sau khi châm thêm dung dịch bình.
- Bình accu xe phát ra khí dễ cháy có thể gây nổ. Phải cẩn thận theo các bước sau để tránh đánh lửa.
 - Đừng nối một đầu của cáp nối chỉ trong bước 4 của hình vẽ trực tiếp vào cọc âm của bình accu. Hãy nối cáp nối vào phần kim loại của động cơ cách xa bình accu. Đừng để cáp nối cọc dương chạm vào cáp nối cọc âm hoặc cơ thể.
 - Tránh lửa xa khỏi bình accu.
- Cẩn thận đừng để kẹt các dây đai khi nối cáp.



LƯU Ý

- Khi trời lạnh, việc khởi động động cơ sẽ khó khăn. Nếu sử dụng xe có bình accu tốt để hỗ trợ khởi động thì trước tiên phải khởi động xe có bình accu tốt, sau đó vài phút mới nối vào xe có bình accu yếu để khởi động.

Cạn Nhiên Liệu



Khi nhiên liệu hết, không khí sẽ lọt vào hệ thống nhiên liệu, vì thế chỉ châm nhiên liệu thôi không đủ khởi động động cơ. Hãy dùng các phương pháp sau để xả gió hệ thống nhiên liệu.



CẢNH BÁO

- Lau sạch các vết nhiên liệu dính vào thân xe hoặc khoang động cơ phía dưới cabin để tránh gây cháy nổ.



CHÚ Ý

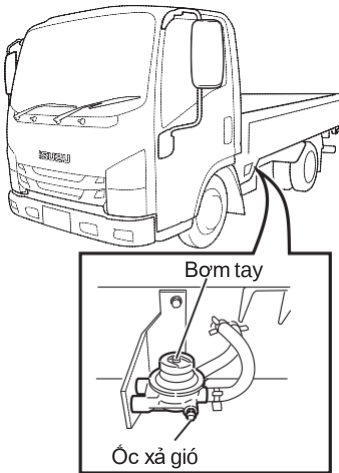
- Trước khi khởi động xe hãy ngồi vào ghế tài xế và nhớ chuyển cần số về vị trí "N".
Đừng khởi động động cơ trước khi bạn ngồi vào ghế tài xế, ví dụ không khởi động động cơ bằng cách chòem qua cửa sổ từ bên ngoài hoặc mở cửa và đứng bên ngoài khởi động.

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu(Động cơ 4HK1/4JJ1**Loại Có Lọc Nhiên Liệu Nằm Bên Hồng Xe**

Nếu xe cạn nhiên liệu, thực hiện các bước sau để thực hiện xả gió.

**KHUYẾN CÁO**

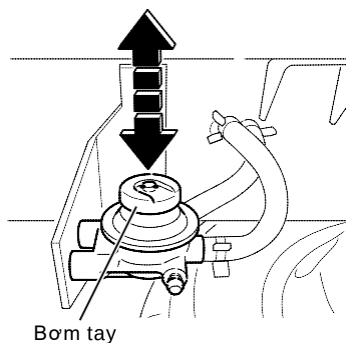
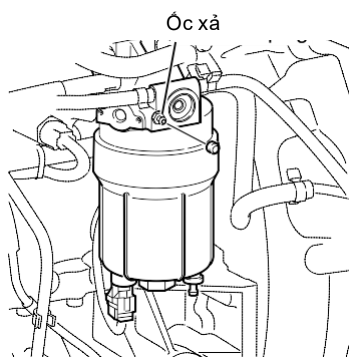
- Xả gió không hoàn toàn sẽ ít nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động của động cơ. Do đó phải tuân thủ các khuyến cáo & yêu cầu sau khi thực hiện việc xả gió.

**Bơm Tay Nằm Kế Khung Xe**

1. Hãy đặt vật chứa bên dưới ốc xả gió để đựng nhiên liệu và tháo lỏng ốc xả gió.
2. Ấn bơm tay lên xuống khoảng 20 lần cho đến khi nhiên liệu chảy ra từ ốc xả không còn bọt khí.
3. Vặn chặt ốc xả và lau sạch vết nhiên liệu còn dính vào ốc xả hoặc khu vực xung quanh.

Lực Siết Ốc xả gió

6.0 - 9.0 N·m
(0.6 - 0.9 kgf·m / 4 - 7 lb·ft)



Lọc Nhiên Liệu Nằm Kế Động Cơ

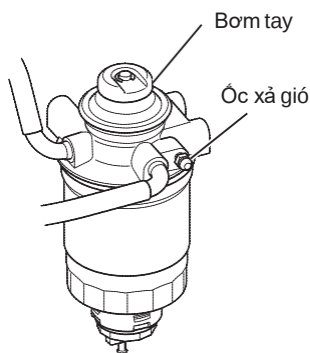
1. Hãy đặt vật chứa bên dưới ốc xả gió để đựng nhiên liệu và tháo lỏng ốc xả gió .
2. Ấn bơm tay (nằm cạnh khung xe) lên xuống khoảng 20 lần cho đến khi nhiên liệu chảy ra từ ốc xả không còn bọt khí .
3. Vặn chặt ốc xả và lau sạch vết nhiên liệu còn dính vào ốc xả hoặc khu vực chung quanh.

Lực Siết Ốc Xả

6.0 - 9.0 N·m
(0.6 - 0.9 kgf·m / 4 - 7 lb·ft)

Sau Khi Hoàn Tất Việc Xả Gió

1. Nén bơm tay lên xuống khoảng 10 lần để rút khí từ hệ thống nhiên liệu đến bơm tiếp vận.
2. Không đạp bàn đạp ga, hãy xoay công tắc khởi động và khởi động động cơ.
3. Sau khi động cơ đã khởi động, hãy để hoạt động cầm chừng khoảng 5 giây .
4. Đạp hết mức bàn đạp ga và tăng tốc động cơ lên tốc độ cao nhất. Giữ tốc độ khoảng 10 giây. (Lặp lại động tác này vài lần).



Loại Lọc Nhiên Liệu Nằm Bên Hông Xe (Dạng 2)

Trước Khi Khởi Động Động Cơ

1. Hãy đặt vật chứa bên dưới ốc xả gió để đựng nhiên liệu và tháo lỏng ốc xả gió.
2. Ấn bơm tay lên xuống khoảng 20 lần cho đến khi nhiên liệu chảy ra từ ốc xả không còn bọt khí.
3. Vặn chặt ốc xả và lau sạch vết nhiên liệu còn dính vào ốc xả hoặc khu vực chung quanh.
4. Nén bơm tay lên xuống khoảng 10 lần để rút khí từ hệ thống nhiên liệu đến bơm tiếp vận.
5. Khởi động động cơ.

Lực Siết Ốc Xả Gió

6.0 - 9.0 N·m
(0.6 - 0.9 kgf·m / 4 - 7 lb·ft)

Sau Khi Khởi Động Động Cơ

1. Không đạp bàn đạp ga, hãy khởi động động cơ.
2. Sau khi động cơ đã khởi động, hãy để chế độ chạy cầm chừng khoảng 5 giây.
3. Đạp hết mức bàn đạp ga và tăng tốc động cơ lên tốc độ cao nhất. (Lặp lại động tác này vài lần).

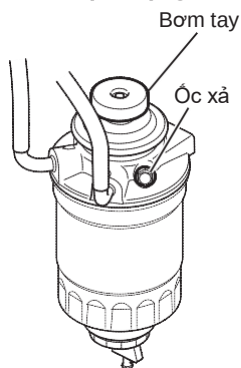


KHUYẾN CÁO

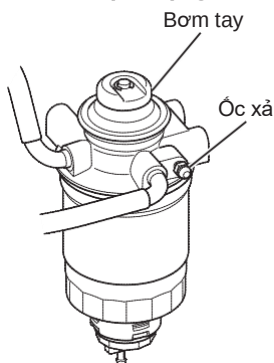
- Xả gió không hết có thể gây lỗi trong khi động cơ hoạt động. Do đó phải nhớ luôn luôn thực hiện thao tác mô tả trong phần “Sau khi khởi động động cơ”.

Xả Gió Nhiên Liệu (Động Cơ 4JB1/4HG1/4HL1)

Lọc nhiên liệu (Dạng 1)



Lọc nhiên liệu (Dạng 2)



Trước Khi Khởi Động Xe

1. Hãy đặt vật chứa bên dưới ốc xả gió để đựng nhiên liệu và tháo lỏng ốc xả gió.
2. Ấn bơm tay lên xuống khoảng 20 lần cho đến khi nhiên liệu chảy ra từ ốc xả không còn bọt khí.
3. Vặn chặt ốc xả và lau sạch vết nhiên liệu còn dính vào ốc xả hoặc khu vực chung quanh.

Lực Siết Ốc Xả

Dạng 1	3.9 - 5.9 N·m (0.4 - 0.6 kgf·m / 3 - 4 lb·ft)
Dạng 2	6.0 - 9.0 N·m (0.6 - 0.9 kgf·m / 4 - 7 lb·ft)

4. Ấn bơm tay khoảng 10 lần để bơm nhiên liệu đến bơm tiếp vận.
5. Khởi động động cơ.

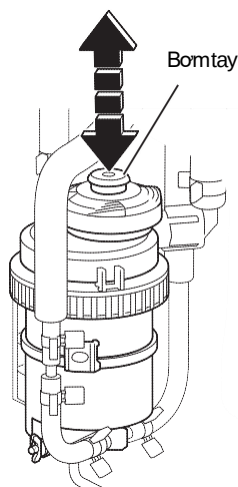
Sau khi khởi động động cơ

1. Khởi động xe nhưng đừng ấn bàn đạp ga.
2. Để động cơ hoạt động cầm chừng khoảng 5 giây.
4. Đạp hết mức bàn đạp ga và tăng tốc động cơ lên tốc độ cao nhất. Giữ tốc độ khoảng 10 giây. (Lặp lại động tác này vài lần).



KHUYẾN CÁO

- Xả gió không hết có thể gây lỗi trong khi động cơ hoạt động. Do đó phải nhớ luôn luôn thực hiện thao tác mô tả trong phần “Sau khi khởi động động cơ”.

Xả Gió Hệ THỐNG Nhiên Liệu (Động cơ 4JH1)**Trước Khi Khởi Động Động Cơ**

1. Ấn bơm tay lên xuống cho đến khi cảm giác nặng tay.
2. Không đạp bàn đạp ga, hãy khởi động động cơ.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

3. Nếu động cơ không thể khởi động, hãy lặp lại bước 1.

Sau Khi Khởi Động Động Cơ

1. Sau khi khởi động, hãy để động cơ hoạt động cầm chừng khoảng 1 phút. Nếu động cơ chết máy, hãy thực hiện lại bước 3 và thử khởi động lại động cơ lần nữa.
2. Ấn hết mức bàn đạp ga để tăng tốc động cơ lên mức cao nhất, sau đó nhả bàn đạp ga. Lặp lại việc này 3 lần.

**KHUYẾN CÁO**

- Xả gió không hết có thể gây lỗi trong khi động cơ hoạt động. Do đó phải nhớ luôn luôn thực hiện thao tác mô tả trong phần “Sau khi khởi động động cơ”.

Khi Đèn Cảnh Báo Bật Sáng

Đèn Cảnh Báo Trợ Lực Phanh HB

Kèn cảnh báo sẽ kêu lên khi khởi động hoặc lúc lái xe. Điều này có nghĩa chân không trong bộ trợ lực phanh không còn đủ, hoặc bộ trợ lực phanh bị hỏng. Khi có trục trặc xảy ra đối với phanh khí xả, đèn cảnh báo cũng sáng



CHÚ Ý

- Nếu kèn cảnh báo kêu lên khi dùng phanh khí xả, hãy đậu xe vào nơi an toàn ngay lập tức và thực hiện các thao tác sau:
 - Khi động cơ vẫn hoạt động, tắt công tắc phanh khí xả. Nếu kèn ngừng kêu vài giây, nghĩa là có trục trặc trong hệ thống phanh khí xả. Hãy đem xe đến kiểm tra tại đại lý Isuzu gần nhất.
 - Nếu kèn cảnh báo vẫn tiếp tục kêu, nghĩa là trục trặc nằm ở bộ trợ lực phanh. Hãy đem xe đến kiểm tra ngay lập tức tại đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh HB

Đèn cảnh báo hệ thống phanh phát sáng khi động cơ đang chạy (sau khi khởi động) trong các tình huống sau

- Giảm mức dầu phanh (do mòn bộ phanh hoặc rò rỉ dầu)
- Có bất thường trong hệ thống nạp điện (như hư hỏng máy phát điện hoặc lỏng hay tuột dây curoa quạt).
- Trục trặc tại hệ thống ABS

Đèn Cảnh báo Hệ Thống ABS V → Tham khảo trang 4-25

**CHÚ Ý**

- Nếu đèn cảnh báo này phát sáng khi động cơ đang hoạt động, ngay lập tức dừng xe vào nơi an toàn và nhanh chóng liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Hơi Khí Nén FAB

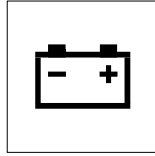
Khi đèn cảnh báo này sáng có nghĩa áp suất hơi khí nén trong bình chứa giảm. Hãy dừng xe tại nơi an toàn và thực hiện các bước kiểm tra, khắc phục. Ngay khi kéo cần phanh tay, đèn cảnh báo sẽ tắt.

Kiểm Tra Và Khắc Phục

- Để động cơ hoạt động cầm chừng để áp suất hơi khí nén tăng dần đều cho đến khi tắt đèn cảnh báo.
- Nếu đèn cảnh báo không tắt hoặc rất lâu để tắt sau khi áp suất đạt giá trị **0 kPa** (0 kgf/cm²/0 psi) , hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa.

**CẢNH BÁO**

- Không được lái xe khi đèn cảnh báo này chưa tắt.

Đèn Cảnh Báo Máy Phát Điện

Khi đèn cảnh báo này phát sáng, hệ thống nạp điện có thể bị hư hỏng.

Nhanh chóng dừng xe vào nơi an toàn, tiến hành kiểm tra và thực hiện thao tác chỉnh sửa.

Kiểm Tra Và Khắc Phục

1. Kiểm tra để xem dây curoa quạt có bị đứt hay lỏng.
2. Nếu dây curoa quạt bị lỏng hãy điều chỉnh lực căng.
3. Nếu không có bất thường trong dây curoa quạt, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất

Dây Đai Quạt Gió → Tham khảo trang 7-53

**CHÚ Ý**

- Không lái xe khi đèn báo này phát sáng. Bình accu sẽ không được nạp điện.

**LƯU Ý**

- Nếu cần thay dây đai quạt gió, hãy để đại lý Isuzu gần nhất thực hiện việc này.

Đèn Cảnh Báo Áp Suất Nhớt Động Cơ

Khi đèn cảnh báo này phát sáng, có nghĩa áp suất nhớt quá thấp.

Lập tức dừng xe vào nơi an toàn, tắt máy, tiến hành kiểm tra và thực hiện thao tác chỉnh sửa.

Kiểm Tra Và Khắc Phục

1. Kiểm tra mức nhớt
2. Nếu mức nhớt quá thấp, hãy kiểm tra xem có bị rò rỉ nhớt hay châm thêm nhớt.
3. Khi mức nhớt bình thường và không có vết rỉ, có thể nghẹt bộ lọc nhớt. Hãy thay bộ lọc nhớt.
4. Khi mức nhớt bình thường và bộ lọc nhớt không bị nghẹt nhưng có vết dầu rỉ, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-24
Thay Nhớt Động Cơ Và Lọc Nhớt → Tham khảo trang 7-30

**CHÚ Ý**

- Không lái xe khi đèn báo này phát sáng, động cơ có thể bị hỏng.

**LƯU Ý**

- Vào mùa đông khi nhiệt độ nhớt thấp và độ nhớt cao, đèn này có thể phát sáng một lúc và sẽ tắt khi động cơ ấm lên.

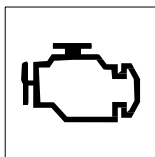
Đèn Cảnh Báo Túi Khí Và Dây Đai An Toàn ▼

Nếu các tình huống sau xuất hiện, nghĩa là hệ thống dây đai an toàn và túi khí trên xe đang có trục trặc.

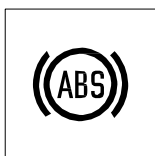
- Đèn cảnh báo bật sáng khi xe đang vận hành.
- Khi xoay chìa khóa xe sang “ON” nhưng đèn cảnh báo không bật sáng.
- Khi xoay chìa khóa xe sang “ON” nhưng đèn cảnh báo không tắt sau 7 giây.

**CHÚ Ý**

- Nếu có trục trặc xảy ra với hệ thống túi khí và dây đai an toàn, hãy mang xe đến kiểm tra sửa chữa tại các đại lý Isuzu.

Đèn Báo Kiểm Tra Động Cơ ☐

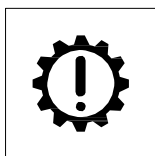
Nếu đèn báo này phát sáng khi động cơ đang hoạt động, có thể có trục trặc trong hệ thống điều khiển của động cơ. Vì cần phải kiểm tra và sửa chữa hệ thống điều khiển, nhanh chóng liên hệ đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống ABS ☐

Đèn cảnh báo ABS ☐ → Tham khảo trang 4-25

Đèn Chỉ Báo Chế Độ ASR ☐

Đèn chỉ báo chế độ ASR ☐ → Tham khảo trang 4-37

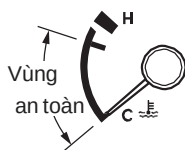
Đèn Cảnh Báo Hộp Số Bán Tự Động ☐

Đèn Cảnh Báo ☐ → Tham khảo trang 4-33

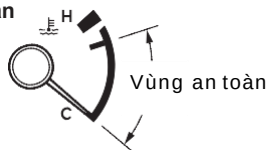
Động Cơ Quá Nhiệt

Khi công suất động cơ giảm và kim trên đồng hồ chỉ nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng vượt quá giới hạn trên của vùng an toàn và lọt vùng "H", lúc này động cơ đang quá nóng. Khi đó đèn cảnh báo động cơ quá nhiệt sẽ phát sáng và kèn cảnh báo kêu. Hãy tiến hành các thao tác chỉnh sửa sau đây ngay lập tức.

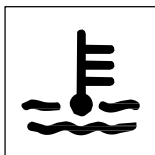
Xe sử dụng phanh thủy lực



Xe sử dụng phanh hơi toàn phần



Đèn cảnh báo động cơ quá nhiệt



1. Bật đèn báo nguy và ngay lập tức đưa xe vào nơi an toàn để không cản trở lưu thông.
2. Để động cơ hoạt động cầm chừng để giảm dần nhiệt độ động cơ.



KHUYẾN CÁO

- Đừng tắt động cơ ngay lập tức, nếu không sẽ gây ra hiện tượng bó máy.

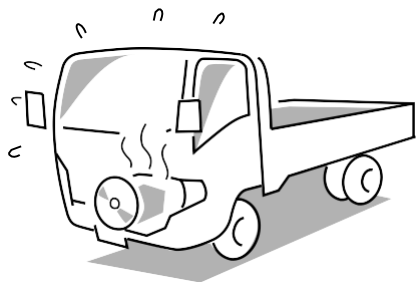
3. Khi kim chỉ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ hạ xuống mức trung bình, hãy tắt máy.



CẢNH BÁO

• Khi động cơ đã tắt, vẫn còn áp suất bên trong két nước. Tháo ngay nắp két nước có thể khiến hơi nước hoặc nước nóng trào ra, khiến bạn bị phỏng. Dung dịch làm mát trong bình nước phụ cũng có thể nóng. Tháo ngay nắp bình nước phụ có thể khiến hơi nước hoặc nước nóng trào ra, khiến bạn bị phỏng.

• Khi tháo nắp két nước và nắp bình nước phụ, hãy dùng khăn dày để trùm lên nắp và vận từ từ.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi quạt làm mát két nước không quay, hãy tắt động cơ ngay.

4. Kiểm tra mức môi chất nước làm mát trong bình nước phụ và két nước sau khi động cơ đã đủ nguội. Nếu mức dung dịch không đủ, hãy châm thêm. Cũng kiểm tra để xem dây curoa quạt có bị lỏng hay hư hỏng.
5. Kiểm tra, vệ sinh và loại bỏ các chất bẩn bám vào két nước làm mát.

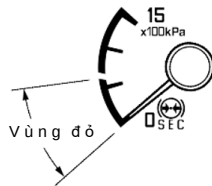
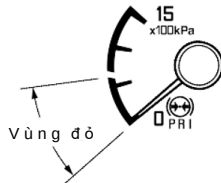
**KHUYẾN CÁO**

- Phải bảo đảm kim đồng hồ nhiệt độ nước làm mát động cơ nằm dưới vạch "C" trước khi châm thêm môi chất nước làm mát. Châm thêm khi động cơ chưa đủ nguội có thể gây hư hỏng động cơ.
- Nếu chỉ dùng nước máy cho dung dịch trong trường hợp khẩn cấp, hãy điều chỉnh nồng độ dung dịch ngay càng sớm càng tốt.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-36

Dây Đai Quạt Gió → Tham khảo trang 7-53

Vệ Sinh Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp → Tham khảo trang 7-51

Áp Kế Khí FAB

Khi kim của áp kế khí di chuyển vào vùng đỏ, đèn cảnh báo sẽ phát sáng.

Áp Kế Khí FAB → Tham khảo trang 4-15

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Hơi Khí Nén



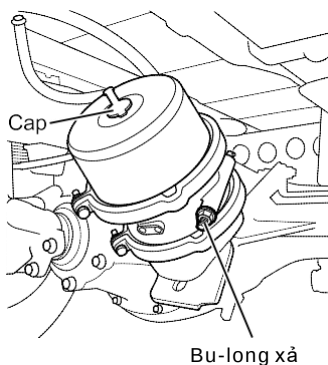
Khi Không Thể Xả phanh Hãm Bánh Xe (Xả Locke) FAB



CHÚ Ý

- Khi xả phanh hãm bánh xe, hệ thống phanh sẽ không hoạt động. Đừng xả phanh hãm khi xe đang trên dốc
- Đừng nên xả phanh hãm bánh xe trừ khi cần phải di chuyển xe ngay lập tức, hoặc cần kéo xe
- Liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất sau khi xả phanh hãm bánh xe.

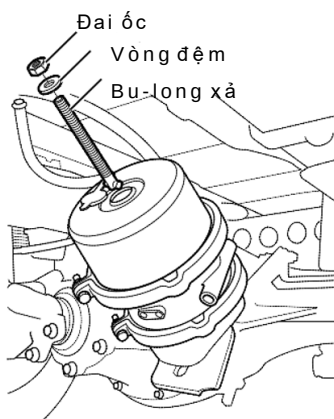
1. Chèn bánh xe.
2. Nới lỏng đai ốc và tháo bulong xả

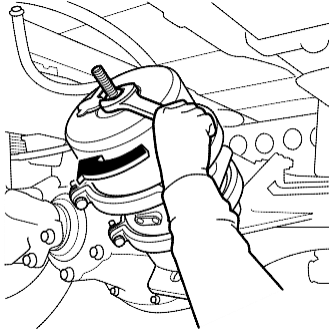


CHÚ Ý

- Đừng tháo bất kỳ đai ốc hay bu-long nào khác. Bên trong bầu phanh có lò xo hồi vị sẽ gây ra hư hỏng nếu tháo không đúng cách.

3. Mở nắp che, dùng bu-long xả cấp theo xe để xoay theo chiều kim đồng hồ 90° để khóa chặt





4. Siết chặt lại đai ốc và vòng đệm.

Giá trị tiêu chuẩn (chiều dài bu-long xả siết

Khoảng 110 mm (4.33 in)

5. Để tháo bu-long xả, hãy làm theo quy trình ngược lại.



Bóng Đèn Không Sáng

1. Kiểm tra các bóng đèn xem có bị đứt tim hay không .
2. Nếu một bóng đèn bị đứt, hãy thay mới. Luôn luôn đặt công tắc khởi động ở vị trí "LOCK" và đặt tất cả các công tắc khác ở vị trí "OFF" trước khi bóng đèn bị đứt.
3. Nếu bóng đèn không đứt, hư hỏng có thể do dây dẫn. Liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Công Suất Bóng Đèn

Vị trí	Loại đèn	Công suất bóng đèn	
		24V	12V
Phía trước	Đèn Halogen (Thị trường Indonesia)	75/70W	60/55W
	Đèn Halogen (Thị trường Việt Nam)	***	***
	Đèn sương mù (Thị trường Indonesia)	70W	55W
	Đèn sương mù (Thị trường Việt Nam)	***	***
	Đèn Báo Rẽ	21W (Màu cam)	21W (Màu cam)
	Đèn khoảng cách (thị trường Indonesia)	5W	5W
	Đèn khoảng cách (thị trường Việt Nam)	***	***
	Đèn góc	21W	—
	Đèn báo rẽ (bên hông)	21W (Màu cam)	21W (Màu cam)
Phía sau	Đèn hậu & đèn phanh	5/21W	5/21W
	Đèn báo rẽ	21W	21W
	Đèn lùi	21W	21W
	Đèn biển số (thị trường Indonesia)	12W	10W
	Đèn biển số (thị trường Việt Nam)	10W	10W
Bên trong	Đèn trần	10W	10W

Hãy liên hệ với đại lý ISUZU gần nhất để thay các đèn không được liệt kê ở đây.

**CHÚ Ý**

- Dùng bóng đèn có số "W" khác hơn chỉ định có thể khiến bóng hoặc dây dẫn điện nóng hơn. Việc này có thể khiến cong vênh các thấu kính và hộp đèn, cũng có thể gây cháy.
- Các bóng đèn rất nóng sau khi tắt. Khi thay bóng, hãy tránh bị phỏng.
- Đừng bao giờ lái xe khi các bóng đèn bị hư. Điều này có thể gây tai nạn.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi một bóng của đèn đôi, như đèn trước bị đứt, đèn còn lại cũng hết tuổi thọ. Nên thay cả hai đèn một lượt.

**LƯU Ý**

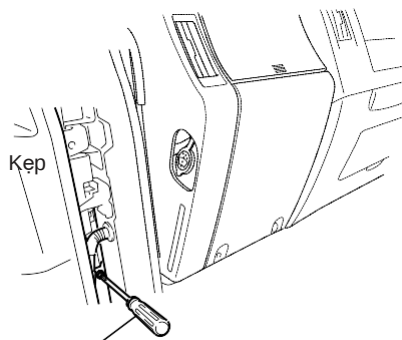
- Tại các đèn chiếu sáng phía trước, sẽ có hiện tượng chênh lệch nhiệt độ phía thường. Hơi nước sẽ biến mất sau khi bật đèn trong một thời gian ngắn trong và ngoài đèn. Dẫn đến hiện tượng hơi nước sẽ đóng băng tại đèn sau khi tắt, điều này là bình thường.

Thay Đèn Trước

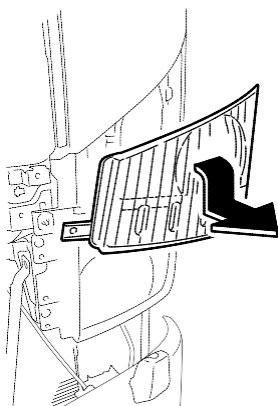
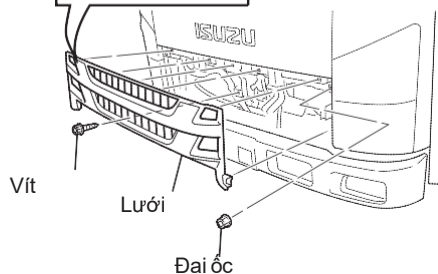
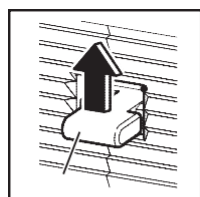
Khi bóng đèn bị đứt, hãy thay bóng đúng công suất chỉ định, cẩn thận đừng vận quá sức khi lắp bóng.

**KHUYẾN CÁO**

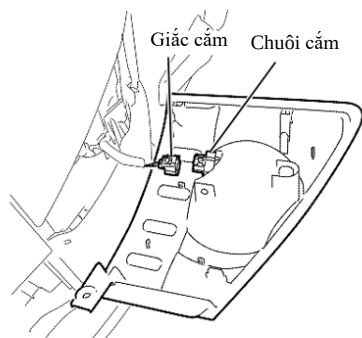
- Không thay bóng có công suất khác chỉ định. Điều này có thể làm cho sự nhấp nháy bất thường, đặc biệt là các đèn báo rẽ.
- Khi thay bóng đèn trước, hãy để đại lý ISUZU điều chỉnh tiêu cự đèn.



Vít 4 châu



1. Tháo vít ở giữa mặt lưới. Đẩy các chốt của 5 kẹp ở phần trên mặt lưới và kéo về phía bạn để tháo. Vặn lỏng các vít của đèn báo rẽ.
2. Mở cửa trước. Dùng vít 4 châu để vặn 2 con vít giữa cửa và cabin.
3. Kéo xiên bộ đèn báo rẽ hướng ra trước xe và tháo nó.



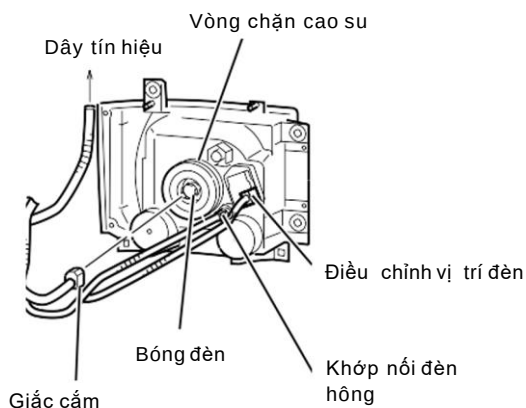
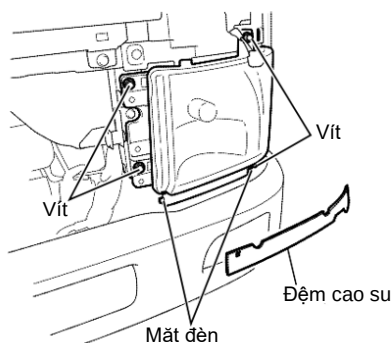
4. Tháo giắc cắm của dây của đèn báo rẽ và tháo đèn.

5. Mở nắp đậy cao su phía dưới đèn trước. Tháo 4 vít bắt. Sau đó tháo giắc cắm của đèn trước. Kế tiếp tháo bộ đèn trước.

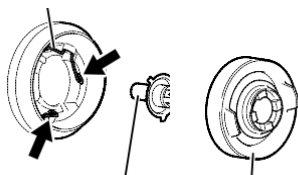


KHUYẾN CÁO

- Khi tháo khớp nối đèn trước, hãy kéo khớp nối trong khi giữ phần giữa của vòng chặn cao su. Nếu kéo khớp nối phần trước mà không giữ phần giữa của vòng chặn cao su, bóng đèn có thể trôi lên và khi tháo giắc cắm ra bóng đèn có thể đập vào khiến mặt đèn bị vỡ.

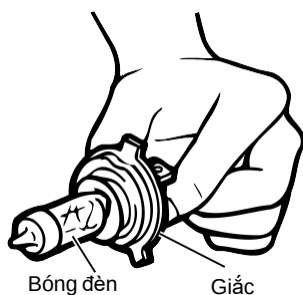


Vòng đệm



Bóng đèn trước

Vòng chặn cao su

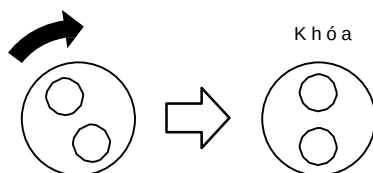
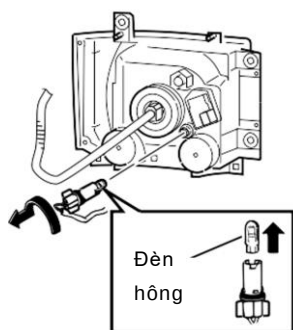


6. Tháo vòng chặn cao su. Sau đó đẩy cạnh phải của kẹp giữ bóng đèn và kéo trượt nó lên để tháo kẹp.
7. Kéo bóng đèn ra và thay mới.
8. Sau khi thay bóng đèn, hãy gắn các bộ phận theo thứ tự ngược lại.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng chạm tay vào phần thủy tinh của bóng. Làm bẩn bóng có thể khiến bóng bị nứt.
- Khi nối miếng đệm cao su hãy ấn cả hai mặt trong ngoài của nó. Phải nhớ rằng miếng đệm cao su, bộ đèn trước và các bóng được gắn an toàn khi không có phần nào nhô ra. Nếu đệm cao su không nằm đúng chỗ, nước có thể bị lọt vào trong đèn trước làm hỏng đèn.

Thay Đèn Hông, Đèn Báo Rẽ Và Đèn Góc



Thay Đèn Hông

1. Hãy xem phần “Thay đèn trước” và tháo đèn trước.

Thay Đèn Trước → Tham khảo trang 8-35

2. Kéo bóng đèn ra khỏi đế đèn hông và thay mới.
3. Để gắn đèn hãy tiến hành theo thứ tự ngược lại và cẩn thận vặn khớp nổi theo kim chiều kim đồng hồ để khóa lại:



KHUYẾN CÁO

- Nếu đế đèn không được vặn chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hỏng đèn.

Thay Đèn Báo Rẽ

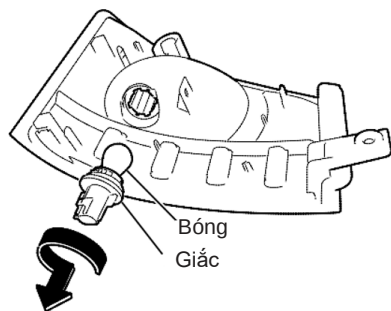
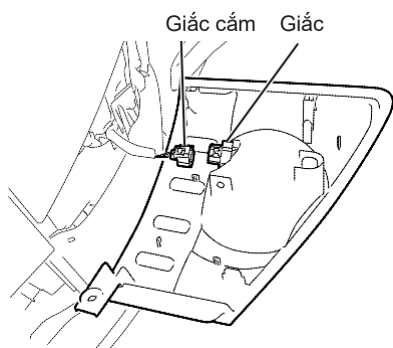
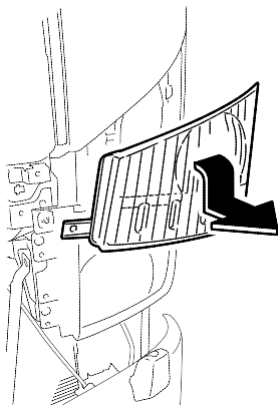
1. Xem phần “Tháo đèn trước”, kéo xiên bộ đèn báo rẽ hướng trước xe và tháo rời.

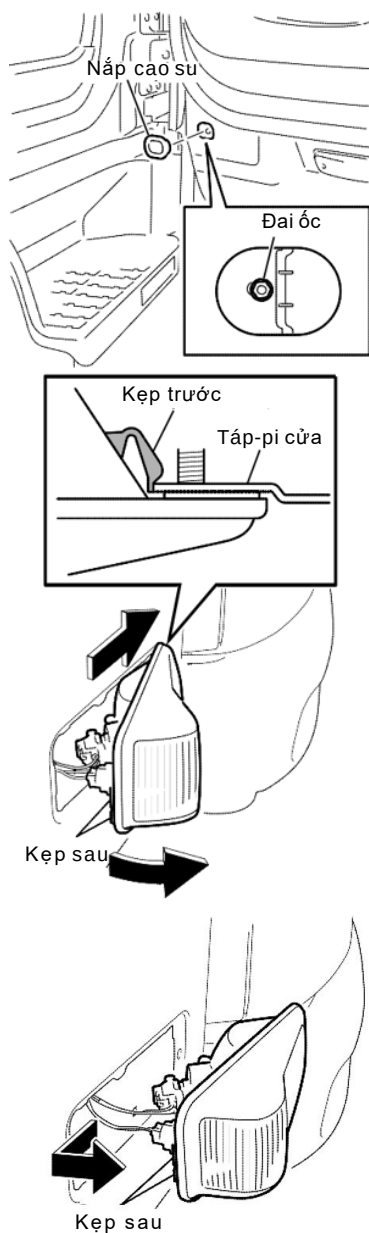
Thay Đèn Trước → Tham khảo trang 8-35

2. Tháo giắc cắm dây đèn báo rẽ và tháo đế.
3. Kéo bóng ra khỏi đế và thay mới.
4. Để gắn đèn, hãy thực hiện theo trình tự ngược lại và lưu ý vặn đế đèn theo chiều kim đồng hồ để khóa lại.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu đế đèn không kháo chặt, nước có thể lọt vào dẫn đến hư hỏng.





Thay Đèn Góc

1. Mở cửa trước, tháo nắp cao su ở phần dưới cửa và vận đai ốc.
2. Trong khi kéo trượt đèn báo rẽ hông về trước xe, hãy vận nó để lộ phần sau của đèn. Tháo kẹp bên hông phần sau đèn khỏi dàn cửa.



KHUYẾN CÁO

- Cẩn thận khi tháo kẹp và rút đèn xe ra khỏi xe. Nếu không cẩn thận sẽ làm hư hỏng kẹp trước.

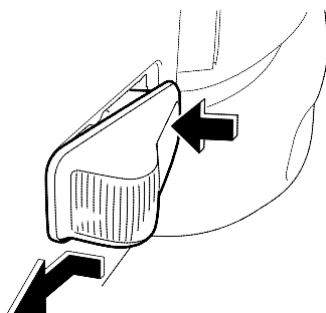
3. Khi kẹp đã tháo, hãy kéo trượt đèn về phía sau xe.



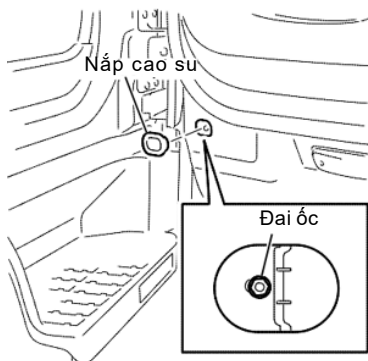
4. Vận ngược chiều kim đồng hồ để tháo lỏng đế.
5. Kéo bóng ra khỏi đế và thay mới.
6. Để gắn đèn, thực hiện theo qui trình ngược lại và chú ý các điểm sau:
 - a. Vận đế theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.

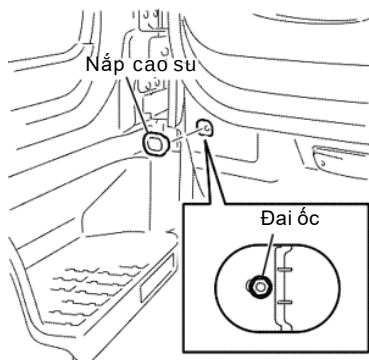
**KHUYẾN CÁO**

Nếu đế không vận chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hư bóng.



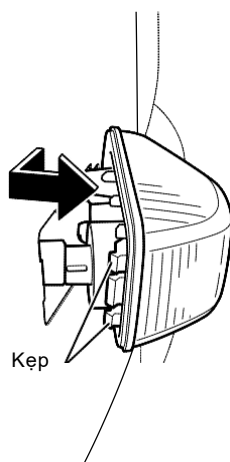
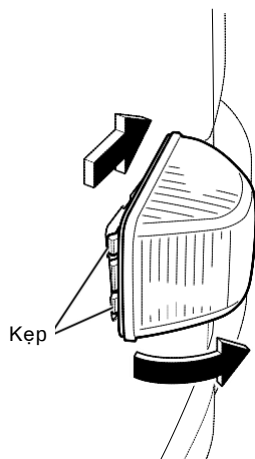
- b. Gắn kẹp vào phần sau đèn trong dàn cửa.
- c. Đẩy phần trước đèn vào dàn cửa và gắn kẹp vào lưng của phần trước đèn phần dàn cửa.
- d. Mở cửa trước, vận chặt nút bên trong cửa, gắn chụp cao su vào.

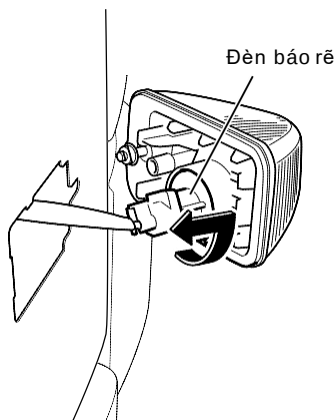




Thay Đèn Báo Rẽ (model xe không có đèn góc)

1. Mở cửa trước, tháo nắp cao su ở phần dưới cửa và vặn con tán.
2. Trong khi kéo trượt đèn báo rẽ hông về trước xe, hãy vặn nó để lộ phần sau của đèn. Tháo kẹp bên hông phần sau đèn khỏi dàn cửa.
3. Khi kẹp đã tháo, hãy kéo trượt đèn về phía sau xe.

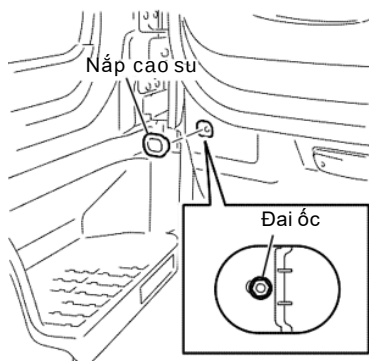
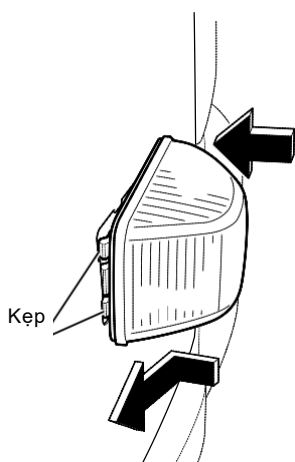




4. Vận ngược chiều kim đồng hồ để tháo lỏng đế.
5. Kéo bóng ra khỏi đế và thay mới.
6. Để gắn đèn, thực hiện theo qui trình ngược lại và chú ý các điểm sau:
 - a. Vận đế theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu đế không vận chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hư bóng.
- b. Gắn kẹp vào phần sau đèn trong dàn cửa.
 - c. Đẩy phần trước đèn vào dàn cửa và gắn kẹp vào lưng của phần trước đèn phần dàn cửa.
 - d. Mở cửa trước, vận chặt nút bên trong cửa, gắn chụp cao su vào.

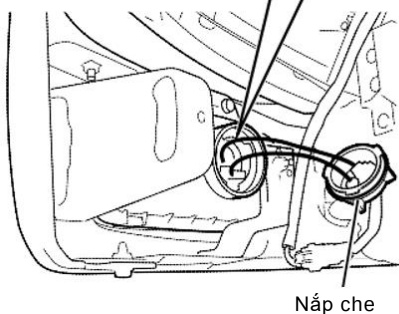
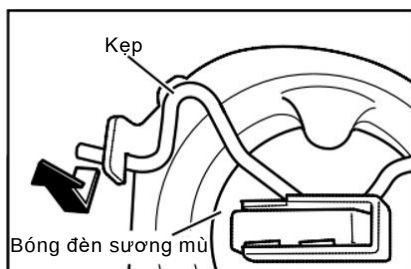
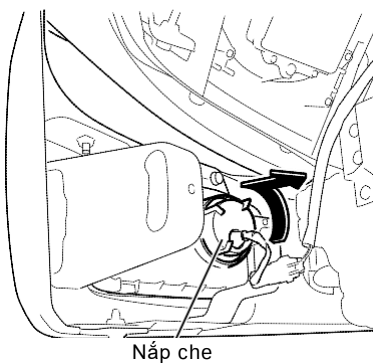


Thay Đèn Sương Mù Trước ☐

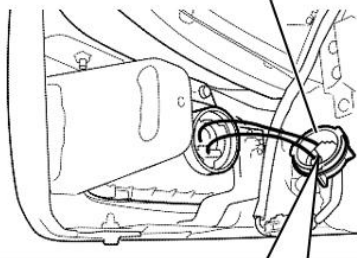
1. Nâng cabin.

Nâng cabin ☐ → Tham khảo trang 7-12

2. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.

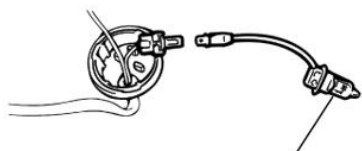
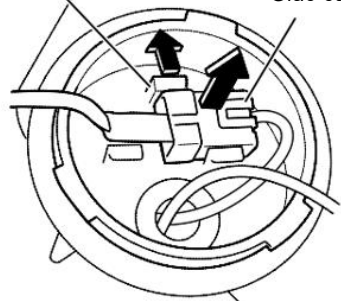


Nắp che



Chuôi cắm

Giắc cắm



Bóng đèn

3. Ấn vào kẹp và kéo bóng ra ngoài.
4. Rút giắc cắm.
5. Kéo bóng đèn ra và thay mới.

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng chạm tay vào phần thủy tinh bóng, làm bẩn phần thủy tinh có thể gây đứt bóng.

6. Để gắn bóng, hãy thực hiện qui trình ngược lại và chú ý các điểm sau:

- Vì có các khía khác nhau ở phần trên và dưới bóng (tròn hay vuông) hãy chú ý hướng nhận vào khi gắn. Khía tròn nên hướng vào cả hai mặt trái phải.
- Hãy vận nắp chụp theo chiều kim đồng hồ để khóa lại. Khi khóa nắp chụp hãy nhớ không để kẹt.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu cảm giác không chặt, nước có thể lọt vào đèn và gây hỏng.



Thay Đèn Sương Mù Trước (Dạng 2)



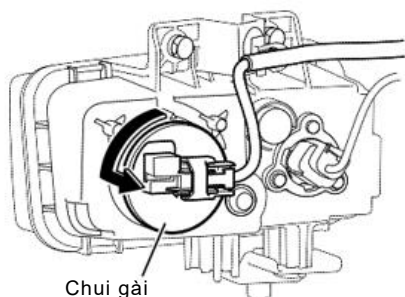
1. Nâng cabin.

Nâng cabin → Tham khảo trang 7-12

2. Vận ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.

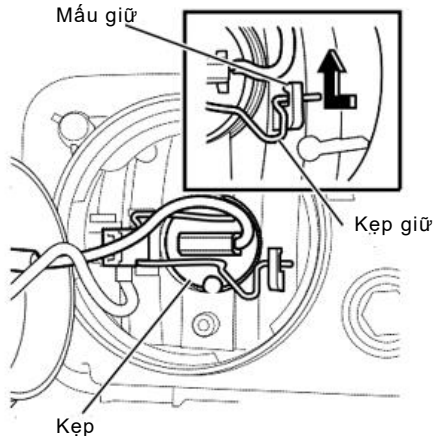
3. Ấn và kéo trượt móc gài để tháo ra.

4. Tháo bóng đèn.



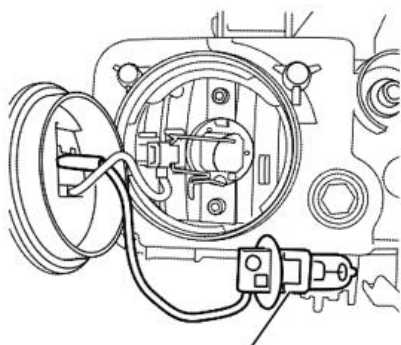
Chui gài

Mấu giữ



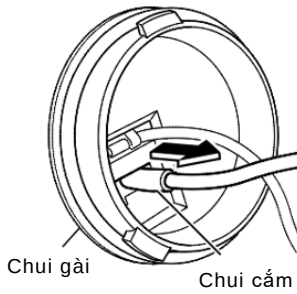
Kẹp giữ

Kẹp



Bóng đèn sương mù

5. Rút chui cắm ra khỏi bóng và thay bóng mới

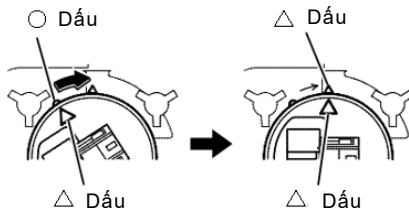
**KHUYẾN CÁO**

- Đừng sờ tay vào bóng đèn. Vân tay bám trên bóng có thể làm hư hỏng bóng đèn.

6. Để gắn trở lại bóng đèn, thực hiện theo trình tự ngược lại.

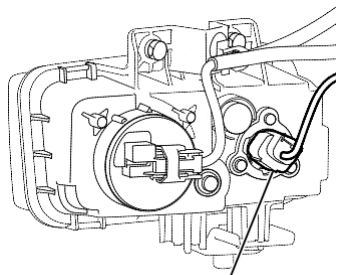
**KHUYẾN CÁO**

- Nếu để không vặn chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hư bóng.

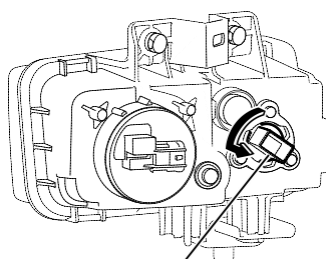


Thay Thế Bóng Đèn Ban Ngày (Đèn Daylight) V

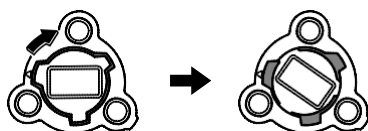
1. Nâng cabin.
2. Rút giắc cắm
3. Xoay bóng ngược chiều kim đồng hồ và rút ra. Thay bóng mới. Gắn trở lại bóng sao cho ôm sát với chui gài



Bóng đèn



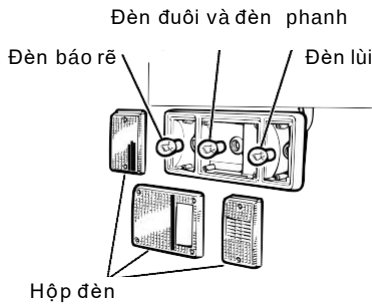
Bóng đèn

**KHUYẾN CÁO**

- Đừng sờ tay vào bóng đèn. Vân tay bám trên bóng có thể làm hư hỏng bóng đèn.
- Nếu không vặn chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hư bóng

4. Gắn lại giắc cắm

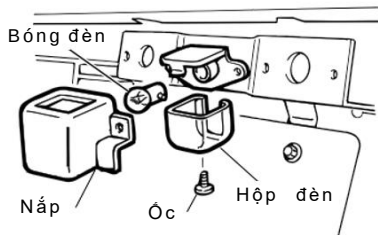
Thay Đèn Đuôi, Đèn Phanh, Đèn Lùi, Đèn Báo Rẽ Phía Sau



1. Tháo lỏng các vít và tháo mặt kiếng.
2. Ấn và vặn lỏng bóng đèn theo ngược chiều kim đồng hồ.
3. Để gắn đèn, hãy theo trình tự ngược lại.

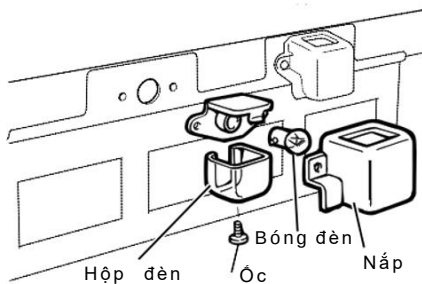
Thay Đèn Biển Số

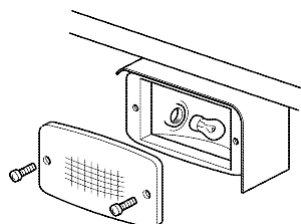
Dạng 1



1. Vặn lỏng ốc và tháo nắp che.
2. Tháo hộp đèn.
3. Vặn lỏng đèn theo ngược chiều kim đồng hồ trong khi ấn vào.
4. Để gắn đèn, hãy theo trình tự ngược lại.

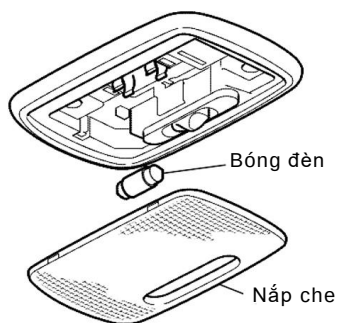
Dạng 2



Thay Đèn Bóng Sương Mù V

1. Nới lỏng và tháo ốc bắt nắp che.
2. Ấn và xoay bóng ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.
3. Để gắn trở lại, làm theo quy trình ngược lại.

Thay Thế Bóng Đèn Trần

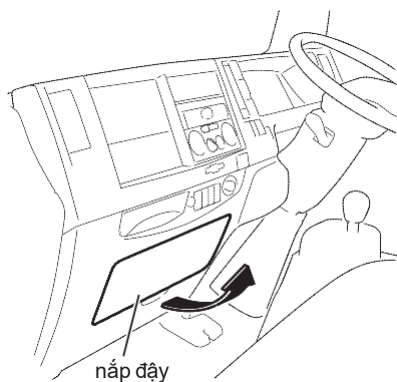


1. Tháo nắp che và thay mới bóng.
2. Để gắn trở lại, làm theo quy trình ngược lại.

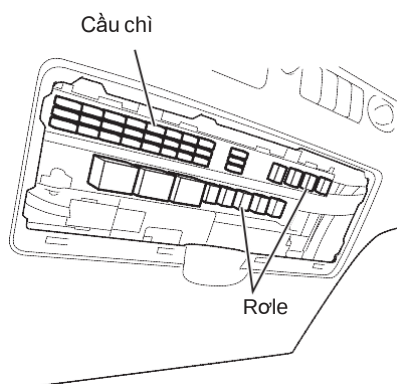
Thay Cầu Chì Và Rơle

Khi đèn không phát sáng hay nhấp nháy, hoặc khi thiết bị trong hệ thống điện không hoạt động, hãy kiểm tra xem cầu chì bị đứt hay không.

Hộp Cầu Chì Và Rơle

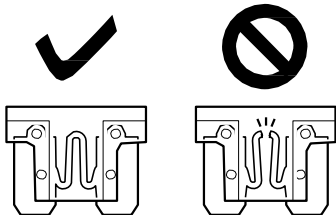


Cầu chì và rơle được đặt trong phần dưới của táp lô ở giữa và bên trái phía sau của cabin. Phải tháo nắp đậy để thực hiện kiểm tra và thay thế, và cũng phải mở nắp đậy hộp rơle ở bên trái phía sau của cabin.



Thay thế cầu chì

1. Trước khi thay cầu chì, phải nhớ xoay công tắc xe về vị trí "LOCK" và kéo hết cần phanh tay.
2. Dùng kẹp cầu chì để tháo các cầu chì.



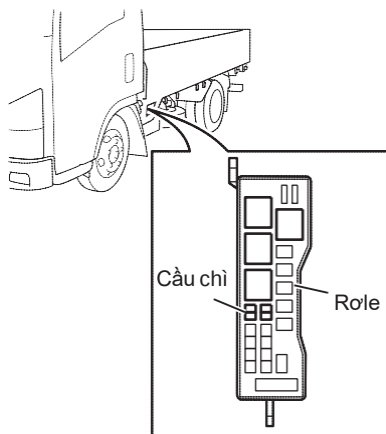
Bình thường

Đã Đứt

3. Nếu cầu chì có tình trạng giống như hình minh họa, thì cầu chì đã bị đứt. Đừng dùng cầu chì khác hơn loại chỉ định.

**CẢNH BÁO**

- Dùng cầu chì có công suất tương tự để thay thế. Không dùng bất kỳ loại cầu chì nào khác loại đã chỉ định.
- Dùng cầu chì khác loại chỉ định có thể gây cháy dây điện và cháy xe, hoặc làm hư thiết bị.
- Nếu cầu chì mới bị đứt ngay, hãy liên hệ đại lý ISUZU gần nhất
- Khi kiểm tra, sửa chữa hãy đậu xe ở khu vực bằng phẳng.

**Thay rơle**

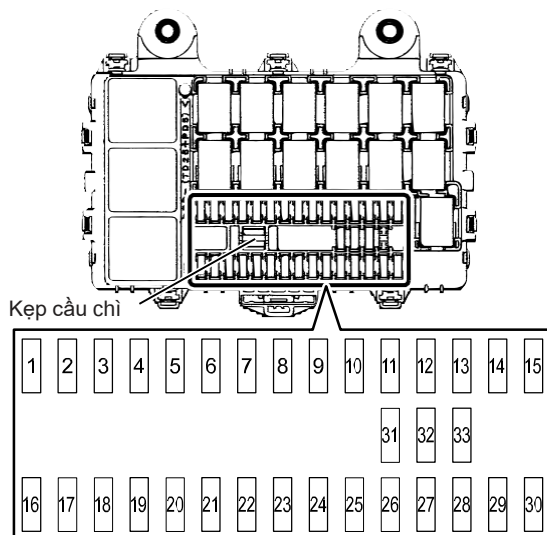
Để thay rơle, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

**KHUYẾN CÁO**

- Không cần thiết phải đóng mở nắp đây, trừ khi phát hiện hư hỏng.
- Cấu trúc hộp rơle được thiết kế ngăn không cho nước vào, nếu bạn làm dính nước hoặc thức uống trên nắp, hãy lau sạch trước khi mở nắp.
- Vùng quanh nắp sẽ ấm lên khi xe đang lái nhưng điều này không bất thường.

Sơ Đồ Cầu Chì Và Rơle (Bên Trong Cabin)

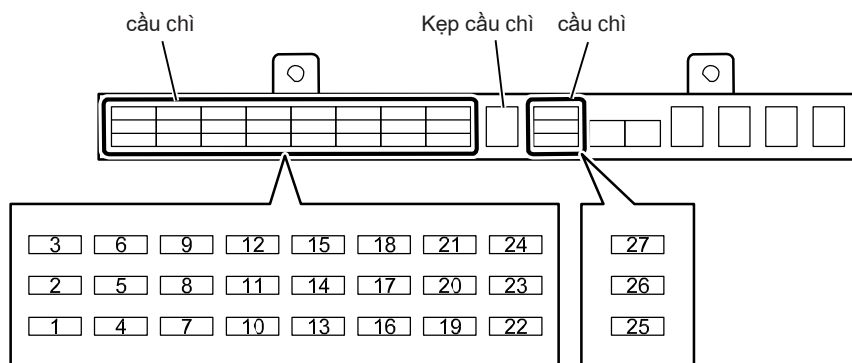
Động cơ 4HK1 (dạng 1)



Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	NGUỒN PTO	20A
2	KÍNH CỬA SAU	20A
3	ĐÈN TRẦN, AUDIO	15A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	20A
7	ABS	10A
8	GẠT NƯỚC	15A
9	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
10	NGUỒN ECU	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN PHANH	10A
13	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
14	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
15	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
16	NGUỒN PTO	10A
17	KHỞI ĐỘNG	10A

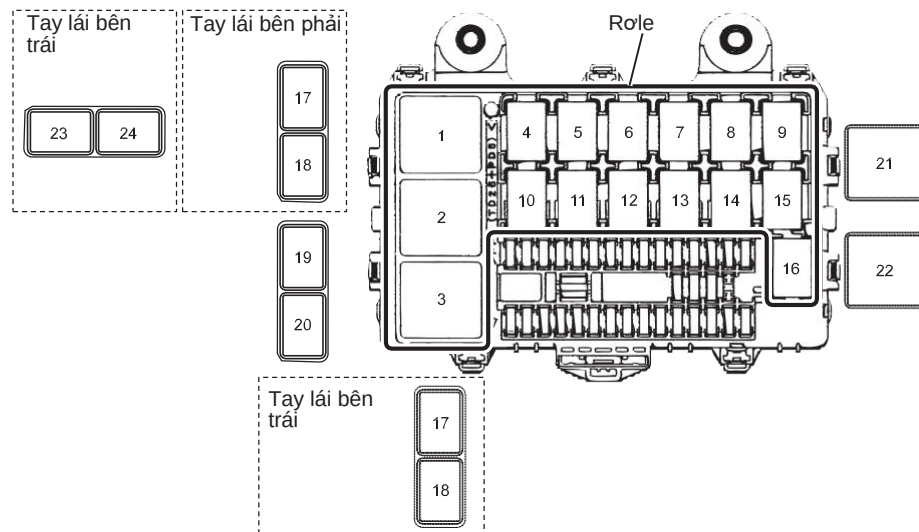
Stt.	Tên cầu chì	Loại
18	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
19	TÚI KHÍ SRS	10A
20	ECM	10A
21	ĐỒNG HỒ	10A
22	BÌNH ACCU	10A
23	AUDIO	15A
24	GƯƠNG CHIẾU HẬU	15A
25	NÚT CÒI	15A
26	ĐÈN RỂ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
27	ĐÈN ĐUÔI	10A
28	ĐÈN TÁP LÔ	10A
29	ĐÈN GÓC, ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
30	QUẠT GIÓ	20A
31	DỰ PHÒNG	—
32	DỰ PHÒNG	—
33	DỰ PHÒNG	—

Động cơ 4HK1 (dạng 2)



Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	KHỞI ĐỘNG	10A
2	ĐỒNG HỒ	10A
3	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	20A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	KHỞI ĐỘNG 2	15A
13	ĐÈN ĐUÔI	10A
14	ĐÈN GÓC	10A

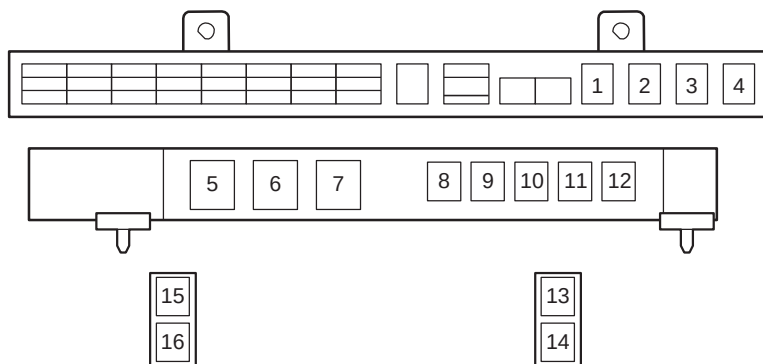
Stt.	Tên cầu chì	Loại
15	ĐÈN TRẦN, AUDIO	15A
16	HỘP ECM	10A
17	KHỞI ĐỘNG	15A
18	ABS, TÚI KHÍ	10A
19	ĐỒNG HỒ	10A
20	ACC, AUDIO	15A
21	QUẠT GIÓ	20A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN RỄ, ĐÈN BẢO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	15A
25	DỰ PHÒNG	10A
26	DỰ PHÒNG	15A
27	DỰ PHÒNG	20A

Động cơ 4HK1 (Trợ lực phanh thủy lực) (dạng 1)

Stt.	Tên Role
1	ĐÈN PHANH
2	QUẠT GIÓ
3	GẠT NƯỚC
4	KHÓA CỬA
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU
6	GẠT NƯỚC
7	NÚT CÒI
8	GẠT NƯỚC (NHANH/CHẠM)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ
10	PTO
11	MỞ CỬA
12	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN

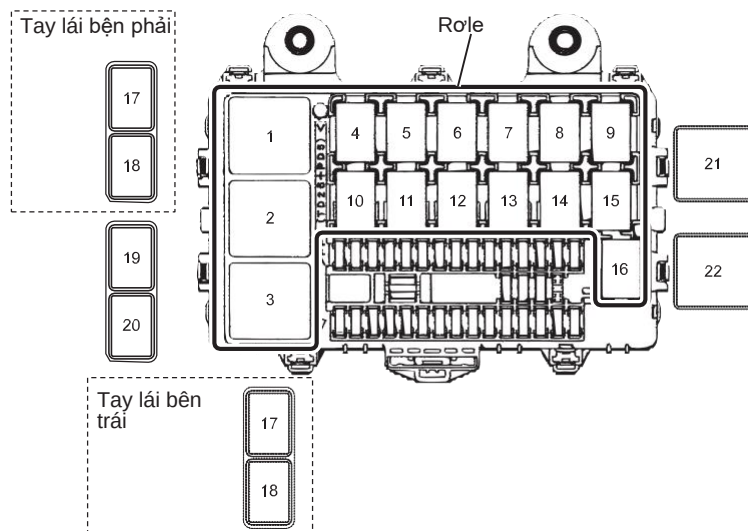
Stt.	Tên Role
13	ĐÈN COS TRƯỚC
14	4WD
15	ĐÈN PHA TRƯỚC
16	ĐÈN ĐUÔI
17	SẠC (ĐỘNG CƠ HOẠT ĐỘNG) NGUỒN
18	KÍNH CỬA SAU
19	PTO
20	NGẮT PTO KÍNH CỬA SAU
21	PHỤ KIỆN
22	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC
23	PTO (THỊ TRƯỜNG CHILE)
24	NGẮT PTO (THỊ TRƯỜNG CHILE)

Động cơ 4HK1 (Trợ lực phanh thủy lực) (dạng 2)



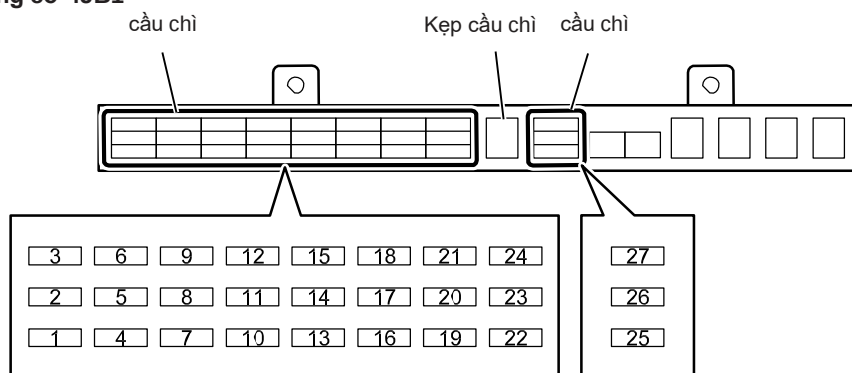
Stt.	Tên role
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN TRƯỚC (PHA)
3	ĐÈN TRƯỚC (COS)
4	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN
5	ĐÈN DỪNG
6	ACC
7	GẠT NƯỚC
8	QUẠT GIÓ

Stt.	Tên role
9	GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (NHANH/CHẠM)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ
12	CÒI
13	NGUỒN
14	TRỐNG
15	TRỐNG
16	TRỐNG

Động cơ 4HK1 (Phanh hơi toàn phần)


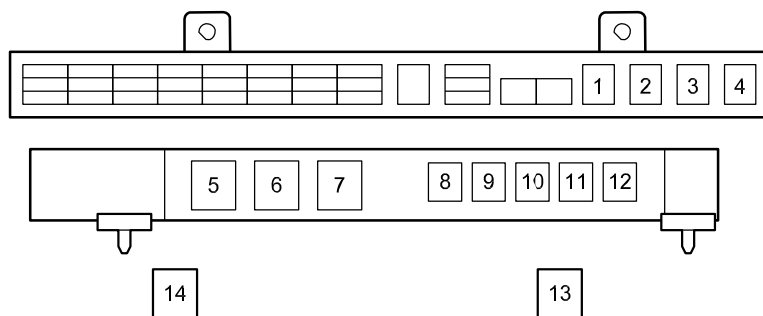
Stt.	Tên Rơle
1	ĐÈN PHANH
2	QUẠT GIÓ
3	GẠT NƯỚC
4	TRỐNG
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU
6	GẠT NƯỚC
7	NÚT CÔI
8	GẠT NƯỚC (NHANH/CHẬM)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ
10	PTO
11	TRỐNG
12	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN

Stt.	Tên Rơle
13	ĐÈN COS TRƯỚC
14	PHANH KHÍ XẢ (XE CÓ ABS)
15	ĐÈN PHA TRƯỚC
16	ĐÈN ĐUÔI
17	TRỐNG
18	TRỐNG
19	PTO
20	NGẮT PTO
21	PHỤ KIỆN
22	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC

Động cơ 4JB1

Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	ECM, ĐÈN LỬ	10A
2	ĐÈN TRẦN, AUDIO	10A
3	ĐÈN GÓC	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	15A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	25A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN ĐUÔI	10A
13	NGUỒN	10A
14	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	10A

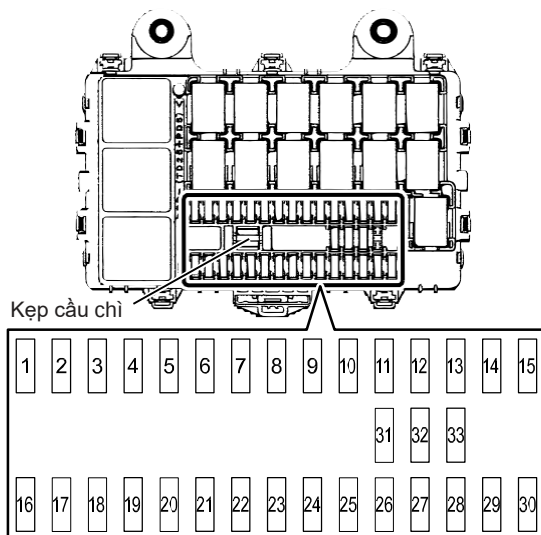
Stt.	Tên cầu chì	Loại
15	KHỞI ĐỘNG	10A
16	TẮT MÁY/ ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	10A
18	ĐÈN LỬ	10A
19	ĐỒNG HỒ	10A
20	AUDIO (ACC)	15A
21	MÁY LẠNH	10A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN RỄ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	25A
25	DỰ PHÒNG	10A
26	DỰ PHÒNG	15A
27	DỰ PHÒNG	20A

Động cơ 4JB1

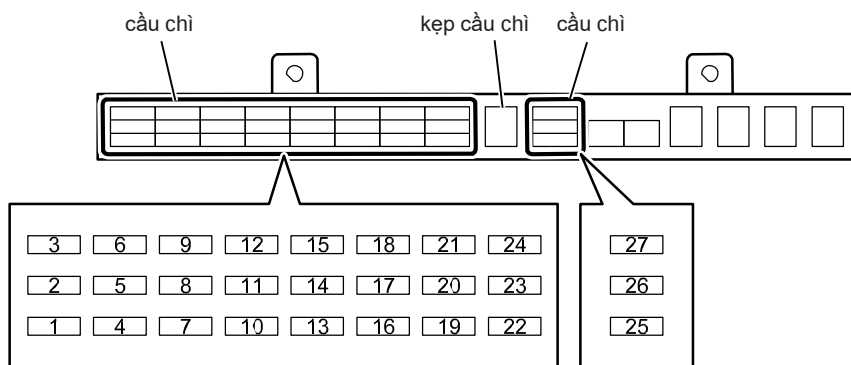
Stt.	Tên role
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN TRƯỚC (PHA)
3	ĐÈN TRƯỚC (COS)
4	NÂNG HẠ KÍNH
5	ĐÈN PHANH
6	TRỐNG
7	NGUỒN

Stt.	Tên role
8	PHANH KHÍ XẢ
9	GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (NHANH /CHẬM)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ
12	NÚT CÒI
13	TRỐNG
14	QUẠT GIÓ

Động cơ 4HG1 (dạng 1)

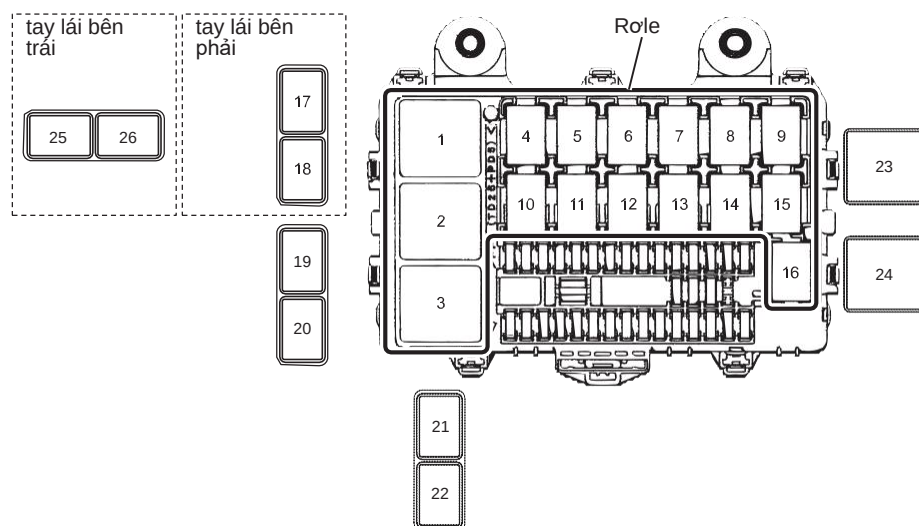


Stt.	Tên cầu chì	Loại	Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	NGUỒN PTO	20A	18	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
2	KÍNH CỬA SAU	20A	19	TÚI KHÍ SRS	10A
3	ĐÈN TRẦN, AUDIO	15A	20	ECM	10A
4	KHÓA CỬA	15A	21	ĐỒNG HỒ	10A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A	22	BÌNH ACCU	10A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	20A	23	AUDIO	15A
7	ABS	10A	24	GƯƠNG CHIẾU HẬU	15A
8	GẠT NƯỚC	15A	25	NÚT CÒI	15A
9	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A	26	ĐÈN RỂ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
10	NGUỒN ECU	10A	27	ĐÈN ĐUÔI	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A	28	ĐÈN TÁP LÔ	10A
12	ĐÈN PHANH	10A	29	ĐÈN GÓC, ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
13	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A	30	QUẠT GIÓ	20A
14	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A	31	DỰ PHÒNG	—
15	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A	32	DỰ PHÒNG	—
16	NGUỒN PTO	10A	33	DỰ PHÒNG	—
17	KHỞI ĐỘNG	10A			

Động cơ 4HG1 (dạng 2)

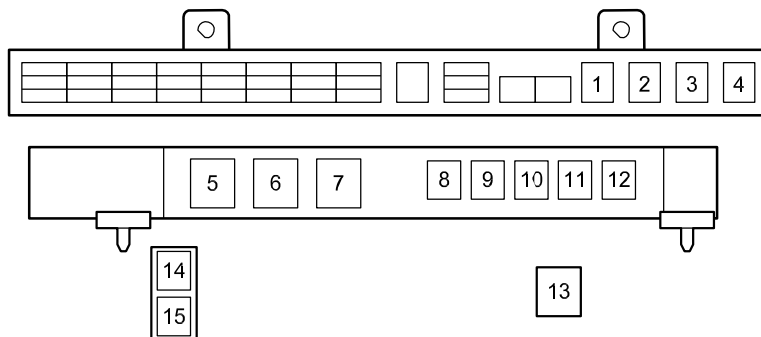
Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	BÌNH ACCU	10A
2	EGR	10A
3	ĐÈN TRẦN, AUDIO	15A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	20A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
13	ĐÈN ĐUÔI	10A
14	ĐÈN GÓC	10A

Stt.	Tên cầu chì	Loại
15	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
16	KHỞI ĐỘNG	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
18	ĐỒNG HỒ	10A
19	ACC AUDIO	15A
20	TRỐNG	-
21	QUẠT GIÓ	20A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN RỂ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	15A
25	DỰ PHÒNG	10A
26	DỰ PHÒNG	15A
27	DỰ PHÒNG	20A

Động cơ 4HG1 (dạng 1)

Stt	Loại role
1	ĐÈN PHANH
2	QUẠT GIÓ
3	CẦN GẠT NƯỚC
4	TRỐNG
5	TRỐNG
6	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC
7	NÚT CÒI
8	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
10	PTO
11	TRỐNG
12	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
13	ĐÈN COS TRƯỚC
14	4WD (MODEL NPS)
15	ĐÈN PHA TRƯỚC

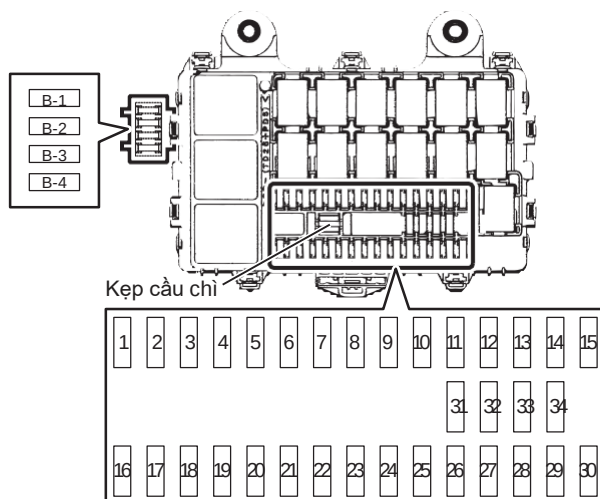
Stt	Loại role
16	ĐÈN ĐUÔI
17	HỘP SỐ PHỤ
18	TRỐNG
19	NGẮT PHANH KHÍ XẢ
20	PHANH KHÍ XẢ
21	PTO (MODEL TAY LÁI BÊN PHẢI)
22	HỘP SỐ PHỤ
23	NGẮT PTO
24	PHỤ KIỆN
25	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC
26	PTO
27	NGẮT PTO

Động cơ 4HG1 (dạng 2)


Stt	Loại
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN PHA TRƯỚC
3	ĐÈN COS TRƯỚC
4	TRỐNG
5	ĐÈN PHANH
6	QUẠT GIÓ
7	CẦN GẠT NƯỚC
8	PHANH KHÍ XẢ
9	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC

Stt	Description
10	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
11	TRỐNG
12	NÚT CÒI
13	MÁY NÉN HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA
14	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
15	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC

Động cơ 4JH1 (dạng 1)

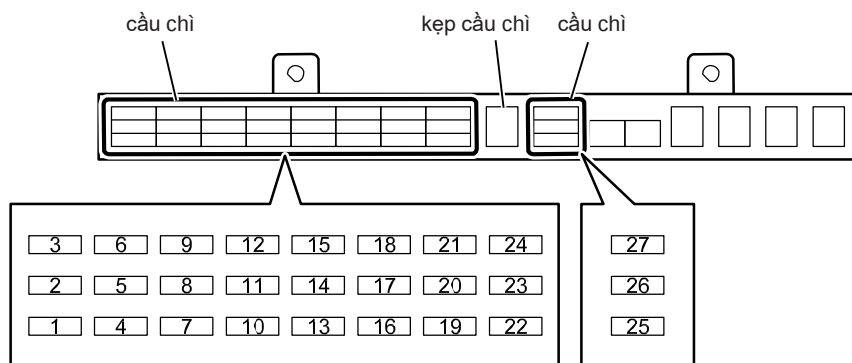


Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	NGUỒN PTO	20A
2	NÂNG HẠ KÍNH SAU	25A
3	ĐÈN TRẦN	15A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	15A
6	NÂNG HẠ KÍNH	25A
7	ABS, ESC	10A
8	GẠT NƯỚC	15A
9	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	15A
10	ECU (BATT)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	15A
12	ĐÈN PHANH	15A
13	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
14	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	15A
15	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	15A
16	TRỐNG	—

Stt.	Tên cầu chì	Loại
17	MÁY KHỞI ĐỘNG	10A
18	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
19	TÚI KHÍ SRS	10A
20	ECM	10A
21	ĐỒNG HỒ TÁP LÔ	10A
22	ĐIỆN NGUỒN (ĐÈN)	10A
23	TRỐNG	—
24	KÍNH CHIẾU HẬU	15A
25	NÚT CÒI	15A
26	ĐÈN BÁO RẼ, BÁO NGUY	15A
27	ĐÈN ĐUÔI	15A
28	ĐÈN TÁP LÔ	10A
29	ĐÈN GÓC, ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
30	QUẠT GIÓ	25A

Stt.	Tên cầu chì	Loại	Stt.	Tên cầu chì	Loại
31	TRỐNG	—	B-1	NGUỒN (HỘP SỐ A/T)	10A
32	TRỐNG	—	B-2	TRỐNG	—
33	TRỐNG	—	B-3	XÔNG KÍNH CHIẾU HẬU	20A
34	TRỐNG	—	B-4	AUDIO, ACC	20A

Động cơ 4JH1 (dạng 2)



Nhãn loại 1

Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	ECM	10A
2	ĐÈN TRẦN, AUDIO	10A
3	ĐÈN GÓC	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	15A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	25A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN ĐUÔI	10A
13	ĐÈN, BÌNH	10A
14	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	10A

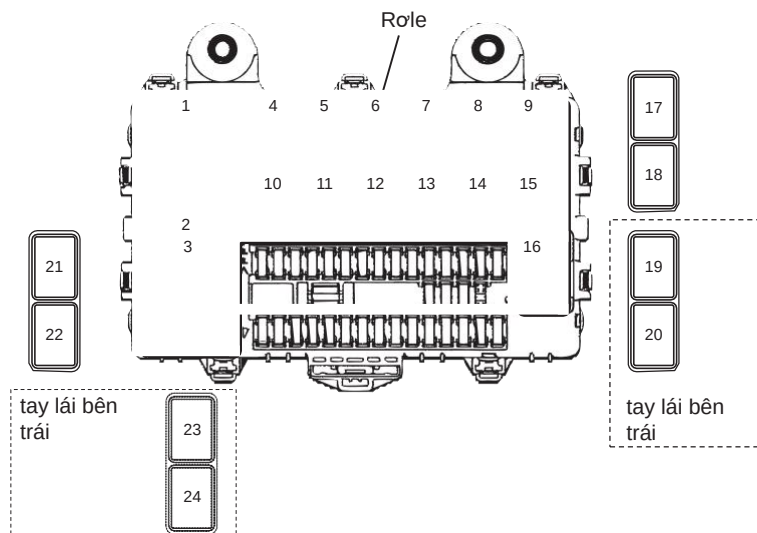
Stt.	Tên cầu chì	Loại
15	KHỞI ĐỘNG	10A
16	ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	10A
18	ĐÈN LÙI	10A
19	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
20	AUDIO	15A
21	MÁY LẠNH	10A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN RẼ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	25A
25	DỰ TRỮ	10A
26	DỰ TRỮ	15A
27	DỰ TRỮ	25A

Nhãn loại 2

Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	ECM	10A
2	ĐÈN TRẦN, AUDIO	10A
3	ĐÈN GÓC	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	15A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	25A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN ĐUÔI	10A
13	BÌNH	10A
14	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	10A

Stt.	Tên cầu chì	Loại
15	KHỞI ĐỘNG	10A
16	ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	10A
18	ĐÈN LÙI	10A
19	ĐỒNG HỒ	10A
20	AUDIO	15A
21	QUẠT GIÓ	10A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN RẼ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	25A
25	DỰ TRỮ	10A
26	DỰ TRỮ	15A
27	DỰ TRỮ	25A

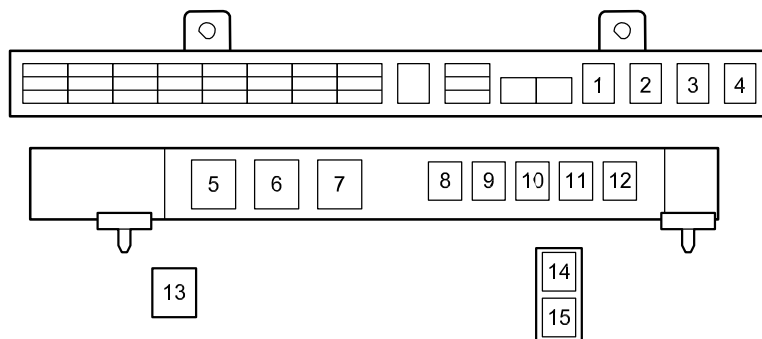
Động cơ 4JH1 (dạng 1)



Stt	Loại role
1	ĐÈN PHANH
2	QUẠT GIÓ
3	CẦN GẠT NƯỚC
4	TRỐNG
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU
6	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC
7	NÚT CÒI
8	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ
10	TRỐNG
11	TRỐNG
12	POWER WINDOW
13	ĐÈN COS TRƯỚC

Stt	Loại role
14	TRỐNG
15	ĐÈN PHA TRƯỚC
16	ĐÈN ĐUÔI
17	TRỐNG
18	TRỐNG
19	TRỐNG
20	TRỐNG
21	TRỐNG
22	NĂNG HẠ KÍNH SAU (CABIN ĐÔI)
23	TRỐNG
24	NĂNG HẠ KÍNH SAU (CABIN ĐÔI)

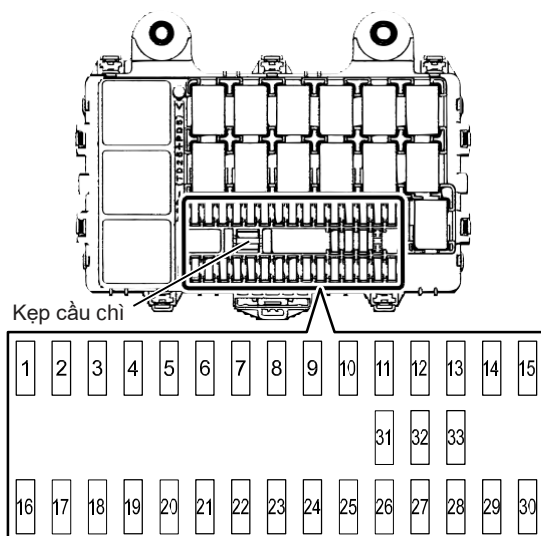
4JH1 (dạng 2)



Stt.	Tên role
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN TRƯỚC (PHA)
3	ĐÈN TRƯỚC (COS)
4	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN
5	ĐÈN DỪNG
6	TRÔNG
7	GẠT NƯỚC
8	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU

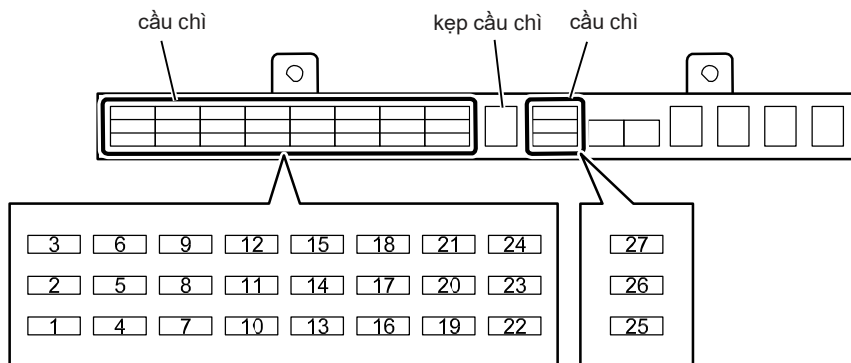
Stt.	Tên role
9	GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (NHANH/CHẬM)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
12	CÒI
13	QUẠT GIÓ
14	KÍNH CỬA SAU (CABIN ĐÔI)
15	TRÔNG

Động cơ 4JJ1 (dạng 1)



Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	NGUỒN PTO	20A
2	NÂNG HẠ KÍNH SAU	20A
3	ĐÈN TRẦN	15A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	NÂNG HẠ KÍNH	20A
7	ABS	10A
8	GẠT NƯỚC	15A
9	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
10	NGUỒN ECM	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN PHANH	10A
13	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
14	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
15	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
16	PTO	10A
17	MÁY KHỞI ĐỘNG	10A

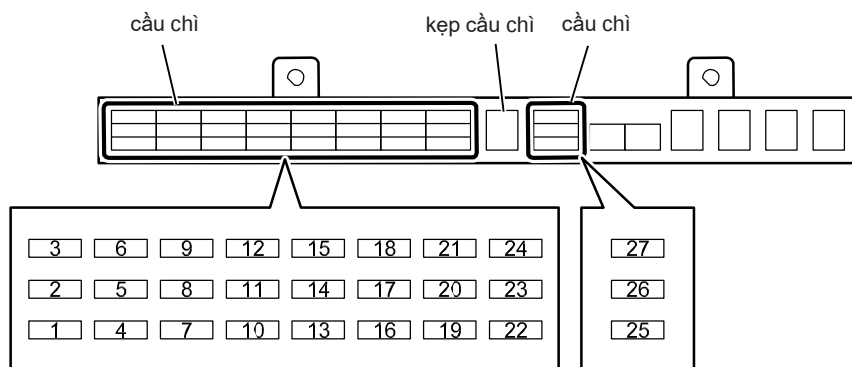
Stt.	Tên cầu chì	Loại
18	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
19	SRS, TÚI KHÍ	10A
20	ECM	10A
21	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
22	ĐIỆN NGUỒN (ĐÈN)	10A
23	AUDIO, ACC	15A
24	KÍNH CHIẾU HẬU	15A
25	NÚT CÔI	15A
26	ĐÈN BÁO RẼ, BÁO NGUY	15A
27	ĐÈN ĐUÔI	10A
28	ĐÈN ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
29	ĐÈN GÓC, ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
30	QUẠT GIÓ	20A
31	TRỐNG	—
32	TRỐNG	—
33	TRỐNG	—

Động cơ 4JJ1 (dạng 2 [tay lái bên trái])

Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	MÁY KHỞI ĐỘNG, PTO	10A
2	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
3	ĐÈN, BÌNH	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	NÂNG HẠ KÍNH	20A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
13	ĐÈN ĐUÔI	10A

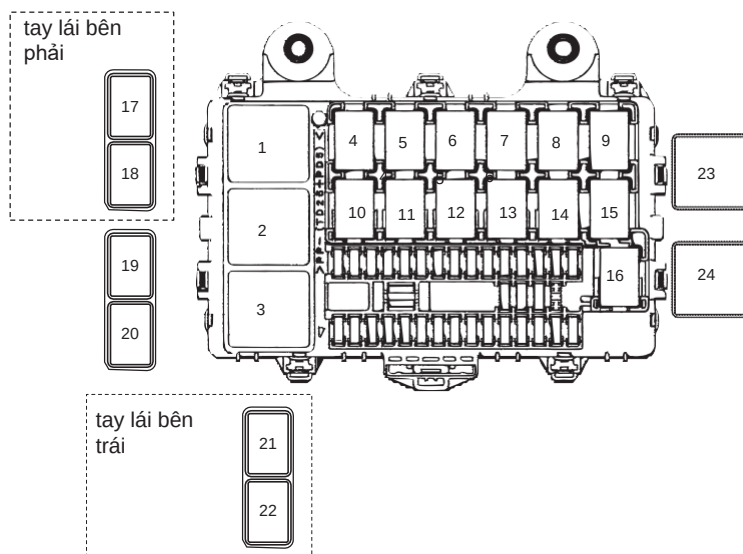
Stt.	Tên cầu chì	Loại
14	ĐÈN GÓC, ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
15	ĐÈN TRẦN	15A
16	ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
18	ABS, TÚI KHÍ	10A
19	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
20	ACC, AUDIO	15A
21	QUẠT GIÓ	20A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN BÁO RẼ, BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	15A
25	TRỐNG	10A
26	TRỐNG	15A
27	TRỐNG	20A

Động cơ 4JJ1 (dạng 2 [tay lái bên phải])



Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	MÁY KHỞI ĐỘNG, PTO	10A
2	NĂNG HẠ KÍNH SAU, NGUỒN PTO	20A
3	ĐÈN, BÌNH	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	NĂNG HẠ KÍNH	20A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
13	ĐÈN ĐUÔI	10A

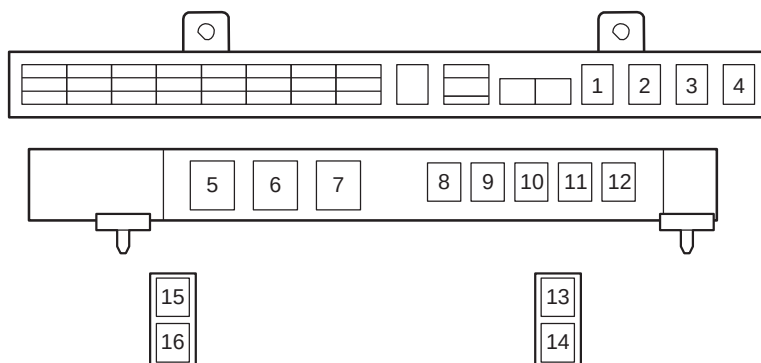
Stt.	Tên cầu chì	Loại
14	ĐÈN GÓC	10A
15	ĐÈN TRẦN	15A
16	ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
18	ABS	10A
19	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
20	ACC, AUDIO	15A
21	QUẠT GIÓ	20A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN BÁO RẼ, BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	15A
25	TRÔNG	10A
26	TRÔNG	15A
27	TRÔNG	25A

Động cơ 4JJ1 (dạng 1)


Stt	Loại role
1	ĐÈN PHANH
2	QUẠT GIÓ
3	CẦN GẠT NƯỚC
4	TRỐNG
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU
6	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC
7	NÚT CÒI
8	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
10	PTO
11	TRỐNG
12	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
13	ĐÈN COS TRƯỚC
14	TRỐNG

Stt	Loại role
15	ĐÈN PHA TRƯỚC
16	ĐÈN ĐUÔI
17	TRỐNG
18	NÂNG HẠ KÍNH SAU
19	TRỐNG
20	NÂNG HẠ KÍNH SAU ĐÈN BAN NGÀY
21	TRỐNG
22	NÂNG HẠ KÍNH SAU
23	PHỤ KIỆN
24	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC

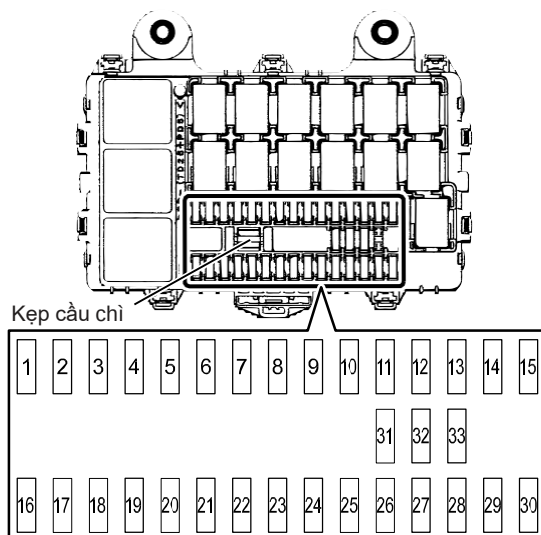
Động cơ 4JJ1 (dạng 2)



Stt	Loại role
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN PHA TRƯỚC
3	ĐÈN COS TRƯỚC
4	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
5	ĐÈN PHANH
6	ACC
7	CẦN GẠT NƯỚC
8	QUẠT GIÓ

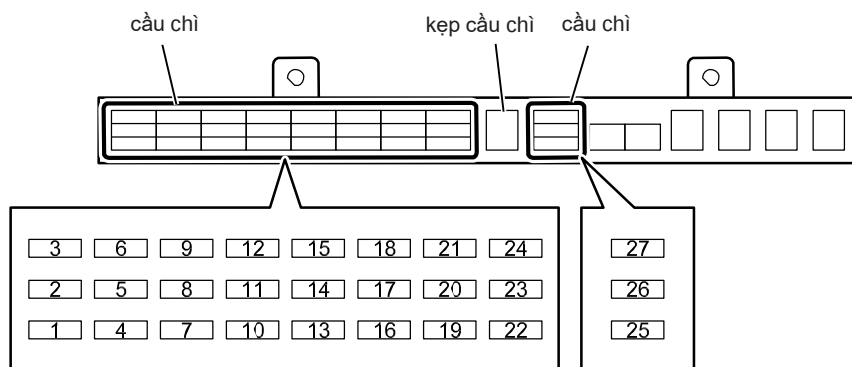
Stt	Loại role
9	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
12	NÚT CÒI
13	NGUỒN
14	TRÔNG
15	TRÔNG
16	TRÔNG

Động cơ 4HL1 (dạng 1)



Stt.	Tên cầu chì	Loại	Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	NGUỒN PTO	20A	18	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
2	NÂNG HẠ KÍNH SAU	20A	19	SRS, TÚI KHÍ	10A
3	ĐÈN TRẦN	15A	20	ECM	10A
4	KHÓA CỬA	15A	21	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A	22	ĐIỆN NGUỒN (ĐÈN)	10A
6	NÂNG HẠ KÍNH	20A	23	AUDIO, ACC	15A
7	ABS	10A	24	KÍNH CHIẾU HẬU	15A
8	GẠT NƯỚC	15A	25	NÚT CÒI	15A
9	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A	26	ĐÈN BÁO RẼ, BÁO NGUY	15A
10	NGUỒN ECM	10A	27	ĐÈN ĐUÔI	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A	28	ĐÈN ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
12	ĐÈN PHANH	10A	29	ĐÈN GÓC, ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
13	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A	30	QUẠT GIÓ	20A
14	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A	31	TRỐNG	—
15	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A	32	TRỐNG	—
16	PTO	10A	33	TRỐNG	—
17	MÁY KHỞI ĐỘNG	10A			

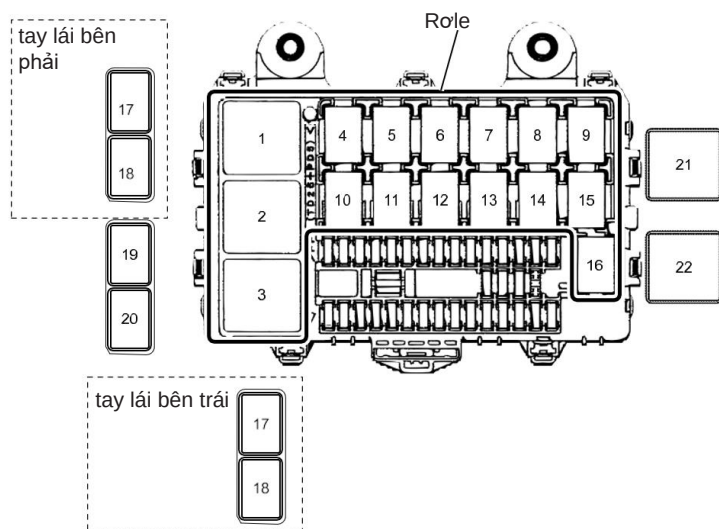
Động cơ 4HL1 (dạng 2)



Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	MÁY KHỞI ĐỘNG, PTO	10A
2	NÂNG HẠ KÍNH SAU, NGUỒN PTO	20A
3	ĐÈN, NGUỒN	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	10A
6	NÂNG HẠ KÍNH	20A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	15A
13	ĐÈN ĐUÔI	10A

Stt.	Tên cầu chì	Loại
14	ĐÈN GÓC	10A
15	ĐÈN TRẦN	15A
16	ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	15A
18	ABS	10A
19	ĐỒNG HỒ TAPLO	10A
20	ACC, AUDIO	15A
21	QUẠT GIÓ	20A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN BÁO RẼ, BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	15A
25	TRỐNG	10A
26	TRỐNG	15A
27	TRỐNG	25A

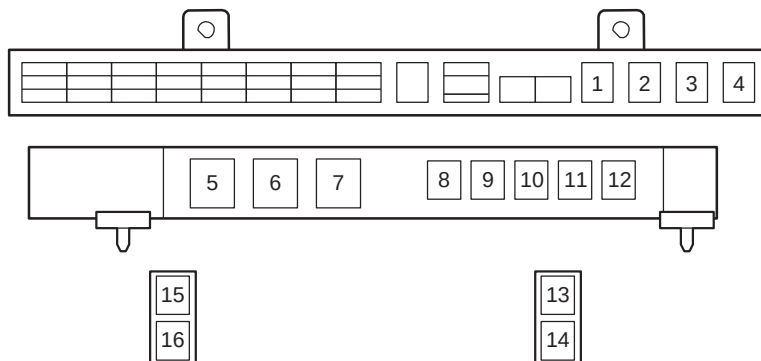
Động cơ 4HL1 (dạng 1)



Stt	Loại role
1	ĐÈN PHANH
2	QUẠT GIÓ
3	CẦN GẠT NƯỚC
4	TRỒNG
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU
6	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC
7	NÚT CÒI
8	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
10	PTO
11	TRỒNG

Stt	Loại role
12	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
13	ĐÈN COS TRƯỚC
14	TRỒNG
15	ĐÈN PHA TRƯỚC
16	ĐÈN ĐUÔI
17	HỘP SỐ PHỤ
18	NÂNG HẠ KÍNH SAU
19	PTO
20	NGẮT PTO
21	PHỤ KIỆN
22	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC

Động cơ 4HL1 (dạng 2)

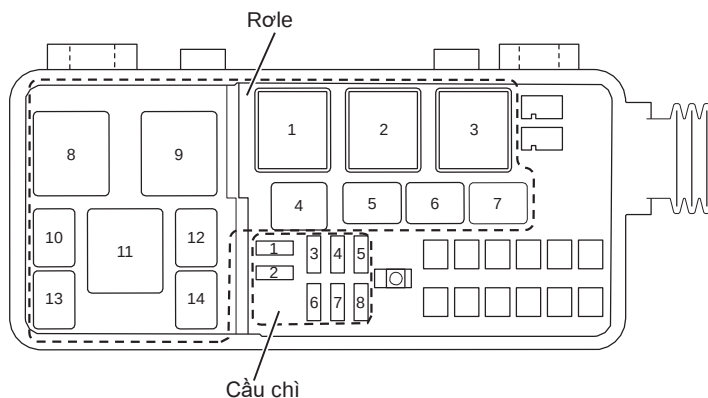


Stt	Loại role
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN PHA TRƯỚC
3	ĐÈN COS TRƯỚC
4	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
5	ĐÈN PHANH
6	ACC
7	CẦN GẠT NƯỚC
8	QUẠT GIÓ

Stt	Loại role
9	RƠ LE CHÍNH GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ
12	NÚT CÒI
13	ĐIỆN NGUỒN
14	TRÔNG
15	4WD
16	TRÔNG

Vị Trí Role Và Cầu Chì (Ngoài Cabin Xe)

Động cơ 4HK1 phanh thủy lực

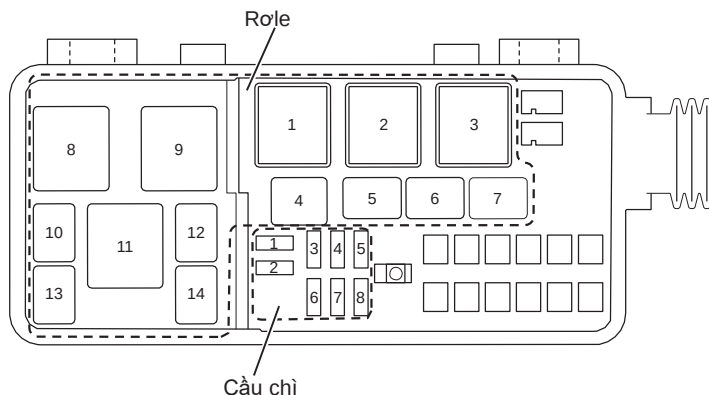


Stt	Tên role
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	ECM
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN (HỆ THỐNG LẠNH)
5	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
7	PHANH KHÍ XẢ (XE ĐẠT CHUẨN EURO II HAY EURO III)
	ĐÈN ĐUÔI (XE CÓ ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU VÀ ĐẠT CHUẨN EURO 4, EURO 5)

Stt	Tên role
8	CHUYỂN SỐ (XE TRANG BỊ HỘP SỐ BÁN TỰ ĐỘNG)
9	TRỐNG
10	4WD (MODEL NPS)
11	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRANG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)
12	CHUYỂN SỐ (MODEL NPS)
13	TRỐNG
14	ĐÈN ĐUÔI (XE ĐẠT CHUẨN EURO II HAY EURO III)

Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	ĐÈN ĐUÔI	10A
2	TRỐNG	—
3	ECM MAIN	10A
4	TRỐNG	—
5	TRỐNG	—
6	NGUỒN BÌNH*	10A
7	A/C	10A
8	TRỐNG	—

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay role sẽ được gắn hoặc không được gắn.

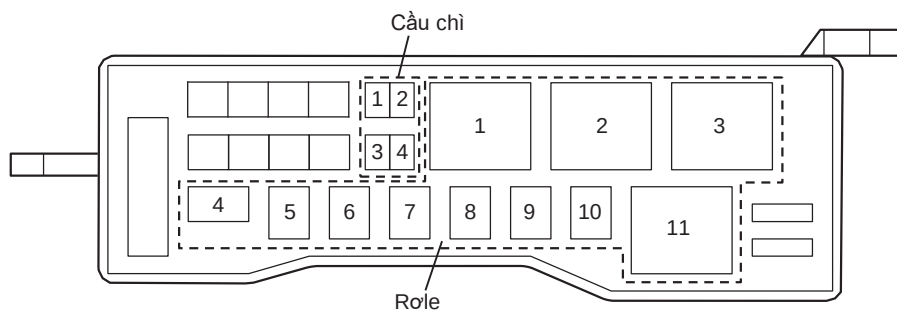
Động cơ 4HK1 trang bị hệ thống phanh hơi toàn phần

Stt	Tên rơle
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	ECM
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN (HỆ THỐNG LẠNH)
5	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNGOFF
7	PHANH KHÍ XẢ (XE ĐẠT CHUẨN EURO II HAY EURO III)
8	TRỐNG
9	TRỐNG
10	TRỐNG
11	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRANG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)

Stt	Tên rơle
12	TRỐNG
13	TRỐNG
14	ĐÈN ĐUÔI (MODEL WITH ĐÈN ĐUÔI)

Stt	Tên cầu chì	Loại
1	ĐÈN ĐUÔI (MODEL WITH ĐÈN ĐUÔI)	10A
2	ABS	20A
3	NGUỒN ECM	10A
4	TRỐNG	—
5	TRỐNG	—
6	BÌNH ĐIỆN	10A
7	MÁY LẠNH	15A
8	TRỐNG	—

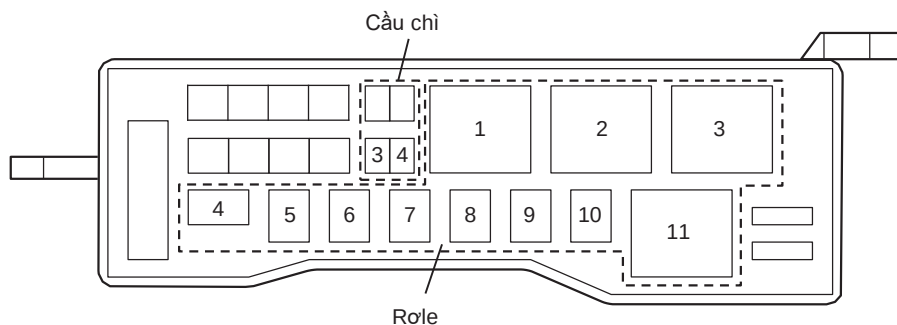
Động cơ 4JB1



Stt	Tên rơle
1	TRỐNG
2	TRỐNG
3	GLOW
4	TRỐNG
5	TRỐNG
6	CSD (Động cơ 4JB1)
7	TRỐNG
8	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)
9	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
10	PHANH KHÍ XẢ
11	MÁY KHỞI ĐỘNG

Stt	Fuse name	Rating
1	NGUỒN PHÁT*	15A
2	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)	15A
3	A/C	20A
4	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)	20A

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay rơle sẽ được gắn hoặc không được gắn.

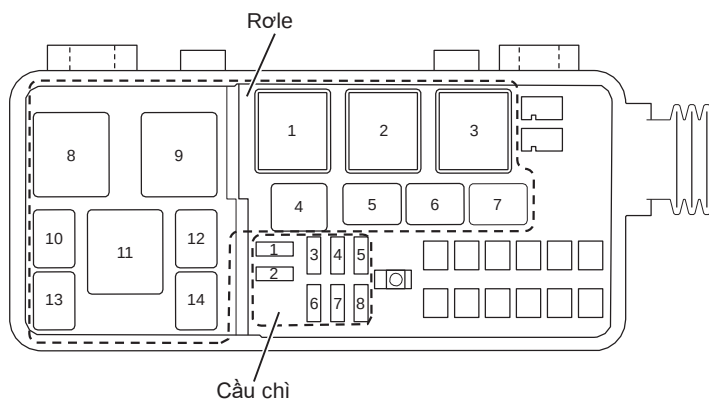
Động cơ 4HG1 (dạng 1)


Stt	Tên rơle
1	TRỐNG
2	TRỐNG
3	GLOW
4	TRỐNG
5	TRỐNG
6	TRỐNG
7	TẮT MÁY
8	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)
9	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
10	PHANH KHÍ XẢ
11	MÁY KHỞI ĐỘNG

Stt	Cầu chì	Loại
1	TẮT MÁY	10A
2	BATTERY *	10A
3	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)	10A
4	MÁY LẠNH	10A

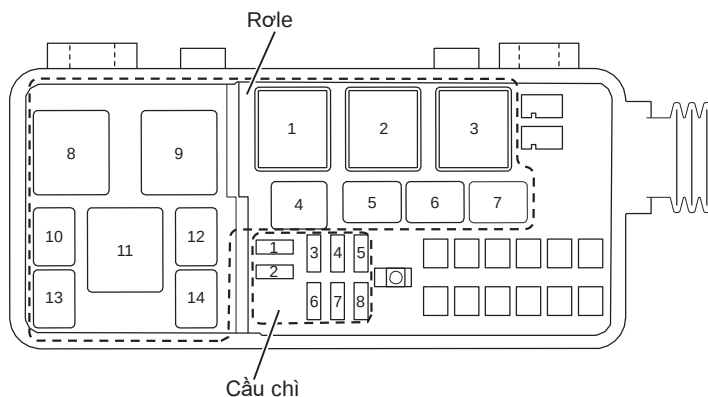
*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay rơle sẽ được gắn hoặc không được gắn

Động cơ 4HG1 (dạng 2)



Stt	Tên role
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	TRỐNG
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN (HỆ THỐNG LẠNH)
5	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	TẮT MÁY
7	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)
8	TRỐNG
9	TRỐNG
10	4WD (NPS MODEL)
11	TRỐNG
12	CHUYỂN SỐ (MODEL NPS)
13	TRỐNG
14	TRỐNG

Stt	Cầu chì	Loại
1	TRỐNG	—
2	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)	10A
3	TRỐNG	—
4	TRỐNG	—
5	TRỐNG	—
6	BÌNH ĐIỆN	10A
7	MÁY LẠNH	10A
8	TẮT MÁY	10A

Động cơ 4JH1

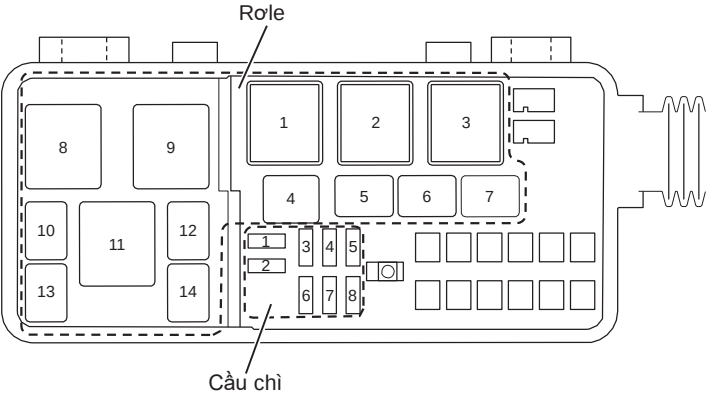
Stt	Tên role
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	TRỐNG
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN (HỆ THỐNG LẠNH)
5	QUẠT DẪN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
7	NGUỒN ECM
8	TRỐNG
9	TRỐNG
10	ABS
11	TRỐNG
12	ĐÈN ĐUÔI
13	ABS

Stt	Tên role
14	NGẮT PHANH KHÍ XẢ

Stt	Cầu chì	Loại
1	ĐÈN ĐUÔI	20A
2	TRỐNG	—
3	NGUỒN ECM 1	20A
4	NGUỒN ECM 2	10A
5	ABS	10A
6	BÌNH ĐIỆN *	15A
7	MÁY LẠNH	20A
8	MÁY LẠNH	20A

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay role sẽ được gắn hoặc không được gắn

Động cơ 4JJ1

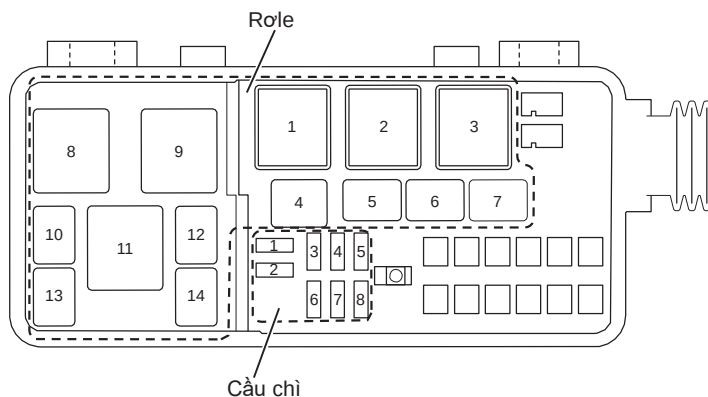


Stt	Tên rơle
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	NGUỒN ECM
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN (HỆ THỐNG LẠNH)
5	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
7	ĐÈN ĐUÔI
8	CHUYỂN SỐ (XE TRANG BỊ HỘP SỐ BÁN TỰ ĐỘNG)
9	TRỐNG
10	TRỐNG
11	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRANG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)
12	TRỐNG

Stt	Tên rơle
13	TRỐNG
14	TRỐNG

Stt	Tên cầu chì	Loại
1	ĐÈN ĐUÔI	10A
2	TRỐNG	—
3	NGUỒN ECM	10A
4	TRỐNG	—
5	TRỐNG	—
6	BÌNH ĐIỆN *	10A
7	MÁY LẠNH	10A
8	TRỐNG	—

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay rơle sẽ được gắn hoặc không được gắn

Động cơ 4HL1

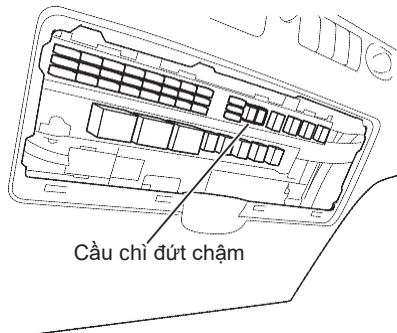
Stt	Tên role
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	NGUỒN ECM
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN (HỆ THỐNG LẠNH)
5	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
7	TRỐNG
8	TRỐNG
9	TRỐNG
10	4WD (Model NPS)
11	LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU (XE TRẠNG BỊ BỘ LÀM NÓNG NHIÊN LIỆU)
12	CHUYỂN SỐ (NPS MODEL)
13	TRỐNG
14	TRỐNG

Stt	Tên cầu chì	Loại
1	ĐÈN ĐUÔI	10A
2	TRỐNG	—
3	NGUỒN ECM	10A
4	TRỐNG	—
5	TRỐNG	—
6	BÌNH ĐIỆN *	10A
7	MÁY LẠNH	10A
8	TRỐNG	—

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay role sẽ được gắn hoặc không được gắn

Thay Cầu Chì Đứt Chạm

Bên trong cabin



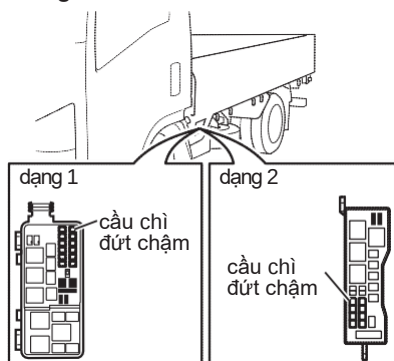
Các cầu chì đứt chạm dùng để bảo vệ mạch điện, chúng được lắp đặt để có thể dễ dàng thay thế nếu có hư hỏng xảy ra trong mạch điện.

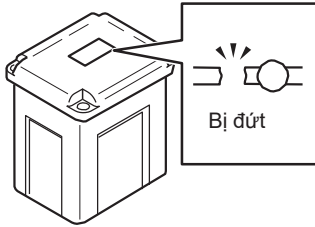


KHUYẾN CÁO

Không nhất thiết phải mở nắp hộp cầu chì trừ khi đã phát hiện ra hư hỏng.

Bên ngoài cabin



**Kiểm tra**

Khi đèn hoặc các thiết bị điện trên xe không hoạt động, và các cầu chì vẫn trong tình trạng tốt. Hãy thử kiểm tra tình trạng các cầu chì đứt chậm. Nếu cầu chì đứt chậm có tình trạng như hình minh họa, hãy liên hệ với đại lý Isuzu để tiến hành sửa chữa.

**CẢNH BÁO**

- Chỉ sử dụng các cầu chì chính hãng từ Isuzu để thay thế cho các cầu chì bị hư hỏng. Khi thay thế phải sử dụng đúng loại cầu chì.
- Nếu sau khi thay thế mà cầu chì vẫn tiếp tục bị đứt, bị hư. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu để kiểm tra nguyên nhân
- Đừng thay thế cầu chì khi chìa khóa xe đang xoay sang vị trí "ON".

**KHUYẾN CÁO**

- Không nhất thiết phải mở nắp hộp cầu chì trừ khi đã phát hiện ra hư hỏng.
- Hộp cầu chì được thiết kế để ngăn nước lọt vào. Nếu vô tình đổ nước vào nắp hộp, hãy lau sạch chúng
- Khu vực hộp cầu chì sẽ ẩm lên sau khi xe vận hành, đây là hiện tượng bình thường.

Khi Xe Gặp Tai Nạn

Hãy bình tĩnh thực hiện các bước sau:

1. Tránh tai nạn dây chuyền.

Bật đèn báo nguy, đưa ngay xe vào nơi an toàn, không cản trở lưu thông và tắt động cơ.

2. Cấp cứu người bị nạn.

Thực hiện mọi sơ cứu có thể cho người bị nạn cho đến khi bác sĩ hay xe cứu thương đến. Đặc biệt không di chuyển người bị thương đầu. Nếu có nguy cơ tai nạn hàng loạt, hãy chuyển họ vào nơi an toàn.

3. Gọi cảnh sát.

Liên hệ với cảnh sát, báo cho họ biết chỗ xảy ra tai nạn, tình trạng, người bị thương và vết thương của họ, sau đó nhận hướng dẫn.

4. Xác định thông tin từ phía bên kia (tên, địa chỉ, số điện thoại) và tình trạng tai nạn.

5. Nếu cần, hãy liên hệ công ty bảo hiểm hoặc đại lý bạn mua xe.



KHUYẾN CÁO

- Hãy nhớ báo cảnh sát và tư vấn bác sĩ dù là tai nạn nhỏ và bị thương nhẹ. Nếu bị đập đầu, có thể có triệu chứng phát triển về sau dù cho bên ngoài không có vết thương

Lái Xe Trên Đường Xấu



Nhấn bàn đạp ga sẽ khiến xe lún sâu vào bùn và khó kéo ra. Hoặc chèn đá, cành cây hoặc vải đệm dưới bánh xe để tăng độ bám, hoặc tiếp tục lái xe tới lui và dùng đòn xe để vọt ra.

Khi Kéo Xe

Để di chuyển một xe bị hư, tốt nhất là nhờ người trong các công ty xe kéo hay xe cần trục, nếu không được thì hãy theo các qui trình sau.

Khi kéo xe, dùng thiết bị thích hợp và đúng theo qui định pháp lý. Đừng cố khởi động xe bằng cách kéo hoặc đẩy xe.



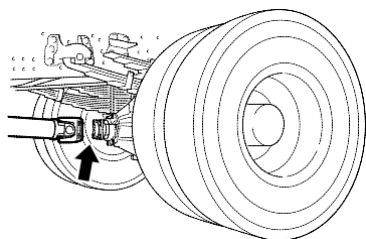
CẢNH BÁO

- Phải nhớ chèn bánh xe khi tháo trục truyền động. Xe có thể di chuyển và gây tai nạn nghiêm trọng.
- Nếu xe trang bị phanh hơi toàn phần, phải nổ máy trong suốt quá trình kéo xe.



CHÚ Ý

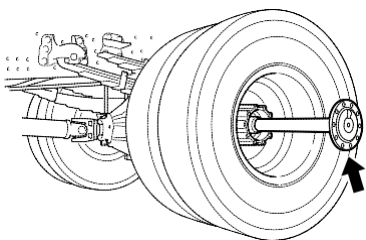
- Đối với model hộp số thường, hãy chuyển tay số về vị trí "N", và kéo trong khoảng cách tối đa 10 km ở tốc độ chậm hơn 40km/giờ. Thêm nữa, **cần tháo trục truyền động khi kéo xe để tránh hư hỏng hộp số**. Đối với xe dùng hộp số tự động, hãy chuyển về vị trí "N" và xác định đèn chỉ báo hiện "N". Kéo xe trong khoảng cách tối đa 10 km ở tốc độ thấp hơn 40km/giờ.
- Khi đèn chỉ báo không hiện "N", hoặc trong các tình huống khác, hãy tháo trục truyền động khi kéo xe để tránh gây hư hỏng hộp số. Khi có thể, hãy kéo xe với động cơ đã khởi động. Nếu máy không khởi động:
 - Phanh sẽ không hiệu quả;
 - Tay lái sẽ khó điều khiển.
 - Tay lái có thể khóa khiến không thể điều khiển, điều này cực kỳ nguy hiểm (đặc biệt là khi đã rút chìa khóa xe.)

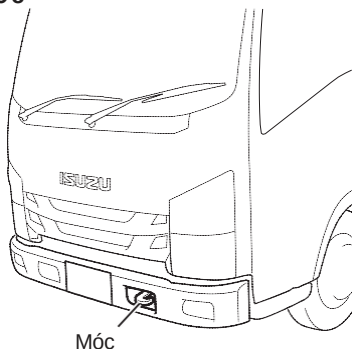
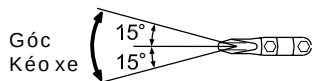
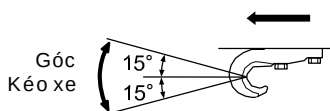
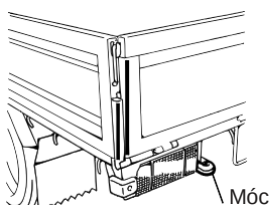


Khi có thể điều khiển tay lái, có thể kéo xe trên tất cả các bánh bám vào mặt đường. Tuy nhiên, bộ trợ lực lái sẽ không thể trợ lực khi máy không khởi động được.

Nếu hộp số bị hỏng, hãy tháo trục truyền động ở mặt trục sau và cột chặt nó vào khung xe.

Nếu tình nghi trục sau hư hỏng, hãy tháo trục sau và đẩy miệng trục xe để ngăn không cho dầu vi sai rỉ ra, hoặc ngăn bụi bẩn và các vật lạ lọt vào trục.



Trước**Sau**

1. Nếu xe kéo hoặc được kéo phải cột chặt dây cáp vào móc kéo ở trước hoặc sau cùng một bên.
2. Trong khi kéo, quan sát cẩn thận đèn dừng của xe kéo để tránh dây cáp không bị chùng. Phải nhớ không để xe chịu xóc mạnh

**CHÚ Ý**

- Không kéo xe ở góc lớn hơn 15°. Điều này khiến xe chịu lực ép quá mạnh và làm hỏng xe.
- Chỉ nối dây cáp vào móc kéo. Nối dây cáp vào các phần khác sẽ làm hỏng xe.
- Phải bảo đảm không có người gần dây cáp kéo và móc trước khi kéo xe.
- Móc kéo được dùng để kéo xe có cùng trọng lượng trên đường tốt.
- Khi qua đường hầm hoặc đến vùng lầy lội, phải đỡ hàng xuống xe. Không dùng móc kéo để kéo, mà phải kéo bằng một dây cáp cột vào trục.

**KHUYẾN CÁO**

[Hãy liên hệ với đội ngũ cứu hộ & kéo xe trong các tình huống sau]

- Khi xe đổ đèo. (lúc này phanh sẽ không hiệu quả.)
- Khi hộp số hoặc cầu sau hư hỏng
- Khi xe hư hỏng trên đường cao tốc.



• Thông Số Kỹ Thuật	9-2
• Thông tin khác	9-28

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐỘNG CƠ

Động Cơ

Động cơ 4HK1

Thông số kỹ thuật	
Động cơ tăng áp turbo, phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên	
Tỉ số nén	17.5
Dung tích xy lanh cc (cu. in)	5,193 (317.0)
Thứ tự nổ	1-3-4-2
Thời điểm phun độ	0°
Khe hở xu páp mm (in)	Cho cả xu páp hút và xả: 0.4 (0.016) khi máy nguội
Tốc độ cầm chừng	550 - 600
Độ căng dây đai mm (in)/Hz	Máy phát 50A Dây mới: 5 - 7 (0.20 - 0.28)/208 - 232 Dây cũ: 6 - 8 (0.24 - 0.31)/178 - 190
	Máy phát 60A/80A/90A Dây đai mới: 6 - 7 (0.24 - 0.28)/179 - 199 Dây đai cũ: 8 - 9 (0.31 - 0.35)/152 - 164
Lọc nhớt	Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	Khi chỉ thay nhớt: 9.5 (2.51/2.09) Khi thay nhớt và lọc: 11.5 (3.04/2.53)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	18.0 (4.76/3.96)
Hệ thống xông máy	Bugì xông

Động cơ 4JH1

Thông số kỹ thuật		
Động cơ tăng áp turbo, phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên		
Tỉ số nén		15.9
Dung tích xy lanh	cc (cu. in)	2,999 (183.0)
Thứ tự nổ		1-3-4-2
Thời điểm phun	độ	0°
Khe hở xupap	mm (in)	Cho cả xupap hút và xả: 0.4 (0.016) khi máy nguội
Tốc độ cầm chừng		675 - 725
Độ căng dây đai	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 7 - 9 (0.28 - 0.35)/133 - 157 Dây đai cũ: 9 - 11 (0.35 - 0.43)/112 - 126
Độ căng dây đai bơm trợ lực lái	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 8 - 12 (0.31 - 0.47)/135 - 165 Dây đai cũ: 11 - 13 (0.43 - 0.51)/117 - 135
Lọc nhớt		Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		Khi chỉ thay nhớt: 6.0 (1.59/ 1.32) Khi thay nhớt và lọc: 6.6 (1.74/ 1.45)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		8.8 (2.32/1.94)
Hệ thống xông máy		Bugì xông

4JB1 Động cơ

Thông số kỹ thuật		
Động cơ phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên		
Tỉ số nén		18.1
Dung tích xylanh	cc (cu. in)	2,771 (169.1)
Thứ tự nổ		1-3-4-2
Thời điểm phun	độ	BTDC 12°
Điều chỉnh khe hở xupap	mm (in)	Xupap hút và xả: 0.4 (0.016) khi động cơ nguội
Tốc độ cầm chừng	vòng/phút	725 - 775
Độ căng dây đai	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 7 - 9 (0.28 - 0.35)/133 - 157 Dây đai cũ: 9 - 11 (0.35 - 0.43)/112 - 126
Lọc nhớt		Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		Khi chỉ thay nhớt: 6.4 (1.69/ 1.41) Khi thay nhớt và lọc: 7.0 (1.85/ 1.54)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		7.3 (1.93/ 1.61)
Hệ thống xông máy		☐ V bugì xông

Động cơ 4JJ1

Thông số kỹ thuật	
Động cơ tăng áp turbo, phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên	
Tỉ số nén	17.5
Dung tích xylanh cc (cu. in)	2,999 (183.0)
Thứ tự nổ	1-3-4-2
Thời điểm phun độ	0°
Điều chỉnh khe hở xupap mm (in)	Xupap hút và xả: 0.15 (0.006) khi động cơ nguội
Tốc độ cầm chừng vòng/phút	575 - 625
Độ căng dây đai mm (in)/Hz	Dây đai mới: 4 - 6 (0.16 - 0.24)/212 - 236 Dây đai cũ: 6 - 8 (0.24 - 0.31)/181 - 195
Lọc nhớt	Loại thay lõi lọc
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./imp gal.)	Khi chỉ thay nhớt: 8.2 (2.17/1.80) Khi thay nhớt và lọc: 9.2 (2.43/2.02)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./imp gal.)	10.0 (2.64/2.20)
Hệ thống xông máy	☐ V bugi xông

Động cơ 4HG1

Thông số kỹ thuật	
Động cơ phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên	
Tỉ số nén	19.0
Dung tích xylanh cc (cu. in)	4,570 (278.9)
Thứ tự nổ	1-3-4-2
Thời điểm phun độ	BTDC 7°
Điều chỉnh khe hở xupap mm (in)	Xupap hút và xả: 0.4 (0.016) khi động cơ nguội
Tốc độ cầm chừng vòng/phút	550 - 600
Độ căng dây đai mm (in)/Hz	Dây đai mới: 7 - 9 (0.28 - 0.35)/140 - 170 Dây đai cũ: 9 - 10 (0.35 - 0.39)/121 - 139
Lọc nhớt	Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./imp gal.)	Khi chỉ thay nhớt: 8.3 (2.19/1.83) Khi thay nhớt và lọc: 9.8 (2.59/2.16)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./imp gal.)	14.0 (3.70/3.08)
Hệ thống xông máy	☐ bugi xông

4HL1 Động cơ

Thông số kỹ thuật		
Động cơ tăng áp turbo, phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên		
Tỉ số nén		16.5
Dung tích xylanh	cc (cu. in)	4,778 (292)
Thứ tự nổ		1-3-4-2
Thời điểm phun	độ	0°
Điều chỉnh khe hở xupap	mm (in)	Xupap hút và xả: 0.4 (0.016) khi động cơ nguội
Tốc độ cầm chừng	vòng/phút	550 - 600
Độ căng dây đai	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 7 - 9 (0.28 - 0.35)/140 - 170 Dây đai cũ: 9 - 10 (0.35 - 0.39)/121 - 139
Lọc nhớt		Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./ lmp gal.)		Khi chỉ thay nhớt: 9.5 (2.51/2.09) Khi thay nhớt và lọc: 11.5 (3.04/2.53)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo] lít (US gal./ lmp gal.)		NQR : 17.4 (4.60/3.83) NPS : 16.9 (4.47/3.72)
Hệ thống xông máy		☐ V bugi xông

Hộp số

Hộp số MSB5S

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.016
	2nd	2.672
	3rd	1.585
	4th	1.000
	5th	0.770
	Số lùi	4.783
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		Không trang bị PTO: 2.7 (0.71/ 0.59) Có trang bị PTO: 3.0 (0.79/ 0.66)

Hộp số MSB5M

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.594
	2nd	2.814
	3rd	1.660
	4th	1.000
	5th	0.794
	Số lùi	5.334
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		Không trang bị PTO: 2.7 (0.71/ 0.59) Có trang bị PTO: 3.0 (0.79/ 0.66)

Hộp số MSB5K

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.016
	2nd	2.524
	3rd	1.489
	4th	1.000
	5th	0.712
	Số lùi	4.783
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		Không trang bị PTO: 2.7 (0.71/ 0.59) Có trang bị PTO: 3.0 (0.79/ 0.66)

Hộp số MYY5M

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.315
	2nd	2.908
	3rd	1.655
	4th	1.000
	5th	0.721
	Số lùi	5.068
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		Không trang bị PTO: 2.8 (0.74/ 0.62) Có trang bị PTO: 3.1 (0.82/ 0.68)

Hộp số MYY5T (không có hộp số phụ)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.315
	2nd	3.053
	3rd	1.655
	4th	1.000
	5th	0.721
	Số lùi	5.068
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		Không trang bị PTO: 2.8 (0.74/ 0.62) Có trang bị PTO: 3.1 (0.82/ 0.68)

Hộp số MYY5T (có hộp số phụ)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.315
	2nd	3.053
	3rd	1.655
	4th	1.000
	5th	0.721
	Số lùi	5.068
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		Không trang bị PTO: 3.5 (0.92/ 0.77) Có trang bị PTO: 3.8 (1.00/ 0.84)
Hộp số phụ		Truyền động bánh răng, 2 tốc độ
Tỉ số truyền hộp số phụ		Cao: 1.000, Thấp: 1.842
Dung tích nhớt hộp số phụ [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		1.8 (0.48/0.40)

Hộp số MYY6S (M/T)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.979
	2nd	3.434
	3rd	1.862
	4th	1.297
	5th	1.000
	6th	0.759
	Số lùi	5.701
Dung tích nhót hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		Không trang bị PTO: 3.5 (0.92/ 0.77) Có trang bị PTO: 3.8 (1.00/ 0.84)

Hộp số MYY6S (hộp số bán tự động)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.979
	2nd	3.434
	3rd	1.862
	4th	1.297
	5th	1.000
	6th	0.759
	Số lùi	5.701
Dung tích nhót hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		Không trang bị PTO: 3.5 (0.92/ 0.77) Có trang bị PTO: 3.8 (1.00/ 0.84)
Dung tích dầu ly hợp [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		6.24 (1.65/ 1.37)

Hộp số MYY6E (hộp số bán tự động)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.979
	2nd	3.434
	3rd	2.040
	4th	1.379
	5th	1.000
	6th	0.759
	Số lùi	5.701
Dung tích nhót hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		Không trang bị PTO: 3.5 (0.92/ 0.77) Có trang bị PTO: 3.8 (1.00/ 0.84)
Dung tích dầu ly hợp [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		6.24 (1.65/ 1.37)

Hộp Số MZZ6F

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	6.369
	2nd	3.767
	3rd	1.966
	4th	1.355
	5th	1.000
	6th	0.782
	Số lùi	6.369
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		4.4 (1.16/0.97)

Hộp số MZZ6U

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	6.369
	2nd	3.767
	3rd	2.234
	4th	1.442
	5th	1.000
	6th	0.782
	Số lùi	6.369
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		4.4 (1.16/0.97)

Thông số kỹ thuật

Model NPR75/NQR75/NQR90

Động cơ	
Loại	4HK1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	☐ M/T MY6S, ☐ SA MY6S, ☐ SA MY6E, ☐ M/T MZZ6F, ☐ M/T MZZ6U
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-8, 9-9

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	NPR75: ☐ V 100 (26.4/22.0), ☐ V 140 (37.0/30.8), ☐ V 200 (52.8/44.0)
	NQR75: ☐ V 100 (26.4/22.0), ☐ V 140 (37.0/30.8), ☐ V 200 (52.8/44.0)
	NQR90: ☐ V 100 (26.4/22.0), ☐ V 140 (37.0/30.8), ☐ V 200 (52.8/44.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe		
Góc đặt bánh xe	Độ chụm mm (in)	-2 to 2 (-0.08 đến 0.08)
	: Camber (độ)	0°15'
	: Caster (độ)	2°45'
	: King pin (độ)	12°
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh trước	kg (lb)	☐ V 0.14 (0.30), ☐ V 0.18 (0.40)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	☐ HB Tham khảo trang 7-102 ☐ FAB Tham khảo trang 7-103
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	☐ HB Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	☐ HB Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện	
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình
	☐ V 80D26L (12 - 69) × 2 ☐ V 115E41L (12 - 110) × 2
Máy khởi động	volt-kw
	☐ V 24 - 4.0, ☐ V 24 - 4.5
Máy phát	volt/amp.
	☐ V 24/50, ☐ V 24/60, ☐ V 24/80, ☐ V 24/90

Model NPS75

Động cơ	
Loại	4HK1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Loại	M/T MY5T
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-7

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Cầu trước	
Dung tích nhớt cầu	Tham khảo trang 7-159

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	☐ V 100 (26.4/22.0), ☐ V 140 (37.0/30.8)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe		
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)
	: Camber	(độ)
	: Caster	(độ)
	: King pin	(độ)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe trước	kg (lb)	0.11 (0.24)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	V 80D26L (12 - 69) × 2 V 115E41L (12 - 110) × 2
Máy khởi động	volt-kw	24 - 4.0
Máy phát	volt/amp.	V 24/50, V 24/90

Model NLR55/NMR55

Động cơ	
Loại	4JB1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-3
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Loại	☐ M/T MSB5M, ☐ M/T MSB5S
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-6

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo]	NLR55: ☐ V 75 (19.8/16.5), ☐ V 100 (26.4/22.0)
lít (US gal./Imp gal.)	NMR55: ☐ V 75 (19.8/16.5), ☐ V 100 (26.4/22.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe			
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)	-2 to 2 (-0.08 đến 0.08)
	: Camber	(độ)	0°15'
	: Caster	(độ)	3°
	: King pin	(độ)	12°
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe trước		kg (lb)	0.14 (0.30)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe sau		kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện (Volt-Amp.h.) x số bình		V 95D31L (12 - 80) × 1
		V 95D31R (12 - 64) × 1
		V 130E41L (12 - 115) × 1
Máy khởi động	volt-kw	12 - 2.0
Máy phát	volt/amp.	12/60

Model NLR77/NMR77

Động cơ	
Loại	4JH1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-3
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	☐ M/T MSB5S, ☐ M/T MSB5K
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-6

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo]	NLR77: ☐ V 63 (16.6/ 13.9), ☐ V 75 (19.8/ 16.5), ☐ V 100 (26.4/ 22.0)
lít (US gal./Imp gal.)	NMR77: ☐ V 63 (16.6/ 13.9), ☐ V 75 (19.8/ 16.5), ☐ V 100 (26.4/ 22.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe		
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm mm (in)	-2 to 2 (-0.08 đến 0.08)
	: Camber (độ)	0°15'
	: Caster (độ)	3°
	: King pin (độ)	12°
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe trước	kg (lb)	0.14 (0.30)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	☐ V 80D26L (12 - 69) × 2 ☐ V 95D31L (12 - 80) × 1
Máy khởi động	volt-kw	12 - 2.0
Máy phát	volt/amp.	☐ V 12/60

Model NLR85/NMR85/NPR85

Động cơ	
Loại	4JJ1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-4
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	☐ M/T MY5M, ☐ M/T MY5T, ☐ M/T MY6S, ☐ SA MY6S, ☐ SA MY6E
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-7, 9-8

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] lit (US gal./Imp gal.)	NLR85: ☐ V 63 (16.6/13.9), ☐ V 75 (19.8/16.5),
	☐ V 100 (26.4/22.0)
	NMR85: ☐ V 75 (19.8/16.5), ☐ V 100 (26.4/22.0)
	NPR85: ☐ V 100 (26.4/22.0), ☐ V 200 (52.8/44.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh		
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)
		-2 to 2 (-0.08 đến 0.08)
	: Camber	(độ)
		0°15'
	: Caster	(độ)
		☐ 3°, ☐ 2°45'
	: King pin	(độ)
		12°
Mỡ bôi trơn trực xoay bánh trước	kg (lb)	☐ 0.14 (0.30), ☐ 0.18 (0.40)
Mỡ bôi trơn trực xoay bánh sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nắp (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	☐ 65D23L (12 - 65) × 2 ☐ 75D23L (12 - 65) × 2 ☐ 80D26L (12 - 69) × 2
Máy khởi động	volt-kw	24 - 4.0
Máy phát	volt/amp.	☐ 24/50, ☐ 24/90

Model NPR71/NQR71

Động cơ	
Loại	4HG1
Dung tích nhót động cơ	Tham khảo trang 9-4
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	M/T MY5T
Dung tích nhót hộp số	Tham khảo trang 9-7

Cầu sau	
Dung tích nhót cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo]	NPR71: ☐ 100 (26.4/22.0), ☐ 200 (52.8/44.0)
lít (US gal./Imp gal.)	NQR71: ☐ 100 (26.4/22.0), ☐ 200 (52.8/44.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh		
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)
	: Camber	(độ)
	: Caster	(độ)
	: King pin	(độ)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh trước	kg (lb)	☐ 0.14 (0.30), ☐ 0.18 (0.40)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	☐ 75D23L (12 - 65) × 2 ☐ 80D26L (12 - 69) × 2
Máy khởi động	volt-kw	☐ 24 - 4.0, ☐ 24 - 4.5
Máy phát	volt/amp.	☐ 24/60, ☐ 24/80

Model NPS71

Động cơ	
Loại	4HG1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-4
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	M/T MY5T
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-7

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Cầu trước	
Dung tích nhớt cầu	Tham khảo trang 7-159

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	100 (26.4/22.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe			
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)	-2 to 2 (-0.08 đến 0.08)
	: Camber	(độ)	0°15'
	: Caster	(độ)	2°
	: King pin	(độ)	7°15'
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh trước		kg (lb)	0.11 (0.24)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh sau		kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện			
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	V	75D23L (12 - 65) × 2
		V	80D26L (12 - 69) × 2
Máy khởi động	volt-kw	V	24 - 4.0, V 24 - 4.5
Máy phát	volt/amp.	V	24/60, V 24/80

Model NQR81

Động cơ	
Loại	4HL1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-5
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	M/T MYY6S
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-8

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	☐ V 100 (26.4/22.0), ☐ V 200 (52.8/44.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe		
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)
	: Camber	(độ)
	: Caster	(độ)
	: King pin	(độ)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh trước	kg (lb)	0.18 (0.40)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	V 75D23L (12 - 65) × 2 V 80D26L (12 - 69) × 2
Máy khởi động	volt-kw	V 24 - 4.0, V 24 - 4.5
Máy phát	volt/amp.	V 24/60, V 24/80

Model NPS81

Động cơ	
Loại	4HL1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-5
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Model	M/T MY5T
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-7

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-157

Cầu trước	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-159

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] lít (US gal./Imp gal.)	100 (26.4/22.0)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-145
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái		
Độ rơ tay lái	mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] lít (US gal./ Imp gal.)		1.5 (0.40/0.33)

Bánh xe		
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)
	: Camber	(độ)
	: Caster	(độ)
	: King pin	(độ)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh trước	kg (lb)	0.11 (0.24)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh sau	kg (lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-102

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-105

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	V 75D23L (12 - 65) × 2 V 80D26L (12 - 69) × 2
Máy khởi động	volt-kw	V 24 - 4.0, V 24 - 4.5
Máy phát	volt/amp.	V 24/60, V 24/80

A

Nguồn phụ kiện (24V)	☐ V	5-18
Lọc gió		7-60
Lỗi bộ lọc gió	☐ V	7-189
Bộ sấy khô khí nén	☐ FAB	7-112
Hướng gió		5-2
Áp kế khí	☐ FAB	4-15
Bình chứa khí nén	☐ FAB	7-112
Phanh (ABS)	☐ V	4-86
Hệ thống (ASR)	☐ V	4-91
Gạt tàn	☐ V	5-20

B

Hộp chứa đồ (phía sau ghế tài xế)	☐ V	5-27
Trước khi lái xe		2-2
Đường ống dầu phanh	☐ HB	7-108
Phanh xe		7-92

C

Hộp chứa card		5-21
Giường	☐ V	3-15
Chở trẻ em		2-16
Lưu ý khi sử dụng xe nơi khí hậu lạnh		6-18
Lưu ý khi sử dụng xe nơi khí hậu nóng		6-17
Lưu ý khi đỗ xe		6-16
Thay bánh xe		7-128
Kiểm tra tình trạng xe trước khi vận hành		7-20
Núm mỗi thuốc	☐ V	5-16
Ly hợp	☐ M/T	7-141
Móc áo	☐ V	5-28
Công tắc tổ hợp đèn		4-47
Giá giữ ly	☐ V	5-26

D

Kiểm tra xe hằng ngày		7-18
Bộ xử lý khí thải (DPD)	☐ V	2-55, 4-120, 7-89
Xử lý dầu thải, lọc cũ		7-6
Lái xe		2-18
Phương pháp lái xe an toàn		6-2
Trống phanh		7-109

E

Hệ thống (EBD)		4-90
Tình trạng động cơ		7-22
Nước làm mát động cơ		7-36
Nhiệt độ nước làm mát động cơ		4-16
Nhớt động cơ		7-24
Công tắc phanh khí xả	☐ V	4-52
Ngoại thất		0-17
Bảo dưỡng ngoại thất		7-194

F

Dây đai	7-53
Bồn bánh chủ động (4WD)	☐ 2-33, 4-95
Nhớt cầu	7-158
Đèn sương mù trước	☐ 4-50
Lọc nhiên liệu	7-64
Phao nhiên liệu	4-17
Nắp thùng nhiên liệu	3-13
Tay lái điều chỉnh được	3-23

G

Cần chuyển số	4-63
Ra vào trong xe	3-8
Hộc chứa đồ bên trong xe	☐ 5-22
Hộc chứa đồ không có nắp che	☐ 5-23
Vị trí bôi trơn trên xe	7-169

H

Xử lý bình accu	7-181
Sử dụng con đội	7-172
Vệ sinh kết nước, bôi làm mát khí nạp	7-51
Công tắc đèn báo nguy	4-51
Chỉnh tiêu cự đèn	☐ 4-50
Đèn pha và đèn báo rẽ	7-180
Máy điều hòa trên xe	☐ 5-6
Móc treo	5-28
Nút còi	4-56
Hướng dẫn đọc các chỉ dẫn (bên trong xe)	4-10
Bôi trơn trục bánh xe	7-168
Bộ trợ lực phanh (HBB)	☐ 4-84

I

Núm điều chỉnh tốc độ cảm chừng	4-44
Kiểm tra và bảo dưỡng	7-203
Khoang kiểm tra	☐ 7-9
Nội thất	0-6
Đèn bên trong xe	5-14
Bảo dưỡng nội thất	7-197
Các loại dầu và chất bôi trơn	7-6

K

Chìa khóa xe	3-2
Chìa khóa có chip chống trộm	☐ 3-3

M

Thông số kỹ thuật	9-2
Nâng hạ kính cửa	☐ 3-12
Gương chiếu hậu	3-24
Hộp số bán tự động	SA 4-67
Bộ giới hạn tốc độ xe	☐ 2-62

O

Lái xe trên đường	6-3
Mở và đóng cửa	3-4

P

Phanh đỗ/ Phanh tay	7-105
Nấc cần phanh đỗ/ Phanh tay	4-59
Bàn đạp	4-58
Dầu trợ lực lái	7-165
Bộ trích công suất (PTO) ☐	4-100
Kính điện ☐	3-9
Lưu ý trước khi kiểm tra và điều chỉnh trên xe	7-4
Ngăn ngừa hỏng hóc trên đường	2-49

R

Nhớt cầu sau	7-155
Đèn sương mù sau ☐	4-51
Gas lạnh ☐	7-191
Thay cầu chì và rơle	8-53

S

Hệ thống dây đai an toàn và túi khí trên xe	
SRS ☐	2-62, 4-131
Túi phía sau lưng ghế tài xế	5-26
Túi chứa đồ	5-25
Ghế ngồi	3-17
Hộc chứa đồ	5-21
Dầu ly hợp hộp số bán tự động ☐	7-151
Hộp số bán tự động ☐	2-30
Bánh xe dự phòng	7-138
Đồng hồ tốc độ	4-12
Chìa khóa khởi động	4-42
Khởi động xe	4-4
Lưu ý an toàn	2-45
Tay lái	7-164
Dừng và đỗ xe	2-38
Tắt máy	4-8
Tấm che nắng ☐	5-15

T

Đồng hồ km xe	4-14
Nâng cabin	7-12
Đảo lớp xe	7-126
Hộp đồ nghề ☐	3-17
Dụng cụ	7-7
Nhớt hộp số phụ ☐	7-161
Nhớt hộp số	7-147
Khắc phục sự cố	8-2
Turbo tăng áp ☐	2-54

U

Nguồn USB	5-19
Đại xích bánh xe	6-23

V

Dữ liệu hoạt động của xe	2-66
Số khung xe (VIN) và số động cơ	1-2
Cửa gió ☐	5-4

W

Làm nóng máy ☐	4-46
Đèn cảnh báo và chỉ báo	4-20
Sơ đồ các đèn cảnh báo và chỉ báo	4-18
Kèn cảnh báo	4-40
Nhãn cảnh báo trên xe	0-21
Các chỉ mục	0-18
Bánh xe và lốp xe	7-113
Lái xe trên đường	8-92
Khi cầu chì đứt chậm bị đứt	8-90
Khi bình accu hết điện	8-13
Khi phanh xe không hoạt động	8-12
Khi bóng đèn không sáng	8-34
Khi động cơ quá nhiệt	8-29
Khi động cơ chết máy	8-11
<u>Xe chết máy khi đang vận hành</u>	<u>8-10</u>
Khi cạn nhiên liệu	8-16
Khi đồng hồ taplo bị trục trặc	8-31
Bảo dưỡng xe tại đại lý	2-51
Kéo xe	8-93
Biện pháp xử lý khi xe bị tai nạn trên đường	8-92
Nước rửa kính	7-176